

Lá Bài Thứ XII

Contents

Lá Bài Thứ XII	2
1. Chương 1	2
2. Chương 2	6
3. Chương 3	14
4. Chương 4	20
5. Chương 5	27
6. Chương 6	36
7. Chương 7	46
8. Chương 8	52
9. Chương 9	58
10. Chương 10	69
11. Chương 11	78
12. Chương 12	84
13. Chương 13	90
14. Chương 14	94
15. Chương 15	99
16. Chương 16	105
17. Chương 17	118
18. Chương 18	126
19. Chương 19	132
20. Chương 20	136
21. Chương 21	144
22. Chương 22	149
23. Chương 23	154
24. Chương 24	159
25. Chương 25	162
26. Chương 26	165
27. Chương 27	172
28. Chương 28	182
29. Chương 29	191
30. Chương 30	196
31. Chương 31	201
32. Chương 32	205
33. Chương 33	211
34. Chương 34	219
35. Chương 35	225
36. Chương 36	230
37. Chương 37	242
38. Chương 38	246
39. Chương 39	251
40. Chương 40	256
41. Chương 41	258

42. Chương 42	261
43. Chương 43	263
44. Chương 44	267
45. Chương 45	270

Lá Bài Thứ XII



Giới thiệu

Bất cứ điều gì cũng có nguyên nhân và nguồn gốc của nó. Không có gì là ngẫu nhiên cả. Quá khứ, h

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/la-bai-thu-xii>

1. Chương 1

Khuôn mặt thấm đẫm mồ hôi và nước mắt, người đàn ông bỏ chạy vì tự do, chạy vì cuộc sống của mình.

“Bên này! Hẩn chạy bên này!”

Người cự nộ lệ không biết chính xác tiếng nói vọng đến từ phía nào. Đằng sau? Bên phải hay bên trái? Hay từ nóc của một trong những căn nhà chung cư cũ nát trải dài trên những con phố rải sỏi bẩn thỉu ở đây?

Giữa bầu không khí thán Bầy nóng nực và đặc quánh như dầu lỏng, người đàn ông có thân hình săn chắc nhảy qua một đồng phân ngựa. Xe quét đường không đi qua đây, không đến khu vực này của thành phố. Charles Singleton dừng lại bên những chiếc thùng tròn được xếp chồng lên nhau trên một tấm gỗ nâng hàng, cố lấy lại hơi thở.

Tiếng nổ giòn của một khẩu súng ngắn vang lên. Viên đạn bay trượt mục tiêu. Âm thanh sắc gọn đó ngay lập tức kéo ông trở lại cuộc chiến: Đó là khoảng thời gian điên cuồng tuyệt vọng khi ông mặc bộ quân phục bẩn thỉu và đầy bụi màu xanh da trời, cố thủ, giữ vững khẩu súng trường nặng nề, nhắm về phía những người đàn ông trong bộ quân phục xám xịt, cũng đầy bụi và đang chĩa vũ khí về phía mình.

i chạy nhanh hơn nữa. Họ lại nổ súng. Những viên đạn lại trượt.

“Ai đó hãy tóm hẩn ta lại! Năm đồng vàng cho người nào bắt được hẩn.”

Nhưng số người ít ỏi trên phố vào buổi sớm này - hầu hết đều là những người Ireland lượm vãi vụn và làm thuê kéo nhau đi làm cùng xô và cuốc trên vai - chẳng có chút gì là muốn ngăn cản người đàn ông da đen với đôi mắt dữ dằn và những cơ bắp to khỏe với cái quyết tâm đáng sợ như vậy. Về phần thưởng, được hét lên từ miệng một viên cảnh sát của thành phố, cũng có nghĩa là sẽ chẳng có một xu nào đằng sau lời hứa ấy cả.

Trên con phố 23, Charles rẽ sang hướng tây. ông trượt chân vì giẫm phải những viên sỏi và ngã bổ nhào. Một viên cảnh sát cười ngửa chạy vòng qua góc phố, giơ cao chiếc dùi cui, lao tới người đàn ông đang loạng choạng. Và rồi...

Và? Cô nghĩ.

Và?

Chuyện gì đã xảy ra với ông ấy?

Geneva Settle - cô gái mười sáu tuổi xoay chiếc nút trên chiếc máy đọc vi phim một lần nữa nhưng nó không hề di chuyển, cô đã di chuyển tới đoạn cuối cùng trong tấm vi phim này. Cô nhắc cái vật hình chữ nhật bằng kim loại lưu giữ bài báo nổi bật nhất trong ấn bản ngày 23 tháng 7 năm 1868 của Tuần báo Minh họa dành cho người da màu. Lướt nhanh qua những khung đựng các tấm vi phim trong một chiếc hộp bụi bặm, cô lo rằng những trang còn lại của bài báo đã biến mất và cô sẽ không bao giờ tìm ra được chuyện gì đã xảy ra với ông tổ của mình, Charles Singleton. Cô biết các lưu trữ lịch sử về những người da đen thường không đầy đủ, nếu không nói là bị thất lạc mãi mãi.

Phần còn lại của câu chuyện nằm ở đâu?

A... Cuối cùng thì cô đã tìm thấy nó và ráp miếng đựng vi phim vào chiếc máy đọc méo mó màu xám một cách cẩn thận, vội vã xoay chiếc nút để tìm đoạn tiếp theo trong cuộc trốn chạy của Charles.

Trí tưởng tượng phong phú và đầy màu sắc của Geneva, cùng hàng năm trời vui mình trong những quyển sách đã giúp cô có thể tái hiện lại một cách sống động những tình tiết trong tài liệu lưu giữ về cuộc chạy trốn của người cựu nô lệ trên những con phố bẩn thỉu và nóng bức của New York thế kỷ XIX từ một tạp chí. Đến nỗi cô cảm thấy như mình đang ở đó, chứ không phải nơi đang ngồi ngay lúc này: Gần một trăm bốn mươi năm sau, trên thư viện vắng vẻ ở tầng năm của Bảo tàng Văn hóa và Lịch sử Mỹ - Phi, nằm trên con phố 55, Midtown Manhattan.

Cứ mỗi lần cô xoay chiếc nút, các trang báo lại chạy qua trên màn hình tinh thể. Geneva đã tìm phần còn lại của bài báo, được đề tit:

MỘT NỖI Ô NHỤC

GHI CHÉP VỀ TỘI LỖI CỦA KẺ ĐÃ TỪNG LÀ NÔ LỆ,

CHARLES SINGLETON, CỰU BINH NỘI CHIẾN,

PHẢN BỘI LẠI SỰ NGHIỆP CỦA NHỮNG NGƯỜI DA ĐEN CHÚNG TA BẰNG MỘT SỰ VỤ ĐẦY TAI TIẾNG

Trong bức ảnh đi kèm với bài báo là Charles Singleton, hai mươi tám tuổi, trong quân phục thời Nội chiến. Dáng người cao ráo, đôi bàn tay to, bộ quân phục bó sát ngực và cánh tay cho thấy những cơ bắp mạnh mẽ. Đôi môi dày, xương gò má cao, đầu tròn và làn da sẫm màu.

Nhìn chằm chằm vào khuôn mặt nghiêm nghị, sự bình thản, đôi mắt sắc, cô gái tin rằng có một sự tương đồng giữa cô và ông ấy - cô có cái đầu và khuôn mặt của tổ tiên mình, những đường nét rõ ràng là của ông ấy và cả màu da nữa, mặc dù không có một chút nào vóc dáng vạm vỡ và mạnh mẽ. Geneva Settle mảnh khảnh, gầy còm như một cậu bé tiểu học, giống như những gì các cô gái của Dự án Delano vẫn thích thú nhận xét.

Cô bắt đầu đọc thêm một lần nữa, bỗng có một tiếng động vang lên đột ngột.

Một tiếng “cách” trong căn phòng. Tiếng chốt cửa?

Rồi cô nghe thấy tiếng những bước chân. Dừng lại.

Bước tiếp. Rồi im lặng. Cô liếc nhanh ra sau, không một bóng người.

Cô rùng mình, nhưng lại tự nhủ đừng quá hoảng sợ. Chỉ có những ký ức tồi tệ khiến cô cảm thấy bị kích động và sợ hãi: Đó là khi cô bị những nữ sinh Delano đánh trên sân phía sau của trường trung học Langston Hughes, và đó là khi Tonya Brown cùng nhóm của cô ta ở khu nhà Thánh Nicholas lôi cô vào một căn hẻm

nhỏ, rồi đâm mạnh đến nỗi cô bay mất cả một chiếc răng hàm. Mấy đứa con trai là những kẻ sàm sỡ, khinh miệt và làm tổn thương bạn. Nhưng chính những đứa con gái mới làm bạn phải chảy máu.

Chém chết nó đi, chém, chém chết con chó cái...

Lại những bước chân. Lại dừng lại.

Im lặng.

Không khí nơi này không mang lại cho cô cảm giác an toàn. Lờ mờ, ẩm mốc và tĩnh mịch. Và chẳng có ai ở đây cả, nhất là khi mới 8 giờ 15 phút sáng thứ Ba. Bảo tàng vẫn chưa mở - những du khách vẫn còn đang ngái ngủ hay đang ăn sáng - thư viện thì mở cửa từ lúc 8 giờ. Geneva đã đứng đợi ở đó từ trước khi họ mở cửa, cô đã rất háo hức được đọc bài báo. Lúc này đây, cô đang ngồi trong căn phòng nhỏ tách biệt ở phía cuối phòng trưng bày lớn, nơi có những ma nơ canh với khuôn mặt vô cảm trong các trang phục thế kỷ XIX, các bức tường được phủ kín bởi các bức tranh về những người đàn ông trong chiếc mũ kỳ quái, những người phụ nữ đầu đội mũ bê rê, và mấy con ngựa với những cẳng chân yếu ớt gầy guộc.

Một bước chân. Lại một khoảng im lặng.

Cô nên rời khỏi đây? Có nên ra chỗ tiến sĩ Barry – thủ thư - cho đến khi kẻ kỳ quái này biến mất?

Và rồi vị khách thứ hai của thư viện cất tiếng cười.

Không phải tiếng cười quái dị, mà là một tiếng cười vui vẻ.

Anh ta nói: “Được rồi. Tôi sẽ gọi lại sau”.

Tiếng chiếc điện thoại gấp lại. Đó là lý do tại sao anh ta bước từng bước, dừng lại, chỉ để lắng nghe người ở đầu dây bên kia.

Đã bảo đừng có lo sợ, nhóc. Người ta thường không có gì là nguy hiểm khi cười. Họ chẳng có vẻ gì là nguy hiểm khi nói chuyện một cách thân thiện trên điện thoại. Anh ta đi thật chậm rãi chỉ bởi vì đó là điều mà người ta vẫn thường làm khi họ nói chuyện - dù đó có là một kẻ bất lịch sự khi nói chuyện điện thoại trong thư viện? Geneva quay trở lại với màn hình chiếc máy đọc vi phim và tự hỏi: “Ông đã thoát ra khỏi đó chưa, Charles? Cháu hy vọng là ông đã làm được”.

Tuy nhiên ông đã lấy lại được thăng bằng, và thay vì thừa nhận tội lỗi của mình, như một người đàn ông can đảm sẽ làm, ông tiếp tục cuộc trốn chạy hèn nhát.

Thế là quá nhiều đối với một bài báo khách quan, cô nghĩ một cách tức giận.

Trong một thời gian ngắn, ông đã tránh được những kẻ truy bắt. Nhưng cũng chỉ là một lúc thôi. Một người giao hàng da đen trên hành lang đã nhìn thấy và cầu xin ông hãy dừng lại, nhân danh công lý, quả quyết rằng ông ta đã nghe tới hành động ngu ngốc của Singleton và quả trách ông vì đã gây ra nỗi ô nhục cho những người da màu trên khắp đất nước. Ngay sau đó, một công dân, Walker Loakes, đã ném một hòn gạch về phía Singleton nhằm đánh ngã ông. Tuy nhiên,...

Charles lách mình né tránh và quay sang phía người đàn ông, hét lên: “Tôi vô tội. Tôi không hề làm những chuyện mà cảnh sát nói.”

Trí tưởng tượng của Geneva lại ngập đầy các hình ảnh sống động từ những dòng chữ đang viết ra câu chuyện một lần nữa.

Nhưng Loakes sự phản kháng của Singleton, chạy vào con phố, báo cho cảnh sát rằng kẻ trốn chạy đang bị dồn về phía cầu tàu.

Trái tim như bị xé toạc ra, trong tâm trí ông giờ đây là hình ảnh của Violet và đứa con trai Joshua, người cự nộ lệ lại tiếp tục cuộc trốn chạy liều lĩnh vì tự do của mình.

Chạy hết sức, chạy hết tốc lực...

Ở phía sau ông là tiếng vó ngựa lớn dần của viên cảnh sát. Và phía trước, những kỵ sĩ khác được dẫn đầu bởi một cảnh sát mang mũ sắt tay khua khẩu súng ngắn xuất hiện. “Dừng lại! Dừng lại ngay, Charles Singleton! Thám tử William Simms đây, ta đã phải tìm kiếm người hai ngày nay rồi.”

Người cự nê lệ làm theo mệnh lệnh. Đôi vai rộng lớn của ông chùng xuống, những cánh tay mạnh mẽ buông xuôi, ngực nặng như thể mắc nghẹn cái không khí ẩm ướt, hôi thối bên dòng sông Hudson. Ở cách đó không xa là trụ sở thuyền kéo, và ông thấy những chiếc cột buồm vươn lên dập dềnh trên dòng sông, có đến hàng trăm chiếc, đang khiêu khích ông với lời hứa về sự tự do. Ông thở hổn hển, dựa vào tấm biển lớn của Công ty Vận tải Swiftsure. Charles nhìn chăm chăm vào viên sĩ quan đang áp sát mình cùng tiếng móng ngựa lộc cộc khua trên nền sỏi.

“Charles Singleton, người đã bị bắt vì tội ăn trộm. Người sẽ đầu hàng hay buộc ta phải sử dụng vũ lực. Dù có làm gì thì cuối cùng người cũng sẽ phải tra tay vào còng thôi. Hãy đầu hàng và người sẽ không phải chịu một chút đau đớn nào hết. Nếu chống cự thì người sẽ là kẻ phải đổ máu mà thôi. Quyền lựa chọn là của người.”

“Tôi đã bị buộc cái tội mà mình không hề thực hiện!”

“Ta nhắc lại: đầu hàng hay là chết. Người chỉ có quyền lựa chọn một trong hai mà thôi.”

“Không, thưa ngài, tôi có một sự lựa chọn khác”, Charles hét lên. Ông tiếp tục cuộc trốn chạy của mình - hướng tới cầu tàu.

“Đứng lại nếu không ta sẽ bắn!” Thám tử Simms nói.

Nhưng người đàn ông đã nhảy bật qua rào chắn của cầu tàu dững mãnh như một chú ngựa xông lên vọt qua rào trong một bước nhảy, ông dường như khựng lại trên không một khoảnh khắc rồi lộn nhào gần mười mét xuống dòng nước đục ngầu của dòng sông Hudson, lấm bầm một vài tiếng, có lẽ là một lời cầu nguyện Chúa Jesus, có thể là lời nói với vợ và con trai, dù có là gì đi nữa thì những kẻ truy bắt có lẽ chẳng thể nào nghe thấy được.

Gã đàn ông bốn mươi một tuổi tên là Thompson Boyd tiến lại gần cô gái từ khoảng cách so với chiếc máy đọc vi phim chừng mười lăm mét.

Hắn kéo chiếc mũ len trùm qua khuôn mặt, chỉnh những lỗ mắt và mở ổ của khẩu súng ngắn để bảo đảm rằng nó không bị kẹt. Hắn đã có thể kiểm tra nó trước đó, nhưng trong việc này, không có gì là chắc chắn cả. Hắn nhét khẩu súng vào túi và kéo chiếc dùi cui ra, nhét vào trong chiếc áo mưa tối màu.

Hắn đang đứng ở giữa những giá sách trong sảnh trưng bày trang phục, chúng là vật ngăn duy nhất giữa hắn và những chiếc bàn máy đọc vi phim. Hắn đưa những ngón tay trong lớp găng cao su lên ấn vào mắt, mắt hắn đau nhói, nhất là vào buổi sáng ngày hôm nay. Hắn chớp mắt vì cơn đau.

Hắn nhìn quanh căn phòng một lần nữa, bảo đảm rằng nó hoàn toàn không còn ai khác.

Không có bảo vệ ở đây, ở tầng dưới cũng không có. Không có camera an ninh hay tờ mẫu đăng ký vào thư viện. Tất cả đều tốt. Nhưng vẫn có một số vấn đề. Căn phòng lớn hoàn toàn im ắng, im ắng một cách chết chóc. Thompson không thể tiếp cận được cô gái. Cô ta sẽ biết là có ai khác trong phòng rồi có thể sẽ đề phòng cảnh giác.

Do vậy, sau khi bước vào thư viện từ phía bên này và khóa cánh cửa phía sau lại, hắn đã cười, một nụ cười thâm. Thompson Boyd đã không cười từ lâu lắm rồi. Nhưng hắn cũng là một kẻ chuyên nghiệp để có thể hiểu được sức mạnh của sự hài hước - và cả cách tận dụng sự hài hước để có lợi thế trong công việc này. Một tiếng cười - đi kèm với một lời tạm biệt vui vẻ, hòa nhã và tiếng điện thoại đóng lại - sẽ khiến cô gái yên tâm và thở phào nhẹ nhõm, hắn cho là vậy.

Dường như mảnh khốe này đã có tác dụng. Hắn nhìn nhanh quanh những hàng giá sách dài và thấy cô gái, đang chăm chú nhìn vào màn hình chiếc máy đọc vi phim. Bàn tay của cô ở hai bên như siết chặt và lại lỏng ra một cách đầy lo lắng với những gì đang đọc.

Hắn bắt đầu tiến về phía trước.

Rồi dừng lại. Cô gái đang đứng dậy ra khỏi bàn. Hắn nghe thấy tiếng chiếc ghế cô ngồi trượt trên thảm phủ sàn. Cô đang đi đâu đó. Rời khỏi đây chẳng? Không. Hắn nghe thấy tiếng nước chảy từ vòi bình nước uống và tiếng cô uống từng ngụm. Rồi sau đó hắn nghe thấy tiếng loạt xoạt của những cuốn sách được lôi ra khỏi kệ và xếp chồng lên nhau trên chiếc bàn đặt máy đọc vi phim. Im lặng và cô trở lại với những chồng

sách một lần nữa, lấy thêm nhiều hơn. Thịch một tiếng khi cô đặt chúng xuống. Cuối cùng, hắn nghe thấy tiếng rít khi cô kéo ghế ngồi xuống một lần nữa. Rồi im lặng.

Thompson nhìn lại một lần nữa. Cô đã trở về ghế của mình, đang đọc một cuốn từ trong cả đồng sách xếp chồng lên ở phía trước mặt.

Tay trái cầm chiếc túi đựng bao cao su, dao cạo râu và băng keo, còn tay phải là chiếc dùi cui, hắn lại bắt đầu tiến về phía cô.

Hắn đang dần dần tiến tới đằng sau cô gái, sáu mét... bốn mét rưỡi, hắn nín thở thật khế.

Ba mét. Ngay cả khi cô bất thành linh chạy trốn, lúc này đây hắn cũng có thể lao tới và tóm cô lại - đập vỡ đầu gối hay làm cô choáng váng bằng một cú đánh vào đầu.

Hai mét một, rồi một mét rưỡi...

Hắn dừng lại rồi nhẹ nhàng đặt cuộn băng dính lên kệ sách. Lấy chiếc dùi cui ra bằng cả hai tay. Bước lại gần hơn, giơ cao chiếc gậy bằng gỗ sồi được đánh vernis sáng bóng.

Vẫn mê mải với cuốn sách, cô đọc một cách say sưa, quên hết cả xung quanh cùng mối nguy hiểm từ kẻ tấn công chỉ cách một gang tay phía sau. Thompson vung chiếc gậy xuống bằng tất cả sức mạnh, nhắm vào đỉnh chiếc mũ len của cô gái.

Rắc...

Bàn tay hắn nhói đau khi chiếc dùi cui đập vào đầu cô gái với một âm thanh gọn nhẹ trông rõ ràng.

Nhưng có một cái gì đó không đúng. Âm thanh ấy, và cảm giác đau đớn đã biến mất. Điều gì đang xảy ra vậy?

Thompson Boyd nhảy giật lùi lại phía sau khi cái xác đổ sụp xuống sàn.

Và văng ra thành nhiều mảnh.

Phần thân của một ma nơ canh rơi một đằng, phần đầu rơi một nẻo. Thompson nhìn chăm chăm một lúc. Hắn khẽ liếc qua bên cạnh mình và thấy chiếc áo dài khiêu vũ choàng lên phần thân dưới của chính cô ma nơ canh này - một phần của gian trưng bày trang phục phụ nữ thời kỳ Tái thiết ở Mỹ.

Không...

Không biết bằng cách nào, cô đã nghĩ rằng hắn là một mối đe dọa. Rồi cô đã đi lấy thêm một vài quyển sách từ trên kệ như một cái cớ để đứng dậy, và để tháo rời thân thể của ma nơ canh. Cô gái đã choàng cho nó chiếc áo và chiếc mũ len trùm của mình rồi dựa nó ngồi trên ghế.

Nhưng cô đâu rồi?

Tiếng chân bước vội vã đã cho Thompson câu trả lời. Hắn đã nghe thấy tiếng cô tháo chạy về phía cửa thoát hiểm. Hắn thả chiếc dùi cui vào trong áo mưa và rút ra khẩu súng, bắt đầu cuộc truy đuổi.

2. Chương 2

Geneva Settle đang chạy.

Chạy trốn. Giống như Charles Singleton.

Thở dốc. Như Charles.

Nhưng Geneva chắc chắn rằng mình chẳng có chút phẩm chất nào mà ông tổ của cô đã thể hiện trong cuộc trốn chạy cảnh sát một trăm bốn mươi năm về trước. Geneva khóc thổn thức, kêu cứu và trượt chân vào một bức tường trong cảm giác sợ hãi và đẩy kích động, làm xước cả mu bàn tay.

Bên này nó chạy bên này, cái con nhỏ thó gầy trơ xương... Bắt lấy nó!

Ý nghĩ về cái thang máy làm cô khiếp sợ, cảm giác như bị sập bẫy. Bởi vậy cô đã chọn cầu thang thoát hiểm. Lao hết tốc lực đập thật mạnh vào cánh cửa, cô làm mình choáng váng, ánh sáng vàng chói lóa ập vào mắt, cô vẫn tiếp tục chạy. Geneva nhảy vọt từ chiều nghỉ xuống đến tầng bốn, giật mạnh cái núm cửa. Nhưng đây là cửa an toàn và nó không mở được từ phía cầu thang. Cô sẽ phải dùng cửa ở tầng trệt.

Geneva lại tiếp tục chạy xuống, thở dốc. Tại sao?

Tại sao hần lại săn đuổi mình? Cô tự hỏi.

Con chó cái nhỏ thó đen như bánh Oreo chẳng có thời gian cho lũ chúng ta đâu...

Khẩu súng... Đó là thứ khiến cô nghi ngờ. Geneva Settle chẳng phải thành viên một băng đảng du thủ du thực nào cả, nhưng chắc chắn là bạn sẽ không thể là một học sinh trường trung học Langston Hughes ở trung tâm Harlem này mà chưa từng nhìn thấy ít nhất một vài khẩu súng trong cuộc đời mình. Khi cô nghe thấy cái tiếng “cách” đặc trưng không lẫn vào đâu được - thực sự khác hẳn tiếng điện thoại gấp lại - cô đã tự hỏi liệu có phải kẻ đang cười ấy chỉ đang giả vờ, đó sẽ là một rắc rối. Bởi vậy, cô đã đứng dậy như bình thường, uống một ngụm nước, sẵn sàng vùng chạy. Nhưng cô đã khê liếc trộm qua những chồng sách và thấy được chiếc mũ len trùm bịt mặt. Cô đã nhận ra rằng chẳng có cách nào để đi qua hần tới cánh cửa trừ khi khiến hần phải tập trung vào chiếc bàn máy đọc vi phim. Cô đã chồng những quyển sách với những tiếng động lớn rồi sau đó lột quần áo của một ma nơ canh gần đó, mặc cho nó chiếc mũ và chiếc áo len của mình, để nó ngồi dựa trên chiếc ghế trước bàn máy đọc vi phim. Rồi cô đợi, đến khi hần lại gần, và cô khê trườn qua khi hần ở đó.

Đánh nó một trận, đánh con chó cái...

Geneva giờ đây lao vào một cuộc trốn chạy khác.

Tiếng chân bước ở phía trên. Lạy Chúa Jesus, hần đang đuổi theo! Hần đã lao vào cầu thang phía sau cô và giờ đây thì chỉ cách cô có một chiều nghỉ mà thôi. Nửa chạy, nửa bước, đôi chân loạng choạng, Geneva ôm chặt bàn tay trầy xước, hướng thật nhanh xuống cầu thang trong lúc tiếng bước chân của hần mỗi lúc một gần hơn.

Ở gần tầng trệt cô nhảy vọt qua bốn bậc cầu thang xuống nền bê tông. Trượt chân ở dưới và cô lao sầm vào bức tường nham nhở. Co rúm lại vì đau, cô gái mới lớn cố gắng đứng dậy, lắng nghe tiếng chân của kẻ truy đuổi, nhìn thấy bóng hần trên những bức tường.

Geneva nhìn về phía chiếc cửa thoát hiểm. Cô thở hổn hển, mồm há hốc khi nhìn thấy sợi xích quấn quanh thanh nắm cửa.

Không, không, không... Sợi xích ở cửa thoát hiểm là bất hợp pháp, chắc chắn là vậy. Nhưng điều đó không có nghĩa là những người quản lý bảo tàng sẽ không có một cánh cửa như vậy để ngăn ngừa những tên trộm. Hoặc có thể là chính cái gã đàn ông này đã quấn sợi xích vào đó, để phòng khi cô chạy trốn theo lối này. Và giờ cô ở đây, kẹt cứng trong cái cái hốc bê tông tăm tối này. Nhưng liệu sợi xích ấy đã thực sự khóa chặt cánh cửa hay không?

Chỉ có một cách duy nhất để tìm ra câu trả lời. Tiến lên nào, nhóc!

Geneva đẩy thật mạnh và đâm vào thanh nắm cửa.

Cánh cửa bung ra.

Ồi, cảm ơn...

Bỗng một âm thanh ầm ĩ chói vào tai cô, cơn đau gào rít trong tâm trí. Cô hét lên. Cô đã bị bắn vào đầu rồi ư? Nhưng cô nhận ra rằng đó chỉ là tiếng chuông báo động, nó đang gào ré lên giống như những đứa em họ sơ sinh nhỏ xíu của Keesh. Rồi cô đi vào hành lang, sập mạnh cánh cửa phía sau, tìm con đường tốt nhất để chạy trốn, bên phải, bên trái...

Đẩy nó, đánh nó đi, đánh chết con chó cái...

Cô chọn bên phải và loạng choạng chạy rẽ vào con phố 55, len vào dòng người đông đúc đang trên đường đi làm, kéo theo ánh nhìn ái ngại của một số người, và sự lo lắng của những người khác. Hầu hết họ lơ đi cô gái với vẻ mặt đầy phiền phức. Rồi, từ phía sau, cô nghe thấy tiếng rít của chuông báo động to dần lên khi kẻ tấn công đẩy cánh cửa một cách thô bạo. Hắn sẽ chuồn hay là tiếp tục theo đuổi cô?

Geneva chạy lên phố đến chỗ Keesh, cô gái đứng trên vỉa hè, tay đang giữ hộp cà phê Hy Lạp từ một cửa hàng bán đồ ăn sẵn và đang cố để châm điếu thuốc trong gió. Cô bạn cùng lớp với làn da màu cà phê mocha – với lớp trang điểm tỉ mỉ, nổi bật màu tím và những lọn tóc giả vàng óng - bằng tuổi Geneva, nhưng cái đầu thì tròn và dài hơn, lại thẳng trông như một cái trống, cô ấy tròn trịa ở những chỗ cần thiết, với bộ ngực to và vòng eo gợi cảm của những cô gái chơi hip hop, và một vài thứ khác nữa... Cô gái đã đứng đợi từ trước ở trên phố, chẳng có chút gì thích thú với cái bảo tàng - hay bất cứ một tòa nhà nào cả, bởi vì cái lý do: Quy định không hút thuốc.

“Gen!” Cô bạn ném cốc cà phê xuống đường và chạy tới. “Sao vậy? Làm gì mà nhìn sợ hãi vậy?”

“Gã đó...” Geneva thở dốc, cảm thấy buồn nôn. “Cái gã ở trong bảo tàng, hắn tấn công tớ.”

“Chết tiệt, không thể!” Lakeesha nhìn quanh. “Hắn ở đâu?”

“Tớ không biết. Hắn ở phía sau.”

“Bình tĩnh lại nào, nhóc. Rồi sẽ ổn thôi. Rồi khỏi đây nào. Nhanh lên, chạy đi.” Cô gái to lớn - vượt xa tất cả những bạn khác trong giờ học thể chất và đã hút thuốc được hai năm - bắt đầu đi thật nhanh hết mức có thể, thở dốc và hai cánh tay vung vẩy ở hai bên.

Nhưng họ chỉ đi được nửa dãy phố trước khi Geneva bước chậm lại. Rồi cô dừng hẳn. “Khoan đã...”

“Cậu đang làm gì vậy, Gen?”

Nỗi sợ hãi đã biến mất. Thay vào đó là một cảm xúc hoàn toàn khác.

“Cố lên nào, nhóc.” Keesh nói, thở hổn hển. “Nhắc cái mông lên nào.”

Dù vậy, Geneva Settle đã quyết định. Nổi tức giận chính là cảm xúc thay thế nỗi sợ hãi. Cô nghĩ: Hắn sẽ không bỏ cuộc như vậy. Cô gái quay lại, liếc nhanh trên rồi dưới con phố. Cuối cùng, cô đã thấy thứ mà mình đang kiếm tìm, ở gần phía cửa vào hành lang mà cô vừa chạy ra khỏi đó. Cô bắt đầu quay ngược lại phía ấy.

Cách bảo tàng Mỹ - Phi một dãy nhà, Thompson Boyd thôi không chạy xuyên qua dòng người đông đúc vội vã trong giờ cao điểm. Thompson có vóc dáng trung bình. Trên mọi khía cạnh. Một mái tóc hơi nâu, cân nặng trung bình, chiều cao trung bình, khuôn mặt đẹp trung bình, ưa nhìn, trông khá khỏe mạnh. (Khi ở trong tù, hắn được biết đến với biệt danh là Joe Trung bình.) Mọi người thường có xu hướng nhìn thấy ngay điều đó ở hắn.

Nhưng một người đàn ông chạy qua những con phố trung tâm Midtown sẽ thu hút sự chú ý của mọi người trừ khi anh ta đang vội vã trên đường tới điểm dừng xe buýt, một chiếc taxi hay tới nhà ga. Bởi vậy, hắn trở về với nhịp độ bình thường chậm rãi. Nhanh chóng biến mất vào đám đông, chẳng một ai để tâm đến.

Khi đèn ở Đại lộ 6 và phố 53 vẫn còn đỏ, hắn do dự. Thompson đã quyết định. Hắn luồn chiếc áo mưa và vắt nó lên cánh tay, dù thế, vẫn bảo đảm rằng những vũ khí hắn mang theo vẫn ở trong tầm với. Hắn quay ngược lại và bắt đầu hướng về phía bảo tàng.

Thompson Boyd là một kẻ chuyên nghiệp, luôn làm mọi thứ theo sách vở, có vẻ như là cái điều hắn đang làm lúc này - quay trở lại hiện trường vụ tấn công bất thành - không phải là một ý nghĩ thông minh cho lắm, bởi chẳng có gì phải nghi ngờ là cảnh sát sẽ sớm có mặt ở đó.

Nhưng hắn cũng đã biết rằng chính những lần như thế này, với cảnh sát ở xung quanh, thì cũng là lúc mà mọi người cảm thấy an tâm nhất và mất đi cảnh giác, bị ru vào sự bất cẩn. Đó thậm chí là lúc ta có thể tiếp cận họ gần hơn bất cứ lúc nào khác. Người đàn ông với vóc dáng trung bình lúc này thông dong bước qua những đám đông và hướng tới bảo tàng, như một khách bộ hành, Joe Trung bình trên đường tới công sở.

Nó chẳng gì hơn một phép màu.

Ở đâu đó trong não bộ và cơ thể, một sự kích thích, cả về thể xác lẫn tinh thần, xuất hiện, tôi muốn nhấc cái cốc lên, tôi phải thả cái chảo đang nóng bỏng rẫy những ngón tay tôi. Sự kích thích ấy tạo ra một thôi thúc thần kinh, chạy dọc theo màng các tế bào thần kinh trên khắp cơ thể. Không như hầu hết mọi người vẫn nghĩ, sự thôi thúc ấy không phải đơn thuần là các tín hiệu điện, đó là một con sóng được tạo ra khi bề mặt của các tế bào thần kinh di chuyển cục bộ từ cảm xúc tích cực sang trạng thái tiêu cực. Sức mạnh của sự thôi thúc này không bao giờ khác - nó vừa tồn tại vừa không - và nó di chuyển nhanh, hai trăm năm mươi dặm một giờ.

Sự thôi thúc ấy đi đến đích của nó - các cơ bắp, các tuyến và các cơ quan, rồi sau đó phản hồi lại, giữ cho trái tim của chúng ta đập, phổi thì phập phồng, cơ thể thì nhảy múa, bàn tay trồng những bông hoa, viết những lá thư tình và điều khiển những con tàu vũ trụ.

Một phép màu.

Trừ khi có một cái gì đó không ổn. Nói như là, trừ khi bạn là chỉ huy của một đơn vị Khám nghiệm hiện trường, truy tìm hiện trường vụ giết người ở một điểm xây dựng đường tàu điện ngầm, và một thanh xà sụp xuống vào cổ, đánh gãy đốt sống cổ số bốn - nghĩa là có bốn cái xương bị đánh sập ở vị trí xương nền sọ. Đó là điều đã xảy ra với Lincoln Rhyme vài năm trước.

Khi một việc kiểu như vậy xảy ra, tất cả mọi thứ sẽ sụp đổ

Kể cả nếu như cú đánh không phá hủy hoàn toàn thần kinh tủy sống, máu chảy lênh láng, áp lực tăng lên và dồn ứ, làm chết đói những tế bào thần kinh. Tất cả hợp lại tạo thành sự phá hủy, khi những neuron thần kinh chết - vì một lý do nào đó không biết được - nó tiết ra một axit amino độc, thậm chí còn giết nhiều neuron thần kinh hơn nữa. Cuối cùng, nếu như nạn nhân còn sống sót, mô sẹo sẽ lấp đầy chỗ trống quanh các dây thần kinh trông như là cát bụi phủ đầy trong một nắm mồ - một phép ẩn dụ phù hợp hoàn cảnh, khác với các tế bào thần kinh còn lại trong cơ thể, bởi những neuron thần kinh ở não và trong tủy sống sẽ không tái sản xuất nữa. Một khi đã chết, chúng sẽ đông cứng mãi mãi.

Trải qua những “tai nạn kinh hoàng” như vậy, cách mà những y bác sĩ rất tế nhị gọi một số bệnh nhân, chỉ những người may mắn, nhận ra rằng các neuron thần kinh làm nhiệm vụ kiểm soát, chi phối các cơ quan, bộ phận thiết yếu cần cho sự sống như tim, phổi còn tiếp tục hoạt động, và họ còn sống.

Hoặc có thể họ nằm trong số những người kém may mắn.

Bởi vì có nhiều người mong ước rằng thà trái tim của họ ngừng đập và sớm lạnh giá, giải thoát họ khỏi những căn bệnh nhiễm trùng, những vết lở loét và co cứng cơ. Cũng là giải thoát họ khỏi sự tấn công của bệnh mất phản xạ tự động mà nó có thể dẫn đến đột quỵ. Giải thoát họ khỏi những cơn đau rã rạc, kỳ lạ vô hình và không có thật, mà cảm giác thì rất thật nhưng chủ nhân của những cơn đau giằng xé ấy lại không thể bị tê liệt bởi aspirin hay morphine.

Đó là còn chưa kể đến một sự thay đổi cuộc sống hoàn toàn: Các chuyên gia vật lý trị liệu, những người giúp việc rời cả quạt gió và những chiếc ống thông tiểu, tã lót dành cho người lớn, sự phụ thuộc... Tất nhiên là cả sự tuyệt vọng chán nản...

Một số người rơi vào những hoàn cảnh kiểu như thế này chỉ biết từ bỏ và tìm đến cái chết. Tự tử luôn là một lựa chọn, dù cho không hề dễ dàng chút nào. (Thử cố tự tử xem nếu tất cả những gì bạn có thể làm được chỉ là nhúc nhích cái đầu của mình.)

Nhưng có những người khác thì sẽ chiến đấu lại.

“Đủ chưa?”, người đàn ông trẻ mảnh khảnh trong chiếc áo sơ mi trắng lụng thụng và chiếc cà vạt hoa đỏ như rượu vang nói với Rhyme.

“Chưa.” Ông chủ của anh ta trả lời không ra hơi vì bài luyện tập. “Tôi muốn tiếp tục.” Rhyme đang gắn chặt trên một chiếc máy tập xe đạp phức tạp, ở một trong những phòng ngủ dư ra trên tầng hai của ngôi nhà nằm ở khu phía tây Central Park.

nghĩ rằng anh đã tập đủ rồi đấy”, Thom - phụ tá của anh ta nói. “Đã được hơn một tiếng. Nhịp tim của anh khá cao rồi.”

“Đây chỉ giống như là đạp xe lên ngọn Matterhorn mà thôi”, Rhyme thở dốc. “Tôi là Lance Armstrong.”

“Ngọn Matterhorn không phải là một chặng của cuộc đua Tour de France. Đó là một ngọn núi. Anh có thể leo lên ngọn núi, nhưng không phải là đạp xe lên ngọn núi ấy.”

“Cảm ơn vì cái điều tầm phào trên kênh ESPN của cậu, Thom. Tôi nói như vậy không có nghĩa là đúng như vậy. Tôi đã đi được bao xa rồi?”

“Hai mươi hai dặm.”

“Thêm mười tám dặm nữa.”

“Tôi không đồng ý. Năm thôi.”

“Tám nhé.” Rhyme kỳ kèo.

Người phụ tá trẻ đẹp trai khẽ nhún đôi lông mày với vẻ chịu thua. “Vâng, được rồi.”

Dù thế nào thì Rhyme cũng muốn thêm tám dặm nữa. Anh rất phấn chấn. Anh sống là để chiến thắng.

Vòng quay lại tiếp tục. Những cơ bắp của anh truyền sức mạnh sang chiếc xe đạp, vâng, nhưng có một sự khác biệt lớn giữa cử động này và việc làm sao bạn có thể đạp một chiếc xe tập ở phòng tập Gold's Gym. Cái nguồn lực thôi thúc chuyển những xung động dọc suốt các neuron thần kinh không phải đến từ não của Rhyme mà lại là từ một chiếc máy tính, thông qua các điện cực kết nối với các cơ bắp ở chân. Thiết bị này được gọi là chiếc xe đạp kích thích điện chức năng FES. Chiếc máy giả lập chức năng tín hiệu điện này sử dụng một máy tính, các dây điện và các điện cực để bắt chước hệ thống thần kinh và chuyển các xung điện nhỏ tới các cơ bắp, khiến chúng cử động chính xác như được điều khiển bằng não bộ.

FES không được sử dụng nhiều cho hoạt động hằng ngày, như đi bộ hay sử dụng các dụng cụ. Lợi ích thực tế của nó là về mặt liệu pháp chữa bệnh, cải thiện sức khỏe của những bệnh nhân bị mất chức năng nặng.

Động lực khuyến khích Rhyme bắt đầu các bài tập là từ một người mà anh vô cùng ngưỡng mộ, diễn viên quá cố Christopher Reeve, người đã chịu đựng chấn thương còn khủng khiếp hơn do một tai nạn khi đang cưỡi ngựa. Bằng sức mạnh ý chí và những nỗ lực thể xác không mệt mỏi - và khiến cộng đồng y học truyền thống phải kinh ngạc - Reeve đã hồi phục một vài cử động và cảm giác ở những nơi mà ông không hề có cảm giác hay cử động trước đó. Sau hằng năm trời giằng xé suy nghĩ về việc thực hiện ca phẫu thuật thí nghiệm đầy mạo hiểm vào tủy sống, Rhyme đã lựa chế độ luyện tập tương tự cách của Reeve.

Sự ra đi sớm của người diễn viên đã thôi thúc Rhyme thậm chí còn dành nhiều tâm sức hơn trước đây vào kế hoạch luyện tập, và Thom đã phải lần tìm một trong những bác sĩ về chấn thương tủy sống tốt nhất ở khu vực East Coast, Robert Sherman. Vị bác sĩ đã đưa vào cả một chương trình luyện tập cho anh, bao gồm cả cơ công kể, liệu pháp vận động dưới nước và máy huấn luyện vận động guồng quay - một thiết bị phức tạp lớn, được ráp những chiếc chân robot, đồng thời cũng được điều khiển bởi một máy tính. Trên thực tế, hệ thống này cử động và làm chuyển động chân của Rhyme.

Tất cả các liệu pháp này mang lại kết quả. Tim và phổi của anh đã khỏe hơn. Độ đặc của xương bằng với những người đàn ông bình thường cùng tuổi. Các khối cơ bắp tăng lên. Anh gần như đã lấy lại được vóc dáng như khi chỉ huy Bộ phận Điều tra ở Sở cảnh sát New York, cơ quan giám sát của Đội khám nghiệm hiện trường. Trước đó anh có thể đi bộ hàng dặm mỗi ngày, đôi khi còn điều tra hiện trường một mình - một điều khá hiếm ở một Đại úy - và còn đi vòng quanh những con đường của thành phố để thu thập những mẫu đất, đất, bê tông hay bỏ hóng để tạo một catalogue trong cơ sở dữ liệu pháp y của mình.

Nhờ các bài tập của bác sĩ Sherman, Rhyme ít phải chịu những cơn đau do hàng giờ liền gấn gáp trên giường hoặc trên chiếc xe lăn. Các chức năng của ruột và bàng quang được cải thiện và ít bị các bệnh về viêm nhiễm đường tiết niệu. Và anh chỉ phải trải qua một giai đoạn mất phản xạ tự phát từ khi bắt đầu chế độ luyện tập.

Tất nhiên vẫn còn một câu hỏi khác là: Liệu hằng tháng trời với những bài tập gian khổ có thể tạo nên một điều gì đó thực sự giải quyết được hoàn toàn tình trạng của anh, chứ không chỉ đơn thuần là tăng sức khỏe

cho các cơ bắp và xương? Một bài kiểm tra nhỏ về các chức năng vận động và cảm giác sẽ cho anh câu trả lời ngay lập tức. Nhưng việc này đòi hỏi phải đi tới một bệnh viện và có vẻ như là Rhyme chẳng bao giờ có thời gian để làm điều đó.

“Anh không thể bỏ ra một tiếng đồng hồ để nghỉ ngơi à?”, Thom hỏi.

“Một tiếng? Một tiếng? Trong ký ức của tôi thì liệu khi nào mà một chuyến đi đến bệnh viện lại chỉ mất có một tiếng đồng hồ? Cái bệnh viện đặc biệt ấy ở đâu vậy Thom? Neverland? Oz?”

Nhưng cuối cùng thì bác sĩ Sherman đã liên tục ép Rhyme buộc phải đồng ý trải qua bài kiểm tra. Nửa tiếng nữa, anh và Thom sẽ đi tới bệnh viện New York để có được các kết luận cuối cùng về những tiến triển của anh.

Mặc dù lúc này đây, Lincoln Rhyme chẳng nghĩ gì đến điều đó ngoài những vòng xe mà anh đang ra sức đạp - trên ngọn Matterhom. Và anh cứ như đang đánh bại Lance Armstrong.

Khi hoàn thành, Thom tách anh ra khỏi chiếc xe, tắm rửa rồi mặc cho anh chiếc áo sơ mi trắng và chiếc quần tối màu. Chỗ ngồi chuyển sang chiếc xe lăn và Rhyme lái nó tới phía chiếc thang máy nhỏ. Anh đi xuống dưới, nơi trước đây là phòng khách, Amelia Sachs với mái tóc đỏ rực đang ngồi trong phòng thí nghiệm, đang đánh dấu các bằng chứng từ một trong những vụ án Sở cảnh sát New York mà Rhyme đang cố vấn.

Với một ngón tay duy nhất còn làm việc - ngón đeo nhẫn bàn tay trái - trên bảng điều khiển cảm ứng, Rhyme khéo léo lái chiếc xe lăn Storm Arrow màu đỏ tươi qua phòng thí nghiệm đến bên cạnh cô gái. Cô khẽ nghiêng sang và hôn nhẹ lên môi anh. Anh cũng hôn lại và nhấn mạnh đôi môi của mình lên đôi môi cô gái. Họ cứ như vậy một vài giây đồng hồ, Rhyme đang tận hưởng hơi ấm từ cô, mùi vị xà bông ngọt ngào từ một loại hoa, những lọn tóc đùa nghịch trên má anh.

“Anh sẽ đi được bao xa ngày hôm nay?”, cô hỏi.

“Anh có thể ở phía bắc Westchester ngay lúc này - Nếu như không bị cảnh sát bắt dừng lại.” Một cái liếc trách móc về phía Thom. Người phụ tá nháy mắt với Sachs. Chẳng vấn đề gì cả.

Sachs với vẻ ngoài cao ráo và yêu kiều đang mặc một chiếc quần màu xanh hải quân với một trong những chiếc áo màu đen hoặc hải quân mà cô vẫn thường mặc từ khi được đề bạt thăng lên chức thanh tra. (Một cuốn cẩm nang chiến lược cho các sĩ quan cảnh sát đã cảnh báo: Mặc những chiếc áo sơ mi hay áo choàng tương phản tạo ra một mục tiêu rõ ràng hơn cả vào khoang ngực.) Bộ quần áo bên ngoài thì cổ hủ và tiện dụng thoải mái. Hoàn toàn khác hẳn với những gì cô vẫn mặc khi làm việc trước khi trở thành một cảnh sát, Sachs đã từng là một người mẫu thời trang trong vài năm. Chiếc áo khoác hơi phồng lên một chút ở hông, chỗ cô đeo khẩu súng ngắn tự động Glock, chiếc quần kiểu của đàn ông; cô cần một chiếc túi sau - vị trí duy nhất khiến cô cảm thấy thoải mái để giấu con dao bấm bất hợp pháp, nhưng lại thường xuyên có ích. Và như mọi khi, cô đang đi đôi giày đế mềm. Đi bộ thực sự là một việc rất đau đớn với Amelia Sachs, do căn bệnh viêm khớp.

“Khi nào chúng ta sẽ đi?” cô hỏi Rhyme.

“Đến bệnh viện? Ồ, em không phải đến. Tốt hơn là ở lại đây và khai thác các bằng chứng.”

“Đã gần xong rồi. Dù sao thì đó không phải là câu hỏi của việc phải đến. Em muốn đến.”

Anh lẩm bẩm: “Rạp xiếc. Thực sự đang biến thành một rạp xiếc rồi. Tôi biết là sẽ như thế”. Anh cố gắng ném một cái nhìn đầy trách móc sang Thom nhưng người phụ tá đã đi mất rồi.

Chuông cửa reo. Thom bước vào sảnh và quay lại sau vài giây, đi theo sau là Lon Sellito. “Chào mọi người.” Viên trung úy mập lùn trong bộ áo quần nhàu nát đặc trưng của anh ta, gật đầu chào một cách niềm nở. Rhyme tự hỏi trạng thái vui vẻ hồ hởi ấy của anh ta là do đâu mà có. Có thể là điều gì đó liên quan tới những tên tội phạm mới bị bắt, hoặc có thể là bởi ngân sách dành cho sĩ quan mới hoặc có thể chỉ là anh ta mới giảm được vài kilogram. Cân nặng của viên thanh tra này giống như một con quay yo-yo lên rồi lại xuống, và anh ta vẫn thường xuyên than phiền về điều này. Với tình trạng của mình, Lincoln Rhyme không có chút kiên nhẫn nào khi một ai đó ca thán về những khiếm khuyết ngoại hình kiểu như là vòng eo quá to hay là có quá ít tóc.

Nhưng có vẻ như ngày hôm nay tinh thần đầy hứng khởi ấy của viên thanh tra trẻ có liên quan tới công việc. Anh vẩy vẩy vài tập tài liệu trong không khí. “Họ vẫn giữ nguyên bản án.”

“À”, Rhyme nói. “Vụ chiếc giày?”

“Đúng.”

Tất nhiên Rhyme rất vui, dù không hề tỏ ra bất ngờ chút nào. Tại sao lại như vậy? Anh đã dồn hết tâm trí vào vụ án chống lại tên giết người; lời buộc tội không thể bị thất bại.

Đó là một vụ án khá thú vị: Hai nhà ngoại giao Balkan đã bị giết trên đảo Roosevelt - một dải đất kỳ lạ nằm giữa dòng sông Đông - và cả hai chiếc giày bên chân phải của họ đều bị lấy mất. Do thường xuyên phải đối mặt với những vụ án khó nhằn, Sở cảnh sát New York đã thuê Rhyme với vai trò là một nhà cố vấn tội phạm học - một biệt ngữ để gọi các nhà khoa học pháp y - để giúp cho công việc điều tra.

Amelia Sachs đã khám nghiệm hiện trường, bằng chứng đã được thu thập và phân tích. Nhưng các manh mối không đưa họ tới bất cứ một hướng đi nào rõ ràng, và cảnh sát đã phải kết luận rằng vụ giết người bắt nguồn từ một nguyên do về chính trị châu Âu. Vụ án vẫn còn chưa có lời giải nhưng đã có lúc im lìm và chìm vào quên lãng - chỉ đến khi có một tin báo loạn khắp Sở cảnh sát New York về vụ một chiếc va li bị bỏ lại ở sân bay quốc tế F.Kenedy. Chiếc va li chứa những bài báo về các hệ thống định vị toàn cầu, hàng tá các mạch điện và một chiếc giày đàn ông bên phải. Chiếc giày đã bị khoét rỗng gót và bên trong là một con chip vi tính. Rhyme đã tự hỏi liệu nó phải chăng là một trong những chiếc giày ở vụ án trên đảo Roosevelt và, đủ để chắc chắn rằng, chính là nó. Các manh mối khác trong chiếc va li cũng đều đưa đến hiện trường của vụ án mạng.

Những dụng cụ do thám... Bóng dáng của Robert Ludlum. Các giả thuyết bắt đầu loạn truyền ngay lập tức, rồi FBI và Bộ ngoại giao lao vào làm việc cật lực... Một người từ Langley cũng ra mặt, lần đầu tiên mà Rhyme có thể nhớ về việc CIA lại quan tâm tới một trong những vụ án của anh.

Nhà tội phạm học vẫn cười vào sự thất vọng của các nhân viên FBI, khi mà một tuần kể từ lúc tìm thấy chiếc giày, thám tử Amelia Sachs đã chỉ huy một đội đặc nhiệm trong nhiệm vụ hạ gục một doanh nhân đến từ Paramus, New Jersey, một người cộc cằn có hiểu biết chính trị quốc tế ngang với tờ USA Today.

Rhyme đã chứng minh thông qua những phân tích về hóa học và độ ẩm của chất liệu tổng hợp tạo nên chiếc gót giày rằng cái lỗ rỗng bên trong, xuất hiện sau khi những người đàn ông đã bị giết mấy tuần. Anh cũng đã tìm ra rằng con chip vi tính đã được mua từ cửa hàng PC Warehouse, và rằng thông tin của Hệ thống định vị toàn cầu GPS không chỉ công khai, mà nó đã được tải về từ những trang web đã hết hạn một hoặc hai năm rồi.

Một hiện trường được dàn dựng, Rhyme đã kết luận như vậy. Và chuyển sang lần theo dấu vết của bụi đá trong chiếc va li tới một công ty chuyên bán và chế tạo các tấm lát mặt tủ nhà tắm và tủ bếp ở Jersey. Nhìn nhanh vào danh sách cuộc gọi ghi lại trên điện thoại của chủ nhà và những hóa đơn được thực hiện trên thẻ tín dụng đã đưa tới kết luận rằng vợ của người đàn ông này đã và đang có quan hệ với một trong hai nhà ngoại giao bị giết. Chồng của ả đã phát hiện ra mối quan hệ bất chính này và, cùng với một gã tên là Tony Soprano muốn làm việc cho ông ta ở xưởng của công ty này, hai người đó đã giết tình nhân của ả và người đồng nghiệp xấu số của ông ta trên đảo Roosevelt, rồi tạo ra các bằng chứng giả để khiến cho vụ án có vẻ như là vì những lý do chính trị.

“Một bê bối tình ái, không phải về ngoại giao.” Rhyme đã đưa ra lời kết luận trong lời khai của mình trước tòa. “Hành động dưới lớp vỏ bọc, dù không phải điệp viên.”

“Phản đối!”, vị luật sư mặt bên bị cáo nói.

“Chấp nhận.” Mặc dù vị thẩm phán không thể nín được cười.

Hội thẩm đoàn mất bốn mươi hai phút để kết tội vị thương nhân. Vị luật sư, tất nhiên là đã kháng án - họ luôn là vậy - nhưng, như Sellito mới tiết lộ, tòa thượng thẩm đã giữ nguyên bản án.

Thom nói: “Hãy ăn mừng chiến thắng với chuyến đi tới bệnh viện. Ngài đã sẵn sàng chưa?”.

“Đừng có giục”, Rhyme cau mày phản nài.

Chính lúc đó chiếc máy nhắn tin của Sellito đổ chuông. Anh ta nhìn vào màn hình, cau mày rồi lôi chiếc điện thoại ra khỏi thắt lưng và bấm số.

Sellito đây. Có chuyện gì vậy?...” Người đàn ông to béo gật đầu chậm rãi, bàn tay xoa mạnh vào bụng một cách vô thức. Anh ta mới thử chuyển sang chế độ ăn hình kim tự tháp của Atkins. Rõ ràng là ăn nhiều thịt nướng và trứng không có nhiều hiệu quả. “Cô bé ổn chứ?... Còn thủ phạm thì sao?... À... Không được hay lắm. Khoan đã.” Anh nhìn lên. “Một cuộc gọi đến theo đường dây số 1024. Bảo tàng Mỹ - Phi trên phố 55? Nạn nhân là một cô gái trẻ. Dưới hai mươi tuổi. Hiếp dâm.”

Amelia Sachs cau mày khi nghe thông tin, biểu lộ sự đồng cảm. Rhyme thì có một phản ứng khác; trong đầu anh lập tức tự hỏi: có bao nhiêu hiện trường vụ án ở đó? Liệu hung thủ có săn đuổi cô bé và để lại dấu vết nào không? Liệu họ có vật lộn, và làm xáo tung các bằng chứng? Hẳn ta đến và rời khỏi hiện trường bằng phương tiện giao thông công cộng? Hay là sẽ có một chiếc ô tô có liên quan?

Một ý tưởng khác cũng hiện ra trong suy nghĩ của anh, tuy nhiên, anh không có ý định nói ra suy nghĩ này. “Cô bé bị thương không?”, Sachs hỏi.

“Tất cả chỉ là bàn tay bị trầy xước. Cô bé chạy thoát và gặp một cảnh sát đang tuần tra gần đó. Anh ta đã kiểm tra nhưng hung thủ đã biến mất... Vậy, mọi người sẽ khám nghiệm hiện trường chứ?”

Sachs nhìn Rhyme. “Em biết anh đang định nói điều gì, rằng chúng tôi đang bận.”

Cả trụ sở Sở cảnh sát New York đang trong tình trạng xôn xao, náo động. Rất nhiều nhân viên cảnh sát đã được rút khỏi nhiệm vụ thường ngày và được điều động vào nhiệm vụ chống khủng bố, hiện đang rất lộn xộn; Cục điều tra liên bang FBI đã nhận được một vài tin báo nặc danh về nguy cơ đánh bom vào các mục tiêu của Israel trong khu vực. (Sự điều động lại gọi cho Rhyme về những câu chuyện của Sachs mà trong đó ông của cô kể về cuộc sống ở Đức thời trước chiến tranh. Ông của Sachs từng là một thanh tra cảnh sát hình sự ở Berlin và cứ liên tục mất người của mình về chính phủ khi khủng hoảng tăng cao.) Bởi những lý do khác nhau, Rhyme bận rộn hơn bình thường hằng tháng trời. Anh và Sachs đang đảm nhiệm hai cuộc điều tra về vụ lừa đảo trong giới chức văn phòng, một vụ cướp có vũ trang và một vụ giết người chưa tìm ra hung thủ từ ba năm trước.

“Ừm, thực sự rất bận”, Rhyme tổng kết lại.

“Cả vỏ dừa lẫn vỏ dừa”, Sellito nói. Anh cau mày. “Tôi không hiểu cái câu này lắm.”

“Đó là: ‘Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí’. Một câu thành ngữ châm biếm.” Rhyme cốc đầu mình. “Rất vui được giúp đỡ. Ý tôi là thế. Nhưng chúng ta đã vướng rất nhiều các vụ án khác rồi. Và nhìn đồng hồ xem, tôi có một cuộc hẹn lúc này. Ở bệnh viện.”

“Nào, Linc”, Sellito nói. “Chẳng có vụ nào anh đang làm giống như vụ này - nạn nhân là một đứa nhóc. Đó là một kẻ xấu, săn đuổi một cô bé học sinh trung học. Tổng cổ hấn vào tù và ai biết chúng ta sẽ cứu được bao nhiêu cô gái. Anh biết cái thành phố này rồi đấy - chuyện gì đang xảy ra không phải là vấn đề. Một vài ‘con thú’ bắt đầu tìm kiếm những đứa nhóc, cấp trên sẽ cho anh bắt cứ thứ gì anh cần để tóm cổ hấn lại.”

“Nhưng như vậy sẽ thành năm vụ mất”, Rhyme nói một cách nóng nảy. Anh im lặng một hồi rồi miễn cưỡng hỏi: “Cô bé bao nhiêu tuổi?”

“Mười sáu, lạy Chúa. Nào, Linc.”

Một tiếng thở dài. Cuối cùng anh nói: “Được rồi. Tôi sẽ làm vụ này”.

“Anh sẽ làm thật hả?”, Sellito ngạc nhiên hỏi.

“Mọi người đều nghĩ rằng tôi là một kẻ khó chịu, không chấp nhận được”, Rhyme chế giễu, đảo tròn mắt. “Mọi người đều nghĩ tôi là một kẻ tẻ nhạt, luôn làm mọi người tụt hứng - có một câu khác tương tự cho anh, Lon. Tôi chỉ đang nhấn mạnh rằng chúng ta cần phải cân nhắc đến vấn đề nào cần được ưu tiên. Nhưng tôi nghĩ anh đúng. Điều này quan trọng hơn.”

Người phụ tá hỏi: “Sự hào hiệp của anh liệu có liên quan tới thực tế là anh sẽ phải hoãn lại chuyến đi tới bệnh viện của mình không nhỉ?”.

“Tất nhiên là không. Tôi thậm chí còn không nghĩ tới việc đó. Nhưng giờ cậu đã nhắc đến, tôi nghĩ tốt nhất là chúng ta nên hủy đi vậy. Một ý kiến hay, Thom.”

“Đó không phải ý của tôi - anh đã bịa ra nó.”

Đúng vậy, anh đã nghĩ như thế. Nhưng giờ thì anh hỏi đầy tức tối: “Tôi á? Cậu nói nghe như thể tôi mới tấn công mọi người ở Midtown vậy.”

“Anh biết ý tôi muốn nói là gì”, Thom nói. “Anh có thể thực hiện bài kiểm tra và quay lại trước khi Amelia xong việc tại hiện trường.”

“Biết đâu sẽ có một sự trì hoãn ở bệnh viện thì sao. Tại sao tôi lại nói là ‘biết đâu’? Bởi vì luôn là thế.”

Sachs nói: “Em sẽ gọi cho bác sĩ Sherman và sắp xếp lại kế hoạch”.

“Hủy, chắc chắn là thế. Nhưng không lên lịch lại. Chúng ta không biết được nó sẽ mất bao nhiêu thời gian. Hung thủ có thể là một tội phạm có tổ chức.”

“Em sẽ hẹn lại lịch

“Hãy sắp xếp trong hai, ba tuần.”

“Em sẽ xem khi nào ông ấy có thời gian”, Sachs nói một cách cương quyết.

Nhưng Lincoln Rhyme cũng có thể ngang bướng như người cộng sự của mình. “Chúng ta sẽ tính đến điều đó sau. Bây giờ, chúng ta đang có một tên tội phạm hiếp dâm ở ngoài kia. Ai biết được hắn đang làm gì lúc này? Nhiều khả năng là đang nhắm vào một ai đó.”

Thom, gọi Mel Cooper và đưa anh ấy vào đây. Bắt đầu làm việc thôi. Mỗi một phút chúng ta chậm trễ là một món quà cho tên hung thủ. Này, nói như vậy thì sao, Lon? Thiên tài của những thành ngữ - và anh đã ở đó.”

3. Chương 3

Bản năng.

Các cảnh sát tuần tra rèn luyện giác quan thứ sáu để có thể nhận biết được ai đó đang mang súng. Các cựu nhân viên trong lực lượng sẽ nói với bạn rằng điều đó chẳng có gì khác ngoài cách mà đối tượng đi lại và thái độ biểu hiện - sức nặng thực tế của khẩu súng không bằng sức nặng của những hậu quả khi mang theo nó trong người. Sức mạnh mà nó mang lại cho bạn.

Và cả nguy cơ bị tóm cổ nữa. Mang một vũ khí không được cấp phép ở New York thì sẽ có “phần thưởng Cracker Jack[1]” đi kèm: tự nhét mình vào sau xà lim. Anh giấu vũ khí trong người, anh bóc lịch. Đơn giản như vậy thôi.

[1] Phần thưởng, các đồ chơi trong các gói bim bim cho trẻ em

Không, Amelia Sachs không thể nói chính xác làm thế nào mà mình biết được điều đó, nhưng cô biết chắc rằng gã đang đứng dựa vào bức tường ngang qua con phố từ Bảo tàng Văn hóa và Lịch sử Mỹ - Phi kia có mang vũ khí trong người. Hắn đang hút thuốc, tay khoanh trước ngực, nhìn chằm chằm vào dải băng phân cách của cảnh sát, vào những ánh đèn máy ảnh chớp lóa, và những sĩ quan cảnh sát.

Khi đến gần hiện trường, đến đón cô là một viên cảnh sát có mái tóc vàng hoe của Sở cảnh sát New York - anh ta rất trẻ, hẳn phải là một nhân viên mới. “Xin chào. Tôi là cảnh sát đầu tiên có mặt. Tôi...”

Sachs cười và thì thầm: “Đừng nhìn tôi. Hãy để mắt nhìn về phía đồng rác trên phố kia”.

Viên cảnh sát trẻ nhìn cô, chớp mắt. “Xin lỗi?”

“Đồng rác”, cô nhắc lại bằng một tiếng thì thầm khó nghe, “không phải tôi”.

“Xin lỗi, thám tử”, người cảnh sát trẻ nói, anh ta có một mái tóc được cắt tỉa gọn gàng và tấm bảng tên trên ngực ghi: R. Pulaski. Nó không có lấy một vết lõm hay vết xước trên mình.

Sachs chỉ về phía đồng rác. “Nhún vai!”

Viên cảnh sát nhún vai.

“Đi với tôi. Cứ nhìn về phía đó.”

“Có gì...?”

“Cười.”

“Tôi...”

“Cần bao nhiêu cảnh sát để thay một cái bóng đèn?”, Sachs hỏi.

“Tôi không biết”, anh nói. “ Bao nhiêu?”

“Tôi cũng chả biết. Đó không phải là chuyện cười. Nhưng cứ cười như kiểu tôi mới nói với anh một điều thú vị.”

Anh ta cười. Một chút lo lắng. Nhưng đó chỉ là cười. “Cứ tiếp tục nhìn.”

“Đồng rác?”

Sachs mở khuy trên chiếc áo khoác. “Bây giờ chúng ta không cười. Chúng ta đang quan tâm đến đồng rác.”

“Tại sao?”

“Làm đi.”

“Được rồi. Tôi không cười. Tôi đang nhìn về phía đồng rác.”

“Tốt.”

Người đàn ông với khẩu súng vẫn tha thẩn ở phía đối diện tòa nhà. Hắn ta tầm bốn mươi, răn rỏi, với một mái tóc cắt gọn ghê. Cô nhìn vào chỗ cộm lên ngang hông hắn, dấu hiệu cho biết đó là một khẩu lục dài, nhiều khả năng là một khẩu côn, bởi nó có vẻ như phồng lên ở vị trí ổ đạn. “Đây là tình huống”, cô nói nhỏ với chàng lính mới. “Người đàn ông ở hướng hai giờ. Hắn ta đang mang súng.”

Viên cảnh sát - với mái tóc đỉnh của các cậu choai choai sáng màu vàng trông như caramen - vẫn đang nhìn về phía đồng rác. “Hung thủ? Cô cho rằng vụ tấn công?”

“Tôi không biết. Cũng không quan tâm. Tôi chỉ quan tâm đến việc hắn đang mang súng trong người.”

“Chúng ta làm gì?”

“Tiếp tục đi. Lướt qua hắn, nhìn vào đồng rác.

Quyết định là chúng ta không để ý đến nó nữa. Quay lại hiện trường. Anh đi chậm lại và hỏi tôi có muốn uống cà phê không. Tôi sẽ nói có. Anh đi vòng qua bên phải hắn. Hắn sẽ chú ý về phía tôi.”

“Tại sao hắn ta sẽ chú ý về phía cô?”

Ngây thơ một cách thú vị. “Hắn sẽ làm như vậy. Anh quay lại. Tiến đến gần hắn. Tạo ra một vài tiếng động, hắng giọng hay gì đó. Hắn sẽ quay về phía anh. Rồi tôi sẽ nhanh chóng áp sát phía sau hắn.”

“Được rồi, tôi đã hiểu... Tôi có nên rút súng ra không chế hắn không?”

“Không. Chỉ để hắn biết anh ở đó và đứng sau hắn.”

“Nếu hắn rút súng thì sao?”

“Thì anh chĩa súng về phía hắn.”

“Nếu hắn bắn thì sao?”

“Tôi không nghĩ hắn sẽ làm vậy.”

“Nhưng nếu hấn làm vậy?”

“Thì anh bắn hấn. Tên của anh là gì?”

“Roland. Ron.”

“Anh đã bắt đầu công việc tuần tra bao lâu rồi?”

“Ba tuần.”

“Anh sẽ làm tốt thôi. Đi nào.”

Họ đi bộ về phía đồng rác, tỏ vẻ chú ý. Nhưng rồi giống như họ thấy không có mối đe dọa nào ở đó và quay ngược lại. Pulaski đột ngột dừng lại. “Này, có muốn uống một chút cà phê không Thanh tra?”

Cường điệu hóa rồi - anh ta chắc hẳn chưa từng là khách mời của chương trình Bên trong trường quay - nhưng cân nhắc tất cả thì thấy anh ta đã diễn rất đáng tin. “Được, cảm ơn!”

Anh ta quay đi rồi khựng lại. Nói lớn: “Cô muốn cà phê thế nào?”

“Ừm, có đường nhé!”, cô nói.

“Bao nhiêu?”

Lạy chúa Jesus... Cô nói: “Một”.

“Được rồi. À, mà cô cũng muốn cà phê Đan Mạch chứ hả?”

Được rồi, tốt lắm, cô nói với anh ta bằng ánh mắt. “Cà phê là tốt rồi”. Cô quay về phía hiện trường vụ án, cảm giác được gã đàn ông với khẩu súng đang nhìn chăm chăm vào mái tóc đỏ óng dài thướt được tết đuôi ngựa của cô. Hấn liếc lên ngực, rồi mông cô.

Tại sao hấn sẽ chú ý về phía bạn?

Hấn chắc chắn làm như vậy.

Sachs tiếp tục bước về phía bảo tàng. Cô nhìn nhanh qua cửa sổ trên phố, xem xét tình hình qua hình ảnh phản chiếu. Khi đôi mắt của gã đàn ông với điều thuốc xoay lại phía Pulaski, cô quay lại thật nhanh và áp sát, chiếc áo khoác ngoài được phanh ra giống như áo choàng của những tay súng để cô có thể rút khẩu Glock của mình ra thật nhanh trong trường hợp cần thiết.

“Thưa ngài”, cô nói một cách cương quyết.

“Hãy để tay nơi chúng tôi có thể thấy được.”

“Làm như cô ấy nói”. Pulaski đứng ở phía bên kia người đàn ông, tay đặt lên khẩu súng.

Người đàn ông liếc về phía Sachs. “Khá nhuần nhuyễn. Thưa các cảnh sát”.

“Giữ tay ở yên như vậy. Ông đang mang súng đúng không?”

“Đúng”, người đàn ông trả lời: “và nó to hơn khẩu mà tôi được cấp khi còn ở Đội 35”.

Con số ám chỉ một phân khu cảnh sát. Anh ta từng là cảnh sát.

Có thể là thế.

“Công việc an ninh?”

“Đúng vậy.”

“Hãy để tôi nhìn thấy thẻ của anh. Chỉ dùng tay trái để lấy, nếu anh không phiền. Giữ yên vị trí tay phải.”

Ông ta rút ví ra và đưa nó cho cô. Tấm giấy phép mang súng và chứng nhận nhân viên an ninh vẫn trong thời gian hiệu lực. Vẫn hoài nghi, cô gọi điện và kiểm tra về người đàn ông. Ông ta hợp pháp. “Cảm ơn.”

Sachs thả lỏng người, trả lại giấy tờ cho ông ta.

“Không có gì, Thanh tra. Có vẻ như cô đang có hiện trường vụ án ở đây”, ông ta hất đầu về phía những chiếc xe cảnh sát đang phong tỏa con phố phía trước bảo tàng.

“Chúng tôi sẽ kiểm tra xem sao.” Cô trả lời một cách bình thường, không bày tỏ thái độ.

Người bảo vệ cất chiếc ví đi. “Tôi làm cảnh sát tuần tra mười hai năm. Nghỉ hưu vì lý do sức khỏe và đang thấy quá nhàm chán.” Ông ta hất đầu về phía tòa nhà sau lưng. “Cô sẽ nhìn thấy vài người mang vũ khí khác ở quanh đây. Nơi đây là một trong những trung tâm buôn bán trang sức lớn nhất của thành phố. Đây là tòa nhà phụ của Trung tâm Trao đổi và Mua bán trang sức của người Mỹ trên quận kim cương này. Chúng tôi nhận được những viên đá trị giá hàng triệu đô được gửi đến từ Amsterdam và Jerusalem mỗi ngày.”

Cô liếc về phía tòa nhà. Trông không được bề thế lắm, nhìn chỉ như những tòa văn phòng bình thường khác.

Ông ta cười. “Tôi cứ nghĩ rằng đó sẽ là một món béo bở, ý tôi là công việc này, nhưng tôi đã làm việc vất vả ở đây khi đi tuần tra khu vực của mình. Chúc may mắn với công việc ở hiện trường. Giá mà tôi có thể giúp gì, nhưng tôi đến đây sau khi xảy ra chút náo động.” Ông ta quay sang viên sĩ quan trẻ và nói: “Này, cậu nhóc”. Ông ta hất đầu về phía Sachs. “Trong lúc làm việc, trước mọi người, cậu đừng gọi cô ấy là ‘quý cô’. Cô ấy là ‘Thám tử.’”

Viên sĩ quan trẻ nhìn người đàn ông, ngượng ngùng nhưng cô có thể thấy được anh đã hiểu ý của người bảo vệ - điều mà cô đang chuẩn bị nói khi không ai nghe được họ nói chuyện với nhau.

“Tôi xin lỗi”, Pulaski nói với cô.

“Anh đã không biết. Giờ thì anh biết rồi.”

Đó có thể là một câu khẩu hiệu trong việc huấn luyện cảnh sát ở khắp nơi.

Họ quay bước đi. Người bảo vệ gọi: “À, này, anh lính mới?”.

Pulaski quay sang.

“Anh quên cà phê rồi”, ông ta cười toe toét.

Ở lối vào bảo tàng, Lon Sellito đang xem xét con phố và nói chuyện với viên hạ sĩ quan. Anh chàng thanh tra to lớn nhìn vào bảng tên của cậu lính trẻ và hỏi: “Pulaski, anh là cảnh sát đầu tiên có mặt?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Đầu đuôi là thế nào?”

Chàng lính trẻ hắng giọng và chỉ về hướng hành lang. “Tôi đang ở vị trí bên kia phố, ngay kia, tuần tra như bình thường. Khoảng 8 giờ 30 phút, nạn nhân, một cô bé da đen, mười sáu tuổi, tiến đến phía tôi và báo rằng...”

“Anh có thể nói theo ngôn ngữ của mình”, Sachs nói.

“Vâng. Được rồi. Tất cả là thế này, tôi đang đứng ở ngay đó và cô bé tiến đến phía tôi, trông rất hoảng hốt... Tên cô bé là Geneva Settle, học trung học. Cô bé đang nghiên cứu khóa luận hoặc gì đó trên tầng năm.” Anh ta chỉ về phía bảo tàng. “Và một gã nào đó tấn công cô bé. Da trắng, cao khoảng một mét tám, đeo mũ len trùm mặt. Hắn đang chuẩn bị hãm hiếp cô bé.”

“Sao cậu biết được điều đó?”, Sellito hỏi.

“Tôi tìm thấy túi đựng đồ để hiếp dâm của hắn trên tầng.”

“Anh đã mở nó ra xem à?”, Sachs hỏi, cau mày.

“Bằng cây bút. Thế thôi. Tôi không hề chạm vào nó.”

“Tốt. Đi thôi.”

“Cô bé chạy ra ngoài, xuống theo lối thang thoát hiểm và đi vào hành lang. Hắn đuổi theo nhưng rồi chuyển sang hướng khác.”

“Có ai thấy điều gì liên quan đến hắn không?”, Sellito hỏi.

“Không, thưa ngài.”

Anh quan sát con phố. “Cậu đã thiết lập dây ngăn báo chí phải không?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Ừm, mười lăm mét quá gần. Đẩy ra xa hơn nữa. Báo chí giống như những con đỉ vậy. Hãy nhớ điều đó.”

“Vâng. Thưa Thanh tra.”

Anh đã không biết. Giờ thì anh biết rồi.

Anh ta nhanh chóng bắt đầu chuyển sợi dây lùi lại.

“Cô bé đâu?”, Sachs hỏi.

Viên hạ sĩ, một người đàn ông da trắng chắc nịch với mái tóc dày muối tiêu, nói: “Một sĩ quan cảnh sát đã đưa cô bé và bạn cô ấy xuống phía bắc khu Midtown. Họ đang gọi cho bố mẹ cô bé”. Ánh nắng mùa thu sắc ngọt phản chiếu lấp lánh trên những huy hiệu ông ta mang trên người. “Sau khi liên lạc được với họ, sẽ có người đưa họ tới gặp Đại úy Rhyme để phỏng vấn cô bé.” Anh ta cười. “Đó là một cô bé thông minh. Biết cô ấy đã làm gì không?”

“Làm gì?”

“Cô bé nói có cảm giác rằng có chuyện không hay, bởi vậy đã lồng áo và mũ của mình lên một ma nơ canh. Tên tội phạm đã tìm cách tiếp cận nó. Điều đó đã tạo thời gian cho cô bé chạy thoát.”

Sachs cười. “Và cô bé mới chỉ mười sáu? Thông minh thật.”

Sellito nói với cô: “Cô khám xét hiện trường. Tôi đi triển khai thực hiện lấy thông tin từ xung quanh đây”. Anh đi lên vỉa hè về phía một nhóm các sĩ quan cảnh sát - một mặc quân phục và hai người với bộ quần áo thường phục ở đội Phòng chống tội phạm - và yêu cầu họ đi loanh quanh những đám đông, các cửa hàng, tòa nhà văn phòng gần đó để tìm kiếm nhân chứng. Anh tập hợp một đội riêng để đi hỏi thông tin từng người trong hàng chục người bán hàng trên các xe đẩy ở đây, một vài người đang bán cà phê và bánh rán, những người khác thì chuẩn bị ăn trưa với xúc xích, bánh quy, bánh mì kẹp thịt và sandwich nhân thịt viên.

Tiếng còi ô tô vang lên và cô quay lại. Chiếc xe buýt chuyên dụng đã đến từ Sở chỉ huy đơn vị Khám nghiệm hiện trường ở Queens.

“Chào thám tử”, người lái xe vừa nói vừa bước xuống.

Sachs gật đầu chào lại anh ta và người cộng sự đi cùng. Cô đã biết hai người đàn ông trẻ tuổi này từ những vụ án trước đây. Cô cởi bỏ áo khoác và khẩu súng, mặc vào chiếc áo liền quần Tyvek màu trắng, nhằm giúp hạn chế tối thiểu việc làm hỏng hiện trường. Rồi cô lại đeo khẩu Glock bên hông, nghĩ tới lời răn thường xuyên của Rhyme luôn luôn dành cho đội khám nghiệm hiện trường của anh: Tìm kỹ và cẩn thận nhưng hãy để phòng phía sau.

“Giúp tôi với những cái túi chứ?”, cô hỏi và nhắc lên một trong những chiếc va li kim loại chứa các thiết bị vận chuyển và thu thập bằng chứng ban đầu.

“Tất nhiên rồi.” Một kỹ sư của đơn vị Khám nghiệm hiện trường nhắc lên hai trong số những chiếc còn lại.

Cô lôi ra một chiếc tai nghe và cắm nó vào chiếc điện đàm vừa lúc Ron Pulaski quay trở lại sau khi thực hiện nhiệm vụ đẩy lùi dải băng ngăn báo chí. Anh dẫn Sachs và những người trong nhóm chuyên viên khám nghiệm hiện trường vào trong tòa nhà. Họ bước ra khỏi thang máy tầng năm và tiến vào bên phải, tới chiếc cửa lớn bên dưới tấm biển ghi: “Phòng đọc T. Washington”.

“Hiện trường ở trong này.”

Sachs và các nhân viên kỹ thuật mở những chiếc va li, bắt đầu lấy ra các thiết bị. Pulaski tiếp tục: “Tôi khá chắc chắn rằng hắn đi vào qua những cánh cửa này. Lối thoát duy nhất là cầu thang thoát hiểm và

chúng ta không thể đi vào phòng từ bên ngoài đó, và nó không hề bị phá bằng xà beng. Do đó, hắn đi qua cửa này, khóa nó lại và vòng ra phía sau cô bé. Cô bé chạy thoát ra ngoài bằng cửa thoát hiểm”.

“Ai đã mở chiếc cửa trước này cho anh?”, Sachs hỏi.

“Một người thủ thư tên là Don Barry.”

“Ông ta đi cùng cậu?”

“Không.”

“Ông ta đâu rồi?”

“Ở văn phòng - tầng ba. Tôi tự hỏi đó có phải do một người bên trong tòa nhà này làm không? Do đó, tôi hỏi ông ta về danh sách tất cả những nhân viên nam da trắng và vị trí của họ khi cô bé bị tấn công.”

“Tốt.” Sachs đã dự định làm y như vậy.

“Ông ta nói sẽ mang danh sách xuống cho chúng ta ngay khi hoàn thành.”

“Nào, bây giờ thì nói xem tôi sẽ tìm thấy gì bên trong.”

“Cô bé đang ở chỗ chiếc máy đọc vi phim. Nó ở xung quanh góc bên phải. Cô sẽ dễ dàng nhìn thấy.” Pulaski chỉ về cuối căn phòng lớn được chất đầy những hàng, kệ sách cao lênh khênh, bên ngoài đó là một không gian rộng mà Sachs có thể thấy các bức tượng ma nơ canh trong những bộ quần áo, những bức tranh, bối cảnh theo các thời kỳ, giai đoạn, những cặp đũa đồ trang sức, giày, ví, phụ kiện cổ - một kiểu trưng bày bụi bặm đặc trưng của bảo tàng, những kiểu đồ mà ta nhìn vào và thực ra thì trong đầu đang nghĩ rằng mình sẽ đi ăn ở đâu, chán ngán khi đã biết hết rồi.

“An ninh xung quanh đây thế nào?”, Sachs đang tìm kiếm những chiếc camera giám sát trên trần nhà.

“Chẳng có gì cả. Không camera, không bảo vệ, không giấy đăng ký vào thư viện. Chỉ cần bước vào.”

“Không hề dễ dàng, đúng không?” “Không, thưa bà... Không, thưa Thanh tra.”

Cô đã nghĩ rằng nói với anh ta “thưa bà” cũng được, khác với “quý cô”, nhưng không biết giải thích sự khác biệt như thế nào. “Một câu hỏi. Có phải cậu đã đóng cửa thoát hiểm lại không?”

“Không, tôi để nó y nguyên như khi tôi thấy. Mở.”

“Bởi vậy hiện trường có thể bị phá hỏng.”

“Hỏng?”

“Hung thủ có thể đã quay lại.”

“Tôi...”

“Anh đã không làm gì sai. Pulaski. Tôi chỉ muốn biết thôi.”

“Ồ, tôi đoán là hắn có thể đã quay lại.”

“Được rồi, anh đứng đây, ở ngay cửa ra vào. Tôi muốn anh lắng nghe.”

“Để làm gì?”

“À, ví dụ là một gã đang nhắm bắn vào tôi. Nhưng tốt hơn là anh nên nghe thấy tiếng bước chân hoặc tiếng một ai đó lên đạn trước.”

“Ý cô đang nói là đề phòng sau lưng giúp cô?”

Cô nháy mắt. Và bắt đầu tiến vào hiện trường.

Vậy, cô ta là một cảnh sát khám nghiệm hiện trường, Thompson Boyd nghĩ, khi đang quan sát người phụ nữ đi đi lại lại trong thư viện, kiểm tra sàn nhà, tìm kiếm những dấu vân tay và dấu vết hay bất cứ gì mà họ đang tìm kiếm. Hắn không e ngại với những gì mà cô có thể sẽ tìm ra. Hắn đã rất cẩn thận, như mọi khi.

Thompson đang đứng cạnh cửa sổ tầng sáu của một tòa nhà ở bên kia con phố 55 nhìn từ bảo tàng. Sau khi cô bé chạy thoát, hắn đã lượn lòng vòng quanh hai dãy phố và quyết định đi vào tòa nhà này, rồi đi lên tầng tới cái hành lang mà hắn có thể quan sát toàn bộ con phố lúc này.

Hắn đã có cơ hội thứ hai để giết cô bé một vài phút trước; cô ấy đã ở trên phố một lúc, nói chuyện với các cảnh sát, ở phía trước bảo tàng. Nhưng có quá nhiều cảnh sát ở cạnh để hắn có thể bắn hạ cô bé và trốn thoát. Hắn vẫn có thể chụp ảnh của cô bé với chiếc camera trên điện thoại trước khi cô bé và bạn của mình bị đẩy lên xe cảnh sát và đi về hướng tây. Ngoài ra, Thompson vẫn còn nhiều việc phải làm ở đây, nên hắn đã chiếm lấy vị trí quan sát thuận lợi này.

Từ những tháng ngày ở trại giam, Thompson đã học được rất nhiều về những người “cùng cổ và thực thi luật pháp” này. Hắn có thể dễ dàng chỉ ra ai lười nhác, ai nhát gan, ai ngu ngốc và ngờ nghệch, cả tin. Hắn cũng có thể biết được ai là những cảnh sát tài năng, thông minh lanh lợi, và ai sẽ là mối đe dọa.

Giống như người phụ nữ mà hắn đang quan sát lúc này đây.

Khi hắn nhỏ vài giọt thuốc vào đôi mắt bị khó chịu kinh niên, Thompson cảm thấy tò mò về cô. Khi lục lọi hiện trường, đôi mắt cô thể hiện sức tập trung, bằng ánh mắt chân thành sâu sắc, giống như ánh mắt mà mẹ của hắn thi thoảng vẫn thể hiện khi đi vào nhà thờ.

Cô biến mất khỏi tầm nhìn nhưng, huyết sáo thật nhẹ nhàng, Thompson vẫn nhìn chăm chăm từ trên cửa sổ. Cuối cùng thì người phụ nữ trong bộ đồ màu trắng cũng quay trở lại. Hắn nhận thấy sự chính xác trong mỗi việc cô thực hiện, cách bước đi thật cẩn thận, cách chạm thật nhẹ nhàng khi nhặt lên và nghiên cứu từng thứ một để không làm hỏng mất bằng chứng. Một gã đàn ông khác có lẽ đã bị đánh thức bởi vẻ đẹp của cô ấy, những đường cong; ngay cả qua bộ áo liền quần, vẫn thật dễ dàng tưởng tượng thân hình của cô như thế nào. Nhưng tất cả những suy nghĩ đó, như bình thường, không ở trong tâm trí hắn. Hắn vẫn tin rằng mình cảm nhận được một sự thích thú nho nhỏ trong tâm trí khi quan sát cô làm việc.

Một điều gì đó từ trong quá khứ trở lại với hắn... Hắn cau mày, nhìn vào người phụ nữ đang đi đi lại lại... Đúng, chính là điều đó. Cái hình ảnh gợi lại cho hắn về những con rắn đuôi chuông mà người cha có thể chỉ ra khi họ đi săn cùng nhau hay đi dạo trên sa mạc ở Texas gần chiếc xe moóc của gia đình hắn, ở ngoại ô Amarillo.

Hãy nhìn chúng, con trai. Chúng chẳng là gì cả? Nhưng đừng đến quá gần. Chúng sẽ giết con chỉ với một nụ hôn mà thôi.

Hắn đứng dựa nghiêng vào tường và tiếp tục chiêm ngưỡng người phụ nữ trong bộ đồ màu trắng, đi lên đi xuống, lên rồi xuống.

4. Chương 4

Nhìn nó thế nào, Sachs?”

“Tốt”, cô đáp lại Rhyme, qua máy bộ đàm.

Cô vừa mới thực hiện xong phương pháp “kẻ ô vuông” - thuật ngữ ám chỉ phương pháp khám xét một hiện trường: Kiểm tra nó theo cách giống như khi taáy cát cỏ trong vườn, đi từ đầu này sang đầu khác rồi quay lại, cứ di chuyển như thế sang hai bên. Và rồi làm lại như vậy một lần nữa, nhưng lần thứ hai thì đi theo những đường vuông góc với lần thứ nhất. Tìm cả bên trên và bên dưới, từ sàn lên trần nhà. Bằng cách này thì chẳng có một centimet vuông hay một góc cạnh nào bị bỏ sót. Có rất nhiều cách để khám nghiệm hiện trường nhưng Rhyme luôn luôn gắn chặt với phương pháp này.

“ ‘Tốt’ nghĩa là sao?”, anh hỏi lại một cách gắt gỏng. Rhyme vốn không thích những gì chung chung, hay là kiểu mà anh gọi là những đánh giá “nông”.

“Hắn bỏ quên bọc đồ để hiếp dâm”, cô đáp lại. Bởi cái thứ đang kết nối cô và Rhyme mang tên Motorola là phương tiện chủ yếu để mang sự có mặt của anh tới các hiện trường vụ án, họ thường tổng khứ các quy ước về truyền tin thông qua điện đàm của Sở cảnh sát New York, như kiểu kết thúc mỗi lần nói bằng chữ K[2].

[2] Có nghĩa là “hết”.

“Hắn có biết không? Biết đâu nó cũng hữu ích như một chiếc ví để có thể nhận dạng ra hắn. Có gì ở trong đó?”

“Hơi lạ một chút, Rhyme. Nó chứa một cuộn băng dính, một con dao rọc giấy, vài cái bao cao su. Nhưng có một quân bài tarot. Hình một người đàn ông đang treo ngược trên một cái giá treo cổ.”

“Tự hỏi liệu hắn có thật sự là một kẻ bệnh hoạn không, hay chỉ là một kẻ ăn theo các vụ khác?” Rhyme trầm ngâm. Trong nhiều năm, rất nhiều tên giết người đã bỏ lại hiện trường những lá bài tarot và rất nhiều những vật huyền bí - vụ án đáng chú ý nhất gần đây ở Washington D.C., những tay bắn tỉa của một vài năm trước đó.

Sachs tiếp tục: “Tin tốt là hắn giữ tất cả mọi thứ ở trong một cái túi nhựa bóng loáng rất đẹp”.

“Tuyệt vời.” Trong khi những tên hung thủ có thể nghĩ tới việc đi găng tay ở hiện trường, chúng thường quên mất dấu tay trên những vật mà chúng mang theo để thực hiện tội ác đó. Những vỏ bao cao su bị vứt đi đã buộc tội rất nhiều những tên hiếp dâm trong khi chúng thì hoàn toàn khăng khăng khẳng định về việc không để lại dấu vân tay hay những chất dịch của cơ thể ở hiện trường. Trong những trường hợp như vậy, ngay cả khi tên sát nhân nghĩ rằng đã xóa sạch dấu vết trên những mẫu băng dính, dao và bao cao su, nhưng vẫn có khả năng hắn lại bỏ quên việc lau sạch cái túi.

Cô giờ đang đặt tài đồ vào trong chiếc túi giấy đựng vật chứng - giấy nhìn chung là tốt hơn nhựa trong việc lưu giữ bằng chứng - rồi đặt chúng sang bên. “Hắn để lại nó trên một kệ sách ở gần chỗ cô bé ngồi. Em đang tìm những dấu vết ẩn?” Cô rắc bột huỳnh quang lên chiếc kệ, đeo chiếc kính mắt lỗi màu da cam và rọi chiếc đèn chiếu sáng chuyên dụng ALS để tìm dấu vết vào chỗ rắc bột. Chiếc đèn ALS hé lộ các dấu vết như máu, tinh dịch và dấu vân tay mà bình thường thì chắc chắn sẽ không thể nhìn thấy được bằng mắt. Rọi chiếc đèn lên rồi xuống, cô nói: “Không có dấu vân tay. Nhưng em có thể thấy hắn đã đeo găng tay cao su mỏng loại dùng trong phòng phẫu thuật”.

“À, thế được rồi. Có hai lý do.” Tiếng nói của Rhyme mang âm điệu của một bậc thầy. Anh đang kiểm tra cô.

Hai? Cô tự hỏi. Một lý do hiện ra ngay lập tức trong đầu cô: Nếu họ mà có khả năng tìm lại được chiếc găng tay thì họ sẽ lấy được dấu vân tay từ bên trong (một điều mà hung thủ thường quên mất). Nhưng còn lý do thứ hai?

Cô hỏi anh.

“Rõ ràng. Điều đó có nghĩa là hắn nhiều khả năng đã có hồ sơ, nên khi chúng ta tìm thấy một dấu tay, AFIS sẽ cho ta biết hắn là ai.” Hệ thống nhận dạng vân tay tự động (AFIS) của bang và Hệ thống nhận dạng vân tay tự động của FBI là những cơ sở dữ liệu máy tính có thể truy tìm và cung cấp thông tin về các dấu vân tay chỉ trong vài phút, trái ngược với hằng tuần hay hàng tháng ngày với cách kiểm tra bằng tay.

“Chắc chắn rồi”, Sachs nói, khó chịu khi cô đã chịu thua bài kiểm tra.

“Điều kiện nào nữa để em xếp sự đánh giá là ‘tốt’?”

“Họ đã cạo bóng sần nhà đêm hôm qua.”

“Và vụ tấn công xảy ra sáng sớm ngày hôm nay. Do đó em sẽ có thể nghiên cứu tốt nhất những dấu giày của hắn.”

“Ừm. Có một vài dấu vết nổi bật ở đây.” Vừa quỳ xuống, cô vừa chụp một bức ảnh tĩnh điện về dấu vết bước đi của tên hung thủ. Cô chắc chắn rằng đó là dấu chân của hắn; cô có thể thấy rõ ràng vết chân ở chỗ hắn tiến tới chiếc bàn Geneva ngồi, điều chỉnh tư thế để có thể nắm chặt chiếc dùi cui đánh cô bé rồi đuổi theo xuống dưới hành lang. Cô cũng đã so sánh những dấu chân này với dấu chân của người duy nhất đã

ở đây buổi sáng hôm nay: Ron Pulaski, mà đôi giày bóng như gương của anh ta để lại những dấu vết hoàn toàn khác.

Cô giải thích về việc cô bé sử dụng ma nơ canh để đánh lạc hướng tên hung thủ như thế nào và chạy trốn. Anh cười khúc khích vì sự nhanh trí của cô bé. Cô kể thêm rằng: “Rhyme, hấn đánh cô bé - chính xác là cô ma nơ canh - rất mạnh. Bằng một vật cứng. Mạnh đến mức hấn đánh vỡ miếng nhựa qua lớp mũ len của cô bé. Sau đó hấn chắc hẳn đã tức giận điên cuồng vì đã bị cô bé lừa. Hấn cũng đập nát luôn chiếc máy đọc vi phim

“Bằng một vật cứng”, Rhyme nhắc lại. “Em có thể lấy được vết hằn chỗ bị đập không?”

Khi anh còn là chỉ huy của đơn vị Khám nghiệm hiện trường của Sở cảnh sát New York, trước khi xảy ra tai nạn, Rhyme thu thập những tập hồ sơ dữ liệu để phục vụ cho việc xác định chứng cứ và những dấu vết hằn được tìm thấy ở hiện trường. Hồ sơ về vật cứng có chứa hàng trăm bức ảnh về những vết lõm do tác động để lại trên da và những bề mặt vô tri vô giác bởi đủ mọi thể loại vật cứng - từ những thanh vịn ốc lốp xe ô tô bằng sắt cho đến xương người, và cả đá lạnh. Nhưng sau khi kiểm tra một cách cẩn thận ma nơ canh và chiếc máy đọc vi phim bị đập tan nát, Sachs nói: “Không, Rhyme. Em không thấy gì cả. Chiếc mũ Geneva đội vào đầu cô ma nơ canh...”.

“Geneva?”

“Đó là tên cô bé.”

“À, tiếp đi.”

Cô đã cảm thấy bức mình một thoáng chốc - như cô vẫn thường như vậy - rằng anh ấy chẳng bao giờ biểu lộ một chút quan tâm nào đến việc biết về cô bé hay trạng thái tinh thần của cô. Cô thường cảm thấy khó chịu vì Rhyme quá bình thản với tội ác và những nạn nhân. Anh nói, điều đó là những gì mà các nhà tội phạm học cần phải như vậy. Ta không hề muốn những người phi công quá bàng hoàng bởi một buổi hoàng hôn rực rỡ hay quá kinh hãi với những trận bão đầy sấm sét đến mức phải bay trốn vào một ngọn núi, đó là một điều tương tự với những người cảnh sát. Cô hiểu quan điểm ấy của anh nhưng đối với Amelia Sachs, nạn nhân là những con người, và tội ác không phải là những bài tập khoa học mà đó là những sự việc khủng khiếp. Đặc biệt khi nạn nhân lại là một cô bé mới mười sáu tuổi.

Cô tiếp tục: “Chiếc mũ cô bé đội lên đầu ma nơ canh làm phân tán bớt lực của cú đánh. Và chiếc máy đọc vi phim cũng vỡ nát thành nhiều mảnh”.

Rhyme nói: “À, mang về đây một ít mảnh vỡ của những vật hấn đập phá. Có thể sẽ có những dấu vết còn sót lại”.

“Chắc chắn rồi.”

Có những tiếng nói khác vọng lại qua micro của Rhyme. Anh nói bằng một giọng lạ và nghe như có vấn đề: “Xong việc và quay lại sớm, Sachs”.

“Em gần xong rồi”, cô nói. “Em đang chuẩn bị khám nghiệm dấu vết ở đường đi ra... Rhyme, có vấn đề gì vậy?”

Im lặng. Khi anh nói vào sau đó, giọng của anh nghe còn có vẻ có vấn đề rắc rối hơn nữa. “Anh phải đi, Sachs. Có vẻ là anh có một vài vị khách.”

“Ai...?”

Nhưng anh đã ngắt máy.

Người phụ nữ trong chiếc áo trắng, một cảnh sát chuyên nghiệp, đã biến mất khỏi cửa sổ thư viện.

Nhưng Thompson Boyd không thích thú với cô chút nào nữa. Từ cái vị trí đứng cao mười tám mét bên trên con phố, giờ đây hấn đang quan sát một viên cảnh sát già hơn, đang đi về phía một vài nhân chứng. Người đàn ông tầm trung niên, to nặng và trong bộ trang phục nhàn nhúm, nhàu nhĩ. Thompson cũng biết kiểu cảnh sát như vậy. Ông ta không tài giỏi nhưng có thể giống như một con chó bull hung dữ. Sẽ không gì có thể ngăn cản việc ông ta làm sáng tỏ vụ án.

Khi người cảnh sát bệ vệ gập đầu về phía một người đàn ông khác, một người đàn ông da đen cao lớn trong bộ quần áo màu nâu, đang bước ra khỏi bảo tàng, Thompson rời bỏ vị trí quan sát của mình và nhanh chóng chạy xuống cầu thang. Khựng lại ở tầng trệt, hắn rút khẩu súng ra khỏi túi và kiểm tra nó để bảo đảm rằng không có gì khác nằm ở trong nòng súng hay ổ đạn. Hắn tự hỏi rằng có phải chính nó - cái âm thanh mở và đóng lại ổ đạn trong thư viện - đã cảnh báo con bé rằng hắn là một mối đe dọa.

Giờ đây, dù cho không có ai ở gần, hắn vẫn kiểm tra khẩu súng, nhẹ nhàng và hoàn toàn không một tiếng động.

Học từ chính những lỗi của ta.

Theo quyền sách.

Khẩu súng sẵn sàng hoạt động. Giấu nó vào sau chiếc áo choàng, Thompson đi bộ xuống cái cầu thang tối tăm mờ ảo và cảm thấy hào hứng suốt dọc hành lang dài, ở trên phố 56, rồi bước vào một con hẻm đưa hắn trở lại bảo tàng.

Chẳng có ai canh chừng đường vào cửa đầu bên kia con hẻm ở phố 55. Không bị phát hiện, Thompson luồn nhanh tới một cái thùng rác méo mó màu xanh, đang tỏa ra cái mùi hôi thối khó chịu của thức ăn bị rửa. Hắn nhìn vào con phố. Nó đã được giải tỏa giao thông nhưng vẫn có hàng tá người từ các văn phòng và cửa hiệu gần đó trên vỉa hè, đợi xem có nhìn thấy một cái gì đó hay ho để kể lại với những người bạn đồng nghiệp và gia đình. Hầu hết các viên cảnh sát đã rời đi. Người phụ nữ trong trang phục màu trắng - con rằn với nụ hôn - vẫn ở trên tầng. Ở bên ngoài là hai xe cảnh sát và chiếc xe tải của đơn vị Khám nghiệm hiện trường, và ba cảnh sát đang mang sắc phục, hai người với bộ thường phục và một thanh tra béo ú, bù xù trong bộ quần áo nhàu nhĩ.

Thompson nắm khẩu súng một cách chắc chắn. Chĩa súng bắn là một cách rất không hiệu quả để giết một ai đó. Nhưng đôi khi, giống như lúc này chẳng hạn, ta sẽ lựa chọn nào khác. Nếu như buộc phải bắn, nguyên tắc ta phải làm theo là nhắm vào đúng vị trí trái tim. Đừng bao giờ nhắm vào đầu. Xương sọ đủ cứng để bật viên đạn lại trong rất nhiều tình huống, đồng thời sọ não thì cũng khá là nhỏ và khó để mà bắn trúng.

Luôn luôn phải nhắm vào ngực.

Đôi mắt xanh sắc sảo của Thompson quan sát người cảnh sát to béo trong bộ quần áo nhàu nhĩ, khi ông ta đang nhìn vào một mẫu giấy.

Trầm lặng như một cánh rừng chết, Thompson gác khẩu súng lên cẳng tay trái, nhắm thật cẩn thận với một bàn tay chắc chắn. Hắn nổ nhanh bốn phát súng.

Viên đầu tiên trúng vào đùi của một người phụ nữ đang đứng trên vỉa hè.

Những viên còn lại trúng vào nạn nhân mà hắn nhắm tới ở chính vị trí mà hắn ngắm vào. Ba chấm nhỏ hiện ra ở giữa ngực ông ta; và trở thành ba bông hoa hồng bằng máu khi cái xác bắt đầu ngã xuống đất.

Có hai cô gái đứng ở phía trước anh và, mặc dù về bề ngoài của họ hoàn toàn đối lập nhau, sự khác biệt trong ánh mắt của họ là điều mà Lincoln Rhyme nhận thấy đầu tiên.

Cô gái có thân hình to lớn - trong bộ quần áo lờ lợt và rùng rĩnh trang sức sáng chói, những móng tay dài màu da cam - có đôi mắt nhảy nhót như những con côn trùng ông ọ. Không thể nhìn vào Rhyme, hay bất cứ thứ gì khác quá một giây đồng hồ, mắt cô ta đã đảo một vòng chóng mặt quanh phòng thí nghiệm của anh: những dụng cụ khoa học, các ống nghiệm, những lọ hóa chất, những chiếc máy tính và màn hình điều khiển, những sợi dây ở khắp nơi. Tất nhiên là cả vào đôi chân của Rhyme và chiếc xe lăn của anh nữa. Cô nhai viên kẹo cao su nhóp nhép một cách âm ỉ.

Cô bé còn lại, thấp, gầy, nhỏ thó và nhìn như con trai, có một sự bình lặng bên trong. Cô nhìn chằm chằm vào Lincoln Rhyme bằng một ánh mắt vững vàng. Liếc một cái rất nhanh vào chiếc xe lăn, rồi lại nhìn vào anh. Căn phòng thí nghiệm không hề cuốn hút cô.

“Đây là Geneva Settle”, người nữ cảnh sát tuần tra giải thích, Jenifer Robinson, hất đầu về phía cô bé nhỏ nhắn với đôi mắt kiên định không dao động. Robinson là bạn của Amelia Sachs, người đã sắp xếp để Robinson đưa hai cô bé đến đây từ ngôi nhà ở phía bắc Midtown.

“Còn đây là bạn của cô bé”, Robinson tiếp tục: “Lakeesha Scott. Nhả bã kẹo đi, Lakeesha”.

Cô gái ném lại một cái nhìn ngang ngạnh nhưng vẫn nhét mẩu bã kẹo đã được vo viên vào đầu đó trong chiếc túi lớn của mình, mà chẳng cần quan tâm đến việc bọc nó lại.

Người nữ cảnh sát nói: “Cô bé và Geneva cùng đến bảo tàng buổi sáng ngày hôm nay”.

“Chỉ có mình cháu là chẳng thấy gì cả”, cô bé nhanh nhẩu cướp lời trước. Phải chăng là cô gái to lớn này hoảng sợ vì vụ tấn công, anh tự hỏi, hay chỉ đơn giản là vì cô ta cảm thấy khó chịu bởi Rhyme là một người tàn tật? Cả hai đều có thể.

Geneva đang mặc một chiếc áo phông màu xám và chiếc quần lửng thùng màu đen với đôi giày thể thao, mà theo suy đoán của Rhyme đang là một của những học sinh trung học hiện đại. Sellito đã nói cô bé mười sáu tuổi nhưng nhìn cô trẻ hơn. Trong khi mái tóc của Lakeesha được bện thành những bím nhỏ màu vàng và đen, được tết chặt đến nỗi lộ cả da đầu, mái tóc của Geneva lại được cắt ngắn.

“Tôi đã nói với hai cô gái anh là ai, thưa Đại úy”, Robinson nói, với chút danh mà đã cũ đến vài năm rồi. “Và anh sẽ có vài câu hỏi về những gì đã xảy ra. Geneva muốn trở lại trường học nhưng tôi đã nói cô bé phải đợi.”

“Cháu có mấy bài kiểm tra”, Geneva lên tiếng.

Lakeesha tặc lưỡi qua những chiếc răng trắng bóc của mình.

Robinson nói tiếp: “Bố mẹ của Geneva không có ở trong nước. Nhưng họ đang đợi chuyến bay về gần nhất. Cô bé đã ở cùng bác khi họ đi vắng”.

“Họ đi đâu?”, Rhyme hỏi: “Bố mẹ cháu?”.

“Bố cháu đang hướng dẫn ở một hội nghị ở Oxford.”

“Ông ấy là giáo sư à?”

Cô gật đầu. “Văn học. Ở Đại học Hunter.”

Rhyme tự trách mình vì đã ngạc nhiên khi biết cô gái trẻ đến từ Harlem lại có cha mẹ trí thức và bận rộn công việc ở cả nước khác trên thế giới. Anh đã bực mình bởi sự đập khuôn định kiến, nhưng chủ yếu là cảm thấy tự ái vì đã đưa ra một suy diễn sai lầm. Sự thật là, cô bé ăn mặc như một kẻ bụi bặm nhưng anh đã có thể suy đoán cô bé xuất thân từ gia đình trí thức; cô bé đã bị tấn công khi đang ở thư viện vào một buổi sáng sớm chứ không phải đang lang thang tụ tập trên góc phố hay là xem ti vi trước khi đến trường.

Lakeesha rút ra một bao thuốc lá trong chiếc túi của mình.

Rhyme bắt đầu: “Không được...”. Thom bước vào qua cánh cửa. “... hút thuốc ở đây.” Anh nhắc nó khỏi tay cô gái và nhét lại vào trong chiếc túi.

Không ngạc nhiên khi hai cô bé bất ngờ xuất hiện trong tầm mắt của mình, Thom mỉm cười. “Uống chút gì chứ?”

“Ông có cà phê chứ?”, Lakeesha nói.

“Tôi có, tất nhiên.” Thom khẽ liếc sang Jenifer Robinson và Rhyme khi họ lắc đầu.

“Tôi muốn pha thật đặc”, cô gái to lớn nhấn mạnh.

“Ồ, vậy à?” Thom đáp lại. “Tôi cũng thế.” Anh nói với Geneva: “Cô muốn uống gì chứ?”.

Cô bé lắc đầu.

Rhyme nhìn thật lâu vào chai rượu whisky Scotland nằm trên cái kệ gần đó. Thom để ý thấy ánh mắt đó và cười. Người phụ tá biến mất. Với sự chán nản của Rhyme, nữ cảnh sát tuần tra Robinson nói: “Tôi phải quay trở lại trụ sở, thưa ngài”.

“À, vậy sao?” Rhyme đáp lại, choàng tỉnh. “Cô không thể ở lại thêm một chút nữa sao?”

“Không được, thưa ngài. Nhưng nếu ngài cần gì, cứ gọi điện cho tôi!”

Một người trông trẻ thì sao nhỉ?

Rhyme không tin vào định mệnh, nhưng nếu có, anh chắc hẳn phải thấy việc tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa ở đây: Anh đã nhận vụ này để tránh bài kiểm tra ở bệnh viện và giờ đây anh đang phải trả giá cho điều đó bằng việc phải chịu đựng nửa tiếng đồng hồ chẳng chút thoải mái trong văn phòng với hai cô bé học sinh. Những người trẻ tuổi không phải là gu của anh.

“Vây nhé, Đại úy. Tôi đi thôi.” Robinson bước ra khỏi cửa.

Anh lẩm bẩm. “Ừ.”

Một vài phút sau, Thom quay lại với một cái khay trên tay. Anh rót một tách cà phê cho Lakeesha và đưa cho Geneva một chiếc cốc, mà Rhyme nghĩ thấy, có mùi của chocolate nóng.

“Tôi vẫn đoán rằng cô muốn uống chút gì đó”, người phụ tá nói. “Nếu không thích, cô có thể để nó đấy.”

“Không. Tốt quá ạ. Em cảm ơn.” Geneva nhìn chăm chăm vào cốc chocolate nóng đang sủi bọt. Nhấp một vài ngụm.

“Các cháu ổn chứ?”, Rhyme hỏi.

Geneva gật đầu.

“Cháu cũng thế”, Lakeesha nhanh nhẩu.

“Hắn tấn công cả hai à?”, Rhyme hỏi tiếp.

“Không, không phải cháu.” Lakeesha quan sát anh từ trên dưới. “Nhìn chú giống với diễn viên bị gãy cổ?” Cô gái húp xì xụp ly cà phê, đổ thêm một ít đường. Lại húp xì xụp.

“Không vấn đề gì.”

“Và chú không thể cử động được gì hết à?”

“Không nhiều lắm.”

“Chán chết.”

“Keesh”, Geneva sụt sịt mình. “Yên đi nào.”

“Ôi, cậu biết đấy, chán chết.”

Rồi lại im lặng. Mới chỉ có tám phút đồng hồ trôi qua từ khi hai cô gái bước vào đây. Vây mà nó dài như hàng tiếng đồng hồ. Anh nên làm gì đây? Có phải Thom đã chạy trốn và giải trí bằng một trò Board game[3] rồi không nhỉ?

[3] Tên gọi chung của các trò chơi theo nhóm, được thực hiện trên một bàn như bàn cờ.

Tất nhiên, đó là những câu hỏi phải được hỏi.

Nhưng bản thân Rhyme cũng lưỡng lự để đưa ra những câu hỏi đó. Phỏng vấn hay thẩm vấn lấy lời khai là những kỹ năng mà anh không hề có. Khi còn làm việc trong lực lượng, anh đã hỏi cung đối tượng tình nghi hàng chục lần, và chưa bao giờ có những giây phút “cảm ơn Chúa” khi hung thủ hoàn toàn suy sụp và thú nhận. Nhưng Sachs thì khác, cô có năng khiếu nghệ thuật bẩm sinh tự nhiên. Cô cảnh báo những viên cảnh sát trẻ rằng ta có thể phá hỏng cả một vụ án chỉ vì nói sai một từ duy nhất. Cô ấy gọi đó là “làm vẩn đục tâm hồn”, cũng giống như tội lỗi hàng đầu đối với Rhyme là “làm hỏng hiện trường vụ án”.

Lakeesha lên tiếng: “Làm sao chú có thể đi lại trên chiếc xe đó?”.

“Sụt”, Geneva nhắc nhở.

“Tớ chỉ hỏi mà thôi.”

“Đừng.”

“Hỏi thì hại gì chứ?”

Lakeesha đã mất hoàn toàn sự lo lắng, e dè ban đầu. Rhyme đánh giá là cô gái thực sự khá biết điều. Lúc đầu cô ấy hành động không được thoải mái, làm như thể cô ấy ngại ngùng, vô tội, dễ bị tổn thương, yếu đuối, rằng ta đã chiếm được sự lợi thế rồi, nhưng rất nhanh chóng cô bé đã đánh giá được mọi việc. Một khi đã làm chủ được tình thế, cô biết nên hay không nên thốt ra những lời thiếu suy nghĩ.

Thực ra, Rhyme rất cảm kích đối với bất kỳ chủ đề nào để có thể nói đến. Anh giải thích về ECU, bộ phận kiểm soát môi trường, rồi làm thế nào mà cái bảng cảm ứng ở dưới ngón tay đeo nhẫn bên trái của anh có thể điều khiển chuyển động và tốc độ của chiếc xe lăn.

“Một ngón tay?” Keesha liếc vào một trong những chiếc móng tay da cam của mình. “Thế thôi là chú đi lại được?”

“Đúng vậy. Chẳng hơn gì đầu và vai.”

“Thưa ông Rhyme”, Geneva lên tiếng, nhìn vào chiếc đồng hồ Swatch đỏ lớn, rõ ràng nổi bật trên cổ tay nhỏ bé, gầy guộc của cô: “Những bài kiểm tra của cháu thì sao? Bài kiểm tra đầu tiên sẽ bắt đầu trong một vài tiếng nữa. Chúng ta sẽ nói chuyện bao lâu nữa vậy?”

“Đến trường ư?”, Rhyme hỏi, một cách ngạc nhiên. “À, các cháu có thể nghỉ ngày hôm nay, ta chắc chắn điều đó. Sau những gì đã xảy ra, giáo viên của các cháu sẽ hiểu thôi.”

“À, thực sự cháu không cảm thấy muốn nghỉ học. Cháu muốn làm bài kiểm tra.”

“Này, này, nhóc, hết giờ rồi. ông chú này đã nói mình có thể qua, một trăm phần trăm quá tuyệt, và cậu lại nói không muốn đấy. Nào. Thật là dở hơi.”

Geneva nhìn vào mắt cô bạn mình. “Và cậu cũng sẽ phải làm bài kiểm tra đấy. Không phải cậu đang trốn tránh đấy chứ?”

“Đấy không phải là trốn tránh, chúng ta được cho qua”, cô gái to lớn chỉ ra vấn đề với một luận điểm khổng lồ sai.

Điện thoại của Rhyme reo và anh cảm thấy biết ơn với sự cắt ngang này.

“Lệnh, trả lời”, anh nói vào chiếc micro thoại rảnh tay.

“Tuyệt!” Lakeesha reo lên, nhướn cao đôi lông mày. “Nhìn nó kìa, Gen. Tớ muốn một cái như vậy.”

Nheo mắt lại, Geneva thì thầm điều gì đó với cô bạn của mình, người đang xoe tròn mắt và húp xì xụp thêm cà phê.

“Rhyme”, tiếng Sachs nói.

“Các cô bé đang ở đây, Sachs”, Rhyme nói bằng một giọng nóng nảy. “Geneva và bạn của cô bé. Và anh đang mong là em...”

“Rhyme” cô nói lại. Bằng một giọng riêng biệt. Có điều gì đó không hay.

“Chuyện gì vậy?”

“Sau cùng, hiện trường lại náo động.”

“Hắn đã ở đó”

“Đúng. Chưa hề rời đi. Hay là quay lại.”

“Em vẫn ổn chứ?”

“Vâng. Không phải hắn tấn công em.”

“Chuyện gì đã xảy ra?”

“Hắn đã tiến đến rất gần, vào trong con hẻm. Bắn bốn phát đạn. Làm bị thương một người đang đứng gần đó... và giết một nhân chứng. Tên ông ấy là Don Barry. Đang chịu trách nhiệm cái thư viện ở bảo tàng. Ông ấy bị bắn ba phát vào tim. Chết ngay lập tức.”

“Em có chắc rằng kẻ nổ súng chính là hắn?”

“Đúng. Dấu giày em tìm thấy ở vị trí bắn khớp với những dấu vết ở thư viện. Lon chỉ đang định hỏi ông ấy một số vấn đề. Ông ấy đứng ngay phía trước anh ta khi mọi chuyện xảy ra.”

“Anh ấy có nhìn thấy kẻ nổ súng không?”

“Không. Không ai nhìn thấy. Hắn nấp sau một cái thùng rác lớn. Một vài cảnh sát tại hiện trường đã đến để bảo vệ người phụ nữ. Cô ta bị chảy máu khá nhiều. Hắn ta lẩn vào đám đông. Và biến mất.”

“Có ai giải quyết các vấn đề liên quan đến gia đình ông ta chưa?”

Gọi cho những người thân, vấn đề tiên quan đến gia đình[4].

[4] Ở đây ý tác giả không phải nói thẳng là “Có ai gọi điện báo với người nhà ông ta chưa?”.

“Lon đang định gọi nhưng điện thoại của anh ấy có vấn đề gì đó. Có một hạ sĩ ở hiện trường. Anh ta sẽ lo việc đó.”

“Được rồi, Sachs, quay lại với những gì em mới tìm ra... Lệnh, ngắt.” Anh nhìn lên và thấy hai cô gái đang nhìn mình chằm chằm không chớp mắt.

Anh giải thích: “Có vẻ như là kẻ đã tấn công cháu vẫn chưa rời đi, sau mọi việc. Hoặc là hắn quay lại. Hắn đã giết người thủ thư và...”

“Bác Barry?” Geneva há hốc mồm thở hổn hển... Cô ngừng mọi cử động, đơn giản là bất động choáng váng.

“Đúng vậy.”

“Chó chết”, Lakeesha rít lên khe khẽ trong miệng. Cô nhắm mắt và run rẩy.

Một phút sau, miệng của Geneva mím chặt lại và cô cúi gằm mặt xuống. Cô đặt cốc chocolate trên bàn. “Không, không...”

“Chú rất tiếc”, Rhyme nói. “Ông ấy có phải là bạn của các cháu không?”

Cô gái lắc đầu. “Không hẳn. Bác ấy chỉ giúp cháu thôi, với các bài tập của cháu.” Geneva ngồi xuống ghế. “Nhưng việc bác ấy có phải bạn cháu hay không chẳng quan trọng. Bác ấy chết rồi - điều đó thật khủng khiếp.” Cô nói thảm thì một cách đầy tức giận: “Tại sao, tại sao hắn ta lại làm như vậy?”

“Ông ấy là một nhân chứng, chú đoán thế. Ông ấy có thể nhận dạng kẻ đã tấn công cháu.”

“Vậy nên bác ấy chết vì cháu.”

Rhyme lẩm nhẩm vài từ gì đó với cô bé, không, làm sao điều đó có thể là lỗi của cô bé được? Cô bé không hề lên kế hoạch cho việc mình bị tấn công. Đó chỉ là sự không may của ông Barry. Không đúng thời điểm, không đúng địa điểm.

Nhưng sự vô về an ủi chẳng có tác dụng gì với cô bé. Khuôn mặt của cô bé đanh lại, đôi mắt lạnh lùng.

Rhyme không biết phải làm gì tiếp theo. Giờ đây không chỉ còn là việc chịu đựng sự có mặt của hai cô gái - mà anh còn phải vô về an ủi họ, xua cái tấn thảm kịch này ra khỏi tâm trí chúng. Anh lái chiếc xe lẩn đến gần hai cô bé hơn và đẩy sự kiên nhẫn của mình đến hết giới hạn bằng việc bắt đầu một cuộc trò chuyện nho nhỏ.

5. Chương 5

Sau hai mươi lăm phút dài như vô tận, Sachs và Sellito về đến văn phòng của Rhyme, đi theo là một cảnh sát tuần tra trẻ, tóc vàng tên là Pulaski.

Sellito giải thích rằng anh ta đã yêu cầu chàng trai trẻ mang bằng chứng về cho Rhyme và làm cộng tác cho cuộc điều tra. Rõ ràng là một tân binh, anh ta có chữ “hăng hái” trên cái trán nhẵn thín của mình. Anh ta hẳn là đã được nói vắn tắt về tình trạng của nhà tội phạm học, thành ra đã lơ đi một cách thái quá sự thật là Rhyme bị liệt. Rhyme ghét những phản ứng giả tạo như vậy. Anh cảm thấy thích cái cách xử sự thẳng đuột của Lakeesha hơn.

Chỉ là, bạn biết đấy, chán chết...

Hai viên thanh tra cảnh sát chào những cô bé.

Pulaski nhìn chúng một lượt đầy cảm thông và hỏi thăm bằng một giọng đầy thân thiện với lũ trẻ. Rhyme thấy được vết hằn của chiếc nhẫn cưới trên ngón tay anh ta và suy đoán một cuộc hôn nhân từ thời học sinh trung học; chỉ khi đã có con của riêng mình thì mới có ánh mắt nhìn như vậy.

Lakeesha đáp lại câu hỏi: “Phá phách là kiểu của tôi. Thật khó chịu... Một vài kẻ khốn nạn gây lộn với cô bạn của tôi. Anh nghĩ sao chứ?”.

Geneva thì nói cô vẫn ổn.

“Cô biết là cháu đang ở cùng một người họ hàng, đúng không?”, Sachs hỏi.

“Bác của cháu, ông ấy sẽ ở nhà cháu đến khi bố mẹ cháu trở về từ London.”

Rhyme bất chợt nhìn vào Lon Sellito. Có gì đó không đúng. Anh ta đã thay đổi một cách đáng kinh ngạc trong hai tiếng qua. Thái độ vui vẻ đã biến mất. Đôi mắt anh ta ánh lên nỗi sợ hãi và có vẻ bồn chồn. Rhyme cũng để ý thấy những ngón tay của anh ta liên tục chà vào cùng một vị trí trên má. Anh ta đã chà xát nó đến nỗi đỏ ửng lên.

“Bị mấy viên đạn làm giật mình à?”, Rhyme hỏi, nhớ lại rằng viên cảnh sát này đã đứng ngay cạnh người thủ thư khi hung thủ bắn ông ấy. Có lẽ Sellito đã bị một mảnh vỡ của viên đạn văng vào hoặc có thể là một mẩu đá nếu như viên đạn đi xuyên qua người Barry và bắn trúng vào tòa nhà.

“Gì cơ?” Sellito chợt nhận ra mình đã chà ngón tay lên da và buông tay xuống. Anh nói bằng một giọng nhỏ, để cho những cô bé không nghe thấy: “Tôi đã ở khá gần nạn nhân. Bị một chút máu văng vào người. Chỉ có thể thôi. Chứ không sao cả”.

Nhưng chỉ một chút xíu sau đó anh lại vô thức đưa tay lên cọ má mình.

Điều bộ đó khiến Rhyme liên tưởng đến Sachs, bởi cô có thói quen gãi đầu và nhay nhay móng tay mình. Sự thôi thúc bất chợt, bằng một cách nào đó liên quan tới nỗ lực, khát vọng của cô, sự xáo động không thể định nghĩa được bên trong hầu hết những người cảnh sát. Các cảnh sát thường làm tổn thương chính mình theo hàng trăm cách khác nhau. Và sự nguy hại thì có từ những hành động nhỏ như kiểu của Sachs, cho đến những trường hợp phá hỏng hạnh phúc gia đình và tâm hồn của những đứa trẻ với những từ ngữ tàn nhẫn, cho đến những việc như ngậm miệng quanh cái nòng sặc mùi khói của chính khẩu súng mình được phát. Dù sao thì anh chưa bao giờ thấy một điều như thế này ở Lon Sellito.

Geneva hỏi Sachs: “Không có nhầm lẫn gì hả cô?”.

“Nhầm lẫn?”

“Về tiến sĩ Barry.”

“Cô rất tiếc, không. Ông ấy chết rồi.”

Cô bé đứng im bất động. Rhyme có thể cảm thấy nỗi đau của lúc này.

Và cả sự tức giận nữa. Đôi mắt của cô bé là hai chấm đen đầy giận dữ. Rồi cô nhìn vào đồng hồ của mình, nói với Rhyme: “Những bài kiểm tra mà cháu nói đến thì sao?”.

“Ừm, hãy trả lời một số câu hỏi trước rồi chúng ta sẽ xem xét điều đó sau, Sachs?”

Với những vật chứng đã được bày ra trên chiếc bàn khám nghiệm và một bản bảo đảm tính pháp lý cho các bằng chứng đã được hoàn thành, Sachs kéo ghế xuống ngồi cạnh Rhyme và bắt đầu phỏng vấn hai cô bé. Cô hỏi Geneva chính xác những gì đã xảy ra. Cô bé giải thích rằng mình đang tìm một bài báo trong một

tạp chí cũ khi hần bước vào thư viện. Cô đã nghe thấy những tiếng chân ngập ngừng chậm rãi. Rồi một tiếng cười. Tiếng của người đàn ông kết thúc cuộc hội thoại và tiếng gấp của một chiếc điện thoại.

Cô bé nheo mắt. “À, những gì cô chú có thể làm là kiểm tra tất cả các công ty viễn thông trong thành phố. Để xem những ai đang nói chuyện điện thoại lúc đó.” Rhyme đáp lại bằng một tiếng cười. “Đó là một ý kiến hay. Nhưng thực tế là ở bất cứ một thời điểm xác định nào tại Manhattan có khoảng năm mươi ngàn cuộc gọi được thực hiện hoặc đang được kết nối. Bên cạnh đó, chú không dám chắc rằng liệu có phải hần đang gọi điện hay không.”

“Ý chú là hần giả vờ á? Làm sao chú biết được điều đó?” Lakeesha hỏi, lén lút nhét hai thanh kẹo cao su vào miệng.

“Chú không biết điều đó. Chú nghi ngờ điều đó. Cũng như tiếng cười. Có nhiều khả năng hần làm vậy để khiến Geneva mất cảnh giác. Ta sẽ thường không để ý đến những người đang nói chuyện điện thoại. Và hiếm khi ta nghĩ rằng đó sẽ là một mối đe dọa.”

Geneva gật gật đầu. “Vâng. Đúng thế! Lúc đầu cháu đã cảm thấy sợ hãi khi hần bước vào thư viện. Nhưng khi cháu nghe tiếng hần nói chuyện điện thoại, thế là, cháu đã nghĩ thật bất lịch sự khi nói chuyện điện thoại ở trong thư viện nhưng cháu cũng không cảm thấy sợ hãi nữa.”

“Rồi sau đó chuyện gì xảy ra?”, Sachs hỏi.

Cô bé giải thích rằng mình đã nghe thấy tiếng “cách” thứ hai - và nghĩ rằng âm thanh ấy nghe giống như tiếng một khẩu súng - rồi cô nhìn thấy một người đàn ông đội mũ trùm kín mặt. Cô bé sau đó kể lại việc mình đã tháo quần áo của một ma nơ canh và mặc cho nó áo và mũ của mình như thế nào.

“Tuyệt!”, Lakeesha chìa tay ra một cách tự hào. “Người chị em của cháu ở đây, thật là quá thông minh!”

Cô bé chắc chắn là như vậy, Rhyme nghĩ trong đầu. “Cháu đã tr trong những chồng sách cho đến khi hần tiến lại chiếc máy đọc vi phim và rồi chạy về phía cửa thoát hiểm.”

“Cháu không nhìn thấy gì nữa về hần à?”, Sachs hỏi.

“Không.”

“Chiếc mũ trùm màu gì?”

“Tối màu. Cháu không biết chính xác nữa.”

“Còn quần áo thì sao?”

“Thực sự cháu không nhìn thấy gì khác nữa. Cháu không nhớ những điều đó. Cháu đã khá là sợ hãi.”

“Cô biết cháu đã sợ.” Sachs nói. “Khi cháu đang nấp ở sau những giá sách, cháu có quan sát hướng đi của hần không? Để có thể biết khi nào thì bỏ chạy?”

Geneva cau mày một chút. “À, vâng, đúng thế. Cháu đã quan sát hần. Cháu quên mất điều đó. Cháu quan sát qua gầm kệ sách để có thể chạy khi hần đến gần ghế cháu ngồi.”

“Vậy có thể cháu sẽ nhìn thấy gì khác nữa ở hần?”

“À, cô biết đấy, cháu có. Cháu nghĩ rằng hần đi đôi giày màu nâu. Đúng rồi, màu nâu. Nâu sáng, chứ không phải đậm tối.”

“Được rồi. Còn quần thì sao?”

“Tối màu. Cháu khá chắc chắn. Nhưng đó là tất cả những gì cháu có thể thấy, chỉ gấu quần mà thôi.”

“Cháu có ngửi thấy mùi gì không?”

“Không... Khoan đã. Hình như là cháu có. Một mùi gì đó ngọt, giống như những bông hoa.”

“Và...?”

“Hần bước tới cái ghế và cháu nghe thấy một tiếng nứt rồi vài tiếng động ầm ầm nữa. Có cái gì đó bị đập nát.”

“Chiếc máy đọc vi phim”, Sachs giải thích. “Hắn đã đập nát nó.”

“Sau đó cháu cố hết sức chạy thật nhanh, về phía cửa thoát hiểm. Cháu chạy xuống cầu thang và khi ra tới phố gặp Keesh và chúng cháu bắt đầu chạy tiếp. Nhưng cháu nghĩ rằng có thể hắn sẽ tiếp tục làm hại một ai đó khác. Do đó, cháu quay lại và...”, cô bé nhìn về phía Pulaski, “Bọn em nhìn thấy anh”.

Sachs hỏi Lakeesha: “Cháu có nhìn thấy kẻ tấn công không?”.

“Chẳng có gì cả. Cháu chỉ đang đứng chơi và rồi Gen đến, chạy rất nhanh và lôi tha lôi thôi, chú hiểu cháu gì không? Cháu chẳng nhìn thấy gì cả.”

Rhyme hỏi Sellito: “Hung thủ giết Barry bởi ông ấy là một nhân chứng - vậy ông ấy thấy gì?”.

“Ông ấy nói không thấy điều gì khác thường, ông ấy đưa cho tôi danh sách tên những nhân viên nam da trắng của thư viện trong trường hợp hung thủ là một trong số họ. Có hai người nhưng họ đã được kiểm tra và có chứng cứ ngoại phạm. Một người thì đang đưa con gái đến trường và một người thì ở văn phòng chính có mọi người xung quanh, vào thời điểm vụ việc xảy ra.”

“Vậy thì hung thủ là một kẻ cơ hội”, Sachs trầm ngâm. “Nhìn thấy cô bé đi vào và rình rập đằng sau.”

“Bảo tàng?” Rhyme nói: “Một sự lựa chọn kỳ cục”.

Sellito hỏi hai cô gái: “Các cháu có thấy ai đi theo mình ngày hôm nay không?”.

Lakeesha trả lời: “Chúng cháu xuống từ trên tàu C trong giờ cao điểm. Tuyến Đại lộ 8... đông đúc và bẩn thỉu. Chẳng thấy ai có biểu hiện kỳ lạ hết. Cậu thì sao?”.

Geneva lắc lắc đầu.

“Thế còn bây giờ thì sao? Có ai đang quấy rối, có thù hằn gì với cháu không? Đánh cháu chẳng hạn?”

Cả hai cô bé chẳng nghĩ được một ai có vẻ như là mối đe dọa với họ. Ngượng ngùng, Geneva nói: “Không có nhiều người theo đuổi xung quanh cháu.”

Họ phải rình rập những cô gái trông thu hút hơn. Nuột hơn”.

“Nuột?”

“Ý của cậu ấy là xinh xắn, gợi cảm”, Lakeesha giải thích, người rõ ràng là hình mẫu điển hình cho những cô gái gợi cảm và xinh xắn. Cô cau mày và liếc nhìn Geneva. “Tại sao cậu phải lên đó, nhóc? Đừng nói những thứ vớ vẩn về mình đấy.”

Sachs nhìn về phía Rhyme, anh cau mày. “Anh nghĩ sao?”

“Có gì đó không đúng. Hãy xem qua một lượt chứng cứ thu thập được trong khi Geneva ở đây. Có thể sẽ có gì đó mà cô bé giải thích được.”

Cô bé lắc lắc đầu. “Còn bài kiểm tra thì sao?” Cô giơ chiếc đồng hồ lên.

“Sẽ không lâu đâu mà.” Rhyme nói.

Geneva nhìn bạn mình. “Cậu có thể đến phòng học”.

“Tớ sẽ ở lại đây với cậu. Tớ không thể ngồi hàng tiếng đồng hồ ở trong lớp với đồng bài kiểm tra mà tâm trí thì lo lắng cho cậu và tất cả mọi việc.”

Geneva cười nhản nhở. “Còn lâu, nhóc.” Cô hỏi Rhyme: “Chú không cần bạn ấy, đúng không ạ?”.

Anh nhìn Sachs, cô đang lắc đầu. Sellito ghi lại địa chỉ và số điện thoại của cô bé. “Chúng tôi sẽ gọi cháu nếu như có gì cần hỏi.”

“Cháu vẫn qua các bài kiểm tra, cô bé.” Cô nói. “Quên nó đi và về nhà nghỉ ngơi.”

“Tớ sẽ gặp lại cậu ở trường.” Geneva nói một cách kiên quyết. “Cậu sẽ đến trường chứ?” Rồi nhướn mày. “Hứa chứ?”

Hai tiếng nhóp nhép kéo cao su lớn. Thở dài một tiếng. “Hứa”. Lưỡng lự một chút tại cửa, cô bé quay lại, nói với Rhyme: “À, thưa chú, sẽ còn bao lâu nữa thì chú có thể bước ra khỏi cái xe lăn này?”.

Không một ai nói gì để lấp đi cái phút đầy khó xử ấy. Khó xử với tất cả mọi người nhưng không với Rhyme, anh cho là như vậy.

“Có lẽ sẽ là một khoảng thời gian dài”, anh đáp lại cô gái.

“Ồ, thế thì thật khó chịu chết!”

“Ừ”, Rhyme nói. “Đôi lúc thật chán chết.”

Cô quay đầu bước về phía sảnh lớn, theo hướng cửa trước. Họ nghe thấy: “Chết tiệt, phải chú ý chứ, ông chú”. Tiếng cửa ngoài sập mạnh.

Mel Cooper bước vào phòng, quay lại nhìn cái chỗ mà anh suýt nữa bị đè bẹp bởi một cô gái trẻ nặng hơn anh đến hai mươi lăm kilogram. “Được thôi”, anh tự nói với mình. “Tôi không định hỏi.” Anh kéo chiếc áo khoác gió màu xanh lá cây ra và gạt đầu chào mọi người.

Người đàn ông mảnh khảnh, hói đầu đã từng làm việc với vai trò một nhà khoa học hình sự pháp y cho Sở cảnh sát New York ở khu phía bắc một vài năm trước đây khi anh nói với Rhyme, lúc đó đang là chỉ huy đơn vị Khám nghiệm pháp y của Sở cảnh sát New York, một cách lịch sự nhã nhặn nhưng rất dứt khoát rằng, một trong những phân tích của anh là sai. Rhyme tôn trọng những người biết chỉ ra khuyết điểm hơn nhiều những kẻ nịnh bợ - tất nhiên, trong trường hợp họ nói đúng, như Cooper đã từng làm được. Rhyme ngay lập tức đã bắt đầu một chiến dịch để kéo anh ta về New York - một thử thách khó khăn mà cuối cùng anh cũng đã thành công.

Cooper sinh ra để làm một nhà khoa học nhưng quan trọng hơn cả là để làm một nhà khoa học pháp y, một ngành hoàn toàn khác biệt. Người ta thường nghĩ rằng “pháp y” liên quan tới công việc ở hiện trường vụ án, nhưng thực tế, từ này có nghĩa là mọi mặt của những vấn đề nóng bỏng gây trước tòa và luật pháp. Để là một nhà tội phạm học thành công ta phải dịch được những thông tin trần trụi thành một dạng thể mà nó hữu ích cho các công tố viên. Lấy ví dụ, việc xác định một cách đơn giản sự hiện diện của các vật chất có trong cây mã tiền ở một nơi được nghi ngờ là hiện trường vụ án vẫn là chưa đủ - các vật chất này đã được sử dụng rất nhiều trong các mục đích y tế vô hại như để chữa bệnh viêm tai. Một nhà khoa học pháp y thực sự như Mel Cooper có thể biết ngay lập tức được những vật chất như vậy sẽ tiết ra chất độc chết người strychnine.

Cooper có vẻ bề ngoài của một con nghiện trò chơi máy tính. Anh sống với mẹ của mình, bà vẫn mặc những chiếc áo sơ mi kẻ ca rô rực rỡ và trông giống Woody Allen[1]. Về bề ngoài lại đánh lừa tất cả. Người bạn gái từ bao lâu nay của Cooper là một cô gái tóc vàng cao và xinh đẹp dịu dàng. Họ có thể cùng nhau lướt qua sàn của một hội trường trên nền hợp xướng trong một cuộc thi khiêu vũ, mà trong đó họ thường là người chiến thắng. Mới đây nhất, họ đã tham gia cuộc thi bắn đĩa bay và cuộc thi nấu rượu vang nho (mà trong đó Cooper đã phải vận dụng một cách tỉ mỉ những nguyên tắc - nguyên lý hóa học và vật lý).

[1] Woody Allen: một diễn viên, đạo diễn, biên kịch nổi tiếng người Mỹ

Rhyme tóm tắt vụ án cho anh và họ quay sang làm việc với các chứng cứ. Rhyme nói: “Hãy nhìn vào cái gói”.

Trong khi đeo vào tay những chiếc găng cao su, Cooper nhìn về phía Sachs, cô đang chỉ ra những chiếc túi giấy có chứa gói đồ của hung thủ. Anh mở nó ra trên một tờ giấy lớn - để có thể tìm ra dấu vết xung quanh và lấy ra những đồ vật trong đó. Đó là một cái túi nhựa mỏng. Không có logo của hàng nào được in lên đó, chỉ có một hình mặt cười màu vàng lớn. Người chuyên gia mở chiếc túi và dừng lại. Anh nói: “Tôi ngửi thấy mùi gì đó...”. Hít một hơi thật sâu. “Có mùi hoa. Cái gì thế?” Cooper đưa cái túi lên cho Rhyme và anh ngửi nó. Có mùi giống với mùi nước hoa, nhưng anh không thể nhận ra đó là mùi gì. “Geneva?”

“Dạ?”

“Có phải đây là mùi mà cháu đã ngửi thấy trên thư viện?”

Cô bé khịt khịt mũi. “Vâng. Đúng là nó.”

Sachs nói: “Hoa nhài. Tôi nghĩ đó là hương hoa nhài”.

“Trên bảng biểu đồ”, Rhyme nói.

“Bảng biểu đồ nào?”, Cooper hỏi, nhìn xung quanh.

Trong mỗi một vụ án của mình, Rhyme đều có một biểu đồ trên tấm bảng trắng ghi chép các bằng chứng được tìm thấy tại hiện trường và hồ sơ thông tin về các đối tượng. “Bước đầu tiên”, anh đề nghị. “Và chúng ta cần phải gọi hắn là gì đó. Một ai đó cho tôi một cái tên xem.”

Không ai đưa ra một sáng kiến nào cả.

Rhyme nói: “Không có thời gian để sáng tạo. Hôm nay là ngày mừng 9 tháng 10, đúng không. Mười/chín. Vậy hắn sẽ là Đối tượng 109. Thom! Chúng tôi cần ngòi bút tài hoa của cậu”.

“Không cần phải thêm bơ thêm đường như vậy”, người phụ tá nói và bước vào phòng với một ấm cà phê khác.

“Đối tượng 109. Biểu đồ chứng cứ và hồ sơ. Hắn là nam da trắng. Chiều cao?”

Geneva trả lời: “Cháu không biết. Với cháu thì ai cũng cao. Một mét tám, cháu đoán vậy”.

“Có vẻ như cháu cũng nhanh mắt quan sát. Chúng ta sẽ theo lời cháu. Cân nặng?”

“Không quá to hay nhỏ.” Cô bé bỗng im lặng một chút, vẻ băn khoăn. “Khoảng cân nặng của tiến sĩ Barry.”

Sellito nói: “Như vậy là khoảng chừng tám mươi hai kilogram”.

“Tuổi?”

“Cháu không biết. Cháu không thể nhìn thấy mặt hắn.”

“Tiếng nói?”

”Cháu đã không chú tâm lắm. Tầm trung, cháu đoán vậy.”

Rhyme tiếp tục: “Và đôi giày màu nâu sáng, quần tối màu, mũ trùm mặt tối màu. Cái gói trong túi có mùi hoa nhài. Hắn cũng có mùi như vậy. Có thể là xà bông hoặc nước tắm”.

“Cái gói?” Thom hỏi. “Ý anh là sao?”

“Cái gói mà hắn đựng đồ định dùng để hiếp dâm ị ạ.” Geneva nói. Liếc nhìn Rhyme. “Chú không cần phải nói tránh bất cứ điều gì cho cháu. Nếu như đó là điều chú đang làm.”

“Đủ rồi.” Rhyme gạt đầu với cô bé. “Hãy tiếp tục nào.” Anh nhận thấy mặt Sachs tối sầm lại khi cô thấy Cooper nhấc chiếc túi lên.

“Có chuyện gì vậy?”

“Cái mặt cười. Trên một túi có đựng đồ để hiếp dâm. Cái thể loại chết tiệt bệnh hoạn nào làm như vậy?”

Cơn giận dữ của cô làm anh lúng túng. “Em nhận ra rằng tin tốt là hắn đã dùng nó, đúng không, Sachs?”

“Tin tốt?”

“Nó hạn chế số lượng các cửa hàng chúng ta cần phải tìm kiếm. Không dễ dàng như tìm kiếm thông tin về một chiếc túi với một logo được thiết kế riêng biệt nhưng còn hơn là một chiếc túi trắng trơn không hình gì cả.”

“Em cũng nghĩ vậy”, cô nói, nhún nhó. “Nhưng vẫn...”

Tay đeo găng cao su mỏng, Mel Cooper nhìn vào chiếc túi. Anh lấy ra lá bài tarot trước tiên. Nó có hình một người đàn ông đang treo ngược chân trên một chiếc giá treo cổ. Một chùm sáng phát ra từ đầu của nhân vật đó. Khuôn mặt thần nhiên một cách kỳ lạ. Nhìn người đàn ông này chẳng thấy có chút đau đớn nào cả. Ở bên trên là con số La Mã, XII.

“Nó có ý nghĩa gì với cháu không?”, Rhyme hỏi Geneva.

Cô bé lắc đầu.

Cooper lẩm bẩm: “Một kiểu lễ nghi hay tôn giáo chăng?”.

Sachs nói: “Tôi có ý này”. Cô rút chiếc điện thoại của mình ra, gọi cho ai đó. Rhyme đoán rằng người mà cô đang nói chuyện sẽ sớm có mặt ở đây. “Em gọi cho một chuyên gia - về quân bài.”

“Tốt.”

Cooper kiểm tra dấu vân tay trên lá bài và không phát hiện được chút gì. Cũng không có dấu vết nào hữu ích cả.

“Còn thứ nào khác trong túi nữa?”, Rhyme hỏi.

“Được rồi”, nhà khoa học hình sự pháp y trả lời: “Chúng ta có một cuộn băng dính mới nguyên, một con dao rọc giấy, vài cái bao cao su Trojan. Không thứ nào có thể lần tìm dấu vết được. Và... Đây rồi!”. Cooper giơ lên một mẫu giấy. “Một tấm hóa đơn.”

Rhyme lái chiếc xe lăn tới gần hơn và nhìn nó. Không có tên của cửa hàng; tấm hóa đơn được in ra từ một chiếc máy thanh toán kiểu cũ. Mục đã mờ.

“Không có nhiều thông tin từ nó lắm”, Pulaski nói, rồi có vẻ như đang nghĩ rằng mình đáng lẽ không nên nói gì.

Cậu ta đang làm gì ở đây nhỉ? Rhyme tự hỏi.

À, đúng rồi. Giúp Sellito.

“Rất tiếc, tôi nghĩ khác”, Rhyme nói một cách thẳng thừng- “Nó cho chúng ta rất nhiều thông tin. Hẳn đã mua tất cả các đồ này từ trong cùng một cửa hàng - chúng ta có thể so sánh giá trên món đồ với cái hóa đơn - chà, cùng với một thứ gì đó khác không có ở đây mà hẳn mua với năm đô chín mươi lăm xu. Có thể là bộ bài tarot. Như vậy là chúng ta có thông tin về một cửa hàng bán c băng dính, dao rọc giấy và bao cao su. Có thể là một cửa hàng tạp hóa hoặc thậm chí là một hàng dược phẩm. Chúng ta biết đó không phải là một siêu thị lớn vì không có logo của cửa hàng trên hóa đơn và chiếc túi. Và nó là một cửa hàng nhỏ bởi nó chỉ có ngăn kéo đựng tiền, chứ không phải một quầy thanh toán được quản lý bằng máy tính. Không đề cập đến vấn đề giá rẻ. Và mức thuế ghi trên hóa đơn cho chúng ta biết cái cửa hàng này nằm ở...” Anh nheo mắt khi so sánh tổng tiền trên hóa đơn với số tiền thuế. “Chết tiệt, ai giỏi toán nhỉ? Tỷ lệ phần trăm là bao nhiêu đây?”

Cooper nói: “Tôi có máy tính đây”.

Geneva nhìn vào tấm hóa đơn. “8.625%.”

“Làm sao cháu biết điều đó?”, Sachs hỏi.

“Cháu giống như một chiếc máy tính thôi.” Cô bé nói.

Rhyme nhắc lại: “8.625%. Đó là sự liên hệ giữa tiểu bang New York và mức thuế mua hàng của thành phố. Khiến thông tin của cửa hàng này nằm ở một trong số năm khu của tiểu bang”. Anh nhìn Pulaski. “Vây, anh cảnh sát tuần tra, vẫn cho rằng nó không thực sự hé lộ nhiều thông tin chứ?”

“Tôi đã hiểu, thưa ngài.”

“Tôi không còn phục vụ trong lực lượng nữa. Nói ‘thưa ngài’ là không cần thiết. Được rồi. In mọi thứ ra và hãy xem chúng ta có thể tìm thấy gì.”

“Tôi á?” Chàng tân binh hỏi một cách không dám chắc.

“Không. Họ.”

Cooper và Sachs sử dụng các kỹ thuật khác nhau để lấy các dấu tay trên các vật chứng: bột huỳnh quang, tia Adrox và hương liệu có mùi keo siêu dính trên các bề mặt phẳng trơn; hơi iode và ninhydrin trên các bề mặt có nhiều lỗ nhỏ li ti, một vài trong số đó tự làm nổi dấu tay; trong khi những cái khác thì hiện kết quả dưới ánh sáng của đèn chiếu chuyên dụng.

Ngẩng lên nhìn đội phá án qua cặp kính lồi màu da cam, Cooper báo cáo: “Có các dấu tay trên tờ hóa đơn, và các dấu tay trên các đồ vật. Tất cả đều là một. Chỉ có một vấn đề là, các dấu tay nhỏ, quá nhỏ để có thể là dấu tay của một người đàn ông cao gần mét tám. Đây là dấu tay của một người phụ nữ mảnh mai nhỏ nhắn, hoặc của một nữ sinh tuổi vị thành niên, người bán hàng, tôi sẽ nói như vậy. Tôi cũng nhìn thấy vết lau. Tôi cho rằng nghi phạm đã lau sạch dấu tay của hắn rồi”.

Trong khi rất khó để xóa đi dấu vết các chất dầu của bàn tay, các dấu tay có thể bị bay biến một cách dễ dàng sau khi được chùi sạch.

“Kiểm tra chúng ta có với IAFIS.”

Cooper lấy những mẫu dấu tay và đưa lên máy scan. Mười phút sau, hệ thống nhận dạng vân tay tự động của FBI xác nhận rằng dấu vân tay không thuộc về một ai có hồ sơ trong cơ sở dữ liệu chính của thành phố, tiểu bang và liên bang. Cooper đồng thời cũng gửi chúng tới một vài cơ sở dữ liệu địa phương mà không kết nối với hệ thống của FBI.

“Dấu giày”, Rhyme nói lớn.

Sachs in ra các tấm phim âm bản. Các dấu giày đã sòn, vậy chiếc giày đã cũ.

“Cỡ mười một”, Cooper nói.

Có một sự không tương quan giữa kích thước bàn chân và cấu trúc xương cũng như chiều cao, dù nó vẫn có thể là một bằng chứng chưa được thuyết phục trước tòa. Kích cỡ bàn chân cho thấy Geneva đã khá đúng trong việc ước lượng rằng nghi phạm cao khoảng một mét tám.

“Còn nhãn hiệu thì sao?”

Cooper kiểm tra bức ảnh qua hệ thống dữ liệu về dấu giày và đã tìm ra. “Giày hiệu Bass, kiểu dành cho người đi bộ. Ít nhất đã được ba năm rồi. Họ ngừng sản xuất kiểu này từ ba năm trước.”

Rhyme nói. “Vết mòn trên giày cho chúng ta biết bàn chân phải của hắn hơi hướng ra ngoài một chút, nhưng không có dấu hiệu bước đi khập khiễng hoặc cà nhấc và không có biến dạng về xương chân chỗ ngón cái, móng mọc trong hoặc các vấn đề về chân khác[2]”

[2] Nguyên văn tiếng Pháp: Malades dé pieds.

“Tôi không biết là anh nói được tiếng Pháp đấy, Lincoln”, Cooper nói.

Chỉ trong trường hợp mà nó có ích cho cuộc điều tra. Anh biết cụm từ đặc biệt này khi đang điều tra vụ án Mất tích chiếc giày bên phải và đã có cơ hội nói chuyện hàng chục lần với một cảnh sát người Pháp. “Tình trạng dấu vết thế nào?”

Cooper đang mải mê nghiền ngẫm chiếc túi đựng vật chứng thu thập được có chứa những mẫu vụn nhỏ xíu dính chặt với dụng cụ thu thập dấu vết của Sachs, đó là một con lăn dính, giống như cái lăn dùng để hút lông chó mèo và sợi vải. Những con lăn đã thay thế chiếc máy hút bụi chân không DustBuster như một sự lựa chọn dành riêng cho sợi vải, lông tóc và chất lỏng.

Đeo chiếc kính lúp vào một lần nữa, nhà khoa học hình sự sử dụng những chiếc nhíp mảnh để nhặt các chất liệu lên. Anh chuẩn bị một tấm nhựa trong và đặt nó bên dưới kính hiển vi, rồi điều chỉnh độ phóng và tiêu điểm. Đồng thời, hình ảnh hiện ra một vài chiếc máy tính màn hình phẳng ở quanh căn phòng. Rhyme xoay chiếc xe lăn và kiểm tra thật kỹ những bức ảnh. Anh có thể nhìn thấy những hạt rất nhỏ như là bụi, một vài sợi vải, những vật thể phồng lên màu trắng, và những thứ mà nhìn giống như những chiếc vỏ côn trùng được lột ra - “bộ xương ngoài”. Khi Cooper di chuyển bàn soi của chiếc kính hiển vi, một vài hạt nhỏ từ chất liệu vải mềm, mềm xốp như bột biển có màu trắng ngà hiện ra.

“Những thứ này đến từ đâu?”

Sachs xem xét. “Có hai nguồn: sàn nhà gần chiếc bàn mà Geneva ngồi và bên cạnh chiếc thùng rác lớn mà hắn đứng khi bắn ông Barry.”

Lần theo dấu vết từ những vật chứng ở những nơi công cộng thường không có tác dụng bởi có quá nhiều khả năng những người lạ không liên quan để lại các dấu vết. Nhưng nếu như cùng một dấu vết được tìm thấy ở hai địa điểm tách biệt mà hung thủ có mặt cho thấy rõ ràng nó chắc chắn phải là dấu vết hắn để lại.

“Cảm ơn Chúa”, Rhyme lẩm bẩm: “vì sự thông minh trong việc tạo ra những chiếc giày có đế sâu”. Sachs và Thom liếc nhìn nhau.

“Không hiểu cái tâm trạng tốt của tôi à?” Rhyme hỏi, tiếp tục nhìn chăm chăm vào màn hình. “Đó có phải là lý do cho ánh mắt của hai người không? Đôi khi có thể tôi rất vui vẻ.”

“Cả năm được một lần”, người phụ tá lẩm bẩm.

“Một thành ngữ nữa, Lon. Cậu biết câu này không? Nào, bây giờ thì quay lại với các dấu vết. Chúng ta biết đó là dấu vết hắn để lại. Đó là cái gì? Và liệu nó có thể dẫn dắt chúng ta đến sào huyệt của hắn không?”

Các nhà khoa học pháp y đối mặt với những nhiệm vụ tạo thành hình kim tự tháp trong việc phân tích vật chứng. Công việc khởi đầu - và thường là công việc đơn giản dễ dàng nhất - là xác định một chất liệu (ví dụ như, tìm ra một vết loang màu nâu là máu và liệu nó là của người hay của động vật, hay một mẫu vật gì đó là một mảnh vỡ của viên đạn).

Nhiệm vụ thứ hai là phân loại các vật mẫu đó, như là, đặt nó vào một nhóm phân loại nhỏ hơn (ví dụ như xác định vết máu đó là máu nhóm O dương tính, hay là cái mảnh vỡ từ viên đạn đó là một viên đạn cỡ 38 ly). Biết được rằng một vật chứng nằm trong một nhóm riêng biệt sẽ có giá trị nhất định đối với cảnh sát và những công tố viên nếu như kẻ tình nghi có thể có liên quan đến vật chứng ở cùng một loại như thế - chiếc áo của hắn có vết máu nhóm O dương tính, và có một khẩu súng sử dụng đạn cỡ 38 ly - mặc dù những tình tiết có liên quan như vậy chưa thực sự có.

Nhiệm vụ cuối cùng, và mục tiêu sau cùng của tất cả các nhà khoa học pháp y, đó là cá nhân hóa những bằng chứng - liên kết một cách không thể nghi ngờ được cái bằng chứng riêng biệt này với một địa điểm hay một con người duy nhất (mẫu DNA từ vết máu trên chiếc áo sơ mi của kẻ tình nghi khớp với máu của nạn nhân, viên đạn có những dấu vết riêng duy nhất mà chỉ có thể được tạo ra khi bắn bằng khẩu súng của hắn).

Đội phá án lúc này đang ở tầng thấp của chiếc kim tự tháp pháp y này. Ví dụ như những cái mẫu đó là một loại sợi vải, mà họ đã biết. Nhưng hàng ngàn loại sợi vải khác nhau được tạo ra trên nước Mỹ hằng năm và có hơn bảy ngàn loại màu được sử dụng để nhuộm chúng. Và cũng như thế, đội phá án có thể thu hẹp được phạm vi. Những phân tích của Cooper đã hé lộ ra rằng những mẫu vải được bỏ lại bởi tên giết người là loại từ thực vật tự nhiên - hơn là được làm từ động vật hay khoáng chất - và chúng dày.

“Tôi cá đó là dây thừng sợi bông”, Rhyme đưa ra suy đoán.

Cooper gật đầu khi anh đọc dữ liệu về các loại vải làm từ thực vật. “Đúng thế. Mặc dù, rất chung chung. Không có nhà sản xuất.”

Một sợi vải không có màu gì nhưng những mẫu vải khác có các vết ố của một vật gì đó. Nó có màu nâu và Cooper nghĩ rằng đó có thể là vết máu. Một xét nghiệm với phenolphthalein dành cho những dấu vết được cho là vết máu đã xác định kết quả.

“Máu của hắn?”, Sellito bắn khoả.

“Ai biết?”, Cooper đáp lại, tiếp tục xét nghiệm mẫu vật. “Nhưng đó chắc chắn là của người. Với hai đầu bị xoắn chặt và đứt, tôi có thể suy luận rằng sợi thừng là dây dùng để thắt cổ. Chúng ta đã từng nhìn thấy trước đây. Nó có thể là một vũ khí giết người có chủ đích.”

Cái vật cứng hắn dùng có thể đơn giản với mục đích đánh ngất nạn nhân, hơn là được dùng để giết cô bé (Đánh một ai đó đến chết là một công việc khó khăn và sẽ gây ra một vụ lộn xộn). Hắn ta cũng có súng, nhưng nó sẽ phát ra tiếng quá to trong khi hắn muốn thực hiện vụ giết người một cách im lặng để còn trốn thoát. Một sợi thừng thắt cổ nạn nhân là lựa chọn hợp lý.

Geneva thở dài. “Chú Rhyme? Bài kiểm tra của cháu.”

“Bài kiểm tra?”

“Ồ trường.”

“À, chắc chắn rồi. Đợi chút một phút... Tôi muốn biết cái vỏ lột ra này là của loại côn trùng hay bọ nào”, Rhyme

“Anh cảnh sát”, Sachs nói với Pulaski.

“Vâng, thưa b... Thanh tra?”

“Cậu có thể giúp chúng tôi một chút ở đây không?”

“Chắc chắn rồi.”

Cooper in ra một bức ảnh màu về mẫu xác và đưa nó cho anh lính trẻ. Sachs đưa anh ta ngồi xuống một chiếc máy tính và gõ lệnh để nhập vào kho dữ liệu côn trùng của sở - Sở cảnh sát New York là một trong số ít sở cảnh sát trên thế giới có không chỉ một thư viện chuyên sâu đầy đủ thông tin về côn trùng mà còn có cả một đội ngũ chuyên gia về côn trùng đang làm việc. Sau một chút tạm dừng, màn hình máy tính bắt đầu ngập đầy những bức ảnh nhỏ về các bộ phận côn trùng.

“Trời, có rất nhiều loại. Mọi người biết đấy, tôi thực sự chưa bao giờ làm cái công việc này trước đây.” Anh ta nheo mắt nhìn khi những tập tin lướt qua.

Sachs giấu một nụ cười. “Không hoàn toàn giống với CSI (Điều tra một hiện trường), đúng không?”, cô hỏi. “Hãy lướt chuột thật chậm rãi và tìm thứ mà cậu nghĩ rằng nó khớp. ‘Chậm - chắc’ là bí quyết.”

Rhyme nói: “Ngày càng có nhiều sai lầm trong các phân tích pháp y bởi vì tính vội vội vàng vàng của các kỹ thuật viên hơn bất cứ lý do nào khác”.

“Tôi không biết điều đó.”

Sachs nói: “Giờ thì cậu đã biết”.

6. Chương 6

“Phân tích bằng máy sắc ký khí những chấm màu trắng ở đó.” Rhyme ra lệnh. “Chúng là cái quỷ gì thế nhỉ?”

Mel Cooper lấy ra một vài mẫu vật từ con lăn và đưa chúng qua hệ thống sắc ký khí, một công cụ có thể làm được cả một núi công việc cần thiết khó khăn trong mọi phòng xét nghiệm pháp y. Nó phân tích các vật chứng chưa rõ thành các thành phần cấu tạo và sau đó xác định chúng. Mất mười lăm phút hoặc hơn để có kết quả phân tích, và trong khoảng thời gian chờ đợi ấy Cooper ghép những mảnh đạn mà các bác sĩ trong phòng cấp cứu đã lấy ra khỏi chân của người phụ nữ mà hung thủ đã bắn trúng. Sachs đã nói khẩu súng phải là một khẩu côn, không phải loại tự động, bởi nó không có các vỏ đạn đồng rơi ra ở hiện trường vụ nổ súng bên ngoài bảo tàng.

“Ồ, thật là kinh khủng”, Cooper nói với kinh ngạc, khi đang kiểm tra những mảnh vỡ với một chiếc nhíp. “Khẩu súng này loại nhỏ, sử dụng đạn 22 ly. Nhưng đó là những viên đạn loại có ổ thuốc nổ lớn.”

“Tốt”, Rhyme nói. Anh tỏ vẻ vui mừng vì phiên bản ổ thuốc nổ lớn đầy uy lực của loại đạn 22 ly với hạt kích nổ ở vành chân là một loại đạn khá hiếm và do đó sẽ dễ dàng hơn để lần tìm dấu vết. Trên thực tế, nếu đó là một khẩu côn thôi cũng vẫn là hiếm rồi. Điều đó có nghĩa là họ có khả năng tìm ra nhà sản xuất loại súng này một cách dễ dàng.

Sachs, vốn là một xạ thủ súng ngắn đầy tính hơn thua, thậm chí không cần phải truy tìm câu trả lời.

“Hãng sản xuất vũ khí Bắc Mỹ - North American Arms - là nhà sản xuất loại này duy nhất mà tôi biết. Có thể đó là mẫu Black Widow của họ, nhưng tôi sẽ đoán đó là mẫu Mini Master. Nó có nòng súng dài khoảng mười centimet. Như thế sẽ chính xác hơn và có thể tập trung các phát bắn khá sát nhau.”

Rhyme hỏi nhà khoa học hình sự, anh ta đang nghiền ngẫm trên chiếc bảng xét nghiệm: “Ý anh là sao khi nói ‘kinh khủng’?”

“Hãy nhìn xem.”

Rhyme, Sachs và Sellito tiến lên phía trước. Cooper đang nhún nhún xung quanh những mẫu kim loại dính máu bằng chiếc nhíp. “Nhìn có vẻ như là hấn tự làm ra những thứ này.”

“Đạn nổ?”

“Không, hoàn toàn không hay. Có thể còn tồi tệ hơn. Cái vỏ ngoài của đầu đạn làm bằng chì mỏng, ở bên trong, được nhồi đầy những thứ này.”

Có đến nửa tá những chiếc kim nhỏ xíu, vào khoảng ba phần tám chiều dài của một inch[1]. Khi trúng mục tiêu, đầu đạn sẽ nổ và những chiếc kim này sẽ bắn tung tóe theo hình chữ V bên trong cơ thể. Dù những viên đạn nhỏ nhưng có thể tạo ra sức phá hoại lớn hơn nhiều với viên đạn nổ bình thường. Nó được thiết kế không phải để ngăn chặn kẻ tấn công hay để phòng thủ, mục đích của nó chỉ đơn giản là để phá hoại những mạch máu, tế bào bên trong. Nếu như không có ảnh hưởng tê cứng mất cảm giác do tác động của một viên đạn cỡ lớn, những viên đạn này sẽ mang lại những vết thương đau đớn vô cùng.

[1] Một inch = 2.54 cm

Lon Sellito lắc đầu, đôi mắt vẫn dán chặt vào những cái kim, và gãi nhẹ vết máu vô hình trên mặt anh ta, hẳn là đang nghĩ tới việc anh ta suýt bị bắn trúng bởi một trong những viên đạn này. “Lạy Chúa”, anh ta lẩm bẩm. Tiếng nói vỡ ra và anh hắng giọng, cười để giấu nó, rồi đi ra khỏi chiếc

Một cách kỳ lạ, phản ứng của viên trung úy có nhiều vấn đề phiền phức hơn là phản ứng của cô bé. Geneva có vẻ như ít quan tâm tới những chi tiết về những phát súng khủng khiếp của kẻ tấn công cô. Cô lại nhìn vào đồng hồ của mình và ngồi thườn thượt một cách thiếu kiên nhẫn.

Cooper quét mảnh lớn nhất của viên đạn và chạy những thông tin về loại đạn này thông qua Hệ thống nhận dạng đạn đạo tích hợp (IBIS), hệ thống có gần một ngàn sở cảnh sát trên khắp đất nước đăng ký, cũng như hệ thống DRUGFIRE của FBI. Những cơ sở dữ liệu khổng lồ này có thể ghép một viên đạn, những mảnh vỡ hoặc những vỏ đạn bằng đồng với những viên đạn hoặc vũ khí đã có trong dữ liệu. Ví dụ như, khẩu súng được tìm thấy ở kẻ tình nghi ngày hôm nay, có thể nhanh chóng được tìm ra khớp với một viên đạn được ghép lại từ một nạn nhân năm năm trước đây.

Mặc dù kết quả trên những viên đạn này, không được khả quan lắm. Chính những chiếc kim trong viên đạn này được bẻ ra từ đuôi của những chiếc kim khâu, loại mà ta có thể mua ở bất cứ đâu. Không thể tìm được dấu vết.

“Không bao giờ dễ dàng, đúng không?”, Cooper lẩm bẩm. Theo hướng của Rhyme, anh cũng đã tìm kiếm thông tin về những người có đăng ký sở hữu súng loại Mini Master và khẩu Black Widow nhỏ hơn, với cỡ nòng 22 ly, đưa ra kết quả gần một ngàn người và không một ai trong số họ từng có hồ sơ phạm tội. Về mặt luật pháp, các cửa hàng không được yêu cầu lưu giữ thông tin của những người mua súng đạn và do đó, họ không bao giờ làm việc này. Lúc này đây thì, thứ vũ khí đó vẫn dẫn tới một ngõ cụt.

“Pulaski?”, Rhyme nói lớn. “Có được gì với con bọ rồi?”

“Cái xác - có phải đó là cách ngài gọi nó không? Ý ngài là thế phải không ạ?”

“Đúng, đúng, đúng. Có gì về nó?”

“Chưa có dữ liệu trùng. Chính xác thì một cái xác còn trùng có ý nghĩa gì?”

Rhyme không trả lời. Anh nhìn vào màn hình và nhìn thấy chàng trai trẻ mới đi được một đoạn nhỏ tới bộ Bọ cánh nửa trong dữ liệu về côn trùng. Anh ta vẫn còn cả một chặng đường dài phía trước. “Tiếp tục làm đi.”

Chiếc máy tính của máy sắc ký khí kêu một tiếng bíp; nó đã hoàn thành việc phân tích những đốm trắng, ở trên màn hình là một biểu đồ nhấp nhô, bên dưới là những khối chữ.

Cooper nghiêng về trước và nói: “Chúng ta có

Curcumin[2], demethoxycurcumin[3], bis Demethoxycurcumin[], một loại tinh dầu nguyên chất, acid amin, lizin[4] và tryptophan[4], theronine[4] và isoleucine[4], clorua, một loạt các loại protein có thể để lại dấu vết và một tỷ lệ lớn các tinh bột, dầu, các chất béo trung tính, natri, các glucid phức... Chưa bao giờ thấy hợp chất nào như thế này”.

[2] Một chất trong củ nghệ thuộc họ gừng.

[3] Một dẫn chất của Curcumin.

[4] Một loại acid amin.

Phương pháp sắc ký khí GC/MS[5] thực sự là một phép màu trong việc tách và nhận dạng vật chất, nhưng không cần thiết phải tuyệt đến mức nói cho ta biết những gì thêm vào đó. Rhyme thường có thể suy luận được những vật chất hay gặp, như xăng hay các chất nổ, chỉ dựa vào danh sách các thành phần của nó. Nhưng những thứ này thì lại mới đối với anh. Anh gõ đầu mình và bắt đầu xếp loại những chất này vào danh sách mà, là một nhà khoa học, anh biết rằng có thể và không thể được tìm thấy cùng nhau một cách logic. “Chất curcumin, những thành phần của nó và các glucit phức rõ ràng là hợp với nhau.”

[5] Phương pháp phân tích sắc ký khí kết hợp với khối phổ - thường được dùng để định danh các chất chưa biết - giúp nhận biết chất nổ, chất cháy, ma túy,...

“Rõ ràng”, câu trả lời với một cái nhún mắt của Amelia Sachs, người vẫn thường trốn lớp học Khoa học ở trường trung học để đi chơi trò đua xe siêu tốc.

“Chúng ta sẽ gọi nó là Nhóm chất số một. Rồi đến acid amin, các protein khác, tinh bột và chất béo tự nhiên - chúng cũng thường được tìm thấy với nhau. Chúng ta sẽ gọi nó là Nhóm chất số hai. Clorua..

“Chất độc, đúng không?” Pulaski hỏi.

“... và Natrium”, Rhyme lầm bầm: “Gần như là giống với muối.” Một cái liếc nhìn sang chàng cảnh sát trẻ. “Chỉ nguy hiểm với những người có huyết áp cao. Hoặc nếu như cậu là một con ốc sên.”

Chàng trai trẻ quay trở lại với kho dữ liệu về côn trùng.

“Như vậy - với acid amin và tinh bột cộng với dầu - Tôi đang nghĩ Nhóm chất số hai là một loại thực phẩm, đồ ăn mặn. Lên mạng, Mel, và hãy tìm ra xem curcumin có trong cái thứ gì nào.”

Cooper làm điều đó. “Anh nói đúng. Đó là chất nhuộm có nguồn gốc tự nhiên được sử dụng trong sản xuất thực phẩm. Thường được tìm thấy có liên quan nằm trong Nhóm chất số một. Các tinh dầu nguyên chất nữa.”

“Các loại thực phẩm thuộc loại nào?”

“Có hàng trăm thức ăn loại này.”

“Cho một vài ví dụ xem nào!”

Cooper bắt đầu đọc tên trên một danh sách dài lê thê. Nhưng Rhyme cắt ngang. “Khoan đã, bắp rang bơ có trong danh sách không?”

“Để xem nào... À, đúng thế.”

Rhyme quay sang và gọi Pulaski: “Cậu có thể dừng lại rồi”.

“Dừng lại?”

“Đó không phải một cái vỏ xác côn trùng. Nó là cái vỏ ngoài của hạt ngô.”

Muối, dầu và bắp rang. Đáng lẽ phải nghĩ ra nó ngay trước rồi. Chết tiệt.” Tuy nhiên, câu chữ thêm vào lại là một tiếng hân hoan. “Viết lên biểu đồ, Thom. Nghi phạm của chúng ta thích ăn đồ ăn vặt.”

“Tôi có nên viết điều đó lên không?”

“Tất nhiên là không. Hẳn có thể ghét bắp rang. Có thể hẳn làm việc cho một công ty bắp rang bơ hoặc một rạp chiếu phim. Chỉ cần thêm vào chữ “bắp rang”. Rhyme nhìn vào biểu đồ. “Giờ thì hãy lần theo những

dấu vết khác nào. Những thứ có màu trắng ngà.” Cooper lại chạy thí nghiệm GC/MS một lần nữa. Kết quả chỉ ra rằng đó là đường mía và acid uric.

“Acid cô đặc”, anh ta nói. “Đường mía thì nguyên chất - không có thực phẩm nào khác - và cấu trúc kết tủa như pha lê rất độc đáo. Tôi chưa từng nhìn thấy nó bị nghiền nhỏ lại như thế này.

Rhyme cảm thấy không hay với thông tin này. “Gửi nó tới những chuyên gia bom mìn của FBI.”

“Bom?”, Sellito hỏi.

Rhyme nói: “Chưa từng đọc sách của tôi à? Hừm”.

“Chưa”, viên thanh tra to béo đáp lại. “Tôi bận đi tóm cổ những kẻ xấu xa.”

“Chịu thua. Nhưng nó sẽ có ích nếu ít nhất nhìn vào cái tiêu đề lần này qua lần khác. Như trong quyển ‘Những thiết bị nổ tự tạo’. Đường thường là một thành phần trong đó. Trộn lẫn nó với Natrium Nitrate và ta sẽ có một quả bom khói. Với thuốc tím, đó là một trái bom nho nhỏ - nhưng vẫn có thể tạo ra sức phá hoại nếu như anh nhồi nó vào trong một cái ống. Tôi không biết chắc bằng cách nào mà acid uric xuất hiện, nhưng Cục điều tra liên bang FBI có cơ sở dữ liệu tốt nhất trên thế giới. Họ sẽ trả lời cho chúng ta.”

Phòng thí nghiệm của FBI sẵn sàng xử lý những vật chứng phân tích cho các sở cảnh sát bang và địa phương, mà không tính phí, điều kiện là các cơ quan yêu cầu đồng ý với hai điều: chấp nhận kết quả của FBI là kết luận cuối cùng và đưa nó cho luật sư của bị cáo thấy. Bởi vì sự hào phóng của Cục - và cả tài năng nữa - các nhân viên nhận được quá nhiều yêu cầu giúp đỡ; họ thực hiện hơn bảy trăm ngàn phân tích trong một năm.

Ngay cả một viên cảnh sát thuộc Sở cảnh sát New York cũng sẽ đứng xếp hàng như bao người khác để loại đường này được đưa vào phân tích. Nhưng Lincoln Rhyme thì có một tay trong - Fred Dellray, một đặc vụ thuộc văn phòng FBI Manhattan, thường làm việc với Rhyme và Sellito đồng thời có tầm ảnh hưởng rất lớn trong Cục. Một điều quan trọng không kém là sự thật rằng Rhyme đã giúp FBI thiết lập hệ thống PERT[6] của họ. Sellito gọi cho Dellray, người hiện đang làm việc cho lực lượng cảnh sát đặc nhiệm điều tra những báo cáo về các nguy cơ đánh bom khủng bố ở New York. Dellray gọi cho Sở chỉ huy FBI ở Washington D.C., và chỉ trong vài phút, chuyên gia kỹ thuật đã được triệu tập để giúp đỡ trong chuyên án Nghi phạm 109. Cooper gửi cho anh những kết quả của các phân tích và nén những bức ảnh kỹ thuật số của các bằng chứng thông qua một email an toàn.

[6] Hệ thống trung tâm xử lý bằng chứng thực.

Không quá mười phút trôi qua trước khi điện thoại reo lên.

“Lệnh, trả lời”, Rhyme mở hệ thống điều khiển nhận dạng giọng nói của mình lên.

“Thanh tra Rhyme...”

“Tôi nghe đây.”

“Tôi là chuyên gia xét nghiệm Phillips trên phố 9.” Phố 9 ở Washington, ý anh ta là như vậy. Sở chỉ huy FBI.

“Anh có gì cho chúng tôi nào?”, Rhyme hỏi một cách nhanh chóng.

“Và cảm ơn vì đã hồi đáp nhanh như vậy”, Sachs nói nhanh. Đôi khi cô phải xen vào bởi sự bất lịch sự của anh.

“Không vấn đề gì, thưa bà. Ừm, tôi đang nghĩ rằng nó khá là lạ, những gì mà các ngài gửi xuống. Bởi vậy tôi đã gửi chúng tới Trung tâm Phân tích chất liệu. Họ đã thực hiện thủ thuật phân tích. Theo như chất đó, chúng tôi có được kết quả chắc chắn đến 97%.”

Chất nổ này nguy hiểm tới mức nào? Rhyme tự hỏi. Anh nói: “Tiếp tục đi. Nó là cái gì vậy?”.

“Kẹo bông

Đó không phải là tên một phổ mà anh biết. Nhưng có hàng đồng loại chất nổ thể hệ mới có tốc độ kích nổ lên tới hơn chín cây số một giây, gấp mười lần vận tốc của một viên đạn. Liệu đây có phải là một trong số đó hay không? Anh hỏi: “Những đặc tính của nó là gì?”

Dừng lại một chút. “Nó có vị dễ chịu.”

“Đó là gì?”

“Ngọt. Và dễ chịu.”

Rhyme hỏi: “Ý anh là nó là kẹo bông thực sự, giống như loại ta có thể mua ở chợ?”

“Vâng, vậy ông nghĩ rằng tôi ám chỉ cái gì?”

“Không cần quan tâm đâu.” Thở dài, nhà tội phạm học hỏi: “Và cái acid uric là trên đôi giày của hấn khi hấn giẫm phải bãi nước đá của một con chó nào đó trên vỉa hè chẳng?”

“Không thể trả lời được hấn giẫm vào ở đâu”, chuyên viên xét nghiệm nói, thể hiện sự chính xác cao mà Cục vốn nổi tiếng về điều đó. “Nhưng mẫu vật này có phản ứng dương tính dành cho xét nghiệm thử với nước đá chó”.

Anh cảm ơn người chuyên gia và ngắt máy. Rồi quay lại với đội phá án. “Bắp rang bơ và kẹo bông ở trên đôi giày của hấn cùng một lúc?” Rhyme trầm ngâm. “Nó đã dây vào hấn ở đâu được?”

“Một trận bóng?”

“Các đội New York chưa có trận sân nhà nào gần đây. Tôi đang nghĩ rằng có thể nghi phạm của chúng ta đi qua một khu gần nhà mà ở đó mới có hội chợ hay hội tiệc ngày hôm qua hoặc gì đó.” Anh hỏi Geneva: “Cháu có vừa đi vào một hội chợ nào không? Hấn có thể nào thấy cháu ở đó?”

“Cháu á? Không. Cháu không hề tới hội chợ.” Rhyme nói với Pulaski: “Bối cậu đã xong việc với những con bọ, Cảnh sát tuần tra, cậu hãy gọi bất cứ ai cậu cần và đi tìm từng giấy phép được cấp cho một hội chợ, đám tiệc, lễ hội, yến tiệc tôn giáo, bất cứ gì”.

“Tôi sẽ làm việc đó”, chàng cảnh sát trẻ nói.

“Chúng ta còn có những gì nữa?” Rhyme hỏi. “Những mảnh vụn từ tấm đựng vi phim trong chiếc máy đọc vi phim, những chỗ mà hấn ta đập bằng một vật cứng.”

“Mẫu vụn?”

“Những mẫu vernis nhỏ, tôi đoán vậy, từ bất cứ thứ gì đó mà hấn sử dụng.”

“Được rồi, kiểm tra chúng thông qua Maryland.” Cục điều tra Liên bang có một cơ sở dữ liệu khổng lồ về những mẫu sơn hiện tại và trước đây, được đặt ở một trong những cơ sở của Cục ở Maryland. Nơi này hầu như được dùng để khớp các vật chứng bằng màu sơn với những chiếc ô tô. Nhưng cũng có đến hàng trăm mẫu vernis. Sau một cuộc gọi khác từ Dellray, Cooper gửi phân tích thành phần cấu thành từ xét nghiệm GC/MS và các dữ liệu khác trên những mảnh vụn gỗ sơn tới Cục. Chỉ trong vòng vài phút, điện thoại đã đổ chuông, và chuyên gia xét nghiệm của FBI báo cáo rằng mẫu vernis khớp với một sản phẩm được bán riêng cho các nhà sản xuất thiết bị liên quan tới võ thuật, giống như côn và dùi cui. Anh thêm vào một thông tin không được vui vẻ lắm đó là cái chất màu đó không có bất kỳ dấu hiệu của nhà sản xuất nào và được bán ra với số lượng lớn - có nghĩa rằng nó hoàn toàn không để lại một dấu vết nào.

“Được rồi, chúng ta có một tên hiệp dâm với khẩu côn, những viên đạn khiếp đảm, một sợi dây thừng dính máu... gã này quả là một cơn ác mộng biết đi.”

Tiếng chuông cửa vang lên và chỉ lát sau Thom dẫn vào một người phụ nữ khoảng hai mươi tuổi, tay anh choàng quanh vai cô gái.

“Nhìn xem ai đây nào”, người phụ tá nói lớn.

Người phụ nữ mảnh khảnh có mái tóc ngắn màu tím dựng đứng và một khuôn mặt xinh xắn. Chiếc quần dài bó sát và cái áo len cho thấy một thân hình khỏe mạnh - trên thực tế, đó là thân hình của một diễn viên, Rhyme biết điều đó.

“Kara”, Rhyme nói. “Thật tốt được nhìn thấy cô. Tôi suy luận rằng cô chính là chuyên gia mà Sachs gọi đến.”

“Chào.” Người phụ nữ trẻ ôm choàng Sachs, chào những người khác và vòng tay quanh Rhyme. Sachs giới thiệu cô với Geneva, cô bé đang nhìn cô gái với một khuôn mặt e dè.

Kara (đó là một nghệ danh; cô sẽ không hé lộ tên thật của mình) là một nghệ sĩ ảo thuật và biểu diễn, người đã từng giúp Rhyme và Sachs với vai trò cố vấn trong một vụ giết người gần đây, trong đó tên giết người sử dụng những kỹ năng của hắn như là một ảo thuật gia và một nghệ sĩ với bàn tay ma thuật để tới gần nạn nhân, giết họ và biến mất.

Cô sống ở làng Greenwich, nhưng đang thăm mẹ tại một cơ sở chăm sóc y tế ngay khu ngoại ô thành phố khi Sachs gọi, cô giải thích. Họ mất một vài phút để trò chuyện - Kara đang kết hợp chuyến đi với một show diễn cho một Trung tâm biểu diễn ở Soho, và cô đang hẹn hò với một diễn viên xiếc nhào lộn - rồi Rhyme nói: “Chúng tôi cần những ý kiến chuyên môn”.

“Chắc chắn rồi”, cô gái trẻ đáp. “Bất cứ điều gì mà tôi có thể làm được”.

Sachs giải thích về vụ án. Cô cau mày và thì thầm “Tôi rất tiếc” với Geneva khi nghe kể về ý đồ đen tối của tên hung thủ.

Cô bé chỉ nhún vai một cái.

“Hắn có thứ này”, Cooper nói, giơ lá bài tarot hình Người treo ngược từ trong gói đựng đồ gây án.

“Chúng tôi nghĩ rằng cô có thể nói cho chúng tôi biết đôi điều về nó.”

Kara đã từng giải thích với Rhyme và Sachs rằng thế giới ảo thuật được chia làm hai phe phái, những người chỉ là ảo thuật gia tại các hộp đêm, các show diễn, không hề có ý muốn sở hữu những khả năng siêu nhiên và thứ hai là những người quả quyết rằng mình có những quyền năng huyền bí. Kara chẳng có chút kiên nhẫn nào với những người thuộc nhóm thứ hai - cô chỉ là một người biểu diễn đơn thuần mà thôi - nhưng bởi vì kinh nghiệm làm việc trong các cửa hàng đồ ảo thuật của cô để trả tiền thuê nhà và tiền ăn, cô biết chút ít về tiên đoán vận mệnh.

Cô giải thích: “Được rồi, bộ bài tarot là một phương pháp bói toán ở Ai Cập cổ đại. Một bộ bài tarot được chia thành arcana[7] phụ - tương đương với bộ bài năm mươi hai quân - và arcana chính, từ số không đến hai mươi mốt. Những lá bài này kiểu như đại diện cho một chuyến đi xuyên suốt cuộc đời. Người treo ngược là lá bài thứ mười hai trong nhóm arcana chính”. Cô lắc lắc đầu. “Nhưng có điều gì đó không hợp lý ở đây.”

[7] Arcana: Từ dùng để chia nhóm các quân bài trong bộ tarot, là số nhiều của từ Aracnum mang nghĩa “Điều huyền bí”.

“Gì vậy?”, Selitto hỏi, khê chà tay lên da.

“Đó không phải là một lá bài xấu chút nào. Hãy nhìn vào bức tranh.”

“Nhìn anh ta khá bình thản”, Sachs nói: “Nên nhớ là anh ta đang bị treo ngược”.

“Hình ảnh trong bức tranh dựa trên hình ảnh về vị thần Odin của Na uy. Ông ta treo ngược trong vòng chín ngày với mong muốn tìm kiếm những kiến thức bên trong tâm trí. Nếu ta bốc được lá bài này trong một lần bói, điều đó có nghĩa rằng ta đang bắt đầu sứ mệnh theo đuổi sự khai sáng tâm hồn.” Cô hất đầu về phía chiếc máy tính. “Anh không phiền chứ?”

Cooper vẫy cô về phía chiếc máy. Cô gõ vào trang tìm kiếm Google và một vài giây sau đã thấy một địa chỉ trang web. “Làm sao để tôi in cái này ra nhỉ?”

Sachs giúp cô, và một lát sau tờ giấy cuộn mình ra khỏi chiếc máy in laser. Cooper đính nó lên trên chiếc bảng ghi chứng cứ. “Đó là ý nghĩa của lá bài”. Cô nói.

Người treo ngược không ám chỉ tới việc một ai đó đang bị trừng phạt. Sự hiện diện của nó ám chỉ rằng sự tìm kiếm về mặt tâm linh đưa tới một quyết định, một sự thay đổi về phương hướng. Lá bài thường dự báo một sự khuất phục trước những kinh nghiệm, kết thúc một sự tranh đấu, và chấp nhận nó. Khi lá bài này

xuất hiện với bạn, bạn phải lắng nghe chính nội tâm mình, dù cho cái thông điệp ấy có vẻ như trái ngược với logic.

Kara nói: “Nó không có gì liên quan tới bạo lực hay chết chóc cả. Nó nói về sự tạm dừng về mặt ý chí và chờ đợi”. Cô lắc lắc đầu. “Nó không phải thứ mà một kẻ giết người bỏ lại - nếu như hắn biết tất cả mọi thứ về những quân bài tarot. Nếu như hắn muốn để lại một thứ gì có tính chất phá hủy, nó phải là Ngọn tháp hoặc là một trong những lá bài từ bộ kiếm trong arcana phụ. Đó mới là những lá bài mang tin xấu.”

“Vậy hắn chọn lá bài này chỉ bởi vì nhìn nó đáng sợ”, Rhyme kết luận. Và bởi vì hắn đã lên kế hoạch định thắt cổ Geneva, hoặc là “treo lên”.

“Đó là những gì mà tôi sẽ đoán.”

“Điều đó có ích lắm đấy”, Rhyme nói.

Sachs cũng cảm ơn cô.

“Tôi cần phải quay lại thôi, cần phải luyện tập.” Kara bắt tay Geneva. “Mong là mọi việc sẽ tốt cho em!”.

“Cảm ơn chị.”

Kara đi về cánh cửa. Cô dừng lại và nhìn Geneva. “Em có thích các show ảo thuật và ảo giác không?”

“Em không hay ra ngoài lắm”, cô bé nói. “Khá là bận ở trường.”

“Ừm, chị đang có một show diễn trong vòng ba tuần nữa. Nếu em quan tâm, mọi thông tin có trên tấm vé rồi.”

“Tấm...”

“Vé.”

“Em không có tấm vé nào cả.”

“Có, em có.” Kara nói. “Nó nằm trong ví của em. À, còn bông hoa nữa? Hãy xem đó như là một vật may mắn.”

Cô bước đi, và họ nghe thấy tiếng cửa sập lại.

“Chị ấy nói về điều gì vậy?”, Geneva hỏi, nhìn xuống chiếc túi của mình, nó vẫn đóng.

Sachs cười. “Mở nó ra xem.

Cô bé kéo khóa ra và đôi mắt chớp chớp trong sự ngạc nhiên. Nằm bên trong là tấm vé tới một trong những buổi biểu diễn của Kara. Ở bên cạnh là một bông hoa violet ép khô. “Làm sao chị ấy làm được nhỉ?” Geneva nói thì thầm.

“Chúng tôi chưa bao giờ có thể bắt được cô ấy”, Rhyme nói. “Tất cả những gì chúng tôi biết, cô ấy quá giỏi”.

“Ồ, cháu cũng sẽ nói thế.” Cô bé giơ bông hoa tím ép khô lên.

Đôi mắt của nhà tội phạm học lướt về phía quân bài tarot, mà Cooper đã dính lên tấm bảng bằng chứng, ở bên cạnh tờ giấy ghi ý nghĩa của nó. “Vậy nó có vẻ như là một thứ mà một kẻ giết người sẽ bỏ lại trong một cuộc tấn công mang vẻ huyền bí. Nhưng hắn lại không hề biết ý nghĩa của nó là gì. Hắn đã chọn quân bài để gây ấn tượng. Vậy điều đó có nghĩa là...” Nhưng tiếng nói của anh nhỏ dần khi nhìn vào phần còn lại của cái biểu đồ ghi chép bằng chứng. “Chúa ơi”.

Những người khác nhìn anh.

“Gì thế?”, Cooper hỏi.

“Chúng ta đã nhầm hết rồi.”

Sellito không chà tay lên mặt nữa, hỏi: “Ý anh là sao?”.

“Nhìn vào các dấu tay trên đồ vật ở trong cái gói đồ. Hắn đã xóa hết những dấu tay của mình, đúng chứ?”

“Đúng”, Cooper xác nhận.

“Nhưng có những dấu tay”, nhà tội phạm học đưa ra suy luận của mình. “Và nhiều khả năng đó là dấu tay của nhân viên thu ngân, bởi nó trùng khớp với những dấu tay trên hóa đơn.”

“Phải”, Sellito nhún vai. “Vậy thì?”

“Vậy hấn đã xóa sạch dấu tay của mình trước khi đến quầy thanh toán. Trong khi hấn vẫn còn trong cửa hàng.” Im lặng bao trùm lên căn phòng. Phát cáu vì không ai hiểu ý của mình, nhà tội phạm học tiếp tục: “Bởi hấn muốn dấu tay của nhân viên thu ngân có ở trên mọi thứ”.

Sachs đã hiểu ra vấn đề. “Hấn chủ ý để cái bọc đồ lại. Để ta có thể thấy nó.”

Pulaski gật gù. “Nếu không, đáng ra hấn phải xóa sạch tất cả mọi thứ sau khi về đến nhà.”

“Chính xác”, Rhyme nói với giọng có chút vui sướng. “Tôi nghĩ rằng đó là bằng chứng được dàn dựng. Để chúng ta nghĩ rằng đó là một vụ cưỡng hiếp, với ngụ ý huyền bí. Được rồi, được rồi... Hãy bước lùi lại thích thú với ánh nhìn không thoải mái của Pulaski vào đôi chân của Rhyme khi anh sử dụng cách nói như vậy. “Một kẻ tấn công đuổi theo Geneva trong một bảo tàng công cộng. Không phải là bối cảnh cho một cuộc tấn công về tình dục. Rồi hấn đánh cô bé - ừm, là bức tượng ma nơ canh – đủ mạnh để giết chết cô bé, nếu như không phải là làm cô bé bất tỉnh một lúc lâu. Nếu như đó là vụ án vậy thì hấn cần con dao cắt giấy và cuộn băng dính để làm gì? Vứt lại lá bài tarot mà hấn nghĩ rằng nhìn đáng sợ nhưng nó thực ra chỉ là về một sự kiểm tìm về mặt tâm linh? Không, nó không phải một vụ chủ ý cưỡng hiếp chút nào.”

“Vậy ý đồ của hấn là gì?”, Sellito hỏi.

“Đó là điều mà chúng ta tốt hơn là phải tìm ra.” Rhyme nghĩ một lúc rồi nói: “Và anh nói rằng Tiến sĩ Barry không thấy gì hết à?”.

“Đó là những gì ông ấy nói với tôi”, Sellito đáp lại.

Nhưng hung thủ vẫn quay lại và giết ông ấy.” Rhyme cau mày. “Và quý ngài 109 đập vỡ chiếc máy đọc vi phim. Hấn là một kẻ chuyên nghiệp, nhưng cơn thịnh nộ lại chẳng hề chuyên nghiệp chút nào. Nạn nhân của hấn đã chạy thoát - hấn sẽ không phí thời gian đập phá đồ vật bởi vì hấn đã có một buổi sáng xui xẻo.” Rhyme hỏi cô bé: “Cháu nói rằng mình đang đọc một vài tờ báo cũ?”.

“Tập chí”, cô bé chỉnh lại.

“Trên chiếc máy đọc vi phim?”

“Đúng.”

“Kia à?” Rhyme hất đầu về phía chiếc túi nhựa lớn đựng vật chứng mà bên trong là một cái hộp có những tấm vi phim Sachs đã mang về từ thư viện. Có hai ổ, số một và số ba, trống rỗng.

Geneva nhìn vào chiếc hộp. Cô bé gật đầu. “Vâng. Đây là những ổ có đựng bài báo cháu đang đọc, những cái ổ trống ý.”

“Có phải cô đã lấy tấm vi phim ở trong đầu đọc?” Sachs trả lời: “Không hề thấy chúng đâu. Hấn chắc là đã lấy đi rồi”.

“Và đập nát chiếc máy để chúng ta không chú ý rằng tấm vi phim đã biến mất. Ừm, chuyện này bắt đầu thú vị đây. Hấn định làm gì? Động cơ của hấn là cái quái gì nhỉ?”

Sellito cười. “Tôi nghĩ rằng anh không quan tâm đến động cơ. Chỉ bằng chứng mà thôi.”

“Anh cần phải rút ra sự khác biệt, Lon, giữa việc sử dụng động cơ để chứng minh một vụ án trước tòa - mà đó là một suy luận tốt nhất - và sử dụng động cơ để đưa anh đến bằng chứng, mà nó có tính quyết định việc buộc tội một hung thủ: người đàn ông giết đối tác làm ăn bằng một khẩu súng giúp ta lần ra ga ra của hấn được nạp đầy những viên đạn mua với một tấm hóa đơn chứa đầy những dấu vân tay trên đó. Trong vụ này, ai quan tâm tới việc hấn giết đối tác vì nghĩ rằng một con chó biết nói bảo hấn làm vậy hay bởi vì cái gã đối tác ấy đã ngủ với vợ của hấn? Bằng chứng chỉ rõ vụ án.”

“Nhưng sẽ thế nào nếu không có đạn, súng, hóa đơn hay vết bánh xe? Thế thì câu hỏi hoàn toàn hợp lý là tại sao nạn nhân bị giết? Trả lời câu hỏi này có thể chỉ ta tới bằng chứng giúp buộc tội hung thủ. Xin lỗi vì đã lên lớp”, anh chêm vào với giọng không có chút thành khẩn nào.

“Niềm vui đã biến mất, phải không?”, Thom hỏi. Rhyme làu bàu: “Tôi đang bỏ qua một thứ gì đó ở đây và tôi không thích điều đó”.

Geneva đang cau mày. Rhyme nhận thấy điều đó và hỏi: “Sao vậy?”.

“Ừm, cháu đang nghĩ... Tiến sĩ Barry đã nói với cháu rằng có một ai đó cũng quan tâm đến chủ đề của tạp chí đó. Người đó muốn đọc nó, nhưng tiến sĩ Barry nói với người đó rằng ông ấy có thể đợi đến khi cháu đã đọc xong.”

“Ông ấy có nói ai không?”

“Không.”

Rhyme chú ý tới điều này. “Vậy hãy đưa ra suy đoán: Người thủ thư nói với kẻ nào đó rằng cháu quan tâm tới cái tạp chí đó. Nghi phạm muốn lấy trộm nó và hẳn muốn giết cháu bởi cháu đã đọc nó hoặc sẽ đọc nó.” Tất nhiên, nhà tội phạm học không được thuyết phục với tình huống này lắm. Nhưng một trong những điều khiến anh thành công là bởi sự sẵn sàng cân nhắc tới cả những giả thuyết ngược lại, đôi khi là trái khoáy. “Và hẳn đã lấy đi chính cái bài báo cháu đang đọc, đúng không?”

Cô bé gật đầu.

“Nó giống như là hẳn biết chính xác phải tìm cái gì... Cái bài báo đó viết về gì vậy?”

“Không có gì quan trọng cả. Chỉ là một trong những ông tổ của cháu thôi. Giáo viên của cháu đang quan tâm tới chủ đề Nguồn gốc và chúng cháu phải viết về một vị tổ tiên nào đó của mình trong quá khứ.”

“Ông ấy là ai, ông tổ này của cháu?”

“Đó là cụ tổ gì đó, một nô lệ đã được trả tự do. Cháu đến bảo tàng tuần trước và phát hiện ra có một bài báo về ông ấy trong một chủ đề của Tuần báo Minh họa dành cho người da màu. Họ không có bài này trong thư viện nhưng bác Barry nói rằng bác ấy có thể lấy tấm vi phim trong kho lưu trữ. Chỉ việc cắm nó vào là xong

“Câu chuyện nói về việc gì?” Rhyme chăm chú.

Cô bé do dự một chút rồi nói nhanh và dứt khoát: “Charles Singleton, tổ tiên của cháu, là một nô lệ ở bang Virginia. Ông chủ của ông ấy có những thay đổi trong trái tim và giải phóng tất cả nô lệ của mình. Bởi vì Charles và vợ của ông đã ở cùng với gia đình rất lâu, đã dạy dỗ những đứa trẻ trong gia đình đó đọc và viết, ông chủ đã cho họ một trang trại ở tiểu bang New York. Charles là một quân nhân trong thời Nội chiến. Sau đó, ông trở về nhà và bị buộc tội ăn trộm một khoản tiền từ quỹ giáo dục của người da đen năm 1868. Đó là tất cả những gì được viết đến trong bài báo. Cháu mới chỉ đọc đến phần ông ấy nhảy xuống dòng sông để trốn khỏi cảnh sát khi kẻ tấn công cháu xuất hiện”.

Rhyme chú ý thấy cô bé nói rất rõ ràng nhưng giật cục, như thể chúng là những chú chó con lông ngóng cố chạy trốn. Một mặt cô bé có phụ huynh là những người tri thức uyên bác và mặt khác lại làm bạn thân với một cô gái như Lakeesha, cũng là lẽ tự nhiên khi Geneva nhiễm chứng đa nhân cách về mặt ngôn ngữ.

“Vậy cháu không biết điều gì xảy ra với ông ấy?”, Sachs hỏi.

Geneva lắc đầu.

“Tôi nghĩ chúng ta phải giả định rằng hung thủ có để ý tới những gì mà cháu đang nghiên cứu. Ai biết được chủ đề bài luận của cháu? Cô cho rằng chỉ có giáo viên của cháu biết.”

“Không, cháu không bao giờ nói với ông ấy chi tiết. Cháu không nghĩ rằng mình đã nói với bất kỳ ai khác ngoài Lakeesha. Bạn ấy có thể đã kể việc này với một ai đó nhưng cháu không tin điều đó lắm. Các bài tập nghiên cứu không khiến bạn ý quan tâm nhiều lắm, cô hiểu cháu nói gì chứ? Ngay cả bài tập của bạn ý nữa. Tuần trước, cháu đã đến văn phòng luật ở Harlem để xem họ có bất cứ ghi chép cũ nào về tội phạm trong những năm 1800 nhưng không hề nói nhiều lắm với các luật sư. Tất nhiên, tiến sĩ Barry phải biết rồi.”

“Và ông ấy hẳn là đã nói với người cũng quan tâm tới tờ tạp chí đó nữa”, Rhyme chỉ ra điều đó. “Giờ thì, để cân nhắc khả năng này, chúng ta hãy giả thiết rằng có một điều gì đó trong bài báo mà hung thủ không muốn nó được biết đến - có thể là về ông tổ của cháu, có thể là một vấn đề gì khác hoàn toàn.” Anh nhìn sang Sachs. “Có ai vẫn còn ở hiện trường không?”

“Có một cảnh sát. ”

“Yêu cầu anh ta thẩm tra các nhân viên. Tìm ra xem liệu ông Barry có nói đến việc có ai quan tâm tới tờ tạp chí cũ đó không. Hãy đưa họ tới bàn làm việc của ông ấy nữa.” Rhyme có một ý tưởng khác nữa. “Và tôi muốn danh sách cuộc gọi trong điện thoại của ông ta trong vòng một tháng qua.”

Sellito lắc lắc đầu. “Linc, thật sự... Anh không nghĩ rằng nghe điều này có vẻ kỳ cục à? Chúng ta đang nói về, cái gì nhỉ? Những năm 1800 á? Đây không phải là một vụ án khó nuốt. Nó là một vụ không thể nhai được.”

“Một kẻ chuyên nghiệp dàn dựng một hiện trường, gần như giết một người, và đã giết một người khác - ở ngay trước mặt hàng tá cảnh sát - chỉ để lấy đi bài báo đó? Nó không hề kỳ cục chút nào, Lon. Nó phải có nguyên nhân sâu xa cho tất cả.”

Viên cảnh sát to lớn nhún vai và gọi tới sở cảnh sát để truyền mệnh lệnh tới viên cảnh sát đang thực hiện nhiệm vụ tại hiện trường rồi gọi tới bộ phận cấp giấy phép để họ thông qua yêu cầu về các cuộc gọi từ điện thoại trong thư viện và điện thoại cá nhân của Barry.

Rhyme nhìn cô bé mảnh khảnh và quyết định rằng mình không còn lựa chọn nào khác, anh phải đưa ra một tin không hay lắm. “Cháu biết rằng tất cả những điều này có thể là gì, đúng không?”

Dừng lại một chút, mặc dù anh có thể thấy trong ánh mắt đầy băn khoăn của Sachs về phía Geneva rằng ít nhất thì người nữ cảnh sát biết chính xác ý anh là gì. Và chính cô đã nói điều đó với cô bé: “Lincoln đang nói rằng có lẽ hẳn vẫn còn sẵn lòng cháu”.

“Đúng là kẻ kỳ dị mà.” Geneva nói, lắc lắc đầu của mình.

Dừng lại một chút, Rhyme trả lời một cách nghiêm nghị: “Chú sợ rằng điều này không hề kỳ lạ chút nào”.

Ngồi trong một quầy Internet tại một cửa hàng photo nằm ở trung tâm Manhattan, Thompson Boyd đang đọc tin trên trang web của đài truyền hình địa phương, thông tin trên đó thì được cập nhật từng phút.

Tiêu đề của bản tin mà hắn đang đọc là: NHÂN VIÊN BẢO TÀNG BỊ GIẾT; NHÂN CHỨNG TRONG MỘT VỤ TẤN CÔNG NHẪM VÀO HỌC SINH.

Huýt sáo, gần như là không ra tiếng, hắn quan sát bức tranh đi kèm, trong đó là hình ảnh người quản lý thư viện mà hắn vừa mới giết đang nói chuyện với một cảnh sát mặc thường phục trên con phố ở trước bảo tàng. Dòng chú thích viết, Tiến sĩ Donald Barry nói chuyện với một cảnh sát ngay trước khi bị bắn chết.

Bởi vì tuổi của mình, Geneva Settle không được nêu ra danh tính, mặc dù cô bé được miêu tả là một học sinh trung học sống ở Harlem. Thompson rất biết ơn với thông tin này; hắn đã không biết cô bé sống ở quận nào của thành phố. Hắn cắm điện thoại của mình vào cổng USB trên chiếc máy tính và chuyển tải bức ảnh về cô bé mà hắn đã chụp sang máy tính. Rồi hắn sẽ up nó lên một tài khoản email vô danh.

Hắn tắt máy, trả tiền - tất nhiên là bằng tiền mặt - và đi lững thững trên phố Broadway, nằm ở trung tâm khu tài chính. Hắn mua một cốc cà phê từ một quầy hàng rong, uống hết một nửa, rồi lia tấm vi phim mà hắn đã lấy ra vào chiếc cốc, đặt lại chiếc nắp và thả nó xuống một cái thùng rác.

Hắn dừng lại ở một trạm điện thoại, nhìn quanh và không thấy một ai khác chú ý đến mình. Hắn quay số. Không có tin nhắn nào trong hộp thư thoại, chỉ có một tiếng bíp. “Là tôi. Gặp phải vấn đề với trường hợp của Settle. Tôi cần cô tìm ra xem con bé học ở trường nào hoặc nó sống ở đâu. Nó là một học sinh trung học ở Harlem. Đó là tất cả những gì tôi biết. Tôi đã gửi một bức ảnh con bé tới tài khoản mail của cô... À, còn một điều nữa - nếu như cô có cơ hội tự mình xử lý con bé, sẽ có một khoản năm mươi ngàn cho cô. Gọi điện cho tôi khi nhận được tin nhắn này. Chúng ta sẽ bàn bạc.” Thompson đọc số của chiếc điện thoại mà hắn vừa sử dụng để gọi rồi dập máy. Hắn quay trở lại, khoanh tay trước ngực và chờ đợi, huýt sáo nhẹ nhàng. Hắn mới chỉ tới nhịp thứ ba một bài hát của Stevie Wonder Em là ánh sáng của đời anh trước khi chuông điện thoại reo.

7. Chương 7

Nhà tội phạm học nhìn Sellito: “Roland đâu rồi?”.

“Bell? Cậu ấy đưa một người vào chương trình bảo vệ nhân chứng ở khu phía bắc của bang nhưng cậu ấy hẳn phải quay lại lúc này. Có nghĩ rằng chúng ta nên gọi cho cậu ấy không?”

“Ừ.” Rhyme nói.

Sellito gọi tới số điện thoại của viên cảnh sát và qua cuộc hội thoại, Rhyme suy ra rằng Bell sẽ rời Sở chỉ huy Cảnh sát New York ngay lập tức và sẽ hướng về phía khu bắc thành phố.

Rhyme để ý thấy cái cau mày của Geneva. “Thanh tra Bell sẽ bảo vệ cháu. Giống như một vệ sĩ. Cho đến khi chúng ta giải quyết được tất cả mọi việc... Giờ thì, cháu có biết Charles bị buộc tội ăn trộm cái gì không?”

“Bài báo đó nói là vàng hoặc tiền hoặc gì đó.”

“Vàng bị mất. À, thú vị đấy. Lòng tham - một trong những động lực của chúng ta.”

“Liệu bác của cháu có biết gì về việc này không?”, Sachs hỏi.

“Cháu á? Ồ, không, bác ấy là anh trai của mẹ cháu. Cụ tổ Charles là bên bố cháu. Và bố chỉ biết một chút thôi. Bà cô - em của ông bà nội cháu đưa cho cháu xem một vài bức thư của cụ tổ Charles. Nhưng bà ấy cũng chẳng biết gì nhiều hơn về cụ tổ.”

“Chúng ở đâu? Những bức thư ấy?”, Rhyme hỏi.

“Cháu có một tờ đây.” Cô thò tay vào trong túi và lôi nó ra. “Còn những lá thư khác thì ở nhà. Bà cô của cháu nghĩ rằng có thể bà ấy có một vài hộp gì đó đựng đồ của cụ tổ Charles nhưng bà ấy không chắc chắn nó ở đâu nữa.” Geneva im lặng khi đôi lông mày trên khuôn mặt tròn của cô bé nhíu lại và cô nói với Sachs: “Có một điều? Nếu như nó có thể có ích?”.

“Nói đi.” Sachs trả lời.

“Cháu nhớ từ một trong các bức thư. Cụ tổ có nói về bí mật mà ông ấy biết.”

“Bí mật?”, Sachs hỏi.

“Vâng. Ông ấy nói mình cảm thấy dằn vặt về việc không nói ra sự thật. Nhưng có thể sẽ có một thảm họa, một bi kịch, nếu như ông nói ra. Một điều gì đó kiểu như thế.”

“Có thể đó là vụ trộm mà ông ấy đang nói đến.” Rhyme nói.

Geneva khẳng định rõ ràng. “Cháu không nghĩ ông ấy làm việc đó. Cháu nghĩ rằng ông ấy bị mưu hại.”

“Tại sao?”, Rhyme hỏi.

Một cái nhún vai. “Hãy đọc bức thư.” Cô bé đưa nó cho Rhyme rồi giật mình vì nhớ ra anh bị liệt và quay sang đưa cho Mel Cooper, không biện giải cho câu nói hớ của mình.

Người chuyên viên đặt nó trên một chiếc đầu đọc quang học và một lát sau những dòng chữ viết tay đẹp như in từ thế kỷ XIX chạy dọc qua màn hình phẳng của chiếc máy tính thế kỷ XXI.

Bà Violet Singleton

Đang trú tại địa chỉ của ông bà William Dodd

Đường Essex Farm,

Harrisburg, Pennsylvania

Ngày 14 tháng 7 năm 1863

Violet thương yêu của anh,

Có lẽ là em đã nhận được tin dữ về sự việc khủng khiếp ở New York vừa qua. Giờ đây anh có thể thông báo việc đã yên ổn, nhưng cái giá phải trả thật quá lớn.

Khí hậu nơi này đang trở nên nóng bỏng, với hàng trăm ngàn những người dân kém may mắn vẫn đang quay cuồng bởi cơn khủng hoảng kinh tế vài năm trước - Ngài Greeley's Tribune cho biết rằng việc đầu cơ tích trữ thị trường chứng khoán quá đáng và những vụ cho vay không thận trọng dẫn đến nợ xấu đã tạo nên "những bong bóng nổ" trong thị trường chứng khoán thế giới.

Trong cái không khí ấy, chỉ cần một tia lửa nhỏ cũng đủ để làm bùng lên cuộc nổi loạn gần đây: Chế độ quân dịch ép buộc những người đàn ông vào Quân đội Liên bang, điều được rất nhiều người coi là cần thiết trong cuộc chiến đấu chống lại Quân phiến loạn, do sức mạnh và sự bền bỉ đáng kinh ngạc của kẻ địch. Tuy vậy, sự chống đối với chế độ quân dịch vẫn trở nên quyết liệt và đầy chết chóc hơn, hơn bất cứ thứ gì được dự báo. Và chúng ta, những người da màu, những người theo chủ nghĩa bãi nô và những người ủng hộ Đảng cộng hòa, trở thành mục tiêu thù địch của họ, cũng giống như người đứng đầu chế độ quân dịch và những người lính của ông ta, nếu không muốn nói là hơn.

Quân nổi loạn, phần lớn là người Ireland, cần quét khắp thành phố, tấn công bất cứ người da màu nào mà chúng thấy, cướp phá những ngôi nhà và công xưởng. Anh đã vô tình ở trong một công ty của hai giáo viên và giám đốc của một Trại mồ côi dành cho trẻ em da màu khi một nhóm du thủ du thực tấn công tòa nhà và nhấn chìm nó trong biển lửa! Tại sao, có hơn hai trăm đứa trẻ ở bên trong đó! Nhờ ơn của Chúa, bọn anh mới có thể đưa những đứa trẻ nhỏ bé tới một sở cảnh sát gần đó an toàn, nhưng quân nổi loạn đáng lẽ đã giết tất cả bọn anh nếu như chúng muốn làm.

Cuộc chiến đấu tiếp tục kéo dài cả ngày. Chiều tối hôm đó, buổi hành hình những người da đen bắt đầu. Sau khi một người đàn ông da đen bị treo cổ, xác của ông ấy bị ném vào một ngọn lửa, còn những kẻ nổi loạn nhảy múa xung quanh trong một buổi liên hoan chè chén say sưa. Anh đã vô cùng kinh hãi!

Anh chạy trốn về trang trại của chúng ta ở trên phía bắc và từ nay về sau tập trung hoàn toàn vào nhiệm vụ giáo dục lũ trẻ trong ngôi trường của bọn anh, chăm sóc những vườn cây và hơn nữa, đẩy mạnh sự nghiệp giải phóng người của chúng ta.

Vợ thương yêu nhất của anh, hậu quả của tất cả những sự kiện khủng khiếp này là cuộc sống với anh dường như trở nên mong manh và phù du, nếu em sẵn sàng với cuộc hành trình này, khao khát của anh là sẽ có sự đồng hành của em và con trai chúng ta. Anh gửi kèm ở đây vé cho cả hai và mười đô la để trang trải dọc đường. Anh sẽ gặp hai mẹ con trên tàu ở New Jersey và chúng ta sẽ lên một chiếc thuyền đi tới trang trại của mình. Em có thể giúp đỡ anh trong việc đỡ, còn Joshua có thể tiếp tục được học hành đồng thời giúp đỡ chúng ta và James ở xưởng cũng như cửa hàng rượu táo. Nếu như có một ai đó hỏi em về công việc và nơi em định đến, hãy trả lời như anh nói: Chỉ nói rằng chúng ta là những người chăm sóc và trông coi trang trại cho ông chủ Trilling đang vắng nhà. Nhìn vào sự thù hận trong đôi mắt của những kẻ nổi loạn, anh thấy một sự thật là không có nơi đâu an toàn, ngay cả tại nơi mà chúng ta ở; sự đốt phá, trộm cắp và cướp bóc vẫn có khả năng xảy ra, liệu nó có cần phải biết rằng chủ nhân của trang trại đó là những người da đen.

Anh đã trở về từ nơi bị giam cầm, nơi anh được coi như chỉ có ba phần năm của một con người. Anh đã hy vọng rằng di chuyển lên phía bắc có thể thay đổi điều này. Nhưng, than ôi, điều đó không đúng như vậy. Các thảm kịch trong những ngày qua nói với anh rằng em, anh và những người như chúng ta chưa được đối xử như là những người đàn ông và những người phụ nữ thực sự, do đó cuộc chiến của chúng ta để giành lấy sự trọn vẹn trong đôi mắt của những người khác cần phải được tiếp tục với lòng quyết tâm không hề mệt mỏi.

Gửi lời hỏi thăm thân ái tới chị gái của em và William, tất nhiên cả các cháu nhà anh chị ấy. Nói với Joshua rằng anh tự hào với những thành tích của con về môn Địa lý.

Anh cầu nguyện cho cái ngày đó đến sớm, ngày anh được gặp em và con trai của chúng ta một lần nữa.

Yêu em,

Charles

Geneva lấy bức thư khỏi chiếc đầu đọc quang học. Cô bé nhìn lên và nói: “Những cuộc nổi loạn chống quân địch trong thời kỳ Nội chiến năm 1863. Sự hỗn loạn tồi tệ nhất trong lịch sử nước Mỹ”.

“Ông ấy chẳng nói gì đến bí mật của mình cả.” Rhyme chỉ ra.

“Nó nằm trong số những bức thư cháu có ở nhà. Cháu đưa cho mọi người xem cái này để mọi người biết rằng ông ấy không phải là một tên trộm.”

Rhyme cau mày. “Nhưng vụ trộm là sự việc xảy ra năm năm sau khi ông ấy viết bức thư này? Tại sao cháu lại nghĩ rằng nó có nghĩa là ông ấy không hề phạm tội?”

“Quan điểm của cháu”, Geneva nói: “là ông ấy không có vẻ gì giống với một tên trộm, đúng không ạ? Người có ý định trộm cắp không phải là người được tin tưởng giáo dục cho những cựu nô lệ”.

Rhyme nói một cách đơn giản: “Đó không phải là mình

“Cháu nghĩ rằng có.” Cô bé nhìn qua bức thư một lần nữa, rồi vuốt nó phẳng phiu.

“Cái ‘ba phần năm một con người’ là gì?”, Sellito hỏi.

Rhyme nhớ lại một vài điều từ trong lịch sử nước Mỹ. Nhưng ngoại trừ những thông tin có liên quan đến công việc của một nhà tội phạm học, anh bỏ qua nó như một sự lộn xộn vô nghĩa. Anh lắc đầu.

Geneva giải thích: “Trước Nội Chiến, vì mục đích giành ghế đại biểu Quốc hội, nô lệ chỉ được tính như là ba phần năm của một con người. Đó không phải là âm mưu của Liên bang xấu xa như ta nghĩ; miền Bắc đã đưa ra quy tắc đó. Họ không hề muốn nô lệ được coi trọng chút nào, bởi điều đó có thể mang lại cho miền Nam nhiều đại biểu hơn trong Quốc hội và Đại cử tri đoàn Hoa Kỳ. Miền Nam muốn họ được coi trọng như một con người đầy đủ. Quy ước ba phần năm là một thỏa hiệp”.

“Họ được phép làm đại biểu,” Thom chỉ ra: “nhưng vẫn không thể bầu cử”.

“Ồ, tất nhiên là không rồi”, Geneva nói.

“Cũng kiểu như phụ nữ thôi”, Sachs đề thêm vào.

Lịch sử xã hội của nước Mỹ không hề thú vị với Rhyme lúc này. “Tôi muốn xem những lá thư khác. Và muốn tìm một bản khác của cái tạp chí đó, Tuần báo Minh họa dành cho người da màu, ấn bản nào?”

“Ngày 23 tháng 7 năm 1868”, Geneva nói. “Nhưng cháu đã rất khó khăn mới tìm ra nó.”

“Tôi sẽ làm hết sức”, Mel Cooper nói. Rhyme nghe thấy tiếng lách cách của những ngón tay anh gõ trên bàn phím.

Geneva đang nhìn vào chiếc đồng hồ chạy pin hiệu Swatch của mình. “Cháu thực sự...”

“Hey, chào mọi người”, tiếng một người đàn ông từ phía cửa vào. Với một chiếc áo khoác thể thao màu nâu bằng vải tuyết, áo sơ mi và quần bò xanh, thanh tra Roland Bell bước vào phòng thí nghiệm, vốn là một sĩ quan cảnh sát ở quê hương Bắc Carolina, Bell đã chuyển tới New York một vài năm trước vì những lý do cá nhân. Anh có mái tóc màu nâu, đôi mắt dịu dàng và vô tư lự đến nỗi đôi khi những bạn đồng nghiệp thành thị của anh cảm thấy mất kiên nhẫn khi làm việc với anh, mặc dù Rhyme ngờ vực cái lý do mà đôi khi anh di chuyển chậm chạp không phải do kế thừa nét đặc trưng của người miền Nam mà là bản chất tử mĩ của anh, có lẽ được tôi luyện bởi tầm quan trọng của công việc ở trong NYPD. Công việc của Bell là bảo vệ những nhân chứng và những người có nhiều nguy cơ trở thành nạn nhân. Đội của anh không phải là một đơn vị chính thức NYPD nhưng nó vẫn có một cái tên: ‘SWAT’ Mặc dù đây không phải là từ viết tắt của những vũ khí truyền thống hay một đơn vị đặc nhiệm; nó là rút gọn của “Đội bảo vệ nhân chứng”[1]

[1] Saving Witness’s Ass Team.

“Roland, đây là Geneva Settle.”

“Xin chào, cô bé”, anh dài giọng và bắt tay cô bé. “Cháu không cần người bảo vệ”, cô nói một cách cương quyết.

“Cháu đừng lo - Chú sẽ không can dự vào công việc của cháu đâu”, Bell nói. “Cháu có lời hứa danh dự của chú về điều đó. Chú sẽ không để cháu nhìn thấy giống như là một dấu chữ V trong một bãi cỏ cao”. Anh liếc nhìn Sellito. “Nào, giờ thì chúng ta đang phải đối mặt với thứ gì nào?”

Viên thanh tra với thân hình chắc khỏe điếm qua những chi tiết quan trọng của vụ án và những gì họ biết cho đến lúc này. Bell không hề cau mày hay lắc đầu nhưng Rhyme có thể thấy được đôi mắt của anh nín lặng, bộc lộ mối quan ngại. Nhưng khi Sellito xong việc, Bell lại diện khuôn mặt đặc trưng bình dị của miền Nam và hỏi Geneva một đồng câu hỏi về cô bé và gia đình để có được biện pháp tạo dựng sự bảo vệ. Cô bé trả lời một cách ngập ngừng, như thể bị ép buộc như vậy.

Cuối cùng thì Bell cũng đã xong việc và Geneva nói một cách thiếu kiên nhẫn: “Thực sự cháu cần phải đi rồi. Ai đó có thể làm ơn đưa cháu về nhà không ạ? Cháu sẽ lấy những bức thư của cụ tổ cho mọi người. Nhưng sau đó cháu phải đến trường ạ”.

“Thanh tra Bell sẽ đưa cháu về nhà”, Rhyme nói rồi kèm theo đó một nụ cười: “nhưng còn ở trường, chú nghĩ chúng ta đã nhất trí rằng cháu sẽ có một ngày nghỉ. Hãy đồng ý với sự sắp xếp này”.

“Không”, cô bé nói một cách cương quyết. “Cháu không hề đồng ý với điều đó. Chú nói rằng ‘Hãy dẹp những câu hỏi sang một bên và sau đó chúng ta sẽ xem xét.’”

Không có nhiều người trích nguyên những lời nói của Lincoln Rhyme lại với anh. Anh cần nhắc: “Dù có nói gì đi nữa, chú nghĩ rằng cháu sẽ phải ở nhà, bởi chúng ta biết hung thủ có thể vẫn còn đang săn đuổi cháu. Nó không an toàn”.

“Thưa ông Rhyme, cháu cần phải làm những bài kiểm tra đó. Các bài kiểm tra lại ở trường cháu, chúng đôi khi không được lên kế hoạch, sổ kiểm tra thì thất lạc, cháu sẽ không được ghi điểm.” Geneva giận dữ nắm chặt con đĩa trống rỗng trên chiếc quần bò của mình. Cô bé thật gầy gò. Anh tự hỏi liệu có phải bố mẹ cô bé quá khắt khe về chuyện ăn uống, ép cô ăn kiêng chỉ với món yến mạch và đậu phụ. Có vẻ như là có nhiều vị giáo sư nghiêm ngặt theo xu hướng này.

“Tôi sẽ gọi đến trường ngay bây giờ”, Sachs nói. “Chúng tôi sẽ nói với họ rằng có một vấn đề xảy ra và...”

“Cháu nghĩ mình thực sự muốn đi học”, Geneva sụt sịt nói, đôi mắt nhìn Rhyme một cách kiên quyết. “Bây giờ.”

“Hãy ở nhà nghỉ một hoặc hai ngày cho đến khi chúng ta tìm ra được nhiều thông tin hơn. Hoặc”, Rhyme chêm vào một nụ cười: “cho đến khi chúng ta gõ cửa được hần”.

Nụ cười và câu nói ấy không hề có ý nhấn mạnh, để thuyết phục cô bé bằng cách nói của giới trẻ. Nhưng anh ngay lập tức hối tiếc vì những lời đã nói. Anh đã không hề nói thật với cô bé – chỉ hoàn toàn vì cô gái còn quá trẻ. Nó giống như những người đến gặp anh làm âm ĩ lên một cách thái quá và bấn cợt bởi anh là một người tàn tật. Họ làm anh phải tức điên lên.

Giống như cô bé đang bực mình với anh lúc này.

Cô nói: “Nếu chú không phiền, cháu sẽ rất biết ơn nếu ai đó cho cháu đi nhờ xe. Hoặc là cháu sẽ đi tàu điện. Nhưng cháu phải đi bây giờ, nếu như chú muốn những lá thư đó”.

Bực mình vì bị lôi vào cuộc chiến này với cô bé, Rhyme nói với sự quả quyết: “Chú sẽ phải nói là không”.

“Cháu có thể mượn điện thoại của chú được không?”

“Sao lại thế?”, anh hỏi.

“Có một người cháu muốn gọi.”

“Một người?”

“Đó là người luật sư mà cháu đã nói đến. Wesley Goades. Ông ta đã từng làm việc cho công ty bảo hiểm lớn nhất nước, và hiện tại ông ấy đang điều hành một văn phòng luật ở Harlem.”

“Và cháu muốn gọi cho ông ấy?”, Sellito hỏi. “Tại sao?”

“Bởi vì cháu muốn hỏi xem liệu các chú có thể không cho cháu đến trường không?”

Rhyme chế giễu. “Điều đó là tốt cho chính bản thân cháu.”

“Nó là quyền do cháu quyết định nữa, đúng không?”

“Bố mẹ cháu, hoặc bác cháu.”

“Họ không phải là người sẽ phải thi tốt nghiệp hết lớp mười một khi mùa xuân tới.”

Sachs cười khoái trí. Rhyme bắn một tia nhìn nheo về phía cô.

“Chỉ trong một hoặc hai ngày thôi cô bé.” Bell nói.

Geneva lờ anh ta và tiếp tục: “Ông Goades đã giúp John David Colson được trả tự do từ Sing Sing[2] sau khi ông ấy nằm trong tù mười năm vì một vụ án mạng mà ông ấy không hề thực hiện. Và ông ta kiện New York, ý cháu là, tiểu bang ý, hai hay ba lần rồi. ông ấy thắng mọi vụ kiện. Và ông ấy cũng vừa thực hiện một vụ kiện ở Tòa án Tối cao. về quyền lợi của những người vô gia cư”.

[2] Nhà tù của tiểu bang New York được xây dựng năm 1925 bởi chính những tù nhân, đây là nơi có luật lệ rất cứng rắn và chuyên giam giữ những kẻ tội phạm đặc biệt nguy hiểm.

“Ông ấy cũng thắng nốt vụ ấy chứ?”, Rhyme hỏi một cách nhẵn nhụi.

“Ông ấy thường thắng. Thực ra, cháu không nghĩ rằng ông ấy đã từng thua.”

“Thật là điên rồ”, Sellito lẩm bẩm, đưa tay chùi một cách vô thức một chấm máu trên chiếc áo khoác của mình. Anh càu nhàu: “Cháu là một đứa trẻ...”

Một điều không nên nói.

Geneva nhìn anh chằm chằm và ngắt lời: “Các chú sẽ không cho cháu gọi điện đúng không? Có phải tù nhân thì phải thế không ạ?”.

Viên cảnh sát to lớn thở hắt ra. Anh ra hiệu chỉ về chiếc điện thoại.

Cô bé đi về phía nó, nhìn vào sổ địa chỉ của mình và nhấn một dòng số.

“Wesley Goades”, Rhyme nói.

Geneva cốc đầu mình khi cuộc gọi được kết nối. Cô bé nói với Rhyme: “Ông ấy đã đi Havard rồi. Ôi, và ông ấy kiện cả quân đội nữa. Quyền lợi của gay, cháu nghĩ vậy”.

Cô nói vào điện thoại, “Ông Goades, làm ơn... Cô có thể báo với ông ấy là Geneva Settle gọi không? Cháu là nhân chứng một vụ án, và hiện đang bị giữ bởi cảnh sát.” Cô đưa địa chỉ của Rhyme rồi thêm vào: “Nó trái với mong muốn của cháu và...”.

Rhyme nhìn Sellito, anh đang tròn xoe mắt và nói: “Được rồi”.

“Khoan đã”, Geneva nói vào trong điện thoại. Rồi quay sang viên cảnh sát to béo, to cao hơn cô rất nhiều. “Cháu có thể đến trường chứ?”

“Để kiểm tra. Chỉ có thể thôi.”

“Có hai bài.”

“Được rồi. Cả hai cái bài kiểm tra quỷ quái của cháu”, Sellito lẩm bẩm. Anh nói với Bell: “Ở bên cạnh cô bé”.

“Giống như một chú chó Flat-coated Retriever, được rồi.”

Geneva nói vào điện thoại: “Nói với ông Goades không phải bận tâm nữa. Chúng cháu đã giải quyết vấn đề này rồi”. Cô bé đập máy.

Rhyme nói: “Nhưng trước tiên chú muốn những bức thư đó đã”.

“Nhất trí.” Cô bé quăng chiếc túi sách qua vai mình.

“Cậu”, Sellito quát lớn với Pulaski: “Đi với họ”.

“Vâng, thưa ngài.”

Sau khi Bell, Geneva và chàng cảnh sát trẻ đi khỏi, Sachs nhìn về phía cánh cửa và cười. “Quả là một cô gái nóng nảy.”

“Wesley Goades.” Rhyme mỉm cười. “Anh nghĩ rằng cô bé đã bịa ra người đó. Hẳn là nó đã gọi cho sổ của tổng đài để hỏi giờ và nhiệt độ.”

Anh hất đầu về phía tấm bảng bằng chứng. “Hãy tiếp tục với những thứ này. Mel, anh sẽ kiểm tra lại chi tiết về các hội chợ đường phố. Và tôi muốn các số liệu và tổng hợp dữ liệu về những gì chúng ta đã gửi tới VICAP và NCIC cho đến lúc này. Tôi muốn tất cả các thư viện và trường học trong thành phố được điều tra để xem liệu cái gã nói chuyện với Barry này có gọi cho họ và cũng hỏi thông tin về Singleton hoặc cái tạp chí Tuần báo Minh họa dành cho người da màu đó. À, và tìm ra ai làm ra những chiếc túi có hình mặt cười.”

“Mệnh lệnh tối cao”, Cooper nói.

“Này, đoán được không? Cuộc đời đôi khi là một mệnh lệnh tối cao đấy. Vậy hãy gửi một mẫu máu trên chiếc dây thừng tới CODIS.”

“Tôi tưởng rằng anh không cho nó là một vụ hiếp dâm.” CODIS là một cơ sở dữ liệu chứa đựng mẫu DNA của những kẻ tấn công tình dục đã được lưu hồ sơ.

“Những từ có nghĩa nhất là ‘Tôi tưởng’, Mel. Chứ không phải là ‘Tôi biết với sự chắc chắn’.”

“Quá nhiều đối với tâm trạng của ngài”, Thom nói.

“Một điều khác nữa...” Anh lái chiếc xe lăn lại gần và kiểm tra những bức ảnh chụp xác của thủ thư và sơ đồ của hiện trường vụ bắn súng Sachs đã vẽ ra. “Người phụ nữ đứng cách nạn nhân bao xa?”, Rhyme hỏi Sellito.

“Ơ? Người đứng gần ư? Tôi ước chừng khoảng năm mét.”

“Ai trúng đạn trước?”

“Người phụ nữ.”

“Và những vết bắn tập trung khá gần nhau? Loạt đạn trúng người thủ thư ấy?”

“Rất sát. Chỉ cách nhau vài centimet. Hẳn biết bắn súng đúng cách.”

Rhyme lẩm bẩm: “Đó không phải là bắn trượt, người phụ nữ. Hẳn chủ ý bắn vào cô ấy”.

“Gì cơ?”

Nhà tội phạm học hỏi tay súng tốt nhất trong phòng: “Sachs, khi em bắn một loạt nhanh gọn, phát nào là phát chắc chắn sẽ chính xác nhất?”.

“Phát đầu tiên. Khi đó ta sẽ không bị ảnh hưởng bởi việc súng giật từ viên đạn trước.”

Rhyme nói: “Hẳn có chủ ý làm bị thương cô ấy - nhắm vào một mạch máu chính - để thu hút càng nhiều cảnh sát càng tốt và tạo ra cơ hội cho hắn trốn thoát”.

Cooper lẩm bẩm: “Chúa ơi”.

“Nói với Bell. Cả Bo Haumann và người của anh ta tại đội Phản ứng nhanh. Hãy nói cho họ biết về kẻ tội phạm mà ta đang theo đuổi - kẻ mà còn khoái trá hơn khi nhắm vào những người vô tội.”

8. Chương 8

Người đàn ông to lớn bước xuống vỉa hè ở Harlem, nghĩ tới cuộc nói chuyện trên điện thoại cách đây một tiếng đồng hồ. Nó đã làm hắn vui, làm hắn lo sợ, và khiến hắn thận trọng hơn. Nhưng hắn hầu như chỉ đang nghĩ rằng: Cuối cùng thì, mọi việc đang khả quan hơn.

À, hắn xứng đáng có một sự khích lệ, chỉ cần một thứ gì đó để giúp hắn vượt qua tất cả.

Jax đã không may mắn lắm trong thời gian qua.

Chắc chắn là vậy rồi, hắn đã rất vui sướng khi thoát ra khỏi trại giam. Nhưng hai tháng từ khi được phóng thích khỏi nhà tù thực sự là quãng thời gian hết sức khó khăn: cô độc và không có nổi dù chỉ một chút xúi vạ may rơi vào vạt áo. Nhưng ngày hôm nay thì khác. Cú điện thoại về Geneva có thể thay đổi cuộc đời mãi mãi.

Hắn đang đi bộ dọc khu phía trên của Đại lộ 5, nhằm thẳng hướng Công viên St. Ambrose, với điều thuốc trên mép, tận hưởng cái không khí mát lạnh của mùa thu, tận hưởng ánh mặt trời. Tận hưởng sự thật rằng mọi người xung quanh đây đều đang giữ khoảng cách với hắn. Một vài là do vẻ mặt lạnh tanh không cười của hắn. Một vài là vì những hình xăm tù. Và cả dáng đi khập khiễng của hắn nữa. (Mặc dù sự thật là cái chân khập khiễng chẳng có vẻ gì là của một tay chơi cứng đầu, cũng chẳng phải của một tay gangster kiểu biết-nể-tao-chưa, đó lại là cái dáng đi khập khiễng kiểu “Chết cha, tao bị bắn trúng rồi”. Nhưng chẳng ai ở đây biết điều đó cả.)

Jax mặc kiểu quần áo hắn vẫn thường mặc: quần bò và chiếc áo khoác dã chiến tả tơi và đôi giày da nặng trĩu gần như đã cũ mòn cả đế. Trong túi áo hắn đựng một cục tiền khá dày, hầu hết là tờ hai mươi đô, trong đó có cả một con dao găm, một bao thuốc lá và gắn với cái móc treo là chiếc chìa khóa căn hộ nhỏ của hắn ở trên phố 136. Đó là căn hộ hai phòng với một chiếc giường, một cái bàn, và hai cái ghế, một máy vi tính đã qua sử dụng và bộ xoong chảo mua hai tặng một từ một cửa hàng tạp hóa. Nó chỉ đơn giản là chỗ chui ra chui vào hơn là chỗ ở hiện tại của hắn ở Sở quản giáo tiểu bang New York.

Hắn khựng lại và nhìn quanh.

Kể đó kia rồi, gã đàn ông gầy gơ xương với làn da nâu bụi - tầm từ ba mươi lăm đến sáu mươi tuổi. Gã dựa vào một hàng rào lung lay được nối với nhau bằng một sợi xích quanh công viên nằm ở trung tâm Harlem. Ánh mặt trời phản chiếu lóe lên từ miệng chai ẩm ướt chứa mạch nha hoặc rượu chìm một nửa bên dưới lùm cỏ úa vàng phía sau gã.

“Gì vậy?”, Jax hỏi, rồi châm một điếu thuốc khác khi sải bước rồi dừng lại.

Một cái chớp mắt từ gã đàn ông gầy gò. Gã nhìn vào gói thuốc mà Jax đưa ra mời. Gã không dám chắc đây là vì cái gì nhưng vẫn rút một điếu thuốc. Và nhét nó vào túi áo.

Jax tiếp tục: “Ralph phải không?”

“Anh là ai?”

“Bạn của DeLisle Marshall. Cùng nhà S với hắn.”

“Lisle?” Gã gầy gò thoải mái hơn. Một chút. Hắn nhìn ra chỗ khác khỏi gã đàn ông to lớn có thể bẻ hắn làm đôi và nhìn ngó xung quanh từ cái chỗ ngồi ngất ngưỡng trên hàng rào. “Lisle ra rồi?”

Jax cười. “Lisle đã nhồi bốn viên đạn vào đầu một thằng khốn nạn nào đó. Đợi đến khi có một người da đen ở Nhà Trắng thì hắn sẽ được ra ngoài.

“Họ có luật cam kết thả sớm.” Ralph nói, sự phẫn nộ không thể che giấu việc hắn đang thử Jax. “Vậy Lisle nói gì?”

“Chuyển lời của hắn ta. Bảo tôi kiểm anh. Hắn ta sẽ nói giúp cho tôi.”

“Nói giúp cho anh, nói giúp cho anh. Được rồi, nói tôi biết, hình xăm của hắn nhìn thế nào?” Ralph gầy guộc nhỏ thó với chòm râu dê mảnh đã lấy lại được cái vẻ khệnh khạng nửa mùa của mình. Lại thử Jax.

“Cái nào?” Jax đáp lại. “Bông hồng hay lưỡi dao? Và tôi đoán biết là anh ta có một cái khác ở gần cái của quý. Nhưng tôi chả bao giờ ở gần đến mức có thể thấy rõ nó cả.”

Ralph gật đầu, không cười. “Tên anh là gì?”

“Jackson. Alonzo Jackson. Nhưng hãy gọi tôi là Jax.” Biệt danh thường có một tiếng tăm nhất định đi cùng nó. Hẳn tự hỏi liệu Ralph đã từng nghe tới tên của hắn chưa. Nhưng rõ ràng là chưa - chính xác là đôi lông mày không hề nhướn lên. Điều này khiến Jax như bị chọc giận. “Anh muốn dùng DeLisle kiểm tra tôi, cứ làm đi, chỉ đừng nhắc đến tên tôi qua điện thoại, anh hiểu tôi đang nói gì chứ? Hãy chỉ nói với anh ta rằng vua Graffiti tạt qua và tán phét với anh thế thôi.”

“Vua Graffiti.” Ralph lặp lại, rõ ràng đang bắn khoăn nó ám chỉ điều gì. Liệu đó có phải là Jax phết máu của những thằng khốn nạn ra xung quanh như xịt sơn? “Được rồi, có thể tôi sẽ kiểm tra. Còn tùy. Vậy anh đã ra tù?”

“Tôi ra rồi.”

“Vậy anh vào vì lý do gì?”

“Cướp tài sản và có vũ khí.” Rồi hắn nhấn mạnh với một giọng trầm hơn: “Họ đã muốn gán cho tôi bản án hai mươi lăm năm. Nó đã được rút xuống còn là tội hành hung mà thôi”. Bản án hai mươi lăm năm ám chỉ đến một điều khoản trong Bộ luật hình sự về tội giết người, phần 125.25.

“Và giờ anh lại có tự do. Thật tuyệt.”

Jax đã nghĩ rằng điều này thật buồn cười - Ralph đáng thương e sợ khi Jax tới cùng với một điều thuốc và hỏi “gì vậy”. Nhưng rồi lại bắt đầu thấy thoải mái khi hắn biết rằng Jax đã ngồi tù vì cướp có vũ trang, tàng trữ vũ khí bất hợp pháp và có hành vi giết người, cùng với xịt máu như sơn.

Harlem. Bạn không chỉ yêu nó thôi sao?

Ở trong tù, chỉ ngay trước khi được thả, hắn đã nhờ đến sự giúp đỡ của DeLisle Marshall và người anh em đó đã nói với hắn là hãy gặp và làm việc với Ralph. Lisle đã gi thích tại sao cái gã ăn bám loắt choắt này là một kẻ cần phải biết. “Hắn lang thang khắp nơi. Như kiểu hắn sở hữu những con phố. Biết mọi thứ. Hoặc có thể tìm ra bất cứ gì.”

Giờ, Vua Graffiti rít thật sâu điều thuốc và đi thẳng vào vấn đề. “Tôi cần anh giúp đỡ.” Jax nhẹ giọng nói.

“Thật sao? Anh cần gì nào?”

Ý rằng anh cần gì và tôi sẽ kiếm được gì từ việc đó?

Tốt bụng vừa đủ.

Khẽ liếc quanh. Không có ai khác ngoài họ trừ những con chim bồ câu và hai cô gái Dominica thấp, ưa nhìn sải bước qua. Ngược lại với cái không khí giá rét, họ mặc những chiếc áo thiếu vải và những chiếc quần soóc bó sát trên cơ thể tròn trĩnh và khêu gợi kiểu hãy-ôi-em-xuống. “Này, cưng”, một cô nói với Jax kèm một nụ cười và tiếp tục bước đi. Hai cô gái bước sang đường và rồi rẽ hướng đông vào khu vực của họ. Đại lộ 5 là ranh giới giữa khu Harlem dành cho người da đen và khu dành cho những người nói tiếng Tây Ban Nha trong nhiều năm rồi. Một khi bạn bước vào phía đông của Đại lộ 5, đó là phía Bên kia rồi. Có thể vẫn ổn, nhưng đó không phải là cùng một Harlem.

Jax nhìn họ biến mất. “Mẹ kiếp.” Hắn đã ở trong trại một thời gian dài.

“Đồng ý”, Ralph nói. Gã chỉnh lại dáng đứng dựa vào hàng rào và khoanh tay trước ngực giống như những Hoàng tử Ai cập.

Jax đợi một phút rồi cúi xuống, thì thầm vào tai của vị Pharaoh: “Tôi cần một khẩu súng”.

“Anh đang có hồ sơ sạch”, Ralph trả lời sau giây lát. “Anh sẽ lại bị bắt với một khẩu súng, nó sẽ khiến hồ sơ của anh đen tối trở lại trong một phút. Và anh sẽ lại bóc lịch hằng năm ở Rikers vì khẩu súng. Tại sao anh lại tìm đến một cơ hội kiểu như thế?”

Jax hỏi một cách kiên nhẫn: “Anh có thể làm được hay không?”.

Người đàn ông gầy gò điều chỉnh góc dựa của mình và ngẩng lên nhìn Jax. “Tôi nghĩ là chúng ta đều hiểu rồi. Nhưng tôi không chắc chắn rằng mình biết ở đâu có cái thứ gì đó cho anh. Ý tôi là, khẩu súng.”

“Vậy tôi không chắc là mình sẽ phải đưa cái này cho ai cả.” Hắn lôi cuộn tiền ra, rút vài tờ hai mươi đô la, giơ về phía Ralph. Tất nhiên, phải thật sự cẩn thận. Một người da đen đưa tiền cho một người khác trên những con phố ở Harlem có thể khiến một viên cảnh sát phải nhíu mày, ngay cả khi anh ta mới chỉ là đang nộp tiền thuế ủng hộ cho mục sư ở một nhà thờ của giáo phái Tin lành Baptist.

Nhưng đôi lông mày duy nhất nhướn lên lúc này là của Ralph khi hắn ta nhét những đồng tiền vào trong túi áo và nhìn vào phần còn lại của cọc giấy. “Hắn có nhiều tiền ở đó nhỉ.”

“Chính xác. Và giờ thì anh có cho mình một ít rồi. Sẽ còn cơ hội để có nhiều hơn nữa. Một ngày vui vẻ.” Anh cất tập tiền đi.

Ralph cầu nhàu. “Kiểu súng như thế nào?”

“Nhỏ. Làm sao mà tôi có thể giấu nó một cách dễ dàng, hiểu những gì tôi nói chứ?”

“Năm trăm nhé.”

“Hai trăm thôi, tôi cố được.”

“Thế thôi?”, Ralph hỏi.

Như thể Jax sẽ muốn một khẩu súng với số đăng kiểm vẫn còn trên khung. “Anh nghĩ sao?”

“Quên cái giá hai trăm đi”, người Ai Cập nhỏ bé nói. Hắn ta đã chịu mạo hiểm hơn; bởi hắn biết ta sẽ không giết người mà có thể đưa cho ta thứ ta cần.

“Ba”, Jax đề nghị.

“Ba trăm năm mươi.”

Jax suy nghĩ một lúc. Hắn nắm tay lại và chạm vào nắm tay của Ralph. Một cái nhìn quanh nữa.

“Giờ, tôi cần một thứ khác. Anh có thông tin nào về các trường học chứ?”

“Một vài. Anh đang nói về cái trường nào? Tôi không biết gì ở Queens hay Brooklyn hay là Bronx. Chỉ trong lãnh thổ của tôi ở đây thôi.”

Jax cảm thấy giễu cợt trong lòng, nghĩ: “Lãnh thổ của tôi ở đây”, mẹ kiếp. Hắn đã lớn lên ở Harlem và chưa bao giờ sống ở bất cứ đâu khác trừ những trại lính và nhà tù. Bạn có thể gọi một nơi là “khu vực”, nếu bạn phải gọi, nhưng nó không phải là “lãnh thổ”. Ở L.A., ở Newark, họ có phân chia lãnh thổ. Một vài khu vực của BK nữa. Nhưng Harlem lại là một thế giới khác, và Jax nổi cáu với Ralph vì đã dùng từ đó, mặc dù hắn cho rằng Ralph không phải không tôn trọng nơi này; gã này chắc hẳn đã xem quá nhiều chương trình ti vi không ra gì.

Jax nói: “Chỉ ở đây thôi”.

“Tôi có thể dò hỏi quanh đây.” Ralph nói với một chút không thoải mái - không có gì đáng ngạc nhiên lắm, nên nhớ là gã đang nói chuyện với một người từng là phạm nhân mới ra tù với lệnh bắt giữ 25-25 đang có hứng thú với một khẩu súng và một trường trung học. Jax nhanh cho gã bốn mươi đô nữa. Nó dường như khiến cho lương tâm của gã đàn ông nhỏ thó giãn ra một cách đáng kể.

“Được rồi, nói xem tôi phải tìm kiếm cái gì nào?” Jax lôi một tờ giấy ra khỏi túi của chiếc áo khoác dã chiến. Đó là bài báo mà hắn tải trên trang web của tờ New York Times. Hắn đưa bài báo, nằm trong mục Tin nổi bật cập nhật, về phía Ralph.

Jax nhấn vào tờ báo với một ngón tay dày mập. “Tôi cần tìm con bé. Mà họ nói đến trong này.”

Ralph đọc bài báo bên dưới tiêu đề, **CÁN BỘ BẢO TÀNG BỊ BẮN CHẾT TRONG THÀNH PHỐ**. Hắn ngẩng lên nhìn. “Nó chẳng nói gì về con bé cả, nơi sống, trường học, chẳng có gì cả. Thậm chí còn chẳng cho biết tên nó là gì.”

“Tên con bé là Geneva Settle. Còn với tất cả những thông tin khác” - Jax hất đầu về phía túi áo của gã đàn ông nhỏ thó chỗ những đồng tiền biến mất. - “là lý do mà tôi trả công cho anh để tìm kiếm.”

“Tại sao anh muốn con bé này?”, Ralph hỏi, nhìn chằm chằm vào bài báo.

Jax dừng lại một phút rồi nghiêng xuống gần cái tai bụi bặm của gã. “Đôi khi người ta hỏi, nhìn xung quanh, và thấy có nhiều phiền phức rắc rối hơn những gì họ chỉ cần biết.”

Ralph mở miệng định hỏi một điều gì đó nhưng rồi hắn hiểu ra rằng, mặc dù Jax có thể đang nói về điều gì đó mà con bé đã làm, ông Vua Graffiti máu me này cũng có thể đang ám chỉ rằng gã đã quá tọc mạch. “Cho tôi một hoặc hai tiếng.” Hắn đưa cho Jax số điện thoại của mình. Vị pharaoh nhỏ bé đẩy người ra khỏi sợi xích, nhặt lên chai rượu mạch nha từ bãi cỏ và bắt đầu xuôi xuống phố.

Roland Bell thận trọng lái chiếc Crown Vic mới cấu cạnh xuyên qua trung tâm Harlem, xen lẫn những tòa nhà chung cư và trung tâm thương mại. Những quần thể trung tâm mua sắm - Pathmark, Duane Reade, Popeyes, McDonald's - nằm san sát với những cửa hàng kinh doanh cá thể, nơi mà ta có thể đổi tiền, thanh toán các hóa đơn và mua những bộ tóc giả được làm từ tóc thật hay những tác phẩm nghệ thuật châu Phi, từ rượu cho đến đồ nội thất. Rất nhiều những tòa nhà cũ kỹ hơn đã không còn được sử dụng và một số bị đóng ván kín mít hoặc bị đóng chặt bởi những tấm kim loại được vẽ đầy những hình graffiti. Bên dưới những con phố đông đúc hơn, vài thiết bị hư hỏng vỡ nát chờ đợi những người thu gom phế thải, rác chất đống bên những tòa nhà và rãnh thoát nước, cả cỏ dại và những mảnh vườn mọc hoang lấp đầy mảng đất trống. Những tấm bảng quảng cáo được vẽ theo kiểu graffiti cho những diễn viên của vũ đoàn Apollo và các sân khấu lớn khác ở khu trên thành phố, trong khi hàng trăm tờ rơi quảng cáo dán kín trên những bức tường và tấm gỗ dán, tuyên truyền về những M, DJ và những diễn viên hài kịch có một chút tiếng tăm. Những cậu trai trẻ túm tụm thành các nhóm, một vài trong số đó nhìn chiếc xe cảnh sát phía sau Bell với sự cảnh giác và khinh khỉnh xen lẫn một chút thách thức.

Nhưng khi Bell, Geneva và Pulaski tiếp tục đi về hướng tây, không khí thay đổi. Những tòa nhà bị bỏ hoang đang được phá sập hoặc nâng cấp lại; những tấm biển quảng cáo ở phía trước những công trường cho thấy hình ảnh những ngôi nhà mới bình dị sẽ sớm thay thế những ngôi nhà cũ kỹ già nua. Khu nhà của Geneva khá đẹp, không quá xa Đại học Colombia và công viên Momingside đầy sỏi đá, với vỉa hè sạch sẽ và có hàng cây thẳng tắp. Những dãy nhà cũ kỹ đã được tu sửa khá tốt. Những chiếc xe có thể được gắn mác Clubs trên bánh lái nhưng cũng có những chiếc có các thanh sắt bảo vệ bao gồm cả Lexus và Beemers.

Geneva chỉ về phía tòa nhà bốn tầng sạch sẽ bằng đá nâu, được trang trí với bề ngoài được chạm khắc, những phần bằng sắt ánh lên màu đen bóng dưới mặt trời cuối buổi sáng. “Đó là tòa nhà của cháu.”

Bell vượt lên quá hai ngôi nhà và dừng xe, đỗ ngay bên cạnh một chiếc xe khác.

“Ừm, Thanh tra”, Ron Pulaski nói: “Tôi nghĩ rằng cô bé muốn nói tới căn nhà phía sau kia”.

“Tôi biết”, anh nói. “Một điều tôi luôn làm là không lộ liễu vạch ra cho người khác biết địa chỉ của những người chúng ta đang phải bảo vệ.”

Viên cảnh sát trẻ gật gật đầu, như để ghi nhớ điều này. Quá trẻ, Bell nghĩ. Còn phải học quá nhiều.

“Chúng tôi sẽ vào trong một vài phút. Hãy canh chừng bên ngoài.”

“Vâng, thưa ngài. Chính xác là canh chừng cái gì ạ?”

Viên Thanh tra thực sự không có thời gian để giáo dục anh chàng về những điểm cần thiết trong nhiệm vụ cảnh giới; sự có mặt của anh ta thôi đã đủ để làm một chứng ngại cho cái công việc nhỏ nhặt này. “Kể xấu”, anh nói.

Chiếc xe cảnh sát đi cùng đến đây với họ dừng lại ở chỗ Bell chỉ, phía trước chiếc Crown Vic. Viên cảnh sát bên trong có thể đi nhanh trở về chỗ Rhyme với những bức thư mà anh cần. Một chiếc xe khác đến ngay sau đó một lúc, một chiếc Chevy cấu cạnh. Nó chở tới hai sĩ quan từ đội bảo vệ nhân chứng SWAT của Bell, những người này có thể ở lại bên trong và xung quanh ngôi nhà. Sau khi rút kinh nghiệm rằng hung thủ có thể nhắm vào những người đứng xung quanh đơn giản chỉ để đánh lạc hướng, Bell đã ra lệnh củng cố thêm lực lượng. Đội bảo vệ anh chọn cho nhiệm vụ lần này là Luis Martinez, một điều tra viên trầm lặng và rắn

rời, và Barbe Lynch, một sĩ quan trẻ, sắc sảo mặc thường phục, là người mới vào nghề nhưng lại được ban tặng một trực giác nhạy bén để nhận biết những mối đe dọa.

Viên thanh tra người Caroline nhắc thân thể chắc nịch ra khỏi chiếc xe và nhìn quanh, cài lại chiếc áo khoác thể thao anh đang mặc để giấu hai khẩu súng ngắn đeo ở bên hông. Bell từng là một cảnh sát tốt ở một thị trấn nhỏ và là một điều tra viên có năng lực ở thành phố lớn nhưng anh thực sự phát huy sở trường của mình khi đến với công việc bảo vệ nhân chứng. Đó thực sự là một tài năng, giống như cách anh đánh hơi thấy con mồi khi đi săn và trưởng thành trên những cánh đồng. Bản năng. Những gì mà anh có thể cảm giác thấy còn hơn cả những thứ đã rõ ràng rành - giống như phát hiện ra ánh đèn flash nằm ngoài tầm nhìn của một chiếc kính thiên văn hoặc nghe thấy tiếng “cách” lên đạn của khẩu súng ngắn hay phát hiện ra một ai đó đang dõi theo nhân chứng trong ánh phản chiếu từ một cánh cửa sổ ở tiền sảnh của một cửa hàng. Bằng tất cả các lập luận của mình, anh có thể nói khi nào thì một người đàn ông đang bước đi với một mục đích nào đó hay khi nào thì chẳng có mục tiêu nào cả. Hoặc là khi một người hoàn toàn vô ý đậu chiếc xe ở vị trí hoàn hảo để tạo điều kiện cho kẻ giết người dễ dàng chạy thoát mà không hề phải lùi hay tiến. Anh có thể nhìn vào tổng thể của tòa nhà, con phố và cửa sổ rồi nghĩ: Giờ thì, đó là nơi mà một kẻ nào đó có thể ẩn mình để làm một điều mờ ám.

Nhưng hiện tại anh thấy không có một mối đe dọa nào và thúc Geneva Settle ra khỏi xe rồi đi vào bên trong ngôi nhà, ra hiệu cho Martinez và Lynch đi theo. Anh giới thiệu Geneva với họ, rồi hai viên sĩ quan quay ra bên ngoài để kiểm tra khu vực xung quanh. Cô bé mở khóa cánh cửa an toàn bên trong và họ đi vào, bước lên tầng hai, theo sau là những viên cảnh sát mặc sắc phục.

“Bác Bill”, cô gọi, đập tay lên cánh cửa. “Là cháu đây.”

Người đàn ông to lớn khoảng năm mươi tuổi với một vệt những cái bớt nhỏ trên má ra mở cửa. Ông mỉm cười và gật đầu với Bell. “Rất vui được gặp anh. Tôi là William.”

Viên thanh tra giới thiệu mình và bắt tay.

“Cháu yêu, cháu ổn chứ? Những gì xảy ra với cháu thật là khủng khiếp.”

“Cháu không sao. Ở bên ngoài lúc này chỉ có những cảnh sát đang đi vòng quanh mà thôi. Họ nghĩ rằng kẻ tấn công cháu có thể sẽ thử làm điều đó lần nữa.”

Khuôn mặt tròn của người đàn ông nhăn lên vì lo lắng. “Chết tiệt.” Rồi ông vẫy tay chỉ về phía chiếc tivi. “Bản tin về cháu ở trên đó.”

“Họ đã nhắc đến tên cô bé rồi à?” Bell hỏi, cau mày, khó chịu với bản tin.

“Không. Bởi vì tuổi của con bé. Và cũng không có bức ảnh nào hết.”

“À, đó là một điều gì đó...” Sự tự do của báo chí cũng tốt nhưng có những lần Roland Bell không ngần ngại kiểm duyệt sát sao - khi nó có khả năng hé lộ danh tính và địa chỉ của những nhân chứng. “Nào, tất cả mọi người ra đợi ở sảnh. Tôi muốn kiểm tra bên trong.”

“Vâng, thưa ngài.”

Bell bước vào bên trong và xem xét căn hộ. Cửa trước được bảo đảm an toàn bằng hai thanh chốt cố định và một thanh chốt an toàn bằng sắt. Cửa sổ phía trước nhìn thẳng qua bên kia đường là những ngôi nhà thành thị. Anh kéo các tấm rèm xuống. Những cửa sổ bên hông ngôi nhà mở ra phía một con hẻm và nhìn ra tòa nhà ở phía bên kia đường. Mặc dù bức tường đối diện là những viên gạch đặc và không có cửa sổ để có thể tạo ra một vị trí đứng lý tưởng cho một tay bắn tỉa, anh vẫn đóng và khóa những cửa sổ lại, rồi hạ những tấm màn che xuống.

Căn hộ khá rộng - có hai cửa trên lối ra sảnh, một ở phía trước, trong phòng khách và cái thứ hai ở phía sau, phía phòng giặt đồ. Anh kiểm tra chắc chắn rằng những chiếc khóa đã được chốt và quay trở lại sảnh. “Được rồi”, anh nói. Geneva và bác của cô bé bước vào. “Nhìn nó khá ổn. Chỉ cần giữ khóa cửa chắc chắn và những chiếc rèm che được kéo xuống.”

“Vâng, thưa ngài”, người đàn ông nói. “Chắc chắn tôi sẽ làm thế.”

“Cháu sẽ đi lấy những bức thư”, Geneva nói. Cô bé biến mất vào trong những phòng ngủ.

Bởi đã kiểm tra sự an toàn của căn nhà, Bell nhìn quanh căn phòng ở. Nó mang lại cho anh cảm giác lạnh lẽo. Những đồ nội thất màu trắng không một chấm màu, bằng da và vải lanh, tất cả đều được che phủ bằng những lớp nylon bảo vệ. Có rất nhiều sách, những bức tượng và tranh vẽ châu Phi và Caribe, một chiếc tủ kiểu Trung Quốc chất đầy những thứ giống như những chiếc đĩa và ly rượu đất tiền. Những chiếc mặt nạ châu Phi. Có rất ít đồ cá nhân hay tình cảm. Khó mà thấy một bức ảnh gia đình nào.

Ngôi nhà của Bell thì treo đầy những bức ảnh của gia đình - đặc biệt là hai cậu con trai của anh, cũng như tất cả những anh chị em họ của chúng trong gia đình ở phía bắc Carolina. Và cả một số bức ảnh của người vợ đã mất, nhưng vì sự tôn trọng dành cho người phụ nữ mới của anh - Lucy Kerr, là một cảnh sát trưởng ở tiểu bang Tarheel - không có bức ảnh nào của anh và vợ cũ, chỉ có ảnh của người mẹ cùng với những cậu bé. (Lucy, có được vị trí quan trọng trên những bức tường của anh, đã từng nhìn thấy những bức ảnh của người vợ quá cố cùng với các con và thẳng thắn nói rằng cô tôn thờ vì đã giữ lại những bức ảnh đó trên tường. Và một điều về Lucy: Luôn nói thẳng những gì muốn nói.)

Bell hỏi bác của Geneva xem liệu ông ấy có nhìn thấy ai đó lạ mặt xung quanh ngôi nhà thời gian gần đây không.

“Không thưa ngài. Chẳng có một ma nào.”

“Khi nào thì bố mẹ cô bé trở về?”

“Không thể nói trước được, thưa ngài. Geneva đã nói với họ chưa”.

Năm phút sau cô bé quay lại. Cô đưa cho Bell một chiếc phong bì có đựng hai mẫu giấy đã úa vàng, khô cứng. “Đây thưa chú.” Cô bé do dự. “Hãy cẩn thận với chúng. Cháu không có bản sao nào hết.”

“Ồ, cháu không biết chú Rhyme rồi. Chú ấy gìn giữ những vật chứng như thể đó là chén Thánh vậy.”

“Cháu sẽ quay lại trường.” Geneva nói với bác mình. Rồi nói với Bell: “Cháu sẵn sàng đi rồi”.

“Nghe này, cô bé”, người đàn ông nói. “Bác muốn cháu phải thể hiện sự lịch sự, theo cách ta nói với cháu. Cháu hãy nói ‘vâng, thưa ngài’ khi nói chuyện với các sĩ quan cảnh sát.”

Cô bé nhìn bác mình rồi nói một cách thẳng thắn: “Bác không nhớ cha cháu đã nói những gì à? Rằng mọi người cần phải đấu tranh để giành quyền được gọi là ‘ngài’? Đó là những gì cháu tin tưởng”.

Người bác cười. “Quả là cháu gái của ta. Có cách nghĩ của riêng mình. Đó là lý do chúng ta rất yêu cháu. Ôm ta một cái thật chặt nào, cô bé.”

Ngượng ngùng, giống như những cậu bé của Bell khi anh vòng tay quanh chúng ở những nơi đông người, cô bé đón nhận cái ôm một cách ngúng nguẩy.

Ở trên lối ra sảnh, Bell đưa cho viên cảnh sát mặc sắc phục những lá thư. “Đưa những cái này tới chỗ Lincoln càng nhanh càng tốt.”

“Vâng, thưa ngài.”

Sau khi anh ta đi khỏi, Bell gọi Martinez và Lynch trên chiếc điện đàm. Họ báo cáo rằng con phố an toàn. Anh giục cô bé đi xuống và bước vào trong chiếc Crown Vic. Pulaski chạy tới và nhảy vào ngồi trong ghế sau.

Khi khởi động chiếc xe, Bell nhìn cô bé. “À, cần phải nói, Geneva này, nếu cháu có được một phút, cháu có thể nhìn vào trong cái ba lô đó của mình và nhắc một quyển sách cháu không cần cho ngày hôm nay cho ta mượn không?”

“Sách?”

“một quyển sách học của cháu ở trường ý?”

Cô bé lấy ra một quyển. “Nghiên cứu xã hội? Hơi chán.”

“Ồ, nó không phải để đọc. Chỉ là để đóng giả một giáo viên thay thế thôi.”

Cô bé gật đầu. “Giả vờ chú là một giáo viên. Hay đấy.”

“Ta cũng nghĩ thế. Giờ thì cháu kéo cái dây an toàn vào đi. Tốt nhất là phải như vậy. Cả anh nữa, chàng lính trẻ.”

9. Chương 9

Đối tượng 109 có thể hoặc không phải là một kẻ tấn công tình dục nhưng không hề có mẫu DNA của hắn trong dữ liệu của CODIS.

Kết quả âm tính làm nổi bật sự thiếu sót của những manh mối trong vụ án, Rhyme trầm ngâm với sự bế tắc. Họ đã nhận được những mảnh vỡ còn lại của viên đạn, được lấy ra từ thân thể tiến sĩ Barry bởi những chuyên gia y tế, nhưng nó thậm chí còn nát vụn và tồi tệ hơn viên đạn được lấy ra từ người phụ nữ đứng gần đó, cũng chẳng có tác dụng gì hơn những mảnh trước đó cho công việc điều tra bằng IBIS hay DRUGFIRE.

Họ cũng đã nghe thông tin từ một vài người ở bảo tàng Mỹ - Phi. Tiến sĩ Barry chẳng hề đề cập với ai trong số các nhân viên về một vị khách quan tâm tới cái Tuần báo Minh họa dành cho người da màu năm 1868 ấy cả. Và cả nhật ký điện thoại của bảo tàng cũng chẳng hé lộ ra một manh mối nào hết; tất cả các cuộc gọi đều tới tổng đài trung tâm và rồi được kết nối tới các số máy lẻ, không một chi tiết nào được giữ lại. Các cuộc gọi đến và đi trên điện thoại của ông cũng không đưa ra một đầu mối nào cả.

Cooper nói với họ rằng mình đã tìm hiểu thông tin từ chủ sở hữu của hiệu Trenton Plastics, một trong những nhà sản xuất túi nylon đựng đồ mua sắm lớn nhất nước. Người chuyên viên nhắc đến lịch sử của cái icon hình mặt cười, như người chủ công ty đã nói với anh. “Họ nghĩ rằng cái mặt cười nguyên bản được in trên hình một cái nút áo bởi một chi nhánh của công ty bảo hiểm State Mutual Insurance những năm 60 để thúc đẩy danh tiếng của công ty và như một mảnh lối quảng cáo. Trong những năm 70, có hai anh em đã vẽ một khuôn mặt cười như vậy với khẩu hiệu: “Hãy vui vẻ”. Một dạng hình ảnh thay thế cho biểu tượng hòa bình. Từ đó được in trên năm mươi triệu sản phẩm mỗi ngày bởi hàng chục công ty.

“Vậy thì mấu chốt của bài học này là gì?”, Rhyme lầm bầm

“Rằng ngay cả khi nó được đăng ký bản quyền, mà không ai có vẻ là biết điều đó, có đến hàng tá công ty vẫn làm ra những chiếc túi có mặt cười. Và điều đó có nghĩa là không thể nào lần ra được dấu vết.”

Ngõ cụt...

Trong hàng tá bảo tàng và thư viện mà Cooper,

Sachs và Sellito đã hỏi, chỉ có hai báo lại rằng có một người đàn ông đã gọi tới trong một vài tuần trước hỏi về một ấn bản của Tuần báo Minh họa dành cho người da màu từ tháng 7 năm 1868. Điều này khá khích lệ bởi nó ủng hộ giả thuyết của Rhyme về việc chính cái tạp chí này là lý do mà Geneva bị tấn công. Nhưng cả hai cơ quan đều không có ấn bản đó và chẳng ai có thể nhớ tên của người đã gọi điện - nếu như hắn thậm chí đã cho họ biết tên mình. Chẳng có ai có vẻ là có bản sao của tạp chí ấy để cho họ nhìn xem nó thế nào. Bảo tàng Báo chí Mỹ - Phi ở New Haven đã báo rằng họ có đủ bộ trên vi phim nhưng nó đã biến mất.

Rhyme tỏ vẻ cau có với tin này khi chiếc máy tính đổ chuông báo và Cooper thông báo: “Chúng ta có hồi âm từ VICAP”.

Anh nhấn vào thanh công cụ và gửi email tới tất cả những máy tính trong phòng thí nghiệm của Rhyme. Sellito và Sachs chụm lại quanh một chiếc, Rhyme nhìn vào tấm màn hình phẳng của mình. Đó là một email được bảo đảm an toàn từ một thanh tra ở phòng thí nghiệm nghiên cứu hiện trường tại Queens.

Thanh tra Cooper:

Theo yêu cầu của ngài, chúng tôi đã xử lý dữ liệu mà ngài cung cấp qua cả VICAP và HITS, đã tìm ra hai thông tin phù hợp như sau:

Sự việc thứ nhất: Vụ giết người ở Amarillo, Texas. Vụ số 3451-01 (Đội biệt động Texas): năm năm trước, Charles T. Tucker 67 tuổi, một nhân viên nhà nước đã nghỉ hưu, được tìm thấy chết sau một khu mua sắm

gần nhà. Ông ta bị đánh vào gáy bằng một vật cứng, được cho là nhằm đánh gục người đàn ông, rồi hành hình. Bằng một chiếc dây thừng làm từ sợi bông với một nút thắt trượt buộc quanh cổ ông ta và hung thủ ném nó lên một cành cây rồi kéo căng. Những vết cào ở cổ cho thấy nạn nhân tỉnh lại trước khi chết một vài phút.

Những yếu tố giống với Vụ 109:

- + Nạn nhân bị đánh gục với một cú đánh vào sau gáy.
- + Kẻ tình nghi mang một đôi giày cỡ 11, có vẻ là của hãng Bass. Những vết mòn không đều ở chiếc b phải, cho thấy bàn chân có xu hướng chìa ra ngoài.
- + Chiếc dây thừng vải bông với những vết máu là hung khí; sợi vải giống với những gì tìm thấy ở hiện trường hiện tại.
- + Động cơ gây án được ngụ ý tạo. Tên giết người là một kẻ theo chủ nghĩa hình thức. Những cây nến được đặt trên mặt đất bên dưới chân và hình một ngôi sao năm cánh được vẽ trên đất. Nhưng những điều tra về cuộc đời nạn nhân và việc ghi chép lại hồ sơ kẻ tấn công đã đưa những nhà điều tra tới kết luận rằng bằng chứng này được sắp đặt để đánh lạc hướng cảnh sát. Không một động cơ nào khác được đưa ra.
- + Không một dấu vân tay nào được tìm thấy; hung thủ đeo găng tay cao su.

Trạng thái của vụ án: vẫn còn trong thời gian điều tra.

“Vụ tiếp theo là gì?”, Rhyme hỏi.

Cooper kéo màn hình xuống.

Sự việc thứ hai: Vụ giết người ở Cleveland, Ohio. Vụ số 2002-34554F (Cảnh sát bang Ohio): ba năm trước, một doanh nhân bốn mươi lăm tuổi, Gregory Tallis, được tìm thấy đã chết trong căn hộ của mình, bị bắn đến chết.

Những yếu tố giống với vụ 109:

- + Nạn nhân bị đánh gục với một cú đánh vào sau gáy bằng một vật cứng.
- + Dấu giày của kẻ tình nghi trùng khớp với đôi giày hiệu Bass, với bàn chân phải có xu hướng chìa ra ngoài.
- + Nguyên nhân chết là ba phát súng vào tim. Khẩu caliber, cỡ 22 hoặc 25 ly, giống với vụ án hiện tại
- + Không dấu tay có liên quan nào được tìm ra; hung thủ đeo găng tay cao su.
- + Quần của nạn nhân bị cởi bỏ và một cái chai được đưa vào trong trực tràng (phần nối với hậu môn), với một ý đồ rõ ràng là gợi ý rằng anh ta là nạn nhân của một vụ cưỡng hiếp đồng giới. Sở cảnh sát bang Ohio đã kết luận rằng hiện trường vụ án bị làm giả. Nạn nhân đã được lên kế hoạch để ra làm chứng trong một phiên tòa chống lại tội phạm có tổ chức sắp tới. Các ghi chép của ngân hàng cho thấy bên bị cáo đã rút năm mươi ngàn đô tiền mặt một tuần trước vụ án mạng. Tuy nhiên, không thể lần theo dấu vết số tiền. Các nhà chức trách cho rằng đó là tiền để thuê hung thủ giết Tallis.

Tình trạng: vẫn chưa có kết quả nhưng không còn được điều tra do bằng chứng bị thất lạc.

Bằng chứng thất lạc, Rhyme nghĩ... Lạy Chúa. Anh nhìn vào màn hình. “Những bằng chứng được dựng lên để tạo động cơ gây án không có thật - và một vụ tấn công mang hình thức nghi lễ tôn giáo giả khác.” Anh nhìn về phía quân bài tarot Người treo ngược. “Đánh ngất nạn nhân với một chiếc gậy, rồi thắt cổ hay bắn, những chiếc găng tay cao su, đôi giày Bass, bàn chân phải... Chắc chắn rằng, đó chính là đối tượng của chúng ta. Và có vẻ như hắn là một tay giết mướn. Nếu như vậy, hắn là chúng ta sẽ có hai hung thủ: hắn và kẻ thuê hắn. Được rồi, tôi muốn tất cả những gì mà Texas và Ohio có về cả hai vụ án này.”

Cooper thực hiện vài cuộc gọi. Anh biết được rằng những nhà chức trách của Texas sẽ kiểm tra hồ sơ và trở lại với họ sớm nhất có thể. Ở Ohio, mặc dù, viên thanh tra đã xác nhận rằng hồ sơ nằm trong hàng tá những vụ án chưa được giải quyết đã bị thất lạc trong một lần chuyển sang cơ sở mới hai năm về trước. Họ sẽ tìm lại nó. “Nhưng”, người đàn ông thêm vào: “cũng không nên hy vọng quá”. Rhyme nhắm mắt và nói Cooper giục họ tìm ra nó bằng tất cả những gì có thể.

Một lát sau, điện thoại của Cooper đổ chuông và anh nghe máy. “Xin chào?... Vâng anh cứ nói đi.” Anh viết lại một vài ghi chú, cảm ơn người gọi điện và dập máy. “Đó là Sở Giao thông. Cuối cùng họ đã lần ra những giấy phép đặc biệt cho những lễ hội đường phố hoặc các hội chợ đủ lớn để phải chặn những con phố trong một vài ngày gần đây. Hai ở Queens - một là Hội láng giềng và một là Hội kín Hy Lạp. Một lễ hội Columbus ở Brooklyn và một cái khác ở Little Italy. Đó là một lễ hội lớn. Phố Mulberry.”

“Chúng ta cần cử một vài nhóm ra ngoài và xem xét cả bốn khu này.” Rhyme nói. “Kiểm tra kỹ những cửa hàng bán nhiều hàng giảm giá và những hàng thuốc sử dụng túi có mặt cười có bán bao cao su, băng dính, dao rọc giấy và sử dụng những máy tính tiền điện tử rẻ tiền hoặc những chiếc máy tính cổ lỗ sĩ. Đưa cho các đội bản miêu tả về hung thủ và xem liệu có nhân viên nào nhớ hấn không.”

Rhyme thấy Sellito cứ chăm chăm vào cái chấm nhỏ màu tối trên tay chiếc áo vest ngoài của anh ta. Anh cho rằng đó là một vết máu khác từ vụ nổ súng buổi sáng hôm nay. Viên cảnh sát to lớn không động đậy. Bởi vì anh ta là sĩ quan chỉ huy ở đây, anh là người gọi cho ESU và đơn vị Tuần tra cũng như sắp xếp các đội tìm kiếm. Dù sao thì có vẻ như là anh ta đã không hề nghe thấy nhà tội phạm học.

Rhyme nhìn Sachs, cô gật đầu và gọi điện cho khu trung tâm thành phố để sắp xếp cho những sĩ quan cảnh sát thành lập các đội. Khi dập máy, cô nhận thấy Rhyme đang nhìn chăm chăm vào tấm bảng. “Có gì không ổn à?”

Anh không trả lời ngay, nghiền ngẫm, suy nghĩ chính xác xem cái gì không ổn ở đây. Rồi anh nhận ra. Cá không có nước...

“Tôi nghĩ rằng chúng ta cần được giúp đỡ.”

Một trong những vấn đề khó khăn nhất mà những chuyên gia tội phạm đối mặt không phải là biết được khu vực sống của họ. Một nhà phân tích hiện trường chỉ giỏi khi anh ta nắm chắc về khu vực sinh sống của đối tượng tình nghi - địa lý, xã hội, lịch sử, văn hóa, công việc... mọi thứ.

Lincoln Rhyme đang nghĩ rằng anh biết quá ít về cái thế giới mà Geneva sống trong đó: Harlem. Ồ, tất nhiên là anh đã từng đọc các số liệu thống kê: Phần đông dân số được pha trộn đồng đều giữa những người da đen đến từ châu Phi (cả từ xa xưa lẫn mới nhập cư sang) và cả những người da đen lẫn da trắng đến từ các nước nói tiếng Tây Ban Nha (phần lớn là Puerto Rica, Dominica, Salvador và Mexico) tiếp theo đó là những người da trắng và một số ít người châu Á. Đói nghèo, các băng đảng, ma túy và bạo lực - được tập trung phần lớn xung quanh các dự án - nhưng hầu hết khu vực xung quanh thì nói chung là an toàn, hơn hẳn so với những phần thuộc Brooklyn, Bronx hay là Newark. Harlem có nhiều nhà thờ và có cả điện thờ Hồi giáo, các tổ chức cộng đồng và hội những phụ huynh lo lắng cho con cái mình hơn bất cứ một khu vực nào quanh thành phố. Nơi này từng trở thành tâm điểm của quyền dân sự dành cho người da đen, cả văn hóa, nghệ thuật của người da đen và người gốc Tây Ban Nha. Giờ đây, nó còn là trung tâm của một phong trào mới: vì bình đẳng về tài chính. Có hàng tá những dự án tái phát triển kinh tế hiện tại đang được thi công cũng như các nhà đầu tư thuộc mọi chủng tộc và quốc tịch đang ganh đua để đầu tư tiền vào Harlem, giành lấy những lợi thế đặc quyền của thị trường bất động sản nóng bỏng này.

Nhưng đó là những số liệu của tờ New York Times, và của Sở cảnh sát New York. Nó không hề giúp Rhyme có chút manh mối nào để hiểu được tại sao một sát thủ chuyên nghiệp lại muốn giết một cô bé học sinh ở khu vực này. Không nắm rõ được động cơ khiến việc tìm kiếm Đối tượng 109 này bị hạn chế rất lớn. Anh yêu cầu thực hiện một cuộc gọi qua điện thoại, và cái phần mềm ngoan ngoãn kết nối anh tới một số điện thoại tại văn phòng FBI trong thành phố.

“Dellray nghe.”

“Fred, Lincoln đây. Tôi cần thêm giúp đỡ.”

“Anh chàng của tôi ở dưới đó có giúp được gì cho anh không?”

“Có chứ, chắc chắn là thế rồi. Cả ở Maryland nữa.”

“Thật vui khi biết điều đó. Đợi một chút. Để tôi xem còn ai khác ngoài đó không.”

Rhyme đã từng đến văn phòng của Dellray một vài lần. Văn phòng của viên đặc vụ da đen cao lênh khênh trong tòa nhà liên bang chất đầy sách văn học và khoa học bí mật, cũng như những cái giá treo áo dày

những bộ quần áo đủ mọi kiểu mà anh ta có thể mặc để cải trang, mặc dù không còn làm nhiều công việc nghiên cứu ở thực địa nữa.

Nực cười là, trên những giá treo quần áo đó, bạn có thể tìm thấy bộ vest anh em nhà Brooks FBI và những chiếc áo sơ mi trắng với cà vạt kẻ sọc. Trang phục thường thấy ở Dellray là - nói một cách tế nhị - khá kỳ cục. Những bộ trang phục thể thao đi bộ và áo nỉ cùng với những chiếc áo khoác thể thao, với tông ưa thích là màu xanh lá cây, xanh da trời và vàng. Ít nhất thì anh tránh đội mũ, bởi nó có thể khiến anh giống như một tên ma cô bước ra từ bộ phim khai thác về chủ đề người da đen trong những năm 70.

Khi viên đặc vụ quay trở lại với chiếc điện thoại, Rhyme hỏi: “Vụ đánh bom thế nào rồi?”.

“Thêm một cuộc gọi nặc danh sáng nay nữa, về Tòa lãnh sự Israel. Giống như tuần trước. Chỉ duy nhất tai mắt của tôi - thậm chí cả những cậu bé vàng - là chẳng thể nói chắc chắn với tôi được dù chỉ một điều nhỏ. Nó khiến tôi tức điên lên được. Dù sao thì, anh đang có vấn đề gì?”

“Vụ án đưa chúng tôi tới Harlem. Anh có làm việc ở đó nhiều không?”

“Tôi có dạo qua đó đôi lần. Nhưng tôi không phải là một từ điển bách khoa toàn thư. Sinh ra và lớn lên ở BK.”

“BK?”

“Brooklyn, tên ban đầu của làng Breuckelen, mang lại cho chúng ta sự ưu đãi của công ty Dutch West India trong những năm 1640. Thành phố chính thức đầu tiên của tiểu bang New York, nếu anh muốn biết nó là gì. Quê hương của Walt Whitman. Nhưng anh sẽ không mất cả chục phút đồng hồ chỉ để nói chuyện phiếm nhỉ.”

“Anh có thể đi ra ngoài và tìm hiểu chút gì đó được không?”

“Tôi sẽ cải trang và ra xem. Nhưng tôi không thể hứa được rằng mình sẽ giúp được nhiều đâu đấy.”

“Ừm, Fred, anh có một lợi thế hơn tôi, tới mức hòa nhập với khu ngoại ô thành phố.”

“Rồi, rồi, rồi - cái mông tôi không ngồi trên cái xe lăn màu đỏ chóc nào cả.”

“Hãy coi như đó là hai lợi thế của anh”, Rhyme đáp lời, và mặt anh đang tái đi như mái tóc vàng của chàng lính trẻ Pulaski.

Những bức thư khác của Charles Singleton được gửi đến từ Geneva.

Chúng không được cất giữ tốt lắm theo năm tháng và đã mờ nhạt và dễ vụn. Mel Cooper cẩn thận đặt những lá thư vào giữa hai tấm nhựa mỏng trong suốt, sau khi xử lý hóa học những nếp gấp để bảo đảm rằng tờ giấy sẽ không bị rách vụn.

Sellito bước về phía Cooper: “Chúng ta có gì nào?”.

Nhà khoa học hình sự tập trung chiếc máy quét quang học vào bức thư đầu tiên và nhấn vào nút công cụ trên máy tính. Hình ảnh hiện ra trên một vài chiếc máy tính trong căn phòng.

Violet thương yêu nhất của anh,

Anh có mấy phút để viết cho em vài lời trong cái nóng nực và sự yên ả của buổi sáng sớm Chủ nhật này. Đơn vị của bọn anh, Trung đoàn New York thứ Ba mươi mốt, đã đến sau một quãng đường thật dài từ khi những chàng lính trẻ non nớt kinh nghiệm tại anh tập hợp trên đảo Hart. Quả thật, giờ đây bọn anh đang tham gia vào một nhiệm vụ trọng yếu là truy đuổi Tướng Robert E. Lee[1], đội quân của ông ta đã rút lui sau khi bị đánh bại tại Petersburg, Virginia, ngày mùng hai tháng Tư.

[1] Đại tướng thống lĩnh Quân đội Liên minh miền Nam trong Nội chiến ở Hoa Kỳ.

Ông ta giờ đây lại nổi lên với đội quân ba mươi ngàn người, ở trung tâm Liên Bang, và quân của ông ta đã thất bại trước trung đoàn của bọn anh, cùng với những đơn vị khác, để giữ chặt phòng tuyến phía tây, khi ông ta cố gắng trốn chạy, mà chắc chắn là ông ta phải trốn chạy, bởi cả tướng Grant và tướng Sherman đang đè bẹp ông ta bởi quân số lớn hơn rất nhiều.

Khoảnh khắc lúc này đây là sự yên ắng trước cơn bão và bọn anh đang tập hợp ở một trang trại lớn. Những người nô lệ với đôi chân trần đứng xung quanh, nhìn bọn anh và đang mặc những bộ quần áo sợi bông của người da đen. Một vài trong số họ chẳng nói gì hết, nhưng tỏ vẻ kính trọng một cách tuyệt đối. Những người khác thì vô cùng hân hoan.

Cách đây không lâu, chỉ huy của bọn anh đã đến đây, bước xuống ngựa và nói về kế hoạch trận đánh ngày hôm ấy. Rồi ông ấy nói, từ trong trí nhớ, những lời từ ngài Frederick Douglass mà anh nhớ như thế này: “Một khi để cho một người nô lệ da đen đặt lên mình chữ ‘U.S.’, con đại bàng trên những chiếc cúc áo, súng trên vai và đạn trong túi, sẽ chẳng một ai trên trái đất này có thể phủ nhận việc anh ta đã giành được quyền làm một công dân ở Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.”

Rồi ông ấy chào bọn anh một cách nghiêm trang và nói rằng đó là niềm vinh dự của ông ấy khi được cống hiến cho đất nước cùng với bọn anh trong chiến dịch đã có sự ủng hộ của Chúa này để thống nhất lại dân tộc mình.

Tiếng hô vang dậy khắp trung đoàn số Ba mươi mốt, những âm thanh mà trước đây anh chưa từng nghe thấy.

Và giờ đây, em yêu ạ, anh nghe thấy tiếng trống xa xa và tiếng những quả đạn pháo hai kilogram và bốn kilogram, báo hiệu trận đánh bắt đầu. Liệu đây có phải là những lời cuối cùng anh được nói với em từ phía bên này của dòng sông Jordan, hãy biết rằng anh yêu em và con trai của chúng ta hơn tất cả những từ ngữ có thể diễn đạt điều đó. Hãy giữ vững và bám chặt vào trang trại, hãy giấu bí mật về việc chúng ta nói dối rằng mình là những người chăm sóc khu đất, chứ không phải chủ, và từ chối mọi lời đề nghị mua lại mảnh đất. Anh hy vọng mảnh đất sẽ được nguyên vẹn đến tay con trai mình và con cái của nó; công việc thì lúc thăng lúc trầm, thị trường tài chính thì bất ổn, nhưng đất đai là sự vĩnh hằng của Chúa - và trang trại sẽ mang lại sự kính trọng trong con mắt của những người mà lúc này đây không hề tôn trọng điều đó đối với chúng ta. Đó chính là sự cứu rỗi cho con cháu chúng ta, và cho các thế hệ sau đó. Giờ đây, em yêu dấu, anh lại phải một lần nữa cầm khẩu súng lên và làm như những gì mà Chúa đã đánh cuộc, để bảo đảm cho sự tự do của chúng ta và duy trì đất nước thiêng liêng của mình.

Tình yêu vĩnh hằng của em,

Charles 9 tháng Tư, 1865, Appomattox, Virginia

Sachs nhìn lên. “Phù. Đúng là một câu chuyện mà ta vẫn chẳng đi đến đâu.”

“Không hẳn là thế.” Thom nói.

“Ý anh là sao?”

“À, chúng ta biết họ đã giữ vững được chiến tuyến của mình.”

“Như thế nào?”

“Bởi ngày mùng 9 tháng 4 là ngày quân miền Nam đầu hàng.”

“Tôi không thực sự quan tâm lắm đến cuốn Lịch sử 101[2] ấy.” Rhyme nói. “Tôi chỉ muốn biết về cái bí mật này thôi.”

[2] History 101 là một tiểu thuyết của BBC Books được viết bởi Mags L Halliday dựa trên series chương trình ti vi khoa học viễn tưởng của Anh Doctor Who.

“Điều đó nằm trong lá thư này”, Cooper nói, quét lá thư thứ hai. Anh đặt nó lên trên chiếc máy quét.

Violet thương yêu nhất của anh,

Anh nhớ em, em yêu ạ, cả Joshua bé nhỏ của chúng ta nữa. Anh như được tiếp thêm sinh lực khi biết rằng chị gái của em đã vượt qua được trận ốm sau khi sinh cháu và rất biết ơn Chúa bởi em đã có mặt bên chị ấy suốt thời gian khó khăn này. Tuy nhiên, anh nghĩ rằng tốt nhất em nên ở lại Harrisburg một thời gian. Đây là khoảng thời gian then chốt và nguy hiểm, anh cảm nhận được, còn hơn cả những gì đã diễn ra trong suốt chiến tranh ly khai.

Đã quá nhiều chuyện xảy ra trong tháng em đi vắng. Cuộc đời anh đã thay đổi biết bao nhiêu, từ một người nông dân bình dị và một thầy giáo làng tới anh hiện tại! Anh đã tham gia vào những vấn đề mà thực sự là khó khăn, nguy hiểm và, anh phải nói là, sống còn cho quyền lợi của những người như chúng ta.

Đêm nay, anh và đồng đội sẽ lại gặp nhau ở Galloxs Heights, cuộc gặp diễn ra ở bên cạnh một tòa lâu đài đang bị vây hãm. Những ngày dài vô tận, và hành trình thì đầy mệt mỏi. Cuộc đời của anh bao gồm cả những thời khắc gay go gian khổ, đến rồi đi dưới sự che chở của màn đêm, và tránh cả những kẻ có thể làm hại mình, có quá nhiều người như vậy - và không chỉ những người nổi loạn cũ; cũng có rất nhiều người ở phương bắc có thái độ thù địch với sự nghiệp của chúng ta. Anh vẫn nhận được sự đe dọa thường xuyên, có những kẻ thì giấu mặt, kẻ thì trắng trợn.

Một cơn ác mộng khác đã dựng anh thức dậy sáng sớm hôm nay. Anh không nhớ nổi những hình ảnh quấy rầy giấc ngủ của mình, nhưng sau khi tỉnh lại, anh không thể nào quay trở lại giấc ngủ một cách thoải mái, ngon lành. Anh cứ nằm thao thức cho đến bình minh, suy nghĩ về những khó khăn biết bao nhiêu khi giữ bí mật này trong lòng mình. Bởi vậy anh khao khát được nói nó ra với thế giới, nhưng anh biết mình không thể. Anh không có một chút nghi ngờ về hậu quả là một tấn bi kịch khi chuyện này được tiết lộ.

Hãy thông cảm cho giọng điệu u sầu của anh. Anh nhớ em và con, và anh đang mệt mỏi khủng khiếp lắm rồi. Ngày mai có thể thấy sự tái sinh của hy vọng. Anh cầu nguyện cho điều đó xảy ra.

Yêu em Charles

Mùng 3 tháng 5 năm 1867

“Ừm”, Rhyme trầm ngâm, “ông ấy nói về bí mật. Nhưng nó là cái gì? Nhất định phải có liên quan đến những cuộc họp ấy ở trên Gallows Heights. ‘Quyền lợi của những người như chúng ta.’ Quyền dân sự hay là. Ông ấy cũng nhắc đến nó ở trong lá thư thứ nhất nữa... Gallows Heights là cái gì gió gì vậy?”

Đôi mắt của anh liếc sang quân bài tarot Người treo ngược, treo lơ lửng trên cái giá treo cổ bằng bàn chân.

“Tôi sẽ tìm kiếm nó”, Cooper nói và lên mạng. Một lát sau anh nói: “Đó là một vùng lân cận Manhattan thế kỷ XIX, ở mạn phía tây, tập trung quanh đường Bloomingdale và phố 18. Bloomingdale đã thành Boulevard và rồi Broadway. Anh ngược mắt lên nhìn với đôi lông mày nhướn cao. Không quá xa chỗ này lắm”.

“Gallows với một dấu móc lưng à?”

“Không dấu móc lưng nào hết. Ít nhất trong tiêu đề tôi tìm thấy.”

“Còn gì nữa về nó không?”

Cooper nhìn một lượt, xem xét trang web lịch sử xã hội. “Một vài điều. Bản đồ của năm 1872”. Anh quay màn hình về phía Rhyme, Rhyme đang nhìn nó, nhận thấy rằng vùng lân cận ấy bao trùm cả một diện tích lớn. Có một vài khu bất động sản được sở hữu bởi những gia đình tài phiệt lâu đời ở New York cũng như hàng trăm những căn nhà và căn hộ nhỏ khác.

“Này, nhìn này, Lincoln”, Cooper nói, chỉ vào một phần bản đồ gần khu Central Park. “Đó là khu vực của anh. Chính là chỗ chúng ta hiện tại. Là một cái đầm lầy từ hồi ấy.”

“Thú vị đây”, Rhyme lẩm bẩm một cách chăm chọc.

“Nguồn thông tin tham khảo duy nhất khác là câu chuyện trên tạp chí Times tháng trước về việc hiến tặng một kho lưu trữ ở tổ chức Sanford - đó là một căn biệt thự lớn và cổ kính trên phố 81

Rhyme nhớ lại về một toà nhà lớn có kiến trúc thời Victoria nằm bên cạnh khách sạn Sanford - theo phong cách Gothic, cổ kính như bị ma ám và gợi nhớ lại căn biệt thự Dakota, nơi mà John Lennon bị giết.

Cooper tiếp tục: “Người đứng đầu của tổ chức này, William Ashberry, đã có một bài phát biểu trong buổi lễ. Anh ta đã nhắc đến việc khu vực Upper West Side thay đổi như thế nào trong những năm qua từ khi nó được biết đến như là Gallows Heights. Nhưng đó là tất cả. Không có gì đặc biệt”.

Có quá nhiều điểm không liên quan đến nhau, Rhyme ngẫm nghĩ về điều đó. Rồi máy tính của Cooper lại kêu lên một lần nữa, báo hiệu một email mới. Anh ta đọc nó rồi nhìn về phía đội phá án. “Nghe này. Nó

là thông tin về Tuần báo Minh họa dành cho người da màu. Người phụ trách thư viện của Đại học Booker T. Washington ở Philly mới gửi cho tôi. Thư viện từng có một bộ đầy đủ của tờ tạp chí trong cả nước.

“Đã từng là sao?” Rhyme cúi kính cẩn ngang. “Thế quái nào là ‘đã từng’?”

“Tuần trước, một vụ hỏa hoạn đã phá hủy căn phòng chứa những tài liệu này.”

“Báo cáo về vụ phóng hỏa này nói gì?”, Sachs hỏi. “Không được coi là một vụ cố ý gây hỏa hoạn. Nó có vẻ như là do bóng đèn nổ, và bắt lửa vào vài tờ báo. Không có ai bị thương cả.”

“Chết tiệt, nếu đây không phải một vụ cố ý gây hỏa hoạn. Có ai đó làm điều này. Vậy thì người phụ trách này có gợi ý nào về nơi chúng ta có thể tìm...”

“Tôi đang định tiếp tục.”

“À, tiếp tục đi.”

“Ngôi trường có chính sách là quét chụp tất cả những gì họ có trong kho lưu trữ và lưu lại trên file PDF.”

“Có phải chúng ta đang đến gần tới một thông tin tốt không nhỉ, Mel? Hay là anh chỉ đùa cợt thôi đấy?” Cooper nhấn vào những chiếc nút khác. Anh ra hiệu về phía màn hình. “Nó đây - ngày 23 tháng 7 năm 1868, Tuần báo Minh họa dành cho người da màu.”

“Anh không nói. Nào, đọc cho mọi người nghe,

Mel. Đầu tiên là: ông Singleton đó chết đuối trên sông Hudson đúng hay không?”

Cooper gõ phím và một khắc sau anh đẩy cặp kính lên sống mũi mình, nghiêng về phía trước và nói: “Đây rồi. Tiêu đề là: ‘Một nỗi nhục, ghi chép về tội lỗi của một kẻ đã từng là nô lệ - Charles Singleton, cựu binh Nội chiến, phản bội lại sự nghiệp của những người da đen chúng ta bằng một sự vụ đầy tai tiếng’ ”.

Tiếp tục với những dòng chữ, anh đọc:

Vào thứ Ba, ngày 14 tháng 7, lệnh bắt giữ Charles Singleton, một người từng là nô lệ, cựu binh của Chiến tranh Ly khai, được thông qua bởi tòa án New York, với lời buộc tội ông ta đã lấy trộm một lượng lớn vàng và tiền từ Quỹ giáo dục Quốc gia hỗ trợ những nô lệ tự do nằm trên phố 23 ở Manhattan, New York.

Ông Singleton đã trốn tránh mạng lưới truy bắt của cảnh sát trên khắp thành phố, và được cho là đã trốn thoát, có khả năng là về Pennsylvama, nơi chị gái vợ và gia đình bà ta sống.

Tuy nhiên, vào buổi sáng sớm thứ Năm ngày Mười sáu, ông ta đã bị phát hiện bởi một viên cảnh sát khi đang tìm đường chạy đến cầu tàu trên dòng sông Hudson.

cảnh sát đã phát báo động và ông Singleton bỏ chạy. Cảnh sát đó đã đuổi theo.

Cuộc truy bắt nhanh chóng kéo theo hàng tá cảnh sát và những người công nhân, người nhặt rác Ireland đang thực hiện trách nhiệm công dân của mình là tóm lấy kẻ ăn trộm (với lời xúi giục bởi năm đồng vàng để ngăn kẻ xấu này lại). Hướng trốn chạy của ông ấy là xuyên qua những con hẻm tối tăm ngang dọc của khu ổ chuột bên sông.

Ở chỗ những bức tranh trên phố 23, ông Singleton trượt chân ngã. Một cảnh sát cưỡi ngựa ập đến và có vẻ như ông ta sẽ bị tóm lại. Ông đã lấy lại được thăng bằng và thay vì thú nhận tội lỗi của mình, như một người đàn ông dũng cảm sẽ làm, ông tiếp tục cuộc trốn chạy hèn nhát của mình.

Trong một thời gian ngắn, ông đã tránh được những kẻ truy bắt. Nhưng khoảnh khắc đó không kéo dài lâu. Một người giao hàng da đen trên mái hiên đã nhìn thấy người cựu nô lệ và cầu xin ông hãy dừng lại, nhân danh công lý, quả quyết rằng ông ta đã nghe tới hành động ngu ngốc của Singleton và quả trách ông vì đã gây ra nỗi ô nhục cho những người da màu trên khắp đất nước. Ngay sau đó một người dân, Walker Loakes, đã ném một hòn gạch về phía Singleton nhằm đánh ngã ông. Tuy nhiên, ông Singleton đã tránh được cú ném và hét lên khẳng định sự vô tội của mình, tiếp tục trốn chạy.

Người cựu nô lệ với thân thể cường tráng nhờ công việc lao động trong một vườn táo chạy nhanh như gió. Nhưng người đàn ông tên Loakes kia đã báo với một cảnh sát cưỡi ngựa về việc trông thấy người cựu nô lệ và, ở cầu tàu gần phố 88, gần trụ sở thuyền kéo, con đường trốn chạy của ông ấy bị chặn lại bởi một đội

cảnh sát cần mẫn. Ông ấy dừng lại ở đó, kiệt sức, dựa vào tấm bảng hiệu của công ty Vận chuyển Swiftsure. Ông ấy bị thúc giục yêu cầu đầu hàng bởi người chỉ huy cuộc rượt đuổi trong suốt hai ngày qua, Thám tử William P. Simms, người chĩa khẩu súng ngắn về phía tên trộm.

Tuy nhiên, vừa tìm kiếm một lối thoát liều mạng, vừa cố thuyết phục rằng những tội ác của mình là do bị vu oan và mong muốn kết thúc cuộc đời, ông Singleton, lưỡng lự một chút rồi nhảy xuống dòng sông, nói những lời mà không ai có thể nghe thấy được.

Rhyme ngắt lời: “Đó là đoạn mà Geneva đã đọc tới trước khi cô bé bị tấn công. Quên cuộc Nội chiến đi, Sachs. Đây mới là những gì chúng ta vẫn chưa rõ. Tiếp tục đi”.

Ông ấy biến mất dưới những con sóng và các nhân chứng thì chắc chắn rằng ông ấy đã bỏ mạng. Ba cảnh sát điều khiển một chiếc thuyền nhỏ từ một cầu tàu gần đó và chèo dọc theo những cầu tàu để xác định số phận của người đàn ông da đen.

Cuối cùng họ đã tìm thấy ông ấy, choáng váng sau cú nhảy, ôm chặt một mảnh gỗ trên sông và, với sự cảm động mà nhiều người cho rằng được sắp xếp, gọi tên vợ và con trai.

“Ít nhất thì ông ấy vẫn sống”, Sachs nói. “Geneva hẳn sẽ rất vui vì điều này.”

Ông ấy được một bác sĩ chăm sóc, bị mang đi và đưa ra phiên xét xử, được tổ chức vào một ngày thứ Ba. Ở tòa, ông ấy đã bị chứng thực là ăn trộm một số lượng lớn không thể tưởng tượng nổi gồm tiền và những đồng vàng trị giá tới ba mươi ngàn đô.

“Đó là điều mà tôi đang nghĩ”, Rhyme nói. “Rằng động cơ ở đây là số của cái bị mất. Trị giá hiện tại là bao nhiêu?”

Cooper đóng cửa sổ có bài báo về Charles Singleton trên máy tính và mở cửa sổ tìm kiếm trên mạng, nhấn những con số vào. Anh nhìn lên từ những tính toán của mình, “Hiện tại, nó sẽ trị giá khoảng tám trăm ngàn”.

Rhyme lẩm bẩm: “Không thể tưởng tượng được. Được rồi. Tiếp tục nào”.

Cooper tiếp tục:

Một người gác cổng ở bên kia phố trụ sở của Quỹ nô lệ tự do đã nhìn thấy ông Singleton tìm đường vào văn phòng bằng cửa sau và rời đi hai mươi phút sau đó, mang theo hai chiếc túi lớn. Khi người quản lý của Quỹ đến cơ quan sau đó, theo lệnh triệu tập của cảnh sát, thì được cho biết chiếc két Exeter Strongbow đã bị phá vỡ bởi một chiếc búa và một thanh xà beng, thứ được nhận dạng là thuộc sở hữu của bị cáo, được tìm thấy ở gần tòa nhà sau đó.

Hơn nữa, bằng chứng cho thấy rằng, ông Singleton đã lấy lòng tin của mọi người, tại những buổi họp ở khu vực Gallows Heights, với những nhân vật có tiếng tăm như Charles Sumner, Thaddeus Stevens cùng với Frederick Douglass và con trai Lewis Douglass. Charles giả vờ góp sức cùng những người cao quý này trong việc xúc tiến đưa ra các quyền của những người da đen trước Quốc hội.

“À, những buổi họp mà Charles nhắc đến trong bức thư của ông ấy. Đó là về các quyền dân sự. Và đó hẳn phải là những đồng đội mà ông ấy nhắc đến. Nghe có vẻ là những nhân vật khá lớn nhỉ. Gì nữa?”

Tuy nhiên, động cơ của ông trong việc giúp đỡ những nhân vật quan trọng này, theo vị công tố viên có thẩm quyền, không phải là để cống hiến cho sự nghiệp của những người da đen, mà để tìm hiểu về Quỹ và những nơi cất giấu mà ông ta có thể ăn trộm được.

“Đó có phải là bí mật không?”, Sachs hỏi.

Tại phiên xét xử của mình, ông Singleton vẫn giậm lặng trước những cáo buộc này, trừ việc đưa ra một vài lời chối tội chung chung và nói rằng ông ấy rất yêu vợ và con trai.

Đại úy Simms đã tìm ra phần lớn của cái bị lấy trộm. Người ta cho rằng Singleton đã bí mật cất giấu chỗ còn lại trị giá vài nghìn đô ở một nơi kín đáo và từ chối tiết lộ vị trí đó. Không có chút nào trong số tài sản còn sót này được tìm ra, trừ vài trăm đồng tiền vàng được phát hiện có trên người ông Singleton khi bị bắt.

“Vậy là có một giả thuyết về kho báu bị chôn giấu”, Rhyme lẩm bẩm. “Quá tệ. Tôi thích rồi đấy.”

Lời buộc tội được đưa ra nhanh chóng. Theo phán quyết, thẩm phán yêu cầu người cự nê trả lại phần còn lại của số tiền đã đánh cắp, tuy nhiên ông ấy vẫn từ chối không nói ra địa điểm của nó, vẫn khẳng định sự vô tội của mình và quả quyết rằng những đồng vàng được tìm thấy trên người là do đã được đặt vào đồ đạc sau khi ông bị bắt. Theo đó, vị thẩm phán với trí thông minh của mình đã ra lệnh rằng những gì thuộc về phạm nhân sẽ bị tịch thu và bán để bồi thường cho chỗ bị mất, và án phạt dành cho phạm nhân là phải ngồi tù năm năm.

Cooper ngẩng lên. “Đó là toàn bộ bài báo.”

“Tại sao một kẻ nào đó lại phải giết người chỉ để chôn giấu câu chuyện này?”, Sachs hỏi.

“Đúng, quả là một câu hỏi lớn...” Rhyme nhìn lên trần nhà. “Vậy chúng ta biết gì về Charles? Ông ấy là một thầy giáo và là một cựu binh Nội chiến, sở hữu và làm việc trên một trang trại ở khu phía bắc của bang, bị bắt và bị buộc tội ăn trộm, có một bí mật mà có thể dẫn tới những hậu quả bi thảm nếu như nó được biết đến, đi tới những buổi họp bí mật ở Gallows Heights, tham gia vào cuộc vận động dân quyền cũng như thân thiết với một vài chính trị gia lớn và những người hoạt động cho dân quyền lúc bấy giờ.”

Rhyme lặn chiếc xe tới gần màn hình máy tính, xem xét bài báo. Anh không thấy một sự liên quan nào giữa những sự kiện và Nghi phạm 109.

Điện thoại của Sellito kêu. Anh ta nghe một lúc. Lòng mày nhướn lên. “Được rồi. Cảm ơn.” Anh ta ngắt máy và nhìn Rhyme. “Đây rồi!”

“‘Đây rồi’ là sao chứ?”, Rhyme hỏi.

Sellito nói: “Đội dò hỏi thông tin ở Little Italy - nửa dãy phố từ lễ hội Columbus Day - mới tìm ra một cửa hàng bán giảm giá trên phố Mulberry. Nhân viên bán hàng có nhớ ra một người đàn ông da trắng, tầm bốn mươi tuổi có mua tất cả những thứ được tìm thấy trong chiếc túi của hung thủ một vài ngày trước. Cô ấy nhớ ra hắn ta bởi chiếc mũ

“Hắn đội mũ?”

“Không, hắn mua một cái mũ. Một chiếc mũ trùm. Lý do cô ấy nhớ bởi vì hắn đã đội thử chiếc mũ và kéo nó trùm qua mặt. Cô ấy nhìn thấy điều đó qua gương an ninh và nghĩ rằng hắn chuẩn bị cướp cửa hàng. Nhưng rồi hắn tháo chiếc mũ ra, nhét nó vào giỏ với những thứ khác và trả tiền rồi đi.”

Hắn đó chính là vật có giá 5,95 đô la bị thiếu mất trên tờ hóa đơn. Đeo thử chiếc mũ trùm để bảo đảm rằng nó có thể làm một chiếc mặt nạ. “Đó cũng có khả năng là vật hắn dùng để lau sạch các dấu tay của mình. Cô ấy có biết tên hắn không?”

“Không. Nhưng cô ấy có thể miêu tả hắn khá rõ.” Sachs nói: “Chúng ta sẽ thực hiện một bức tranh vi tính tái dựng chân dung và đưa nó cho mọi người”. Chộp lấy chiếc túi của mình, cô nhận ra viên thanh tra to lớn không đi cùng mình khi cô dừng lại ở cửa. Cô dừng lại. Nhìn ra sau. “Lon, anh có đi cùng không?” Sellito có vẻ như không nghe thấy. Cô nhắc lại câu hỏi và viên thanh tra chợp chợp mắt. Anh ta bỏ tay xuống khỏi chiếc má đã bị chà đồ ửng. Và nhe răng cười. “Xin lỗi. Tất nhiên rồi. Đi tóm cổ thằng khốn này thôi.”

Bảng bằng chứng, hồ sơ vụ 109:

Hiện trường Bảo tàng Mỹ - Phi

Gói đồ hiếp dâm:

- Lá bài tarot, số mười hai trong bộ bài, Người treo ngược, có nghĩa là sự tìm kiếm tâm linh.
- Chiếc túi có hình mặt cười.
- Quà chung chung để lần tìm.
- Dao rọc giấy.
- Bao cao su Trojan.
- Băng dính.

- Dầu thơm mùi hoa nhài.
- Vật không xác định, giá 5,95 đô. Có khả năng là chiếc mũ trùm.
- Hóa đơn, cho thấy cửa hàng nằm ở thành phố New York, cửa hàng tạp hóa giảm giá hoặc một hàng được phẩm.
- Nhiều khả năng được mua từ một cửa hàng trên phố Mulberry, Little Italy. Hung thủ được nhận dạng bởi nhân viên bán hàng.

Dấu tay

- Nghi phạm đeo găng tay cao su.
- Dấu tay trên gói đồ thuộc về một người có bàn tay nhỏ, không có dữ liệu trong hệ thống IAFIS. Nhiều khả năng là của nhân viên bán hàng.

+ Dấu vết:

- Sợi thừng vải bông, một vài sợi có vết máu người. Từ đây để thắt cổ?
- Không có nhà sản xuất.
- Gửi tới CODIS.
- Không tìm thấy DNA trùng khớp ở CODIS.

+ Bông ngô và kẹo bông với những dấu vết nước đái chó.

- Liên hệ tới các hội chợ hay lễ hội trên phố? Kiểm tra cùng với Bộ phận Giao thông về các giấy phép gần đây. Các cảnh sát đi nắm bắt thông tin từ các hội chợ trên phố; theo từng thông tin mà bên Giao thông cung cấp.
- Xác nhận đó là lễ hội ở Little Italy.

Vũ khí:

- Dùi cui hoặc một chiếc côn.
- Khẩu súng có ổ thuốc lớn, hạt kích nổ vành, kiểu súng ngắn 22 ly, thuộc Quân đội Bắc Mỹ - loại - Black Widow hoặc Minimaster.
- Những viên đạn tự chế, đầu đạn chứa những chiếc kim. Không thấy dữ liệu trong IBIS hay DRUGFIRE.

+ Động cơ:

- Chưa chắc chắn. Hiếp dâm chỉ là động cơ giả.
- Động cơ thật sự có thể là để lấy đi tấm vi phim của bài báo trên tờ Tuần báo Minh họa dành cho người da màu ngày 23 tháng 7 năm 1868, và giết Geneva Settle vì cô quan tâm tới bài báo này bởi một lý do chưa biết. Bài báo viết về một người tổ tiên của Geneva tên là Charles Singleton (xem thông tin bên biểu đồ bên cạnh).
- Người thủ thư - nạn nhân bị giết báo rằng có một ai đó muốn được xem bài báo.

* Yêu cầu có được nhật ký cuộc gọi của người thủ thư để kiểm tra điều này.

* Không có manh mối nào

+ Yêu cầu cần có thông tin từ những nhân viên thư viện hoặc với những người mong muốn được thấy câu chuyện.

+ Không có manh mối nào.

- Tìm kiếm bản của bài báo.

* Một vài nguồn báo cáo về một người đàn ông yêu cầu cùng một bài báo. Không manh mối nào được xác nhận. Phần lớn các ấn bản đều đã mất hoặc bị phá hủy. Xác định được vị trí một ấn bản. (Xem biểu đồ bên cạnh).

* Kết luận: Geneva Settle vẫn còn trong tình trạng nguy hiểm.

- Hồ sơ các vụ việc gửi tới VICAP và NCIC.

* Vụ giết người ở Amarillo, Texas, năm năm trước. Cũng có hiện trường được làm giả (làm như vụ giết người là nghi lễ tôn giáo, nhưng động cơ thật sự vẫn chưa được tìm ra).

* Vụ giết người ở Ohio, ba năm về trước. Cũng có hiện trường được làm giả (làm như đó là một vụ tấn công tình dục đồng giới, nhưng động cơ thật sự có lẽ là được thuê giết). Hồ sơ bị thất lạc.

Hồ sơ về Nghi phạm 109

+ Nam da trắng.

+ 1m8, gần 90kg.

+ Giọng trung.

+ Sử dụng điện thoại để tiếp cận nạn nhân.

+ Mang một chiếc giày Bass cỡ 11 màu nâu sáng, khoảng ba năm hoặc hơn. Bàn chân phải hơi hướng ra ngoài.

+ Mùi hoa nhài.

+ Quần tối màu.

+ Đeo mũ trùm, màu tối.

+ Sẽ nhắm vào những người vô tội để tạo cơ hội hạ gục nạn nhân và trốn thoát.

+ Nhiều khả năng là một kẻ giết thuê.

Hồ sơ về kẻ thuê Nghi phạm 109

+ Chưa có thông tin gì

Hồ sơ về Charles Singleton

+ Cựu nô lệ, tổ tiên của Geneva Settle. Có gia đình, một con trai. Được ông chủ cho một vườn cây ở tiểu bang New York. Làm việc với vai trò một thầy giáo. Tham gia vào cuộc vận động vì dân quyền từ rất sớm.

+ Charles bị cho là đã thực hiện một vụ ăn trộm năm 1868, chủ đề của bài báo trong tám vi phim bị lấy trộm.

+ Một cách gián tiếp có một bí mật chưa được hé lộ. Lo lắng rằng sẽ gây ra thảm kịch nếu bí mật bị hé lộ.

+ Tham gia vào các buổi họp bí mật ở Gallows Heights gần New York.

+ Dính líu tới những hoạt động mạo hiểm?

+ Vụ án, theo tờ Tuần báo Minh họa dành cho người da màu:

- Charles bị bắt bởi Thám tử William Simms vì ăn trộm một lượng lớn từ Quỹ Nô lệ tự do ở New York. Đột nhập vào kết, nhân chứng nhìn thấy ông ta rời khỏi đó nhanh chóng. Dụng cụ dùng để gây án được tìm thấy ở gần đó. Phần lớn tiền đã không được tìm lại. Bị tuyên án năm năm tù. Không có thông tin gì về ông ấy sau khi bị tuyên án. Bị cho là tận dụng quan hệ với những nhà lãnh đạo trong cuộc vận động dân quyền thời gian đầu để tiếp cận Quỹ.

Thư của Charles:

- Bức thư thứ nhất, gửi tới vợ: về cuộc nổi dậy năm 1863, nhắc đến sự chống lại người da đen ở khắp tiểu bang New York, hành hình, đốt phá. Nguy cơ ảnh hưởng tới tài sản mà người da đen sở hữu.

- Bức thư thứ hai, tới vợ: Charles trong trận chiến ở Appomattox vào giai đoạn cuối cuộc Nội chiến.
- Bức thư thứ ba, tới vợ: Tham gia vào cuộc vận động quyền dân sự. Bị đe dọa vì công việc của mình. Đau khổ với bí mật.

10. Chương 10

Trong những năm 1920, Phong trào Người da đen mới, sau đó được gọi là Phục hưng Harlem, bùng nổ ở thành phố New York.

Nó bao gồm một nhóm các nhà lý luận, nghệ sĩ, nhạc sĩ và - hầu hết - là các nhà văn, những người tiếp cận của mình bằng việc nhìn nhận vào cuộc sống của những người da đen không phải bằng ánh mắt của những người Mỹ da t

rắng mà là từ chính cách nhìn của họ. Phong trào chấn động này bao gồm cả đàn ông và phụ nữ như các nhà trí thức Marcus Garvey và W.E.B DuBois, nhà văn như Zora Neale Hurston, Claude McKay và Countee Culle, các họa sĩ như William H. Johnson và John T. Biggers, và, tất nhiên, có cả những nghệ sĩ, người mang đến những bản nhạc bất tận, như Duke Ellington, Josephine Baker, W.C. Handy, Eubie Blake.

Trong những tương đài xuất chúng ấy, thật khó cho bất kỳ một nghệ sĩ nào có thể nổi bật hơn hẳn, nhưng nếu như có một ai làm được điều đó, có lẽ sẽ là nhà thơ, nhà văn Langston Hughes, bởi chính thông điệp toát lên từ những từ ngữ thật giản đơn làm nổi bật ông giữa mọi người:

Điều gì xảy ra với giấc mơ bị trì hoãn?

Nó có bị khô héo như quả nho dưới ánh mặt trời?...

Hay là sẽ bùng lên?

Có rất nhiều khu lưu niệm về Hughes trên khắp đất nước, nhưng chắc chắn một trong những khu lưu niệm lớn nhất và sinh động nhất, và có lẽ là nơi mà hẳn ông sẽ tự hào nhất, là một tòa nhà cổ bốn tầng, xây bằng gạch đỏ ở Harlem, nằm gần Lennox Terrace trên phố 135.

Giống như tất cả các trường học trong phố, trường trung học Langston Hughes có những vấn đề riêng của mình. Ngôi trường vẫn luôn quá tải và không được đầu tư, lại phải đấu tranh trong vô vọng để có và giữ lại những giáo viên tốt - và để giữ các học viên trong lớp nữa. Tỷ lệ tốt nghiệp thấp, bạo lực trong các giảng đường, ma túy, các băng đảng, học sinh trốn học và có thai sớm. Tuy vậy, ngôi trường vẫn sản sinh ra những lứa học sinh, mà họ đã trở thành những luật sư, những doanh nhân thành đạt, bác sĩ, nhà khoa học, nhà văn, vũ công và nhạc sĩ, chính trị gia, giáo sư. Trong đó cũng có những đội tuyển giành chiến thắng trong các cuộc thi, hàng tá những hội sinh viên và các câu lạc bộ nghệ thuật.

Nhưng đối với Geneva Settle, trường trung học Langston Hughes còn hơn cả những thống kê này. Đó là trung tâm cho sự cứu rỗi, một hòn đảo bình yên thoải mái. Như lúc này, khi cô bé nhìn thấy những bức tường gạch bẩn thỉu hiện ra, nỗi sợ hãi và lo lắng ập tới, vây quanh bởi sự việc khủng khiếp ở bảo tàng buổi sáng đã tiêu tan một cách đáng kể.

Thanh tra Bell đỗ xe và sau khi nhìn xung quanh dò xét các mối đe dọa, họ bước ra ngoài. Anh gạt đầu về phía một góc phố và nói với viên sĩ quan trẻ, Pulaski: “Cậu đợi ở ngoài này”.

“Vâng, thưa ngài.”

Geneva thêm vào với viên thanh tra: “Chú cũng có thể đợi ở đây, nếu chú muốn”.

Anh cười khúc khích. “Chú chỉ đi loanh quanh với cháu một lúc thôi, cháu đừng quan tâm. Được rồi, chú có thể thấy cháu không thích điều đó. Nhưng dù thế nào đi nữa, chú nghĩ rằng mình vẫn sẽ đi theo.” Anh cài khuy chiếc áo khoác lại để che những khẩu súng. “Sẽ không ai để tâm đến chú đâu.” Anh giờ quẩy sách nghiên cứu xã hội lên.

Không trả lời, Geneva nhìn mặt và họ tiến về phía ngôi trường, ở chỗ máy dò kim loại an ninh, cô bé giơ ID của mình ra và thanh tra Bell khéo léo giơ ví của mình lên và được đưa đi vòng sang bên cạnh của thiết bị. Mới chỉ là trước tiết thứ tư, bắt đầu lúc 11 giờ 37 phút, các giảng đường đã đông nghẹt, những đứa nhóc chạy vòng quanh thành từng đám, hướng về phía căng tin hoặc đi ra sân trường hay lên phố để tìm cửa hàng thức ăn nhanh. Chúng chơi đùa, chửi nhau, tán tỉnh, hôn nhau. Một hay hai vụ cãi cọ, đánh nhau. Sự lộn xộn đang thống trị nơi này.

“Bây giờ đang là giờ ăn trưa của cháu”, cô bé nói lớn trong cái không gian âm ỉ ấy. “Cháu sẽ xuống căng tin và học. Lối này.”

Ba người bạn của cô bé đến rất nhanh, Ramona, Challette, Janet. Họ nhảy vào bậc thang bên cạnh cô bé. Đó là những cô gái thông minh, láu lỉnh như Geneva vậy. Vui vẻ, không hề gây ra bất kỳ rắc rối nào, trên con đường học tập. Nhưng - hoặc có thể vì điều này - chúng không thật sự đặc biệt khăng khít; không ai trong số chúng có vẻ như muốn lượn lờ bên ngoài cùng nhau. Họ sẽ về nhà sau giờ học, luyện tập vĩ cầm hay dương cầm do Suzuki biên soạn, làm tình nguyện viên cho các nhóm yêu thích văn học hoặc là làm việc với cuộc thi đánh vần “The Spelling Bee”[3] hay là cuộc thi đấu khoa học Westinghouse, và, tất nhiên, cả học bài. Việc cắm đầu vào học tập thường khiến người ta cô độc. (Thực ra, Geneva cũng có chút ghen tị với các nữ sinh khác ở trường, những đứa có phong cách nổi loạn, những đứa trong nhóm blingstas[4], những đứa ưa thể thao và hội chị em ủng hộ Angela Davis[5]). Nhưng giờ đây thì cả ba cô bạn này đang lượn lờ vòng quanh cô như những “đồng đội” thân thiết nhất, hỏi dồn dập những câu hỏi. Hẳn đã chạm vào cậu chưa? Cậu nhìn thấy của quý của hấn chưa? Hấn có thô bạo hay không? Cậu có nhìn thấy cái ông bị bắn không? Cậu đứng gần tới mức nào?

[3] Spelling bee là một cuộc thi trong đó các thí sinh, thông thường là thiếu niên, được yêu cầu đánh vần đúng các từ tiếng Anh đưa ra.

[4] Blingstas: những người thích đeo đồ trang sức linh kinh, khuyên, vòng, nhẫn đầy người.

[5] Một nhà vận động chính trị, một học giả, một tác giả người Mỹ.

Tất cả họ đã nghe nói - từ những đứa nhóc đến muện, hoặc những đứa cúp học và đã xem ti vi. Mặc dù những câu chuyện không nhắc đến tên của Geneva, nhưng mọi người đều đã biết cô là trung tâm của sự việc, hẳn là phải cảm ơn Keesh rồi.

Marella - một ngôi sao điện kinh cùng khóa - vừa bước tới vừa nói: “Có chuyện gì vậy các nàng? Cậu ổn chứ?”.

“Ừ, tốt ổn.”

Người bạn cùng lớp cao ráo ngược về thanh tra Bell và hỏi cô bé. “Tại sao một cảnh sát lại cầm sách của cậu vậy Geneva?”

“Hỏi chú ấy.”

Viên cảnh sát cười ngượng ngịu.

Giả vờ như chú là một giáo viên. Này, thế hay đấy...

Keesha Scott, đang tụ tập với nhóm chị em của mình và một vài người bạn trong nhóm blingstas, bỗng nhiên tỏ vẻ quan tâm tới Geneva với điệu bộ khác hẳn mọi khi. “Nhóc, đồ quỷ”, cô la lớn. “Một ai đó đã cho cậu qua, cậu qua rồi đấy. Nghỉ ngơi và nằm nhà mà xem ti vi, hưởng thụ đi.” Cô cười toe toét và hất hàm về phía nhà ăn. “Gặp sau nhé.”

Một vài học viên không thực sự tốt bụng như vậy. Nửa đường tới nhà ăn, cô nghe thấy tiếng một cậu bạn: “Ồ, đây là con diêm của hãng thông tấn Fox News, với một tên cracker[6] đó hả. Nó vẫn còn sống sao?”.

[6] Craker: Chỉ những kẻ da trắng cầm roi da giám sát những nô lệ da đen làm việc, ở đây là ám chỉ thanh tra Bell.

“Cứ tưởng có kẻ nào đã đập chết con diêm này rồi chứ.”

“Mẹ kiếp, cái con quỷ này quá gầy để có thể dùng thứ gì đó để đập, ngoại trừ một cú đánh.”

Những tiếng cười khoái chí nổ ra.

Thanh tra Bell lao nhanh ra nhưng mấy cậu choai choai phát ra những lời ấy đã biến mất vào biển người trong những chiếc áo thể thao và áo len, những chiếc quần hộp và quần rằn ri, đầu trần -thể loại mũ bị cấm sử dụng trong các giảng đường ở Langston Hughes.

“Không sao mà”, Geneva nói, hàm nghiêng chặt, cúi gầm xuống. “Một vài người không thích những người quá nghiêm túc với việc học hành. Làm gia tăng khoảng cách, tỷ lệ giữa học sinh giỏi và dốt”. Cô đã từng là sinh viên của tháng rất nhiều lần và có phần thưởng vì sự tham gia tuyệt đối trong tất cả các lớp học trong hai năm học đầu tiên ở đây. Cô thường xuyên có mặt trong danh sách sinh viên danh dự của hiệu trưởng, với điểm trung bình 98%, và đã được cử đi tham dự lễ vinh danh sinh viên xuất sắc Hiệp hội danh dự quốc gia tại một buổi lễ trang trọng mùa xuân vừa qua. “Chẳng làm sao cả.”

Ngay cả với những lời xúc phạm hằn học như “blondie” hay là “debbie”- ám chỉ ao ước của một người da đen muốn trở thành da trắng - không bao giờ chạm được đến cô. Bởi trên một vài phương diện nào đó, thì nó đúng.

Ở cửa phòng ăn, một người phụ nữ da đen to lớn, xinh đẹp và hấp dẫn trong bộ váy màu tím, với một tấm thẻ Ban giám hiệu quần quanh cổ mình, bước tới phía Bell. Cô tự giới thiệu mình là Barton, một giáo viên cố vấn. Cô đã nghe nói về sự việc xảy ra và muốn biết Geneva có ổn hay không và cô bé có muốn nói chuyện với một ai đó trong văn phòng về chuyện này không.

Ôi trời, một giáo viên cố vấn, Geneva nghĩ, tâm trạng của cô bỗng tụt xuống. Không cần cái sự rắc rối này. “Không sao”, cô nói: “em ổn”.

“Em chắc chứ? Chúng ta có thể có một buổi gặp chiều nay.”

“Thật mà. Em ổn.”

“Tôi nên gọi cho bố mẹ em.”

“Họ không ở đây.”

“Em không ở một mình chứ?”, người phụ nữ cau mày.

“Em đang ở với bác của mình.”

“Và chúng tôi đang bảo vệ cô bé”, viên thanh tra lên tiếng. Geneva để ý thấy người phụ nữ thậm chí còn không hỏi xem ID của chú ấy, thật rõ ràng việc chú ấy là một cảnh sát.

“Khi nào thì họ sẽ về? Bố mẹ của em.”

“Họ đang trở về. Họ đang ở nước ngoài.”

“Em thực sự không cần phải đến lớp ngày hôm nay.”

“Em có hai bài kiểm tra. Và em không muốn lỡ b này.”

Người phụ nữ cười nhạt và nói với thanh tra Bell: “Tôi chưa bao giờ quá nghiêm túc với việc đến lớp như thế này. Đáng ra là đã cần phải thế”. Rồi nhìn về phía cô bé. “Em có chắc là mình không muốn về nhà chứ?”

“Em đã mất bao nhiêu công học hành để chuẩn bị cho hai bài kiểm tra này.” Cô lầm bầm. “Em thực sự muốn làm chúng.”

“Được rồi. Nhưng sau đó, tôi cho rằng em nên về nhà và nghỉ một vài ngày. Chúng ta sẽ lấy bài tập cho em.” Cô Barton nhanh chóng đi tới thật nhanh để ngăn cuộc ẩu đả giữa hai cậu nhóc.

Khi cô đã đi khỏi, viên thanh tra hỏi: “Cháu có vấn đề với cô ấy à?”.

“Chỉ là, những cố vấn... Họ luôn luôn nhúng mũi vào công việc của chúng ta, chú hiểu chứ?”

Nhìn anh có vẻ như là thế, không, anh không hiểu, nhưng tại sao anh cần phải hiểu? Đây không phải thể giới của anh.

Họ bắt đầu tiến về phía căng tin. Khi họ đặt chân vào cái nơi ẩm ỉ này, cô bé hất đầu về một góc rẽ dẫn tới khu nhà vệ sinh nữ. “Cháu vào đó có ổn không?”

“Chắc chắn rồi. Nhưng gượng đã.”

Anh tiến về phía một nữ giáo viên và thì thầm gì đó với cô ấy, giải thích tình huống, Geneva cho là vậy.

Người phụ nữ gật đầu rồi bước vào nhà vệ sinh. Lát sau bước ra. “Không có gì cả.”

Thanh tra Bell chặn bên ngoài cánh cửa. “Tôi sẽ bảo đảm rằng chỉ có học sinh mới được vào.”

Geneva bước vào trong, biết ơn cái khoảnh khắc bình yên này, thoát khỏi những cặp mắt chăm chăm nhìn vào mình. Thoát khỏi nỗi lo sợ bởi biết được rằng có một ai đó đang muốn làm hại mình. Trước đó, cô đã rất giận dữ. Trước đó cô đã rất bướng bỉnh. Nhưng giờ đây, sự thật đang bắt đầu lượn qua lượn lại trong lòng và bỏ mặc cô sợ hãi và bối rối.

Cô bước ra ngoài căn buồng vệ sinh rồi rửa tay và mặt. Một cô gái khác đã đi vào và đang trang điểm. Một học sinh năm cuối, cô chắc chắn là vậy. Cao, ưa nhìn, với đôi lông mày được vẽ, tía và mái tóc bằng duỗi thẳng hoàn hảo. Cô gái nhìn cô từ đầu xuống chân - mặc dù không phải bởi vì câu chuyện sáng nay. Cô ta đang nhìn và đánh giá những gì Geneva mặc. Ta có thể thấy chuyện này ở đây mỗi lần, từng phút trong một ngày, nhìn và đánh giá lẫn nhau: cô ta đang mặc cái gì, có bao nhiêu khuyên xỏ, là vàng thật hay chỉ là mạ, quá lấp lánh, những bím tóc còn đẹp hay là đã lỏng ra rồi, cô ta đeo một chuỗi khuyên tai hay là chỉ một hoặc hai cái đơn giản mà thôi, những lọn tóc kẹp kia là tóc giả hay là tóc thật? Liệu có phải cô ta đang che giấu cái bụng bầu không nhỉ?

Geneva, sử dụng tất cả các khoản tiền của mình vào sách vở, không phải cho mỹ phẩm hay quần áo, luôn luôn đứng thấp trong bảng xếp hạng đánh giá này.

Không phải lúc nào thứ mà Chúa đã tạo ra cũng có ích. Cô đã phải hít một hơi thật sâu để làm căng cái áo lót, mà bình thường thì cô vẫn chẳng quan tâm tới việc mặc nó vào. Cô là “con quỷ cái ngực lép” trong mắt những cô gái của Dự án Delano, và từng bị gọi là “thằng” hay “cu” hàng chục lần trong năm ngoái. (Điều đau khổ nhất là khi một ai đó thực sự nhầm lẫn cô là một cậu bé, chứ không phải là khi họ giễu cợt.) Rồi sau đó là tóc của cô: Dày và xoắn tít như những sợi len làm bằng sắt. Cô không có thời gian để làm những lọn tóc xoắn hay tết thành hàng. Các bím tóc hay các phụ kiện rất mất thời gian và mặc dù Keesh có thể làm miễn phí cho cô, chúng thực sự làm cho cô nhìn trẻ hơn, giống như cô là một đứa bé được mẹ diện cho quần áo.

Bên này, nó chạy bên này, cái con bé nhìn như con trai... đập nó xuống.

Cô gái năm cuối đứng cạnh cô ở chỗ những cái bồn rửa mặt quay lại về phía chiếc gương. Cô ta khá xinh và to lớn, quai áo lót sexy của cô ta và cái đai quần lót hở lộ liễu, tóc duỗi thẳng suôn dài, đôi má bóng mượt có màu hồng nhạt. Đôi giày đỏ như kẹo táo. Cô ta có tất cả những thứ mà Geneva không hề có.

Lúc đó, cánh cửa mở ra và tìm Geneva đông cứng lại.

Jonette Monroe, một học sinh năm cuối khác bước vào. Không cao hơn Geneva lắm, mặc dù to lớn hơn, ngực to hơn, với đôi vai rắn chắc và những cơ bắp rõ ràng cuộn cuộn. Những hình xăm trên cả hai cánh tay. Một khuôn mặt dài, đen như cà phê mocha. Và đôi mắt lạnh như đá - nheo lại khi nhận ra Geneva, và cô bé ngay lập tức liếc nhìn sang chỗ khác.

Jonette là một rắc rối. Một cô gái du côn. Những lời đồn đại là cô ta đang buôn bán ma túy - có thể cho bạn bất cứ thứ gì bạn muốn, meth[7], crack[8], smack[9]. Và nếu như bạn tìm đến cô ta mà không có tiền, cô ta có thể hạ gục bạn bằng sức của mình - hoặc là cả bạn thân của bạn hay thậm chí mẹ bạn nữa - cho đến khi bạn trả được món nợ. Đã hai lần trong năm nay, cô ta đã bị cảnh sát lôi đi, thậm chí còn đá vào “bi” của một viên

[7] Meth: một loại ma túy tổng hợp, gọi là “đá”.

[8] Crack: một loại côcain có thể hít được.

[9] Smack: heroin.

Geneva lúc này cúi gầm mặt xuống dưới, và nghĩ: Thanh tra Bell không thể biết được Jonette nguy hiểm tới mức nào khi để cho cô ta đi vào đây. Đôi tay và mặt vẫn còn ướt, Geneva bắt đầu bước về phía cửa.

“Này, này, con kia”, Jonette nói với cô, nhìn cô từ trên xuống dưới với ánh mắt lạnh lùng. “À, đúng mà, Martha Stewart[10]. Mày có đi đâu không thể.”

[10] Martha Stewart: một doanh nhân tiêu biểu của Mỹ, thành công rồi bỗng nhiên phạm tội và gây dựng lại tất cả sau khi ra tù.

“Em...”

“Im mồm.” Cô ta liếc về phía cô gái có gò má hồng nhạt. “Còn mà, cút ra ngoài.”

Cô ta nặng hơn Jonette đến gần hai trăm kilogram và cao hơn đến tám centimet nhưng vẫn dừng cái việc tô trát lại và chậm rãi thu nhặt những mỹ phẩm. Cô ta cố gắng giữ lại chút vẻ khinh khinh, nói: “Đừng có tỏ thái độ với tôi”.

Jonette không nói gì hết. Cô ta bước tới một bước; cô gái chộp lấy chiếc túi của mình và lướt sang qua cửa.

Chiếc bút kẻ môi rơi xuống sàn. Jonette nhặt nó lên và quẳng cái tuýp vào trong túi mình. Geneva tiếp tục tìm cách chuồn một lần nữa nhưng Jonette đã túm cô lại và lôi tới phía trong của nhà vệ sinh. Khi Geneva đứng đó, căng cứng lên, Jonette chộp lấy cánh tay cô và đẩy mạnh những cánh cửa buồng khác để chắc chắn là không có ai khác.

“Chị muốn gì?”, Geneva thì thào, nửa kháng cự, nửa sợ hãi.

Jonette ngắt lời: “Ngậm mồm lại”.

chết, cô nghĩ, đầy tức giận. Thanh tra Rhyme đã đúng! Cái gã khốn nạn ở thư viện vẫn đang săn đuổi cô. Hẳn bằng một cách nào đó đã tìm ra trường của cô và thuê Jonette làm nốt phần việc còn lại. Thế quái nào cô lại muốn đến trường hôm nay chứ? Hét lên, Geneva nói với chính mình.

Và cô làm.

Hoặc đang định làm.

Jonette có thể thấy cô bé định làm điều đó và chộp mắt đã vòng ra sau Geneva, chụm miệng cô bé, ngăn tiếng thét lại. “Im lặng!” Bàn tay còn lại của cô ta thì ghì vòng quanh eo cô bé và lôi cô tới góc xa hơn của căn phòng. Geneva chộp lấy bàn tay và cánh tay của cô ta rồi giật thật mạnh, nhưng cô không phải là đối thủ của Jonette. Cô bé nhìn chằm chằm vào hình xăm chữ thập rỉ máu trên cẳng tay ả và thút thít: “Xin chị đừng...”.

Jonette lục kiếm cái gì đó trong túi và trong cặp của mình. Cái gì? Geneva tự hỏi trong nỗi kinh hãi. Có ánh lóe sáng của kim loại. Một con dao hay khẩu súng? Họ có cái máy dò kim loại để làm gì khi mà có thể dễ dàng mang vũ khí vào trong trường học như thế này chứ?”

Geneva kêu lên the thé, vùng vẫy lẫn lộn một cách mạnh mẽ.

Rồi bàn tay của cô gái du côn vung ra phía trước.

Không, không...

Và rồi Geneva phát hiện ra mình đang nhìn vào một cái huy hiệu sở cảnh sát bằng bạc.

“Cô sẽ im lặng chứ?”, Jonette hỏi, giọng bực tức.

“Em...”

“Im lặng?”

Gật đầu.

Jonette nói: “Tôi không muốn bắt cứ ai ở bên ngoài nghe thấy một âm thanh gì... Được chứ?”.

Geneva gật đầu một lần nữa và Jonette thả cô ra.

“Chị là...”

“Cóm... ừ.”

Geneva quờ quạng lung tung và áp lưng dựa vào tường, thở thật sâu, khi Jonette đi tới cánh cửa, mở hé hé ra một chút. Cô thì thầm điều gì đó và thanh tra Bell bước vào trong, khóa cánh cửa lại.

“Vây, hai người đã gặp nhau rồi?” anh nói.

“Kiểu như thế”, Geneva nói. “Chị ấy là cóm thật à?”

Viên thanh tra giải thích: “Tất cả các trường học đều có cảnh sát chìm. Họ thường là phụ nữ, đóng vai một sinh viên năm thứ ba hoặc năm thứ tư. Hay cháu đã nói gì nhỉ? ‘Giả vờ’”.

“Tại sao chú không nói cho cháu biết.” Geneva thốt lên.

Jonette liếc về phía những buồng vệ sinh. “Tôi không biết là không có ai khác ngoài chúng ta. Xin lỗi vì đã thô lỗ. Nhưng tôi không thể nói bất cứ điều gì có thể thổi bay vỏ bọc của mình.” Nữ cảnh sát nhìn Geneva, lắc đầu. “Đáng xấu hổ là điều này lại xảy ra với em. Em là một trong những sinh viên tốt. Tôi chưa bao giờ phải e ngại gì về em cả.”

“Một tay cóm chìm”, Geneva thăm thì nghi ngờ.

Jonette cười bằng một giọng cao, đầy nữ tính. “Tôi là một người đàn ông. Đúng thế.”

“Chị thật tuyệt”, Geneva nói. “Em không thể nào đoán được.”

Bell nói: “Cháu có nhớ vụ những sinh viên năm cuối mang lựu súng vào trường bị bắt một vài tuần trước không?”.

Geneva gật đầu. “Có cả một quả bom ống nữa[11] hay một cái gì đại loại như thế.”

[11] Bom ống: một thiết bị nổ tự tạo, bằng các ống bên trong nhồi chất nổ.

“Nơi đây đã có thể sẽ giống như vụ thảm sát ở

trường trung học Columbine[12]”, người đàn ông nói với giọng chậm rãi: “Jonette chính là người đã nghe thông tin về việc đó và ngăn chặn tất cả mọi việc”.

[12] Vụ thảm sát trường Trung học Columbine xảy ra ngày 20/04/1999 ở quận Jefferson, tiểu bang Colorado; thủ phạm là hai học sinh, giết 1 giáo viên, 12 học sinh, và làm bị thương 24 người khác và sau đó tự sát.

“Tôi cần phải giữ lại vỏ bọc của mình, bởi vậy tôi đã không thể tự mình tóm cổ chúng.” Cô nói như thể hối tiếc vì đã không có khả năng tự tay làm điều đó. “Bây giờ, miễn là em còn ở trong trường, mà tôi cho là không được hay cho lắm, nhưng đó là một câu chuyện khác, chừng nào em còn ở trong trường, tôi sẽ để mắt đến em. Nếu thấy bất cứ điều gì khiến em cảm thấy không thoải mái, hãy ra hiệu cho tôi biết.”

“Ra ký hiệu kiểu băng đảng?”

Jonette cười. “Em có thể đóng vai một thành viên trong bất cứ băng đảng nào, Gen, không có gì quá riêng biệt. Em đi và vẫy tay về phía tôi, thì bất cứ ai cũng sẽ biết là có gì đó sắp xảy ra. Tốt hơn hết là em chỉ cần gãi tai mình. Như thế này thì sao?”

“Chắc chắn rồi.”

“Rồi sau đó tôi sẽ tiến đến và gây lộn với em một chút. Làm em phải bối rối. Lôi em ra khỏi cái chỗ mà em đang đứng. Như thế em thoải mái chứ? Tôi sẽ không làm em đau đâu. Có thể chỉ xô đẩy em lòng vòng một chút thôi.”

“Được rồi, hay lắm... Nghe này, em cảm ơn vì tất cả những điều đó. Và em sẽ không hé nửa lời về chị.”

“Tôi biết như vậy trước khi cho em biết mọi việc.” Jonette nói. Rồi cô nhìn về phía viên cảnh sát. “Anh muốn làm luôn bây giờ không?”

“Hắn rồi.”

Nói rồi viên cảnh sát hòa nhã vui vẻ với giọng nói xuống xã, nhìn với ánh mắt hằm hằm và hét lên: “Mày đang làm cái quái gì ở đây vậy?”.

Rồi một tiếng thét: “Bỏ bàn tay bẩn thỉu ra khỏi người tôi, đồ khốn kiếp”. Jonette đã lại hóa thân vào vai diễn của mình.

Viên thanh tra tóm lấy cánh tay cô ấy và đẩy ra khỏi cánh cửa. Cô ấy trượt chân lao vào bức tường.

“Đồ khốn! Mẹ kiếp, tao sẽ kiện mày vì tội lạm dụng.” Cô gái phủi cánh tay mình. “Mày không được chạm vào tao. Như thế là phạm pháp, đồ chó chết!” Nói rồi cô cuộn đi nhanh như một cơn lốc xuống giảng đường. Một lát sau thanh tra Bell và Geneva bước vào căng tin một cách đường hoàng.

“Quả là một diễn viên tài ba”, Geneva thăm thì.

“Một trong những người giỏi nhất.” Viên cảnh sát nói.

“Cô ấy là người thuộc dạng sẽ thổi bay vỏ bọc của ta ra.”

Anh trả cuốn sách nghiên cứu xã hội, cười toe toét. “Không thực sự có tác dụng lắm.”

Geneva ngồi xuống một cái bàn trong góc và lôi quyển sách nghệ thuật ngôn ngữ ra khỏi ba lô.

Thanh tra Bell hỏi: “Cháu không ăn à?”.

“Không.”

“Bác của cháu đã cho cháu tiền ăn trưa chưa vậy?”

“Cháu thực sự không thấy đói lắm.”

“Bác cháu quên mất rồi phải không? Với tất cả tôn trọng, ta dám chắc ông ấy chưa từng làm một người cha. Ta có thể nói điều đó. Ta sẽ chuẩn bị cho cháu một ít vậy.”

“Không, thực sự...”

“Sự thực là ta đói hơn cả một người nông dân lúc mặt trời lặn. Và đã hằng năm rồi ta chưa được ăn một đĩa tetrazzini[13] gà tây trong trường trung học. Ta định đi lấy một ít món đó. Và sẽ chẳng vấn đề gì khi muốn lấy một đĩa thứ hai. Cháu thích sữa chứ?”

[13] Món ăn được chế biến bằng mì sợi, nấm, quả hạnh và nước sốt kem với phô mát Pác ma.

Cô bé cãi. “Chắc chắn rồi. Cháu sẽ gửi trả lại cho chú.”

“Chúng ta sẽ để việc đó sau.”

Anh bước vào hàng. Geneva vừa mới quay lại với quyển vở thì thấy một anh chàng nhìn về phía mình và vẫy vẫy tay. Cô quay lại nhìn phía sau xem cậu ta đang ra hiệu với ai. Chẳng có ai cả. Cô khẽ há hốc miệng, nhận ra rằng cậu ta đang ám chỉ mình.

Kevin Cheany đứng dậy khỏi cái bàn mà cậu và lũ bạn ngồi rồi bắt đầu nhảy tung tăng về phía cô. Ôi Chúa ơi! Liệu có đúng là cậu ta đang đi về phía này không?... Kevin trông giống hệt Will Smith. Hình dáng, cặp môi hoàn hảo. Cậu ta, người có thể lướt nhẹ trong sân bóng rổ, có thể di chuyển như một vũ công breakdance trong một trận đấu của giải B-Boy. Kevin là một viên than [14] nổi tiếng tại mọi giải đấu.

[14] Nguyên văn: coal institution. Ám chỉ cậu bé da đen này nổi tiếng ở mọi giải đấu breakdance.

Đang đứng trong hàng, thanh tra Bell gồng lên và bắt đầu bước tới trước nhưng Geneva lắc đầu ra hiệu mọi việc vẫn ổn.

Đúng là vẫn ổn. Thậm chí còn hơn cả thế. Hoàn toàn tuyệt ý chứ. Kevin đã được sắp xếp đến Connecticut hoặc Duke để học theo diện học bổng. Có thể là một vận động viên - cậu ấy đã từng là đội trưởng của đội đã giành giải vô địch cuộc thi bóng rổ PSAL năm ngoái. Nhưng cậu ấy cũng làm được điều đó cả với những điểm số học tập. Có thể cậu ấy không có chung tình yêu dành cho sách vở và trường lớp như Geneva, nhưng cậu ấy vẫn luôn trong top 5% của cả lớp. Họ biết nhau một cách rất ngẫu nhiên - cùng lớp toán học kỳ này

và cũng tình cờ gặp nhau trong sảnh hay ở sân trường lần này sang lần khác - một sự trùng hợp, Geneva tự nói với mình. Nhưng, được rồi, sự thật là cô luôn bị hút về phía cậu ấy đang đứng hay ngồi.

Hầu hết những đứa nhóc lờ đi hoặc khinh thường cô; dù vậy, Kevin luôn nói “chào” hết lần này đến lần khác. Cậu ấy có thể hỏi cô một câu hỏi về bài tập toán hay sử, hoặc chỉ dừng lại và tán gẫu một vài phút.

Tất nhiên, cậu ta không hề rủ cô đi chơi - điều đó chưa bao giờ xảy ra - nhưng cậu ấy đối xử với cô như với một con người.

Cậu ấy thậm chí còn đi bộ về nhà cùng cô từ Langston Hughes vào một ngày mùa xuân năm ngoái.

Một ngày đẹp trời, cô vẫn còn nhớ rõ như thể mình có chiếc đĩa DVD ghi lại ngày hôm ấy.

Ngày 21 tháng 4.

Thường thì Kevin sẽ lang thang với một vài cô người mẫu mảnh mai đang cố đánh bóng tên tuổi - hoặc với những cô gái ngổ ngáo - những cô gái blingstas. (Cậu ấy thậm chí còn tán tỉnh Lakeesha vài lần, và điều đó làm Geneva cực kỳ tức giận, trong khi phải chịu đựng cơn ghen tức với một nụ cười rần rở vô tư lự.)

Vậy cậu ấy định làm gì lúc này?

“Ồ, nhóc, cậu ổn chứ?” Cậu ta hỏi, cau mày và nhảy vào chiếc ghế mạ chrom cũ kỹ méo mó bên cạnh cô, trải đôi chân dài thượt ra.

“Ừ.” Cô nuốt ực một cái, lưỡi như bị xoắn lại. Tâm trí hoàn toàn trống rỗng.

Cậu ta nói: “Tớ đã nghe về chuyện xảy ra. Quả thật, đó là một chuyện kỳ lạ, ai đó lại cố đánh và bóp nghẹt cậu chứ. Tớ đã rất lo lắng”.

“Thật

“Thật.”

“Chỉ là kỳ lạ mà thôi.”

“Miễn là cậu ổn, thế là tốt rồi.”

Cô cảm thấy mặt mình nóng ran lên. Kevin thực sự đang nói điều này với cô sao?

“Tại sao cậu không về nhà?”, cậu ta hỏi. “Cậu đang làm gì ở đây vậy?”

“Bài kiểm tra nghệ thuật ngôn ngữ. Rồi bài kiểm tra toán của chúng ta nữa.”

Cậu ta cười. “Chết tiệt. Cậu vẫn đến trường học tiếp, sau tất cả những chuyện như vậy sao?”

“Ừ. Không thể bỏ những bài kiểm tra đó được.”

“Và cậu giỏi toán hả?”

Đó chỉ đơn giản là cộng cộng trừ trừ. Không có gì lớn lắm. “Ừ, tớ đã học hết rồi. Không có gì quá khó.”

“Nói thẳng. Dù gì thì. Tớ chỉ muốn nói rằng, đầy người quanh đây chẳng ưa gì cậu, tớ biết điều đó. Và cậu chỉ im lặng. Nhưng họ sẽ không đi và đến đây ngày hôm nay, như cách cậu làm. Cậu có sức mạnh thật phi thường, nhóc.”

Ngừng thở bởi những lời khen ngợi, Geneva chỉ cúi nhìn xuống và nhún vai.

“Giờ, tớ thực sự nhận ra cậu như thế nào, cậu và tớ, nhóc à, chúng mình nên đi chơi với nhau nhiều hơn. Nhưng cậu chẳng bao giờ có thời gian đi chơi cả.”

“Chỉ là, cậu biết đấy, trường lớp và những việc vớ vẩn.” Cẩn thận, cô tự cảnh báo mình. Mày không cần phải nói theo cách của cậu ta.

Kevin đùa: “Nhóc, không phải là như thế. Tớ biết đâu là sự thật. Cậu bán ma túy ở BK chứ gì”.

“Tớ...” gần như là chữ “không”. Cô không cho phép nó bật ra. Geneva cười một cách tự tin, cúi xuống nhìn cái sàn nhà mòn vẹt. “Tớ không bán ở Brooklyn. Chỉ ở Queens mà thôi, ở đó họ có nhiều tiền hơn.” Xấu hổ, xấu hổ, xấu hổ quá. Ôi, mày thật là đáng thương. Lòng bàn tay cô nhể nhại mồ hôi.

Nhưng Kevin cười lớn. Rồi lắc lắc đầu. “Giờ thì tớ biết tại sao tớ lại lẫn lộn rồi. Đáng lẽ phải là mẹ cậu buồn ma túy ở Brooklyn mới đúng.”

Nghe có vẻ như một lời xúc phạm, nhưng nó thực ra lại là một lời mời. Kevin đang rủ cô chơi trò đối đáp[15]. Đó là cách mà những người già vẫn gọi. Giờ thì ta gọi đó là “snapping”, đối đáp nhau bằng những lời xúc phạm. Một phần trong truyền thống lâu đời các cuộc thi đấu thơ ca và kể chuyện của người da đen, snapping là một cuộc tấu hài, một cuộc chiến bằng lời nói, ném về phía nhau những lời nhạo báng, chế nhạo. Những snapper có thể biểu diễn trên sân khấu, mặc dù hầu hết các cuộc đấu khẩu diễn ra trong phòng khách, sân trường, các quầy pizza, quán bar, các hộp đêm hay trên các bậc thềm và thường là về những chuyện buồn như kiểu mà Kevin mới nói trong loạt tấn công trước của mình, kiểu như “mẹ mày thật ngốc, đi hỏi hóa đơn ở cửa hàng giá một đô”; “Chị gái mày thật xấu xí, chẳng có ai thèm làm tình với cô ta nếu cô ta là một viên gạch”.

[15] Nguyên văn: play the dozens.

Nhưng ngày hôm nay, ở đây, vấn đề chẳng có gì liên quan đến việc cần phải hài hước, dí dỏm, thông minh. Bởi vì chơi trò đối đáp truyền thống là giữa những chàng trai hoặc giữa những cô gái với nhau. Khi một cậu trai gạ một cô gái chơi trò này, nó chỉ có duy nhất một ý nghĩa: tán tỉnh.

Geneva suy nghĩ, điều này kỳ cục tới mức nào? Nó khiến cô cảm thấy việc bị tấn công làm cho mọi người tôn trọng mình. Cha cô thường nói rằng điều tốt nhất có thể đến từ điều tồi tệ nhất.

Chà, tiến lên, nhóc; đáp trả đi. Cái trò này ngốc nghếch và trẻ con một cách lộ bịch, nhưng cô biết đáp trả thế nào; cô cùng với Keesh và chị gái của Keesh có thể đối đáp nhau cả tiếng đồng hồ liên tục. Mẹ mày thật béo đến mức nhóm máu là RAGU. Con xe Chevy của mày cũ rách tới mức bọn trộm lấy đi chiếc CLUB và vứt con xe lại... Nhưng, trái tim cô đang đập một cách mạnh mẽ và dữ dội, Geneva giờ chỉ đơn giản cười trừ và toát mồ hôi trộm. Cô cố gắng một cách liều lĩnh để nghĩ ra cái gì đó để nói.

Nhưng đó chỉ là một mình Kevin Cheany mà thôi. Ngay cả nếu có thể kích thích lòng dũng cảm để phản pháo lại những lời châm chọc về mẹ cậu ấy nhưng tâm trí cô hoàn toàn bị đóng băng.

Cô nhìn vào chiếc đồng hồ của mình, rồi lại liếc xuống cuốn sách nghệ thuật ngôn ngữ. Lạy Chúa, đồ chán chết, cô nổi giận với chính mình. Nói điều gì đi nào!

Nhưng chẳng có đến một âm tiết lọt ra khỏi miệng. Cô biết Kevin định nhìn cô theo cái cách mà cô biết rất rõ, kiểu tôi chẳng rảnh rỗi để nhìn cái kẻ nhạt nhẽo như cô, và bước đi. Nhưng, không, có vẻ như cậu ấy cho rằng cô chỉ đơn giản không có tâm trạng để chơi lẫn, hẳn là do vấn đề hời hợt bởi sự việc lúc sáng, và như vậy sẽ không có vấn đề gì với cậu ta. Cậu ấy chỉ nói: “Mình nghiêm túc đấy, Gen, cậu còn hơn cả những cô gái suốt ngày bình luận về nhạc nhẽo, rồi tóc tai, và đồ trang sức vớ vẩn. Đó là gì, cậu thông minh. Thật tuyệt khi được nói chuyện với một ai đó thông minh. Những anh bạn của tớ”, cậu hát đầu về phía chiếc bàn mà nhóm của mình đang ngồi “họ không hoàn toàn là những nhà khoa học về tên lửa, cậu hiểu ý tớ nói chứ?”.

Một tia chớp lóe lên trong đầu. Tiến lên, nhóc. “Ừ”, cô nói: “Một vài người trong số họ thật là ngu ngốc, nếu để họ bộc lộ suy nghĩ của mình, họ sẽ chẳng có gì để nói cả”.

“Chuẩn, nhóc! Chính là thế.” Cười thật to, cậu giơ tay chạm nắm đấm của mình vào cô, và có một luồng điện chạy qua người cô gái. Cô cố gắng để không cười; sẽ không hay nếu như ta cười vào chính câu bốn cột của mình.

Rồi, trong suốt khoảng khắc vui vẻ ấy, cô nghĩ xem cậu ta đứng bao nhiêu, và nó hiếm khi xảy ra tới mức nào, việc nói chuyện với ai đó thông minh dí dỏm, ai đó biết lắng nghe, ai đó quan tâm tới những gì bạn nói.

Kevin nhướn lông mày nhìn về phía thanh tra Bell, khi ông đang trả tiền thức ăn, và nói: “Tớ biết cái ông đang đóng giả giáo viên kia là côm”.

Cô thì thầm: “Có vẻ như là ông ấy có chữ ‘côm’ viết trên trán mình”.

“Chắc chắn rồi”, Kevin nói, cười lớn. “Tớ biết ông ấy đang bước về phía cậu và thế là ổn rồi. Nhưng tớ cũng muốn nói là tớ cũng sẽ để mắt đến cậu nữa. Và cả những người bạn của tớ. Nếu thấy bất cứ điều gì kỳ lạ, chúng tớ sẽ báo cho ông ấy biết.”

Cô thực sự đã xúc động vì câu nói đó.

Nhưng rồi rắc rối. Sẽ ra sao nếu Kevin hoặc một trong những người bạn của cậu ấy bị thương bởi cái gã nguy hiểm ở thư viện ấy? Cô vẫn còn cảm thấy đau xót với việc tiến sĩ Barry đã bị giết vì mình, cả người phụ nữ đứng trên vỉa hè bị thương nữa. Cô có một linh cảm khủng khiếp rằng: Kevin nằm trong một phòng của nhà tang lễ Williams, giống như rất nhiều cậu nhóc khác ở Harlem, bị bắn chết trên phố.

“Cậu không cần phải làm thế”, cô nói, không cười.

“Tớ biết mình không cần”, cậu nói. “Tớ muốn làm. Sẽ không có ai làm hại cậu hết. Tớ hứa. Được rồi. Tớ phải ra với mấy đây. Gặp cậu sau? Trước giờ vào lớp toán?”

Tim đập thình thịch, cô lắp bắp nói: “Chắc chắn rồi”.

Họ lại chạm nắm đấm vào nhau một lần nữa và cậu ấy bước đi. Nhìn Kevin rời đi, cô cảm thấy bồn chồn, bắt tay tạm biệt. Cô nghĩ, xin đừng để bất cứ điều gì xảy ra với cậu ấy...

“Geneva?”

Cô ngược lên, chớp mắt.

Thanh tra Bell đang đặt khay đồ ăn xuống. Nó toát ra mùi thật tuyệt... Cô thậm chí còn đói hơn cả mình đã nghĩ nên nhìn chằm chằm vào chiếc đĩa đang bốc khói nghi ngút.

“Cháu biết cậu ấy à?”, viên cảnh sát hỏi.

“Vâng. Cậu ấy rất thú vị. Chúng cháu học cùng một lớp mà. Cháu biết cậu ấy mấy năm rồi.”

“À, ta không biết điều đó.”

“Nhưng chuyện ấy không liên quan gì tới những việc xảy ra ở bảo tàng chứ?”, anh hỏi với một nụ cười.

Cô quay sang hướng khác, cảm giác mặt mình nóng bừng lên.

“Giờ thì..viên thanh tra nói, đặt chiếc đĩa đang bốc khói xuống trước mặt cô: “Ăn đi. Không có gì bằng một đĩa tetrazzini gà tây để xoa dịu một tâm hồn đang có nhiều chuyện phải suy nghĩ. Cháu biết đấy, ta đáng ra chỉ cần hỏi họ về cách làm”.

11. Chương 11

Những thứ này sẽ làm tốt thôi.

Thompson Boyd nhìn xuống những thứ hắt mua trong giỏ, rồi bắt đầu bước về phía quầy tính tiền. Hắn chỉ thích những cửa hàng bán đồ dụng cụ. Hắn tự hỏi tại sao lại như vậy. Có lẽ bởi vì cha của hắn thường đưa hắn tới cửa hàng đồ dùng gia đình Ace vào các thứ Bảy ở ngoài Amarillo để thu thập những gì một người đàn ông cần cho công xưởng của mình trong cái nhà kho bên ngoài chiếc xe moóc của gia đình.

Hoặc có thể là vì trong hầu hết các cửa hàng đồ gia dụng, như ở đây, tất cả dụng cụ đều sạch sẽ và ngăn nắp, các lọ sơn, keo dán và băng dính được sắp xếp một cách logic và dễ dàng tìm ra.

Tất cả đều được sắp xếp theo quyển sách.

Thompson thích cả mùi vị của chúng nữa, một kiểu mùi hăng hăng của các chất dung môi, dầu, phân bón, khó có thể diễn tả được, nhưng đó là cái mùi mà bất cứ ai từng ở trong một cửa hàng đồ gia dụng cũ kỹ có thể nhận ra ngay tức khắc.

Tên sát nhân khá khéo tay. Có lẽ đó là ưu điểm hẳn thừa hưởng từ cha mình, người mặc dù dành cả ngày với các dụng cụ, làm việc với các ống dẫn dầu, giàn khoan và những chiếc máy bơm dầu khổng lồ nhấc nhô lên xuống, vẫn có thể bỏ ra nhiều thời gian kiên nhẫn chỉ bảo con trai mình cách để làm việc với - và tôn trọng - các dụng cụ; cách đo, cách vẽ những sơ đồ. Thompson sử dụng hàng tiếng đồng hồ để học cách sửa những thứ bị hỏng và biến gỗ, kim loại hay nhựa thành những thứ chưa từng tồn tại. Hẳn và cha mình làm việc cùng nhau trên chiếc xe tải hay xe kéo, sửa hàng rào, làm ra những đồ nội thất, tạo ra những món quà cho mẹ và dì - một cái lặn bột hay hộp thuốc lá hoặc một cái bàn thớt. Cha hẳn dạy: “Dù lớn hay nhỏ, con đều phải sử dụng những kỹ năng như nhau vào những gì con làm. Không việc nào tốt hơn hay nặng nề hơn những việc khác. Nó chỉ duy nhất là câu hỏi con đặt dấu thập phân ở đâu mà thôi.”

Cha của hẳn quả là một người thầy giỏi và ông tự hào với những gì mà con trai mình làm. Khi Hart Boyd qua đời, ông đã mang theo bộ hộp đánh giày mà con trai làm ra, và một cái móc đeo chìa khóa bằng gỗ có hình một cái đầu tù trưởng người da đỏ với chiếc mũ trên đầu khắc chữ “Cha” bằng vết lửa cháy trên miếng gỗ.

Đó là phúc phận của hẳn, và hóa ra Thompson học tất cả những kỹ năng này để đáp ứng đòi hỏi về một công việc của tử thần. Cơ khí và hóa chất. Chẳng có gì khác biệt với nghề mộc, sơn hay là sửa xe.

Vị trí con đặt dấu thập phân.

Đứng ở quầy tính tiền, hẳn thanh toán - tất nhiên bằng tiền mặt - và cảm ơn người thu ngân. Hẳn lấy túi đồ mua được bằng bàn tay đã đeo găng. Bắt đầu đi ra ngoài cửa, dừng lại một chút và nhìn vào một chiếc máy cắt cỏ nhỏ, màu xanh và vàng. Nó sạch sẽ, sáng bóng một cách hoàn hảo, một thiết bị xứng đáng là viên ngọc lục bảo. Nó kích thích sự tò mò trong hẳn. Tại sao? Hẳn tự hỏi. Ừm, từ khi hẳn nghĩ về cha mình, chiếc máy đã gợi lại những khi hẳn dùng máy cắt cỏ trên khoảng sân chật chội bé xíu đằng sau chiếc xe kéo của bố mẹ, vào buổi sáng Chủ nhật, rồi sau đó đi vào và xem trận đấu bóng với cha trong khi mẹ nướng bánh.

Hẳn nhớ hương ngọt ngào của ống xả xăng pha chì, nhớ đến âm thanh khô khốc như tiếng súng nổ khi lưỡi dao đập vào viên đá và nảy lên không trung, và đôi tay hẳn tê đi vì chấn động.

Tê liệt, đó là cảm giác mà bạn sẽ cảm thấy khi nằm chết cứng bởi một vết cắn của con rắn đuôi chuông, hẳn giả dụ.

Hẳn chợt nhận ra là người thu ngân đang nói chuyện với mình.

“Gì cơ?”, Thompson hỏi.

“Để cho anh với giá tốt đấy”, người bán hàng nói, hất đầu về phía chiếc máy cắt cỏ.

“Không, cảm ơn.”

Bước chân ra ngoài, hẳn tự hỏi tại sao mình lại lơ đãng thế - điều gì khiến hẳn thích thú đến thế về chiếc máy cắt cỏ, tại sao hẳn lại rất muốn nó. Rồi sau đó hẳn lại có một ý tưởng rằng đó không phải là một ký ức gia đình. Có lẽ bởi vì chiếc máy thực sự là một chiếc máy chém nhỏ, một cách giết người thực sự hiệu quả.

Có lẽ đó là lý do.

Hẳn không thích suy nghĩ đó một chút nào. Nhưng chính là nó.

Vô cảm...

Huyết sáo khe khẽ trong miệng, một bài hát từ khi hẳn còn trẻ, Thompson đi lên phố, mang theo túi đồ vừa mua trên một tay và trong tay còn lại, là chiếc va li của hẳn, có chứa khẩu súng và chiếc dùi cui cùng một vài dụng cụ khác nữa.

Hẳn tiếp tục bước đi lên phố, vào khu Little Italy, nơi có từng toán người đang phải lau dọn sau hội chợ ngày hôm qua. Hẳn trở nên cảnh giác, quan sát một vài chiếc xe cảnh sát. Hai viên sĩ quan đang nói chuyện với một người bán hoa quả Hàn Quốc và vợ anh ta. Hẳn tự hỏi không biết họ đang nói chuyện gì. Rồi hẳn tiếp tục bước tới một chiếc tủ điện thoại và kiểm tra lại hộp thư thoại của mình một lần nữa, nhưng chẳng có tin nhắn nào về nơi ở của Geneva. Đó không phải là một mối bận tâm. Đầu mối của hẳn biết rõ về Harlem, và đó chỉ là vấn đề về thời gian cho tới khi Thompson tìm ra trường học và nơi cô bé sống. Bên

cạnh đó, hẳn có thể có thời gian rảnh rỗi. Hẳn có một công việc khác, công việc mà hẳn đã lên kế hoạch thực hiện thậm chí còn lâu hơn thời gian để giết chết Geneva, và đó là nhiệm vụ quan trọng như công việc đó của hẳn vậy.

Thực ra là, quan trọng

Và thật hài hước là giờ đây hẳn nghĩ đến điều đó - công việc này cũng liên quan tới lũ nhóc.

“Vâng”, Jax nói qua điện thoại di động.

“Ralph đây.”

“Gì thế thằng quỷ?” Jax tự hỏi liệu có phải vị Pharaoh gây guộc đang dựa vào cái gì đó lúc này. “Cậu đã có được thông tin từ bạn của chúng ta?” Âm chỉ nhân vật liên quan DeLisle Marshall.

“Đúng vậy.”

“Và cả vua Graffiti nữa?”, Jax hỏi.

“Đúng thế.”

“Được rồi. Vậy chúng ta đang ở đâu trong tất cả những việc này?”

“Được rồi, tôi đã tìm ra thứ anh muốn. Đó là...”

“Đừng nói bất cứ điều gì.” Điện thoại di động sẽ là phát minh của quỷ dữ khi nó trở thành một bằng chứng. Anh ta cho Ralph địa chỉ một ngã tư nằm trên phố 116. “Mười phút.”

Jax tắt máy và bắt đầu bước trên phố, khi hai người phụ nữ trong bộ áo choàng dài, đeo những chiếc mũ rộng vành của nhà thờ và giữ chặt những quyển kinh thánh sờn rách, đi lén sang đường của anh ta. Anh ta lơ đãng cách ăn mặc kỳ quặc của họ.

Vừa đi bộ một cách chậm rãi vừa hút thuốc với cái chân cà nhắc bị bắn chứ không phải kiểu gangster, Jax hít sâu, phấn khởi khi được về nhà. Harlem... nhìn quanh những cửa hiệu, nhà hàng và các quầy buôn bán trên phố. Ta có thể mua bất cứ thứ gì ở đây: Những mảnh vải được dệt từ Tây Phi – vải dệt bằng tay của dân tộc thiểu số Malinke và cả những chiếc chìa khóa của sự sống theo văn hóa Ai Cập, những chiếc vỏ Bolga được đan bằng tay rực rỡ màu sắc, những chiếc mặt nạ, những tấm biểu ngữ và các bức tranh đã được đóng khung về những người đàn ông và đàn bà Đại hội Dân tộc châu Phi với lá cờ ba màu đen, xanh và vàng. Và cả các tấm quảng cáo nữa: Malcolm X, Martin Luther King Jr., Tina, Tupac, Beyoncé, Chris Rock, Shaq... Và hàng tá những bức tranh về Jam Master Jay, một rapper DJ thiên tài, nổi tiếng với nhóm Run - D.M.C, đã bị bắn chết bởi những kẻ khốn nạn trong phòng thu ở Queens một vài năm trước.

Những ký ức ở xung quanh Jax. Gã nhìn chằm chằm vào một góc khác. Chà, hãy nhìn vào nó. Giờ là khu bán đồ ăn nhanh, đó chính là nơi gã thực hiện hành vi phạm pháp lần đầu tiên, khi mới mười lăm tuổi - cái tội đã mở ra con đường đưa gã đến với tiếng tăm xấu xa. Bởi thứ mà gã lấy trộm không phải là rượu, ma túy hay súng hoặc là tiền, mà là một hộp sơn Krylon từ một cửa hàng đồ gia dụng. Thứ được Jax sử dụng trong hai mươi tư tiếng đồng hồ sau đó, kết hợp với tội trộm cắp và xâm nhập bất hợp pháp cộng với phá hủy tài sản bằng việc phun sơn xịt các hình bong bóng với những chữ Jax 157 suốt từ Manhattan cho đến khu Bronx.

Trong suốt vài năm tiếp theo, Jax vẽ ký hiệu đó trên hàng ngàn bề mặt: các cầu vượt, cầu qua sông, các bức tường, bảng thông báo, cửa hàng, xe buýt trong thành phố, xe buýt tư nhân, các tòa nhà văn phòng - hẳn vẽ lên cả tòa nhà Trung tâm Rockefeller, ngay bên cạnh bức tượng đài vàng ấy, trước khi bị tóm cổ bởi hai nhân viên an ninh cơ bắp cuộn cuộn, lao vào một cách đầy phần nộ với bình xịt hơi cay hiệu Mace và những chiếc dùi cui.

Nếu Alonzo Jackson trẻ tuổi có được năm phút không có ai xung quanh và với một bề mặt phẳng, thì cái hình Jax 157 ấy lại xuất hiện.

Chật vật chiến đấu để qua trung học, cậu con trai có cha mẹ đã ly dị, phát ngán với những công việc bình thường, thường xuyên gặp vấn đề, Jax tìm thấy sự thoải mái với công việc của một tác giả (những tay du kích graffiti được gọi là những “tác giả”, không phải là những “nghệ sĩ”- theo cách mà Keith Haring, phòng

trưng bày Soho và các đại lý quảng cáo nói với mọi người). Gã từng qua lại với một nhóm băng đảng trong khu một thời gian, nhưng rồi một ngày lại thay đổi suy nghĩ khi đang lang thang với băng của mình trên phố 140, nhóm Trey-Sevens lái xe qua, và rồi, pốp, pốp, pốp, Jimmy Stone, đang đứng sát ngay bên cạnh, ngã xuống với hai lỗ bên thái dương, chết ngay trước khi chạm đất. Tất cả chỉ vì một tép cocain, hoặc chẳng vì một lý do nào hết.

Khốn kiếp. Jax đi con đường của riêng mình. Ít tiền hơn. Nhưng vô cùng an toàn (mặc dù vẽ những ký hiệu của mình lên cầu Verrazano và một chiếc xe điện tuyến A đang chạy - là một câu chuyện kỳ thú mà ngay cả những tay giang hồ trong tù cũng từng nghe tới).

Alonzo Jackson, không chính thức nhưng đã hoàn toàn đổi tên thành Jax, chìm đắm với nghệ thuật của mình. Gã bắt đầu đơn giản là tung những ký hiệu của mình ra trên khắp thành phố. Nhưng, Jax cũng học được rất sớm rằng nếu đó là tất cả những gì ta làm, ngay cả khi rải nó lên khắp các khu trong thành phố, ta vẫn chả là gì ngoài một thứ trò chơi chán ngắt, và các vị vua Graffiti sẽ chẳng thèm để mắt tới ta.

Vậy nên, gã bỏ học, làm việc trong những nhà hàng bán đồ ăn nhanh trong ngày để có tiền m sơn, hay thó bất cứ thứ gì có thể lấy được, Jax đã được nâng cấp lên một mức mới - những bức hình graffiti được viết nhanh nhưng lớn hơn cả những hình vẽ kiểu rải bom. Gã ta trở thành một chuyên gia với những hình vẽ từ trên xuống dưới: vẽ trên cả chiều thẳng đứng của một toa tàu điện ngầm. Tuyến tàu A, được cho là tuyến dài nhất trong thành phố, là sở thích của gã. Hàng ngàn du khách có thể đi từ sân bay Kenedy vào thành phố trên chuyến tàu mà không có dòng chữ: Chào mừng đến với “Quả táo

lớn”[16] mà là cái thông điệp bí ẩn: Jax 157.

[16] Quả táo lớn - Big Apple là nickname của thành phố New York.

Cho đến năm Jax hai mươi một tuổi, gã đã thực hiện xong hai mặt từ-đầu-này-sang-đầu-kia – phủ toàn bộ một mặt toa tàu điện ngầm với hình vẽ graffiti của mình - và đã tiến đến rất gần với việc thực hiện trên toàn bộ con tàu, giấc mơ của mọi tay đam mê vẽ graffiti. Gã cũng theo đuổi tuyệt tác. Jax đã cố gắng để lột tả một tuyệt tác graffiti là gì. Nhưng tất cả những gì mà gã có thể nghĩ tới một tuyệt tác là một thứ gì đó còn hơn thế nữa. Một cái gì đó khiến cho người khác phải nín lặng. Một tuyệt phẩm mà ngay cả một tên nghiện ma túy cặn bã cho đến một thương nhân ở phố Wall tại trạm New Jersey đều phải ngược lên nhìn và nghĩ, trời ơi, nó thật tuyệt.

Những ngày đó, Jax suy tư. Gã ta là vua Graffiti, ở giữa giai đoạn của một cuộc vận động mạnh mẽ nhất về văn hóa của người da đen kể từ sau Thời kỳ Phục hưng Harlem: hip hop.

Chắc chắn rồi, thời Phục hưng hẳn phải là tuyệt lắm. Nhưng đối với Jax, nó là thứ của một người thông minh, xuất phát từ trong đầu. Hip hop bùng nổ từ trong tâm hồn và từ trong trái tim. Nó không hề được sinh ra trong các trường đại học, cao đẳng và trong phòng của những nhà văn, nó đến từ chính đường phố, từ những đứa trẻ đầy giận dữ đang vật lộn, tuyệt vọng với cuộc sống khó khăn cùng cực và những gia đình tan vỡ, chúng bước đi trên những vỉa hè vứt bừa bãi bom kim tiêm của những con nghiện vẫn còn vết máu khô màu nâu. Đó là tiếng kêu hoang dại từ những kiếp người phải hét lên để được nghe thấy... Bốn nhánh của hip hop gồm: nhạc của DJ, chất thơ trong các bài rap, bước nhảy của những người chơi breakdance và nghệ thuật trong những công hiến của Jax, graffiti.

Thực tế, ở đây, trên phố 116 này, gã dừng lại và nhìn vào nơi mà cửa hàng bán đồ giảm giá Woolworth từng ở đó. Cửa hàng không vượt qua nổi cơn khủng hoảng từ sau sự việc mất điện toàn thành phố năm 1977 nhưng thứ đã mọc lên ở đó là một phép màu thực sự, câu lạc bộ hip hop số một trong nước, Harlem World. Ba tầng của mọi thể loại nhạc mà bạn có thể tưởng tượng được, radical[17], addictive[18], electrifying[19]. Những chàng trai nhảy breakdance xoay tít, quẩn lên như những cơn sóng trong bão. Những tay DJ thì xoay đĩa trong những sàn nhảy, các MC thì mơn trớn, vuốt ve những chiếc micro của mình và lấp đầy căn phòng với những bài thơ hoang dại kiểu đùa-đùa-với-tôi, hòa chung nhịp đập với một trái tim thực sự. Harlem World là nơi mà những cuộc tranh cãi bắt đầu, những trận chiến giữa các rapper. Jax đã đủ may mắn để nhìn thấy trận chiến nổi tiếng nhất mọi thời đại: nhóm Anh em Cold Crush và nhóm Fantastic Five...

[17] Radical: dòng nhạc cấp tiến.

[18] Addictive: một loại nhạc ghép từ nhiều dòng khác nhau khiến người nghe thích thú say mê.

[19] Electrifying: dòng nhạc kích thích người nghe với những cảm xúc mạnh.

Tất nhiên, Harlem World đã là quá khứ xa xôi. Và đồng thời biến mất - bị chùi sạch, mờ đi, hay bị sơn đè lên - là hàng ngàn những hình vẽ của Jax, những tuyệt tác, cùng với đó là những hình vẽ của các huyền thoại graffiti của thuở khai sinh ra thời kỳ hoàng kim của hip hop, Julio và Kool và Taki. Những vị vua graffiti.

À, có những người đã nuối tiếc cho thời kỳ biến đổi của hip hop, nay trở thành BET[20], những tay rapper triệu phú trên những chiếc Humvee vàng chói, Bad Boys II[21] những công việc hái ra tiền, những đứa trẻ da trắng sống ở ngoại ô, nhạc tải về iPods, MP3 và đài radio vệ tinh. Nó... ừm, hãy lấy một ví dụ như thế này: Jax đang nhìn vào một chiếc xe buýt du lịch hai tầng chậm rãi đi tới cái vỉa hè gần đó. Ở sườn của chiếc xe là dòng chữ Rap/Hip hop Tours. Hãy xem một Harlem thực sự. Hành khách thì lẫn lộn những người da trắng, da đen và cả những người đến từ châu Á. Gã nghe thấy loáng thoáng những đoạn trong bài giới thiệu của người lái xe và lời hứa hẹn rằng họ sẽ sớm nghỉ ăn trưa tại một nhà hàng ‘có thức ăn ngon tuyệt và đúng vị New York’.

[20] Kênh truyền hình giải trí dành cho người da đen. Black entertainment television.

[21] Một bộ phim hành động hài.

Nhưng Jax không hề đồng ý với những người khẳng khái rằng những ngày xa xưa ấy đã biến mất. Trung tâm của khu thị trấn ngoại ô vẫn còn giữ nguyên sự thuần khiết của nó. Không một thứ gì có thể chạm vào. Hãy lấy quán Cotton Club, Jax suy tưởng, một tổ chức của nhạc jazz, swing (một dạng nhạc ở Mỹ có nhịp điệu mạnh với trống) và stride piano (một dạng nhạc Jazz với đàn piano) những năm 20. Mọi người đều nghĩ rằng đó mới là Harlem thực sự, đúng không? Liệu có bao nhiêu người biết được rằng, nó chỉ dành cho những thính giả da trắng mà thôi (thậm chí một công dân da đen nổi tiếng ở Harlem, W.C. Handy, một trong những nhà soạn nhạc vĩ đại nhất nước Mỹ mọi thời đại, đã bị yêu cầu bước ra khỏi cửa trong khi chính nhạc của ông đang được chơi ở bên trong).

Ừm, đoán xem? Quán Cotton Club đã biến mất mãi mãi. Nhưng Harlem thì không. Và sẽ không bao giờ. Thời Phục hưng đã hết và hip hop đã thay đổi. Nhưng nó đã thấm vào mọi con phố xung quanh gã với những trào lưu hoàn toàn mới. Jax tự hỏi liệu thực sự chính xác thì đó là cái gì. Và nếu như có thể, thậm chí gã sẽ đi quanh để nhìn nó - nếu gã không giải quyết vấn đề này với Geneva Settle một cách hợp lý thì gã sẽ chết hoặc quay trở lại xà lim chỉ trong vòng hai mươi tư giờ đồng hồ.

Hãy tận hưởng bữa ăn ngon lành của mình, gã nghĩ tới những người khách du lịch khi chiếc xe buýt bắt đầu lăn bánh trên đường.

Tiếp tục một vài tòa nhà nữa, Jax cuối cùng đã tìm ra Ralph, người mà – đủ chắc chắn để nhận ra - đang đứng dựa vào một tòa nhà bị bịt kín bởi những tấm bảng gỗ.

“Con chó”, Jax nói.

“Gì thế?”

Jax tiếp tục bước đi.

“Ta đi đâu đây?”, Ralph hỏi, bước nhanh chân để bắt kịp gã đàn ông to lớn.

“Một ngày đẹp trời để đi bộ.”

“Khá là lạnh.”

“Đi bộ sẽ làm mày ấm lên

Họ tiếp tục đi một lúc nữa, Jax lơ đãng bất cứ điều gì mà Ralph rên rỉ. Gã dừng lại ở hàng Papaya King và mua bốn chiếc xúc xích và hai đồ uống hoa quả, chẳng thèm hỏi xem Ralph có đói hay không. Hoặc có phải một người ăn kiêng không hay là sẽ nôn mửa khi hắn uống một ly sinh tố xoài. Gã trả tiền và bước ra phố, đưa cho gã đàn ông nhỏ thó bữa trưa. “Đừng có ăn ở đây. Đi nào.” Jax nhìn lên rồi bước xuống con phố. Không có ai đang theo dõi họ. Gã bắt đầu bước đi, thật nhanh. Ralph lèo đèo theo sau. “Chúng ta phải đi bộ thể này vì anh không tin tôi à?”

“Đúng thế.”

“Tại sao tự nhiên anh lại không tin tôi chút nào thế?”

“Bởi vì mày đã có thời gian chơi tao từ lần tao nhìn thấy mày. Chính xác thì cái gì kỳ lạ ở đây?”

“Một ngày đẹp trời để đi bộ”, Ralph trả lời, lén lút cắn một miếng xúc xích.

Họ tiếp tục bước tới một con phố có vẻ đã bị bỏ hoang và chuyển hướng về phía nam. Jax dừng lại.

Ralph làm theo và dựa người vào cái hàng rào sắt được uốn khá đẹp ở trước một căn nhà đá nâu. Jax ăn những cái xúc xích và hộp ly sinh tố xoài.

Ralph nhai ngấu nghiến bữa trưa của mình.

Ăn, uống, chỉ có hai công nhân với bữa ăn của mình từ một công trường, hay là người lau cửa sổ. Chẳng có gì đáng ngờ với hình ảnh đó.

“Cái chỗ ấy, chết tiệt, làm xúc xích ngon thật.” Ralph nói.

Jax ăn xong bữa của mình, lau tay vào áo và vỗ xuống chiếc áo phông và quần bò của Ralph. Không có dây rợ gì hết. “Vào vấn đề luôn. Mày có thể tìm thấy gì?”

“Con bé nhà Settle? Nó đang đi tới Langston Hughes. Anh biết chứ? Cái trường trung học ấy.”

“Chắc chắn rồi, tao biết cái trường ấy. Nó đang ở đấy hả?”

“Tôi không biết. Anh hỏi ở đâu, chứ không phải khi nào. Chỉ là tôi không nghe được thông tin gì khác từ chiến hữu của mình trong lãnh thổ thôi.”

Lãnh thổ..

“Chúng tôi nói rằng có ai đó đưa con bé về. Bám chặt lấy nó.”

“Ai?” Jax hỏi. “Cớm à?” Tự hỏi tại sao hẳn phải bắn khoăn. Tất nhiên đó phải là lũ cớm.

“Có lẽ là thế.”

Jax uống hết chỗ sinh tố. “Việc kia thì sao?”

Ralph nhướn mày.

“Cái mà tao hỏi ý.”

“À.” Tay Pharaoh nhìn quanh. Rồi lôi một chiếc túi giấy từ trong túi áo ra và nhét nó vào trong tay Jax. Gã có thể cảm thấy được đó là một khẩu súng tự động và khá nhỏ. Tốt. Đúng như yêu cầu. Những viên đạn va lách cách trong đáy túi.

“Vây”, Ralph nói một cách thận trọng.

“Vây.” Jax rút vài tờ đô la ra khỏi ví, đưa cho Ralph rồi dựa gần hơn vào gã đàn ông. Miệng thở ra mùi mạch nha, hành và xoài. “Giờ, nghe cho kỹ. Công việc giữa chúng ta đã xong. Nếu tao mà nghe thấy mày nói với bất cứ một ai về việc này, hay chỉ đơn giản là nhắc đến tên tao, tao sẽ tìm ra mày và cho mày một trận. Mày có thể hỏi DeLisle và nó sẽ nói cho mày biết tao là một kẻ rất khó qua mặt. Mày hiểu tao nói gì chứ?”

“Vâng, được rồi.” Ralph như đang thì thầm với ly sinh tố xoài của mình.

“Giờ thì biến đi. Không, đi phía kia. Và đừng có nhìn lại.”

Rồi Jax bước về hướng ngược lại, trở về phố 116, hòa lẫn mình vào dòng người đi mua sắm. Cầm đầu xuống, đi nhanh, mặc kệ cái chân khập khiễng, nhưng cũng đủ chậm để không thu hút sự chú ý của những người khác.

Ở trên phố, một chiếc xe buýt du lịch khác rít lên khi tới điểm dừng ở phía trước khu Harlem World đã chết từ lâu, vài tiếng rap lẹt lẹt phát ra từ một cái loa bên trong chiếc xe lờ lệt ấy. Nhưng khoảnh khắc ấy, vị vua Graffiti vẽ bằng máu này không hồi tưởng về Harlem, hip hop hay là quá khứ tội phạm của mình.

Gã có khẩu súng. Gã biết cô gái ở đâu. Điều duy nhất mà gã đang nghĩ tới là sẽ mất bao lâu để tới được trường trung học Langston Hughes.

12. Chương 12

Người phụ nữ gốc châu Á với dáng người nhỏ nhắn nhìn Sachs một cách thận trọng.

Chẳng có gì phải nghi ngờ về sự không thoải mái này, nữ thanh tra nghĩ vậy, nên nhớ là cô ấy đang bị vây quanh bởi nửa tá cảnh sát to gấp đôi mình - và nửa tá còn lại thì đang đứng đợi bên ngoài cửa hàng.

“Chào buổi sáng”, Sachs nói. “Chúng tôi đang tìm kiếm người đàn ông này. Việc tìm ra hắn có ý nghĩa rất quan trọng. Hắn có thể

đã thực hiện vài tội ác nghiêm trọng.” Cô nói với tốc độ hơi chậm một chút so với tốc độ mà cô cho là đúng mực trong giao tiếp xã giao.

Và điều đó, hóa ra lại là một sai lầm rõ ràng.

“Tôi hiểu điều đó”, người phụ nữ nói bằng thứ tiếng Anh hoàn hảo, với một chút giọng Pháp, thực sự đáng ngạc nhiên. “Tôi đã nói với những cảnh sát khác bất cứ điều gì tôi nhớ ra. Tôi khá sợ hãi khi hắn ta đeo thử cái mũ trùm lên, kéo nó xuống như một cái mặt nạ. Thật đáng sợ.”

“Chắc chắn rồi”, Sachs nói, và nâng tốc độ phát âm lên một chút. “Chị có cảm thấy phiền nếu chúng tôi muốn lấy dấu vân tay của chị không?”

Việc này là để xác minh xem có đúng là dấu vân tay của cô ấy ở trên tấm hóa đơn và những đồ vật tìm thấy tại hiện trường hay không. Người phụ nữ đồng ý, và một thiết bị phân tích dấu vân tay cầm tay đã xác nhận đó là dấu tay của cô ấy.

Sachs hỏi: “Chị có chắc chắn là không biết chút gì về hắn và nơi hắn sống chứ?”

“Không. Anh ta mới chỉ đến đây một hay hai lần gì đó. Có thể nhiều hơn, nhưng anh ta thuộc dạng người chẳng bao giờ khiến ta chú ý. Bình thường. Không cười, không nhăn nhó, không nói một từ. Hoàn toàn bình thường.”

Không hề có một vẻ ngoài xấu xa của một tên giết người, Sachs nghĩ. “Thế còn những nhân viên khác của chị thì sao?”

“Tôi đã hỏi tất cả mọi người. Chẳng ai trong số họ nhớ gì về hắn cả.”

Sachs mở chiếc vali, thay chiếc máy phân tích vân tay và lôi chiếc máy tính Toshiba ra. Trong vòng một phút, cô đã khởi động xong và chạy phần mềm Kỹ thuật nhận dạng khuôn mặt điện tử EFIT. Đây là phiên bản được tối ưu hóa dành cho máy tính của Identikit, được sử dụng để tái tạo hình ảnh khuôn mặt các nghi can. Hệ thống điều khiển bằng tay này sử dụng các tấm thẻ về đặc điểm con người và tóc, từ đó các viên cảnh sát điều tra sẽ ghép lại và đưa cho nhân chứng xem để tạo ra vẻ ngoài tương tự của nghi phạm. EFIT sử dụng phần mềm để tạo ra một bức ảnh gần giống như ảnh chụp.

Trong vòng năm phút, Sachs đã có được bức ảnh ghép của một người đàn ông da trắng với khuôn mặt được cạo râu nhẵn nhụi và mái tóc nâu sáng được chải chuốt gọn ghẽ, khoảng bốn mươi tuổi. Hắn ta nhìn giống với bất kỳ một người nào trong số hàng triệu doanh nhân, những chủ thầu hay những người bán hàng trung niên mà ta có thể tìm thấy ở khu tàu điện ngầm.

Trung bình...

“Chị có nhớ hắn ta mặc cái gì không?”

Có một chương trình chạy kết hợp với EFIT, nó sẽ “mặc” cho hình ảnh của nghi phạm mọi thể loại trang phục khác nhau - như bộ quần áo ghép lên trên những con búp bê giấy. Nhưng người phụ nữ không thể nào nhớ ra bất cứ thứ gì ngoài chiếc áo mưa tối màu.

Người nữ bán hàng bổ sung: “À, một điều nữa. Tôi nghĩ rằng hắn có giọng miền Nam”.

Sachs gạt đầu và ghi lại điều đó vào cuốn sổ tay. Rồi kết nối với một chiếc máy in laze nhỏ và ngay lập tức đã có cả tá ảnh cỡ 14x20 của Đối tượng 109, với một bản miêu tả ngắn gọn về chiều cao, cân nặng cùng với thông tin rằng hắn có thể đang mặc một chiếc áo mưa và có giọng địa phương. Cô thêm vào dòng cảnh báo rằng hắn nhắm vào mục tiêu người vô tội, đưa những thứ đó cho Bo Haumann, cựu sĩ quan huấn luyện với mái tóc hoa râm húi cua, giờ đang là chỉ huy đơn vị Phản ứng nhanh (ESU), đội đặc nhiệm New York. Đến lượt ông ấy phân phát những bức ảnh cho các sĩ quan của mình và những viên sĩ quan tuần tra mặc thường phục có mặt với đội ở đó. Haumann phân chia các viên cảnh sát - kết hợp cả cảnh sát tuần tra với ESU, trang bị hỏa lực mạnh hơn - và ra lệnh cho họ bắt đầu đi thăm dò khu vực xung quanh.

Cả tá sĩ quan phân tán hết.

NYPD - Sở cảnh sát của một thành phố xinh đẹp, nhét đội đặc nhiệm của mình không phải vào trong các xe chuyên chở được vũ trang theo kiểu quân đội mà là vào trong các xe tuần tra cảnh sát luôn sẵn sàng nổ máy và các xe bán tải nhỏ, với các trang thiết bị được chuyên chở trong một chiếc xe buýt của ESU - một chiếc xe màu xanh trắng không có gì đặc biệt. Một trong số đó giờ đang đậu ở gần cửa hàng như một chiếc xe cảnh sát đánh lạc hướng.

Sachs và Sellito mặc áo chống đạn với tấm chống sốc che ở trước ngực trái và hướng về phía Little Italy. Khu vực xung quanh đã thay đổi một cách ngoạn mục trong suốt mười lăm năm qua. Một thời, đây từng là khu vực lớn của những người lao động nhập cư đến từ Ý, và giờ co lại gần như chẳng còn gì nhiều lắm, nhờ vào sự lan rộng của khu phố người Hoa từ phía nam, những người trẻ từ phía bắc và phía tây đến đây sống. Trên phố Mulberry, hai viên thanh tra đi qua một biểu tượng rõ rệt của sự thay đổi này: tòa nhà trước đây từng là Ravenite Social Club, hang ổ của gia đình tội phạm Gambino, do John Gotti - đã chết hoặc biến mất từ lâu rồi - cầm đầu. Câu lạc bộ này đã bị thu hồi bởi chính phủ - dẫn đến một biệt danh không thể tránh được là “Club Fed” - và giờ nơi đây chỉ là một tòa nhà thương mại đang chờ người thuê.

Hai viên thanh tra chọn một tòa nhà và bắt đầu cuộc tìm kiếm manh mối hung thủ, giờ phù hiệu và bức ảnh của nghi phạm cho những người bán hàng trên phố và những nhân viên trong các cửa hiệu, mấy cô cậu học sinh đang trốn học và nháp những ly cà phê từ quán Starbucks, vài người nghỉ hưu nằm trên chiếc ghế dài hay trên các bậc thềm. Họ thỉnh thoảng vẫn nghe tin báo từ những cảnh sát khác.

Không có gì hết... Bình thường ở Grand, Hết...

Nghe rõ... Bình thường ở Hester, Hết... Chúng tôi đang chuyển sang hướng đông...

Sellito và Sachs tiếp tục trên tuyến đường của mình và chẳng may mắn hơn những người khác là mấy.

Một tiếng nổ lớn ở phía sau lưng họ.

Sachs thở mạnh - không phải vì tiếng nổ, cô ngay lập tức nhận ra đó là tiếng máy nổ của một chiếc xe tải - mà là vì phản ứng của Sellito. Anh ta nhảy sang một bên, nhanh chóng nấp sau một buồng điện thoại, bàn tay đặt sẵn trên băng khẩu côn của mình.

Anh ta chớp chớp mắt, nuốt ực một cái, cười nhạt. “Cái xe tải khốn kiếp”, anh ta lầm bầm.

“Ừ, Sachs nói.

Anh ta đưa tay lau mặt và họ lại tiếp tục.

Ngồi trong ngôi nhà an toàn[22], ngửi mùi tối từ một trong những nhà hàng gần đó ở khu Little Italy, Thompson Boyd cắm cúi vào một quyển sách, đọc những dòng hướng dẫn trong đó rồi kiểm tra những gì hắn mua từ cửa hàng đồ gia dụng một tiếng

[22] Nơi những tên tội phạm chuyên nghiệp dùng để ở tạm hoặc để tạm lánh sự truy lùng của cảnh sát.

Hắn đánh dấu những trang nhất định bằng tờ giấy nhò màu vàng và viết một vài ghi chú ở bên lề. Những bước sử dụng đòi hỏi một chút mưu mẹo và sự khéo léo nhưng hắn biết mình có thể làm được. Chẳng có gì không thể làm được nếu ta đầu tư thời gian để thực hiện nó. Cha của hắn đã dạy hắn điều đó. Dù việc khó hay việc dễ.

Nó chỉ đơn giản là câu hỏi vị trí mà con đặt dấu thập phân...

Hắn nhóm dậy khỏi chiếc bàn, bên cạnh là một chiếc ghế tựa, đèn bàn và chiếc giường đơn, đó là đồ nội thất duy nhất trong căn phòng. Một chiếc ti vi, một chiếc tủ lạnh nhỏ và một cái sọt rác. Hắn cũng giữ một ở đây một vài thứ phù hợp cho công việc của mình.

Thompson kéo chiếc găng tay cao su ra khỏi cổ tay phải và thổi vào đó để làm mát làn da. Rồi làm tương tự với tay bên trái. (Chúng ta cần biết rằng một căn nhà an toàn cũng có thể bị lẩn ra ở một thời điểm nào đó nên phải đề phòng để không lưu lại một bằng chứng nào có thể buộc tội mình, cho dù đó là đeo găng tay hay sử dụng một cái bẫy.) Mắt hắn không tốt lắm ngày hôm nay. Hắn liếc mắt, nhỏ vài giọt, và cái cảm giác đau nhói giảm dần. Hắn khép mi lại.

Miệng thổi sáo khe khẽ bài hát đầy ám ảnh từ bộ phim Cold Mountain.

Những chiến binh nhắm bắn vào những chiến binh, cái tiếng nổ lớn ấy, những lưỡi lê. Những hình ảnh trong bộ phim chạy qua đầu hắn.

Wssst...

Bài hát biến mất, cùng với những hình ảnh, và một giọng cổ điển nổi lên. “Bolero”.

Hắn không nói được những giai điệu đến từ đâu. Giống như ở bên trong đầu hắn có một đầu đọc đĩa CD được lên chương trình sẵn. Nhưng với “Bolero” thì hắn biết nguồn gốc xuất xứ. Cha của hắn có một phần của album này. Người đàn ông to lớn với mái tóc húi cua đã chơi đi chơi lại album đó trên chiếc máy Sears nhựa màu xanh trong xưởng của mình.

“Hãy nghe đoạn này, con trai. Nó thay đổi nốt. Đợi... đợi... Đấy! Con nghe thấy chứ?”

Thằng bé tin rằng nó đã ng thấy thế.

Thompson mở mắt ra và quay lại với quyển sách.

Năm phút sau: Wssst... “Bolero” kết thúc và một giai điệu khác lại thoát ra từ đôi môi đang chum lại của hắn: “Time After Time”. Cyndi Lauper đã trở nên nổi tiếng cùng bài hát đó trong những năm 80.

Thompson là một người yêu thích âm nhạc và ngay từ khi còn ít tuổi, hắn đã muốn chơi một nhạc cụ. Mẹ của hắn đã đưa hắn tới lớp học đàn guitar và sáo trong vài năm. Sau vụ tai nạn của bà ấy, cha hắn đưa hắn tới lớp một mình, ngay cả khi ông ấy bị muộn giờ làm.

Nhưng đã có những vấn đề đối với sự tiến bộ của Thompson: những ngón tay của hắn quá to và mập so với cần và những phím đàn guitar và cả những lỗ sáo và đàn piano, và hắn không hề có tí chất giọng nào. Dù cho đó có là dàn hợp xướng nhà thờ hay là Willie, Waylon hoặc Asleep at the Wheel, không, giọng của hắn chẳng thể nào hơn tiếng ồm ộp rền rĩ phát ra từ một cái thanh quần già nua cũ kỹ. Bởi vậy, sau một hoặc hai năm gì đó, hắn đã bỏ âm nhạc và lấp đầy thời gian của mình bằng những việc mà các cậu nhóc thường làm ở những nơi như Amarillo, Texas: dành thời gian cho gia đình, đóng đinh rồi bào gỗ, trộn cát trong cái xưởng của cha

mình, chơi trò chạ và chặn bóng[23], săn tìm và hò hẹn với những cô gái còn e ấp ngượng ngùng, đi dạo trong hoang mạc.

[23] Có thể hiểu là chơi trò chơi bóng ma.

Hắn nhét cái tình yêu âm nhạc của mình ở nơi mà mơ ước ngày ấy biến mất.

Và nơi ấy không quá sâu. Sớm hay muộn thì cũng có những lúc nó lại lộ ra mà thôi.

Trong trường hợp của hắn thì chuyện này xảy ra trong nhà giam một vài năm trước. Một bảo vệ trong khu nhà an ninh tối đa tiến tới và hỏi Thompson: “Đó là cái gì thế?”.

“Ý ông là thế nào?”, Joe Trung bình một thời từng điềm tĩnh hỏi.

“Bài hát đó. Anh vừa huýt sáo.”

“Tôi đã huýt sáo sao?”

“Mẹ kiếp, đúng thế. Anh không biết à?”

Hắn nói với người bảo vệ: “Chỉ là một điều tôi làm thôi mà. Chẳng nghĩ gì cả”.

“Mẹ kiếp, nghe hay phết đấy.” Người bảo vệ đi khỏi, bỏ lại Thompson cười một mình. Như thế thì sao? Hắn có một nhạc cụ, thứ được sinh ra cùng hắn, thứ hắn luôn mang theo mình. Thompson đi tới thư viện của nhà tù và nhìn vào đó. Hắn nhận ra rằng mọi người có thể gọi hắn là một người chơi “sáo miệng”, khác với một người chơi sáo thiếc, giống như ở trong các ban nhạc Ireland. Những người chơi “sáo miệng” rất hiếm - hầu hết mọi người đều có quãng (cao độ) hơi rất hạn chế - và có thể kiếm sống tốt như một nhạc công chuyên nghiệp trong các buổi hòa nhạc, quảng cáo, ti vi và phim ảnh (tất nhiên, ai cũng biết bối cảnh bộ phim Chiếc cầu trên sông Kxvai; ta thậm chí không thể nghĩ về nó mà không huýt lên vài nốt nhạc, ít nhất là trong đầu). Thậm chí còn có cả các cuộc thi đấu “huýt sáo miệng”, nổi tiếng nhất là giải International Grand Championship, nơi có hàng tá những người trình diễn nổi tiếng - rất nhiều trong số họ xuất hiện thường xuyên với các dàn nhạc trên khắp thế giới và có các diễn viên múa phụ họa riêng.

Wssst...

Một giai điệu khác lại hiện lên trong đầu hắn. Thompson Boyd nhả ra những nốt nhạc một cách nhẹ nhàng, tạo ra một tiếng lách nhẹ. Hắn nhận ra mình đã để khẩu súng 22 ly ngoài tầm với. Hắn không làm mọi việc theo quyển sách... Hắn kéo khẩu súng gần gần hơn rồi quay trở lại với quyển sách hướng dẫn một lần nữa, dán nhiều tấm ghi chú hơn vào các trang giấy, liếc về phía túi đồ để bảo đảm rằng có đủ thứ mình cần. Hắn nghĩ mình có kỹ năng. Nhưng, như mọi khi, khi tiếp cận một thứ gì đó mới, hắn sẽ học tất cả mọi thứ lý thuyết khô khốc trước khi thực hiện công việc.

“Không có gì, Rhyme”, Sachs nói qua chiếc điện thoại đang đung đưa gần đôi môi rộng của mình.

Tâm trạng hứng khởi lúc trước của anh rõ ràng đã tan biến như hơi nước khi ngắt lời cô: “Không có gì?”.

“Chẳng có ai nhìn thấy hắn cả.”

“Em đang ở đâu?”

“Cơ bản tụi em đã bao quát hết toàn bộ khu vực Little Italy rồi. Lon và em đang ở phía Nam. Phố Canal.”

“Chết tiệt”, Rhyme lẩm bẩm.

“Chúng ta có thể...” Sachs dừng lại. “Đó là cái gì thế?”

“Gì

“Đợi chút.” Cô nói với Sellito: “Đi nào”.

Giờ chiếc phù hiệu ra, cô giành đường đi xuyên qua bốn làn xe cộ dày đặc, nhìn quanh rồi tiến lên phía nam trên phố Elizabeth, một “thung lũng” tối giữa những tòa nhà chung cư, các cửa hàng bán lẻ và nhà kho. Cô dừng lại một lần nữa. “Ngửi thấy không?”

Rhyme hỏi một cách châm chọc: “Ngửi sao?”.

“Em đang nói với Lon.”

“Ừ, viên cảnh sát to lớn nói. “Nó là cái gì nhi? Một cái gì đó ngọt.”

Sachs chỉ về phía một công ty bán buôn hương liệu, xà phòng và các sản phẩm thảo dược, hai cánh cửa nằm ở phía nam phố Canal, trên phố Elizabeth. Mùi hương hoa loli cuốn phăng phất từ những cánh cửa đang mở là mùi hoa nhài - đó là mùi họ đã phát hiện trên chiếc túi, cũng là mùi mà Geneva đã ngửi thấy ở bảo tàng.

“Chúng ta có vẻ có manh mối rồi, Rhyme. Em sẽ gọi lại.”

“Vâng, vâng”, người đàn ông Trung Hoa mảnh khảnh trong cửa hàng bán buôn thảo dược nói, nhìn chăm chăm vào bức ảnh ghép từ EFIT của Nghi phạm 109. “Tôi có nhìn thấy anh ta đôi lần. Ở trên lầu. Anh ta không ở đây nhiều lắm. Anh ta đã làm gì?”

“Anh ta có ở trên đó lúc này không?”

“Tôi không biết. Không biết. Tôi nghĩ là mình có thấy anh ta hôm nay. Anh ta làm gì?”

“Cần hộ nào?”

Người đàn ông nhún vai.

Công ty nhập khẩu thảo dược chiếm hết tầng một, nhưng ở phía cuối của con đường mờ tối, qua chiếc cửa an ninh, là cầu thang bộ dẫn lên bóng tối. Sellito rút điện đàm ra và gọi điện theo tần số hoạt động.

“Chúng tôi đã lần ra hân.”

“Ai vậy?”, Haumann ngắt lời.

“Ồ, xin lỗi. Sellito đây. Chúng tôi nằm cách hai tòa nhà ở phía nam phố Canal, trên phố Elizabeth. Chúng ta có được danh tính chính xác của người thuê nhà. Có thể hân đang ở trong tòa nhà lúc này.”>“Đội Phản ứng nhanh (ESU), tất cả các đơn vị. Nghe rõ. Hết?”

Những phản hồi xác nhận lệnh lan qua sóng điện đàm.

Sachs thông báo tên và truyền tin: “Di chuyển lặng lẽ và tránh đường Elizabeth. Hân có thể quan sát con phố từ cửa sổ trước”.

“Nhất trí, 5885. Địa chỉ là gì? Tôi gọi để lấy lệnh khám xét, hết.”

Sachs đọc cho anh ta địa chỉ. “Hết.”

Không quá mười lăm phút sau, các đội đã có mặt tại địa điểm và các cảnh sát đội Tìm kiếm và Giám sát “S and S” đang kiểm tra phía trước và phía sau tòa nhà bằng ống nhòm, thiết bị cảm biến hồng ngoại và âm thanh. Người đứng đầu đội Tìm kiếm và Giám sát nói: “Tòa nhà có bốn tầng. Kho nhập hàng nằm ở tầng trệt. Chúng tôi có thể quan sát tầng hai và tầng bốn. Hai tầng này đã có người ở - các gia đình người châu Á. Một cặp vợ chồng già ở tầng hai và trên tầng bốn là một phụ nữ với khoảng bốn hoặc năm đứa trẻ.”

Haumann nói: “Thế còn tầng ba?”

“Cửa sổ đã được kéo rèm, nhưng máy dò hồng ngoại cho thấy có phản ứng nhiệt. Có thể là cái ti vi hoặc là một cái lò sưởi. Nhưng cũng có thể là người. Và chúng ta có một vài âm thanh. Tiếng nhạc. Và tiếng sàn nhà cọt kẹt, giống thế.”

Sachs nhìn vào sơ đồ hướng dẫn của tòa nhà. Và cái hộp phía trên cái nút liên lạc nội bộ cho tầng ba không có gì cả.

Một viên cảnh sát đến và đưa cho Haumaiui một mẫu giấy. Đó là lệnh khám xét được ký bởi tòa án bang và được gửi qua máy fax tới xe của đội ESU. Haumaiui xem xét tờ giấy, bảo đảm rằng địa chỉ chính xác - một lệnh khám xét bất ngờ có thể khiến họ phải chịu trách nhiệm pháp lý và phá hỏng vụ án chống lại nghi phạm. Nhưng tờ giấy đầy đủ thông tin chính xác. Haumarm nói: “Hai đội đi vào, mỗi đội bốn người, ở cầu thang trước và lối thoát hiểm sau. Một người giữ thanh dầm[24] ở phía trước”. Anh lấy ra tám người và chia họ thành hai nhóm. Một trong hai nhóm - nhóm A - đi ra phía trước. Nhóm B ở lối thoát hiểm. Anh nói với nhóm thứ hai: “Các cậu phá cửa sổ khi đếm đến ba, và tấn công nghi phạm bằng lựu đạn sáng, hai giây trễ”.

[24] Battering ram: thanh gỗ/hoặc sắt dùng để phá cửa.

“Nhất trí.”

“Đếm đến không, phá cửa trước”, anh nói với trường nhóm A rồi phân công nhiệm vụ cho các sĩ quan khác bảo vệ cửa phòng các thường dân và để yểm trợ. “Giờ thì triển khai. Nhanh, nhanh, nhanh!”

Những sĩ quan – chủ yếu là nam, hai nữ - di chuyển nhanh chóng theo mệnh lệnh của Haumann. Nhóm B đi vòng ra phía sau tòa nhà, trong khi Sachs và Haumatm nhập vào với nhóm A, cùng một nữ cảnh sát giữ thanh dằm.

Với những tình huống bình thường thì một cảnh sát điều tra hiện trường sẽ không được tham gia vào đội xâm nhập. Nhưng Haumaim đã từng thấy Sachs nằm dưới làn đạn và biết rằng cô có thể nhanh chóng rút súng ra đáp trả. Và, quan trọng hơn là các thành viên trong đội Phản ứng nhanh rất chào đón cô tham gia. Họ không bao giờ thừa nhận việc đó, ít nhất không phải với Sachs, nhưng họ thực sự coi cô là một thành viên và vui mừng khi có cô chiến đấu cùng. Tất nhiên, đó không phải do sự tự ái bởi cô là một trong những tay bắn súng hàng đầu của lực lượng.

Còn đối với Sachs, cô chỉ đơn giản là thích tham gia vào nhiệm vụ đột nhập.

Sellito tình nguyện ở dưới và quan sát con phố.

Đầu gối đau nhức vì bệnh viêm khớp, Sachs leo lên tầng ba cùng với các sĩ quan khác. Cô bước tới gần cửa, lắng nghe rồi gật đầu với Haumann. “Tôi có thể nghe thấy tiếng gì đó”, cô thì thầm.

Haumann nói vào điện đàm: “Đội B, báo cáo”.

“Chúng tôi đã vào vị trí”, Sachs nghe qua tai nghe. “Không thể nhìn vào bên trong. Nhưng tất cả đã sẵn sàng.”

Người chỉ huy nhìn một lượt quanh đội. Viên cảnh sát to lớn với thanh dằm - một ống nước nặng, dài khoảng một mét - gật đầu. Một cảnh sát khác áp sát phía sau anh ta và khẽ xoay tay nắm cửa để kiểm tra xem nó có khóa không.

Haumaim thì thầm qua chiếc micro: “Năm... bốn... ba...”.

Im lặng. Đây đáng lẽ là khoảnh khắc họ phải nghe thấy tiếng kính vỡ và tiếng lựu đạn quang nổ.

Không có gì cả.

Có điều gì đó không ổn ở đây. Viên cảnh sát nắm nắm cửa đang rung lên một cách dữ dội, gào thét.

Lạy Chúa, Sachs nghĩ, nhìn anh ta chăm chăm. Anh ta đang lên cơn giật hoặc gì đó. Một sĩ quan cảnh sát đặc nhiệm bị bệnh động kinh? Tại sao trong hồ sơ y bạ của anh ta không có thông tin quái này chứ?

“Có chuyện gì vậy?”, Haumaim thì thầm.

Anh ta không trả lời. Cơn co giật càng tồi tệ hơn. Mắt anh ta mở to và chỉ có lòng trắng.

“Nhóm B, báo cáo”, viên chỉ huy gọi vào điện đàm: “Chuyện gì đang xảy ra vậy, hết”.

“Nghe rõ, cửa sổ đã bị chặn bằng tấm ván gỗ”, người phụ trách nhóm B trả lời. “Gỗ ép. Chúng tôi không thể ném lựu đạn vào trong. Tình trạng Alpha, hết?”

Người cảnh sát ở cánh cửa đã khụy xuống, bàn tay anh ta đông cứng ở nắm cửa, vẫn rung bần bật. Haumarm thì thầm với một giọng khàn khàn: “Chúng ta đang phí thời gian rồi! Lôi anh ta ra và phá cái cửa ngay lập tức!” Một cảnh sát khác tóm lấy anh ta.

Và người thứ hai bắt đầu rung lên theo.

Các cảnh sát khác bước lùi ra sau. Một người lầm bầm: “Cái khỉ gì thế...”

Rồi tóc của người cảnh sát đầu tiên bắt đầu bốc cháy.

“Hắn đã cài điện vào cánh cửa.” Haumarm chỉ vào cái đĩa kim loại trên sàn. Chúng ta thường thấy những cái này trong các tòa nhà cũ kỹ - chúng được sử dụng như những miếng vá trên sàn gỗ cứng. Còn cái này lại được Nghi phạm 109 sử dụng làm một cái bẫy điện; điện cao thế truyền qua cả hai viên cảnh sát.

Lửa bốc lên từ đầu, lông mày, mu bàn tay rồi cổ áo của viên cảnh sát đầu tiên. Người còn lại đang dần mất nhận thức, nhưng vẫn rung lên bần bật.

“Chúa ơi”, một cảnh sát thầm thì bằng tiếng Tây Ban Nha.

Haumann quăng khẩu súng máy H&K của mình sang một cảnh sát đứng cạnh, lấy thanh dầm và vung nó thật mạnh vào cổ tay viên cảnh sát giữ nùm cửa. Chắc chắn là xương sẽ rạn nứt rồi, nhưng nó đã làm những ngón tay anh ta phải buông ra. Mạch điện bị cắt đứt, hai người ngã xuống. Sachs dập lửa, ngọn lửa đã khiến hành lang ngập đầy mùi khen khét của tóc và da thịt cháy.

Hai trong số các sĩ quan yểm trợ bắt đầu thực hiện kỹ thuật cấp cứu CPR[25] cho hai đồng nghiệp đang bất tỉnh, trong khi một người nhóm A tóm lấy thanh dầm và vung nó vào cánh cửa. Cả đội ập vào, giương súng. Sachs ập vào theo.

[25] CPR (Cardiopulmonary resuscitation): kỹ thuật hồi sức tim - phổi.

Chỉ mất năm giây để họ nhận ra rằng căn hộ hoàn toàn trống không.

13. Chương 13

Bo Haumann gọi vào điện đàm: “Nhóm B, chúng tôi đã ở trong. Không có dấu hiệu nào của nghi can. Đi xuống tầng, kiểm tra kỹ hành lang. Nhưng nhớ là - ở hiện trường lần trước, hấn vẫn ở lại rình rập. Hấn tấn công những người vô tội và cả cảnh sát”.

Một chiếc đèn bàn vẫn sáng và khi chạm vào chiếc ghế, Sachs nhận thấy nó vẫn còn ấm. Một hệ thống camera an ninh nhỏ với màn hình trên bàn, màn hình mờ nhạt cho thấy hình ảnh của hành lang trước cửa. Hấn phải cài camera ẩn đầu đó bên ngoài và thấy họ tiếp cận. Kẻ giết người mới chỉ chuẩn bị vài giây mà thôi. Nhưng ở đâu? Mọi người nhìn quanh để tìm lối trốn chạy. Cửa sổ bên cạnh

lối thoát hiểm được che phủ bởi gỗ dán. Chiếc cửa sổ còn lại thì không được che chắn nhưng lại nằm ở trên cao chín mét so với con hẻm. “Hấn vừa ở đây. Hấn biến đi thế quái nào được nhỉ?”

Chỉ một lát sau họ đã có câu trả lời.

“Nhìn chỗ này xem”, một sĩ quan nói. Anh ta đã tìm ở dưới gầm giường, và sau khi kéo chiếc giường ra khỏi bức tường, để lộ ra một cái lỗ chỉ vừa đủ lớn cho một người bò qua. Có vẻ như nghi phạm đã đục vữa và bỏ những viên gạch ở bức tường nằm giữa tòa nhà này và tòa bên cạnh. Khi thấy họ ở màn hình giám sát, hấn chỉ đơn giản là đập đổ lớp vữa ở bên kia của bức tường và trườn sang tòa nhà sát nách.

Haumann cử nhiều sĩ quan hơn để kiểm tra mái nhà và các con phố xung quanh, những người khác thì tìm và bao quát các lối vào của tòa nhà bên cạnh.

“Một người chui qua cái lỗ đi”, người chỉ huy đội ESU ra lệnh.

“Tôi sẽ đi, thưa sếp”, viên sĩ quan thấp bé nói.

Nhưng với chiếc áo chống đạn công kênh, ngay cả anh ta cũng không chui vừa qua khoảng trống.

“Tôi sẽ đi”, Sachs nói, cô là người nhỏ nhắn nhất trong số tất cả các sĩ quan có mặt. “Nhưng tôi cần căn phòng này được giữ sạch sẽ, để bảo vệ các bằng chứng.”

“Nghe rõ. Chúng tôi sẽ đưa cô vào rồi kéo lại.” Haumann ra lệnh kéo chiếc giường sang một bên. Sachs quỳ gối rồi chiếu đèn xuống cái lỗ, ở bên kia là một lối đi hẹp trong một kho hàng hoặc một nhà máy. Để sang được bên đấy, cô phải bò bằng hai tay hai chân qua cái không gian chật hẹp này.

“Mẹ kiếp”, Amelia Sachs lẩm bẩm, một cô gái có thể lái xe với vận tốc hơn 300 km/h và bắn trả trực tiếp với một tội phạm nấp sau góc nhưng lại gần như tê liệt với nỗi sợ không gian hẹp.

Đầu xuống trước hay là chân?

Cô thở dài.

Đầu xuống trước có vẻ đáng sợ hơn nhưng lại an toàn hơn; ít nhất cô có được vài giây để phát hiện ra hướng bắn của hung thủ trước khi hắn có thể nhắm mục tiêu. Cô nhìn vào không gian chật hẹp, tối tăm. Lấy một hơi thật sâu. Nắm chặt khẩu súng ngắn trong tay, cô tiến lên phía trước.

Có vấn đề quái gì với mình thế nhỉ? Lon Sellito nghĩ, anh đang đứng ở phía trước cái kho hàng ở bên cạnh cửa hàng nhập khẩu thảo dược và giám sát cửa trước của tòa nhà này. Anh nhìn chăm chăm vào ô cửa và các cửa sổ, tìm kiếm nghi phạm trốn thoát, cầu cho hung thủ xuất hiện để có thể tóm cổ hắn lại.

Cầu cho hắn dừng.

Cái vấn đề quái gì ở đây chứ?

Trong những năm làm việc cho lực lượng, Sellito đã tham gia hàng tá trận đấu súng, tước vũ khí khỏi những kẻ điên cuồng, thậm chí từng đánh vật với một người tự tử đòi nhảy xuống từ nóc tòa Flatiron, trong tay không có gì khác ngoài khoảng hoa văn trang trí gần một mét tám ngăn giữa anh và thiên đàng. Hắn nhiên, đã có đôi lần anh từng run sợ. Nhưng Sellito vẫn luôn luôn lấy lại được tinh thần ngay lập tức. Chưa có điều gì ảnh hưởng tới anh như cái chết của ông Barry buổi sáng ngày hôm nay. Không cần phải phủ nhận rằng đứng dưới đường đạn đã làm anh sợ hãi. Nhưng đây là một điều khác. Một cảm xúc không thể gọi tên khi ở thật gần một người vào khoảnh khắc đó..hoảnh khắc của cái chết. Anh không thể gạt tiếng nói của người thủ thư ra khỏi đầu mình, những lời cuối cùng của một người còn sống.

Tôi không thực sự nhìn thấy...

Không thể quên được tiếng ba viên đạn cắm vào ngực ông ta.

Phụp... phụp... phụp...

Đó là những tiếng rất nhẹ, mờ nhạt, chỉ vừa đủ nghe thấy. Anh chưa từng nghe những âm thanh như vậy. Lon Sellito lúc này run run và cảm thấy buồn nôn.

Đôi mắt màu nâu của ông ấy... nhìn thẳng vào Sellito khi những viên đạn bắn trúng. Trong một phần nhỏ của khoảnh khắc ngắn ngủi ấy là sự kinh ngạc, đau đớn, rồi... không gì cả. Đó là điều kỳ lạ nhất Sellito từng nhìn thấy. Không giống như là đi rồi chìm vào giấc ngủ rất nhanh, không bị xao nhãng. Chỉ có một cách duy nhất để miêu tả nó: trong khoảnh khắc có một điều gì đó phức tạp và chân thực hiện ra ngay phía sau ánh mắt ấy, rồi chỉ một khoảnh khắc sau, thậm chí trước khi ông ta đổ sụp xuống vỉa hè, không còn gì nữa cả.

Viên thanh tra vẫn còn căng cứng, nhìn chăm chăm vào cái xác vô hồn đang nằm trước mặt mình - dù sự thật là anh biết mình cần phải cố gắng hành động để hạ hung thủ. Những nhân viên y tế đã phải đẩy anh tránh sang một bên để đến gần ông Barry; Sellito đã không thể nhúc nhích.

Phụp... phụp... phụp...

Rồi, đến lúc phải gọi điện cho gia đình của người thủ thư già, Sellito đã lưỡng lự một lần nữa. Anh đã nhiều lần phải gọi những cuộc điện thoại khó khăn như vậy trong suốt những năm qua. Hắn nhiên là, chẳng cuộc gọi nào dễ dàng cả. Nhưng ngày hôm nay, đơn giản là anh không thể đối diện với nó được. Anh đã phải viện cớ để người khác làm điều đó. Anh sợ rằng giọng nói của mình có thể sẽ vỡ ra, sợ rằng mình sẽ khóc, điều chưa bao giờ xảy ra trong hàng thập kỷ phục vụ trong ngành.

Giờ đây, anh nghe báo cáo trên điện đàm về cuộc truy bắt hung thủ.

Nghe tiếng,phụp... phụp... phụp...

Mẹ kiếp, tôi chỉ muốn về nhà.

Anh muốn ở cùng Rachel, uống bia với cô ở mái vòm tại Brooklyn. Chà, còn quá sớm để ngồi uống bia. Một ly cà phê. Hoặc có thể không phải quá sớm cho một ly bia. Hay là một ly rượu scotch. Anh muốn đó, ngắm nhìn những cái cây và sân cỏ. Nói chuyện. Hoặc là chẳng nói gì cả. Chỉ cần ở bên cô ấy. Bỗng nhiên suy nghĩ của viên thanh tra chuyển sang cậu con trai tuổi mới lớn, đang sống với người vợ cũ. Anh đã không gọi cho nó ba hoặc bốn ngày nay rồi. Cần phải làm thế.

Anh...

Chết tiệt. Sellito nhận ra rằng mình đang đứng ở giữa phố Elizabeth, dựa lưng vào tòa nhà cần phải để mắt canh gác, và lại suy nghĩ miên man. Lạy Chúa! Mình đang làm gì vậy? Tên hung thủ đang nhón nhơ loanh quanh đâu đây và mình thì đang mơ ngủ giữa ban ngày? Hắn có thể đang đứng rình rập ở cái hành lang kia, hay bất cứ nơi nào, như đã làm sáng hôm nay.

Cúi thấp mình, Sellito quay trở lại, kiểm tra những cửa sổ tối, mờ hay bị che. Hung thủ có thể đứng sau bất cứ chỗ nào, ngấm vào anh lúc này với khẩu súng nhỏ bé của hắn. Phụp... phụp... Những mũi kim bên trong viên đạn xé nát thịt thành những mảnh vụn nhỏ khi chúng bắn ra tứ tung. Sellito rùng mình và lùi lại, nấp giữa hai chiếc xe tải chở hàng đang đậu, tránh khỏi tầm nhìn từ những chiếc cửa sổ. Kiểm tra thật kỹ xung quanh bên của một chiếc xe tải, quan sát những ô cửa sổ tối tăm, và cửa ra vào.

Nhưng đó không phải là những gì anh nhìn thấy. Không, anh đang thấy đôi mắt màu nâu của người thủ thư đứng ngay trước mặt, một vài mét thôi.

Tôi không...

Phụp, phụp, ...

Sự sống biến mất.

Đôi mắt đó...

Anh lau bàn tay cầm súng vào chiếc quần, tự nói rằng mình toát mồ hôi chỉ đơn giản vì chiếc áo chống đạn. Mà thời tiết sao thế nhỉ? Quá nóng so với thời tiết tháng Mười. Ai mà không toát mồ hôi chứ?

“Tôi không thấy hắn, hết.” Sachs nói thì thầm qua điện đàm.

“Nhắc lại?”, tiếng Haumann trả lời.

“Không có dấu hiệu của hung thủ, hết.”

Căn nhà kho mà Nghi phạm 109 đã trốn thoát thực sự là một không gian rộng lớn được chia cắt bởi những lối đi hẹp chông chéo đan xen. Trên sàn là những tấm ván gỗ chất đống những chai dầu oliu và các can xốt cà chua, được gói kín bởi các tấm nilon. Lối đi cô đang đứng cao hơn chín mét, trong khoảng chu vi căn hộ của hắn ở tòa nhà bên cạnh. Đó là một nhà kho đang được sử dụng, dù hầu như chỉ thỉnh thoảng mới hoạt động; không hề có dấu hiệu nào cho thấy nhân công hiện diện trong thời gian gần đây. Điện đã mất nhưng vẫn có đủ ánh sáng lọt qua những cửa sổ trên mái nhà để cô có thể quan sát xung quanh.

Sàn nhà được quét sạch sẽ và cô không tìm ra dấu chân để biết hướng đi của nghi phạm. Ngoài cửa trước và cửa cuốn ở phía sau, có hai cửa khác ở tầng hầm, đi sang bên. Một được đóng biển chữ Phòng vệ sinh, cửa còn lại không có tên.

Di chuyển thật chậm, vung khẩu súng ra phía trước, ánh sáng đèn pin dò tìm mục tiêu, Amelia Sachs nhanh chóng di chuyển qua hết các lối đi và khu vực thoáng của nhà kho. Cô báo điều này lại với Haumann. Các sĩ quan ESU nhanh chóng phá cửa cuốn phía sau và đi vào, tản ra khắp nơi.

Bớt căng thẳng vì được tăng cường lực lượng, cô giơ tay ra hiệu để chỉ vào hai cửa bên. Các cảnh sát nhanh chóng tập trung quanh chúng.

Haumann nói qua điện đàm: “Chúng tôi đã tra hỏi thông tin nhưng không ai thấy nghi phạm ra ngoài. Hắn có thể vẫn ở bên trong, hết”.

Sachs âm thầm tiếp nhận thông tin. Cô đi xuống dưới tầng chính, nhập vào với các cảnh sát khác.

Cô chỉ vào nhà vệ sinh. “Đếm đến ba”, cô thì thầm.

Họ gật đầu. Một người chỉ vào mình nhưng cô lắc đầu, ám chỉ rằng cô sẽ là người vào trước. Sachs đã rất giận dữ - vì hung thủ đã chạy thoát, rằng hắn để những đồ thực hiện hành vi phạm pháp trong một cái túi với hình mặt cười, rằng hắn đã bắn một người vô tội đơn giản để đánh lạc hướng. Cô muốn hắn bị tóm cổ và muốn bảo đảm rằng chính mình cũng tham gia tóm gọn hắn.

Tất nhiên, cô đang mặc áo chống đạn, nhưng không thể tưởng tượng ra rằng điều gì sẽ xảy ra nếu như một trong những viên đạn dây kim ấy bắn vào mặt hay cánh tay của mình.

Hay là cổ họng.

Cô giơ một ngón tay lên. Một...

Đi vào nhanh, cúi thật thấp, với áp lực đè nặng lên cò súng.

Mày chắc chắn mình đang làm gì chứ?

Hình ảnh Lincoln Rhyme hiện lên trong đầu cô.

Hai...

Rồi ký ức về người cha cảnh sát nói với cô triết lý về cuộc sống trước giờ phút cuối cùng của ông: “Hãy nhớ kỹ, Amie, khi con di chuyển không ai có thể tóm được con cả”.

Vậy thì, di chuyển!

Ba.

Cô gạt đầu. Một cảnh sát đá bung cánh cửa ra - không một ai đến gần bất kỳ núm cửa kim loại nào - và Sachs nhào về phía trước, lộn xoay một vòng và quét ánh đèn xung quanh căn phòng tắm nhỏ bé, không có cửa sổ.

Trống không.

Cô trở ra ngoài và chuyển sang cánh cửa khác, vẫn làm như ở phòng kia.

Đếm đến ba, một cú đá đầy mạnh mẽ khác. Cánh cửa đổ vào trong.

Súng và ánh đèn quét lên. Sachs nghĩ, Người anh em, không hề dễ dàng, phải không? Cô đang nhìn vào một cái cầu thang dài lê thê dẫn tới một màn đen thăm thẳm và phát hiện ra không có chỗ để nấp ở trong cầu thang, hung thủ có thể đứng ở phía sau và bắn vào cổ chân, bấp hay lưng khi họ đi xuống.

“Tắt đèn”, cô thì thầm.

Các cảnh sát tắt hết đèn, nâng lên sát với nòng súng của mình. Sachs đi trước, đầu gối đau nhức. Đã hai lần cô gần như khụy xuống những bậc thang nhấp nhô. Bốn cảnh sát ESU đi sau.

“Đội hình chéo góc”, cô thì thầm, hiểu rằng về mặt kỹ thuật cô không nắm quyền chỉ huy, nhưng không thể ngăn mình lại vào lúc này. Những cảnh sát không thối lui. Chạm vai nhau để chỉ hướng, họ tạo thành một đội hình hình vuông, mỗi người nhìn ra xung quanh mình và bao quát, chịu trách nhiệm một phần tư căn hầm.

“Đèn!”

Ánh sáng mạnh mẽ của những chiếc đèn halogen bất ngờ ngập đầy không gian nhỏ bé khi những khẩu súng đang truy tìm mục tiêu.

Cô không thấy một mối đe dọa nào, không nghe thấy một âm thanh nào. Trừ tiếng tim đập thật mạnh, cô Nhưng đó là của cô.

Tầng hầm có một cái lò nung, các đường ống, thùng dầu, khoảng một ngàn chai bia rỗng. Hàng đồng rác. Và cả đồng chuột cấu kính.

Hai cảnh sát kiểm tra các túi rác bần thỉu, nhưng hung thủ rõ ràng không ở đây.

Sachs điện cho Haumann báo cáo những gì họ tìm thấy. Chẳng có một ai thấy bóng của hung thủ. Tất cả các cảnh sát đang tập trung về chiếc xe tải chỉ huy để tiếp tục rà soát khu vực xung quanh, trong khi Sachs nghiên cứu hiện trường để tìm các bằng chứng - mọi người vẫn ghi nhớ, như ở bảo tàng sáng nay, tên giết người có thể vẫn lảng vảng quanh đây.

... hãy cẩn thận phía sau.

Thở thật sâu, cô đặt lại khẩu súng và quay về phía cầu thang. Rồi dừng lại. Nếu bước lên cầu thang quay trở lại tầng nhà chính - quả thực sẽ là một cơn ác mộng với hai cái đầu gối Sachs - cô sẽ vẫn phải tiếp tục

bước xuống các cầu thang để hướng ra phố. Một lựa chọn khác dễ dàng hơn là đi trực tiếp từ một cầu thang ngắn hơn để đi lên vỉa hè bên trên.

Cô suy ngẫm, trong lúc quay bước về phía cái cầu thang đó, đôi khi ta cần phải thỏa mãn bản thân.

Lon Sellito đã bị ám ảnh bởi một khung cửa sổ.

Anh đã nghe tiếng truyền qua điện đàm rằng nhà kho không có hung thủ, nhưng rồi tự hỏi liệu đội ESU đã thực sự lục tung mọi góc ngách chưa. Sau tất cả, mọi người đã để mất dấu hung thủ sáng nay ở bảo tàng. Hắn đã dễ dàng tiếp cận chỉ trong tầm bắn của một khẩu súng ngắn.

Phụp... phụp... phụp.

Cái cửa sổ, nằm ở tận cùng bên phải, tầng hai... Dường như Sellito đã thấy nó động đậy một hay hai lần.

Có thể chỉ là cơn gió. Nhưng có thể là chuyển động từ một kẻ nào đó cố gắng để mở nó.

Hoặc ngấm bẩn qua nó.

Phụp.

Anh rùng mình và bước lùi

“Này”, anh gọi một cảnh sát ESU, người vừa mới đi ra khỏi cửa hàng nhập khẩu thảo dược. “Hãy nhìn xem - anh thấy gì ở cái cửa sổ đó chứ?”

“Đâu?”

“Cái kia kìa.” Sellito nghiêng ra một chút khỏi chỗ nấp và chỉ vào ô cửa vuông với kính đen.

“Không. Nhưng tòa nhà đã được kiểm tra kỹ. Anh không nghe thấy à?”

Sellito nghiêng ra khỏi chỗ nấp xa hơn một chút, nghe thấy phụp, phụp, phụp, nhìn thấy đôi mắt màu nâu đang dần trở nên vô hồn. Anh liếc mắt, rùng mình và nhìn chiếc cửa sổ một cách cẩn thận. Rồi trong tầm mắt của mình, anh bất chợt nhìn thấy một chuyển động ở bên trái và nghe thấy tiếng ken két của cánh cửa mở. Một tia sáng lóe lên như ánh mặt trời lạnh phản chiếu qua một vật kim loại.

Là hắn!

“Lạy Chúa!”, Sellito thì thầm. Anh rút súng, cúi đầu và xoay về phía ánh sáng lóe lên ấy. Nhưng thay vì tuân thủ các bước an toàn khi rút một khẩu súng bằng tốc độ nhanh và giữ ngón tay trở bên ngoài vòng bảo vệ cò súng, anh rút khẩu côn ra khỏi bao trong nỗi kinh hoàng.

Và khẩu súng nhả đạn ngay sau đó, đưa viên đạn bay về phía mà Amelia Sachs chui lên từ cửa tầng hầm lên nhà kho.

14. Chương 14

Đứng ở góc giữa phố Canal và phố 6, cách nơi ẩn náu cả chục dãy nhà, Thompson Boyd đang chờ đèn xanh. Hắn lấy lại hơi và lau khuôn mặt ướt mồ hôi.

Hắn không run, không hề sợ hãi - hắn thở hổn hển và toát mồ hôi là vì những bước chạy tới nơi an toàn - nhưng hắn tò mò rằng làm thế nào mà họ tìm ra mình. Hắn đã luôn luôn cẩn thận với các mối liên lạc và điện thoại sử dụng, luôn luôn kiểm tra xem mình có đang bị theo dõi hay không và hắn đoán rằng đó phải là nhờ các dấu vết từ những vật mà hắn để lại. Điều đó nghe hợp lý - bởi hắn khá chắc chắn rằng người phụ nữ trong bộ đồ màu trắng, đi đi lại lại trong hiện trường thư viện của bảo tàng như

một con rắn đuôi chuông, đã xuất hiện ở hành lang căn hộ của hắn trên phố Elizabeth. Hắn đã để lại gì ở bảo tàng? Thứ gì đó trong cái túi đồ hiếp dâm chăng? Hay là một ít dấu vết từ đôi giày hoặc quần áo?

Họ là những nhà điều tra giỏi nhất mà hắn từng đối mặt. Hắn cần phải ghi nhớ điều này thật kỹ.

Nhìn chằm chằm vào dòng xe cộ, hắn suy tư về cuộc trốn chạy. Khi thấy cảnh sát bước lên cầu thang, hắn đã nhanh chóng đặt quyển sách và những thứ mua được từ cửa hàng đồ gia dụng vào trong túi, chộp lấy bao và súng, rồi bật công tắc dẫn điện tới chiếc nút cửa. Hắn đã đập xuyên qua bức tường và tháo chạy vào cái nhà kho bên cạnh, trèo lên trên mái và hướng về phía nam tới góc cuối cùng của dãy nhà. Trèo xuống cầu thang thoát hiểm, chuyển sang hướng tây và bắt đầu chạy, theo hành trình mà hắn đã vạch ra và tập đi tập lại hàng chục lần.

Giờ, ở phố Canal và phố 6, hắn đã biến mất vào dòng người đứng chờ đèn xanh, nghe tiếng còi xe cảnh sát hú vang nhập vào cuộc truy lùng hắn. Khuôn mặt chẳng biểu lộ chút cảm xúc nào, tay cũng không hề run, không lo lắng, không sợ hãi. Đó là cách hắn phải như vậy. Hắn đã nhìn thấy rất nhiều lần điều này - hàng tá kẻ giết người chuyên nghiệp hắn từng biết đã bị bắt vì họ sợ hãi, để mất sự lạnh lùng trước cảnh sát và sụp đổ trước những cuộc thẩm vấn. Họ đã quá luống cuống khi thực hiện công việc, bỏ lại dấu vết hoặc những nhân chứng sống. Cảm xúc - yêu, giận dữ, sợ hãi - khiến ta trở nên thật ỳ ỳ và yếu đuối. Ta cần phải bình tĩnh và lạnh lùng.

Vô cảm...

Thompson nắm chặt khẩu súng, giấu nó trong túi chiếc áo mưa, khi hắn nhìn thấy một vài chiếc xe cảnh sát đang tăng tốc về phía Đại lộ 6. Những chiếc xe phanh và cua gấp ở góc phố rồi chuyển sang hướng đông ở phố Canal. Họ đang làm tất cả những gì có thể để truy tìm hắn. Không hề ngạc nhiên, Thompson biết thế. Cảnh sát New York sẽ cau mày với một nghi phạm đã giết điện một người trong số họ (dù trong quan điểm của Thompson, đó là sai lầm của người cảnh sát ấy vì anh ta đã không cẩn thận).

Rồi một âm thanh lơ mơ báo hiệu mối lo ngại hiện ra trong đầu khi hắn nhìn theo một chiếc xe cảnh sát khác cua gấp vào một điểm dừng nằm cách ba dãy nhà.

Rồi một chiếc xe khác lăn bánh tới một điểm dừng chỉ cách chỗ hắn đứng gần sáu mươi mét. Và họ đang đi về phía này. Xe của hắn đỗ gần Hudson, cách đây khoảng năm phút. Hắn phải đi tới đó ngay. Nhưng ánh đèn vẫn đỏ.

Tiếng còi xe cảnh sát hú nhiều hơn.

Điều này đang trở thành một vấn đề.

Thompson nhìn vào đám đông xung quanh mình, hầu hết bọn họ đều đang hướng về phía đông, chăm chú nhìn những chiếc xe cảnh sát và các sĩ quan. Hắn cần một sự gây mất tập trung, một cái vỏ bọc nào đó để qua đường. Chỉ cần một cái gì đó... không cần phải quá âm ỉ, phô trương. Chỉ cần đủ để đánh lạc hướng sự chú ý của mọi người một lúc. Một ngọn lửa trong thùng rác, một tiếng báo động của ô tô, tiếng một cái cốc vỡ...

Còn ý tưởng nào khác nữa không nhỉ? Nhìn sang phía nam, ở bên trái hắn, Thompson nhận ra một chiếc xe buýt lớn đang tiến về Đại lộ 6. Nó đang lại gần ngã tư nơi đám đông người đi bộ đang đứng. Đánh lửa ở thùng rác, hay cái này? Thompson Boyd quyết định. Hắn len thật khẽ tới sát lề đường, phía sau một cô gái châu Á, nhỏ nhắn, khoảng hai mươi tuổi. Tất cả những gì hắn cần làm là một cú đẩy nhẹ vào lưng dưới cô gái để cô ngã vào đường đi của chiếc xe buýt. Xoay mình trong kinh hoàng, thở hổn hển, cô trượt chân khỏi lề đường.

“Cô ấy bị ngã!”, Thompson hét lên, giọng gấp gáp. “Kéo cô ấy lại.”

Tiếng kêu của cô gái bị cắt ngang khi chiếc gương chiếu hậu bên phải của chiếc xe đập mạnh vào vai và đầu, quăng thân thể cô ngã nhào, nằm dọc vỉa hè. Máu bắn vung vãi của sổ và những người đứng gần. Tiếng phanh rít lên. Vài người phụ nữ trong đám đông cũng hét lên kinh hoàng.

Chiếc xe buýt phanh gấp ở điểm dừng nằm giữa đường Canal, ngăn cản giao thông, nơi mà nó phải giữ nguyên vị trí cho tới cuộc điều tra tai nạn. Một ngọn lửa trong thùng rác, một cái chai vỡ, một tiếng báo động của ô tô - chúng có thể có hiệu quả. Nhưng hắn đã quyết định rằng giết cô gái sẽ hiệu quả hơn nhiều.

Dòng xe cộ ngay lập tức bị đông cứng, bao gồm cả hai chiếc xe cảnh sát đang đến gần ở phố 6.

Hắn bước qua đường một cách chậm rãi, bỏ lại đám đông túm tụm những người qua đường đang kinh hãi, đang khóc, la hét, hoặc chỉ nhìn chằm chằm trong ánh mắt kinh ngạc trước thân thể mềm nhũn, đầy máu, ngã gục trên cái hàng rào sắt. Đôi mắt mở to trống rỗng vô hồn nhìn chằm chằm lên trời. Rõ ràng không một ai nghĩ rằng bi kịch này là một cái gì đó ngoài một tai nạn khủng khiếp.

Mọi người chạy về phía cô gái, gọi 911... khung cảnh hỗn loạn. Thompson bình thần bước qua đường, len qua dòng xe cô đang dừng lại. Hắn đã quên mất cô gái châu Á và đang bận tâm tới những vấn đề quan trọng hơn: Hắn đã mất một nơi ẩn náu. Nhưng ít nhất hắn đã trốn thoát với khẩu súng, những thứ mua từ cửa hàng đồ gia dụng và quyển sách hướng dẫn. Không có bằng chứng nào ở căn hộ để lòng ra hắn hoặc người đàn ông đã thuê hắn; thậm chí ngay cả người phụ nữ trong bộ đồ màu trắng cũng không thể tìm ra bất kỳ liên quan nào. Không, đây không phải là một vấn đề nghiêm trọng.

Hắn dừng lại ở một bộ điện thoại công cộng, gọi vào hộp thư thoại và nhận được vài tin tốt. Hắn đã biết rằng, Geneva Settle đang ở trường trung học Langston Hughes tại Harlem. Hắn tìm ra rằng, cô bé cũng được bảo vệ bởi cảnh sát, tất nhiên điều này không có gì ngạc nhiên cả. Thompson có thể sớm tìm ra nhiều thông tin - có thể đoán chừng nơi cô bé sống hay thậm chí, với một chút may mắn, sự thật là một cơ hội từng xuất hiện, và cô bé đáng lẽ đã bị bắn chết, nhiệm vụ hoàn thành.

Thompson Boyd tiếp tục bước về phía chiếc xe của mình - một chiếc Buick ba năm tuổi, với màu xanh da trời nhàm chán, một chiếc xe vừa vừa, một chiếc xe trung bình, cho Joe Trung bình. Hắn hòa vào dòng xe cô và lái xa chỗ ùn tắc do vụ tai nạn, hướng về phía cầu trên phố 59, trong đầu bây giờ là hình ảnh những gì học được trong quyển sách một giờ trước, quyển sách dán đầy những tờ ghi chú, và nghĩ xem cần sử dụng kỹ năng mới như thế nào.

“Tôi không... Tôi không biết phải nói gì cả.”

Một cách khổ sở, Lon Sellito nhìn lên người chỉ huy đến trực tiếp từ Sở chỉ huy cảnh sát New York ngay sau khi ông ta biết về vụ nổ súng. Sellito ngồi trên vỉa hè, mái tóc nghiêng sang một bên xoa xụi, bụng vượt qua thắt lưng, tảng thịt béo hồng hiện ra giữa những nút áo. Đôi giày mòn hướng ra ngoài. Lúc này, trông anh ta hoàn toàn luộm thuộm.

“Chuyện gì đã xảy ra?” Viên chỉ huy to lớn, hói đầu người Mỹ - Phi lấy khẩu súng khỏi Sellito và giữ nó bên cạnh, không có đạn, ổ đạn mở ra, theo đúng các nguyên tắc sau khi một sĩ quan cảnh sát nổ súng.

Sellito nhìn vào đôi mắt của người đàn ông cao lớn và nói: “Tôi đã luống cuống với khẩu súng của mình”.

Viên chỉ huy gật đầu chậm rãi và quay sang Amelia Sachs. “Cô ổn chứ?”

Cô nhún vai. “Không có gì cả. Viên đạn bắn vào đầu đó không gần chỗ tôi.”

Sellito có thể thấy viên chỉ huy biết rằng cô ấy không quan tâm tới sự việc, làm ra vẻ như nó không quan trọng lắm. Việc cô bảo vệ anh viên cảnh sát to béo thậm chí càng cảm thấy khổ sở hơn.

“Dù sao thì cô cũng gặp nguy hiểm”, viên chỉ huy nói.

“Nó không hề...”

“Cô có thấy nguy hiểm không?”

“Vâng, thưa ngài.” Sachs nói.

Viên đạn 38 ly đã bay cách cô chỉ gần một mét. Sellito biết điều đó. Cô biết điều đó.

Không gần chỗ tôi...

Viên chỉ huy xem xét căn nhà kho. “Điều này không xảy ra, hung thủ vẫn trốn thoát?”

“Vâng”, Bo Haumann nói.

“Anh có chắc là nó không liên quan tới việc hung thủ trốn thoát chứ? Sẽ có người điều tra về vấn đề này.”

Người chỉ huy đội ESU gật đầu. “Có vẻ như hung thủ đã trèo lên mái nhà kho và chạy theo hướng bắc hoặc nam - nhiều khả năng là nam. Phát đạn” - anh hất đầu về phía khẩu súng của Sellito, - “xảy ra ngay sau khi chúng tôi đã bảo đảm các tòa nhà kế cận an toàn.”

Sellito nghĩ một lần nữa, Chuyện gì đang xảy ra với mình vậy?

Phụp, phụp, phụp...

Viên chỉ huy hỏi: “Tại sao cậu lại rút súng ra?”

“Tôi không nghĩ rằng sẽ có người đi lên qua cửa tầng hầm.”

“Cậu không nghe thấy tin truyền qua điện đàm về việc tòa nhà đã được kiểm tra kỹ à?”

Một chút lưỡng lự. “Tôi không nghe thấy.” Lần gần nhất mà Lon Sellito nói dối một chỉ huy là để bảo vệ một tay lính mới đã không làm theo những bước như quy định khi anh ta cố cứu một nạn nhân bị bắt cóc, và anh đã chủ ý làm như vậy. Đó là một lời nói dối vô hại. Còn đây là lời nói dối để bao biện cho mình và khi thốt ra điều đó, anh đau đớn như bị gãy một chiếc xương.

Viên chỉ huy nhìn quanh hiện trường. Một vài sĩ quan ESU đi loang quanh. Không ai nhìn Sellito. Họ có vẻ cảm thấy xấu hổ thay cho anh. Viên chỉ huy cuối cùng nói: “Không có thương tích, không có thiệt hại nghiêm trọng về tài sản. Tôi sẽ làm một bản báo cáo, nhưng có thể sẽ có hoặc không có một ban thẩm tra về vụ nổ súng. Tôi sẽ không đề cập đến nó.”

Sellito thở phào như vừa nhấc được hòn đá ra khỏi ngực mình. Một ban thẩm tra về vụ nổ súng chỉ cách một bước ngắn tới cuộc điều tra của bộ Nội vụ và điều đó sẽ ảnh hưởng tới thanh danh sau này. Ngay cả khi bạn trong sạch, những vết nhọ lưu lại trong hồ sơ một thời gian dài, rất dài. Đôi khi là mãi mãi.

“Anh muốn có chút thời gian để nghỉ ngơi chứ?”, viên chỉ huy hỏi.

“Không, thưa ngài.” Sellito trả lời một cách quả quyết.

Điều tồi tệ nhất trong thế giới của anh - hay bất cứ một cảnh sát nào - là phải nghỉ việc một thời gian sau sự vụ như thế này. Anh sẽ suy nghĩ một thời gian dài, sẽ nhồi nhét mình ngập trong đồng hồ ăn vặt, sẽ rơi vào tâm trạng cáu kỉnh đáng ghét với bất cứ ai xung quanh. Và anh thậm chí còn hoảng sợ hơn cả lúc này. (Anh vẫn còn nhớ sự xấu hổ khi nhảy như một cô bé học sinh vì tiếng nổ máy của xe tải lúc trước đó.)

“Tôi không biết.” Viên chỉ huy có quyền đưa ra yêu cầu tạm nghỉ việc bắt buộc, ông muốn hỏi ý kiến của Sachs nhưng điều đó có lẽ là không đúng. Cô ấy là một thanh tra trẻ, cấp thấp. Sự do dự của viên chỉ huy trong việc đưa ra quyết định vẫn là nhằm tạo cơ hội cho Sachs xen vào. Để nói, có thể là, Này, Lon, đây là một ý tốt đấy. Hoặc: Được rồi. Chúng tôi sẽ giải quyết công việc mà không cần cậu.

Thay vào đó, cô chẳng nói gì hết. Mà họ đều ngầm hiểu rằng đó là một phiếu ủng hộ cho sự giúp đỡ của ông. Viên chỉ huy hỏi: “Tôi hiểu một vài nhân chứng bị giết ngay trước mặt cậu ngày hôm nay, đúng không? Điều đó chắc có ảnh hưởng tới cậu chứ?”

Có, không...

“Thật khó để nói được.”

Lại là một cuộc tranh cãi dài khác. Nhưng dù nói bất cứ điều gì về một vị lãnh đạo, phải nhớ rằng họ không phải được thăng cấp trong Sở cảnh sát New York mà không hề biết chút gì về cuộc sống trên đường phố và ảnh hưởng của nó tới một cảnh sát. “Được rồi, tôi sẽ vẫn cho cậu tiếp tục làm việc. Nhưng cậu nên đến gặp một chuyên gia tâm lý.”

Mặt anh nóng ran. Rùng mình. Nhưng anh nói: “Chắc chắn rồi. Tôi sẽ lên lịch hẹn ng, thưa ngài”.

“Tốt lắm. Và hãy thường xuyên báo cáo tình hình cho tôi.”

“Vâng, thưa ngài.”

Viên chỉ huy trả lại khẩu súng cho Sellito và đi bộ về Sở chỉ huy cùng với Bo Haumann. Sellito và Sachs đi về phía xe phản ứng nhanh của đơn vị Khám nghiệm hiện trường vừa mới đến.

“Amelia...”

“Quên nó đi, Lon. Sự việc đã xảy ra và cũng kết thúc rồi. Những phát đạn từ đồng đội là điều có thể xảy ra thường xuyên.” Theo thống kê, các cảnh sát có nhiều nguy cơ bị bắn bởi chính những viên đạn của đồng đội hơn là bởi tội phạm.

Viên cảnh sát to lớn nặng nề lắc đầu. “Tôi chỉ...” Sellito không biết phải nói gì nữa.

Một khoảng im lặng kéo dài khi họ đi về phía chiếc xe buýt. Cuối cùng Sachs nói: “Một điều, Lon. Thế giới quay vòng quanh. Anh biết nó như thế nào. Nhưng không một ai ở ngoài biết về câu chuyện này. Và nếu có thì không phải từ tôi”. Không giữ điện đàm - một dạng mạng lưới truyền tin đồn của cảnh sát - Lincoln Rhyme chỉ biết về sự việc từ một trong những cảnh sát.

“Tôi không thắc mắc về điều đó.”

“Tôi biết”, cô nói. “Chỉ nói với anh rằng tôi sẽ xử lý sự việc như thế nào.” Cô bắt đầu tháo dỡ trang thiết bị nghiên cứu hiện trường.

“Cảm ơn”, anh nói với một giọng trầm đặc. Và nhận ra những ngón tay trên bàn tay trái của mình lại thò lên vị trí của vết máu vô hình trên má.

Phụp, phụp, phụp...

“Không có nhiều thông tin lắm, Rhyme.”

“Cứ nói đi”, anh nói qua tai nghe.

Trong bộ quần áo Tyvek màu trắng, cô đang khám nghiệm hiện trường theo phương pháp kẻ ô vuông tại căn hộ nhỏ - hay nói đúng hơn là nơi ẩn náu tạm thời của nghi phạm, họ biết điều đó bởi sự sơ sài của nó.

Hầu hết những tên giết người chuyên nghiệp đều có một nơi như vậy. Chúng cất giấu vũ khí và các nhu yếu phẩm ở đó, tận dụng nó như là một trạm nghỉ, một chỗ trú để tránh những ọc tấn công đồng thời là một chỗ ẩn mình nếu như công việc có chuyển biến xấu.

“Có những gì bên trong?”, anh hỏi.

“Một chiếc giường nhỏ, một cái bàn và một cái ghế. Đèn bàn. Một chiếc ti vi nối với camera an ninh treo ở hành lang bên ngoài. Đó là một hệ thống Kỹ thuật thu phát nhưng hần đã xóa miếng dán ghi số seri nên chúng ta không thể biết nó được mua từ khi nào và ở đâu. Em tìm thấy những sợi dây điện và các đầu chuyển cho nguồn điện hần gắn vào cánh cửa. Những bức ảnh tĩnh điện cho thấy dấu giày khớp với dấu giày Bass chúng ta đã có. Em đã quét sạch mọi góc ngách và không tìm thấy một dấu tay nào. Đeo găng tay chính ngay trong chỗ ẩn náu - hần đang làm cái gì nhỉ?”

Rhyme suy đoán: “Ngoài sự thật là hần quá thông minh? Nhiều khả năng hần không bảo vệ căn hộ thực sự cẩn thận và biết trước rằng nó sẽ bị phát hiện một lúc nào đó. Anh chỉ cần một dấu tay mà thôi. Chắc chắn hần nằm trong danh sách đen ở đâu đó rồi. Có thể là rất nhiều nơi”.

“Em tìm thấy phần còn lại của bộ bài tarot, nhưng không có nhân cửa hàng. Và lá bài thiếu duy nhất là lá bài số mười hai, lá bài hần để lại hiện trường. Được rồi, em sẽ tìm kiếm tiếp.”

Cô tiếp tục khám xét bằng cách đi ô vuông một cách cẩn thận - dù cho căn hộ nhỏ và ta có thể quan sát hầu hết căn phòng chỉ đơn giản bằng cách đứng ở giữa và xoay ba trăm sáu mươi độ. Sachs tìm thấy một phần bằng chứng được cất giấu: Khi đi qua chiếc giường, cô phát hiện một mẫu nhỏ thò ra bên dưới chiếc gối và rút nó ra, mở miếng giấy gấp một cách cẩn thận.

“Có một vật gì đó ở đây, Rhyme. Tầm bản đồ con phố có bảo tàng Mỹ - Phi. Có rất nhiều chi tiết ghi chép về các hành lang, con hẻm và lối vào, lối thoát của tất cả các tòa nhà xung quanh, nhà kho, bãi đậu xe, đường dẫn nước, lỗ cống, bốt điện thoại trà trước. Hần là một người theo chủ nghĩa hoàn hảo.”

Không có nhiều sát thủ dính vào quá nhiều rắc rối thế này với một công việc được thuê. “Có vài vết gì đó trên nó nữa. Và một vài mẫu vụn. Màu nâu.” Sachs hít thở. “Tối. Mẫu vụn như kiểu thức ăn.” Cô thả tầm bản đồ vào trong một chiếc phong bì nhựa và tiếp tục tìm kiếm.

“Em có thêm ít sợi vải nữa, giống với những thứ trước - sợi thừng cotton, em đoán vậy. Một ít bụi bẩn. Vậy đây.”

“Ước gì anh có thể thấy hiện trường.” Giọng của Lincoln dần dần chuyển sang im lặng.

“Rhyme?”

“Anh đang tưởng tượng trong đầu”, anh thì thầm. Im lặng một chút nữa. Rồi tiếp: “Có gì trên mặt bàn không?”

“Không có gì cả. Em đã nói...”

“Anh không ám chỉ cái gì trên mặt bàn. Ý anh là, nó có vết gì không? Mực? Hình vẽ? Vết dao? Hay là vết đáy cốc cà phê?” Anh nói tiếp bằng một giọng gay gắt: “Khi một hung thủ bất lịch sự đến mức không để lại hóa đơn tiền điện nằm đâu đó, ta phải lấy những gì ta có thể”.

À, vậy là cái tâm trạng tốt lành đã chính thức tan biến.

Cô kiểm tra kỹ cái mặt bàn bằng gỗ. “Nó có vết, đúng vậy. Vết xước và vết hằn.”

“Bằng gỗ à?”

“Đúng.”

“Lấy một ít mẫu về đây. Dùng một con dao và cạo bề mặt.”

Sachs tìm thấy một con dao mổ trong túi đựng dụng cụ khám nghiệm. Giống với những con dao được dùng trong phòng phẫu thuật, nó được tiệt trùng và đóng gói trong tờ giấy và túi nhựa. Cô cạo cẩn thận một ít gỗ ở bề mặt và đặt chúng vào những chiếc túi nhựa nhỏ.

Khi cúi xuống, cô phát hiện ra một tia sáng lóe ra từ mép bàn. Sachs nhìn kỹ hơn.

“Rhyme, tìm thấy một vài giọt chất lỏng. Nó trong suốt.”

“Trước khi em lấy một ít mẫu về, thử cho vào một giọt với một ít Mirage xem. Đi cùng với Exspray số Hai. Gã này rất thích kiểu đồ chơi chết người.”

Công nghệ Mirage tạo ra một hệ thống phát hiện chất gây nổ một cách nhanh chóng và hiệu quả. Expray số Hai có thể phát hiện những chất nổ nhóm B, gồm có những chất nitroglycerin trong suốt và tính không ổn định cao, chỉ cần một giọt cũng có thể thổi bay bàn tay.

Sachs kiểm tra một giọt. Nếu như đó là chất nổ, thì nó sẽ chuyển sang màu hồng. Không có gì thay đổi. Cô tiếp tục thử cũng giọt đó bằng Spray số Ba, chỉ để bảo đảm rằng - nó sẽ chỉ ra sự có mặt của bất cứ nitrat nào, nhân tố chủ chốt trong hầu hết các chất nổ, không chỉ nitroglycerin.

“m tính, Rhyme.” Cô lấy giọt thứ hai của chất lỏng ấy và đưa vào một ống thủy tinh, đập kín nó lại.

“Thế là xong rồi, Rhyme.”

“Mang tất cả về đây, Sachs. Chúng ta cần nhanh chân hơn gã này. Nếu hắn có thể trốn thoát đội ESU dễ dàng như vậy, điều đó có nghĩa là hắn cũng có thể tiếp cận Geneva nhanh tương tự.”

15. Chương 15

Cô đã vượt qua một cách xuất sắc.

Tuyệt.

Hai mươi tư câu hỏi trong bài chọn đáp án đúng - tất cả đều đúng, Geneva Settle biết thế. Và cô đã viết bảy trang giấy cho câu hỏi ở bài luận mà chỉ yêu cầu bốn tờ.

Quá tuyệt...

Cô đang nói với thanh tra Bell về việc mình đã làm tốt như thế nào và anh ta gật đầu - điều đó nói với cô bé rằng anh ta không lắng nghe, chỉ đang kiểm tra các giảng đường - nhưng ít nhất vẫn giữ một nụ cười trên mặt và cô

bé đã vờ như là anh vẫn nghe mình nói. Và thật là kỳ cục vì cô cảm thấy tốt hơn khi nói huyền thuyên như thế này. Chỉ nói với anh ta về những câu hỏi mẹo mà giáo viên đã đưa ra trong bài luận, cái cách mà Lynette Tompkins thì thầm: “Chúa ơi, cứu con với”, khi cô bạn này nhận ra rằng mình đã học sai chủ đề. Không một ai ngoại trừ Keesh hứng thú với việc nghe cô kể đi kể lại như thế.

Giờ, cô có bài kiểm tra toán. Geneva không thích tính toán lắm nhưng cô biết tài liệu cần thiết nên đã học và thuộc nằm lòng nó rồi.

“Này cậu!” Lakeesha chạy xuống bậc thang bên cạnh. “Cậu vẫn ở đây à?” Đôi mắt mở to. “Cậu gần như bị giết sáng nay mà chả lo lắng sợ hãi gì cả. Thật là điên rồ.”

“Chà. Nghe như là cậu đang ép tớ vậy.”

Keesh vẫn chơi cái trò ‘snapping’, mà Geneva biết sẽ như vậy...

“Cậu đã đạt điểm A rồi. Sao cậu vẫn đến làm bài kiểm tra làm gì?”

“Nếu tớ không đến, thì tớ sẽ không đạt được điểm A.”

Cô gái to lớn liếc nhìn thanh tra Bell với một cái cau mày. “Ông nói xem, đáng ra ông phải đang ở ngoài truy lùng cái kẻ khốn nạn tấn công bạn gái thân thiết của tôi ở đây.”

“Chúng tôi có hàng chục người đang làm điều đó.”

“Bao nhiêu? Và họ đang ở đâu?”

“Keesh!” Geneva thì thầm.

Nhưng thanh tra Bell cười nhạt. “Hàng chục người.”

Nhanh lên, nhanh lên.

Geneva hỏi bạn: “Vây, bài kiểm tra Văn minh thế giới của cậu thế nào?”

“Thế giới không văn minh. Nó chán chết.”

“Nhưng cậu không bỏ nó?”

“Nói với cậu là tớ có làm. Khá tốt, nhóc. Tớ làm hết sức mình rồi. Khá chắc chắn là sẽ được điểm C. Ít nhất là thế. Có thể thậm chí điểm B.”

“Hài thật.”

Họ đi đến ngã tư hành lang và Lakeesha rẽ sang trái. “Gặp sau nhé. Gọi tớ vào buổi chiều.”

“Nhất trí.”

Geneva tự cười với mình khi nhìn cô bạn gái bốc hơi qua những hành lang. Keesh trông giống với bất cứ cô gái xinh xắn, quyến rũ, với bộ quần áo bó sát sắc sảo, những móng tay nhìn thật đáng sợ, tóc búi căng và những đồ trang sức rẻ tiền. Nhảy nhót thật sexy với các bài nhạc của L.L. Cool J, Twista và Beyoncé. Sẵn sàng nhảy vào những cuộc chiến - thậm chí nhảy ra trước mặt mấy cô gái giang hồ (đôi khi cô vẫn mang theo một con dao rọc giấy hoặc dao bấm). Keesh đôi khi có dịp được làm DJ và tự gọi mình là Def Mistress K khi đứng trên bàn DJ tại những cuộc nhảy ở trường - và ở các hộp đêm nữa, những nơi mà bảo vệ thường cho cô ấy đi qua dù chưa đủ hai mươi một tuổi.

Nhưng thực ra, một người quậy phá như cô ấy vẫn giả vờ như vậy. Cô ấy có thể mang trên mình những chiếc móng tay giả kinh dị hay những lọn tóc ba đô la rẻ tiền. Đối với Geneva, điều đó rất rõ ràng: nếu nghe kỹ, ta có thể nói rằng tiếng Anh chuẩn là ngôn ngữ mẹ đẻ của cô ấy. Nghe cách nói của cô ấy có vẻ giống với những nhân vật hoạt hình da đen chọi búa nhưng thực ra họ đều nói không đúng. Cô ấy có thể nói: “Tớ ở nhà Sammy đêm hôm qua[26]”. Nhưng một người nói ngôn ngữ Ebonics[27] thực sự - cụm từ đúng về mặt chính trị là tiếng Anh của người Mỹ gốc Phi (AAVE) - sẽ không nói như vậy; họ sẽ nói: “Tôi đã ở nhà

Sammy[28]”. Động từ “be” chỉ được dùng cho hành động đang xảy ra hoặc xảy ra trong tương lai, giống như: “Tớ đang làm việc ở Blockbuster các cuối tuần[29]” Hoặc là “Tớ sẽ đi Houston với cô tháng sau[30]”

[26] Nguyên văn: I be at Sammy’s last night.

[27] Ngôn ngữ của cộng đồng người có nguồn gốc từ các nô lệ da đen châu Phi.

[28] Nguyên văn: I was at Sammy’s last night.

[29] Nguyên văn: I be working at Blockbuster every weekend.

[30] Nguyên văn: I be going to Houston with my aunt next month.

Hoặc Keesh sẽ nói: “Tớ sẽ là người đầu tiên đăng ký[31]” Nhưng đó không phải là AAVE, bởi AAVE không bao giờ bỏ động từ “to be” với ngôi thứ nhất, chỉ ở ngôi thứ hai và thứ ba: “Anh ta sẽ là người đầu tiên đăng ký[32]” là đúng. Nhưng với những người bình thường, nghe như cô ấy lớn lên ở một khu ổ chuột vậy.

[31] Nguyên văn: I the first one to sign up.

[32] Nguyên văn: He the first one to sign up.

Những điều khác nữa: rất nhiều các cô gái khoe khoang về việc thó đồ từ các cửa hiệu. Nhưng Keesh không bao giờ lấy gì nhiều hơn một cái lọ nước lau móng tay hoặc các lọ tóc giả. Cô ấy thậm chí còn không mua đồ trang sức bán rong trên phố từ bất cứ một ai thó nó từ một khách du lịch, và cô gái to lớn cũng nhanh chóng rút điện thoại ra và gọi cho 911 về những đứa nhóc đáng ngờ lượn quanh hành lang của các tòa nhà vào “mùa săn” - thời gian trong tháng khi mà các cơ quan phúc lợi, và tiền trợ cấp xã hội bắt đầu ngập đầy các hòm thư.

Keesh kiếm tiền chi trả bằng cách của mình. Cô ấy làm hai việc một lúc - làm tóc và làm nhân viên thu ngân trong một nhà hàng bốn ngày một tuần (nó nằm ở Manhattan nhưng cách Harlem về phía nam hàng dặm, để bảo đảm rằng không gặp phải người quen, mà có thể làm lộ ra vỏ bọc là một DJ trên phố 124). Cô ấy tiêu xài một cách cẩn thận và dành dụm các khoản thu của mình để giúp đỡ gia đình.

Tuy nhiên, vẫn còn một mặt của Keesh khiến cô ấy khác biệt với rất nhiều cô gái khác ở Harlem. Cô ấy và Geneva đều thuộc dạng đôi khi được gọi là “Hội chị em của chẳng nhóm nào”. Ý là, không tình dục. (Chà, trên đũa, bốn cột thì không thành vấn đề gì cả, nhưng, như một người bạn của Geneva nói: “Nghĩa là chẳng có gã trai nào nhét cái ấy vào trong mình cả”, và đúng là thế thật.) Cả hai cô bé đều giữ hiệp ước về trinh tiết khi còn học ở trường trung học. Điều này khiến họ trở thành số ít. Phần lớn các nữ sinh ở Langston Hughes đã ngủ với bạn trai vài năm rồi.

Các nữ sinh tuổi thành niên ở Harlem rơi vào hai nhóm và sự khác biệt được định rõ bởi một hình ảnh: mang thai. Có những cô bé vác bụng đi trên phố và có những cô thì không. Và chẳng có gì quan trọng việc bạn đọc Ntozake Shange hay Sylvia Path hoặc là không biết chữ, không cần biết bạn mặc áo ba lỗ màu cam hay những búi tóc mua từ cửa hàng hay áo blouse trắng và những chiếc váy xếp li... nếu bạn kết thúc với kết quả thuộc nhóm có bầu, thì cuộc đời của bạn sẽ chuyển sang một hướng hoàn toàn khác với những cô gái ở nhóm kia. Một đứa trẻ trong bụng không có nghĩa là kết thúc việc học hành và sự nghiệp nhưng nó lại thường là như vậy. Ngay cả khi nếu không phải thế, một nữ sinh mang bầu có thể sẽ phải chịu đựng một khoảng thời gian khó khăn đau khổ.

Mục tiêu kiên định của Geneva là biến khỏi Harlem ngay khi có cơ hội đầu tiên, đến với Boston hay New Haven để lấy một hoặc hai bằng đại học rồi sẽ tiến tới Anh, Pháp hay Ý. Ngay cả một nguy cơ nhẹ nhàng nhất như mang bầu với khả năng làm hỏng kế hoạch cũng là không thể chấp nhận được. Lakeesha thì không chú trọng đến việc học cao hơn nhưng cô ấy cũng có những tham vọng của mình. Keesha đã đi xem một vài trường cao đẳng thời gian học bốn năm và như một nữ doanh nhân da đen thông minh giàu có, rất thành công ở Harlem. Cô sẽ trở thành một Frederick Douglass hay là Malcolm X của khu thương mại vùng ngoại ô.

Chính những suy nghĩ chung này đã khiến những cô gái trong nhóm khác không ưa hai cô bé. Và giống với hầu hết những mối quan hệ sâu sắc, sự liên kết giữa họ thường trái ngược với định nghĩa về tình bạn thân.

Keesh cho thấy điều này rõ ràng nhất một lần khi gơ cánh tay đầy vòng của mình lên vẫy vẫy, với những ngón tay có móng giả sơn chấm bi, và nói bằng một thứ tiếng Anh đúng với quy tắc không cần thỏa thuận ở ngôi thứ ba số ít của AAVE: “Gì đi nữa, nhóc. Nó có tác dụng, nhĩ[33]?”

[font color="#0070C0">33] Nguyên văn: “Whatever, girlfriend. It work, don’t it?”

Và, tất nhiên, nó vẫn đúng.

Geneva và thanh tra Bell lúc này đã đến lớp học toán. Anh chọn một vị trí bên ngoài cửa. “Chú sẽ ở đây. Sau bài kiểm tra, đợi chú bên trong. Chú sẽ cho ô tô đến khu vực trước cửa.”

Cô bé gật đầu rồi quay vào trong lớp rồi lại lưỡng lự, nhìn về sau. “Cháu muốn nói một điều, thưa chú.”

“Gì vậy?”

“Cháu biết là đôi khi mình không hợp tác. Bướng bỉnh, cứng đầu, như mọi người vẫn nói. Chà, phần lớn thì họ đều bảo cháu là cái nhọt ở mông. Nhưng, cảm ơn vì những gì chú đang làm cho cháu.”

“Chỉ là công việc của chú thôi. Hơn nữa, một nửa số nhân chứng và những người chú bảo vệ không bằng cả cái mặt đường bê tông mà họ đang bước đi trên đó. Chú thấy vui khi được để mắt tới ai đó tốt bụng. Nào, giờ thì sẵn sàng hoàn thành tiếp hai mươi tư câu chọn đáp án đúng nào.”

Cô nháy mắt. “Chú đã lắng nghe cháu? Cháu cứ nghĩ là chú không để ý những gì cháu nói.”

“Chú có nghe chứ. Và quan sát xung quanh cho cháu. Dù chú sẽ thừa nhận là, làm hai việc cùng một lúc hơi quá khả năng của mình. Không thể mong gì hơn thế nữa. Được rồi, giờ... Chú sẽ ở đây đến khi cháu đi ra.”

“Và cháu sẽ trả lại chú tiền bữa trưa.”

“Chú đã nói với cháu là nhà nước sẽ lo việc này mà.”

“Chỉ là, chú trả tiền cho bữa trưa bằng tiền túi của mình - và chú không lấy hóa đơn.”

“Nào, nhìn xem. Cháu cũng để ý những chuyện vặt vãnh nhĩ.”

Ở trong lớp, Geneva nhìn thấy Kevin Cheaney đang đứng ở cuối phòng, nói chuyện với vài cậu bạn trong nhóm. Cậu ấy hất đầu, nở một nụ cười, bước về phía cô. Gần như mọi đứa con gái trong phòng học - dù là xinh xắn hay bình thường - dõi theo bước đi của cậu ấy. Ngạc nhiên - rồi sốc - lóe lên trong mắt khi họ nhìn thấy cậu ta đang đi về phía ai.

Này, cô nghĩ một cách đặc chí, hãy đóng lại nghĩ trong đầu các cô đi.

Tôi đang ở trên thiên đường. Geneva Settle cúi xuống, mặt nóng ran.

“Này, nhóc”, cậu ta nói, bước tới gần hơn. Cô ngửi thấy mùi nước làm mềm da sau khi cạo râu của cậu ta. Tự hỏi nó là loại gì nhĩ. Có thể cô sẽ tìm hiểu ngày sinh nhật cậu ta và mua tặng một vài lọ.

“Chào”, cô nói, giọng run run, hắng giọng. “Chào.”

Được rồi, cô đã có khoảnh khắc vinh quang trước cả lớp - mà có thể sẽ là mãi mãi. Nhưng giờ đây, một lần nữa, tất cả những gì cô có thể nghĩ tới là giữ một khoảng cách với cậu ta, bảo đảm chắc chắn rằng cậu ta không vì cô mà bị liên lụy. Geneva sẽ nói cho cậu ta biết ở gần cô sẽ nguy hiểm tới mức nào. Quên cái trò chửi nhau, quên những chuyện đùa cợt về mẹ của cậu đi. Phải nghiêm túc. Nói với cậu ta điều mình thực sự cảm thấy: Rằng mình lo lắng cho cậu.

Nhưng trước khi có thể nói bất cứ điều gì, cậu ta ra hiệu cho cô đi về phía cuối lớp. “Đi lại đây. Có thứ cho cậu này.”

Cho mình á? Cô nghĩ. Hít một hơi thật sâu và đi theo cậu ta tới góc lớp.

“Này. Một món quà cho cậu.” Cậu ta giúi một thứ gì đó vào tay cô. Bằng nhựa màu đen. Cái gì thế nhĩ? Một chiếc điện thoại? Máy nhắn tin? Chúng ta không được phép mang những thứ này vào trường. Tim Geneva vẫn đập mạnh, thắc mắc không hiểu mục đích của món quà. Có phải là để gọi cho cậu ấy khi cô gặp nguy hiểm? Hay là để có thể giữ liên lạc với cô bất cứ khi nào cậu ấy muốn?

“Cái này thật tuyệt”, cô nói, xem xét nó. Cô nhận ra rằng nó không phải là một cái điện thoại hay máy nhắn tin, nhưng là một dạng kiểu như thế. Giống một cái Palm Pilot.

“Có trò chơi, truy cập mạng, thư điện tử. Tất cả đều dùng mạng không dây. Chả hiểu nó làm thế nào.”

“Cảm ơn. Chỉ là... ừm, nó có vẻ đắt tiền, Kevin. Mình không biết sử dụng..

“À, không có gì, nhóc. Cậu có nó bằng công sức của mình đấy chứ..

Cô nhìn lên vào cậu ta: “Tớ kiểm nó bằng sức mình?”

“Nghe này. Không vấn đề gì cả. Tớ và mấy thằng bạn đã thử rồi. Nó được kết nối với cái của tớ.” Cậu ta vỗ vỗ vào túi áo sơ mi “Những gì cậu cần làm là, điều đầu tiên cần phải ghi nhớ, giữ chặt nó ở giữa hai chân cậu. Sẽ tốt hơn nếu cậu mặc váy. Giáo viên sẽ không kiểm tra ở đấy đâu, không thì họ sẽ gặp rắc rối với pháp luật, hiểu chứ? Giờ, câu hỏi đầu tiên trong bài kiểm tra, cậu nhấn vào cái nút này ở đây. Thấy chứ? Rồi sau đó nhấn cái nút cách này và rồi điền câu trả lời vào. Cậu hiểu ý mình chứ?”

“Câu trả lời?”

“Này, nghe này, quan trọng lắm. Cậu sẽ phải nhấn nút này để gửi nó cho mình. Cái nút nho nhỏ với một cái ăng ten. Nếu cậu không nhấn thì nó sẽ không gửi đâu. Câu hỏi thứ hai, nhấn hai. Rồi nhấn câu trả lời.”

“Mình không hiểu.”

Cậu ta cười, tự hỏi sao cô lại không hiểu ý mình. “Cậu nghĩ sao? Chúng ta thỏa thuận nhé, nhóc. Tớ sẽ bảo vệ cậu trên phố. Cậu sẽ ‘bảo kê’ cho tớ trong lớp học.”

Geneva như bị một cú tát vào mặt khi nhận ra ý đồ của Kevin, ngược lên nhìn, vẻ chán nản. “Ý cậu là gian lận.”

Cậu ta cau mày. “Đừng có nói to.” Nhìn xung quanh.

“Cậu đùa à. Đây là trò đùa.”

“Trò đùa? Không, nhóc. Cậu đang giúp tớ.”

Không phải một câu hỏi. Một mệnh lệnh.

Cô cảm thấy như mình sắp nôn ọe. Cô thở dốc. “Tớ sẽ không làm việc này.” Cô đưa chiếc máy ra. Cậu ta không cầm lấy nó.

“Vấn đề của cậu là gì? Có rất nhiều đứa con gái giúp tớ.”

“Alicia”, Geneva thì thầm đầy giận dữ, gật gật đầu và nhớ lại về cô bạn từng học cùng lớp với họ cho đến gần đây, Alicia Goodwin, một cô gái thông minh, một thiên tài toán học. Cô ấy vừa rời trường vì gia đình chuyển tới Jersey. Cô ấy và Kevin rất gần gũi với nhau. Vậy thì tất cả là thế: Khi cậu ta mất đi cạ bao che, Kevin đã tìm một người mới và chọn Geneva, một học sinh tốt hơn so với người ‘tiền nhiệm’ nhưng không được xinh đẹp bằng. Geneva tự hỏi liệu cô nằm ở số bao nhiêu trong danh sách ấy. Nổi tức giận và đau đớn gào thét trong Geneva như ngọn lửa trong cái đầu máy xe lửa.

Nó thậm chí còn tồi tệ hơn cả những gì xảy ra ở thư viện buổi sáng ngày hôm nay. Ít nhất thì cái gã đeo mũ trùm cũng không hề vờ là bạn cô.

Lạy thánh Judas...

Geneva rít lên. “Cậu đã có cả tá cô gái cho cậu những câu trả lời... Điểm trung bình của cậu sẽ là bao nhiêu nếu không có họ?”

“Tớ không ngốc nghếch thế đâu”, cậu ta thì thầm đầy tức giận. “Chỉ là, tớ chẳng cần phải học những cái vớ vẩn này. Tớ sẽ chỉ chơi bóng và sẽ có hàng đồng séc để ký cho đến cuối đời. Sẽ tốt hơn cho mọi người khi để tớ luyện tập, thay vì học hành.”

“Cho mọi người.” Cô cười một cách chua chát.

“Vậy thì đó là nơi điểm số của cậu có được: Cậu ăn cắp nó. Cũng giống như chòm chĩa sợi dây vàng của một ai đó ở quảng trường Thời đại mà thôi.”

“Này, nhóc, tớ nói cho cậu biết, cẩn thận cái mồm cậu đấy.” Cậu ta thăm thì đe dọa.

“Tớ sẽ không giúp cậu.” Cô lẩm bẩm.

Thế là cậu ta cười, nhìn cô chăm chăm bằng đôi mắt nheo lại. “Tớ sẽ cho cậu thấy việc cậu làm có giá trị. Cậu có thể đến nhà tớ bất cứ lúc nào cậu muốn. Tớ sẽ làm cho cậu sung sướng. Tớ thậm chí sẽ hôn chỗ ấy của cậu. Tớ biết khả năng của mình trong lĩnh vực đó.”

“Chết đi cho khuất mắt”, cô gào lên. Đầu quay đi.

“Nghe này”, cậu ta gần giọng, túm chặt lấy cánh tay cô. Đau. “Mông của mày lép xẹp như đũa nhóc mười tuổi và mày đi luẩn quẩn như một ả tóc vàng đến từ Long Island, cho rằng mình hơn tất cả những người khác. Một con diêm với cái đầu bù xù như mày đừng có mà kén cá chọn canh, mày hiểu tao đang nói gì không? Mày kiếm được ở đâu ai tốt hơn tao chứ?”

Geneva thở mạnh trước sự xỉ nhục. “Mày thật là ghê tởm.”

“Được rồi. Tốt thôi. Mày không có hứng thú, hay đấy. Tao trả công cho mày để mày giúp tao. Mày muốn bao nhiêu nào? Một tờ một trăm đô? Hai? Tao có tiền. Nào, nói giá mày muốn đi. Tao phải qua bài thi này.”

“Vậy thì học đi”, cô chửi rửa và ném cái máy vào cậu ta.

Cậu ta bắt nó với một tay và giật mạnh cô về phía mình bằng tay còn lại.

“Kevin”, giọng một người đàn ông nghiêm khắc cất lên.

“Mẹ kiếp”, cậu trai thì thào trong nỗi tức giận, nhắm chặt mắt lại một giây, thả tay cô bé ra.

Ông Abrams, thầy giáo môn toán, bước tới và lấy chiếc máy đi. ông nhìn nó. “Đây là cái gì?”

“Bạn ấy muốn em giúp bạn ấy gian lận trong bài kiểm tra”, Geneva nói.

“Con chó này thật là... Đây là của nó và nó...”

“Thôi nào, chúng ta sẽ về văn phòng thôi”, ông nói với Kevin.

Cậu ta nhìn Geneva chăm chăm với đôi mắt lạnh lùng. Cô cũng quắc mắt lại.

Thầy giáo hỏi: “Em ổn chứ, Geneva?”.

Cô đang xoa xoa cánh tay mình chỗ Kevin tóm. Cô hạ thấp tay xuống và gật đầu. “Em muốn vào nhà vệ sinh một vài phút.”

“Đi đi.” Ông nói với cả lớp, tất cả nhìn chăm chăm, đều im lặng. “Chúng ta sẽ có mười phút tự học trước khi bước vào bài kiểm tra.” Rồi ông dẫn Kevin ra khỏi cửa sau lớp học. Cả lớp nhanh chóng rõ lên những tin đồn nhảm, như thể có một ai đó đã tắt cái nút “im lặng” trên ti vi đi. Geneva đợi một chút rồi đi theo.

Nhìn ra phía hành lang, cô thấy thanh tra Bell, đang đứng ở gần cửa trước với cánh tay đan chéo trước ngực. Chú ấy không thấy cô. Cô bước vào hành lang và hòa vào đám đông học sinh đang bước tới lớp học của mình.

Tuy nhiên, Geneva Settle không đi vào nhà vệ sinh nữ. Cô đến tận cuối đường và đi qua cánh cửa vào sân trường vắng lặng, nghĩ: Sẽ không ai được thấy mình khóc.

Kia! Không quá ba mươi mét từ chỗ hẩn đứng.

Tim của Jax đập thật nhanh khi gã thấy Geneva Settle đứng gần đó, ở trong sân trường.

Vua Graffiti đang đứng ở đầu con hẻm bên kia phố, hẩn đã ở đó gần một tiếng đồng hồ, đợi hình bóng của Geneva xuất hiện. Nhưng thậm chí nó còn tốt hơn cả hẩn hy vọng. Cô bé đang ở một mình. Jax xem xét dãy nhà. Có một chiếc xe cảnh sát không sơn phù hiệu, cảnh sát bên trong, ở phía trước cổng trường, nhưng

nó khá xa cô bé và viên cảnh sát đang không nhìn vào sân trường; gã không thể nhìn thấy cô bé ngay cả khi quay đầu lại. Như thế này còn dễ dàng hơn cả Jax đã nghĩ trước đây.

Vậy thì bỏ cái việc đứng luẩn quẩn ở đây đi, hẩn tự nhủ. Đi nhanh lên nào.

Jax lôi một chiếc khăn trùm đầu màu đen ra khỏi túi, trùm cả mái tóc xoăn dày. Len lỏi về phía trước, dừng lại bên cạnh một chiếc xe tải cũ kỹ móp méo, tên cựu phạm nhân dò kỹ khu vực sân trường (mà gọi cho hẩn nhớ lại rất nhiều về cái sân ở trong tù, điện, tất nhiên, hàng rào kẽm gai và những tháp súng). Jax quyết định có thể chạy băng qua phố ở đây và tận dụng một chiếc xe chở hàng của hãng Food Emporium đang đậu dọc vỉa hè, động cơ vẫn còn đang hoạt động. Hẩn có thể tiến tới trong khoảng hơn bảy mét mà không bị Geneva và viên cảnh sát trong ô tô phát hiện. Như thế là quá gần rồi.

Miễn là cô bé còn đang nhìn chăm chăm xuống đất, Jax có thể trượt qua hàng rào mà không bị phát hiện. Cô bé có thể sẽ sợ hãi sau tất cả những gì đã xảy ra với mình, và nếu phát hiện ra Jax đang tiếp cận, hẩn là cô bé sẽ quay đầu chạy, gào thét kêu cứu.

Đi thật chậm, thật cẩn thận.

Nhưng phải di chuyển ngay lúc này. Mày không có cơ hội như thế này một lần nữa đâu.

Jax bắt đầu tiến về phía cô bé, nhắc chân thật cẩn thận để tránh cái chân cà nhắc của mình kéo lê những chiếc lá và có thể làm hẩn bại lộ danh tính.

16. Chương 16

Liệu đó có phải là cách mà mọi việc vẫn luôn như thế?

Có phải là bọn con trai luôn luôn muốn một thứ gì đó từ ta?

Trong trường hợp của Kevin, cậu ta muốn kiến thức của cô. Chà, nhưng liệu cô có buồn và thất vọng như thế không nếu cô có tính cách giống Lakeesha và cậu ta tấn công chỉ đơn giản vì thân xác của cô không?

Không, cô nghĩ một cách đầy giận dữ. Việc đó hoàn toàn khác. Đó là một việc bình thường. Các giáo viên cố vấn nói rất nhiều về tội hiếp dâm, về việc nói không, về việc cần phải làm gì nếu một cậu bạn trai bỗng trở nên quá đỗi hỏi. Cần phải làm gì sau đó, n

u nó xảy ra.

Nhưng họ chẳng bao giờ nói một từ về việc cần phải làm gì nếu như một ai đó muốn chiếm đoạt kiến thức của ta.

Chết tiệt, chết tiệt, chết tiệt!

Cô nghiêng rặng và lau những giọt nước mắt, ném chúng khỏi những đầu ngón tay. Quên cậu ta đi! Cậu ta là một tên khốn không ra gì. Bài kiểm tra toán - đó là tất cả những gì quan trọng nhất mình cần chú tâm.

d trên dx nhân với x mũ n bằng...

Có chuyển động ở bên trái. Geneva nhìn về hướng đó và nheo mắt vì mặt trời, thấy một bóng người đang qua đường, trong bóng của tòa nhà, người đàn ông với một chiếc mũ trùm đen trên đầu và mặc một chiếc áo khoác màu xanh tối. Hẩn đang bước hướng về phía sân trường nhưng sau đó biến mất đằng sau một chiếc xe tải lớn gần đó. Suy nghĩ đáng sợ đầu tiên trong đầu cô là: cái gã ở thư viện đang đến đây tìm cô. Nhưng, không, người đàn ông này da đen. Thoải mái hơn, cô nhìn vào chiếc đồng hồ Swatch của mình. Quay trở lại vào trong.

Chỉ...

Thất vọng, cô nghĩ về những ánh mắt mà mình sẽ nhận được. Những đứa bạn của Kevin, sẽ nhìn cô bằng ánh mắt tầm tối. Những cô nàng đeo đồ lấp lánh, sẽ nhìn cô chăm chăm và cười to.

Oánh nó một trận, oánh con chó cái...

Quên hết tất cả đi. cần quái gì phải quan tâm xem chúng nó nghĩ gì? Bài kiểm tra là vấn đề quan trọng nhất.

d trên dx nhân với x mũ n bằng n nhân x mũ n trừ một...

Khi bắt đầu quay trở lại cánh cửa ngách, cô tự hỏi liệu Kevin có bị đình chỉ không. Hay là có thể bị đuổi học. Cô hy vọng là thế.

d trên dx nhân với...

Đó là lúc cô nghe thấy tiếng bước chân kéo lê từ trên phố. Geneva dừng lại và quay đầu. Cô không nhìn rõ một ai cả, bởi ánh mặt trời chói lóa. Liệu đó có phải là gã da đen trong chiếc áo khoác màu xanh tối đang bám theo cô không?

Tiếng chân dừng lạiay đi, hướng về phía trường, đẩy đi hết mọi suy nghĩ ngoài những quy tắc đầy sức mạnh của toán học.

... bằng với n nhân x mũ n trừ một...

Đó là lúc cô lại nghe thấy tiếng bước chân, di chuyển nhanh. Có một ai đó đang dồn bước về phía trước, nhắm thẳng vào cô. Cô không thể nhìn thấy. Đó là ai? Cô giơ tay lên để che bớt cái ánh nắng gay gắt.

Và rồi nghe thấy tiếng của thanh tra Bell gọi: “Geneva! Đứng yên”.

Anh đang chạy về phía trước, với một ai đó - sĩ quan Pulaski - ở bên cạnh. “Chuyện gì xảy ra vậy? Tại sao cháu lại ra ngoài?”

“Cháu chỉ...”

Ba chiếc xe cảnh sát rít lên gần đó. Thanh tra Bell nhìn lên, hướng về phía chiếc xe tải lớn, neho mắt trong ánh mặt trời. “Pulaski! Hẩn kia kìa. Đi, nhanh lên!”

Họ đang nhìn vào cái bóng đang dần biến mất của người đàn ông cô vừa mới nhìn thấy trước đó, gã mặc chiếc áo khoác màu xanh. Hẩn đang bước thật nhanh, với một chân khập khiễng, chìm vào trong con hẻm.

“Đang đuổi theo hẩn đây.” Người cảnh sát lao nhanh theo hướng nghi phạm. Anh ta len qua chiếc cổng và biến mất vào con hẻm. Rồi nửa tá cảnh sát xuất hiện trong sân trường. Họ tản ra vây xung quanh Geneva và viên thanh tra.

“Chuyện gì đang xảy ra vậy?”, cô bé hỏi.

Nhanh chóng kéo cô bé về phía những chiếc xe cảnh sát, thanh tra Bell giải thích rằng họ mới nhận được tin từ một nhân viên FBI, một ai đó tên là Dellray, làm việc với Rhyme. Một trong số những người săn tin cho anh ta đã biết được việc có một người đàn ông ở Harlem hỏi về Geneva sáng hôm nay, cố tìm nơi cô học và sống. Đó là một người Mỹ gốc Phi và mặc một chiếc áo khoác kiểu quân đội màu xanh tối. Hẩn từng bị bắt vì liên quan đến một vụ giết người một vài năm trước và hiện tại hẩn có vũ khí. Bởi vì kẻ tấn công buổi sáng hôm nay ở bảo tàng là một gã da trắng và có thể không biết rõ về Harlem, Rhyme kết luận, hẩn quyết định sử dụng một kẻ đồng phạm biết rõ khu vực xung quanh này.

Sau khi biết được điều này, thanh tra Bell đã đi vào trong lớp và phát hiện ra cô đã chuồn ra ngoài qua cửa sau. Nhưng Jonette Monroe, nữ cảnh sát chìm, đã dõi theo Geneva và theo sát cô bé. Cô đã báo cho cảnh sát biết vị trí của

Giờ, viên thanh tra nói, họ cần phải đưa cô quay trở lại chỗ Rhyme ngay lập tức.

“Nhưng bài kiểm tra, cháu...”

“Không kiểm tra, không trường lớp cho đến khi ta tóm được gã này đã”, Bell nói với một giọng cương quyết. “Giờ, đi thôi, thưa quý cô.”

Tức giận trước sự trở mặt của Kevin, tức giận vì bị kéo vào giữa đồng lộn xộn này, cô khoanh tay trước ngực. “Cháu phải làm xong bài kiểm tra này.”

“Geneva, cháu không biết ta có thể cục cằn thế nào đâu. Mục đích của ta là bảo vệ mạng sống của cháu và nếu điều đó có nghĩa là ta phải nhắc cháu lên và vác cháu tới xe của ta để bảo đảm chắc chắn thì ta sẽ làm điều đó.” Đôi mắt tối sẫm, mà trước đó có vẻ là thoải mái dễ gần, thì giờ nghiêm khắc cứng rắn như những hòn đá.

“Được rồi”, cô lẩm bẩm.

Họ tiếp tục bước về phía những chiếc xe, viên thanh tra dò xét xung quanh, kiểm tra các góc tối. Cô để ý thấy bàn tay anh ta để sát bên sườn. Gần với khẩu súng. Một lúc sau, viên cảnh sát tóc vàng chạy tới chỗ họ. “Để mắt hẩn rồi”, anh thở dốc, cố lấy lại hơi thở. “Xin lỗi.” Bell thở dài. “Có thấy vẻ ngoài của hẩn ko?”

“Da đen, cao khoảng mét tám, thân hình rắn chắc. Một chân cà nhấc. Đeo khăn trùm đầu màu đen. Không có râu. Khoảng ba mươi bảy, ba mươi tám đến tầm bốn mươi tuổi.”

“Cháu có để ý thấy gì khác không, Geneva?”

Cô lắc đầu một cách ử rử.

Bell nói: “Được rồi. Đi khỏi đây thôi”.

Cô trèo lên ghế sau chiếc Ford của viên thanh tra, với viên cảnh sát tóc vàng bên cạnh. Bell sang bên ghế vô lăng. Người giáo viên cổ vắn họ gặp trước đó, cô Barton, vội vàng bước tới, hơi cau mày. “Thanh tra, có chuyện gì vậy?”

“Chúng tôi cần phải đưa Geneva rời khỏi đây. Có vẻ một trong những kẻ muốn làm hại cô bé đang ở gần. Vẫn là có thể, đó là tất cả những gì chúng tôi biết.”

Người phụ nữ to lớn nhìn quanh, cau mày: “Ở đây á?”

“Chúng tôi không chắc chắn lắm. Một khả năng là tất cả những gì chúng tôi đang nói đến. Tốt nhất là nên bảo đảm an toàn.” Viên thanh tra thêm vào: “Chúng tôi cho rằng hẩn đã ở quanh đây năm phút trước. Một người đàn ông người Mỹ gốc Phi, vóc dáng tầm trung. Mặc một chiếc áo khoác kiểu quân đội màu xanh tối và đeo khăn trùm đầu. Không để râu. Đi khập khiễng. Hẩn đã xuất hiện ở góc bên kia sân trường, phía chiếc xe tải lớn kia. Cô có thể làm ơn hỏi xem các học sinh và giáo viên có ai nhận ra hẩn không hoặc nhìn thấy gì khác không?”.

“Dĩ nhiên rồi.”

Anh cũng hỏi cô liệu có thấy một tấm băng ghi hình từ máy camera an ninh nào của trường có thể đã ghi được hình hẩn. Họ trao đổi số điện thoại, rồi viên thanh tra vào vị trí sau vô lăng, khởi động máy. “Thắt dây an toàn vào mọi người. Tôi không bảo đảm rằng chúng ta sẽ có một chuyến đi yên ả đâu.”

Ngay sau khi Geneva cài dây an toàn vào, viên thanh tra nhấn chân ga và chiếc xe đảo bánh nhanh ra khỏi vỉa hè và bắt đầu chuyển đi như trên những chiếc tàu trượt trong công viên xuyên qua những con phố gỗ ghề của Harlem, khi Langston Hughes - pháo đài cuối cùng của cô về sự lạnh mạnh và thoải mái - biến mất khỏi tầm nhìn.

Khi Amelia Sachs và Lon Sellito tổng hợp lại các bằng chứng đã thu thập được tại căn hộ của nghi phạm trên phố Elizabeth, Rhyme đang nghĩ về đồng phạm của hẩn - cái gã đã tiếp cận rất gần Geneva ở trường.

Có một khả năng là hung thủ tận dụng gã này chỉ đơn giản để quan sát, trừ việc với hồ sơ phạm tội và việc có vũ khí, hẩn cũng được chuẩn bị kỹ lưỡng để sẵn sàng giết Geneva. Rhyme đã hy vọng rằng hẩn sẽ bỏ lại một ít dấu vết ở gần sân trường, nhưng không - đội khám nghiệm hiện trường đã kiểm tra kỹ khu vực đó thật cẩn thận nhưng không thể tìm được gì hết. Đội điều tra cũng không tìm được một nhân chứng nào trên phố đã nhìn thấy hẩn hay hẩn biến đi như thế nào. Có thể...

“Chào, Lincoln”, giọng một người đàn ông vang lên.

Giật mình, Rhyme ngược lên nhìn và thấy một người đàn ông đứng gần đó. Khoảng bốn mươi tuổi, đôi vai rộng, mái tóc bạc được cắt ngắn, mái cắt bằng, ông mặc một bộ vét màu xám đậm, đắt tiền.

“Bác sĩ. Tôi không nghe thấy tiếng chuông.”

“Thom ở ngoài. Cậu ấy cho tôi vào

Robert Sherman, bác sĩ giám sát thực hiện phương pháp chữa bệnh vật lý trị liệu của Rhyme, có một phòng khám chuyên biệt với các bệnh nhân chấn thương tủy sống. Chính ông là người đã phát triển chế độ điều trị cho Rhyme, chiếc xe đạp và chiếc máy huấn luyện vận động guồng quay, cũng như phương pháp vận động dưới nước và cả các bài tập cải thiện phạm vi vận động truyền thống mà Thom thực hiện với Rhyme.

Bác sĩ và Sachs chào nhau, rồi ông nhìn vào căn phòng thí nghiệm, nhận thấy sự bận rộn. Trên quan điểm chữa bệnh, ông vui khi thấy Rhyme đang làm việc.

Tham gia vào một công việc, ông vẫn thường nói là, cải thiện một cách đáng kể ý chí của một người và sẽ dẫn đến những thay đổi tích cực (dù ông vẫn nhấn mạnh Rhyme tránh những tình huống có thể bị nguy hiểm đến tính mạng, bởi nó gần như đã xảy ra trong một vụ án mới đây).

Ông bác sĩ thực sự có tài, tốt bụng và cực kỳ thông minh. Nhưng Rhyme chẳng có thời gian để tiếp ông ấy lúc này, bởi anh biết rằng đang có hai kẻ có vũ khí săn đuổi Geneva. Anh chào đón vị bác sĩ với một tâm trạng lơ đãng.

“Lễ tân của tôi nói rằng cậu hủy buổi hẹn ngày hôm nay. Tôi băn khoăn không biết cậu có ổn không.”

Sự quan tâm này có thể dễ dàng được truyền đạt qua điện thoại, Rhyme nghĩ.

Nhưng bằng cách đó ông bác sĩ không thể ép Rhyme kiểm tra sức khỏe.

Và quả thật Sherman đang áp đặt anh. Ông muốn biết rằng các bài tập có hiệu quả tốt. Không chỉ vì lợi ích của bệnh nhân mà cũng là để cho ông bác sĩ có thể hợp nhất các thông tin vào trong nghiên cứu đang thực hiện.

“Không sao, mọi thứ đều ổn cả”, Rhyme trả lời. “Chúng tôi đang xử lý một vụ án.” Anh ra hiệu về phía tấm bảng tổng hợp dữ liệu bằng chứng. Sherman nhìn nó.

Thom dừng chân ở cửa. “Bác sĩ, ông có muốn một ít cà phê hay soda không?”

“À, chúng ta không muốn lấy mất thời gian quý báu của bác sĩ.” Rhyme nói nhanh. “Bởi ông ấy biết là không có vấn đề gì cả. Tôi chắc chắn là ông ấy muốn...”

“Một vụ án?” Sherman hỏi, vẫn đang nghiên cứu tấm bảng.

Khựng lại một chút, Rhyme nói với một gã nổi cáu: “Một vụ thực sự khó nhằn. Có một gã cực kỳ xấu xa. Chúng tôi đang cố để tóm cổ gã này khi ông ghé vào”. Rhyme không hề tỏ ra muốn nhượng bộ với bác sĩ và không hề xin lỗi cho thái độ bất lịch sự của anh. Nhưng những bác sĩ hoặc các nhà trị liệu làm việc với bệnh nhân chấn thương tủy sống (SCI) đều biết rằng họ sẽ nhận được một vài “món quà đi kèm” như: tức giận, thái độ không hay và những lời đay nghiến. Sherman hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi cách cư xử của Rhyme. Ông vẫn tiếp tục kiểm tra Rhyme khi trả lời Thom: “Không, tôi không cần gì, Thom. Cảm ơn cậu. Tôi không thể ở lại lâu”.

“Ông chắc chứ?” Anh hất đầu về phía Rhyme. “Đừng để ý đến cậu ấy.”

“Không có gì.”

Nhưng dù không muốn một đồ uống, dù không thể ở lại lâu, ông vẫn ở đây, không hề có vẻ đi luôn. Thực tế, ông đang kéo một cái ghế ra và ngồi xuống.

Sachs nhìn về phía Rhyme. Anh nhìn cô một cách vô hồn và quay sang vị bác sĩ, người đang rờ cái ghế đến gần hơn. Rồi ông nghiêng về trước và thì thầm: “Lincoln, cậu đã phản đối cuộc kiểm tra hằng tháng rồi”.

“Có cả một đồng việc. Chúng tôi đã phải xử lý bốn vụ án. Và bây giờ là năm. Rất tốn thời gian, như ông có thể tưởng tượng... Và nhân tiện, rất thú vị. Những vấn đề độc nhất vô nhị.” Anh hy vọng ông bác sĩ sẽ hỏi một chút chi tiết, mà sẽ ít nhất làm chuyển hướng cuộc hội thoại.

Nhưng ông bác sĩ không hỏi, tất nhiên là thế. Các bác sĩ điều trị bệnh nhân chấn thương tủy sống không bao giờ mắc bẫy. Họ có nhiều kinh nghiệm trong vấn đề này. Sherman nói: “Để tôi nói với cậu một điều”.

Tôi làm thế quái nào để ngăn ông bây giờ nhỉ? Rhyme nghĩ.

“Cậu đã thực hiện các bài tập của tôi tốt hơn tất cả những bệnh nhân khác. Tôi biết cậu chống lại cuộc kiểm tra bởi cậu sợ rằng nó không có hiệu quả. Tôi nói đúng chứ?”

“Không hẳn thế, bác sĩ. Tôi chỉ là bận quá.”

Làm như thể không hề nghe thấy, Sherman nói: “Tôi biết rằng cậu đang tìm kiếm những thay đổi đáng kể trong tình trạng của mình”.

Nói chuyện với bác sĩ cũng khó chịu như nói chuyện với cảnh sát vậy, Rhyme nghĩ. Anh trả lời: “Tôi cũng hy vọng thế. Nhưng nếu không, tin tôi đi, chuyện đó không là vấn đề gì cả. Tôi đã những tiến triển về cơ bắp, cải thiện về độ loãng xương... Tim và phổi hoạt động tốt hơn. Đó là những gì tôi đạt được. Không phải là chuyển động của động cơ”.

Sherman quan sát anh từ trên xuống dưới. “Cậu thực sự cảm thấy như vậy?”

“Tất nhiên. Tuyệt đối như vậy.” Nhìn quanh, anh hạ thấp giọng và nói: “Những bài tập này không thể làm cho tôi đi lại được”.

“Không, điều đó sẽ không xảy ra.”

“Vậy thì tại sao tôi phải mong chờ một chút thay đổi nhỏ ở ngón chân út bàn chân trái của mình nhỉ? Thật vô nghĩa. Tôi sẽ thực hiện các bài tập, giữ cơ thể luôn ở trạng thái tốt nhất có thể và trong vòng năm đến mười năm, khi những người như ông mang đến với một phương pháp ghép thần kỳ hoặc nhân bản vô tính hay gì đi nữa, tôi sẽ sẵn sàng để tiếp tục bước đi một lần nữa.” Ông bác sĩ mỉm cười và vỗ vỗ tay vào chân của Rhyme, một cử động mà anh không cảm nhận được. Sherman gật đầu. “Tôi rất vui khi nghe cậu nói như vậy, Lincoln. Vấn đề lớn nhất mà tôi gặp phải là các bệnh nhân từ bỏ bởi họ nhận ra rằng tất cả các bài tập và những việc nặng nhọc không thực sự thay đổi cuộc sống của họ nhiều. Họ muốn giành được những chiến thắng to lớn hơn và những cách chữa trị. Họ không nhận ra rằng những chiến thắng nhỏ sẽ làm nên chiến thắng cuối cùng của cuộc chiến kiểu này.”

“Tôi nghĩ rằng mình đã chiến thắng rồi.”

Vị bác sĩ đứng dậy. “Tôi vẫn cần thực hiện bài kiểm tra với cậu. Chúng tôi cần dữ liệu.”

“Ngay khi mà... Này, Lon, cậu có đang nghe không đấy? Một câu thành ngữ này. Ngay khi mà những tấm bảng này được lau sạch sẽ[34]”

[34] Ý Rhyme ở đây ám chỉ những tấm bảng bằng chứng, có nghĩa là “Khi nào xong việc thì thôi”.

Sellito, chẳng hiểu nổi Rhyme đang nói cái gì, hoặc là không cần quan tâm, nhìn lại một cách vô hồn.

“Được rồi”, Sherman nói và bước về cánh cửa. “Chúc may mắn với vụ án.”

“Chúng tôi mong muốn những điều tốt nhất”, Rhyme nói một cách hoan hỉ.

Người đàn ông của những chiến thắng nhỏ bé rời khỏi căn nhà và Rhyme ngay tức khắc quay lại với những tấm bảng ghi chứng cứ.

Sachs nhắc điện thoại, nghe một lúc và đập máy. “Đó là Bo Haumaim. Những người trong đội tiếp cận lối vào? Những người bị điện giật? Người đầu tiên bị vài vết bỏng nặng, nhưng anh ấy vẫn sống. Người thứ hai đã được trả về.”

“Cảm ơn Chúa.” Sellito nói, có vẻ như vừa được giải tỏa áp lực lớn. “Đó là điều tất yếu. Cả dòng điện chạy qua cậu ta.” Anh nhắm chặt mắt một lát. “Những vết bỏng. Và cái mùi. Lạ Chúa. Tóc của cậu ta bị cháy... Tôi sẽ gửi cho cậu ta một thứ gì đó. Không, tự tôi sẽ mang đến tặng cậu ta. Có thể là những bông hoa. Anh có cho rằng cậu ta thích hoa không?”

Cái phản ứng này, giống như cách cư xử của anh ta trước đó, không phải là kiểu của Sellito. Cảnh sát có thể bị thương, và có thể bị giết, nhưng tất cả mọi người trong lực lượng đều chấp nhận sự thật đó theo cách của riêng mình. Có hàng tá cảnh sát sẽ nói: “Cảm ơn Chúa, anh ấy sống rồi”. Họ cầu nguyện và sẽ chạy đến nhà thờ gần nhất để thì thầm những lời cảm ơn. Nhưng cách của Sellito là gật đầu và tiếp tục với công việc. Không phải là hành động như thế.

“Chẳng biết được”, Rhyme nói.

Hoa?

Mel Cooper gọi: “Lincoln, ta có Đại úy Ned Seely đang chờ điện thoại”. Nhà khoa học hình sự pháp y đã nói với đội Thực thi luật pháp Texas về vụ giết người ở Amarillo mà VICAP báo là giống với sự việc xảy ra ở bảo tàng.

“Bật loa lên.”

Anh ta làm theo và Rhyme hỏi: “Xin chào, Đại úy?”.

“Vâng.” Một giọng nói rề rà đáp lời. “ông Rhyme?”

“Vâng, là tôi.”

“Chúng tôi đã nhận được yêu cầu từ người của ông về thông tin vụ Charlie Tucker. Tôi đã tìm xem có những gì nhưng không nhiều lắm. Ông cho rằng đó là cùng một hung thủ gây ra những vụ này?”

“Phương thức thực hiện giống với vụ việc mà chúng tôi có ở đây sáng hôm nay. Đôi giày của hắn cùng một hãng - và cả dấu giày nữa. Và hắn cũng để lại vài bằng chứng để đánh lạc hướng chúng tôi, cùng một cách bỏ lại những cái nền và những vật kỳ bí tại vụ án mạng Tucker. À, và hung thủ của chúng ta có giọng vùng phía nam. Cũng có một vụ án tương tự ở Ohio vài năm trước. Đó là một vụ giết mướn.”

“Vậy ông cho rằng có một ai đó thuê gã này để giết Tucker?”

“Có thể. Ông ta là ai?”

“Tucker? Một người bình thường. Chỉ vừa mới nghỉ hưu từ Bộ Luật pháp và Tòa án - đó là một nhân viên quản lý trại giam. Có cuộc sống gia đình hạnh phúc, đã có cháu. Không bao giờ vướng vào rắc rối. Đi đến nhà thờ đều đặn.”

Rhyme cau mày. “Ông ấy làm gì ở nhà tù?”

“Bảo vệ. Tại một trung tâm an ninh tối đa ở Amarillo... Hừm, ông nghĩ là có thể một phạm nhân đã thuê ai đó để trả thù một việc gì đó xảy ra bên trong? Lạm dụng phạm nhân, hay là gì đó như thế?”

“Có thể là vậy”, Rhyme nói. “Tucker đã từng vi phạm gì có lưu lại trong hồ sơ chưa?”

“Trong hồ sơ ở đây không có gì hết. ông có lẽ sẽ cần kiểm tra với nhà tù.”

Rhyme lấy tên của người quản lý trại giam mà Tucker từng làm việc rồi nói: “Cảm ơn Đại úy”.

“Không vấn đề gì. Chúc mọi người một ngày tốt lành.”

Vài phút sau, Rhyme đã kết nối với quản lý trại giam J.T. Beauchamp của Nhà tù an ninh tối đa Northern Texas ở Amarillo. Rhyme tự giới thiệu và nói rõ mình đang làm việc với Sở cảnh sát New York. “Giờ thì, Quản lý...”

“J.T. Nếu ông có thể.”

“Được rồi, J.T.” Rhyme nói rõ tình hình cho anh ta.

“Charlie Tucker? Chính là người bảo vệ bị giết. Giống kiểu hành hình Linso[35], hay gì gì đó. Tôi vẫn chưa làm việc ở đây lúc đó. Tucker nghỉ hưu chỉ ngay trước khi tôi chuyển về từ Houston. Tôi sẽ tìm lại hồ sơ của ông ấy. Ông giữ máy một chút nhé.” Một lát sau, viên quản lý trở lại. “Tôi đã có ở đây rồi. Không có kiến nghị nào về ông ấy, trừ một phạm nhân. Anh ta nói rằng Charlie đã quay anh ta phát điên. Khi Charlie không chịu thôi, họ có một chút ẩu đả.”

35] Kiểu hành hình của những kẻ phân biệt chủng tộc với người da đen.

“Đó có thể là kẻ chúng ta cần tìm.” Rhyme nhận định.

“Ngoại trừ việc gã phạm nhân bị xử một tuần sau đó. Và Charlie không bị giết vào năm sau đó.”

“Nhưng có thể Tucker gây rắc rối với một phạm nhân khác. Và anh ta đã thuê một kẻ khác để trả đũa.”

“Có khả năng. Nhưng thuê một kẻ chuyên nghiệp cho việc này? Hơi phức tạp cho công việc của chúng ta ở đây.”

Rhyme có vẻ đồng tình. “Chà, có thể chính hung thủ là gã tù nhân đó. Hắn muốn săn lùng Tucker ngay khi được trả tự do, rồi dựng vụ giết người như một vụ giết hại theo nghi lễ tôn giáo. Anh có thể hỏi một vài người cai ngục hoặc các nhân viên khác không? Chúng tôi đang truy tìm một người đàn ông da trắng, khoảng bốn mươi, tầm vóc trung bình, tóc nâu sáng. Nhiều khả năng đã từng bóc lịch vì phạm tội ác dã man. Và có lẽ đã được thả hoặc trốn thoát...”

“Không có vụ vượt ngục nào ở đây hết”, người cai ngục nhấn mạnh.

“Được rồi, vậy là được thả ra không lâu trước khi Tucker bị giết. Đó là tất cả những gì chúng tôi biết. À, hắn hiểu biết về súng và là một tay súng cừ.”

“Điều đó không có nghĩa lý gì. Đây là Texas.” Anh ta cười tủm tỉm.

Rhyme tiếp tục: “Chúng tôi có một bản phác thảo vi tính về dung mạo nghi phạm. Chúng tôi sẽ gửi một bản cho anh. Anh có thể cử một người so sánh với ảnh các phạm nhân được phóng thích trong khoảng thời gian đó không?”

“Được, thưa ngài. Tôi sẽ cho người làm việc đó. Cô ấy có đôi mắt khá tinh. Nhưng chúng tôi cần thời gian. Chúng tôi có cả đồng phạm nhân vào đây.” Anh ta đưa địa chỉ email và tắt máy.

Vừa khi cuộc gọi kết thúc, Geneva, Bell và Pulaski đến.

Bell giải thích về cuộc chạy trốn của tên đồng phạm ở trường học. Anh thêm vài thông tin về hắn, cho họ biết rằng sẽ có người đi thu thập thông tin từ các học sinh và giáo viên rồi sẽ kiểm tra băng ghi hình an ninh nếu có.

“Cháu đã không được làm bài kiểm tra sau cùng”, Geneva nói một cách đầy tức giận, như thể đó là lỗi của Rhyme. Cô bé này rõ ràng có thể khiêu khích làm ta phải tức giận. Anh vẫn nói một cách kiên nhẫn: “Chú có một vài tin cháu có thể quan tâm. Người tổ tiên của cháu vẫn sống sau khi nhảy xuống dòng sông Hudson”.

“Ông ấy đã làm được?” Khuôn mặt bừng sáng lên và cô hồ hởi đọc bản in của bài báo năm 1868. Rồi cô cau mày. “Họ khiến cho ông ấy nghe có vẻ là một kẻ xấu. Như thể ông đã lên kế hoạch cho tất cả mọi chuyện. Ông ấy không như vậy. Cháu biết điều đó.” Cô ngược lên nhìn. “Và chúng ta vẫn chưa biết điều gì xảy ra nếu như ông ấy đã từng được thả ra.”

“Chúng ta vẫn đang tìm kiếm thông tin. Chú hy vọng là chúng ta có thể tìm được thêm.”

Chiếc máy tính kêu một hồi chuông và Rhyme nhìn nó. “Có thể có gì đó ở đây. Email từ một giáo sư ở Amherst - người điều hành một trang web về lịch sử Mỹ - Phi. Bà ấy là một trong những người tôi đã gửi email về Charles Singleton.”

“Đọc lên xem.”

“Nó là từ trong nhật ký của Frederick Douglass.”

“Một lần nữa, ông ta là ai vậy nhỉ?”, Pulaski hỏi. “Xin lỗi, tôi hẳn là nên biết. Có một con đường mang tên ông ta.”

Geneva nói: “Cụm nô lệ. Người ủng hộ việc bãi bỏ án tử hình và lãnh đạo quyền dân sự thế kỷ XIX. Là một nhà văn, giảng viên đại học”.

Chàng lính trẻ đỏ mặt thẹn thùng. “Như tôi đã nói, đáng nhẽ tôi phải biết.”

Cooper nghiêng về phía trước và đọc to các dòng chữ trên màn hình:

Mùng 3 tháng 5 năm 1866. Một buổi tối khác ở Gallows Height...

“À”, Rhyme cắt ngang. “Địa điểm huyền bí của chúng ta.” Từ “Giá treo cổ” một lần nữa nhắc lại cho

anh về hình ảnh lá bài Người treo ngược, nét bình thản với cái chân móc ngược trên giá. Anh nhìn chăm chăm vào quân bài, rồi quay trở lại với Cooper.

... bàn bạc về nỗ lực sống còn của chúng tôi, Tu chính án số 14. Một vài thành viên của Cộng người da màu ở New York, và cả tôi, đã gặp vị Thống đốc Fenton và các thành viên của ủy ban hợp nhất về Tái xây dựng, bao gồm các Thượng nghị sĩ Harris, Grimes và Fessenden, và các Nghị sĩ Stevens, Washburne và thành viên Đảng Dân chủ, Andrexv T. Rogers, người đã cho thấy không đến mức bẽ phái như chúng ta vẫn sợ.

Thống đốc Fenton bắt đầu với một lời khấn cầu thiết tha, và từ đó chúng tôi bắt đầu trình bày với các thành viên của Ủy ban ý kiến của mình về các phiên

bản dự thảo khác nhau của Bản sửa đổi chúng tôi đã làm vất vả sau một khoảng thời gian dài. (Ông Charles Singleton cũng trình bày một cách rõ ràng quan điểm của mình về việc Bản sửa đổi nên đưa vào một yêu cầu về sự tán thành chung của mọi công dân, người da đen và người có nguồn gốc châu Âu, đàn bà cũng như đàn ông, và các thành viên của ủy ban sẽ cân nhắc kỹ lời góp ý này.) Những cuộc tranh cãi đã diễn ra suốt cả đêm.

Geneva nghiêng qua vai Rhyme và đọc. “Trình bày một cách rõ ràng”, cô thì thầm thành tiếng. “Và ông ấy muốn ủng hộ cho phụ nữ.”

“Đây là một bài viết khác.” Cooper nói.

Ngày 25 tháng 6 năm 1867. Tôi thấy không hài lòng với tiến trình chậm chạp. Bản sửa đổi số 14 đã được trình các bang để được phê chuẩn một năm trước, với tính thiết thực hai mươi hai bang đã ủng hộ giải pháp. Chỉ còn thiếu sáu bang nữa, nhưng chúng ta đang phải đối mặt với một sự phản đối mạnh mẽ và cương quyết.

Williard Fish, Charles Singleton và Elijah Walker đang đi tới các bang chưa ký kết và làm tất cả những gì có thể để cầu xin những nhà lập pháp ở đó bỏ phiếu ủng hộ Bản sửa đổi. Nhưng ở mỗi bước đi, họ vấp phải sự thờ ơ trong việc đón nhận sự thông thái của bộ luật này - và thái độ khinh thị đe dọa và bức dọc đầy tính cá nhân. Đã phải hy sinh quá nhiều, và vẫn chưa đạt được mục tiêu... Liệu sự áp đảo của chúng ta trong cuộc chiến sẽ trở thành vô nghĩa, gần như là một chiến thắng Pyrrhic[36]? Tôi cầu cho sự nghiệp của nhân dân sẽ không tàn úa trong nỗ lực quan trọng nhất này của chúng ta.

[36] Pyrrhic victory: là một thành ngữ để chỉ một chiến thắng mà bên thắng đã phải tổn thất rất lớn, đến mức gần như hủy diệt.

Cooper nhìn lên màn hình. “H

Geneva nói: “Vây là ông Charles đã cùng với Douglass và những người khác đóng góp cho Tu chính án số 14. Nghe có vẻ như họ là đồng đội”.

Hay họ đã từng? Rhyme thắc mắc. Liệu bài báo có đúng không? Liệu có đúng là ông ấy đã dùng cách của mình để hòa chung với họ để tìm hiểu về Quý Nô lệ tự do và cướp nó?

Dù sao, đối với Lincoln Rhyme thì sự thật là mục tiêu duy nhất trong bất cứ cuộc điều tra hình sự pháp y nào, anh vẫn nuôi một hy vọng đầy cảm tính hiếm hoi về việc Charles Singleton không thực hiện tội lỗi đó.

Anh nhìn chăm chăm vào bảng bằng chứng, thấy nhiều dấu hỏi hơn là những câu trả lời.

“Geneva, cháu có thể gọi cho bà cô của mình không? Để xem bà ấy có tìm thấy lá thư nào khác hay bất cứ thứ gì của ông Charles không?”

Cô bé gọi điện cho người phụ nữ mà bà Lilly đang sống cùng. Không có ai nhắc máy nhưng cô đã để lại tin nhắn để họ gọi lại theo số của Rhyme. Rồi cô gọi một cú điện thoại khác. Đôi mắt sáng lên. “Mẹ! Bố mẹ về nhà chưa?”

“Cảm ơn Chúa”, Rhyme nghĩ. Cuối cùng bố mẹ cô bé đã trở về.

Nhưng một cái cau mày hiện lên trên khuôn mặt cô bé chỉ một giây sau đó. “Không... Đã có chuyện gì vậy?... Khi nào ạ?”

Một sự chậm trễ của việc nào đó, Rhyme suy luận.

Geneva thông báo cho mẹ tình hình, bảo đảm với họ rằng cô bé an toàn và đang được bảo vệ bởi cảnh sát. Cô đưa điện thoại cho thanh tra Bell, anh nói chuyện với mẹ cô khá lâu về tình hình hiện tại rồi chuyển lại điện thoại và cô tạm biệt mẹ mình. Cô đập máy một cách miễn cưỡng.

Bell nói: “Họ đang kẹt ở London. Chuyến bay bị hủy và họ không thể đi bằng phương tiện khác trong ngày hôm nay. Họ sẽ có mặt trong chuyến bay sớm nhất ngày mai - nó sẽ tới Boston và họ sẽ bắt chuyến bay tiếp theo ở đó”.

Geneva nhún vai, nhưng Rhyme có thể nhìn thấy nỗi thất vọng trong mắt cô bé. Cô nói: “Tốt hơn là cháu nên về nhà. Cháu có một vài nghiên cứu ở trường”.

Bell kiểm tra cùng với các sĩ quan đội bảo vệ nhân chứng và bác của Geneva. Mọi thứ có vẻ an toàn, anh báo cáo.

“Cháu sẽ không đến trường ngày mai chứ?”

Cô do dự một lúc. Nhấn mặt. Liệu sẽ là một trận chiến nữa chẳng?

Chợt một tiếng nói cất lên. Đó là Pulaski, chàng cảnh sát trẻ. “Một điều là, Geneva, nó không còn là sự an toàn của riêng em nữa. Nếu ngày hôm nay gã ấy, tên mặc chiếc áo khoác quân sự, có thể tiếp cận đủ gần và bắt đầu nã súng, có lẽ đã có thêm những học sinh khác bị thương hoặc thậm chí bị giết. Hẳn có thể cố gắng thực hiện một lần nữa khi em đứng với những người khác ở ngoài trường hay là trên phố.”

Rhyme có thể thấy trên khuôn mặt cô bé sự tác động của những lời nói ấy. Có lẽ cô đang nghĩ tới cái chết của tiến sĩ Barry.

Nên ông ấy chết vì mình...

“Đúng thế rồi”, cô nói với một giọng yếu ớt. “Cháu sẽ ở nhà.”

Bell gật đầu với cô. “Cảm ơn cháu.” Và biểu lộ cái nhìn đầy cảm kích với chàng sĩ quan trẻ.

Viên thanh tra cùng Pulaski dẫn cô bé đi ra ngoài cánh cửa và những người khác quay trở lại với tấm bảng bằng chứng từ căn hộ của hung thủ.

Rhyme đã thất vọng khi thấy không có gì nhiều lắm. Bản đồ của con phố phía trước bảo tàng Mỹ - Phi mà Sachs tìm ra được giấu trên giường của hắn, chẳng để lại dấu vân tay nào hết. Tấm bản đồ được bày bán đại trà, như ở Staples và Office Depot. Mục thì là loại rẻ tiền và không có nguồn gốc hay dấu vết nào để lần theo.

Tấm bản đồ được vẽ với những chi tiết kỹ càng hơn rất nhiều về các con hẻm và các tòa nhà trên con phố hơn là viện bảo tàng - cái bản đồ dành cho đường tháo chạy của hung thủ. Rhyme suy luận. Nhưng Sachs đã truy tìm những địa điểm này một cách cẩn thận, các thám tử đã điều tra những nhân chứng trong cửa hàng đồ trang sức và các tòa nhà có trong tấm bản đồ.

Có nhiều sợi hơn từ cái dây thừng của hắn - dây thắt cổ, họ suy đoán.

Cooper quét một phần tấm bản đồ qua máy GC/MS, và dấu vết duy nhất được tìm thấy trên tờ giấy là carbon tinh khiết. “Than đá từ những người bán hàng hội chợ trên phố chẳng?” Anh thắc mắc.

“Có thể”, Rhyme nói. “Hoặc có thể h vật chứng. Đưa việc này vào tấm biểu đồ. Có thể chúng ta sẽ tìm ra mối liên quan sau này.”

Một dấu vết khác trên bản đồ - các vết bẩn và những mẫu vụn - phần lớn là thức ăn: sữa chua và những hạt đậu xanh, tỏi và dầu ngô.

“Món falafel”, Thom, một đầu bếp sành ăn, đưa ra lời đoán. “Đến từ Trung Đông. Và thường được phục vụ với sữa chua. Hơn nữa, món này rất tuyệt vời.”

“Và cực kỳ phổ biến”, Rhyme nói một cách chua chát. “Chúng ta có thể thu hẹp nguồn gốc tới khoảng hai ngàn cửa hàng chỉ trong khu vực Manhattan, các cậu có nghĩ thế không? Chúng ta có cái gì nữa đây?”

Trên đường trở về đây, Sachs và Sellito đã dừng lại ở một công ty bất động sản quản lý khu phố Elizabeth và đã lấy được thông tin về người thuê căn hộ. Người phụ nữ quản lý văn phòng nói người khách đã trả ba

tháng tiền nhà bằng tiền mặt và bảo bà cứ giữ lấy thêm hai tháng tiền đặt cọc. (Số tiền, thật không may là, đã được tiêu hết; chẳng còn lại tờ nào để truy ra dấu vân tay cả.) Hấn đã sử dụng cái tên Billy Todd Hamil để thuê, địa chỉ cũ ở Florida. Bức ảnh ghép vi tính mà Sachs thực hiện hoàn toàn giống với người đàn ông đã ký vào hợp đồng thuê nhà, dù hấn đã đội mũ lưỡi trai và đeo kính. Người phụ nữ cũng xác nhận rằng hấn có giọng miền Nam.

Tìm kiếm trên cơ sở dữ liệu nhận dạng cá nhân cho kết quả 173 người trùng tên Billy Todd Hammils trên khắp đất nước trong suốt năm năm qua. Trong số những người da trắng và khoảng giữa ba lăm và năm mươi tuổi, không một ai sống trong khu vực New York. Những người ở Florida đều là người già hoặc khoảng hai mươi tuổi. Bốn Billy Todd có hồ sơ vi phạm pháp luật, và trong số này thì có ba người vẫn đang thụ án trong nhà giam và một người đã chết sáu năm trước.

“Hấn chọn đại một cái tên”, Rhyme lầm bầm. Anh nhìn lên bức ảnh đối tượng từ máy tính.

Mày là ai, Đối tượng 109? Anh tự hỏi.

Và mày ở đâu?

“Mel, gửi email bức ảnh này cho J.T.”

“Gửi tới ai?”

“Người quản lý trại giam ở Amarillo.” Rồi hất đầu về phía bức ảnh. “Tôi vẫn nghi ngờ về giả thuyết hấn là một phạm nhân có xích mích với người bảo vệ bị hành hình.”

“Đã hiểu”, Cooper nói. Sau khi làm xong, anh lấy mẫu chất lỏng mà Sachs tìm thấy ở căn hộ của hung thủ, cẩn thận mở nó ra và chuẩn bị sẵn sàng để đưa vào máy GC/MS.

Một thời gian ngắn sau kết quả hiện lên trên màn hình.

“Đây là một mẫu chất mới. Gồm có polyvinyl alcohol, povidone, belzalkonium chloride; dextrose (đường D-glucosơ); kali clorua (potassium chloride), nước; natri bicarbonat, natri clorua...”

“Nhiều muối hơn”, Rhyme nói thêm vào. “Nhưng lần này không còn là bỏng ngô nữa.”

“Sodium citrate và sodium phosphate. Một vài thứ nữa.”

“Cái tiếng Hy Lạp vớ vẩn.” Sellito nhún vai và đi ra sảnh, hướng về phía phòng vệ sinh.

Cooper gạt gù nhìn vào danh sách thành phần chất lỏng thu được. “Có thông tin nào cho biết nó là gì không?”

Rhyme lắc đầu. “Dữ liệu của chúng ta?”

“Không thấy gì hết.”

“Gửi nó xuống Washington.”

“Sẽ gửi.” Nhà khoa học hình sự gửi thông tin tới phòng thí nghiệm của FBI và quay trở lại với vật chứng cuối cùng mà Sachs tìm ra: những mẫu gỗ vụn được cạo ra từ các vết trên mặt bàn ở căn hộ của hung thủ.

Cooper lấy một ít để làm mẫu đưa vào máy GC/MS.

Trong khi chờ đợi kết quả, Rhyme nhìn lướt qua biểu đồ tư liệu. Anh đang nhìn vào những ghi chép thì thấy có chuyển động nhanh ở phía đuôi mắt. Giật mình, anh quay về hướng đó. Nhưng không có ai ở góc đáy của căn phòng. Anh đã nhìn thấy cái gì vậy?

Rồi anh lại nhìn thấy chuyển động và nhận ra rằng mình đang nhìn vào cái gì: hình ảnh phản chiếu trong chiếc cốc trên mặt tủ. Đó là Lon Sellito, đứng một mình ở hành lang, rõ ràng tin rằng không ai nhìn thấy mình. Những chuyển động nhanh là do viên thanh tra to lớn đang tập đi tập lại động tác rút súng nhanh. Rhyme không thể nhìn rõ khuôn mặt của anh ta nhưng về biểu lộ của anh ta rõ ràng là lo lắng.

Đó là điều gì vậy?

Anh bắt gặp của Sachs và gập đầu về phía cửa. Cô tiến tới gần cánh cửa và liếc ra ngoài, nhìn viên thanh tra rút khẩu súng ra một vài lần nữa rồi lắc lắc đầu, nhả mặt. Sachs nhún vai. Sau khoảng ba đến bốn phút luyện tập, anh ta cất khẩu súng đi, bước vào phòng vệ sinh mà chẳng cần đóng cửa, dội nước bồn cầu và bước ra ngoài một giây sau đó.

Anh ta quay trở lại phòng thí nghiệm. “Lạy Chúa, Linc, khi nào thì anh sẽ đưa một cái nhà vệ sinh hiện đại tử tế hơn vào chỗ này đây? Chẳng phải cái màu vàng và đen ấy cũng đã lỗi thời từ hồi những năm 70 rồi sao?”

“Anh biết đấy, tôi chỉ không hay tổ chức các buổi họp trong nhà vệ sinh lắm.”

Người đàn ông to lớn cười, nhưng quá to. Tiếng cười giống như bị kích thích bởi câu nói đùa, nhưng nghe không tự nhiên.

Nhưng dù điều gì đang gây rắc rối cho anh ta ngay lập tức biến mất khỏi đầu Rhyme khi kết quả từ chiếc máy phân tích bằng phương pháp GC/MS hiện lên trên màn hình máy tính - những mẫu gỗ được lấy ra từ trên mặt bàn làm việc của hung thủ. Rhyme cau mày. Bản phân tích đưa ra báo cáo rằng cái chất ăn hằn vào gỗ là acid sulfuric tinh chất, một tin mà Rhyme thấy rằng không hề hay chút nào. Bởi một điều, dựa trên chứng cứ xác thực, nó luôn luôn có sẵn và do đó thực sự chẳng thể nào tìm ra dù chỉ là một manh mối.

Nhưng còn đáng ngại hơn, có lẽ nó là acid mạnh nhất - và nguy hiểm nhất - mà ta có thể mua được; như một vũ khí, ngay cả với một số lượng cực nhỏ cũng có thể, chỉ trong vài giây, giết hoặc phá hoại thể xác vĩnh viễn.

Bảng bằng chứng:

Ngôi nhà an toàn trên phố Elizabeth của hung thủ:

- + Sử dụng bẫy điện.
- + Dấu tay: không. Chỉ có dấu găng tay.
- + Camera và màn hình an ninh; không có manh mối.
- + Bộ bài tarot, thiếu lá số mười hai; không có manh mối.
- + Bản đồ chi tiết bảo tàng nơi Geneva bị tấn công và các tòa nhà bên kia con phố. Dấu vết:
 - Falafel và sữa chua
 - Các mẫu gỗ lấy ra từ mặt bàn làm việc với vết acid sulfuric tinh chất.
 - Chất lỏng trong suốt, không phải chất nổ. Gửi tới phòng thí nghiệm của FBI.
 - Nhiều sợi vải từ dây thừng hơn. Thừng thắt cổ?
 - Carbon nguyên chất tìm thấy trên tấm bản đồ.
- + Ngôi nhà được thuê bằng tiền mặt, với cái tên Billy Todd Hammil. Khớp với miêu tả của Nghi phạm 109, nhưng không có manh mối nào liên quan tới cái tên Hammil thực tế.

Hiện trường Bảo tàng Mỹ - Phi

- + Gói đồ hiệp dâm:
 - Lá bài tarot, số mười hai trong bộ bài, Người treo ngược, có nghĩa là sự tìm kiếm tâm linh.
 - Chiếc túi có hình mặt cười. + Quá chung chung để lần tìm.
 - Dao rọc giấy.
 - Bao cao su Trojan.
 - Băng dính.
 - Dầu thơm mùi hoa nhài.

- Vật không rõ giá 5,95 đô. Có khả năng là chiếc mũ trùm.
- Hóa đơn, cho thấy cửa hàng nằm ở thành phố New York, cửa hàng tạp hóa giảm giá hoặc một hàng được phẩm.
- Nhiều khả năng được mua từ một cửa hàng trên phố Mulberry, Little Italy. Hung thủ được nhận dạng bởi nhân viên bán hàng.
- + Dấu tay:
 - Nghi phạm đeo găng tay cao su. - Dấu tay trên gói đồ thuộc về một người có bàn tay nhỏ, không có dữ liệu trong hệ thống IAFIS. Nhiều khả năng là của nhân viên bán hàng.
- + Dấu vết:
 - Sợi thun vải bông, một vài có vết máu người. Dây để thắt cổ?
 - Gửi tới CODIS.
 - * Không tìm thấy DNA trùng khớp ở CODIS.
 - * Bông ngô và kẹo bông với những dấu vết nước dãi chó.
- + Vũ khí:
 - Dùi cui hoặc một chiếc côn.
 - Khẩu súng có ổ thuốc lớn, hạt kích nổ vành, kiểu súng ngắn Quân đội Bắc Mỹ 22 ly - loại Black Widow hoặc Minimaster.
 - Những viên đạn tự chế, đầu đạn chứa những chiếc kim. Không thấy dữ liệu trong IBIS hay DRUGFIRE.
- + Động cơ:
 - Chưa chắc chắn. Hiếp dâm chỉ là động cơ giả.
 - Động cơ thật sự có thể là để lấy đi tấm vi phim của bài báo trên tờ Tuần báo Minh họa dành cho người da màu ngày 23 tháng 7 năm 1868, và giết Geneva Settle vì việc cô quan tâm tới bài báo này bởi một lý do chưa biết. Bài báo viết về một ông tổ của Geneva tên là Charles Singleton. (Xem thông tin bên biểu đồ bên cạnh.)
 - Người thủ thư - nạn nhân bị giết báo rằng có ai đó muốn được xem bài báo.
 - Yêu cầu có được nhật ký cuộc gọi của người thủ thư để kiểm tra điều này.
 - * Không có manh mối nào.
 - * Yêu cầu cần có thông tin từ những nhân viên thư viện hoặc với những người mong muốn được thấy câu chuyện.
 - * Không có manh mối nào.
 - Tìm kiếm bản của bài báo.
 - Một vài nguồn báo cáo về một người đàn ông yêu cầu cùng một bài báo. Không manh mối nào được xác nhận. Phần lớn các ấn bản đều đã mất hoặc bị phá hủy. Xác định được vị trí một ấn bản. (Xem biểu đồ bên cạnh).
 - Kết luận: Geneva Settle vẫn còn trong tình trạng nguy hiểm.
- + Hồ sơ các vụ việc gửi tới VICAP và NCIC.
 - Vụ giết người ở Amarillo, Texas, năm năm trước. Cũng có hiện trường được làm giả (làm như vụ giết người là nghi lễ tôn giáo, nhưng động cơ thật sự vẫn chưa được tìm ra).
 - Nạn nhân là một nhân viên gác ngục về hưu.
 - Bức ảnh từ máy tính được gửi tới nhà tù Texas.

- Vụ giết người ở Ohio, ba năm về trước. Cũng có hiện trường được làm giả (làm như đó là một vụ tấn công tình dục đồng giới, nhưng động cơ thật sự là được thuê giết). Hồ sơ bị thất lạc.

Hồ sơ về Nghi phạm 109

- + Nam da trắng.
- + lm8, gần 90kg.
- + Giọng trung.
- + Sử dụng điện thoại để tiếp cận nạn nhân.
- + Mang một chiếc giày Bass cỡ 11 màu nâu sáng, khoảng ba năm hoặc hơn. Bàn chân phải hơi hướng ra ngoài.
- + Mùi hoa nhài.
- + Quần tối màu.
- + Đeo mũ trùm, màu tối.
- + Sẽ nhắm vào những người vô tội để tạo cơ hội hạ gục nạn nhân và trốn thoát.
- + Nhiều khả năng là một kẻ giết thuê.
- + Nhiều khả năng là một cựu phạm nhân ở Amarillo, TX.
- + Có giọng miền Nam.
- + Mái tóc màu nâu sáng, được chải chuốt chỉnh tề, râu cạo sạch sẽ.
- + Không đặc biệt, nổi bật.
- + Được thấy mặc một chiếc áo mưa tối màu.

Hồ sơ về kẻ thuê Nghi phạm 109

- + Chưa có thông tin gì lúc này.

Hồ sơ về đồng phạm Nghi phạm 109

- + Nam, da đen.
- + Cuối ba mươi, đầu bốn mươi.
- + Cao khoảng lm8.
- + Thân thể khỏe mạnh cường tráng.
- + Mặc chiếc áo dã chiến màu xanh.
- + Từng là phạm nhân.
- + Chân khập khiễng.
- + Được báo cáo có mang súng.
- + Râu được cạo sạch sẽ.
- + Đeo chiếc khăn trùm đầu màu đen.
- + Đang đợi thêm các nhân chứng và băng ghi hình an ninh.

Hồ sơ về Charles Singleton

- + Cựu nô lệ, tổ tiên của Geneva Settle. Có gia đình, một con trai. Được ông chủ cho một vườn cây ở tiểu bang New York. Làm việc với vai trò một thầy giáo. Tham gia vào cuộc vận động vì dân quyền từ rất sớm.
- + Charles bị cho là đã thực hiện một vụ trộm năm 1868, chủ đề của bài báo trong tấm vi phim bị lấy trộm.

- + Có một bí mật chưa được hé lộ. Lo lắng rằng sẽ gây ra thảm kịch nếu bí mật bị hé lộ.
- + Tham gia vào các buổi họp bí mật ở Gallows Heights gần New York.
- + Dính líu tới những hoạt động mạo hiểm?
- Làm việc với Frederick Douglass và những người khác liên quan tới Tu chính án số 14 trình Thượng viện để được phê chuẩn.
- Vụ án, theo tờ Tuần báo Minh họa dành cho người da màu:
 - Charles bị bắt bởi Thám tử William Simms vì ăn trộm một lượng lớn từ Quỹ Nô lệ tự do ở New York. Đột nhập vào kết, nhân chứng nhìn thấy ông ta rời khỏi đó nhanh chóng. Dụng cụ dùng để gây án được tìm thấy ở gần đó. Phần lớn tiền đã được tìm lại. Bị tuyên án năm năm tù. Không có thông tin gì sau khi bị tuyên án. Bị cho là tận dụng quan hệ với những nhà lãnh đạo trong cuộc vận động dân quyền thời gian đầu để tiếp cận Quỹ.
- + Thư của Charles:
 - Bức thư thứ nhất, gửi tới vợ: về cuộc khởi nghĩa gọi quân năm 1863, sự chống lại người da đen ở khắp tiểu bang New York, hành hình, đốt phá. Nguy cơ ảnh hưởng tới tài sản mà người da đen sở hữu.
 - Bức thư thứ hai, tới vợ: Charles trong trận chiến ở Appomattox vào giai đoạn cuối cuộc Nội chiến.
 - Bức thư thứ ba, tới vợ: Tham gia vào cuộc vận động quyền dân sự. Bị đe dọa vì công việc của mình. Đau khổ với bí mật.

17. Chương 17

Đi bộ trên một con phố ở khu Queens, tay cầm túi đồ và chiếc va li, Thompson Boyd đột nhiên khựng lại. Hắn giả vờ nhìn vào tờ báo từ một chiếc máy bán báo tự động và gõ vào đầu mình ra vẻ quan tâm tới tình hình thể giới, rồi nhìn về phía sau.

Không có ai đang đi theo, không có ai quan tâm tới Joe Trung bình cả.

Hắn không thực sự nghĩ rằng sẽ có một cái đuôi bám theo. Nhưng Thompson luôn luôn giảm thiểu tối đa mọi nguy cơ. Ta sẽ không thể nào bắt cản khi công việc của mình là công việc của tử thần và hắn càng trở nên đặc biệt cảnh giác sau cuộc chạm trán ở căn hộ trên phố Elizabeth với người phụ nữ mặc bộ đồ màu trắng.

Chúng sẽ giết con chỉ bằng một nụ hôn...

Giờ hắn quay lưng trở lại con phố. Không nhìn thấy ai đang nép vội vào các

tòa nhà hay chuyển hướng một cách nhanh chóng.

Thỏa mãn, Thompson tiếp tục bước về phía mục tiêu ban đầu.

Hắn nhìn vào đồng hồ. Đã đến giờ hẹn. Hắn bước tới một buồng điện thoại và gọi đến một số điện thoại ở trung tâm Manhattan. Sau một tiếng chuông hắn nghe tiếng: “Xin chào?”.

“Là tôi.” Thompson và người ở đầu dây bên kia bắt đầu lặp lại một vài lời nói - kiểu để xác nhận an toàn, giống như những điệp viên - để bảo đảm chắc chắn rằng mỗi người đều biết chắc ai đang ở đầu dây bên kia. Thompson hạn chế tối thiểu giọng nói là nhè của mình, cũng như khách hàng của hắn đang cẩn thận với giọng nói của chính mình. Tất nhiên là không qua mắt được máy phân tích giọng nói. Nhưng ta vẫn làm những gì có thể.

Người đàn ông biết lần thực hiện đầu tiên đã thất bại từ khi báo địa phương đưa tin. Khách hàng của hắn hỏi: “Tình hình đến mức nào? Chúng ta có vấn đề gì à?”.

Kẻ giết người nghiêng đầu về sau và nhỏ vài giọt Murine vào mắt. Chợp chợp mắt khi cơn đau tan dần, Thompson trả lời với một giọng lạnh như trái tim hắc: “Chà, giờ thì ông đã hiểu rõ chúng ta đang làm gì rồi. Nó giống như bất cứ một điều gì đó trong cuộc đời này. Chẳng có cái gì suôn sẻ một trăm phần trăm hết. Chẳng có cái gì sẽ xảy ra chỉ theo cách mà chúng ta muốn. Con bé đó lâu cá hơn cả tôi”.

“Một đứa con gái trung học?”

“Đơn giản nó là một đứa lc lỏi. Phản ứng nhanh. Nó sống trong rừng.” Thompson cảm thấy nhói lên khi nói nhận xét này, nghĩ rằng người đàn ông ở đầu dây bên kia có thể đang nghĩ tới một cô gái da đen, một kiểu phân biệt chủng tộc, dù hẳn thực sự chỉ ám chỉ rằng cô sống ở một nơi mà môi trường khó khăn và phải lọc lỏi. Thompson Boyd là người ít có thành kiến nhất trên trái đất này. Cha mẹ hẳn đã dạy điều đó. Bản thân Thompson quen biết nhiều người thuộc mọi chủng tộc cũng như hoàn cảnh xuất thân khác nhau và hẳn đáp trả họ chỉ đơn giản dựa trên cách cư xử và thái độ của họ, không phải vì màu da. Hẳn đã làm việc cho cả những người da trắng, những người da đen, Ả Rập, châu Á, Latin, và hẳn cũng đã giết người của chính những sắc tộc này. Hẳn không thấy sự khác nhau giữa họ. Tất cả những người từng thuê hẳn đều tránh ánh mắt của hẳn cũng như hành động một cách kỳ cục và thận trọng. Những người đã chết dưới tay hẳn có đủ mọi bằng cấp, thứ bậc khác nhau về lòng tự trọng và nỗi sợ hãi, đồng thời chẳng liên quan gì đến màu da hay quốc tịch.

Hắn tiếp tục: “Không phải những gì ông mong muốn. Không phải tôi muốn thế, tôi cá đến đồng đô la cuối cùng của ông cho mà xem. Nhưng những gì xảy ra là một khả năng hợp lý. Con bé có những kẻ khá lợi hại bảo vệ. Giờ chúng ta đã biết. Chúng ta chỉ cần dừng lại và tiếp tục thực hiện. Chúng ta không thể để cảm xúc xen lẫn quá nhiều về việc này được. Lần tới ta sẽ tóm được con bé. Tôi đã đưa vào một người biết rõ về Harlem. Chúng tôi cũng đã tìm ra trường học của nó và đang tìm xem nó ở đâu. Tin tôi đi, chúng ta làm chủ được mọi vấn đề”.

“Tôi sẽ kiểm tra tin nhắn sau”, người đàn ông ở đầu dây bên kia nói, rồi dập máy một cách thô lỗ. Họ đã nói chuyện không quá ba phút, giới hạn Thompson Boyd đề ra.

Theo quyển sách...

Thompson dập máy - không cần thiết phải xóa dấu vân tay; hẳn đang đi găng tay da rồi. Hẳn tiếp tục bước xuống phố. Dây phố là một dải nhà gỗ một tầng thanh lịch nằm ở phía đông và các tòa nhà chung cư thì ở phía tây, một khu vực khá cũ kỹ. Có vài đứa trẻ ở gần đó, mới về nhà từ lớp học. Trong những ngôi nhà ở đây, Thompson có thể nghe thấy loáng thoáng tiếng chương trình kịch ngắn trên đài hay những chương trình đàm thoại với người nổi tiếng buổi chiều, khi những người phụ nữ đang là quần áo hay nấu cơm. Dù cuộc sống có là như thế nào ở phần còn lại của thành phố, phần lớn khu vực quanh đây chưa bao giờ thoát khỏi những năm 50. Nó gọi cho hẳn nhớ lại về căn nhà di động bằng chiếc xe rơ moóc và ngôi nhà gỗ trong tuổi thơ của mình. Một cuộc sống êm đềm, khá thoải mái.

Cuộc đời của hẳn trước khi vào tù, trước khi hẳn trở nên vô cảm như một cánh tay cụt hay một cái chân bị răn cấm.

Ở dãy nhà phía trước, Thompson nhìn thấy một cô bé tóc vàng mặc đồng phục đang bước vào một ngôi nhà gỗ sơn màu be. Trái tim hẳn đập nhanh hơn một chút - chỉ một hay hai nhịp - nhìn theo cô bé bước lên một vài bậc thang bê tông, lấy chìa khóa từ trong cặp sách, mở cửa và bước vào trong.

Hắn tiếp tục tiến bước về phía ngôi nhà đó, nó ngăn nắp như những ngôi nhà khác, có vẻ hơn một chút và được trang trí một bức tượng người cưỡi ngựa nho nhỏ, với những khoảng có tông màu tối thì được sơn một cách cẩn thận với màu đen xạm, một loạt những chú hươu bằng gốm nho nhỏ đang gặm cỏ trên bãi cỏ nhỏ xúu, đang ngả vàng. Hẳn bước thật chậm qua ngôi nhà, nhìn vào những chiếc cửa sổ, rồi tiếp tục bước qua dãy phố. Một cơn gió mạnh thổi qua làm chiếc túi hẳn cầm xoay một vòng và những chiếc lon va vào nhau lạch cạch. Chà, cẩn thận chứ, hẳn tự nói với chính mình. Và giữ chặt chiếc túi.

Ở cuối dãy phố, hẳn đổi hướng rồi nhìn ra sau. Một người đàn ông đang đi bộ, một người phụ nữ đang cố lái chiếc xe vào chỗ đậu ở giữa hai xe khác ven đường, một chú bé đang dắt quả bóng rổ trên con đường đầy lá rụng. Chẳng một ai quan tâm đến hẳn cả.

Thompson Boyd bắt đầu bước ngược lại về phía ngôi nhà.

Trong ngôi nhà ở quận Queens, Jeanne Starke nói với con gái mình: “Không để cặp sách ở hành lang, Brit. Để ở trong phòng học đi con”.

“Mẹ”, cô bé mười tuổi thở dài, cố gắng kéo dài hơi. Cô hất mái tóc màu vàng, treo chiếc áo khoác đồng phục lên móc và nhấc chiếc ba lô nặng trĩu lên, lăm bằm với nỗi bực dọc.

“Bài tập về nhà đâu?”, bà mẹ xinh đẹp, khoảng tầm ba mươi đến bốn mươi tuổi. Cô có mái tóc xoăn đen dày, được buộc chặt ở phía sau với chiếc buộc tóc hình bông hồng đỏ.

“Chẳng có bài tập nào cả”, Britney nói.

“Không có?”

“Không.”

“Lần trước con nói không có bài tập về nhà, nhưng không phải vậy.” Bà mẹ châm chọc.

“Đấy không hẳn là bài tập. Đấy là một bài báo. Chỉ là cắt một bài nào đó ra khỏi tờ báo thôi mà.”

“Con có bài tập ở trường phải làm ở nhà. Bài tập về nhà.”

“Thật mà, không có bài tập nào ngày hôm nay cả.”

Jeanne có thể nói là có nhiều hơn thế. Cô nhướn mày.

“Chỉ là bọn con cần phải mang đến lớp một thứ gì đó từ Italy. Để học giờ thuyết trình. Mẹ biết mà, đây là dành cho ngày Colombus. Mẹ có biết ông ấy là người Ý không? Con cứ tưởng ông ấy là người Tây Ban Nha cơ.”

Người mẹ của hai đứa trẻ đã biết điều này. Cô đã tốt nghiệp trung học và có một bằng dự bị đại học điều dưỡng. Cô đã có thể đi làm, nếu muốn, nhưng bạn trai của cô kiếm được nhiều tiền vì là một thương nhân và cảm thấy hài lòng khi để cô chăm sóc cho ngôi nhà, đi mua sắm với những người bạn gái và chăm sóc lũ trẻ.

Một phần của điều đó chỉ là để bảo đảm rằng lũ trẻ làm bài tập về nhà, bất kể hình thức là như thế nào, bao gồm cả thuyết trình.

“Thế thôi hả? Chà chà, nói sự thật đi xem nào?”

“Meeeeeeeeeeeeee..

“Sự thật?”

“Đúng...”

“‘Vâng’. Không phải ‘đúng’. Con sẽ mang cái gì đi nào?”

“Con không biết. Có thể là một cái gì đó từ cửa hàng Barrini. Mẹ có biết là Colombus đã sai không? Ông ấy nghĩ rằng mình đã tìm ra châu Á, chứ không phải là châu Mỹ. Ông ấy còn quay lại đây ba lần nữa và không bao giờ biết được sự thật.”

“Thật á?”

“Đúng... Vâng.” Britney nói lướt.

Jeanne quay trở vào bếp, nghĩ về sự thật là ông ấy đã không hề biết điều đó. Colombus thực sự nghĩ rằng mình đã tìm ra Nhật Bản hoặc Trung Quốc? Cô rắc bột lên thịt gà, rồi trứng, các mẫu vụn bánh mỳ, và bắt đầu thả hồn mơ tưởng về một chuyến du lịch gia đình tới châu Á - nhờ những hình ảnh trên truyền hình cáp. Hai đứa nhóc sẽ thích lắm. Có thể... Đó là lúc cô tình cờ nhìn ra ngoài và, xuyên qua tấm rèm lơ mơ, cô thấy bóng một người đàn ông đang chậm chậm tiến đến gần ngôi nhà.

Cô cảm thấy bất an. Bạn trai của Jeanne, có sản xuất linh kiện máy tính cho những nhà thầu của chính phủ, đã tạo ra một nỗi sợ hãi trong cô. Luôn luôn cẩn trọng với người lạ, anh nói thế. Nếu như thấy một ai đó đi chậm lại khi họ đi ngang qua nhà, ai đó có vẻ như thấy thú vị với lũ nhóc một cách không bình thường... cần phải báo ngay cho anh biết. Một lần cách đây không lâu lắm, họ đang ở trong công viên với

lũ trẻ, hai đứa đang chơi ở rìa, một chiếc ô tô đi chậm lại và người lái xe, đeo kính đen, nhìn chằm chằm lũ trẻ. Bạn trai cô đã làm cô và lũ nhóc hoảng sợ và bắt họ trở về nhà.

Anh đã giải thích: “Gián điệp”.

“Gi cơ?”

“Không, không giống như những điệp viên CIA. Đó là những gián điệp kinh tế - từ những đối thủ cạnh tranh của công ty anh. Công ty của anh kiếm được sáu tỷ đô năm ngoái và anh chịu trách nhiệm một phần khá lớn trong số đó. Người ta sẽ muốn tìm ra những gì mà anh biết về thị trường.”

“Các công ty khác thực sự làm điều đó?” Jeanne đã hỏi như vậy.

“Em không bao giờ thực sự hiểu về lòng người.” Đó là câu trả lời của anh ấy.

Và Jeanne Starke, với vết sẹo in hằn trên cánh tay - chỗ một vỏ chai whisky cắt một vài năm trước, đã nghĩ: Thật sự mình chưa bao giờ hiểu. Cô lau tay mình lên tấm tạp dề, bước về tấm rèm cửa và nhìn ra bên ngoài.

Người đàn ông đã biến mất.

Được rồi. Đừng có tự hù dọa mình nữa. Chỉ là...

Nhưng khoan... Cô nhìn thấy chuyển động ở bậc thang trước cửa. Và tin rằng mình đã nhìn thấy góc của một chiếc túi - một chiếc túi đựng đồ mua sắm - nằm trên hành lang. Người đàn ông đó đang ở đây!

Chuyện gì xảy ra vậy?

Cô có nên gọi ngay cho bạn trai không?

Hay là nên gọi cảnh sát?

Nhưng họ phải mất mười phút để có thể tới đây.

“Có ai đó ở ngoài cửa, mẹ ơi.” Britney gọi.

Jeanne bước nhanh về phía trước. “Brit, con ở yên trong phòng đi. Mẹ sẽ ra xem

Nhưng cô bé đang mở cánh cửa mất rồi.

“Không!” Jeanne hét lên.

Và nghe thấy: “Cảm ơn, con yêu”. Thompson Boyd nói với giọng lễ nhè thân thiện khi bước vào trong ngôi nhà, tay cầm chiếc túi mà cô đã nhìn thấy.

“Anh làm em sợ”, Jeanne nói. Cô ôm chầm lấy hắn và rời hắn hôn cô.

“Anh không tìm thấy chìa khóa.”

“Anh về nhà sớm.”

Hắn nhăn mặt. “Một vài vấn đề với cuộc thảo luận sáng hôm nay. Họ hoãn đến ngày mai. Anh đã nghĩ rằng mình cần về nhà và làm chút việc.”

Đứa con gái khác của Jeime, Lucy, tám tuổi, chạy vào hành lang. “Bố! Chúng con có thể xem Thẩm phán Judy không?”

“Không phải hôm nay!”

“Ừ ừ, đi mà. Cái gì trong túi vậy ạ?”

“Đó là công việc bố cần phải làm. Và bố cần các con giúp.” Hắn đặt chiếc túi lên sàn nhà ở hành lang, nhìn hai cô bé một cách trịnh trọng và nói: “Các con sẵn sàng chưa?”

“Rồi ạ!” Lucy nói.

Brit, đứa lớn hơn, không nói gì, nhưng đó là vì sẽ chẳng hay nếu cũng đồng ý với em gái mình; cô bé hoàn toàn sẵn sàng giúp đỡ.

“Sau khi chúng ta hoãn cuộc gặp lại, anh đi ra ngoài và mua những thứ này. Anh đã đọc kỹ hướng dẫn suốt cả buổi sáng hôm nay.” Thompson đưa tay vào trong túi và lấy ra vài hộp sơn, bột biển, con lăn và bàn chải. Rồi hắn giơ quyển sách đầy những tấm dấu trang màu vàng: Trang trí nhà một cách dễ dàng. Tập 3: Trang trí phòng ngủ trẻ.

“Bố!” Britney nói. “Cho phòng chúng con ạ?”

“Ừ”, hắn lè nhè. “Mẹ các con và ta chắc chắn không muốn Dumbo trên những bức tường.”

“Bố định sơn Dumbo?” Lucy cau mày. “Con không muốn hình Dumbo.”

Britney cũng vậy.

“Bố sẽ vẽ bất cứ ai các con muốn.”

“Để con xem trước!” Lucy lấy quyển sách từ tay hắn.

“Không, con!”

“Chúng ta sẽ xem cùng nhau”, Thompson nói. “Để bố treo áo khoác lên đã và cất va li đi nào.” Hắn bước về phòng làm việc của mình, ở phía trước của ngôi nhà.

Quay trở lại căn bếp, Jeanne Starke nghĩ rằng mặc dù những chuyến đi dài liên miên, nỗi ám ảnh về công việc, có một sự thật là trái tim anh ấy không hề hòa chung với cả niềm vui hay nỗi buồn của anh ấy, sự thật là anh ấy không phải một người bạn trai lý tưởng, chà, cô biết rằng mình có thể làm rất nhiều những việc tồi tệ hơn trong căn hộ của người bạn trai.

Chạy thoát khỏi cảnh sát từ căn hẻm ở gần sân trường Langston Hughes, Jax nhảy lên một chiếc taxi và nói với người lái xe hướng về phía nam, thật nhanh, thêm mười đô để vượt đèn đỏ. Rồi năm phút sau hắn lại bảo người lái xe vòng lại, thả hắn xuống không xa ngôi trường.

Hắn đã may mắn trốn thoát. Cảnh sát rõ ràng là đang làm bất cứ điều gì cần thiết để ngăn những người khác tiếp cận cô bé. Jax cảm thấy không thoải mái, họ gần như đã biết về hắn. Liệu có phải thằng khốn nạn Ralph đã chơi xỏ hắn không?

Chà, Jax cần phải khôn ngoan hơn một chút. Đó là điều mà hắn cần phải cố gắng làm lúc này. Giống như lúc ở trong tù - không bao giờ manh động cho tới khi kiểm tra hết mọi thứ.

Và Jax biết cần phải tìm hỗ trợ ở đâu.

Những gã đàn ông sống ở thành phố luôn luôn tập trung lại với nhau, dù trẻ hay già, đen hay trắng hoặc nói tiếng Tây Ban Nha, sống ở phía đông New York, Bay Ridge hay Astoria. Ở Harlem, họ sẽ tụ tập ở các nhà thờ, quán bar, các câu lạc bộ Rap hoặc Jazz và các quán cà phê, trong các phòng khách, trên ghế công viên và những bậc thềm. Họ sẽ ở trên những bậc thềm trước cửa và lối thoát hiểm vào mùa hè, quây quần xung quanh những thùng rác cháy vào mùa đông. Các tiệm cắt tóc nữa - giống như bộ phim một vài năm trước. (Tên thật của Jax, Alonzo, thực ra bắt nguồn từ Alonzo Henderson, cự nô lệ ở bang Georgia đã trở thành triệu phú bằng việc gây dựng một chuỗi tiệm cắt tóc nổi tiếng - bố của Jax đã hy vọng động lực và tài năng của mình sẽ có ở đứa con trai, và đó hóa ra chỉ là một hy vọng hảo huyền mà thôi).

Nhưng địa điểm phổ biến nhất cho những người đàn ông tụ tập ở Harlem là sân bóng rổ.

Họ đến đó để chơi bóng. Nhưng cũng đến chỉ để làm những việc linh tinh, giải quyết những vấn đề của thế giới, nói về điểm tốt và xấu của phụ nữ, tranh luận về thể thao, chửi nhau và chém gió - một phiên bản hiện đại và có tính chất kế thừa: Nghĩa là văn hóa truyền thống của người da đen, kể về những câu chuyện của các nhân vật huyền thoại giống như tên tội phạm Stackolee hay câu chuyện về người đốt lò trên tàu Titanic đã sống sót sau thảm họa đắm vào núi băng bằng cách bơi đến nơi an toàn.

Jax đã tìm thấy công viên gần Langston Hughes nhất có một sân bóng rổ. Mặc dù không khí lạnh lẽo của mùa thu và mặt trời thấp lơ mờ, sân bóng rổ vẫn đầy người. Hắn trườn đến cái sân gần nhất và cởi chiếc áo khoác đã chiến ra, bộn cộm chắc hẳn là đã chú ý đến, xoay mặt trong ra ngoài và choàng nó qua cánh tay. Hắn dựa vào hàng rào sắt, hút thuốc và nhìn như một phiên bản lớn của Pharaoh Ralph. Hắn kéo cái khăn trùm xuống và chải chải cái đầu xù bằng những ngón tay.

Khi quay đầu ra nhìn, hắn thấy một chiếc xe cảnh sát đi qua, chậm rãi, dọc con phố bên kia đường với sân chơi. Jax đứng yên chỗ cũ. Không có gì thu hút sự chú ý của lũ cớm nhanh hơn việc quay lưng bỏ đi khi thấy chúng (hắn đã bị chặn lại hàng chục lần vì vi phạm cái tội đi bộ và là người da đen). Ở sân bóng phía trước, một nhóm những cậu nhóc học sinh trung học đang chuyển động một cách khéo léo qua nửa sân trải nhựa màu xám, trong khi nhóm khác đang đứng nhìn. Jax nhìn quả bóng rổ màu nâu bụi bặm đập xuống nền, rồi nghe thấy âm thanh nó chạm đất. Hắn nhìn những bàn tay tóm chặt, những thân thể lao vào nhau, nhìn quả bóng hướng về phía rổ.

Chiếc xe cảnh sát biến mất, Jax nhô ra khỏi hàng rào và tiến đến gần chỗ những cậu trai đứng ở rìa sân. Tên cựu phạm nhân nhìn lũ trẻ. Không có một tay anh chị nào, không một gã gangster với khẩu Glock. Chỉ là một túm học sinh trung học - một vài đứa có hình xăm, một vài đứa không, vài đứa thì đeo những sợi xích, vài đứa chỉ đeo đơn giản một cây thánh giá, vài đứa có ý đồ xấu, vài đứa thì tốt. Nhìn và trêu chọc những đứa con gái, bắt nạt và làm đại ca những đứa nhóc nhỏ hơn. Nói chuyện, tán gẫu, hút thuốc. Tận hưởng tuổi trẻ.

Quan sát chúng, Jax lại chìm vào một giai điệu. Hắn đã từng mong muốn có một gia đình thật lớn, giống như rất nhiều những thứ khác, nhưng giấc mơ đó không bao giờ thành hiện thực. Hắn đã từng mất một đứa con vào trung tâm giáo dục và một đứa trong chuyến đi định mệnh của bạn gái tới một phòng khám trên phố 125. Đó là tháng Một của một năm rất lâu rồi, với niềm hân hoan của Jax, cô ấy thông báo rằng mình đã có bầu. Đến tháng Ba, cô ấy cảm thấy đau và họ đã tới một phòng khám miễn phí, đó là lựa chọn duy nhất cho dịch vụ y tế của họ. Họ đã mất hàng tiếng đồng hồ trong căn phòng chờ bẩn thỉu, đông đúc và chật chội. Cho đến khi gặp được bác sĩ thì cô ấy đã bị sảy thai.

Jax đã túm lấy và gần như đánh ông ấy một cách dã man. “Đó không phải lỗi của tôi”, người đàn ông Ấn Độ nhỏ bé nói, co rúm bên cạnh cái xe đẩy bệnh nhân. “Họ cắt bớt ngân sách của chúng tôi. Chính quyền thành phố đã làm điều đó. Nghe tôi nói đã.” Jax bị nhấn chìm trong giận dữ và tuyệt vọng. Hắn cần phải trả thù một kẻ nào đó, để bảo đảm rằng điều này sẽ không xảy ra một lần nữa - với cô ấy và với bất cứ ai khác. Chẳng có sự an ủi nào khi ông bác sĩ giải thích rằng ít nhất họ đã giữ được mạng sống của cô bạn gái - một điều mà có thể không thể xảy ra nếu như kế hoạch về cắt giảm ngân sách cho việc chăm sóc sức khỏe dành cho người nghèo được thông qua.

Chính quyền kiểu gì mà lại làm điều đó với nhân dân? Chẳng phải nhiệm vụ của Tòa thị chính thành phố và chính quyền bang là vì lợi ích của công dân đó sao? Làm thế nào mà họ có thể để một đứa bé chết như vậy chứ?

Cả bác sĩ, lẫn cảnh sát dẫn hắn ra khỏi cái bệnh viện đêm hôm đó trong chiếc còng tay, đều không trả lời được cho những câu hỏi ấy.

Nỗi đau và sự tức giận tột cùng của ký ức ấy càng khiến hắn quyết tâm hơn để vượt qua cái hắn đang làm lúc này.

Khuôn mặt nghiêm trọng, Jax quan sát lũ trẻ trên sân bóng và hắt đầu về phía cậu trai mà hắn cho là thủ lĩnh hoặc cầm đầu. Mặc chiếc quần hộp lửng nhiều túi, đôi giày ống cao và áo thun thể thao. Tóc để kiểu gumby - mỏng ở một bên, rồi chải phồng cao lên ở bên kia. Cậu nhóc nhìn hắn. “Gì thế lão già?”

Tiếng cười ha hả từ những đứa khác.

Lão già.

Ở Harlem trước đây - chà, có lẽ là người già ở bất cứ đâu - là một người trưởng thành cần có được sự tôn trọng. Giờ thì nó khiến ta cảm thấy khó chịu. Một dân chơi có thể đã rút súng ra khỏi túi và làm cho thằng nhóc kia nhảy dựng lên. Nhưng Jax đã được dùi mài qua nhiều năm sống đường phố, hằng năm trời ngồi bóc lịch và biết rằng đó không phải là cách để giải quyết, không phải ở đây. Hắn cười. Rồi thì thầm: “Có thích vài trăm đô không?”

“Ông muốn à?”

“Ta muốn đưa cho cậu vài tờ. Nếu cậu muốn, đồ khỉ.” Jax vỗ vỗ túi áo, chỗ tập tiền đang phồng lên.

“Tôi chẳng buôn bán cái gì cả.”

“Tôi chẳng mua cái mà cậu nghĩ đâu. Nào. Lại đây xem nào.”

Cậu nhóc gật đầu và họ đi khỏi sân bóng. Khi bước đi, Jax cảm thấy cậu ta đang quan sát hắn, để ý thấy cái chân khập khiễng. Chà, đó là cái chân tôi bị bắn nhưng cũng có thể là một cái chân của một tay anh chị thứ thiệt. Rồi cậu ta nhìn vào đôi mắt của Jax, lạnh lùng như bụi bần, rồi cơ bắp và những hình xăm tù. Có thể đang nghĩ: Với tầm tuổi của Jax có thể đã khiến hắn trở thành một thủ lĩnh cao trong các băng đảng - người mà ta đây đưa thì chỉ đem lại hiểm họa và phiền toái.

Những thủ lĩnh trong các băng đảng có vũ khí AK và Uzis cộng với Hummers cũng như cả tá côn đồ vây xung quanh. Họ sử dụng những đứa nhóc mười hai tuổi để bắn các nhân chứng và các tay buôn ma túy kinh địch bởi pháp luật không thể giam giữ chúng suốt đời, trừ khi chúng mười bảy hay mười tám tuổi.

Một dân anh chị thứ thiệt có thể đập bạn một trận bầm giập nếu bạn gọi ông ta là “lão già”.

Thằng nhóc bắt đầu nhìn có vẻ e dè. “Chà, vậy chính xác thì ông muốn gì? Chúng ta đi đâu đây?”

“Chỉ đến kia thôi. Tao không muốn nói chuyện trước cả lũ nhóc.” Jax dừng lại sau vài bụi cây. Đôi mắt thằng bé liếc quanh. Jax cười to. “Tao không làm gì mày đâu, nhóc.”

Thằng bé cười theo. Nhưng dè dặt. “Được rồi.”

“Tao cần phải tìm địa chỉ một đứa. Một đứa học ở Langston Hughes. Mày học ở đấy hả?”

“Vâng, phần lớn chúng tôi.” Thằng nhóc hất đầu về phía sân bóng.

“Tao đang tìm con bé trên bản tin thời sự sáng nay.”

“Con bé ấy á? Geneva? Nó nhìn thấy ai đó bị bắn hay gì đó? Con đi toàn điểm A đấy á?”

“Tao không biết. Nó toàn được điểm A?”

“Đúng. Nó thông minh.”

“Nó sống ở đâu?”

Thằng bé im lặng, dò xét thận trọng. Tranh đấu. Liệu nó có bị đập một trận nếu hỏi thứ mà nó muốn không nhỉ? Nó quyết định, chắc là không, “Ông vừa nói về tiền?”

Jax đưa cho nó vài tờ đô la.

“Tôi không biết con điểm ấy. Nhưng tôi có thể liên lạc với một người anh em biết rõ điều đó. Tên người anh em của tôi là Kevin. Muốn tôi gọi cho nó chứ?”

“Được.”

Một chiếc điện thoại bé xíu được lôi ra từ túi quần của thằng nhóc. “Này, tao, Willy đây... Sân bóng rổ... Ừ, nghe này, có một ông già ở đây với một đồng tiền, đang tìm con điểm của mày đấy... Geneva. Con chó nhà Settle... Này, đùa thôi mà, mày biết tao đang nói gì chứ?... Được rồi. Giờ thì ông này muốn...”

Jax giật lấy cái điện thoại từ tay thằng nhóc và nói: “Hai trăm đô, đưa địa chỉ con bé đây cho tao”.

Do dự một chút.

“Tiền mặt?”, Kevin hỏi.

“Không”, Jax đùa cợt: “Chuyển phát chậm America. Ừ, tiền mặt”.

“Tôi sẽ đi tới sân bóng, ông có tiền sẵn đấy rồi chứ?”

“Ừ. Nó đang nằm ngay cạnh khẩu côn của tao, nếu mày thích. Và khi nói ‘côn’, tao không ám chỉ cái chai bia bốn mươi độ^[37] đâu.”

[37] Nguyên văn: “malt in a forty” - một loại bia malt liquor có tên là Colt 45; giống với cách gọi khẩu súng côn.

“Được rồi. Chỉ hỏi vậy thôi. Tôi không phải một mình đi vòng quanh để kiếm người đâu.”

“Tao sẽ đi với đội của mình”, Jax nói, cười nhảu nhở với Willy đang lóng cóng. Hắn tắt điện thoại và quăng nó cho thẳng nhóc rồi đi về phía hàng rào và dựa vào nó, nhìn trợn bóng.

Mười phút sau Kevin đến - khác với Willy, nó là một tay chơi thực sự, cao, đẹp trai, hiền ngang. Nhìn giống như một diễn viên nào đó mà Jax không nhớ ra tên. Để biểu diễn với bạn bè, cho thấy nó chả háo hức gì lắm với việc kiếm vài tờ một trăm đô - và tất nhiên, cũng để gây ấn tượng với một vài đứa con gái - Kevin rất chậm rãi. Dừng lại, chạm những nắm đấm vào nhau, ôm lấy một hay hai thằng nhóc.

Thốt lên cái câu “Chà chà, người anh em” một vài lần, rồi bước vào sân, lấy trái bóng và thực hiện một vài cú úp rổ khá ấn tượng.

Hắn cũng có thể thực hiện cú nhảy úp bóng vào rổ, chẳng có gì thách thức hết.

Cuối cùng Kevin nhảy về phía Jax và quan sát hắn, bởi đó là điều mà ta làm khi một kẻ lạ mặt bước vào giữa một đám đông - dù cho đó là trên một sân bóng rổ hay là trong một quán bar hoặc thậm chí là một tiệm cắt tóc của Alonzo Henderson thời Victoria, Jax đoán vậy. Kevin đang cố gắng tìm xem Jax giấu khẩu súng ở đâu, liệu Jax có được bao nhiêu tiền và hắn định làm gì. Jax hỏi: “Nói tao biết xem mày định dò xét tao bao lâu nữa nào? Nó làm tao phát ngán rồi đấy”.

Kevin không cười. “Tiền đâu?”

Jax đưa nó tiền.

“Con nhãi đó ở đâu?”

“Đội nào. Tôi sẽ chỉ cho ông.”

“Chỉ cần đọc địa chỉ đây.”

“Ông sợ tôi à?”

“Chỉ cần đưa địa chỉ đây.” Đôi mắt nhìn không hề nao núng.

Kevin cười nhe răng. “Tôi không biết số nhà. Tôi biết ngôi nhà nào thôi. Tôi đã đưa con bé về nhà mùa xuân vừa rồi. Tôi sẽ chỉ nó cho ông.”

Jax gật đầu.

Họ bắt đầu bước về phía tây rồi hướng xuống phía nam, khiến Jax rất ngạc nhiên; hắn cứ nghĩ rằng cô phải sống ở một trong những khu ổ chuột khó khăn - xa hơn về phía bắc theo dòng Harlem, hoặc phía đông. Những con phố ở đây không rực rỡ nhưng rất sạch sẽ và có vẻ như rất nhiều căn nhà ở đây mới được xây dựng lại. Và cũng có rất nhiều công trình mới đang được thực hiện.

Jax cau mày, nhìn quanh khu phố xinh đẹp. “Mày có chắc là ta đang nói về

“Đó là con nhãi mà ông hỏi. Đó là ngôi nhà mà tôi muốn chỉ cho ông thấy... Chà, ông có muốn mua một ít cổ, hay là đá không?”

“Không.”

“Ông chắc chứ? Tôi có vài cái tốt lắm.”

“Thật đáng xấu hổ, mày sẽ sớm điếc và mất hết khi chưa già con ạ.”

Kevin nhún vai.

Họ bước tới một dãy phố gần công viên Momingside. Trên đỉnh một con dốc lát đá là khuôn viên trường Đại học Columbia, một địa điểm thường xuyên bị hắn đánh bom với dòng chữ Jax 157 nhiều năm về trước.

Họ bắt đầu rẽ về góc đường nhưng cả hai dừng lại nhanh.

“Này, nhìn đi”, Kevin thì thầm. Có một chiếc Crown Vic - rõ ràng là một xe cảnh sát ngầm - đỗ song song với một hàng xe khác phía trước một tòa nhà cũ kỹ.

“Đó là nhà nó hả? Chỗ cái xe đậu phía trước kia?”

“Không. Nhà của nó cách đây hai căn về phía chúng ta. Kia kia.” Cậu nhóc chỉ.

Đó là một ngôi nhà cũ nhưng vẫn còn khá đẹp và chắc chắn. Những bông hoa trên các cửa sổ, mọi thứ đều sạch sẽ. Rèm cửa xinh xắn. Nước sơn nhìn có vẻ mới.

Kevin hỏi: “Ông sẽ cho nó một trận hả?”, rồi nhìn Jax dò xét từ đầu đến chân.

“Định làm gì là việc của tao.”

“Việc của ông... Hẳn nhiên là thế rồi.” Kevin nói với một giọng nhỏ nhẹ. “Chỉ là... Lý do tôi hỏi là, bởi vì nếu như nó sắp gặp rắc rối với ông - mà tôi thì chẳng vấn đề gì với việc đó cả, ý tôi đang nói là - nếu có chuyện gì xảy ra với nó, chà, nghĩ thử xem: Tôi sẽ biết đó là ông. Và có thể sẽ có ai đó đến và nói chuyện với tôi về điều này. Nên, tôi đang nghĩ, với cả đồng tiền ông nhét trong túi áo mình kia, có lẽ nên san sẻ cho tôi một ít nữa, tôi thậm chí có thể sẽ quên là đã từng gặp ông luôn. Mặt khác, cũng có khả năng là tôi sẽ nhớ rất nhiều về ông cũng như việc ông hỏi về con đi con này.”

Jax là một tay giang hồ từng trải. Từng là vua Graffiti, từng là một người lính trong ền dịch Bao Cát Sa Mạc, biết những tay anh chị trong tù và bên ngoài, đã từng bị bắn vào... Nếu như có một luật lệ trong cái thế giới điên khùng này thì chính là dù ta cho rằng mọi người ngu ngốc đến thế nào đi nữa, thậm chí họ vẫn luôn vui vẻ nếu là những kẻ ngốc.

Trong một phần triệu giây, Jax chớp lấy cổ áo thằng bé với bàn tay trái và vùng nắm đấm thật mạnh vào bụng nó, ba lần, bốn, năm...

“Mẹ kiếp...” Đó là tất cả những gì thằng nhóc kịp thốt ra.

Cách ta chiến đấu trong tù. Đừng bao giờ cho chúng nó cơ hội để lấy lại thế.

Một lần nữa, một lần nữa, một lần nữa...

Jax thả nó ra và thằng nhóc chuồn thật nhanh vào con hẻm, rên rỉ đau đớn. Thận trọng và chậm rãi như một vận động viên bóng chày nhắc cây gậy lên, Jax cúi thật thấp và lôi khẩu súng ra khỏi tất. Trong khi Kevin nhìn theo một cách bất lực, tên cựu phạm nhân nhét một viên đạn vào trong khẩu súng rồi quấn chiếc khăn trùm của hắn quanh súng nhiều vòng. Jax đã học điều này từ DeLisle Marshall ở nhà S, là một trong những cách tốt nhất và tiết kiệm nhất để bịt tiếng súng nổ.

18. Chương 18

Buổi tối hôm đó, lúc 7 giờ 30 phút, Thompson Boyd vừa hoàn thành việc sơn hình chú gấu hoạt hình lên bức tường trong phòng Lucy. Hắn bước lùi lại và nhìn vào tác phẩm của mình. Hắn đã làm những gì mà quyển sách yêu cầu và khá chắc chắn rằng nó giống một con gấu. Đó là bức tranh đầu tiên hắn vẽ trong đời, ở bên ngoài trường học - đó là lý do tại sao hắn đã vất vả nghiên cứu và tìm tòi trong quyển sách ở căn hộ hắn thuê buổi sớm ngày hôm nay.

Những cô bé có vẻ rất thích nó. Hắn đã nghĩ rằng bản thân mình hẳn phải rất vui với bức tranh. Nhưng hắn không chắc chắn lắm. Hắn nhìn bức vẽ chăm chăm một lúc lâu, đợi chờ cảm giác tự hào. Nhưng hắn không thấy. Chà. Hắn bước vào hành lang, nhìn vào điện thoại của mình. “Có tin nhắn”, hắn nói một cách lơ đãng rồi quay số. “Xin chào, đây là Thompson. Anh thế nào rồi? Thấy cuộc gọi nhớ của anh.”

Jeanne nhìn hắn rồi quay lại lau khô những chiếc đĩa.

“Đừng đùa chứ?” Thompson cười khúc khích. Với một người đàn ông không cười, hắn nghĩ rằng tiếng cười của mình có vẻ thật. Tất nhiên, hắn đã làm điều đó sáng hôm nay, trong thư viện, cười để khiến cho đứa con gái nhà Settle cảm thấy thoải mái và điều đó lại không thực sự hiệu quả lắm. Hắn tự nhắc nhở mình không được diễn một cách thái quá. “Anh bạn ạ, đó quả là một kẻ lười biếng ăn không ngồi rồi”, hắn nói vào chiếc điện thoại mà không hề thực hiện cuộc gọi nào. “Chắc chắn rồi. Sẽ không mất nhiều thời gian phải không? Sẽ tranh luận ngày mai vậy, ừ, cuộc họp mà chúng ta đã hoãn ấy... Hẹn gặp lúc mười giờ.”

Hắn gấp điện thoại và nói với Jeanne. “Vern đang ở chỗ Joey. Cậu ấy đã có một căn hộ.”

Vern Harber đã từng tồn tại nhưng bây giờ thì không. Thompson đã giết anh ta vài năm trước. Nhưng bởi hắn biết Vern trước khi anh ta chết, Thompson đã biến anh ta thành một người hàng xóm tưởng tượng mà hắn thi thoảng nhìn thấy, một người bạn. Giống như Vern thật sự đã chết, một nhân vật hư cấu có thật lái chiếc Supra, có một người bạn gái tên là Renee và kể vô số những câu chuyện cười về cuộc sống trên những bến tàu, trong cửa hàng bán thịt lợn và ở khu vực quanh nhà anh ta. Thompson biết rất nhiều về Vern và hắn ghi nhớ mọi chi tiết trong đầu. (Hắn biết, khi ta nói dối, hãy nói dối thật rõ ràng, hồ hởi và cụ thể.)

“Anh ta lái chiếc Supra của mình lên một cái vỏ chai bia.”

“Anh ấy không sao chứ?”, Jeanne hỏi.

“Anh ta chỉ đang cố đậu xe thôi. Cái gã lơ đãng không thể tháo được những con ốc ra một mình ý chứ.”

Sống và chết, Vern Harber là một kẻ lừa dối chẳng biết làm gì.

Thompson lấy chiếc bàn chải sơn và chiếc giẻ dẹt bìa các tông vào phòng giặt và đặt chúng dưới bồn rửa mặt, vặn nước để nhúng cái bàn chải. Hắn khoác chiếc áo ngoài vào.

Jeanne hỏi: “À, anh có thể mua một ít sữa giảm béo 2% trên đường về không?”.

“Một phần tư gallon hả?”

“Thế là đủ rồi.”

“Và kẹo roll-ups nữa!” Lucy gọi với theo.

“Vị gì đây?”

“Nho.”

“Được rồi. Brit?”

“Sơ ri!”, cô bé nói rồi nhớ ra là phải thêm vào: “Đi mà!”.

“Nho, sơ ri và sữa.” Hắn chỉ vào từng người, theo yêu cầu của họ.

Thompson ra ngoài, bắt đầu bước đi trên con đường quanh co xuôi xuống những con phố ở Queens, thi thoảng quay lại nhìn để bảo đảm rằng không có ai theo dõi. Hít bầu không khí lạnh lạnh vào phổi, nhả ra luồng không khí ấm hơn và với những nốt nhạc nhẹ nhàng: bài hát của Celine Dion trong phim Titanic.

Gã sát thủ đã để mắt tới Jeaneime khi nói với cô rằng mình sẽ đi ra ngoài. Hắn đã nhận thấy sự quan tâm của cô với Vern có vẻ là thật và rằng cô ấy không phải là người ít đa nghi nhất, dù sự thật là hắn đang đi gặp một người đàn ông mà cô ấy chưa bao giờ gặp. Nhưng đó là một điều riêng biệt. Đêm nay, hắn đang giúp đỡ một người bạn. Đôi khi hắn nói mình muốn đặt cược một ván ngoài trường đua ngựa. Hoặc là tới gặp vài người bạn ở chỗ của Joey và làm gì đó. Những lời nói dối của hắn thay đổi liên tục.

Người phụ nữ da ngăm đen với mái tóc xoăn không bao giờ hỏi nhiều về việc hắn đi đâu, hay về công việc của một thương nhân giả mạo buôn bán linh kiện máy tính mà hắn vẫn nói rằng mình đang làm, công việc đòi hỏi phải vắng nhà thường xuyên. Không bao giờ hỏi kỹ về việc tại sao công việc của hắn lại bí mật đến mức phải luôn khóa cửa trụ sở văn phòng. Cô khôn khéo và rất thông minh, hai điều rất khác nhau, và hầu hết những người phụ nữ như vậy đều khẳng khái đòi can dự nhiều hơn vào cuộc sống của người đàn ông của mình. Nhưng Jeanne Starkle thì hoàn toàn khác.

Hắn đã gặp cô ở một quầy bán đồ ăn trưa ở Astoria một vài năm trước sau khi hắn lẩn tránh vụ giết một tay buôn bán thuốc phiện ở Newark mà hắn được thuê giết. Ngồi bên cạnh Jeanne ở quầy bán đồ ăn Hy Lạp, hắn đã hỏi cô lọ sốt cà chua và rồi xin lỗi, nhận ra rằng cô đang có một cánh tay bị gãy và không với được nó. Hắn hỏi xem cô có ổn không và điều gì đã xảy ra? Cô đã đánh lạc hướng câu hỏi, dù những giọt nước mắt đang đọng đầy trong đôi mắt. Họ đã tiếp tục chuyện trò.

Họ nhanh chóng hẹn hò. Sự thật về cánh tay bị gãy cuối cùng hé lộ và một ngày cuối tuần Thompson đến gặp gã chồng cũ của cô. Sau đó, Jeanne nói với hắn rằng một phép màu đã xảy ra: chồng cô ta đã rời

khỏi thị trấn và thậm chí không gọi lũ trẻ một lần nào nữa, chuyện gã đã từng làm một tuần một lần, trong tình trạng say khướt rồi nổi xung với lũ trẻ vì mẹ của chúng.

Một tháng sau, Thompson chuyển đến sống với cô và 1 trẻ.

Có vẻ như, đó là một sự sắp đặt tốt cho Jeanne và những đứa con gái của cô. Một người đàn ông không la hét hay sử dụng thất lưng để đánh đập ai, trả tiền thuê nhà và có mặt mỗi khi anh ta nói có thể - tại sao, họ cảm thấy anh là một tài sản tuyệt vời nhất trên thế gian. (Những năm tháng trong tù đã dạy Thompson một bài học tuyệt vời về việc đặt những chuẩn mực thấp hơn).

Một sự sắp đặt tốt cho họ, và tốt cho cả một sát thủ chuyên nghiệp nữa: Bất cứ ai trong công việc của hần mà có vợ hay bạn gái và lũ trẻ sẽ ít bị nghi ngờ hơn so với một kẻ sống một mình.

Nhưng có một lý do khác mà hần ở với cô, quan trọng hơn cả một hậu phương và sự thuận lợi.

Thompson Boyd đang chờ đợi. Có một điều gì đó đã lạc mất khỏi cuộc sống của hần một thời gian dài và hần đang chờ đợi sự trở lại của nó. Hần tin rằng một ai đó giống như Jeanne Starkle, một người phụ nữ với những đòi hỏi không quá lớn lao và với những mong ước bình dị, có thể giúp hần tìm ra điều đó.

Và cái điều lạc mất đó là gì? Đơn giản: Thompson Boyd đang chờ đợi sự vô cảm biến mất và những cảm giác trong tâm hồn hần quay trở lại, theo cái cách mà bàn chân của ta quay lại với cuộc sống sau khi mệt mỏi.

Thompson có rất nhiều hồi tưởng về tuổi thơ của mình ở Texas, hình ảnh cha mẹ và người dì Sandra, anh chị em họ, bạn bè ở trường. Xem những trận đấu A&M Texas trên ti vi, ngồi quanh chiếc đàn organ điện của Sears, Thompson nhấn phím trong khi dì hoặc cha hần chơi những bản nhạc với tất cả khả năng của mình với những ngón tay mập mạp ngăn ngùn (đó quả thực là gen của nhà hần). Hát vang bài Onward Christian Soldiers, Tie a yellow ribbon và nhạc nền bộ phim The Green Berets. Chơi trò Hearts trên máy tính. Học cách sử dụng những dụng cụ với người cha trong nhà kho ngăn nắp một cách hoàn hảo. Bước đi bên cạnh người đàn ông to lớn trên sa mạc, kinh ngạc trước hoàng hôn, những thảm dung nham, những con chó sói, những con rắn đuôi chuông truồn như những nốt nhạc nhưng có thể cắn ta chết chĩ trong tíc tắc.

Hần nhớ về người mẹ mộ đạo của mình, gói ghém những chiếc bánh sandwich, tắm nắng, quét đi lớp bụi của Texas khỏi cửa chiếc xe moóc và ngồi trong những chiếc ghế nhôm với những người bạn của bà. Hần nhớ về người cha mộ đạo của mình, sưu tập những chiếc đĩa than, dành những ngày thứ Bảy với con trai và những ngày trong tuần với công việc liêu linh trên những chiếc cần câu. Hần nhớ về những buổi tối thứ Sáu tuyệt vời, đi tới tiệm cà phê Goldenlight trên đường 66 để ăn bánh kẹp Harleoai tây chiên, thưởng thức nhạc xuy[nh[38] Texas xập xình qua những chiếc loa.

[38] Một loại nhạc jazz êm dịu nhún nhảy vào những năm 30.

Thompson Boyd vẫn chưa hề vô cảm.

Ngay cả khi trải qua quãng thời gian khó khăn sau khi một cơn bão tháng Sáu cuốn đi chiếc xe - nhà của họ - và lấy mất cánh tay phải của mẹ hần, đồng thời cũng gần như cả cuộc sống của bà, thậm chí cả khi cha hần mất việc trong thời kỳ giảm biên chế, nó quét sạch cả một phần phía trên của Texas như một trận bão cát Oklahoma, Thompson không hề vô cảm.

Hần chắc chắn không hề vô cảm khi nhìn mẹ mình thở dốc và kiềm chế những giọt nước mắt trên những con phố của Amarillo sau khi một đứa nhóc gọi mẹ hần là “đồ cụt tay” và Thompson đã đi theo, đồng thời bảo đảm rằng thằng nhóc sẽ không bao giờ trêu chọc một ai nữa.

Nhưng rồi sau đó là những năm tháng tù tội. Và đâu đó trong những căn phòng đầy mùi nước rửa Lysol, sự vô cảm đã bò lên trên cảm xúc và khiến nó ngủ yên. Những cảm xúc ngủ say đến nỗi hần thậm chí không cảm thấy một tiếng bíp khi biết tin rằng một tài xế trên cabin của chiếc Peterbilt ngủ gật đã giết chết cha mẹ và dì của hần cùng lúc, thứ duy nhất còn lại là bộ hộp đánh giày hần làm cho cha mình trong sinh nhật lần thứ bốn mươi của ông. Những cảm xúc ngủ sâu đến nỗi sau khi hần được thả ra và truy lùng người bảo vệ Charlie Tucker, Thompson Boyd chẳng cảm thấy gì khi hần nhìn người đàn ông chết một cách từ từ, khuôn mặt tím tái từ sợi thông lọng, chiến đấu một cách tuyệt vọng để tóm lấy sợi dây và nhắc chính mình lên để ngăn cơn nghẹt thở. Mà ta không thể làm được điều đó, dù cho có mạnh mẽ đến đâu.

Vô cảm, khi hắn nhìn xác của người bảo vệ đu đưa, quằn quại một cách từ từ đến chết. Vô cảm, khi hắn đặt những ngọn nến trên mặt đất dưới chân Tucker để khiến cho vụ giết người trông giống như kiểu tâm linh, ma quỷ và ngược nhìn vào đôi mắt vô hồn của người đàn ông.

Vô cảm...

Nhưng Thompson tin rằng hắn có thể sửa chữa chính mình, cũng giống như sửa chiếc cửa buồng tắm và cái tay vịn cầu thang lỏng lẻo ở ngôi nhà gỗ. (Cả hai đều là công việc, điểm khác biệt duy nhất là nơi ta đặt dầu thập phân hay ta có biết làm hay không mà thôi.) Jeanne và lũ trẻ có thể sẽ mang những cảm xúc quay trở lại. Tất cả những gì hắn phải làm là thực hiện theo mà thôi. Làm những gì mà người khác lâng lâng thường, những người không hề lạnh lùng vô cảm: Sơn phòng của lũ trẻ, xem Quan tòa Judy với chúng, đi picnic ở công viên. Mang cho chúng những gì chúng muốn. Nho, sơ ri, sữa. Nho, sơ ri, sữa. Thử thốt ra những câu chữ thề, mẹ kiếp, khốn kiếp... Bởi đó là những gì mà người ta nói khi họ tức giận. Và những người tức giận thì có cảm xúc.

Đó cũng là lý do vì sao hắn hay huyết sáo - hắn tin rằng âm nhạc có thể đưa hắn trở lại những ngày xa xưa ấy, trước khi hắn vào tù. Những người yêu thích âm nhạc thì không hề vô cảm. Những người hay huyết sáo có cảm xúc, họ có gia đình, có thể làm những người lạ phải ngạc nhiên với một nốt nhạc luyến hay. Họ là những người mà ta có thể dừng lại trên một góc phố và nói chuyện, những người mà ta có thể mời một miếng khoai tây chiên, ngay trên đĩa bánh kẹp Harley, với những tiếng nhạc xập xình từ căn phòng bên cạnh, chẳng phải họ cũng là nhạc sĩ sao? Như thế thì thế nào?

Làm theo quyển sách và sự vô cảm sẽ biến mất. Cảm xúc sẽ quay trở về.

Hắn tự hỏi, liệu nó có hiệu quả không, chế độ mà hắn sắp đặt cho mình để lấy lại cảm xúc trong tâm hồn? Tiếng sáo, gọi lên trong ký ức những điều mà hắn cảm thấy rằng mình nên nhớ lại, nho và sơ ri, câu chữ thề, cười? Có thể là một ít, hắn tin thế. Hắn nhớ lại khi nhìn người đàn bà trong bộ đồ màu trắng sáng ngày hôm đó, đi đi lại lại, đi đi lại lại... Hắn có thể thành thật nói rằng hắn đã thích thú được nhìn cô ta làm việc. Một niềm vui nho nhỏ, nhưng đó là một cảm xúc. Khá tốt.

Đợi đã: “Chết tiệt, khá là tốt”, hắn thì thầm.

Đó, một câu chữ thề.

Có thể hắn sẽ thử với tình dục thêm xem sao (thường là một lần một tháng, vào buổi sáng, hắn có thể sắp xếp, nhưng sự thật là hắn không muốn - nếu như cảm xúc không có, thì ngay cả Viagra cũng không thực sự hiệu quả). Giờ hắn đang bị giằng xé. Ừ, đó là những gì hắn đã làm - dành ra một vài ngày và làm chuyện đó với Jeanne. Suy nghĩ này khiến hắn cảm thấy không thoải mái. Nhưng có thể hắn sẽ nỗ lực, tập trung vào việc đó. Đó có thể là một bài kiểm tra tốt. Chà, hắn nên thử và xem liệu mình đã cải thiện được chút nào.

Nho, sơ ri, sữa...

Thompson dừng lại bên một buồng điện thoại công cộng ở trước một quán ăn Hy Lạp. Hắn quay số hộp thư thoại một lần nữa và nhấn mật mã. Lắng nghe một tin nhắn mới báo rằng gần như đã có cơ hội để giết Geneva Settle ở trường nhưng quá nhiều cảnh sát dõi theo bảo vệ cô bé. Tin nhắn tiếp tục, cho hắn địa chỉ, nằm trên phố 118 và báo rằng có ít nhất một xe cảnh sát và một xe tuần tra đậu gần đó, thì thoáng thay đổi vị trí. Số lượng cảnh sát bảo vệ cô bé khoảng một đến ba người.

Thompson ghi nhớ địa chỉ và xóa tin nhắn rồi tiếp tục hành trình phức tạp của mình tới tòa nhà sáu tầng còn xơ xác hơn nhiều căn nhà của Jeanne. Hắn đi vòng ra đằng sau và mở cánh cửa sau đó mới bước lên những bậc thang tới căn phòng là nơi ẩn nấu chính. Hắn bước vào trong, khóa cửa rồi tắt hệ thống an ninh ngăn những kẻ xâm nhập mà hắn đã thiết lập.

Nơi này đẹp hơn một chút so với căn hộ trên phố Elizabeth. Nó được che phủ, bảo vệ bởi một tấm biển quảng cáo màu vàng được gắn chặt bằng đinh và được tô điểm bởi một tấm thảm sợi dày màu nâu và có mùi của một tấm thảm sợi dày màu nâu tỏa ra. Có nửa tá những đồ đạc nội thất. Nơi này gọi lại trong ký ức Thompson về căn phòng giải trí mà hắn và cha dùng nhiều ngày cuối tuần để xây dựng căn nhà gỗ ở Amarillo, thay thế cho cái xe moóc đã bị cơn bão cuốn mất.

Từ một cái ngăn kéo đựng đồ lớn, hắn cẩn thận rút ra một vài cái lọ và mang chúng lên bàn làm việc, miệng huýt sáo bài hát nhạc nền trong bộ phim Pocahontas. Lũ trẻ rất thích bộ phim này. Hắn mở hộp dụng cụ, đeo đôi găng tay cao su dày, mặt nạ, đôi kính bảo vệ mắt và lắp ráp thiết bị sẽ giết Geneva Settle ngày mai - và bất cứ ai gần cô nữa.

Wsst...

Giai điệu trở thành tiếng gì đó: Không còn là bài hát của Disney. Bài Forever Young của Bob Dylan.

Khi đã hoàn thiện thiết bị, hắn kiểm tra nó thật kỹ càng và cảm thấy khá hài lòng. Hắn cất mọi thứ đi rồi bước vào phòng tắm, tháo găng và rửa tay ba lần. Tiếng sáo lặng dần khi hắn bắt đầu nhớ lại trong đầu câu thần chú của ngày hôm nay.

Nho, sơ ri và sữa... Nho, sơ ri và sữa.

Hắn chưa bao giờ ngừng sẵn sàng cho cái ngày sự vô cảm sẽ biến mất.

“Cháu thế nào rồi?”

“Ồn mà, chú thanh tra.”

Thanh tra Bell đứng trên thềm cửa phòng cô bé và nhìn vào giường, nơi ngập đầy sách vở và giấy.

“Cháu cần phải nói là chú đã làm việc thật vất vả.” Geneva nhún vai.

“Chú sẽ về nhà gặp các con trai của mình bây giờ.”

“Chú có con trai?”

“Ừ. Có hai cậu con trai. Có thể cháu sẽ gặp chúng một ngày nào đó. Nếu cháu muốn.”

“Chắc chắn rồi”, cô nói nhưng lại nghĩ: Điều đó sẽ không bao giờ xảy ra. “Các bạn ấy ở nhà với vợ chú à?”

“Chúng đang ở nhà ông bà lúc này. Chú đã từng kết hôn nhưng cô ấy đã mất rồi.”

Những lời này chạm vào trái tim của Geneva. Cô có thể cảm thấy một nỗi đau ẩn sau chúng - theo cách thật kỳ lạ rằng, thái độ của chú ấy không hề thay đổi khi thốt ra. Giống như đã tập để nói với mọi người điều đó mà không bật khóc. “Cháu rất tiếc.”

“À, đó là chuyện vài năm trước rồi.”

Cô bé gật đầu. “Chú Pulaski đâu rồi ạ?”

“Cậu ấy về nhà rồi. Cậu ấy có một đứa con gái. Và vợ cậu ấy đang mang bầu một em bé nữa.”

“Bé trai hay bé gái ạ?”, Geneva hỏi.

“Thật lòng chú không thể nói với cháu được. Cậu ấy sẽ quay lại sớm vào ngày mai. Chúng ta có thể hỏi cậu ấy sau. Bác của cháu đang ở phòng bên cạnh và cô Lynch sẽ ở đây đêm nay.”

“Barbe?”

“Đúng vậy.”

“Cô ấy rất tốt bụng. Cô ấy kể cho chú nghe về những con chó mà cô ấy nuôi. Và về một vài chương trình tivi mới nữa.” Geneva hát đầu về phía những quyển sách của mình. “Cháu không có nhiều thời gian để xem tivi.”

Thanh tra Bell cười. “Các cậu con trai của chú có thể lấy một chút ảnh hưởng từ cháu. Chú nghĩ mấy đứa hắn sẽ rất hợp nhau đấy. Giờ thì cháu thử gọi Barbe xem, viện bất cứ lý do nào cháu muốn.” Anh ngập ngừng. “Ngay cả khi cháu có một giấc mơ tồi tệ. Chú biết đôi khi nó rất khó khăn, bố mẹ cháu không ở nhà.”

“Cháu vẫn ổn lúc một mình mà”, cô nói.

“Chú không nghi ngờ điều đó. Chỉ là, kêu lên nếu. Đó là lý do chúng ta ở đây.” Anh bước về phía cửa sổ, hé nhìn qua tấm rèm cửa, bảo đảm rằng cửa sổ đã được khóa và thả những thanh rèm xuống. “Chúc ngủ

ngon. Cháu đừng lo lắng. Tự tay chúng ta sẽ bắt hân. Chỉ là vấn đề thời gian thôi. Không có ai giỏi hơn Rhyme và những người đang làm việc với chú ấy đâu.”

“Chúc ngủ ngon.” Cô bé vui mừng vì anh đã đi khỏi. Có thể ý của anh là tốt nhưng Geneva ghét bị coi như là trẻ con cũng như khi bị nhắc đến tình hình tồi tệ này. Cô dọn dẹp đồng sách vở khỏi giường và chồng chúng lên một cách ngăn nắp cạnh cửa để nếu như phải rời đi thật nhanh thì cô có thể tìm trong bóng tối và mang chúng theo. Cô vẫn làm thế hằng đêm.

Cô mò trong túi mình và tìm thấy bông hoa violet khô mà nhà ảo thuật gia, Kara, đã đưa. Cô nhìn nó một lúc lâu rồi cất nó cẩn thận vào quyển sách đầu tiên trên chồng và gấp bìa lại.

Nhanh chóng đi vào phòng tắm, Geneva lau sạch cái bồn rửa mặt màu ngọc trai sau khi rửa rấy và đánh răng. Cô tự cười chính mình, nghĩ tới đồng lõa xôn xôn khiếp trong nhà vệ sinh của Keesh. Ở hành lang, Barbe Lynch chúc cô ngủ ngon. Quay trở vào phòng ngủ, Geneva khóa cửa, do dự rồi cảm thấy ngớ ngẩn, đặt cái ghế nghiêng dựa vào núm cửa. Cô cởi quần áo, mặc quần đùi và một chiếc áo phông đã phai màu rồi trở vào giường. Tắt đèn đi và nằm giữa, lo lắng và điên cuồng, trong hai mươi phút đồng hồ, nghĩ về mẹ, rồi bỏ và, Keesh.

Hình ảnh của Kevin Cheany xen vào; cô đẩy nó biến mất một cách đầy giận dữ.

Rồi dòng suy tư của cô dừng lại ở ông tổ Charles Singleton.

Chạy, chạy, chạy...

Nhảy xuống dòng sông Hudson.

Nghĩ về bí mật của ông ấy. Điều gì mà quan trọng đến mức ông đánh liều tất cả mọi thứ để bảo vệ nó?

Nghĩ về tình yêu ông dành cho vợ và con trai.

Nhưng cả cái gã khùng khiếp ở thư viện sáng nay cũng chen vào trong tâm trí của cô. À, cô nói lớn trước mặt cảnh sát. Nhưng tất nhiên là cô đã rất sợ hãi. Cái mũ trùm trượt tuyết, tiếng động khi cây gậy đập trúng ma nơ canh, tiếng chân hân dồn đuổi phía sau. Và giờ thì là một gã khác nữa, gã da đen ở sân trường với khẩu súng.

Những ký ức này nhanh chóng giết chết cơn buồn ngủ.

Cô mở mắt và nằm yên thao thức, cảm thấy mỗi mảy, nghĩ về một đêm không ngủ khác cách đây nhiều năm rồi: Khi đó Geneva mới bảy tuổi, bò ra khỏi giường và lang thang vào phòng khách trong căn nhà. Cô bé bật ti vi và xem vài chương trình hài kịch tình huống ngu ngốc khoảng mười phút trước khi cha cô bước vào phòng.

“Con đang làm gì ở đây vậy, xem cái đó à?” ông chớp chớp mắt dưới ánh sáng.

“Con không ngủ được.”

“Hãy đọc một quyển sách. Như vậy tốt hơn cho con.”

“Con không cảm thấy thích đọc sách lắm.”

“Được rồi. Vậy thì cha sẽ đọc.” ông bước tới kệ sách. “Con sẽ thích cuốn này. Một trong những quyển sách hay nhất từng có.”

Khi ngồi xuống chiếc ghế, nó kêu cọt két và rít lên dưới sức nặng của ông, cô nhìn vào quyển sách nhưng không thể thấy được bìa.

“Con cảm thấy thoải mái chứ?”, ông hỏi.

“Vâng!” Cô đang nằm duỗi ra trên chiếc ghế dài.

“Hãy nhắm mắt lại.”

“Con không buồn ngủ.”

“Nhắm mắt và hãy tưởng tượng những gì ta đang đọc.”

“Được rồi. Đó là...”

“Im lặng nào.”

“Được rồi.”

Ông bắt đầu với quyển Giết con chim nhại. Trong tuần tiếp theo, việc ông đọc sách cho cô bé trước khi đi ngủ đã trở thành một thói quen.

Geneva Settle quyết định rằng đó là một trong những quyển sách hay nhất mình từng có - và thậm chí ở cái tuổi ấy, cô đã đọc, hoặc đứng hơn là đã nghe, rất nhiều sách. Cô yêu thích các nhân vật chính - một người đàn ông góa vợ bình thần, mạnh mẽ; người anh trai và người em gái (Geneva luôn khao khát có được một người anh chị em). Và bản thân câu chuyện, lòng dũng cảm được che đậy bằng lòng thù hận và sự ngu ngốc, làm ta phải mê muội.

Ký ức về cuốn sách của Harper Lee vẫn ở lại với cô. Và buồn cười là, khi quay lại và đọc nó lúc mười một tuổi, cô còn học được nhiều hơn lúc đó. Rồi khi mười bốn tuổi, cô thậm chí còn hiểu ra nhiều điều hơn nữa. Cô mới đọc lại năm ngoái và viết một bài luận về nó cho môn tiếng Anh. Và cô được điểm A+.

Giết con chim nhại là một trong những cuốn sách đang nằm trong cái chồng đặt cạnh cửa phòng ngủ lúc này, cái chồng “chộp lấy mang theo trong trường hợp khẩn cấp”. Đó là một quyển sách mà cô luôn muốn được mang theo trong túi xách của mình, ngay cả khi không đọc nó. Đó cũng chính là quyển sách mà cô đã nhét đóa hoa may mắn của Kara vào trong.

Dù vậy, đêm hôm nay, cô chọn một quyển sách khác từ trong đống sách. Một cuốn của Charles Dicken. Oliver Twist. Cô nằm ngửa, đặt quyển sách lên ngực mình và mở nó ra tới cái trang được đánh dấu bằng cái ống hút dẹp lép (cô không bao giờ gặp một trang sách nào lại trong bất cứ quyển sách nào, ngay cả khi đó là một trang bìa mềm). Geneva bắt đầu đọc. Lúc đầu, tiếng cọt kẹt của ngôi nhà khiến cô sợ hãi và hình ảnh của gã đàn ông với chiếc mũ trùm trở lại, nhưng cô nhanh chóng chìm đắm vào câu chuyện. Và không lâu sau đó, khoảng một tiếng đồng hồ, đôi mắt của Geneva Settle trở nên nặng trĩu và cô cuối cùng đã hoàn toàn chìm vào giấc ngủ - không phải bằng một nụ hôn chúc ngủ ngon của mẹ, hay tiếng cha thâm trầm đọc lời cầu nguyện, mà bằng những lời văn đẹp đẽ của một người lạ.

19. Chương 19

“Đến giờ đi ngủ rồi.”

“Gì cơ?”, Rhyme hỏi, ngược lên nhìn từ màn hình máy tính.

“Giờ đi ngủ”, Thom nhắc lại. Hơi dè chừng một chút. Đôi khi để lời Rhyme rời khỏi bàn làm việc thực sự sẽ là một cuộc chiến.

Nhưng chuyên gia về tội phạm nói: “Ừ, đi ngủ thôi”. Thực tế là, anh đã rất mệt mỏi - và chán nản nữa. Anh đang đọc dở email từ người quản lý trại giam J.T. Beauchamp ở Amarillo báo lại rằng không có ai trong nhà tù nhận ra bức ảnh ghép từ máy tính của Nghi phạm 109.

Anh nhanh chóng đọc ra một bức thư cảm ơn ngắn gọn và tắt máy. Rồi nói với Thom: “Chỉ một cuộc gọi, rồi tôi sẽ đi ngủ ngay thôi”.

“Tôi sẽ dọn dẹp vài thứ”, viên phụ tá nói. “Gặp anh ở trên lầu.”

Amelia Sachs đã về nhà ngủ, và để gặp mẹ của cô nữa, bà sống gà đang bị ốm mấy

hôm nay - một vài vấn đề về tim mạch. Sachs thường xuyên dành thời gian ở lại với Rhyme, nhưng cô vẫn giữ lại căn hộ của mình ở Brooklyn, ở đó cô có các thành viên gia đình và bạn bè khác. (Jennifer Robinson - nữ cảnh sát tuần tra, người đã đưa Geneva và Keesh đến chỗ Rhyme buổi sáng ngày hôm nay - sống ngay

trên con phố đó). Bên cạnh đó, Sachs, cũng như Rhyme, đôi khi cần những khoảng không gian riêng và sự sắp xếp này phù hợp với cả hai người họ.

Rhyme gọi điện và nói chuyện vắn tắt với mẹ của cô, mong bà mau khỏe. Sachs cầm máy và anh nói với cô về những tình tiết mới nhất - dù chỉ có một chút.

“Anh vẫn ổn chứ?”, Sachs hỏi anh. “Nghe giọng anh có vẻ còn bần khoản?”

“Mệt mỏi.”

“À.” Cô không tin điều anh nói. “Đi ngủ đi.”

“Em cũng thế. Ngủ ngon nhé!”

“Yêu anh, Rhyme.”

“Yêu em.”

Sau khi tắt máy, anh lái chiếc xe lăn về phía tấm bảng bằng chứng.

Tuy nhiên, anh không hề nhìn vào những đoạn viết tỉ mỉ của Thom về vụ án. Anh đang nhìn vào bản in của lá bài tarot, được dán lên bảng, lá bài thứ mười hai, Người treo ngược, đọc lại bài viết về ý nghĩa của quân bài này, nhìn chăm chăm nghiên cứu cái mặt treo ngược bình thần của người trong lá bài. Rồi anh quay ra và tiến đến chiếc thang máy nhỏ nối phòng thí nghiệm ở tầng một với phòng ngủ ở tầng hai, ra lệnh cho chiếc thang máy đi lên rồi lái xe lăn ra ngoài.

Rhyme ngẫm nghĩ về lá bài tarot. Cũng như Kara, người bạn ảo thuật của họ, anh không hề tin vào thuyết duy linh hay những người có năng lực siêu nhiên. (Cả hai người, trong lĩnh vực của mình, đều là những nhà khoa học. Nhưng anh vẫn không thể tìm ra và mắc kẹt bởi sự thật là lá bài với chiếc giá treo cổ chỉ ngẫu nhiên là một phần của bằng chứng trong vụ án mà trong đó từ “Giá treo cổ” được nhắc đến. Từ “treo” nữa cũng là một sự trùng hợp chưa lý giải được. Tất nhiên, các nhà tội phạm học cần phải biết mọi nguyên nhân dẫn đến cái chết, và Rhyme hiểu rõ việc treo cổ sẽ giết nạn nhân như thế nào. Nó sẽ thắt chặt cổ nạn nhân thật cao, chỉ ngay dưới cái xương nền sọ. (Nguyên nhân thực sự dẫn đến cái chết của những vụ treo cổ kiểu hành hình là nạn nhân bị nghẹt thở, không phải là từ việc siết cổ họ đến chết, mà là việc cắt đứt các nơ-ron thần kinh mang tín hiệu của não bộ đến phổi). Điều này gần như đã xảy ra với Rhyme ở hiện trường vụ án dưới đường tàu điện ngầm một vài năm trước.

Gallows Heights... Người treo ngược...

Dù vậy, ý nghĩa của lá bài tarot lại là phần đáng chú ý nhất của sự ngẫu nhiên này: Sự hiện diện của nó ám chỉ rằng sự tìm kiếm về mặt tâm linh đưa tới một quyết định, một sự chuyển đổi, một sự thay đổi về phương hướng. Lá bài thường dự báo một sự khuất phục trước những kinh nghiệm, kết thúc một sự tranh đấu, và chấp nhận nó. Khi lá bài này xuất hiện với bạn, bạn phải lắng nghe chính nội tâm mình, dù cho cái thông điệp ấy có vẻ như trái ngược với logic.

Anh cảm thấy vui vì đã thực hiện hàng tá cuộc tìm kiếm từ trước đến nay - trước cả vụ án của Nghi phạm 109 với sự xuất hiện của lá bài báo trước tương lai này. Lincoln Rhyme cần phải đưa ra một quyết định.

Một thay đổi về phương hướng...

Giờ thì Rhyme không ở trong phòng ngủ nữa mà đi tới căn phòng là tâm điểm của cuộc tranh cãi dữ dội này: Phòng trị liệu, nơi mà anh đã dành hàng trăm giờ đồng hồ tập luyện một cách chăm chỉ các bài tập trong chế độ của bác sĩ Sherman.

Dừng xe lăn ở cửa vào, anh xem xét những thiết bị phục hồi chức năng trong căn phòng mờ ảo - chiếc cơ công kế, máy huấn luyện vận động guồng quay rồi nhìn chăm chăm xuống tay phải của mình đang được buộc chặt ở vị trí cổ tay vào bàn điều khiển của chiếc xe lăn Storm Arrow màu đỏ.

Quyết định...

Cổ lên nào, anh nói với chính mình.

Thử xem. Bây giờ. Nhúc nhích bàn tay đi.

Thở thật nặng nhọc. Mắt hút về phía bàn tay phải.

Không...

Đôi vai đổ sụp xuống, chùng hết mức có thể, anh nhìn vào trong căn phòng. Nghĩ tới tất cả những bài tập gian khổ. Hắc chần rồi, những nỗ lực đã cải thiện độ loãng xương cũng như các khối cơ và tuần hoàn, giảm bớt lây nhiễm và khả năng các bệnh lý mạch máu thần kinh.

Nhưng câu hỏi thực sự quanh bài tập luyện đó có thể được vắn tắt bằng một cụm từ bởi các chuyên gia y học: Lợi ích về mặt chức năng. Cách hiểu và diễn giải của Rhyme thì rõ ràng và ít mập mờ hơn là: cảm giác và vận động.

Đó chính là những mặt của sự hồi phục mà anh đã gạt bỏ đi khi tranh cãi với Sherman ngày hôm nay.

Nói đúng hơn là, anh đã nói dối bác sĩ. Trong trái tim mình, không cần phải thú nhận với bất cứ một ai hết, là một khao khát bùng cháy để biết một điều: Liệu những giờ tập luyện đổ mồ hôi sôi nước mắt đầy gian khổ có giúp anh lấy lại được cảm giác và mang lại cho anh khả năng cử động những cơ bắp đã nằm im hàng năm trời không? Liệu anh có thể nào vặn được núm trên chiếc kính hiển vi Baush & Lomb để kiểm tra một sợi vải hay sợi tóc? Liệu anh có thể cảm nhận được bàn tay Sachs trong bàn tay anh?

Đối với những cảm giác, có lẽ đã có những chuyển biến nhẹ. Nhưng một người liệt với thương tích cấp độ C4 trôi lênh đênh trên biển của những cơn đau và ảo giác, tất cả khiến não bộ kích động và hoang mang cực độ. Ta cảm thấy những con ruồi bò lổm nhổm trên da mà thực tế chẳng có con nào cả. Ta không hề cảm nhận thấy gì hết, cả khi cúi xuống nhìn và nhận ra rằng một dòng cà phê bỏng rẫy đang đốt cháy các lớp da thịt mình. Dù vậy, Rhyme vẫn tin rằng, anh đã có một chút cải thiện về cảm giác.

À, nhưng về sự cải thiện lớn nhất - cử động - thì sao? Đó thực sự là viên kim cương lớn trong công cuộc phục hồi chấn thương tủy sống.

Nhìn xuống bàn tay phải một lần nữa, anh đã không thể nhúc nhích từ sau vụ tai nạn.

Câu hỏi này có thể được trả lời một cách đơn giản và rõ ràng. Không có các vấn đề về những cơn đau ảo giác, không có những phản ứng theo kiểu “tôi nghĩ là mình cảm thấy gì đó”. Nó có thể được trả lời ngay lúc này đây. Có hay không. Anh không cần kiểm tra qua máy chụp cộng hưởng từ hoặc máy đo điện trở động hay bất cứ cái máy kỳ cục nào mà các bác sĩ thường có trong những chiếc túi đen nhỏ của họ. Ngay lúc này đây, anh có thể đơn giản truyền những kích thích nho nhỏ tới những cơ bắp theo con đường của các nơ-ron thần kinh và rồi chờ đợi xem điều gì xảy ra.

Liệu những mệnh lệnh có đến nơi và khiến ngón tay co lên - để có thể được so sánh tương đương với một kỳ lục nhảy xa thế giới? Hay là nó sẽ đâm vào một điểm dừng trên tuyến đường thần kinh đã chết?

Rhyme tin rằng mình là một người đàn ông dũng cảm, cả về thể chất lẫn tinh thần. Trong những ngày trước khi xảy ra vụ tai nạn, không có gì mà anh không thể làm để hoàn thành công việc. Một lần bảo vệ hiện trường vụ án, anh và một người khác đã ngăn một đám điên cuồng khoảng bốn mươi người cố ăn trộm đồ trong một cửa hàng đã xảy ra một vụ nổ súng, trong khi cảnh sát đã có thể dễ dàng ngăn lại an toàn. Một lần khác, anh đã chạy tới một hiện trường chỉ cách hung thủ được che chắn và xả súng điên cuồng vào anh cách đó gần mười bảy mét, chỉ để tìm ra bằng chứng có thể dẫn đến địa điểm của cô bé bị bắt cóc. Rồi có lần anh đã đặt cả sự nghiệp của mình trước miệng vực vì bắt giữ một sĩ quan cảnh sát cấp cao do làm hỏng hiện trường đơn giản để giúp cảnh báo chí có chỗ đứng chụp ảnh.

Nhưng giờ đây lòng dũng cảm đã từ chối anh.

Đôi mắt buồn bã nhìn chăm chăm vào bàn tay phải.

Có, không...

Nếu như anh cố gắng cử động ngón tay và không thể làm được điều đó, nếu như anh không thể khẳng định một trong những chiến thắng nhỏ của bác sĩ Sherman nói trong các trận chiến đầy gian nan vất vả mà anh đang phải đối mặt, thì nó có thể là sự kết thúc.

Những suy nghĩ đen tối sẽ quay trở lại, giống như cơn thủy triều cuốn cao dần, cao dần trên bãi biển, và cuối cùng anh đã gọi cho bác sĩ một lần nữa - nhưng không phải Sherman. Một bác sĩ hoàn toàn khác. Người

đàn ông đến từ Lethe Society, một nhóm những người ủng hộ trợ tử[39]. Một vài năm trước, anh đã cố gắng kết thúc cuộc đời mình, đó là khi không thể độc lập như bây giờ. Chỉ một vài chiếc máy tính, không có hệ thống ECU và điện thoại kích hoạt bằng âm thanh. Đáng nực cười là, giờ đây cuộc sống đã tốt hơn nhiều, và anh cũng thừa khả năng tự giết mình hơn trước. Vị bác sĩ có thể giúp anh bằng cách trang bị một số thiết bị vào ECU, và để lại những viên thuốc hoặc một vũ khí gì đó gần đây.

[39] Hình thức giúp một người chết một cách nhẹ nhàng khỏi đau đớn do bệnh tật.

Tất nhiên, anh có những người bạn, người thân trong cuộc sống lúc này, khác với một vài năm trước. Việc anh tự tử có thể sẽ là một cú sốc mạnh đối với Sachs, nhưng cái chết luôn là một phần trong tình yêu của họ. Với dòng máu cảnh sát chảy trong huyết mạch, cô vẫn luôn là người đầu ông qua cửa trong bất cứ một pha hạ gục nghi phạm bất ngờ nào, dù cho không cần phải làm như vậy. Ngoài việc đã được trao tặng huy chương cho lòng dũng cảm trong những trận đấu súng, cô còn lái xe như một tia chớp - một số người thậm chí có thể nói rằng cô có thiên hướng tự sát bên trong mình.

Trong trường hợp của Rhyme, khi họ mới gặp - trong một vụ án vô cùng khó nhằn, một thử thách khắc nghiệt của bạo lực và chết chóc một vài năm trước - anh đã rất gần đến việc tự giết chính mình. Sachs hiểu điều này.

Thom cũng chấp nhận điều đó. (Rhyme đã nói với người phụ tá của mình trong buổi phỏng vấn đầu tiên: “Tôi có thể sẽ không sống lâu đâu. Nhớ rằng luôn rút tiền trong thẻ lương của mình ngay khi cậu nhận được nó”.)

Anh cũng ghét suy nghĩ về hậu quả cái chết của mình sẽ mang lại cho họ, và cả những người quen biết khác. Chưa nói đến sự thật là nhiều vụ án sẽ trôi vào quên lãng mà không được giải quyết, những nạn nhân sẽ chết, nếu như anh không còn hiện diện trên mặt đất này để thực hiện cái công việc đã là một phần quan trọng trong tâm hồn mình.

Đó chính là lý do tại sao anh cứ trì hoãn buổi kiểm tra. Nếu như tình trạng không có chút khả quan nào thì điều đó đủ để đẩy anh rơi xuống vực.

Đúng...

Lá bài thường tiên đoán một sự đầu hàng trước những kinh nghiệm, kết thúc một sự tranh đấu, và chấp nhận nó...

... Hay không?

Khi lá bài này xuất hiện trong lượt bốc của bạn, bạn phải lắng nghe nội tâm mình.

Và đó là khoảnh khắc mà Lincoln Rhyme đưa ra quyết định của mình: Anh sẽ từ bỏ. Anh sẽ dừng những bài tập lại, sẽ thôi không còn bận tâm đến ca phẫu thuật tủy sống.

Sau tất cả, nếu ta không có hy vọng, thì hy vọng sẽ không thể bị phá hủy. Anh đã xây dựng một cuộc sống tốt đẹp cho mình. Sự tồn tại của anh không hoàn hảo nhưng nó vừa phải và chấp nhận được.

Lincoln Rhyme sẽ chấp nhận con đường của mình, và sẽ bằng lòng với những gì mà Charles Singleton đã từ chối: Một phần người, ba phần năm của một con người.

Bằng lòng, nhiều hơn hay ít hơn.

Sử dụng ngón đeo nhẫn ở bàn tay trái, Rhyme chuyển hướng chiếc xe lăn và quay về phía phòng ngủ vừa đúng lúc Thom đang đứng trên thềm cửa.

“Anh sẵn sàng đi ngủ rồi chứ?”, người phụ

“Dĩ nhiên rồi”, Rhyme nói đầy hoan hỉ. “Tôi đã sẵn sàng.

III. GALLOWS HEIGHTS

Thứ Tư, ngày mùng 10 tháng 10.

20. Chương 20

Tám giờ sáng, Thompson Boyd lấy ô tô từ ga ra nằm trên con hẻm gần ngôi nhà gỗ ở Astoria mà hắn đã đậu ngày hôm qua sau khi chạy thoát khỏi căn hộ ẩn nấp trên phố Elizabeth. Hắn lái chiếc Buick màu xanh vào dòng xe cộ đông đúc, hướng về phía cầu Queensborough, một lần nữa về Manhattan và đi vào khu phố phía bắc.

Nhớ lại địa chỉ từ tin nhắn trong hộp thư thoại, hắn lái vào khu tây Harlem và đậu xe cách ngôi nhà của gia đình Settle hai dãy phố. Hắn mang theo khẩu súng ngắn 22 ly của quân đội Bắc Mỹ và chiếc dùi cui, cầm trong tay túi đựng đồ, mà giờ chẳng còn là quyển sách hướng dẫn trang trí nữa; ở bên trong là thiết bị mà hắn đã làm đêm hôm qua và hắn hết sức thận trọng với nó khi di chuyển chậm rãi trên vỉa hè. Hắn nhìn lên xuống con phố một vài lần, thấy mọi người có vẻ như đang đi t

i chỗ làm, cả những người da trắng và những người da đen với số lượng như nhau, rất nhiều trong số họ đang mặc trang phục công sở, trên đường đi làm, và những sinh viên thì hướng về phía trường Đại học Columbia - những chiếc xe đạp, ba lô, râu quai nón... Nhưng hắn không thấy gì có vẻ là một mối đe dọa cả.

Thompson Boyd dừng lại bên lề đường và nghiên cứu ngôi nhà cô bé sống.

Có một chiếc Crown Vic, đậu cách đó vài nhà - họ quả là thông minh khi không làm cho nó nổi bật. Quanh góc phố là chiếc xe cảnh sát thứ hai ở cạnh ống nước cứu hỏa. Thompson cho rằng hắn thấy một vài chuyển động trên mái nhà. Một tay bắn tia? Hắn tự hỏi. Có thể không, nhưng chắc chắn là có ai ở đó, không nghi ngờ gì ngoài một cảnh sát. Họ đang thực hiện vụ này với thái độ thận trọng thực sự.

Joe Trung bình quay đầu và đi bộ ngược lại chiếc xe “trung bình” của hắn, bước vào và nổ máy. Hắn sẽ phải kiên nhẫn. Quá liều lĩnh để cố gắng tấn công ở đây; hắn phải chờ đợi cơ hội thực sự. Bài hát Cat’s in the Cradle của Harry Chapin vang lên trên đài. Hắn tắt đi nhưng lại tiếp tục huyết sáo giai điệu ấy, không mất một nốt nhạc, không dứt một quãng nào.

Bà cô của cô bé đã tìm ra thứ

Trong ngôi nhà của Geneva, Roland Bell nhận được cuộc gọi từ Lincoln Rhyme, báo rằng người cô của cha Geneva, tên là Lilly Hall, đã tìm ra một vài chiếc hộp đựng những bức thư cũ, những kỷ vật và các đồ vật làm bằng tay trong nhà kho. Bà ấy không biết liệu chúng có thể có ích hay không - đôi mắt của bà không có tia hy vọng nào cả - nhưng những chiếc hộp các tông nhồi nhét đầy giấy. Liệu Geneva và cảnh sát có muốn xem qua không?

Rhyme muốn được xem mọi thứ nhưng bà ấy nói không và chỉ đưa riêng nó cho cô cháu gái của mình mà thôi. Bà ta không tin một ai cả.

“Kể cả cảnh sát?”, Bell hỏi Rhyme và anh trả lời: “Đặc biệt là cảnh sát”.

Amelia Sachs xen vào cuộc hội thoại giữa họ để đưa ra điều mà Bell nhận ra chính là lời giải thích thực sự: “Tôi cho rằng bà ấy muốn nhìn thấy cháu gái mình”.

“À. Vâng. Tôi hiểu rồi.”

Không có gì ngạc nhiên rằng Geneva còn cảm thấy hơn cả hào hứng. Thực tế, Roland Bell thích được hộ tống những người lo lắng hơn, những người không muốn đặt chân lên vỉa hè bê tông của thành phố New York, những người thích ôm lấy trò chơi điện tử máy tính và những quyển sách dày cộp. Nhét họ vào trong một căn phòng tách biệt khép kín, không cửa sổ, không khách khứa, không có đường vào từ mái nhà và gọi đồ ăn Trung Quốc hay pizza hằng ngày.

Nhưng Geneva Settle không giống với bất cứ ai mà anh từng bảo vệ.

Ông Goades, làm ơn... Tôi là nhân chứng một vụ án và tôi đang bị giữ bởi cảnh sát. Nó ngược lại với ý muốn của tôi và tôi...

Viên thanh tra sắp xếp hai chiếc ô tô. Sẽ có Bell, Geneva và Pulaski trên chiếc Crown Vic của anh. Luis Martinez và Barbe Lynch sẽ lên chiếc Chevy của họ. Một cảnh sát mặc sắc phục sẽ đậu chiếc xe cảnh sát gần ngôi nhà của Geneva khi họ đi khỏi.

Khi chờ chiếc xe cảnh sát thứ hai xuất hiện, Bell hỏi xem có lời nào từ bố mẹ cô bé nữa không. Cô nói rằng lúc này họ đang ở Heathrow, chờ chuyến bay tiếp theo.

Bell, cha của hai cậu nhóc, có định kiến với những người làm cha làm mẹ mà lại để con gái của mình ở với người bác trong khi họ tung tăng ở châu Âu. (Đặc biệt là người bác này. Không đưa tiền ăn trưa cho cô bé? Quả là một việc không dễ dàng chút nào). Dù Bell chỉ là một người cha đơn thân với một công việc đòi hỏi rất nhiều thứ, anh vẫn làm bữa sáng cho các con hằng ngày, gói ghém đồ ăn trưa và làm bữa tối hầu hết các ngày, tuy nhiên những bữa ăn có thể chỉ là qua quýt và cứng nhắc. Ăn kiêng theo kiểu Atkins[1] không phải là từ có trong từ điển ẩm thực của Roland Bell.

[1] Chế độ ăn kiêng do bác sĩ R. Atkins của Mỹ đưa ra.

Nhưng công việc của anh lúc này là bảo vệ tính mạng của Geneva, chứ không phải là bàn luận về những người cha mẹ không có nhiều kỹ năng chăm sóc con cái. Giờ anh gác những suy nghĩ về vấn đề cá nhân sang một bên và bước ra ngoài, tay đặt gần khẩu Berreta, nhìn quanh một lượt mặt trước các ngôi nhà, những chiếc cửa sổ, mái của các tòa nhà xung quanh và ô tô, tìm kiếm bất cứ thứ gì bất thường.

Chiếc xe cảnh sát tăng cường dừng lại và đỗ bên ngoài, trong khi Martinez và Lynch bước vào trong chiếc Chevrolet, quanh góc phố từ ngôi nhà của Geneva.

Bell nói vào chiếc điện đàm của mình: “An toàn. Đưa cô bé ra ngoài”.

Pulaski xuất hiện, áp Geneva vào trong chiếc Crown Victoria. Anh nhảy vào ngồi xuống bên cạnh cô và Bell thì ngồi xuống ghế lái. Đi thành hàng, hai chiếc xe nhanh chóng tăng tốc qua khu phố và cuối cùng đến một tòa nhà chung cư cũ nát phía đông Đại lộ 5, một khu vực ở Harlem có nhiều người đến từ quốc gia nói tiếng Tây Ban Nha.

Phần lớn khu vực này là những người Puerto Rico và người Dominica, nhưng các chủng tộc Latin khác cũng sống ở đây, những người đến từ Haiti, Bolivia, Ecuador, Jamaica, Trung Mỹ - cả da trắng và da đen. Cũng có cả những nhóm người nhập cư mới, hợp pháp và bất hợp pháp, từ Senegal, Liberia và các quốc gia Trung Phi. Hầu hết những vụ án bị lên án mạnh mẽ ở đây không phải là giữa những người da trắng và người Hispanic[2] hay những người da đen, đó là cuộc chiến giữa người sinh ra và lớn lên ở Mỹ với những người nhập cư của bất cứ một chủng tộc và quốc tịch nào. Thế giới vẫn thế. Bell suy tư một cách ưu phiền.

[2] Hispanics: những người đến từ các quốc gia nói tiếng Tây Ban Nha.

Viên thanh tra đỗ chiếc xe vào vị trí mà Geneva chỉ rồi đợi đến khi những sĩ quan khác bước ra khỏi chiếc xe cảnh sát phía sau và kiểm tra khu phố. Ngón tay cái giơ lên từ phía Luis Martinez và họ cùng nhau nhanh chóng áp Geneva đi vào trong.

Tòa nhà đã cũ kỹ và xập xệ, hành lang có mùi bia và thức ăn đã bốc mùi lên men. Geneva có vẻ ngượng ngùng với tình trạng của nơi này. Giống như lúc ở trường, cô một lần nữa gợi ý viên thanh tra đợi ở ngoài, nhưng cô vẫn do dự, như thể mong đợi câu trả lời của anh là: “Tốt hơn hết là ta sẽ đi cùng cháu”.

Ở tầng hai, cô gõ cửa và tiếng một người già vang lên: “Ai thế?”

“Geneva. Cháu đến gặp bà Lilly ạ”

Tiếng hai sợi xích lách cách và hai cái chốt được mở ra. Cánh cửa hé mở. Một người phụ nữ nhỏ trong bộ đồ bạc màu nhìn Bell một cách thận trọng.

“Chào buổi sáng, thưa bà Watkins”, cô bé nói.

“Chào, cháu yêu. Bà ấy ở trong phòng khách đấy.” Một cái nhìn dò xét vào viên thanh tra.

“Đó là bạn cháu.”

“Ông ta là bạn cháu ư?”

“Vâng, đúng thế ạ.” Geneva nói với bà.

Khuôn mặt của người phụ nữ cho thấy bà không muốn ủng hộ cô bé dành thời gian đi với một người đàn ông gấp ba lần tuổi của mình, ngay cả khi anh ta là một cảnh sát.

“Roland Bell, thưa bà.” Anh đưa bà ta xem ID của mình.

“Lilly nói rằng có điều gì đó với cảnh sát”, bà nói một cách không thoải mái lắm. Bell tiếp tục mỉm cười và không nói gì hơn. Người phụ nữ nhắc lại: “Ừm, bà ấy ở trong phòng khách”.

Bà cô của Geneva, một người phụ nữ già yếu trong chiếc váy màu hồng, đang nhìn chăm chăm vào màn hình tivi qua chiếc kính dày cộm to đùng. Bà nhìn cô bé và khuôn mặt bà nở một nụ cười. “Geneva, cháu yêu. Cháu sao rồi? Và đây là ai vậy?”

“Roland Bell, thưa bà. Rất vui được gặp bà.”

“Tôi là Lilly Hall. Anh chính là người quan tâm tới Charles?”

“Đúng thế ạ.”

“Ước gì tôi có thể biết nhiều hơn. Tôi đã nói với Geneva mọi điều mình biết về ông ấy. Có trang trại cho riêng mình, rồi lại bị bắt. Đó là tất cả những gì mà tôi nghe nói. Thậm chí còn không biết được rằng ông ấy đã vào tù hay không?”

“Có vẻ như ông ấy đã phải vào tù, thưa bà. Chúng tôi không biết điều gì xảy ra sau đó. Đó chính là điều mà chúng tôi muốn tìm ra.”

Trên tấm giấy dán tường hình hoa đã ố màu phía sau bà là ba tấm ảnh: Martin Luther King, Jr., John F. Kenedy và bức ảnh nổi tiếng về Jackie Kenedy trong nỗi đau với John John và Caroline ngay bên cạnh cô.

“Những cái hộp ở ngay đây.” Người phụ nữ hất đầu về phía ba chiếc thùng các tông lớn đựng đầy giấy, những quyển sách bụi bặm và những đồ vật bằng gỗ và nhựa. Những chiếc hộp nằm cạnh chiếc bàn cà phê với một chân đã bị gãy và được dán lại bằng băng dính. Geneva cúi xuống nhìn vào chiếc hộp lớn nhất.

Lilly quan sát cô bé. Sau một lúc bà nói: “Đôi khi ta cảm thấy ông ấy”.

“Bà...?” Bell hỏi.

“Người họ hàng của nhà ta, Charles. Ta cảm thấy ông ấy. Như kiểu những chuyện kỳ lạ về ma quỷ khác vậy.”

Haint[3]... Bell biết từ này xuất phát từ Bắc Carolina. Một thuật ngữ cũ của người da đen ám chỉ hồn ma.

[3] Những chuyện kỳ lạ về ma quỷ.

“Ông ấy không yên nghỉ, đó là những gì ta cảm thấy”, người phụ nữ nói.

“Cháu không biết điều đó”, Geneva nói với một nụ cười.

Không, Bell nghĩ, Geneva khó mà giống với kiểu người tin vào ma quỷ hay bất cứ gì siêu nhiên. Dù vậy, viên thanh tra vẫn không chắc chắn lắm. Anh nói: “Chà, có thể những gì chúng ta đang làm ở đây sẽ giúp ông ấy được bình yên đôi chút”.

“Cháu biết đấy”, người phụ nữ nói, gẩy chiếc kính trên mũi. “Cháu là người quan tâm tới Charles, có vài người họ hàng nữa ở khắp đất nước. Cháu có nhớ người anh họ của cha cháu ở Madison? Và vợ anh ta, Ruby? Ta có thể gọi và hỏi. Hoặc là Genna Louise ở Memphis. Hoặc là ta sẽ gọi lúc nào đó, chỉ bởi vì ta không có điện thoại riêng.” Liếc nhìn vào chiếc điện thoại hiệu Princess cũ kỹ nằm trên chiếc bàn tivi gần bếp, vẻ mặt buồn bã của bà cho thấy những cuộc tranh cãi với người phụ nữ mà bà đang sống cùng. Bà thêm vào: “Và cả thẻ điện thoại, chúng thật tốn tiền.”

“Chúng cháu sẽ gọi, bà ạ.”

“Ồ, ta không ngại gọi và nói chuyện với họ. Đã lâu rồi. Ta nhớ những khi gia đình quây quần đông đủ.”

Bell lục túi quần. “Thưa bà, bởi vì đây là công việc mà Geneva và tôi đang cùng nhau làm, để tôi được mua cho bà một chiếc thẻ điện thoại.”

“Không.” Geneva thốt lên. “Cháu sẽ làm điều đó.”

“Cháu không...”

“Cháu có”, cô bé nói một cách quả quyết và Bell cất tiền đi. Cô bé đưa cho bà ấy tờ hai mươi đô.

Người phụ nữ nhìn tờ tiền đầy trân trọng và nói: “Ta sẽ mua thẻ và gọi điện trong hôm nay”.

Geneva nói: “Nếu bà tìm ra điều gì đó, hãy gọi lại cho chúng cháu theo số mà bà đã trước đó”.

“Tại sao cả cảnh sát cũng quan tâm tới Charles? Một người hẩn là đã chết cách đây ít nhất là hơn một trăm năm rồi.”

Geneva nhìn vào Bell và lắc đầu; người phụ nữ không biết rằng Geneva đang bị nguy hiểm và cô bé muốn giữ bí mật theo cách đó. Qua cặp mắt kính dày cộp, bà ấy không nhìn thấy được ánh mắt họ ra hiệu với nhau. Geneva nói: “Họ đang giúp cháu chứng minh ông ấy không hề phạm tội”.

“Họ đang làm thế sao? Sau tất cả ngần ấy năm?”

Bell không chắc rằng người phụ nữ hoàn toàn tin lời cô cháu gái của mình. Bà dì của chính người thanh tra, cũng tầm tuổi người phụ nữ này, vẫn sắc sảo như một cây kim. Không có gì qua mặt được bà.

Nhưng Lilly nói: “Các ông thật là tốt. Bella, hãy pha cho họ một ít cà phê. Và ca cao cho Geneva. Ta nhớ rằng đó là thứ con bé thích”.

Khi Roland Bell cẩn thận nhìn ra bên ngoài qua khoảng trống giữa những tấm rèm được thả, Geneva lại tiếp tục nhìn vào đồng hồ đựng đồ.

Trên một con phố của Harlem.

Hai cậu bé đang cố gắng giành đua bằng cách trượt ván xuống từ lan can của một căn nhà đá màu nâu, tán gẫu về những quy luật vật lý và cả sự trốn học.

Một người phụ nữ da đen đứng ở cổng vòm, đang tưới khóm cây phong lữ rất đẹp mà mùa giá rét vừa rồi đã không giết chết được nó.

Một chú sóc thì đang chôn, hay đang đào lên, cái gì đó ở mảng đất lớn nhất gần đó: có hình chữ nhật cạnh khoảng mét hai và mét rưỡi phủ đầy cỏ vàng, ở giữa là khung một chiếc máy giặt.

Và ở phía đông phố 123, gần nhà thờ Iglesia Adventista, với đường lên cao vút của chiếc cầu Triborough ở phía sau làm nền, ba sĩ quan cảnh sát xem xét một cách tỉ mỉ ngôi nhà đá nâu tối tăm và các khu phố xung quanh. Hai người - một nam và một nữ - mặc quần áo bình thường; người cảnh sát còn lại ở trong hẻm thì mặc cảnh phục. Anh ta đi lên đi xuống con hẻm như một tên lính mới đang đứng gác.

Thompson Boyd quan sát, hẩn đã bám theo Geneva Settle và những người bảo vệ cô tới đây, giờ đang đứng ở một tòa nhà bỏ hoang bên kia con phố, chéch sang hướng tây vài căn nhà. Hẩn quan sát chăm chú qua những vết nứt ở các tấm quảng cáo về cho vay tiền cầm cố nhà.

Hẩn tò mò vì họ lại đưa cô bé ra ngoài. Không giống như sách vở. Nhưng đó là vấn đề của họ.

Thompson bắt đầu tính toán các bước: Hẩn giả dụ đây sẽ là một chuyến đi ngắn gọn - một cú tấn công chớp nhoáng, có thể nói là thế, với chiếc Crown Victoria và chiếc xe khác đậu song song, họ chẳng làm gì để che giấu danh tính những chiếc xe này cả. Hẩn quyết định phải hành động thật nhanh để chiếm lợi thế. Nhanh chóng ra khỏi tòa nhà đổ nát bằng lối cửa sau, Thompson đi một vòng quanh dãy phố, chỉ dừng lại đủ lâu để mua một gói thuốc lá ở một cửa hàng rượu. Khẽ lên vào căn hẻm phía sau tòa nhà nơi Geneva đang ở, Thompson nhìn ra ngoài. Hẩn cẩn thận đặt chiếc túi xuống đường và tiến về trước một vài mét. Nấp đằng sau một đồng tử đựng rác, hẩn quan sát viên cảnh sát tóc vàng đang tuần tra con hẻm. Tên sát thủ bắt đầu đếm số bước chân của chàng trai trẻ. Một, hai...

Ở bước mười ba viên cảnh sát tới phía sau lưng tòa nhà và quay lại. Nhiệm vụ của anh ta là phải canh chừng một khu vực lớn; hắn anh ta đã được giao nhiệm vụ là phải quan sát toàn bộ con hẻm, cả trước và sau, đồng thời để mắt tới những cánh cửa sổ trong tòa nhà đối diện nữa.

Ở bước mười hai, anh ta lại tới vỉa hè phía trước tòa nhà và bắt đầu bước ngược lại. Một, hai, ba...

Lại mười hai bước để tới phía sau tòa nhà. Chàng cảnh sát nhìn quanh rồi tiếp tục bước quay lại về phía trước, bước mười ba bước.

Lần sau lại là mười một bước, rồi mười hai.

Không chính xác như một chiếc đồng hồ, nhưng vẫn khá đều. Thompson Boyd vẫn có ít nhất mười một bước chân để lên tới phía sau tòa nhà mà không bị phát hiện, trong khi cậu lính trẻ vẫn đang quay lưng lại. Rồi sau đó hắn lại có ít nhất mười một bước để đợi tới lúc cậu ta quay trở lại phía sau tòa nhà. Hắn kéo chiếc mũ trùm qua đầu.

Chàng sĩ quan trẻ lúc này quay lại và hướng về phía con phố một lần nữa.

Trong một khắc, Thompson lao ra khỏi chỗ nấp và nhanh chóng trườn vào phía sau của tòa nhà, nhắm... ba, bốn, năm, sáu...

Di chuyển không tiếng động với đôi giày hiệu Bass, Thompson giữ ánh mắt trên lưng cậu cảnh sát. Cậu ấy không hề quay lại nhìn. Hắn tiếp cận bức tường ở bước thứ tám, đứng dựa vào tường, lấy lại hơi thở; hắn quay về phía con hẻm nơi mà chàng cảnh sát trẻ sẽ nhanh chóng xuất hiện.

Mười một. Chàng cảnh sát chắc hắn là mới đến phía con phố bên kia và bắt đầu quay lại. Một, hai, ba...

Thompson Boyd, nén hơi thở thật chậm.

Sáu, bảy...

Thompson Boyd, nắm thật chặt cây dùi cui bằng cả hai tay.

Chín, mười, mười một...

Tiếng chân bước lạo xạo trên con đường đá cuội lổm chổm.

Thompson bước thật nhanh ra khỏi con hẻm, vung cây dùi cui giống như một tay đập bóng chày, chớp nhoáng như cú tấn công của một con rắn đuôi chuông. Hắn thấy một vẻ bàng hoàng thuần khiết trên khuôn mặt cậu trai trẻ. Hắn nghe thấy tiếng gió rít của cây gậy và tiếng thở hắt ra của chàng cảnh sát, mà tất cả cùng dừng lại khoảnh khắc cây gậy đập vào trán cậu ta. Chàng trai khụy xuống, tiếng nói ứ nghẹn riu riu trong cổ họng. Tên sát thủ đánh vào đỉnh đầu cậu ta.

Chàng cảnh sát đổ sập úp mặt xuống nền đất bẩn thỉu. Thompson kéo chàng trai trẻ đang rung lên bần bật, vẫn còn ý thức một chút, vòng qua lưng tòa nhà, nơi không thể bị phát hiện từ phía con phố.

Nghe thấy tiếng súng nổ, Roland Bell nhảy dựng về phía cửa sổ căn hộ, nhìn ra ngoài một cách thận trọng. Anh mở khuy áo ngoài và chộp lấy điện đàm.

Anh lờ đi người bạn của bà Lilly đang mở to mắt, nói: “Lạy Chúa, có chuyện gì đang xảy ra vậy?”

Bà Lilly im lặng nhìn chăm chăm vào khẩu súng to đùng ở bên hông người cảnh sát.

“Bell đây”, anh nói vào điện đàm. “Có vấn đề gì vậy?”

Luis Martinez trả lời với hơi thở đứt quãng: “Súng nổ. Từ phía sau tòa nhà, thưa sếp. Pulaski ở đó. Barbe đã đi xem sao rồi”.

“Pulaski”, Bell gọi vào điện đàm. “Nghe rõ trả lời.”

Không có gì hết.

“Pulaski!”

“Như vậy là sao?” Lilly nói, khiếp sợ. “Lạy Chúa.”

Bell giơ một ngón tay lên. Nói vào điện đàm: “Các vị trí, báo cáo”.

“Tôi vẫn đang ở cổng vòm phía trước”, Martinez trả lời. “Không có tin gì từ Barbe.”

“Di chuyển nhanh chóng xuống giữa khu vực hành lang tầng trệt, quan sát kỹ cửa sau. Đó là lối tôi sẽ đi vào, ý tôi là nếu mình là hắn. Nhưng bảo đảm cả hai lối vào.”

“Rõ.”

Bell quay sang Geneva và hai người phụ nữ già. “Chúng ta phải đi, ngay.”

“Nhưng...”

“Ngay, thưa quý cô. Ta sẽ vác cháu nếu như phải làm thế nhưng như vậy sẽ khiến chúng ta nguy hiểm hơn.”

Barbe Lynch cuối cùng đã báo cáo. “Pulaski gục rồi.” Cô gọi 10-13, yêu cầu chi viện và nhân viên y tế.

“Cửa sau vẫn còn nguyên chứ?”, anh hỏi.

Lynch đáp lại: “Các cửa vẫn đóng và khóa. Đó là tất cả những gì tôi biết”.

“Giữ nguyên vị trí, quan sát kỹ khu vực hẻm phía sau. Tôi sẽ đưa cô bé ra ngoài.”

“Chúng ta đi thôi”, anh nói với cô bé.

Sự bướng bỉnh đã bớt nhưng cô nói: “Cháu không bỏ họ lại được”. Hướng về phía hai người phụ nữ già.

“Anh nói cho tôi ngay chuyện này là thế nào”, người bà cô của cô bé nói, nhìn Bell đầy giận dữ.

“Đó là vấn đề của cảnh sát. Có kẻ nào đó đang cố tấn công Geneva. Tôi muốn các bà rời khỏi đây. Có người bạn nào của hai người ở đây mà hai người có thể trú tạm một thời gian không?”

“Nhưng...”

“Liệu có nhất thiết phải khăng khăng ở lại không, thưa các quý bà. Có cần thế không? Nói với tôi nhanh lên.”

Họ nhìn nhau với đôi mắt hoảng sợ và gật đầu. “Bà Marie, tôi cho là”, Lilly nói. “Lên nhà trên thôi.”

Bell bước về cửa ra vào và nhìn ra ngoài. Hành lang vắng lặng ập vào mắt anh.

“Được rồi, giờ thì đi thôi.”

Những người phụ nữ già nhanh chóng đi xuống hành lang. Bell thấy họ gõ cửa. Nó mở ra và những tiếng nói trong đó tắt đi, rồi khuôn mặt một người phụ nữ da đen nhìn ra bên ngoài. Những người phụ nữ biến mất vào trong, cánh cửa đóng lại và theo đó là tiếng sợi xích và tiếng khóa. Viên thanh tra và cô bé vội vàng lao xuống cầu thang, Bell dừng lại ở tất cả các chiếu nghỉ để bảo đảm tầng bên dưới an toàn, khẩu súng tự động màu đen to đùng nằm trong tay.

Geneva chẳng nói gì cả. Cô nghiêng chặt hàm, nổi tức giận lại bùng nổ một lần nữa.

Họ dừng lại ở hành lang. Viên thanh tra chỉ Geneva núp mặt vào những góc tối phía sau anh. Anh hét lớn: “Luis?”.

“Tầng này an toàn, thưa sếp, ít nhất là tới lúc này”, viên cảnh sát nói với giọng thì thầm chắc nịch từ cách đó nửa đường đi tới cái hành lang dẫn ra cửa sau.

Tiếng Barbe bình tĩnh nói: “Pulaski vẫn sống. Tôi tìm thấy cậu ấy đang nắm chặt khẩu súng - cậu ta đã nổ một phát súng. Đó là tiếng mà chúng ta nghe thấy. Không có dấu hiệu nào cho thấy cậu ta đã bắn trúng cái gì”

“Cậu ấy nói gì không?”

“Cậu ta bất tỉnh rồi.”

Vậy có lẽ hắn ta đã chuồn mất rồi, Bell nghĩ.

Hoặc là hắn dự định làm một điều gì đó khác. Liệu có an toàn hơn không khi ở đây đợi viện trợ? Đó thực sự là một câu hỏi cần phải cân nhắc kỹ về logic. Dù vậy, vấn đề thực tế là, liệu đó có phải là câu trả lời đúng đắn cho câu hỏi của cái điều mà Nghi phạm 109 có trong đầu hay không?

Bell quyết định.

“Luis, tôi sẽ đưa cô bé ra khỏi đây. Giờ. Cần sự hỗ trợ của anh.”

“Sẵn sàng, thưa sếp.”

Thompson Boyd một lần nữa đứng trong tòa nhà cháy dở phía bên kia con phố của tòa chung cư mà Geneva Settle và những cảnh sát ở đó.

Cho đến lúc này, kế hoạch của hắn đã có tác dụng.

Sau khi hạ gục chàng cảnh sát trẻ, hắn đã rút một viên đạn từ khẩu Glock của anh ta. Rồi buộc nó bằng dây cao su vào một điều thuốc đang cháy dở - để làm kíp nổ - và đặt cái thiết bị kích nổ tự tạo này ở trong con hẻm. Và hắn nhét khẩu súng vào tay chàng cảnh sát đã bất tỉnh.

Hắn cúi mặt nạ, chạy sang một con hẻm khác, ở phía đông của tòa nhà, bước vào phố. Khi điều thuốc cháy xuống và kích nổ viên đạn thì hai cảnh sát trong thường phục biến mất, hắn chạy tới chiếc Crown Victoria. Hắn có một thanh sắt nhỏ mảnh để cạy cánh cửa nhưng không cần đến nó; chiếc xe không bị khóa. Từ chiếc túi đựng đồ, hắn lấy ra vài thứ đã chuẩn bị sẵn từ đêm hôm trước, rồi ráp lại và giấu chúng bên dưới ghế lái và cẩn thận đóng cửa.

Thiết bị tự chế này khá đơn giản: một lọ acid sunfuric thấp và rộng, nằm trong đó là một cái đế nền thấp bằng kính. Và ở trên đó là một bọc bằng lá kim loại vo tròn chứa vài thìa đầy bột cyanide[4] nghiền nhuyễn. Bất cứ chuyển động nào của chiếc xe đều có thể khiến nó lặn xuống lọ acid, mà có thể làm tan cả lớp vỏ và hòa tan chất độc. Cái chất khí chết người ấy sẽ nhanh chóng lan ra và đánh ngất những người trên xe trước khi họ kịp mở cửa hay cửa sổ. Họ sẽ chết - hoặc là chết não - nhanh chóng sau đó thôi.

[4] Một loại chất cực độc.

Hắn nhìn lên qua khe nứt ở giữa tấm biển quảng cáo và những gì còn lại ở bức tường phía trước tòa nhà. Ở cổng vòm là viên thanh tra tóc màu nâu có vẻ như là người chịu trách nhiệm nhóm bảo vệ. Bên cạnh anh ta là một nam cảnh sát mặc thường phục và ở giữa họ là cô bé.

Cả ba người dừng lại ở cổng khi viên thanh tra quan sát khu phố, những nóc nhà, ô tô, và các con hẻm.

Khẩu súng nằm trong bàn tay phải. Chìa khóa xe ở bên tay trái. Họ đang chuẩn bị chạy vào trong chiếc xe tử thần ấy.

Hoàn hảo.

Thompson Boyd quay đi và rời khỏi tòa nhà một cách nhanh chóng. Hắn cần phải tạo khoảng cách vừa đủ với khu vực này. Những cảnh sát khác hắn đã trên đường tới đây, tiếng còi xe cảnh sát hú inh ỏi ngày một to lên. Khi trượt ra khỏi phía sau của tòa nhà, hắn nghe thấy tiếng nổ máy chiếc xe của viên thanh tra. Sau đó là tiếng bánh xe rít lên.

Thở thật sâu, hắn nghĩ tới những người ngồi trên xe. Hắn nghĩ thế bởi hai lý do: Đầu tiên, tất nhiên là, hắn muốn cái nhiệm vụ khó nhằn này kết thúc. Nhưng đồng thời hắn cũng gửi thông điệp tới họ vì một lý do khác: Chết bởi chất độc cyanide có thể cực kỳ khủng khiếp. Cầu cho họ chết nhanh chóng và không đau đớn là những gì mà một người với những cảm xúc sẽ nghĩ, một người không hề vô cảm chút nào.

Nho, sori, sữa...

Thở thật sâu.

Cảm nhận tiếng động cơ ầm ầm - nó làm tay, chân và lưng cô rung lên - Amelia Sachs đang lao thật nhanh tới khu Spanish Harlem[5]. Cô đã đạt mức sáu mươi dặm một giờ trước khi vào số ba.

[5] Còn có tên gọi khác El barrio, East Harlem, nơi có cộng đồng người Mỹ Latin tập trung đông ở thành phố New York.

Cô ở với Rhyme khi họ nhận được tin báo: Pulaski bị hạ, kẻ giết người đã lên kế hoạch đặt một loại thiết bị vào xe của Roland Bell. Cô đã phi xuống tầng, nổ máy chiếc Camaro 1969 màu đỏ và chạy tới hiện trường vụ tấn công ở phía đông Harlem.

Lao vun vút qua những đèn xanh và giảm tốc xuống khoảng ba mươi dặm một giờ ở các đèn đỏ - quan sát bên trái, bên phải, lùi số và nhấn ga

Mười phút sau cô đã dừng ở phố 123, đi ngược lại dòng xe cộ, để huy một chiếc xe tải có vài centimet. Nhìn phía trước, cô có thể thấy những ánh đèn chớp nhoáng của chiếc xe cứu thương và ba chiếc xe cảnh sát từ sở cảnh sát địa phương. Đồng thời cũng thấy: hàng tá cảnh sát và một vài thành viên đội ESU, đang làm công việc của mình dọc các vỉa hè. Họ di chuyển một cách thận trọng, như thể là những người lính đang ở giữa chiến trường.

Để ý sau lưng mình...

Cô phanh kít chiếc Chevy đột ngột khiến lớp xe bốc khói trên nền đường và nhảy ra ngoài, nhìn chăm chăm vào những con hẻm xung quanh cùng những cửa sổ trống rỗng để tìm bất cứ một dấu hiệu nào của hung thủ và khẩu súng bắn kim của hắn. Đi thật nhanh vào trong con hẻm, giờ huy hiệu của mình ra, cô đã thấy các nhân viên y tế ở xung quanh Pulaski. Cậu ta đang nằm giữa và họ đã lau rửa sạch đường hô hấp - ít nhất là cậu ta vẫn còn sống. Nhưng có rất nhiều máu và mặt cậu ta sưng lên khá to. Cô đã hy vọng rằng cậu ta có thể nói với họ điều gì đó nhưng cậu ta đang trong tình trạng hôn mê.

Có vẻ như cậu lính trẻ đã bị giết mình bởi sự xuất hiện của kẻ tấn công, hắn đã nằm phục chờ đợi cậu bước xuống con hẻm. Cậu ta đã đứng quá gần với bên hông của tòa nhà. Hắn là không có cảnh báo nào khi hắn tấn công. Chúng ta thường đi ở giữa vỉa hè và các con hẻm để không ai có thể nhảy ra và làm ta giết mình.

Cậu ta đã không biết...

Cô tự hỏi liệu cậu ta có thể sống để học bài học này không.

“Cậu ta thế nào rồi?”

Nhân viên y tế không nhìn lên. “Không đoán trước được. May mắn là cậu ta vẫn còn sống.” Rồi nói với đồng nghiệp của mình. “Được rồi. Đưa anh ta ra ngoài thôi. Ngay bây giờ.”

Khi họ đặt Pulaski lên chiếc cáng chuyên dụng và nhanh chóng đưa anh ta tới chiếc xe cứu thương, Sachs giải tán mọi người ra khỏi hiện trường để bảo vệ bất cứ bằng chứng nào có thể còn ở đó. Rồi cô quay lại căn hẻm và mặc bộ Tyvek màu trắng của mình vào.

Ngay khi cô kéo khóa chiếc áo lên, một trung sĩ cảnh sát khu vực bước tới phía cô. “Cô là Sachs phải không?”

Cô gật đầu. “Có dấu hiệu nào của hung thủ không?”

“Chẳng có gì cả. Cô sẽ khám nghiệm hiện trường hả?”

“Đúng vậy.”

“Cô có muốn xem qua chiếc xe của thanh tra Bell không?”

“Chắc chắn rồi.”

Cô bước về phía trước.

“Đợi đã”, người đàn ông nói. Anh ta đưa cho cô một chiếc mặt nạ.

“Nó tòi tệ thế sao?”

“Anh ta kéo chiếc mặt nạ của mình vào. Qua lớp cao su dày, cô nghe thấy tiếng nói nghiêm trọng của anh ta: “Đi theo tôi”.

21. Chương 21

Với sự tiếp viện của đội ESU, hai cảnh sát đến từ đơn vị Phòng chống bom mìn từ Khu số 6 đang cúi rạp người ở ghế sau chiếc Crown Victoria của Bell. Họ không mặc áo giáp chống bom mà mặc những bộ đồ chống vũ khí sinh học kín mít từ đầu đến chân.

Mặc bộ áo mỏng hơn và màu trắng, Amelia Sachs đứng ở phía sau khoảng chín mét.

“Tình hình sao rồi, Sachs?” Rhyme gọi vào trong điện đàm. Cô nhảy dựng lên vì giật mình. Rồi vận tiếng nhỏ xuống. Dây nối từ điện đàm của cô đã được lắp vào mặt nạ chống khí độc.

“Em chưa đến gần lắm để thấy; họ vẫn đang tháo thiết bị đó ra. Nó là cyanide và acid.”

“Nhiều khả năng đó là sulfuric chúng ta thấy ở các dấu vết trên bàn làm việc của hắn.” Anh nói.

Thật chậm, đội tháo dỡ bom mìn lấy thiết bị chết người ấy ra. Họ bọc kín các bộ phận bằng những hộp chứa chống độc đặc biệt.

Một tiếng nói khác xen vào - từ một trong những sĩ quan đội phòng chống bom mìn: “Thám tử Sachs, chúng tôi đã vô hiệu hóa nó. Cô có thể khám nghiệm chiếc xe nếu cô muốn. Nhưng vẫn phải đeo mặt nạ chống độc. Không có khí độc thoát ra nhưng hơi acid bốc lên có thể nguy hiểm”.

“Đúng vậy, cảm ơn anh.” Cô bắt đầu bước tới.

Tiếng Rhyme lại vang lên. “Khoan đã...”

Rồi anh quay lại. “Họ an toàn, Sachs. Họ đang ở đơn vị rồi.”

“Họ” chính là những nạn nhân của chất độc bỏ lại trong chiếc Crown Victoria hướng tới, Roland Bell và Geneva Settle. Họ đã rất gần với cái chết. Nhưng, khi chuẩn bị lao thật nhanh từ tòa nhà của người bà cô Geneva tới chiếc xe, Bell rằng có điều gì đó bất thường ở hiện trường vụ tấn công Pulaski. Barbe Lynch tìm thấy cậu ta cầm khẩu súng trong tay mình. Nhưng nghi phạm này lại thừa ranh mãnh để bỏ lại khẩu súng trong tay một cảnh sát đang gục xuống, ngay cả khi anh ta đã bất tỉnh. Không, ít nhất hắn phải ném nó đi, nếu hắn không muốn mang nó theo. Bell đã kết luận rằng bằng cách nào đó, hung thủ đã tự nổ súng và để khẩu súng lại khiến họ nghĩ rằng chàng cảnh sát trẻ đã bóp cò. Mục đích? Để lôi kéo các cảnh sát ra khỏi phía trước tòa nhà.

Và tại sao? Câu trả lời rất rõ ràng: Để họ bỏ mặc những chiếc xe không ai bảo vệ.

Chiếc Crown Vic không bị khóa, có nghĩa là hung thủ có thể đã nhét vào đó một thiết bị nổ. Bởi vậy anh đã lấy chìa khóa tới chiếc Chevy mà Martinez và Lynch đã lái tới đây và dùng phương tiện này để đưa Geneva thật nhanh ra khỏi khu vực nguy hiểm, cảnh báo tất cả mọi người tránh xa chiếc Ford cho tới khi Đội phá bom mìn làm việc với nó. Sử dụng một camera có sợi cáp quang họ dò tìm bên dưới và bên trong chiếc Crown Vic, cuối cùng tìm ra thiết bị ấy ở dưới ghế lái.

Sachs giờ đang khám nghiệm khu vực hiện trường: chiếc xe, đường tiếp cận nó và con hẻm nơi Pulaski bị tấn công. Cô không tìm thấy gì nhiều hơn ngoài dấu giày Bass, mà đó là dấu vết xác nhận rõ hung thủ chính là Nghi phạm 109, và một thiết bị khác, một thiết bị tự tạo: viên đạn từ khẩu súng tự động mà Pulaski được trang bị đã được buộc vào một miếng thuốc cháy dở. Hung thủ đã để nó cháy trong con hẻm và chuồn ra phía trước tòa nhà. Khi nó kích nổ viên đạn, “tiếng súng” sẽ thu hút các cảnh sát về phía sau, tạo cho hắn cơ hội cài đặt thiết bị vào chiếc xe của Bell.

Khốn kiếp thật, hắn thật là thông minh, cô nhủ trong đầu với một sự ngưỡng mộ.

Không có dấu hiệu nào cho thấy bạn đồng hành của hắn, gã da đen với chiếc áo khoác dã chiến, đã - hoặc vẫn - ở gần đó.

Đeo chiếc mặt nạ vào một lần nữa, cô kiểm tra thật cẩn thận phần làm bằng kính của thiết bị độc, nhưng không thu lại được dấu vân tay hay bằng chứng nào, điều này cũng không khiến mọi người ngạc nhiên. Có thể chất cyanide hoặc acid sẽ cho họ biết điều gì đó. Thất vọng, cô báo các kết quả cho Rhyme.

Anh hỏi: “Vậy em tìm những cái gì rồi?”

“Ừm, chiếc xe và con hẻm quanh Pulaski. Lối vào và các đường thoát khỏi con hẻm, con phố hắt tiếp cận chiếc Crown Vic - cả hai hướng.”

Im lặng một lúc khi Rhyme đang suy nghĩ.

Cô cảm thấy nặng nề, không thoải mái. Liệu cô có bỏ qua điều gì đó không? “Anh đang nghĩ gì, Rhyme?”

“Em hãy tìm theo quyển sách, Sachs. Đó là những nơi chính xác cần làm. Nhưng em đã thực hiện trên tổng thể hiện trường chưa?”

“Chương II quyển sách của anh?”

“Tốt lắm. Ít nhất cũng có ai đó đọc nó. Nhưng em đã làm theo những gì anh nói chưa?”

Mặc dù thời gian vẫn luôn là vàng là bạc, là điều cốt yếu khi khám nghiệm một hiện trường, một trong những phương pháp Rhyme gắn chặt là dành ra vài phút để bao quát toàn bộ hiện trường dựa trên từng vụ án cụ thể. Ví dụ mà anh trích ra trong quyển sách khoa học pháp y là một vụ giết người có thật ở làng Greenwich. Hiện trường chính ban đầu là nơi nạn nhân bị chết ngạt được tìm thấy, ở căn hộ của anh ta. Hiện trường thứ hai là lối thoát hiểm mà hung thủ sử dụng để tháo chạy. Dù vậy, vẫn có hiện trường thứ ba, mà nó chả có vẻ gì là một hiện trường cả, Rhyme đã tìm thấy ở đó các que diêm có dấu vân tay của hung thủ: một quán bar đồng tính cách ba dãy nhà. Không một ai có thể hoặc sẽ nghĩ đến việc tìm dấu vết ở một quán bar, ngoại trừ điều đó thì Rhyme đã tìm thấy các cuộn băng sex đồng tính ở nhà nạn nhân; một cuộc điều tra quán bar đồng tính gần nhất đã tìm ra một nhân viên phục vụ có thể nhận dạng nạn nhân và nhớ ra rằng anh ta đã uống rượu với một người đàn ông vào thời điểm trước khi xảy ra vụ án. Phòng thí nghiệm đã làm hiện lên những dấu vết ẩn trên hộp diêm bỏ lại gần chỗ họ ngồi trong quầy bar, những dấu vân tay đưa họ tới kẻ giết người.

“Tiếp tục suy nghĩ đi, Sachs. Hẳn lập nên kế hoạch này - mới chỉ nảy ra khi hắt ở đó nhưng rất tỉ mỉ và công phu - để đánh lạc hướng chú ý người của ta và đặt thiết bị đó vào trong chiếc xe. Điều đó có nghĩa là hẳn phải biết rõ vị trí tất cả những người tham gia, biết họ đang làm gì và làm thế nào hẳn có thể tạo ra đủ thời gian để cài đặt thiết bị đó. Nó cho ta biết điều gì?”

Sachs đang kiểm tra xung quanh khu phố. “Hẳn quan sát tất cả.”

“Đúng thế, quả thật là vậy, Sachs. Tốt lắm. Và liệu hẳn có thể quan sát từ vị trí nào được?”

“Ở bên kia con phố là nơi có tầm quan sát tốt nhất. Nhưng có hàng tá tòa nhà mà hẳn có thể đã ở đó. Em không biết được là cái nào.”

“Đúng thế. Nhưng khu lân cận là Harlem, đúng không?”

“Em...”

“Có hiểu anh đang nói gì không?”

“Không hoàn toàn hiểu...”

gia đình, Sachs. Các gia đình sống ở đó, các gia đình nhiều đời, nhiều con cháu chung sống cùng nhau, chứ không phải là những gã nhà giàu mới nổi sống một mình. Xâm nhập vào một ngôi nhà không thể không bị để ý. Cũng giống như chẳng thể có một kẻ nào có thể lẩn trốn vào các hành lang hay các con hẻm. Đó là một từ hay đấy, đúng không? Lẩn trốn. Tất cả là thế.”

“Vậy mấu chốt là gì, Rhyme?” Tâm trạng tốt của anh đã quay lại nhưng cô thực sự phát cáu bởi anh thích thú với câu đố của vụ án hơn cơ hội sống còn để hồi phục của Pulaski hay việc Roland Bell và Geneva Settle đã gần như bị giết chết.

“Không phải một căn hộ. Không phải từ một mái nhà - người của Roland luôn luôn quan sát chỗ đó. Hẳn phải có một nơi nào khác để đứng và quan sát, Sachs. Em nghĩ xem liệu đó có thể là chỗ nào?”

Nhìn dọc khu phố một lần nữa... “Có những tấm biển quảng cáo ở một tòa nhà bị bỏ hoang. Nó đầy những hình vẽ graffiti và những tờ rơi - anh biết đấy, đúng là thật khó để mà phát hiện ra một ai đó đang nhìn lên từ đằng sau nó. Em sẽ đi xem sao.”

Kiểm tra thật cẩn thận dấu hiệu chứng tỏ nghi phạm có thể còn ở quanh đó và không thấy gì khả nghi, cô băng qua phố và bước tới phía sau của tòa nhà cũ kỹ - một cửa hàng bị cháy, có vẻ là thế. Trèo vào qua cửa sổ phía sau, cô nhận thấy sàn nhà đầy bụi - một bề mặt hoàn hảo cho các dấu chân, và đủ để chắc chắn, cô nhận ra dấu giày của Nghi phạm 109 ngay lập tức. Cô vẫn choàng các sợi dây chun quanh phần chân của bộ Tyvek - một thủ thuật mà Rhyme nghĩ ra để bảo đảm rằng một sĩ quan cảnh sát khi khám xét một hiện trường không bị nhầm lẫn dấu vết của mình với của hung thủ. Nữ thanh tra bắt đầu bước vào căn phòng, khẩu Glock trong tay.

Đi theo dấu giày của hung thủ tới phía trước, cô dừng lại từng chút một, lắng nghe các tiếng động. Sachs nghe thấy một hay hai tiếng chân sột soạt nhưng không có gì lạ hơn ngoài âm thanh của một New York với mặt trái của nó, cô nhận ra ngay tức khắc kẻ xâm nhập là một con chuột.

Cô nhìn ra phía trước qua khoảng trống giữa các tấm gỗ dán của cái bảng quảng cáo nơi hắn ta đứng và nhận ra rằng, đúng thế, vị trí này mang đến tầm quan sát con phố một cách hoàn hảo. Cô thu lượm một vài thiết bị pháp y cơ bản rồi quay lại và dùng tia cực tím chiếu vào bức tường. Sachs quay cái que chiếu ánh sáng chuyên dụng để nổi dấu tay vào đó.

Nhưng những dấu vết duy nhất mà cô tìm ra là dấu găng tay cao su.

Cô nói với Rhyme những gì vừa tìm thấy rồi nói: “Em sẽ thu một vài dấu vết nơi hắn đứng nhưng không thấy gì nhiều. Hắn chẳng để lại một thứ gì cả

“Quá chuyên nghiệp”, Rhyme nói, thở dài. “Cứ mỗi lần chúng ta lột được âm mưu của hắn, thì hắn cũng vượt qua được tính toán của ta. Chà, mang về những gì em thu được, Sachs. Chúng ta sẽ xem xét nó.”

Trong khi họ chờ đợi Sachs trở về, Rhyme và Sellito đưa ra một quyết định: Trong khi mọi người đều tin rằng Nghi phạm 109 đã chuồn khỏi khu vực xung quanh tòa nhà, họ vẫn sắp xếp để cho bà cô của Geneva, Lilly Hall và bạn của bà chuyển tới khách sạn một thời gian.

Với Pulaski, cậu ta đang trong giai đoạn hồi sức cấp cứu, vẫn bất tỉnh sau khi bị hạ gục. Các bác sĩ không thể nói được liệu cậu ta có thể sống sót hay không. Trong phòng thí nghiệm của Rhyme, Sellito đóng chiếc điện thoại một cách đầy giận dữ khi nhận được tin: “Cậu ta là một tay lính mới ngu ngốc. Tôi đã thật sai lầm khi chọn cậu ta vào đội của Bell. Đáng lẽ tôi phải đi mới đúng”.

Nói ra điều đó thật lạ lùng. “Lon”, Rhyme hỏi: “Anh có quân hàm. Anh tốt nghiệp chuyên ngành bảo vệ, khi nào? Hai mươi năm trước?”.

Nhưng điều đó không an ủi viên cảnh sát to lớn chút nào. “Đưa cậu ta vào vị trí quá với khả năng. Tôi thật ngu ngốc. Chúa ơi.”

Một lần nữa bàn tay anh ta lại mài vào cái điểm trên má. Ngày hôm nay viên thanh tra cúi kính và nhìn đặc biệt nhàu nhĩ. Cách ăn vận thường nhật: áo màu sáng với quần màu tối. Dù vậy, Rhyme tự hỏi, liệu có phải đây là bộ quần áo mà anh ta mặc ngày hôm qua không. Có vẻ là thế. Đúng vậy, có một vết máu từ vụ bắn súng ở thư viện trên tay chiếc áo khoác - như thể anh ta mặc bộ quần áo như một sự hối lỗi.

Tiếng chuông cửa reo lên.

Thom quay lại một khắc sau đó với một người đàn ông gầy cao lêu nghêu. Da xanh nhợt, hình dáng xấu xí, mái tóc xoắn tít màu nâu và bộ râu lởm chởm. Anh ta mặc một chiếc áo khoác bằng nhung kẻ màu nâu nhạt và quần màu nâu đậm. Đôi xăng đan hiệu Birkenstock.

Đôi mắt ông ta quét quanh phòng thí nghiệm rồi nhìn Rhyme đầy dò xét. Không nhếch mép cười, anh ta hỏi: “Geneva Settle có ở đây không?”

“Ông là ai?” Sellito nói.

“Tôi là Wesley Goades.”

À, Kẻ hủy diệt hợp pháp[6] - không phải là nhân vật hư cấu, Rhyme có một chút ngạc nhiên khi biết. Sellito kiểm tra chứng minh thư của ông ta và gật đầu.

[6] Nguyên văn: legal terminator (cách chơi chữ của tác giả ở đây, liên quan đến phần đầu câu chuyện).

Những ngón tay dài của người đàn ông chỉnh chiếc kính gọng có dây dày cộp hoặc giật bộ râu dài của ông ta một cách vô thức và không bao giờ nhìn vào mắt một ai đó quá nửa giây.

Sự bồn chồn lo lắng đập vào mắt liên tục khiến Rhyme nhớ tới người bạn của Geneva, Lakeesha Scotta với cái miệng nhai kẹo cao su chóp chép.

Ông ta đưa tấm danh thiếp cho Thom, rồi anh đưa cho Rhyme nhìn. Goades là giám đốc của Tập đoàn Dịch vụ Pháp lý Trung tâm Harlem và được sát nhập với Liên minh tự do dân sự Hoa Kỳ. Con dấu đóng ở dưới cho thấy ông ta được cấp phép hành nghề về luật ở tiểu bang New York, các tòa án liên bang cấp quận ở New York và Washington D.C., và trước Tòa án Tối cao Mỹ.

Có lẽ những ngày đại diện cho các công ty bảo hiểm tư bản đã khiến ông ta thay đổi sang hướng khác.

Đáp lại cái nhìn đầy thắc mắc từ Rhyme và Sellito, ông ta nói: “Tôi đã không có mặt ở thành phố thời gian qua. Tôi nhận được tin Geneva gọi đến văn phòng của mình ngày hôm qua. Điều gì đó về việc cô bé là một nhân chứng. Tôi chỉ muốn xem cô bé thế nào rồi”.

“Cô bé vẫn ổn”, Rhyme nói. “Có kẻ cố gắng sát hại cô bé nhưng chúng tôi đã bảo vệ cô bé mọi lúc mọi nơi.”

“Cô bé đang bị giữ ở đây? Trái với ý muốn của cô ấy?”

“Không phải là bị giữ, không hề”, nhà tội phạm học nói một cách quả quyết. “Cô bé đang ở nhà mình.”

“Cùng với bố mẹ cô ấy?”

“Một người bác.”

“Tất cả điều này là gì?” Viên luật sư không có nụ cười hời, ánh mắt ông ta liếc từ khuôn mặt này sang khuôn mặt khác, nhìn vào các tấm bảng bằng chứng, các thiết bị, các sợi dây.

Rhyme, luôn luôn, do dự trong việc nói chuyện về một vụ án đang điều tra với một người lạ, nhưng viên luật sư có thể sẽ có vài thông tin hữu ích. “Chúng tôi cho rằng có kẻ nào đó lo lắng về điều mà Geneva đang nghiên cứu cho bài tập ở trường, về một người tổ tiên của cô bé. Cô ấy có nói gì với ông trước đây không?”

“À, điều gì đó về người cự nê lệ?”

“Chính xác.”

“Đó là lý do tôi đã gặp cô bé. Cô bé tới văn phòng của tôi tuần trước và hỏi tôi có biết ở đâu có các tài liệu ghi chép về các vụ án cũ trong thành phố - quay ngược lại vào khoảng những năm 1800. Tôi đã cho cô bé nhìn qua một vài quyển sách cũ mình có, nhưng đúng là không thể nào tìm ra các ghi chép về các phiên tòa sơ thẩm lâu đến thế. Tôi không giúp gì được cả.” Người đàn ông cao gầy nhún lông mày nói. “Cô bé muốn trả công cho tôi vì đã mất thời gian của mình. Phần lớn khách hàng của tôi lại không làm như vậy.”

Đảo mắt quan sát căn phòng một vòng nữa, Goades có vẻ như đã hoàn toàn yên tâm rằng tình hình đúng là có vẻ như vậy. “Các anh đã gần tóm được gã đó chưa?”

“Chúng tôi có một chút manh mối”, Rhyme nói một cách lấp lửng.

“Chà, nói với cô bé là tôi ghé qua, được chứ? Và nếu như cô bé cần bất cứ điều gì, bất cứ lúc nào, hãy để cô ấy gọi điện cho tôi.” Ông ta hất đầu về phía tấm danh thiếp của mình rồi đi ra.

Mel Cooper cười khoái trí. “Cá một trăm đô là ông ta đã từng đại diện cho một con cú đốm trong thời gian hành nghề của mình.”

“Chẳng ai cá điều đó cả.” Rhyme lẩm bẩm. “Và chúng ta sẽ làm gì cho xứng với sự xao nhãng này? Quay lại với công việc nào. Làm việc thôi.”

Hai mươi phút sau, Bell và Geneva đến với một chiếc hộp đựng tài liệu và các đồ vật khác từ căn hộ của bà Lilly, thứ mà viên cảnh sát tuần tra đã mang đến cho họ từ ngôi nhà ngoại ô.

Rhyme nói với cô bé rằng Wesley Goades đã ghé qua.

“Để xem cháu thế nào phải không? Cháu đã nói với chú rằng ông ấy là người tốt. Nếu cháu có ý định kiện một ai đó thì cháu sẽ thuê ông ấy.”

Luật sư của Sự hủy diệt hàng loạt...

Amelia Sachs bước vào trong với các bằng chứng thu được ở hiện trường, gật đầu chào Geneva và những người khác.

“Xem chúng ta có gì nào”, Rhyme nói đầy hào hứng.

Điều thuốc mà Nghi phạm 109 sử dụng như ngòi kích nổ cho “phát đạn” là hiệu Merit, khá phổ biến và không có dấu vết lằn theo. Điều thuốc được châm nhưng không được hút - hoặc là ít nhất họ cũng không thể phát hiện dấu răng hay nước bọt trên đầu lọc. Điều này có nghĩa là hẳn không phải là một người hay hút thuốc, gần như chắc chắn là thế. Tất nhiên, không một dấu tay trên điều thuốc. Cũng như vậy, chẳng có gì là nổi bật về sợi dây cao su mà hẳn dùng để buộc chặt điều thuốc vào viên đạn. Họ không tìm thấy dấu công ty sản xuất chất cyanide. Acid thì có thể mua được ở rất nhiều địa điểm. Vật được dùng để trộn acid và chất độc ở trong xe của Bell được làm từ những đồ vật trong nhà: một cái chai thủy những tấm lá bằng kim loại và một chiếc đế nền bằng thủy tinh. Chẳng thứ nào có dấu vết hay một thứ gì để có thể lần ra một địa điểm riêng biệt.

Trong tòa nhà bị bỏ hoang mà tên sát thủ dùng để quan sát, Sachs đã tìm ra thêm những dấu vết của cái chất lỏng huyền bí mà cô lấy được từ ngôi nhà ẩn nấp trên phố Elizabeth (chính là chất lỏng mà những phân tích của FBI vẫn đang khiến Rhyme mất hết cả kiên nhẫn chờ đợi. Hơn nữa, cô đã thu được một vài mảnh màu cam nhỏ li ti từ nền của các tấm biển báo chỉ đường hoặc biển cảnh báo của các công trình tháo dỡ hoặc xây dựng. Sachs chắc chắn đó là từ nghi phạm bởi cô đã tìm thấy các mảnh này ở hai vị trí khác nhau, ngay cạnh các dấu chân của hắn, và không ở đâu khác ngoài cái cửa hàng bị bỏ hoang đó. Rhyme suy đoán rằng nghi phạm có thể đã giả dạng thành một công nhân làm đường cao tốc, công nhân xây dựng hay các công trình công cộng. Hoặc có thể đó chính là công việc thực sự của hắn.

Trong khi đó, Sachs và Geneva xem xét chiếc thùng đựng kỉ vật của gia đình từ căn hộ của người bà cô. Nó đựng hàng đồng sách cũ và các tạp chí, giấy tờ, mẫu báo được cắt ra, các tờ ghi chú, công thức, đồ lưu niệm và các tấm bưu thiếp.

Và, nó cho thấy, một lá thư đã ngả vàng lấp đầy những dòng chữ viết tay đặc biệt của Charles Singleton. Tuy nhiên, cách hành văn trên tờ giấy này ít tao nhã hơn nhiều so với những bức thư khác của ông.

Có thể hiểu được, tùy vào tình huống.

Sachs đọc nó thật to.

Ngày 15 tháng 7 năm 1868.

“Sau ngày xảy ra vụ trộm ở Quý Nô lệ tự do”, Rhyme chỉ ra. “Tiếp tục đi.”

Violet - Thật điên khùng biết bao! Anh đã gần như có thể nhận thấy được, những sự kiện này là một kế hoạch nhằm làm mất uy tín của anh, để làm anh xấu hổ trước những người bạn và trước những người lính danh dự trong cuộc chiến tự do.

Ngày hôm nay anh đã biết được nơi mình có thể tìm thấy công lý. Tối nay, anh đi tới Potter's Field, mang theo khẩu Navy Colt của mình. Nhưng những nỗ lực của anh kết thúc bằng thảm họa, và hy vọng duy nhất của anh giờ đây nằm im mãi mãi bên dưới những lớp đất.

Anh mất cả đêm chạy trốn những người cảnh sát - họ giờ đang truy lùng anh khắp nơi - rồi sẽ lên tới New Jersey vào buổi sáng. Em và con trai của chúng ta cũng phải chạy trốn; anh sợ họ cũng sẽ tìm cách trả thù em và con. Ngày mai vào buổi trưa, gặp anh tại chỗ John Stevens Pier ở New Jersey. Cùng với nhau, chúng ta sẽ làm lại ở Pennsylvania, nếu em gái em và chồng của nó đồng ý cưu mang chúng ta.

Có một người đàn ông trong tòa nhà sống ở trên cái chuồng ngựa mà anh đang trốn lúc này, và có vẻ như động lòng với hoàn cảnh khốn khổ của anh. Ông ấy đã bảo đảm với anh rằng sẽ đưa em lá thư này.

Sachs nhìn lên. “Có gì đó bị gạch ở đây. Em không thể đọc nổi.” Rồi cô tiếp tục:

Trời tối lắm rồi. Anh rất đói và mệt, trắc trở như Job[7] vậy. Và dòng nước mắt của anh - những vệt mà em thấy trên lá thư này, em yêu ạ - không phải là từ nỗi đau mà từ sự hối tiếc vì bị kịch mà anh đã mang lại cho chúng ta. Tất cả chỉ vì cái bí mật... của anh! Giá mà anh đã hét lên sự thật từ nóc tòa thị chính

thành phố, có lẽ những sự kiện đầy nỗi đau này sẽ không xảy ra. Giờ thì đã quá muộn cho sự thật rồi. Xin hãy tha thứ cho sự ích kỷ của anh, và sự hủy hoại bắt nguồn từ những dối trá mà anh đã tạo ra.

[7] Một nhân vật trong Kinh thánh, gặp phải rất nhiều chông gai thử thách từ Chúa trong cuộc sống.

Sachs nhìn lên. “Ông ấy ký mỗi chữ Charles.”

Rhyme nhớ lại, buổi sáng ngày hôm sau cuộc săn đuổi ông ấy được tường thuật lại trong tờ tạp chí mà Geneva đọc khi cô bé bị tấn công.

“Hy vọng duy nhất của ông ấy?”; “Nằm sâu bên dưới lớp đất sét và đất”. Rhyme nhìn bức thư một lần nữa, Sachs giơ nó lên cho anh. “Không có gì đặc biệt chú trọng về bí mật ấy... Và điều gì đã xảy ra ở Potter’s Field? Đó là nghĩa trang dành cho những người ăn xin, người nghèo, vô danh phải không?”

Cooper lên mạng và tra thông tin một lúc. Anh báo lại rằng nghĩa trang thành phố dành cho những người nghèo khổ nằm ở đảo Hart, gần khu Bronx. Hòn đảo từng là một căn cứ quân sự, và nghĩa trang mới chỉ được mở ở đó không lâu trước khi Charles tới đó với nhiệm vụ bí mật của mình, mang theo khẩu Colt.

“Quân đội?” Rhyme hỏi, cau mày. Có điều gì đó nảy ra trong trí nhớ của anh. “Cho tôi xem những lá thư khác.”

Cooper làm việc đó.

“Nhìn này, sư đoàn của Charles tập trung ở đây. Tự hỏi liệu đó có phải là sự liên quan không. Có điều gì khác về cái nghĩa trang không?”

Cooper đọc. “Không. Chỉ có một hay hai bài thôi.”

Rhyme quét qua tấm bảng trắng. “Charles định làm gì nhỉ? Gallow Heights, Potters’ Field, Federick Douglass, những nhà lãnh đạo quyền dân sự, các nghị sĩ, các chính trị gia, Tu chính án số 14,... Cái gì gắn k chúng lại với nhau?” Sau một khoảng thời gian yên lặng dài lê thê nhà tội phạm học nói: “Hãy gọi cho một chuyên gia”.

“Ai còn tốt hơn cả anh nữa?”

“Ý tôi không phải là chuyên gia khoa học pháp y, Mel”. Rhyme nói. “Tôi đang nói về lịch sử. Có một vài chủ đề tôi không giỏi lắm.”

22. Chương 22

Giáo sư Richard Taub Mathers cao và mảnh khảnh, với làn da sạm màu như gỗ gụ, đôi mắt sắc và sự hiểu biết gợi cho người khác thấy hẳn ông phải có đến một vài tấm bằng sau đại học trong hồ sơ của mình. Ông chưng diện kiểu tóc xoắn ngắn, hất ngược ra sau và một thái độ khiêm tốn, nhã nhặn. Cách ăn mặc mang phong thái của một giáo sư: áo khoác bằng vải tuyết và chiếc nơ ở cổ áo (chỉ thiếu mỗi mẫu da lộn được gắn vào ở chỗ khuỷu tay).

Ông ta gật đầu chào Rhyme, tỏ vẻ ngạc nhiên với chiếc xe lăn, và bắt tay với những người khác.

Rhyme thỉnh thoảng có giảng dạy ở các trường đại học trong vùng về khoa học pháp y, hầu hết là ở John Jay và Fordham; anh hiếm khi xuất hiện ở những nơi cao quý như Đại học Columbia, nhưng một giáo sư anh biết ở trường George Washington ở D.C. đã đưa anh tới giáo sư Mathers, một người nổi tiếng ở Momingside Heights. Ông là giáo sư ở một trường luật - giảng dạy về tội phạm, hiến pháp và các luật về quyền dân sự cũng như các khóa học về những điều cao siêu - và tham gia giảng dạy các nghiên cứu về Mỹ - Phi ở các chương trình sau đại học.

Mathers lắng nghe một cách chăm chú khi Rhyme nói những gì họ biết về Charles Singleton và cuộc vận động về quyền dân sự, bí mật của ông ta, cũng như khả năng ông ta bị gài bẫy vào vụ trộm. Rồi anh nói với giáo sư về những chuyện xảy ra với Geneva trong suốt hai ngày vừa qua.

Vị giáo sư chớp chớp mắt trong sự ngạc nhiên vì những thông tin vừa được biết. “Cố gắng để giết cháu à?”

Geneva không nói gì cả. Vẫn nhìn vào mắt ông ta, cô bé hơi gật đầu.

Mathers nói những chiếc cúc trên chiếc áo khoác và kéo cặp kính mảnh rất phong cách, ông đọc những bức thư của Charles Singleton một cách cẩn thận, chậm rãi rồi gật đầu một, hai lần gì đó, khẽ cười mỉm. Khi đã đọc xong, ông nhìn lướt qua tất cả một lần nữa. “Một người đàn ông thú vị. Một cựu nô lệ, một nông dân, phục vụ trong Sư đoàn số 31 của Mỹ dành cho người da màu - đã ở Appomattox[8].”

[8] Đây là nơi diễn ra một trong những trận chiến cuối cùng của cuộc Nội chiến Mỹ với sự đầu hàng của tướng Robert E. Lee.

Tuy nhiên, ông đọc những bức thư một lần nữa dù Rhyme cắt ngang và thúc giục nhanh hơn. Cuối cùng người đàn ông bỏ kính xuống, lau sạch những mắt kính một cách cẩn thận với một tờ giấy và trầm ngâm suy tưởng. “Như vậy là ông ấy đã can dự vào việc ban hành Tu chính án số 14?” Vị giáo sư lại mỉm cười, rõ ràng cảm thấy tò mò và thích thú. “Chà, việc này có thể sẽ rất thú vị đây. Nó có thể là một sự kiện nào đó.”

Cố gắng để giữ kiên nhẫn, Rhyme hỏi: “Vâng, và chính xác thì nó có thể là gì? Cái điều gì đó thú vị?”

“Tất nhiên, tôi đang nói về cuộc tranh luận.”

Nếu như có thể làm được, hẳn Rhyme đã chụp lấy cổ áo của người đàn ông và hét vào mặt ông ta rằng: Hãy nhanh lên đi. Nhưng anh chỉ thể hiện một cái cau mày bình thường. “Và cuộc tranh luận đấy là gì?”

“Một chút về lịch sử chứ?”, vị giáo sư ướm hỏi.

Rhyme thở dài. Sachs nhìn anh một cách u ám và nhà tội phạm học nói: “Tiếp tục đi xem nào”.

“Tài liệu về Hiến pháp Hoa Kỳ - Tổng thống, Quốc hội và Tòa án Tối cao. Nó vẫn kiểm soát cách chúng ta vận hành và thay thế từng luật, điều lệ trong nước.

Giờ đây, trên đất nước này, chúng ta luôn muốn một sự cân bằng: một chính phủ đủ mạnh để bảo vệ chúng ta khỏi ngoại bang và để chinh đốn, làm hài hòa cuộc sống của người dân, nhưng không quá mạnh để đàn áp. Khi những người thành lập đất nước đọc lại bản Hiến pháp sau khi nó được ký, họ đã lo lắng rằng nó có quá nhiều quyền lực - có thể dẫn đến một chính phủ chuyên chế. Nên họ sửa đổi nó - thông qua mười bản sửa đổi, bản Tuyên ngôn Nhân quyền Hoa Kỳ. Tám bản đầu tiên là những bản thực sự thiết yếu. Chúng liệt kê những quyền cơ bản về bảo vệ công dân khỏi sự lạm dụng của chính quyền liên bang. Ví dụ: FBI không thể bắt ta mà không có nguyên nhân chính đáng. Quốc hội không thể lấy đi ngôi nhà của bạn để xây một con đường cao tốc liên bang mà không có khoản đền bù. Ta có được một tòa án công bằng với bồi thẩm đoàn chỉ công vô tư. Ta không thể bị đối xử một cách dã man và những hình phạt bất thường... Nhưng, các cậu có nắm được điểm quan trọng ở đây không?”

Rhyme nghĩ rằng ông ta thực sự đang kiểm tra họ. Nhưng Mathers tiếp tục nói trước khi ai đó có thể mở miệng. “Liên bang. Chúng ta được điều hành bởi hai chính phủ khác nhau ở n Mỹ: Chính phủ liên bang ở Washington và chính quyền bang mà chúng ta sinh sống. Bản Tuyên ngôn Nhân quyền chỉ giới hạn những điều mà chính phủ liên bang có thể làm với chúng ta: Quốc hội và các sở, cục liên bang, như FBI hay DEA. Bản Tuyên ngôn Nhân quyền hầu như mang lại cho chúng ta không một sự bảo vệ nào chống lại những vi phạm về quyền con người và quyền dân sự từ chính quyền bang. Và luật pháp của bang chính là thứ ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta trực tiếp hơn hẳn với chính phủ liên bang - phần lớn các vấn đề liên quan tới cảnh sát chống tội phạm, các công việc công cộng, bất động sản, ô tô, các quan hệ đối nội, mong muốn, các vụ tố tụng dân sự là những vấn đề của bang.”

“Hiểu chứ? Hiến pháp và bản Tuyên ngôn Nhân quyền chỉ bảo vệ chúng ta ở Washington mà thôi; chứ không phải từ New York hay Oklahoma.”

Rhyme gật đầu.

Người đàn ông di chuyển thân hình mảnh khảnh của mình tới một chiếc ghế đẩu trong phòng thí nghiệm, nhìn một cách không chắc chắn vào chiếc đĩa thí nghiệm đang đựng những mẫu đất tơi xốp màu xanh, và tiếp tục: “Hãy ngược lại những năm 1860. Miền Nam ủng hộ chế độ nô lệ thua trong cuộc Nội chiến, do đó chúng ta ban hành Bản sửa đổi số 13, cấm các hình thức nô lệ. Đất nước tái thống nhất, các hình thức nô lệ không tự nguyện là vi phạm pháp luật... chỉ còn tự do và hòa bình bao trùm. Đúng vậy không?”

Một tiếng cười giễu cợt vang lên. “Sai rồi. Cấm chế độ nô lệ là không đủ. Thậm chí những người da đen còn chịu nhiều cảm xúc tồi tệ hơn so với trước chiến tranh - ngay cả ở miền Bắc - bởi có quá nhiều thanh niên trẻ đã phải chết vì sự nghiệp giải phóng họ. Các cơ quan lập pháp cấp bang đã thông qua hàng trăm luật phân biệt đối xử với người da đen. Họ bị ngăn cản các quyền như: bầu cử, nắm giữ các cơ quan, có tài sản riêng, sử dụng các trang thiết bị công cộng, không được ra làm chứng trước tòa... Cuộc sống của phần lớn những người da đen gần tồi tệ như thời nô lệ.

“Nhưng đó là luật pháp của bang, nên nhớ điều đó; bản Tuyên ngôn Nhân quyền không thể ngăn điều đó. Bởi vậy Quốc hội quyết định rằng các công dân cần có sự bảo hộ của chính quyền bang. Họ đưa ra Tu chính án số 14 để sửa chữa điều đó.” Mathers nhìn vào một chiếc máy tính. “Các vị có phiền không nếu tôi sử dụng internet một chút?”

“Không, hoàn toàn không vấn đề gì.” Rhyme nói với ông ta.

Vị giáo sư gõ vào trang tìm kiếm Alta Vista và một lát sau ông đã tải xuống được một đoạn văn. Ông cắt và dán đoạn văn ấy vào một cửa sổ riêng biệt, mà tất cả mọi người trong phòng có thể thấy trên những chiếc màn hình phẳng trong phòng. Không một bang nào có thể tạo ra hay củng cố bất cứ một điều luật nào có thể tước đi hoặc hạn chế quyền lợi hay quyền bất khả xâm phạm của các công dân Hoa Kỳ; cũng như không có một bang nào tước đoạt mạng sống của bất cứ một ai, quyền tự do, hay tài sản, mà không qua một quá trình xét xử theo đúng luật pháp; cũng như không thể phủ nhận quyền được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng của một cá nhân trong phạm vi thẩm quyền tài phán của bang đó...

“Đây là một đoạn trong phần thứ nhất của Tu chính án số 14”, ông ta giải thích. “Nó hạn chế một cách triệt để những gì mà các bang có thể làm với công dân. Một phần khác, mà tôi đã không in ra, lại khuyến khích các bang trao cho những người da đen, những người đàn ông da đen, quyền được bầu cử. Vậy, các vị đã hiểu chứ?” Vị học giả hỏi.

“Chúng tôi vẫn lắng nghe.” Sachs nói.

“Giờ thì, cách thức mà bản sửa đổi trình tới Quốc hội có hiệu lực là nó phải được Quốc hội thông qua ở Washington rồi phải được ba phần tư các bang chấp nhận. Quốc hội thông qua Tu chính án số 14 vào mùa xuân năm 1866, và được chuyển tới các bang để phê chuẩn. Hai năm sau, cuối cùng nó đã được thông qua bởi đủ số lượng bang cần thiết.” Ông lắc đầu mình. “Nhưng ngay sau đó đã có những lời đồn đại rằng nó chưa bao giờ chính thức được thông qua và ban hành. Đó là cuộc tranh cãi mà tôi đang đề cập đến. Rất nhiều người cho rằng nó không có hiệu lực.”

Rhyme cau mày. “Thật vậy sao? Họ nói có vấn đề gì với việc ban hành nó?”

“Có hàng tá luận điểm khác nhau. Một vài bang đã rút lại sự ủng hộ sau khi họ bỏ phiếu cho việc thông qua nhưng Quốc hội lơ đi điều này. Một số người thì nói rằng nó không thực sự được trình hay thông qua ở Washington. Cũng có những tranh cãi cho rằng có những phiếu thuận giả ở các cơ quan lập pháp các bang, hối lộ và thậm chí cả đe dọa.”

“Đe dọa?” Sachs hất vế phía bức thư. “Như là Charles nói.”

Đã sửa bởi quacauphale lúc 07.03.2015, 19:12.

Mathers giải thích: “Đời sống chính trị khi đó rất khác. Đó là thời đại mà J. P. Morgan nắm trong tay một quân đội riêng để chiến đấu với những đội quân được thuê bởi Jay Gould và Jim Fisk trong cuộc tranh giành đường sắt. Cảnh sát và chính quyền chỉ ngồi yên và quan sát những gì xảy ra”.

“Và các vị cũng phải hiểu rằng mọi người hoàn toàn nhiệt huyết với Tu chính án số 14: Đất nước của chúng ta đã gần như bị phá hủy, một nửa triệu người chết - bằng với số người mà chúng ta đã mất trong tất cả

các cuộc chiến tranh khác cộng lại. Không có Tu chính án số 14, miền Nam sẽ nắm quyền trong quốc hội, và chúng ta có thể một lần nữa nhìn thấy đất nước bị chia cắt. Có thể sẽ là một uộc nội chiến thứ hai.”

Ông ta vẫy vẫy bàn tay trên những đồ vật ở phía trước. “Ngài Singleton của các vị rõ ràng là một trong những người đàn ông đi tới các bang để vận động sự ủng hộ bản sửa đổi. Sẽ thế nào nếu ông ta phát hiện ra rằng bản sửa đổi không có hiệu lực? Đó hẳn phải là điều bí mật đã giày vò ông ta.”

“Có thể là thế”, Rhyme suy đoán: “Một nhóm những người ủng hộ bản sửa đổi đã tạo ra vụ trộm giả để làm mất uy tín của ông ấy. Để nếu như ông ấy có nói ra những gì mình biết thì sẽ chẳng một ai tin điều đó”.

“Tất nhiên, không phải là một nhà lãnh đạo vĩ đại lúc bấy giờ, không phải Federic Douglass hay Stevens hoặc Sumner. Nhưng, đúng vậy, chắc chắn rằng sẽ có hàng loạt các chính trị gia mong muốn bản sửa đổi được thông qua, và họ sẽ làm bất cứ điều gì để nó thành sự thật.” Vị giáo sư quay về phía Geneva. “Và điều đó có thể lý giải tại sao cô bé này đang gặp nguy hiểm.”

“Tại sao?”, Rhyme hỏi. Anh đã lắng nghe lịch sử nhưng sự ám chỉ rộng hơn có lẽ là hơi khó nắm bắt.

Thom liền nói: “Tất cả những gì ta phải làm là mở tờ báo ra”.

“Và nó có nghĩa là gì?”, Rhyme ngắt lời.

Mathers trả lời: “Anh ta ám chỉ rằng, hằng ngày có hàng đồng câu chuyện về việc Tu chính án số 14 đã tác động đến cuộc sống của chúng ta như thế nào. Anh có thể không nghe việc nó được nói đến một cách cụ thể nhưng nó vẫn là một trong những vũ khí mạnh nhất trong kho vũ khí nhân quyền của chúng ta. Ngôn từ rất mập mờ - quá trình xét xử theo đúng luật là gì? Hay là pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng?, quyền lợi hoặc quyền bất khả xâm phạm? Tất nhiên, sự mập mờ đó là có chủ đích, nên Quốc hội và tòa án tối cao có thể tạo ra sự bảo vệ mới để đáp ứng những hoàn cảnh của mọi thế hệ.”

“Bên ngoài những câu chữ ngắn gọn đó là hàng trăm điều luật về bất cứ điều gì có thể tưởng tượng được, không đơn thuần chỉ là sự phân biệt chủng tộc. Nó đã được sử dụng để làm mất hiệu lực các điều luật về thuế có tính phân biệt, để bảo vệ những người vô gia cư, những người lao động không đủ tuổi, để bảo đảm các dịch vụ y tế căn bản cho người nghèo. Nó là nền tảng cho các quyền dành cho người đồng tính và cho hàng ngàn vụ án về quyền lợi của tù nhân hằng năm. Có lẽ vấn đề gây nhiều tranh cãi nhất là sử dụng bản sửa đổi để bảo vệ quyền được phá thai?”

“Không có nó, các bang có thể quyết định rằng các bác sĩ phá thai là những kẻ giết người chủ yếu. Và bây giờ, sau sự kiện ngày 11 tháng 9, trong tư tưởng về An ninh quốc gia, chính Tu chính án số 14 đã ngăn các bang truy lùng những người đạo Hồi và giam giữ họ cho đến khi nào cảnh sát chán thì thôi.” Khuôn mặt của ông thể hiện một nỗi buồn. “Nếu như nó không có hiệu lực, bởi vì điều gì đó mà ông Charles Singleton đã biết được, nó có thể là kết thúc của sự tự do mà chúng ta vẫn biết.”

“Nhưng mà”, Sachs nói: “Cứ cho là ông ấy đã tìm ra điều đó, và nó không có hiệu lực. Bản sửa đổi có thể đơn giản được thông qua lần nữa, đúng không?”.

Lần này thì tiếng cười của vị giáo sư thật sự mỉa mai. “Sẽ không xảy ra đâu. Một điều duy nhất mà tất cả các học giả đồng ý là Tu chính án số 14 được thông qua chỉ trong khoảng thời ngắn trong lịch sử. Không, nếu như Tòa án Tối cao làm vô hiệu hóa bản sửa đổi, chúng ta có thể tái thông qua một số điều luật, nhưng vũ khí chủ yếu cho quyền dân sự và quyền tự do dân sự có thể sẽ biến mất mãi mãi.”

“Nếu như đó là động cơ”, Rhyme hỏi. “Ai là kẻ đứng sau vụ tấn công Geneva? Chúng ta nên tìm kiếm ai?”

Mathers lắc đầu. “Chà, danh sách sẽ dài vô tận. Hàng chục trong hàng ngàn người sẽ muốn bảo đảm rằng bản sửa đổi vẫn có hiệu lực. Họ có thể là những người cấp tiến về chính trị, thành viên của một nhóm nhỏ - về chủng tộc hoặc về khuynh hướng tình dục - hoặc là vì lợi ích của các chương trình xã hội, các dịch vụ y tế dành cho người nghèo, quyền phá thai, quyền dành cho người đồng tính, quyền lợi của tù nhân, và quyền lợi của công nhân lao động... Chúng ta nghĩ tới những kẻ cực đoan, những thành phần quá khích vì lợi ích tôn giáo - những người mẹ có những đứa con nằm trên bàn trong các phòng phá thai - hay là những kẻ đánh bom các tòa nhà thị chính. Nhưng họ không có độc quyền sát hại người khác vì đức tin của mình. Hầu hết chủ nghĩa khủng bố ở phương Tây được thực hiện bởi những kẻ theo đảng cấp tiến cánh tả.” Ông ta lắc lắc đầu mình. “Tôi thậm chí không thể đoán được ai đứng đằng sau sự việc.”

“Kiểu gì thì chúng ta cũng phải thu hẹp phạm vi tình nghi”, Sachs nói.

Rhyme gật đầu một cách chậm rãi và nghĩ: Tâm điểm chính trong vụ án này là phải bắt được Nghi phạm 109 và hy vọng rằng hắn sẽ nói ra kẻ đã thuê mình, hoặc tìm ra các bằng chứng có thể đưa manh mối tới kẻ đó. Nhưng anh cũng cảm nhận một cách rất bản năng rằng đây cũng là một manh mối quan trọng. Hiện tại, nếu như không có một câu trả lời rõ ràng về việc kẻ nào đứng sau các vụ tấn công Geneva Settle, họ sẽ phải xem xét tới quá khứ. “Dù kẻ đó là ai đi chăng nữa, hắn rõ ràng phải biết về những gì xảy ra vào năm 1868 hơn chúng ta. Nếu chúng ta có thể tìm ra điều đó - điều mà Charles nhận ra, ông ấy phụ thuộc vào điều gì, bí mật của ông ấy, và vụ trộm - nó có thể chỉ cho chúng ta đến một nơi nào đó. Tôi muốn thông tin hơn về thời gian lúc đó ở New York, Gallows Heights, Potter’s Field, bất cứ gì mà chúng ta có thể tìm thấy.” Anh nhủ mảy may như thể một ký ức bất chợt trở về và nói với Cooper: “Khi tìm cái tên Gallows Heights lần đầu tiên, anh đã tìm ra một bài viết về địa điểm đó ở gần đây, Tổ chức Sandford”.

“Đúng thế.”

“Anh vẫn giữ nó chứ?”

Mel Cooper lưu trữ lại mọi thứ. Anh nhớ lại về bài báo của tạp chí Times trên chiếc máy tính của mình. Những dòng chữ hiện lên trên màn hình của anh. “Nó đây rồi.”

Rhyme đọc bài báo và biết được rằng tổ chức Sandford này có lưu trữ tổng thể về lịch sử khu Upper West Side. “Liên lạc với giám đốc nơi này - William Ashberry. Nói với ông ta chúng ta cần làm việc với thư viện của ông ấy.”

“Tôi sẽ làm như vậy.” Cooper nhắc điện thoại lên. Anh có một cuộc nói chuyện ngắn gọn, rồi dập máy và báo cáo. “Họ rất vui lòng được giúp đỡ. Ashberry sẽ đưa chúng ta tới người quản lý các kho lưu trữ.”

“Sẽ phải có một ai đó đi tìm hiểu việc này”, Rhyme nói, nhìn Sachs với đôi lông mày nhướn cao.

“Ai đó? Em phải làm cái công việc chán ngắt đó sao.”

Cô ấy còn nghĩ được ra ai nữa? Pulaski thì đang nằm trong viện. Bell và đội của anh ta đang bảo vệ Geneva. Cooper là một chuyên gia trong phòng thí nghiệm. Sellito thì thừa tâm để thực hiện những công việc đơn giản dành cho lính mới kiểu này. Rhyme trách cô: “Không có những hiện trường nhỏ, chỉ có những cuộc điều tra hiện trường nhỏ mà thôi”.

“Hài hước đấy”, cô nói một cách chua chát. Mặc áo khoác vào, cô cầm lấy chiếc túi xách của mình.

“Một điều nữa”, Rhyme nói, lúc này giọng nghiêm trọng.

Cô nhướn lông mày lên.

“Chúng ta biết rằng hắn sẽ nhắm vào chính chúng ta.”

Cảnh sát, ý anh là thế.

“Ghi nhớ những mẫu sơn màu vàng đó trong đầu. Quan sát các công trình hoặc các công nhân thi công đường cao tốc... Chà, đối với gã này, cần phải đề phòng bất cứ ai.”

“Em biết rồi”, cô nói. Rồi lấy địa chỉ của tổ chức và rời đi.

Sau khi cô đi khỏi, Giáo sư Mathers nhìn qua những bức thư và các tư liệu khác một lần nữa rồi đưa chúng cho Cooper. Ông nhìn Geneva. “Khi ta ở tuổi của cháu, họ thậm chí còn chưa đưa các nghiên cứu về lịch sử Mỹ - Phi vào chương trình học. Chương trình hiện tại thế nào rồi? Cháu phải học hai kỳ à?”

Geneva cau mày: “Chương trình học Mỹ - Phi? Cháu không học môn này”.

“Vậy thì bài nghiên cứu của cháu là về nội dung gì?”

“Nghệ thuật ngôn ngữ.”

“Chà. Vậy là cháu sẽ học môn nghiên cứu lịch sử Mỹ - Phi năm tới?”

Do dự một lúc. “Cháu không định học môn đó chút nào hết.”

“Thật sao?”

Geneva rõ ràng cảm nhận được sự trách móc trong câu hỏi của ông ta. “Nó đơn giản là qua và trượt. Tất cả những gì ta phải làm là có mặt trong lớp. Cháu không muốn kiểu đánh giá như vậy có trong hồ sơ học bạ của mình.”

“Nó không thể làm cháu đau lòng.”

“Vậy vấn đề ở đây là gì?” Cô hỏi một cách thẳng thừng bất lịch sự. “Chúng cháu đã nghe đi nghe lại suốt rồi... Bộ phim Amistad, các nô lệ, John Brown, các điều luật Jim Crow, vụ kiện tụng Brown chống lại Hội đồng giáo dục, Martin Luther King, Jr., Malcolm X...” rồi cô bé im lặng.

Không đứng trên vai trò một giảng viên, Mathers hỏi: “Chỉ là rên rỉ về quá khứ thôi à?”

Geneva cuối cùng cũng gật đầu. “Cháu cho rằng đó chính là cách mình nhìn nhận về nó. Ý cháu là, bây giờ là thế kỷ hai mươi mốt rồi. Thời đại để chúng ta tiếp tục bước đi. Tất cả những trận chiến ấy đã kết thúc.”

Vị giáo sư mỉm cười, rồi ông nhìn Rhyme. “Chà, chúc may mắn. Hãy cho tôi biết nếu tôi có thể giúp gì hơn.”

“Chúng tôi sẽ làm vậy.”

Người đàn ông mảnh khảnh bước tới cánh cửa. Ông ta dừng lại và quay đầu.

“À, Geneva?”

“Vâng?”

“Hãy nghĩ tới điều này - từ một người có kinh nghiệm sống nhiều hơn cháu một vài năm. Đôi khi chú vẫn tự hỏi nếu như cuộc chiến thực sự vẫn chưa kết thúc như vậy.” Ông ta hất đầu về phía tấm bảng chứng cứ và những lá thư của Charles. “Có lẽ điều đó chỉ là khó nhận biết được kẻ thù hơn mà thôi.”

23. Chương 23

Đoán xem, Rhyme, có những hiện trường nhỏ đấy.

Em biết thế bởi em đang thấy một cái như vậy.

Amelia Sachs đứng trên phía tây phố 82, ngay phía Broadway, ở trước tòa nhà Hiram Sanford đầy ấn tượng, với kiến trúc lớn và tối màu kiểu thời nữ hoàng Victoria. Đây là trụ sở của Tổ chức Sanford. Xung quanh cô là những tòa kiến trúc của New York cổ kính và hài hòa: Bên cạnh tòa lâu đài hơn một trăm năm tuổi, là một bảo tàng nghệ thuật có từ khoảng năm 1910 và một hàng các ngôi nhà tuyệt đẹp. Cũng chẳng cần đến những nghi phạm với bộ đồ có các vết sơn màu da cam mà khiến cô nổi da gà; ở ngay bên cạnh tòa lâu đài là khách sạn Sanford lộng lẫy và kỳ quái (có tin đồn là bộ phim Rosemary's Baby lúc đầu định được thực hiện ở Sanford).

Những bức tượng thú vật nhìn vào Sachs từ các gờ tường như thể chúng đang nhạo báng nhiệm vụ hiện thời của cô.

Ở bên trong, cô được giới thiệu với người đàn ông mà Mel Cooper đã nói chuyện, William Ashberry, giám đốc của tổ chức và là giám đốc điều hành cấp cao của ngân hàng Sanford and Trust, hiện đang sở hữu một tổ chức phi lợi nhuận. Người đàn ông trung niên ăn mặc chỉnh tề chào đón cô với vẻ vồn

vã đầy hoang mang. “Chúng tôi chưa bao giờ có một cảnh sát ở đây, xin lỗi, một nữ cảnh sát, ý tôi là thế, chà, thực ra là chưa bao giờ có bất cứ cảnh sát nào cả.” Ông ta có vẻ hơi thất vọng khi cô đưa ra một lời giải thích mập mờ rằng mình chỉ cần một chút thông tin chung về bối cảnh lịch sử của khu vực và không cần sử dụng tổ chức làm nơi giám sát hay thực hiện một chiến dịch bí mật.

Ashberry sẵn lòng để cô đi quanh các kho lưu trữ và thư viện, dù cá nhân ông ta không thể giúp cô; chuyên môn của ông ta là về tài chính, bất động sản, và luật thuế, không phải về lịch sử. “Tôi thực sự là một người làm ngân hàng”, ông ta thú nhận, như thể Sachs không thể biết điều này từ bộ vest tối màu ông ta đang mặc, với chiếc áo sơ mi trắng, chiếc cà vạt sọc và cả các tài liệu kinh doanh khó nhằn cũng như những tờ ghi chép thống kê nằm thành chồng ngăn nắp trên chiếc bàn làm việc.

Mười lăm phút sau, cô đã được sự giúp đỡ của người quản lý - một người đàn ông trẻ, trong bộ quần áo bằng vải tuyết dẫn cô đi xuống một hành lang tối tăm vào khu lưu trữ nằm dưới tầng hầm. Cô đưa cho anh ta xem tấm ảnh ghép của Nghi phạm 109, nghĩ rằng tên sát thủ có thể cũng đã đến đây, tìm các tài liệu về Charles Singleton. Nhưng người quản lý không nhận ra bức ảnh của hắn và không nhớ ra bất cứ một ai hỏi về nào liên quan tới Tuần báo Minh họa dành cho người da màu thời gian gần đây. Anh ta chỉ ra chồng tài liệu và một thời gian ngắn sau đó cô đã ngồi xuống, cúi kính và mệt mỏi, trên chiếc ghế cứng trong một căn phòng nhỏ xíu như một cái quan tài, vây quanh là hàng tá các thể loại sách và tạp chí, bản in, bản đồ và các bản vẽ.

Cô thực hiện công việc tìm kiếm này theo đúng cái cách mà Rhyme đã dạy khi khám xét một hiện trường: nhìn tổng thể trước, lập ra một kế hoạch logic, rồi tiến hành tìm kiếm. Sachs trước tiên chia đồng tài liệu thành bốn chồng: thông tin tổng hợp, lịch sử khu West Side và Gallows Heights, quyền dân sự trong khoảng giữa những năm 1800 và Potter’s Field. Cô bắt đầu với cái nghĩa trang trước. Cô đọc từng trang, xác nhận đề cập của Charles Singleton về việc trung đoàn của ông tập trung ở đảo Hart, tìm hiểu quá trình hình thành của nghĩa trang và sự bận rộn của nó, đặc biệt trong thời kỳ dịch tả và dịch cúm hoành hành trong những năm giữa và cuối thế kỷ XIX, khi mà những chiếc quan tài bằng gỗ thông rẻ tiền có thể làm bồn hùn đào, chất đống cao ngất, và chờ đợi được chôn cất.

Những thông tin chi tiết rất hay, nhưng không hữu ích lúc này. Cô quay sang những tài liệu về quyền dân sự, đọc một đồng thông tin chán ngắt, bao gồm các tài liệu tham khảo về cuộc tranh cãi về Tu chính án số 14 nhưng không có gì liên quan hay đề cập chút nào đến những vấn đề mà Giáo sư Mathers gợi ý cho họ là động cơ của việc giăng bẫy Charles Singleton. Cô đọc một bài báo trong tờ New York Times năm 1867 mà Frederick Douglass và các nhà lãnh đạo quyền dân sự lỗi lạc khác của thời bấy giờ đã xuất hiện ở một nhà thờ tại Gallows Heights. Douglass đã nói với các nhà báo sau đó rằng ông tới khu vực xung quanh để gặp một vài người đàn ông trong cuộc chiến và bạc về việc thông qua bản sửa đổi. Nhưng điều này thì họ đã biết rồi, nó được nhắc đến trong những bức thư của Charles. Sachs không tìm thấy thông tin nào đề cập đến cái tên Charles Singleton nhưng có xem qua một tài liệu với một bài viết dài lê thê trong tờ New York Sun về những người cự nê lệ và những người nô lệ tự do giúp đỡ Douglass. Dù vậy, vấn đề riêng biệt này không ở trong các lưu trữ.

Hết trang này đến trang khác, cứ như thế... Đôi lúc do dự, rồi lo lắng rằng mình có thể bỏ qua vài câu quan trọng mà có thể dẫn tới ánh sáng cho vụ án. Hơn một lần Sachs quay lại và đọc lại một hay vài đoạn mà cô nhìn qua chứ không đọc. Vươn vai, duỗi người, bồn chồn, ấn những chiếc móng tay, gãi xước cả da đầu.

Rồi lại cày bới những tập tài liệu một lần nữa. Những tài liệu cô đã đọc chất đống cao trên bàn nhưng cái tập giấy ở trước mặt vẫn chẳng có nổi một ghi chú nào.

Quay sang lịch sử New York, Sachs đọc thêm nhiều điều về Gallows Heights. Đó là một nơi mà có đến nửa số ân định cư ban đầu ở khu vực Upper West Side của New York, thực sự chia cắt các ngôi làng, giống như Manhattanville và Vandewater Heights (mà giờ là Morningside). Gallows Heights trải rộng về phía tây từ Broadway hiện tại cho tới dòng sông Hudson và từ khoảng phố 72 hướng về phía bắc tới phố 86. Cái tên có từ thời thuộc địa, khi những người Hà Lan xây dựng một cái giá treo cổ trên đỉnh một ngọn đồi nằm ở trung tâm khu định cư. Khi người Anh mua lại mảnh đất, chiếc giá treo cổ đã hành hình hàng tá phù thủy, tội phạm, các nô lệ nổi loạn và các tên thực dân cho tới khi hàng loạt các điểm thực thi công lý và trừng phạt ở New York được tập trung về khu trung tâm thành phố.

Năm 1811, các nhà quy hoạch thành phố đã chia toàn bộ Manhattan thành những khu được sử dụng như ngày hôm nay, mặc dù trong vòng năm mươi năm sau đó ở Gallow Heights (và phần lớn còn lại của thành phố) những ô vuông đó chỉ còn thấy trên giấy tờ. Trong những năm đầu 1800, khu đất ở đây là một mớ lộn xộn các con đường, cánh đồng trống không, khu rừng và các túp lều, khu chuồng trại lập tự phát của những người đến chiếm đất, nhà máy và các bến tàu khô cạn bên dòng sông Hudson, và một vài khu đất

xinh xắn trải dài. Vào khoảng giữa thế kỷ XIX, Gallow Heights phát triển theo hướng đa dạng, được phản ánh trong tấm bản đồ mà Mel Cooper tìm thấy trước đó: Những tòa nhà to lớn nằm song song cạnh những tòa nhà chung cư dành cho tầng lớp lao động và các ngôi nhà nhỏ bé. Khu nhà ổ chuột chứa những băng đảng chuyển đến từ miền Nam, trong làn sóng vượt dài của thành phố. Và - cũng quanh co lượn lẹo và đầy mảnh khảnh như những tên trộm trên phố, mặc dù với quy mô lớn hơn và ranh ma hơn - William 'Boss' Tweed điều hành phần lớn bộ máy chính trị thuộc đảng dân chủ Tammy Hall thối nát, tham ô tham nhũng bằng những quầy bar và nhà hàng ở Gallows Heights (Tweed bị ám ảnh với việc làm lợi từ sự phát triển của khu vực xung quanh; trong một âm mưu vụ lợi điển hình, ông ta bỏ túi 6000 đô la một cách hợp pháp bằng việc bán một khoảng đất nhỏ xíu trị giá dưới 35 đô la cho thành phố).

Khu vực này giờ đây là khu hàng đầu của Upper West Side và tất nhiên, nằm trong số những khu vực đẹp nhất, giàu có nhất trong thành phố. Chi phí cho các ngôi nhà lên tới hàng ngàn đô la một tháng. (Và trong khi Amelia Sachs cúi kính lúc này đang nghiền ngẫm trong cái "xà lim" nhỏ xíu với một "hiện trường nhỏ", thì Gallows Heights ngày nay là nơi có những quầy bán đồ ăn nhanh và những tiệm làm bánh mì vòng bagel ngon nhất trong thành phố; mà cô vẫn chưa từng được ăn.)

Những dòng lịch sử dày đặc cuộn qua những chẳng có gì liên quan đến vụ án cả. Khốn nạn, cô đáng ra phải làm công việc phân tích các vật ở hiện trường, hoặc ít nhất cũng là làm việc trên những con phố quanh căn hộ ẩn náu của nghi phạm, cố công tìm ra những kết nối dẫn đến nơi hắn sống, tên hắn là gì.

Rhyme đang nghĩ cái không biết?

Cuối cùng, cô đã đến quyển sách duy nhất còn lại trong cái chồng cao ngất. Cô ước tính khoảng 500 trang (lúc này Sachs đã có nhãn quang tốt để đoán được điều đó), và nó có năm trăm linh bốn trang. Mục lục không cho thấy thông tin nào quan trọng mà cô cần. Sachs lướt qua những trang sách nhưng cuối cùng cũng không thể cố thêm được nữa. Cô quăng cuốn sách sang một bên, đứng dậy, dụi mắt rồi vươn vai. Nỗi sợ những không gian hẹp đang biến mất, nhờ có cái không gian chật hẹp ngột ngạt của kho lưu trữ, nằm sâu hai tầng dưới mặt đất. Tổ chức này có lẽ đã được tu sửa vào tháng trước nhưng nơi này vẫn là tầng hầm ban đầu của Sanford Mansion, cô cho là vậy; nó có trần thấp, hàng tá các cột và các bức tường đá, khiến cho không gian nơi này càng trở nên chật chội.

Như thế đã đủ tệ rồi nhưng điều tồi tệ nhất là việc phải ngồi, Amelia Sachs ghét phải ngồi yên một chỗ.

Khi con chuyển động, chúng không thể tóm được con...

Không có hiện trường nhỏ nào cả, Rhyme? Chúa ơi...

Cô bắt đầu rời khỏi nơi này.

Nhưng ở thềm cửa, cô dừng lại, quay lại nhìn vào đồng hồ tài liệu và nghĩ: Một vài câu trong một quyển sách mốc meo này hay những tờ báo đã ngả vàng có thể tạo ra sự khác biệt, ranh giới giữa sống và chết với Geneva Settle - và cả những người vô tội khác mà Nghi phạm 109 có thể sẽ giết một ngày nào đó.

Tiếng nói của Rhyme hiện ra trong đầu cô. Khi đang khám nghiệm hiện trường, em lần tìm một lần, rồi một lần nữa và khi đã làm xong, em lại lần tìm một lần nữa. Khi em đã làm xong việc đó, em lại tiếp tục một lần nữa. Và...

Cô nhìn vào quyển sách cuối cùng - quyển sách đã hạ gục cô. Sachs thở dài, ngồi xuống, gỡ cái tập dày cộp năm trăm linh bốn trang ấy về phía mình và đọc nó một cách cẩn thận rồi lật ra những bức ảnh nằm ở giữa. Và rồi, nó hiện ra, là một ý tưởng tốt.

Cô thấy lạnh gáy, nhìn chằm chằm vào bức ảnh con phố West Eightieth, được chụp năm 1867. Cô cười, đọc dòng ghi chú và những dòng chữ trong trang đối diện. Rồi lôi chiếc điện thoại ra khỏi thắt lưng và nhấn phím tắt số 1.

"Em tìm ra Potter's Field, Rhyme."

"Chúng ta biết nó ở đâu", anh nói vào trong chiếc loa thoại gần miệng. "Hòn đảo ở..."

"Có một cái khác."

"Một nghĩa trang thứ hai?"

“Không phải là một nghĩa trang. Đó là một nhà hàng, ở Gallows Heights.”

“Một nhà hàng?” Chà, điều này thú vị đây, Rhyme nghĩ.

“Em đang xem một tấm ảnh, hoặc một tấm ảnh, chụp bằng phương pháp Daguerre[9] hay bằng bất cứ cách nào đi nữa. Một quán bar tên là Potter’s Field. Nó nằm ở phía tây phố 18.”

[9] Phép chụp hình được đặt theo tên Louis Daguerre, một nghệ sĩ, vật lý học người Pháp, được công nhận cho phát minh ra quy trình nghệ thuật chụp hình thực tiễn.

Vậy là họ đã sai, Rhyme nghĩ. Cuộc gặp gỡ định mệnh của Charles Singleton có lẽ hoàn toàn không phải ở trên hòn đảo Hart.”

“Và, có vẻ tin tốt là địa điểm ấy đã bị cháy rụi. Nghi là bị đốt. Thủ phạm và động cơ vẫn không rõ.”

“Liệu anh có đúng không khi đoán rằng đó chính là ngày mà Charles Singleton tới đó để - ông ấy nói gì nhỉ? Để tìm công lý?”

“Đúng vậy. Ngày 15 tháng 7.”

Mãi mãi nằm sâu trong bùn đất...

“Có gì khác về ông ấy không? Hay là cái quán ăn?”

“Chưa thấy.”

“Tiếp tục tìm kiếm đi.”

“Tất nhiên rồi, Rhyme.”

Họ ngắt cuộc gọi.

Cuộc gọi của Sachs được đưa ra loa ngoài; Geneva đã nghe thấy hết. Cô hỏi một cách đầy tức giận: “Chú cho rằng Charles đã đốt cháy chỗ đó à?”

“Không cần thiết. Nhưng một trong những lý do cho việc phóng hỏa một địa điểm là để phá hủy các chứng cứ. Có thể đó là điều mà Charles định làm, che giấu điều gì đó về vụ trộm.”

Geneva nói: “Hãy đọc bức thư của ông ấy... ông ấy nói rằng vụ trộm là để làm mất uy tín của mình. Tới lúc này, chú vẫn không nghĩ rằng ông ấy vô tội sao?”. Giọng nói của cô bé thấp và cứng rắn, đôi mắt nhìn chăm chăm vào mắt Rhyme.

Nhà tội phạm học đáp trả ánh nhìn của cô bé. “Chú tin, đúng thế.”

Cô gật đầu, cười nhạt vào điều vừa biết được, rồi nhìn vào chiếc đồng hồ Swatch rạn vỡ của mình. “Cháu nên về nhà.”

Bell đang lo rằng nghi phạm có thể đã biết được nơi ở của Geneva. Anh đã chuẩn bị một chỗ trú ẩn an toàn cho cô bé, nhưng nó vẫn chưa sẵn sàng cho tới đêm nay. Trong lúc này, anh và đội bảo vệ sẽ phải đặc biệt cảnh giác.

Geneva thu lại các bức thư của Charles Singleton. “Hiện tại chúng ta sẽ giữ những thứ này.” Rhyme nói.

“Giữ chúng? Như là, làm bằng chứng?”

“Chỉ là tới khi chúng ta hiểu rõ được nguyên nhân của những gì đang diễn ra.”

Geneva nhìn vào những lá thư một cách do dự. Dường như có một khao khát mãnh liệt trong đôi mắt cô bé.

“Chúng ta sẽ giữ nó ở một nơi an toàn.”

“Được rồi.” Cô bé đưa nó cho Mel Cooper.

Anh nhìn vào vẻ mặt băn khoăn của cô bé. “Cháu có muốn bản của những lá thư này không?”

Cô có vẻ ngượng ngịu. “Vâng. Cháu muốn... Chỉ là... Chúng là, chú biết đấy, từ gia đình. Điều đó khiến chúng trở nên quan trọng.”

“Không vấn đề gì cả.” Anh lấy bản trên chiếc máy Xerox và đưa nó cho cô bé. Cô gấp lại cẩn thận và chúng biến mất vào chiếc túi xách.

Bell nhắc điện thoại, nghe một lúc rồi nói: “Tuyệt, mang nó tới đây càng sớm càng tốt. Đánh giá cao điều đó”. Anh cho địa chỉ của Rhyme, rồi tắt máy. “Trường học. Họ tìm ra bằng ghi hình an ninh khu vực sân trường khi kẻ đồng phạm của nghi phạm ở đó ngày hôm qua. Họ đang chuyển nó tới.”

“Ôi Chúa ơi”, Rhyme nói một cách gay gắt: “Ý anh là có một manh mối thực sự cho vụ án? Và nó không phải đã hơn một trăm tuổi rồi ư?”

Bell chuyển sang tần số đã được thay đổi và nói với Luiz Martinez về kế hoạch của họ, rồi điện đàm sang Barbe Lynch, viên sĩ quan đang bảo vệ khu vực phía trước ngôi nhà của Geneva. Cô báo lại rằng khu phố an toàn và đang chờ họ.

Cuối cùng thì viên sĩ quan đến từ Bắc Carolina nhấn vào nút 1 ngoài trên điện thoại của Rhyme và gọi tới người bác của cô bé để bảo đảm rằng ông ấy đang ở nhà.

“Xin chào!”, người đàn ông nói.

Bell giới thiệu tên mình.

“Con bé vẫn ổn chứ?”, người bác hỏi.

“Cô bé vẫn ổn. Chúng tôi chuẩn bị về bây giờ. Mọi thứ vẫn ổn ở đó chứ?”

“Vâng, thưa ngài, chắc chắn là thế.”

“Ông có nghe tin gì từ cha mẹ cô bé không?”

“Bố mẹ con bé? Có, em trai tôi gọi cho tôi từ sân bay. Bị hoãn chuyến bay hoặc gì đó. Nhưng họ sẽ sớm rời khỏi đó.”

Rhyme vẫn thường bay tới London để tham vấn với Sở cảnh sát Scotland và các cơ quan cảnh sát châu Âu khác. Bay ra nước ngoài không phức tạp bằng bay sang Chicago hay California. Không hề một chút nào nữa. Chào mừng đến với thế giới hàng không quốc tế hậu 11/9, anh nghĩ. Anh đã tức giận rằng bố mẹ cô bé mất quá nhiều thời gian để bay trở về. Geneva hẳn là đứa nhóc trưởng thành nhất mà anh từng gặp nhưng dù thế nào vẫn là một đứa bé và cần phải được ở với bố mẹ.

Rồi điện đàm của Bell kêu lẹt xẹt và tiếng Luis Martinez lẹt xẹt qua sóng báo cáo: “Tôi ở bên ngoài, thưa sếp. Chiếc xe ở phía trước, cửa mở”.

Bell ngắt điện thoại và quay sang Geneva. “Sẵn sàng thôi, cô bé.”

“Anh đây rồi”, Jon Earle Wilson nói với Thompson Boyd, hắn đang ngồi trong một nhà hàng ở trung tâm Manhattan, trên phố Broad.

Gã da trắng gầy gơ xương với mái tóc kiểu cắt ngắn ở hai bên và phía trước nhưng dài ở đằng sau gáy, đang mặc chiếc quần jeans màu be, không có gì quá sạch sẽ, đưa chiếc túi đựng đồ cho Boyd, đang nhìn chăm chăm vào bên trong.

Wilson ngồi xuống ở quầy đối diện với hắn. Boyd tiếp tục nghiền cứu chiếc túi. Bên trong là một chiếc hộp lớn của công ty chuyển phát nhanh. Một chiếc túi nhỏ hơn ở bên cạnh, từ tiệm bánh Dunkin’ Donuts, mặc dù những gì ở trong chắc chắn không phải là những chiếc bánh. Wilson sử dụng những chiếc túi đựng đồ từ các cửa hàng mua sắm liền dãy bởi nó được lót một lớp chống thấm nhẹ và cũng được bảo vệ chống ẩm.

“Chúng ta ăn gì chứ?” Wilson hỏi. Gã ta nhìn thấy món salad lướt qua. Hắn đang đói. Nhưng mặc dù hắn vẫn thường gặp Boyd ở các quán cà phê và các nhà hàng, cả hai chưa bao giờ bẻ chung một cái bánh mì. Món ăn ưa thích của Wilson là pizza và nước soda, thường có trong căn hộ một phòng của mình, chất đầy với các dụng cụ, dây rợ và những con chip máy tính. Gã cứ nghĩ là, với tất cả những gì gã đã làm cho Boyd, Boyd sẽ có thể mời hắn một cái sandwich hay là cái khi gì đó.

Nhưng gã sát thủ nói: “Tôi phải đi trong khoảng một, hai phút nữa”.

Chiếc đĩa đựng những xiên thịt cừu nướng mới ăn một nửa nằm phía trước tên sát thủ. Wilson tự hỏi liệu hắn có đề nghị gã ăn một ít không. Boyd không làm thế. Hắn chỉ cười với cô hầu bàn khi cô tới và dọn chiếc đĩa. Boyd cười - điều này hoàn toàn mới lạ. Wilson chưa bao giờ thấy điều đó trước đây (dù hắn phải thừa nhận rằng đó là một nụ cười vô cùng kỳ quái).

Wilson hỏi: “Nặng, đúng không?”, và nhìn về phía chiếc túi. Hắn thể hiện ánh mắt đầy tự hào.

“Đúng.”

“Tôi cho là anh sẽ thích nó.” Gã tự hào bởi thứ hắn làm ra và có một chút bực mình vì Boyd không đáp trả.

Wilson hỏi tiếp: “Vậy mọi việc thế nào rồi?”.

“Vẫn đang diễn ra.”

“Tất cả ổn chứ?”

“Có một chút khó khăn. Đó là lý do tại sao...” Hắn hát đầu về phía chiếc túi và không nói gì nữa. Boyd huýt sáo một cách nhẹ nhàng, cố gắng để bắt vào giai điệu của một bản nhạc dân ca phát ra từ chiếc loa trên đầu. Tiếng nhạc thật kỳ cục. Một nhóm nữ ca sĩ chị em hoặc gì đó ở Ấn Độ hay Pakistan hoặc chỗ quái nào ai biết được. Nhưng Boyd bắt các nốt nhạc khá chuẩn. Giết người và huýt sáo - gã đàn ông này biết cách làm hai điều này.

Cô gái ở quầy thu ngân đánh rơi một chiếc đĩa đựng các món ăn vào khay của người dọn bàn với một tiếng động lớn. Khi mọi thực khách quay ra nhìn, Wilson cảm thấy có gì đó gõ nhẹ vào chân hắn phía dưới cái bàn. Gã chạm vào cái phong bì, nhét nó vào túi chiếc quần ống loe đang mặc. Thật ngạc nhiên khi chiếc phong bì mỏng này chứa đựng được 5000 đô la. Nhưng Wilson biết tất cả số tiền nằm đủ trong đó. Một điều về Boyd là: Hắn trả những gì mắc nợ và thanh toán đúng hẹn.

Một lúc trôi qua. Và họ không đang ăn với nhau. Họ ngồi và Boyd uống trà còn Wilson đang đói. Dù Boyd phải rời đi sau “một đến hai phút”.

Thế này là sao?

Rồi gã có câu trả lời. Boyd nhìn ra bên ngoài cửa sổ và thấy một chiếc xe tải nhỏ cũ kỹ không ký hiệu đi chậm rãi và bẻ lái vào con hẻm dẫn tới phía sau nhà hàng. Wilson nhìn thoáng qua người tài xế, một người đàn ông nhỏ bé với làn da nâu sáng và bộ râu quai nón.

Đôi mắt Boyd quan sát kỹ. Khi nó biến mất vào trong con hẻm, hắn đứng dậy, nhắc cái túi đựng đồ lên. Hắn để lại tiền trên bàn cho hóa đơn của mình và hát đầu với Wilson rồi bắt đầu bước về phía cửa. Hắn dừng lại và quay đầu. “Tôi đã cảm ơn chưa nhỉ?”

Wilson chớp mắt mắt. “Anh đã gì cơ?”

“Tôi đã cảm ơn chưa?” Hắn hát đầu xuống phía chiếc túi.

“À, không.” Thompson Boyd mỉm cười và cảm ơn mọi người. Hắn phải là một đêm trăng tròn quái quỷ.

“Tôi đánh giá cao nó”, tên sát nhân nói. “Ý tôi là, công sức của anh. Thật đấy.” Những lời đó nói ra như thể hắn là một diễn viên tồi. Rồi, điều này cũng lạ lùng nữa, hắn nháy mắt chào tạm biệt cô gái ở quầy thu ngân và đi về phía cửa, bước ra những con phố ồn ào náo nhiệt của quận tài chính, đi vòng quanh con hẻm tới phía sau nhà hàng, với chiếc túi nặng trĩu ở bên cạnh.

24. Chương 24

Trên phố 118, Roland Bell lái chiếc Crown Vic mới của mình tới phía trước ngôi nhà của Geneva.

Barbe Lynch gạt đầu từ vị trí gác của mình: Cạnh chiếc Chevy Malibu mà Bell đã trả lại cho họ. Anh nhanh chóng đưa Geneva vào bên trong và lên cầu thang tới căn hộ, nơi bác của cô đã đợi sẵn để chào đón Geneva bằng một cái ôm và bắt tay Bell một lần nữa, cảm ơn anh vì đã bảo vệ cho cô bé. Ông nói mình đang định đi lấy một vài thứ ở cửa hàng thực phẩm và bước ra ngoài.

Geneva bước vào phòng của mình. Bell nhìn theo vào trong và thấy cô bé đang ngồi trên giường. Cô mở chiếc cặp sách của mình ra và lục lọi bên trong.

“Chú có thể làm gì cho cháu không? Cháu đói à?”

“Cháu hơi mệt”, cô nói. “Cháu nghĩ là mình chỉ cần làm bài tập về nhà lúc này. Hoặc có thể là nằm nghỉ một chút.”

“Đó thực sự là một ý tưởng tốt, nhất là sau tất cả những gì mà đã trải qua.”

“Cảnh sát Pulaski sao rồi hả chú?”, cô hỏi.

“Chú có nói chuyện với người chỉ huy củ

a cậu ta lúc trước. Cậu ta vẫn bất tỉnh. Họ không biết cậu ta sẽ thế nào. Chú ước mình có thể nói với cháu điều gì khác đi, nhưng đó là sự thật. Chú sẽ ghé qua và hỏi thăm xem cậu ta thế nào sau.”

Cô tìm thấy một quyển sách và đưa nó cho Bell. “Chú có thể đưa cho anh ấy cái này không?”

Viên thanh tra cầm quyển sách. “Tất nhiên là ta sẽ làm thế rồi... Chú phải nói trước rằng ngay cả khi có thể tỉnh dậy, chúng ta cũng không thể biết được liệu cậu ta có thể đọc được hay không.”

“Chúng ta phải hy vọng điều tốt đẹp nhất. Nếu như anh ấy tỉnh lại, có thể sẽ có ai đó đọc nó cho anh ấy nghe. Có thể có ích. Đôi khi là thế. Chỉ cần lắng nghe câu chuyện. À, hãy nói với anh ấy và gia đình anh ấy rằng có một vật may mắn ở trong đó.”

“Cháu thật tốt bụng.” Bell đóng cửa phòng cô bé lại và bước về phía phòng khách, gọi điện cho các con trai của mình, nói với chúng rằng một lúc nữa anh sẽ ở nhà. Rồi anh kiểm tra cùng với các sĩ quan bảo vệ khác trong đội SWAT, những người đã báo cáo rằng tất cả đều an toàn.

Anh ngồi xuống trong phòng khách, hy vọng rằng bác của Geneva sẽ tính đến việc mua sắm đồ ăn ở cửa hàng thực phẩm. Cô cháu gái tội nghiệp của ông ấy thực sự cần béo hơn chút nữa.

Trên đường tới căn hộ của Geneva Settle, Alonzo Jackson chậm rãi đi xuống một con đường nhỏ chia cắt những ngôi nhà đá nâu ở khu tây Harlem.

Tuy nhiên, vào chính khoảnh khắc này, gã không phải là Jax - một cựu tù chân tập tễnh, hay là vua Graffiti với những hình vẽ bằng máu của Harlem một thời. Gã giờ chỉ là một kẻ vô danh, không nhà cửa trong chiếc quần jeans đầy bụi và chiếc áo thun màu xám, đẩy một chiếc xe đựng đồ lấy trộm từ trong cửa hàng, tay cầm mấy quyển báo giá khoảng năm đô la, được đóng thành tập cẩn thận và một đồng những chai lọ trống rỗng lấy từ các thùng rác. Gã nghi ngờ rằng nếu ai đó ở quá gần sẽ nhận ra gã đang giả bộ - quá sạch sẽ so với một tên vô gia cư điển hình - nhưng gã chỉ cần đánh lừa vài người mà thôi: như những tay cớm đang bám sát lấy Geneva Settle.

Bên ngoài một con hẻm, sang bên kia phố, vào một con hẻm khác. Jak ở cách phía sau căn hộ mà thằng nhóc con Kevin Cheany đã chỉ khoảng ba dãy phố

Mẹ kiếp, một nơi ở thật đẹp.

Cảm thấy đáng khinh một lần nữa, gã hồi tưởng về những kế hoạch cho một gia đình đã tan biến.

Thưa ông, tôi cần phải nói chuyện với ông một chút. Tôi rất tiếc. Đứa bé... Chúng tôi không thể cứu đứa trẻ.

Đó là một thằng bé đúng không?

Tôi rất tiếc, thưa ông. Chúng tôi đã làm những gì có thể, tôi thề nhưng...

Đó là một bé trai...

Gã xua những ý nghĩ ấy ra khỏi đầu. Có điều chỉnh cái bánh sau của chiếc xe đẩy cứ xoay sang bên trái, Jax lăm bắm và di chuyển chậm rãi nhưng kiên định, nghĩ rằng: Mày ẹ, thật nực cười nếu bị bắt vì lấy trộm một chiếc xe đẩy hàng. Nhưng rồi gã khẳng định rằng, nó không hề nực cười chút nào. Kiểu như là một cảnh sát quyết định sờ gáy gã vì một chuyện cỏn con như vậy và phát hiện ra khẩu súng. Rồi kiểm tra ID và thế là hấn lại bị tóm về Buffalo. Hay là một nơi nào đó còn tồi tệ hơn nữa.

Lạch cà, lạch cạch - con đường đầy rác bừa bãi quả là địa ngục với cái bánh xe võ. Gã chậ vật giữ nó đi cho thẳng. Nhưng gã cần phải nằm im ở con hẻm tăm tối này. Để tới gần một ngôi nhà xinh đẹp từ vỉa hè, ở khu tuyệt đẹp của Harlem, có thể khiến gã bị chú ý như một kẻ tình nghi. Dù vậy, ở trong con hẻm, đẩy một chiếc xe chở hàng, mọi chuyện không tồi tệ đến mức như vậy. Những kẻ giàu có ném những cái chai lọ rỗng ra ngoài nhiều hơn những người nghèo. Và đối với rác thải, chất lượng ở quanh đây có vẻ tốt hơn. Điều hiển nhiên là những kẻ vô gia cư thích đi khua khoắng ở tây Harlem hơn là ở khu trung tâm.

Còn xa bao nhiêu?

Gã vô gia cư Jax nhìn lên và nheo mắt. Hai tòa nhà nữa là tới căn hộ của con bé.

Gần như đến rồi. Gần như xong rồi.

Anh cảm thấy ngứa ngáy.

Với trường hợp của Lincoln Rhyme, nó có thể là thật - anh có cảm giác ở trên cổ, vai và đầu, trên thực tế đó là một cảm giác mà anh chẳng cần phải có; đối với một người liệt toàn thân, không có cả khả năng gãi một chỗ ngứa là một điều khiến ta cảm thấy bức bối và khó chịu nhất trên đời.

Nhưng đây là sự ngứa ngáy theo nghĩa bóng kỳ lạ mà anh cảm

Có điều gì đó không đúng. Nó là gì?

Thom có hỏi anh một câu. Anh không chú ý lắm.

“Lincoln?”

“Tôi đang suy nghĩ. Cậu không thấy à?”

“Không, điều đó diễn ra ở bên trong anh”, người phụ tá bắt bẻ lại.

“Chà, giữ im lặng đi.”

Vấn đề là gì?

Anh nhìn lên, đọc lại các thông tin trên tấm bảng bằng chứng, trên hồ sơ, những bức thư cũ và những bài báo cắt ra, về biểu lộ lạ lùng trên khuôn mặt lộn ngược của Người treo ngược... Nhưng bằng một cách nào đó cái cảm giác ngứa ấy có vẻ không liên quan tới các bằng chứng.

Anh giả dụ rằng trong trường hợp nào mình chỉ đơn giản là lừa nó đi.

Quay trở lại với...

Rhyme gõ đầu mình. Gần như đã nắm được suy nghĩ đó. Nó nảy lên nảy xuống và biến mất.

Có một điều gì đó bất thường, lời mà ai đó mới nói có vẻ không khớp nhau.

Rồi:

“Ôi, khôn kiếp”, anh thét lên. “Người bác!”

“Gì cơ?” Mel Cooper hỏi.

“Chúa ơi, bác của Geneva.”

“Ông ta làm sao?”

“Geneva nói đó là anh trai mẹ cô bé.”

“Và?”

“Khi chúng ta nói chuyện với ông ta, ông ta nói rằng đã nói chuyện với em trai mình.”

“Chà, hẳn ý ông ta là em rể.”

“Nếu anh muốn nói em rể, thì anh sẽ nói như thế... Lệnh, gọi số Bell.”

Điện thoại reo và vị thanh tra nhắc máy ở nốt nhạc đầu tiên của bản nhạc chuông dành riêng cho cuộc gọi từ địa chỉ của Lincoln Rhyme.

“Bell đây.”

“Roland, anh đang ở nhà Geneva hả?”

“Đúng thế.”

“Điện thoại của anh không bật loa ngoài chứ?”

“Không. Cứ nói đi.” Viên thanh tra theo bản năng lôi chiếc áo khoác sang bên và tháo sợi dây da treo khẩu súng ngắn lớn hơn trong hai khẩu của anh. Giọng nói vững vàng như bàn tay, dù lúc này tim anh ta đang đập nhanh hơn một vài nhịp một giây.

“Geneva đâu rồi?”

“Trong phòng cô bé.”

“Ông bác?”

“Không biết. Ông ta mới đi tới cửa hàng.”

“Nghe này. Ông ta bịa ra câu chuyện về quan hệ giữa ông ta với cô bé. Ông ta nói ông ấy là anh trai bố cô bé. Cô bé lại nói ông ấy là anh trai mẹ mình.”

“Khỉ gió, ông ta là kẻ giả mạo.”

“Đến chỗ Geneva và ở với cô bé cho tới khi ta làm sáng tỏ việc này. Tôi sẽ gửi vài người hỗ trợ tới đó.”

Bell đi thật nhanh về phía phòng cô bé. Anh gõ cửa nhưng không thấy phản hồi.

Tim đập nhanh, anh lôi khẩu Berreta ra. “Geneva!”

Không có gì cả.

“Roland”, Rhyme nói: “Có chuyện gì vậy?”.

“Đợi một chút”, viên thanh tra thì thầm.

Trong tư thế cúi thấp, sẵn sàng cho một cuộc đấu súng, anh đẩy cánh cửa mở, giơ cao khẩu súng, bước vào trong.

Căn phòng trống rỗng. Geneva đã biến mất.

25. Chương 25

“Trung tâm, tôi có một cuộc gọi theo số 1209, khả năng là một vụ bắt cóc trẻ em.”

Bell lặp lại thông điệp đáng lo ngại với giọng nói bình tĩnh và đưa địa chỉ. Rồi: “Nạn nhân là một cô bé da đen, mười sáu tuổi, một mét năm tám, khoảng năm mươi cân. Nghi phạm là một người đàn ông da đen, to lớn, gần bốn mươi tuổi, tóc ngắn”.

“Rõ. Các đơn vị đang trên đường. Hết.”

Bell cài chiếc điện đàm vào thắt lưng, gửi Martinez và Lynch đi tìm kiếm trong tòa nhà trong khi nhanh chóng bước xuống tầng. Con phố phía trước tòa nhà được giám sát bởi Lynch, trong khi Martinez ở trên

mái nhà. Nhưng họ lại dính dính Nghi phạm 109 hoặc đồng phạm của hắn sẽ xuất hiện hướng tới tòa nhà, chứ không phải là rời khỏi nó. Martinez cho rằng anh đã nhìn thấy một cô bé và một người đàn ông, mà có thể chính là ông bác, đi khỏi căn hộ ba phút trước. Anh đã không chú ý tới họ lắm.

Nhìn quanh con phố, Bell không thấy một ai ngoài vài nhân viên văn phòng. Anh đi xuống con hẻm bên cạnh tòa nhà. Anh để ý thấy một gã vô gia cư đẩy một chiếc xe chở hàng nhưng ở cách hai dãy phố. Bell sẽ nói chuyện với anh ta một phút và sẽ biết được anh ta có thấy cô bé hay không. Giờ, anh tìm một nhân chứng khả quan khác, một vài cô bé đang chơi trò nhảy dây đôi.

“Chào.” Chiếc dây chùng xuống khi chúng ngược lên nhìn người thanh tra.

“Chào các cháu. Chú là cảnh sát. Chú đang tìm một bạn gái. Cô ấy da đen, gầy, tóc ngắn. Đi cùng với một người đàn ông trung niên.”

Tiếng còi xe cảnh sát hú vang không gian, ngày càng to lên.

“Chú có huy hiệu chứ?”, một cô bé hỏi.

Bell kìm nén nỗi lo lắng của mình xuống, vẫn giữ nụ cười và giơ chiếc phù hiệu cảnh sát ra cho lũ nhóc.

“Ồ.”

“Vâng, chúng cháu có thấy họ”, một cô bé nhỏ nhắn, xinh xắn nói. “Họ đi lên con phố kia. Rẽ sang phải.”

“Không, sang trái.”

“Cậu có nhìn đâu.”

“Tớ có. Chú có súng không?”

Bell lao nhanh về phía con phố mà lũ trẻ chỉ. Một dãy nhà ở bên phải, anh thấy một chiếc xe đang lao vòng ra khỏi vỉa hè. Anh chớp lấy điện đàm của mình. “Các đơn vị trả lời tình huống 1029. Có ai ở gần phố 117 không... Có một chiếc Sedan màu nâu sẫm đang di chuyển về phía tây. Chặn nó lại và kiểm tra những người trong xe. Nhắc lại, chúng ta đang tìm kiếm một cô bé da đen, mười sáu tuổi. Nghi phạm là một người đàn ông da đen, bốn mươi tuổi, hết. Hắn có thể có vũ khí.”

“Đội tuần tra 772. Chúng tôi ở ngay đây. Hết... Đây rồi, chúng tôi đã thấy đối tượng. Sẽ đuổi sát chiếc xe ngay lập tức.”

“Đã rõ, 772.”

Bell nhìn thấy chiếc xe cảnh sát, đèn của nó đang nhấp nháy, tăng tốc đuổi theo chiếc Sedan màu nâu sẫm đang phanh gấp. Tim đập nhanh, Bell bắt đầu di chuyển về phía họ, khi viên cảnh sát tuần tra bước ra khỏi chiếc xe, đi tới cửa sổ chiếc Sedan và cúi xuống, bàn tay đặt trên bảng khẩu súng ngắn.

Làm ơn đi mà, phải là cô bé.

Viên cảnh sát vẫy vẫy cho chiếc xe đi tiếp.

Chợt chết thật, Bell nói với mình đầy giận dữ khi bước nhanh về phía viên cảnh sát.

“Thanh tra.”

“Không phải họ à?”

“Không phải, thưa ngài. Một người phụ nữ da đen. Tầm ba mươi tuổi. Cô ấy đi một mình.”

Bell yêu cầu sĩ quan tuần tra này đi lên và xuống các con phố ở gần phía nam rồi điện đàm cho các sĩ quan tuần tra khác xử lý các hướng còn lại. Anh quay đầu và chọn ngẫu nhiên một con phố, lao vào nó. Điện thoại đổ chuông.

“Bell nghe đây.”

Lincoln Rhyme hỏi xem chuyện gì đang xảy ra.

“Không ai thấy cô bé cả. Nhưng tôi không hiểu, Lincoln. Chẳng lẽ cô bé không biết bác của mình sao?”

“À, tôi có thể nghĩ tới một vài giả thiết mà nghi phạm có thể đưa một người thay thế vào. Hoặc là ông ta làm việc với nghi phạm. Tôi không biết nữa. Nhưng có điều gì đó hoàn toàn không đúng ở đây. Nghĩ tới cách ông ta nói. Không có vẻ như là anh trai của một giáo sư lắm. Ông ta có một chút gì đó mang phong cách đường phố.”

“Đúng thế thật... Tôi muốn kiểm tra với đội của mình. Tôi sẽ gọi lại cho anh sau.” Bell đập máy rồi gọi điện cho các cộng sự của mình. “Luiz, Barbe, báo cáo. Mọi người tìm thấy gì rồi?”

Người phụ nữ báo rằng một số người mà cô ấy đã hỏi trên phố 118 không nhìn thấy một ai cả, người bác hay cô bé. Martinez báo cáo rằng họ đã kiểm tra tất cả tòa nhà và không tìm thấy bất cứ dấu vết của kẻ đột nhập hay dấu hiệu phá cửa nào. Anh hỏi Bell: “Anh đang ở đâu?”.

“Dãy phố phía đông tòa nhà, đang hướng về phía đông. Tôi đã cử các sĩ quan tuần tra quét sạch các dãy phố. Một trong số các anh tới đây với tôi. Những người khác bảo vệ khu vực căn hộ.”ét.”

“Ngắt.”

Bell bước nhanh qua một con phố và nhìn sang bên trái. Anh nhìn thấy gã vô gia cư một lần nữa, hấn dừng lại, nhìn anh và rồi cúi xuống gãi cổ chân mình. Bell bắt đầu bước về phía hấn để hỏi xem liệu hấn có thấy gì không.

Nhưng rồi anh nghe thấy tiếng một cánh cửa xe ô tô sập lại. Nó đến từ phía nào vậy? Âm thanh dội lại từ bức tường khiến anh không thể biết được.

Tiếng động cơ bắt đầu rung lên.

Ở phía trước... Anh bước về phía đó.

Không, sang bên phải.

Anh bước vội vàng trên phố, bất chợt nhìn thấy một chiếc Dodge màu xám cũ sờn lao ra đường. Nó hướng về phía trước nhưng phanh gấp khi thấy một chiếc xe cảnh sát đang đi lòng vòng chậm rãi về phía ngã tư. Người lái chiếc Dodge đưa xe về chế độ lùi và lấn bánh lên vỉa hè, vào một chỗ đậu xe trống, thoát khỏi tầm mắt của sĩ quan tuần tra. Bell tin rằng anh đã nhìn thấy có hai người bên trong... Anh đưa mắt nhìn. Đúng thế! Là Geneva và người đàn ông tự nhận mình là bác của cô bé. Chiếc xe hơi chồm lên trước một chút khi ông ta chuyển số.

Bell chụp lấy điện đàm và gọi các sĩ quan tuần tra, yêu cầu họ khóa chặt hai ngã tư.

Nhưng người cảnh sát tuần tra đang lái chiếc xe gần nhất rẽ vào con phố, hơn là chỉ chặn ở ngã tư; người bác của Geneva nhìn thấy anh ta. Ông ta chuyển chiếc xe về số lùi, nhấn chân ga và đảo chiếc xe xoay vòng quanh chỗ đậu hướng về phía con hẻm phía sau các dãy nhà. Chiếc Dodge vọt khỏi tầm mắt của Bell. Anh không biết nó rẽ sang phía nào nữa. Chạy nhanh tới chỗ nhìn thấy chiếc xe lần cuối cùng, anh ra lệnh cho chiếc xe cảnh sát vòng qua dãy phố.

Anh chạy vào trong hẻm và nhìn sang bên phải, vừa đúng lúc nhìn thấy đuôi chiếc xe biến mất. Anh lao theo nó, lòi khẩu Berreta ra khỏi bao. Chạy với tốc độ nhanh nhất có thể và rẽ sang góc cua.

Bell đông cứng lại.

Tiếng lốp xe rít lên, chiếc Dodge cũ kỹ đang chạy lùi ngay về phía anh, cố gắng trốn khỏi chiếc xe cảnh sát chặn đường tẩu thoát của nó.

Bell kiên quyết giữ chặt vị trí. Anh nâng khẩu Berreta lên. Anh nhìn thấy đôi mắt sợ hãi của người bác, và vẻ mặt hoảng hốt của Geneva, cô lên thét. Nhưng anh không thể nổ súng. Chiếc xe cảnh sát ở ngay phía sau chiếc Dodge. Ngay cả khi anh bắn trúng kẻ bắt cóc, những viên đạn đồng cũng có thể đi xuyên qua mục tiêu rồi chiếc xe và trúng những cảnh sát khác.

Bell nhảy sang một bên, nhưng giẫm phải những hòn đá cuội trơn trượt với rác và ngã vật xuống đường, rên rỉ. Anh nằm ngay trên đường đi của chiếc Dodge. Viên thanh tra cố gắng tránh khỏi nguy hiểm. Nhưng chiếc xe đang lao tới với tốc độ cao khiến anh không kịp tránh nữa.

Nhưng... nhưng điều gì đang xảy ra chứ?

Người bác giậm chân phanh. Chiếc xe dừng lại chỉ cách Bell một mét rưỡi. Những cánh cửa mở toang và cả Geneva lẫn người bác của cô chạy ra ngoài, về phía anh, người đàn ông hét lớn: “Anh không sao chứ? Anh không sao chứ?”.

“Thanh tra Bell”, Geneva nói, cúi xuống và giúp anh đứng dậy.

Cô quắp vì đau, Bell chìa súng về phía người bác và nói: “Đứng im, không được cựa quậy”.

Người đàn ông chớp chớp mắt và cau mày.

“Nằm xuống. Và giữ thẳng hai cánh tay của ông ra.”

“Thanh tra Bell...”, Geneva bắt đầu.

“Đợi một phút đã cháu.”

Người bác làm theo lời anh. Bell còng tay ông ta lại, khi những cảnh sát thuộc đội tuần tra lao tới từ con hẻm.

“Khám xét ông ta.”

“Rõ, thưa ngài.”

Người bác nói: “Nghe này, ngài không biết mình đang làm gì đâu, thưa thanh tra”.

“Im lặng”, Bell nói với ông ta và đưa Geneva sang bên, đẩy cô bé vào một cánh cửa kín đáo để không rơi vào tầm ngắm từ bất cứ ai trên các mái nhà xung quanh.

“Roland!”, Barbe Lynch chạy nhanh xuống từ con hẻm.

Bell đứng dựa vào bức tường gạch, cố gắng lấy lại hơi thở.

Anh nhìn sang bên trái, nhìn thấy gã vô gia cư lúc trước đang liếc nhìn một cách không thoải mái vào cảnh sát và quay vòng, chuyển sang một hướng ngược lại.

Bell lơ lửng ta đi.

“Chú không cần phải làm thế”, Geneva nói với người thanh tra, hất đầu về phía người đàn ông đang bị còng tay.

“Nhưng đó không phải là bác của cháu”, viên thanh tra nói, lấy lại bình tĩnh. “Đúng không?”

“Không.”

“Vậy thì ông ta đang làm gì với cháu lúc này?”

Cô bé cúi nhìn xuống, một nỗi đau khổ hiện lên trên khuôn mặt.

“Geneva”, Bell nói một cách nghiêm khắc: “Việc này nghiêm trọng. Nói cho chú biết chuyện gì đây”.

“Cháu nhờ ông ấy đưa cháu tới một nơi.”

“Nơi nào?”

Cô bé cúi gằm mặt. “Để làm việc”, cô nói. “Cháu không thể lỡ mất ca của mình”. Cô mở chiếc áo khoác ra, để lộ trang phục của McDonald. Trên chiếc thẻ tên là dòng chữ: “Xin chào, tôi là Gen”.

26. Chương 26

“Chuyện là thế nào?”, Lincoln Rhyme hỏi. Anh đã lo lắng, nhưng trái ngược với nỗi sợ hãi trước sự biến mất của cô bé, vẫn không có một chút quả trách nào trong giọng nói.

Geneva đang ngồi trên một chiếc ghế gần xe lăn của Rhyme, ở tầng trệt của ngôi nhà. Sachs đứng bên cạnh cô bé, tay khoanh tròn trước ngực. Cô mới trở về với một chồng cao ngất những tài liệu mang từ kho lưu trữ của tổ chức Sanford, nơi cô đã có khám phá lớn về Potter's Field. Nó nằm trên chiếc bàn gần Rhyme, bị quên lãng bởi tình huống mới phát sinh này.

Cô bé nhìn một cách bướng bỉnh vào mắt anh. “Cháu đã thuê ông ấy để đóng vai bác của cháu.”

“Thế còn bố mẹ cháu?”

“Cháu không có.”

“Cháu không...”

“Có ai”, cô bé nhắc lại qua hàm răng đang nghiến chặt.

“Nói tiếp đi”, Sachs nói một cách nhẹ nhàng.

Cô bé im lặng một lúc. Cuối cùng: “Khi cháu lên mười tuổi, cha cháu đã bỏ chúng cháu, mẹ cháu và cháu. Ông ấy chuyển tới Chicago với một người phụ nữ và họ lấy nh

au, ông ấy đã có cho riêng mình một gia đình hoàn toàn mới. Trái tim cháu như vỡ nát thành nhiều mảnh - thực sự đau đớn. Nhưng tận sâu trong lòng, cháu không thực sự đổ lỗi cho ông ấy nhiều lắm. Cuộc sống của gia đình cháu là một đồng lộn xộn. Mẹ cháu, bà ấy dính vào ma túy, không thể từ bỏ nó. Họ đã có những trận chiến kịch liệt - vâng, bà ấy đã động tay động chân. Cha cháu đã ráccố gắng để lôi kéo bà ấy trở lại với cuộc sống và bà ấy thì nổi đóa với ông ấy. Để trả tiền cho thứ mình cần bà ấy ăn trộm đồ từ các cửa hàng.” Geneva vẫn nhìn Rhyme chăm chăm khi nói: “Và bà ấy tới chỗ những người bạn gái của mình và họ có một vài người đàn ông ở đó - chú biết là gì rồi đấy. Cha cháu biết tất cả những chuyện đó. Cháu đoán là ông ấy đã chịu đựng điều đó lâu hết mức có thể và rồi đã bước đi”.

Cô lấy một hơi thật sâu rồi tiếp tục: “Rồi mẹ cháu đổ bệnh. Bà ấy dương tính với HIV nhưng không hề sử dụng thuốc và cuối cùng chết vì căn bệnh. Cháu đã sống với chị gái của bà ở Bronx một thời gian nhưng rồi sau đó bà ấy chuyển tới Alabama và bỏ lại cháu ở căn hộ của bà Lilly. Nhưng bà Lilly cũng không có tiền và tiếp tục bị đuổi khỏi nhà, chuyển sang sống với những người bạn, như bây giờ. Bà ấy không đủ khả năng để cho cháu sống cùng. Nên cháu đã nói chuyện với người quản lý tòa nhà mà mẹ cháu từng đến làm việc vài lần, chỉ là lau dọn. Ông ấy nói cháu có thể ở lại dưới tầng hầm - nếu trả tiền cho ông ấy. Cháu có một chiếc giường nhỏ ở dưới đó, một chiếc tủ, một cái lò vi sóng, và một cái giá sách. Cháu đã lấy địa chỉ của ông ấy làm địa chỉ hòm thư của mình.”

Bell nói: “Cháu có vẻ không hề thoải mái khi ở trong chỗ đó. Nó là của ai?”

“Một cặp vợ chồng đã nghỉ hưu. Họ sống ở đó nửa năm và tới nam Carolina vào mùa thu và mùa đông. Willy có chìa khóa dự phòng.” Cô bé thêm vào: “Cháu sẽ trả tiền cho hóa đơn điện, mua bia và những thứ mà Willy đã lấy để trả lại chỗ cũ”.

“Cháu không phải lo lắng về vấn đề đó.”

“Có, cháu có.” Cô bé nói một cách kiên quyết.

“Vậy ta đã nói chuyện với ai trước đó, nếu như đó không phải là mẹ cháu?”, Bell hỏi.

“Xin lỗi”, Geneva nói, thở dài. “Đó là Lakeesha. Cháu nhờ bạn ý giả vờ là mẹ cháu. Bạn ấy thực sự là một diễn viên giỏi.”

“Con bé đã hoàn toàn đánh lừa được ta.” Viên thanh tra cười méo xệch vì bị mắc lừa hoàn toàn.

“Vậy còn ngôn ngữ trong cách nói năng của cháu thì sao?” Rhyme hỏi. “Cháu thực sự giống như là con gái của một giáo sư.”

Cô bé chuyển ngay sang giọng điệu đường phố. “Đừng có nói năng như lũ vô gia cư mất dạy, ý ông là thế hả?” Một nụ cười tinh quái. “Cháu đã học tiếng Anh chuẩn từ khi mới bảy hay tám tuổi cơ.” Khuôn mặt cô bé trở nên buồn rầu. “Điều duy nhất tốt đẹp về cháu - ông ấy luôn muốn cháu đọc thật nhiều sách, ông ấy đã từng đọc cho cháu nghe một vài quyển.”

“Chúng ta có thể tìm ông ấy và...”

“Không!” Geneva nói với một giọng chói tai. “Cháu không muốn làm gì liên quan tới ông ấy nữa. Dù sao thì, ông ấy đã có những đứa con cho riêng mình rồi. Ông ấy không muốn làm gì liên quan đến cháu.”

“Và không một ai biết được là cháu không có gia đình sao?” Sachs hỏi.

“Tại sao họ phải biết? Cháu chưa bao giờ tìm đến trợ cấp xã hội hay lương thực miễn phí để không có một nhân viên xã hội nào tìm đến cháu. Cháu chưa bao giờ đăng ký các bữa ăn miễn phí ở trường bởi nó sẽ lật tẩy vỏ bọc của cháu. Cháu tự ký tên bố mẹ vào trong các giấy tờ của nhà trường khi cần chữ ký của họ. Và cháu có một hộp thư thoại đang sử dụng. Đó cũng là Keesh. Bạn ấy ghi âm lại thông tin thoại, giả vờ là mẹ cháu.”

“Và nhà trường không bao giờ nghi ngờ sao?”

“Đôi khi mọi người hỏi tại sao cháu không bao giờ có ai đến tham dự buổi họp giáo viên - phụ huynh, nhưng chẳng ai nghĩ gì về việc đó lắm bởi cháu luôn giành được điểm A. Không trợ cấp xã hội, điểm số tốt, không rắc rối với cảnh sát... Sẽ chẳng ai chú ý nếu như ta không có điều gì đó sai phạm.” Cô bé cười. “Chú biết quyển sách của Ralph Ellison chứ, Invisible Man? Không, không phải là bộ phim khoa học viễn tưởng ấy. Nó nói về người da đen ở Mỹ, nghĩa là phải vô hình. Chà, cháu là một cô gái vô hình.”

Nó thực sự hợp lý lúc này: quần áo cũ kỹ và chiếc đồng hồ đeo tay rẻ tiền, chẳng có chút nào là những thứ mà người cha mẹ giàu có hay đi du lịch mua cho cô con gái của mình. Một trường công, không phải trường tư. Bạn của cô bé, một cô gái có nhà cửa, gia đình - Keesh, không phải dạng gần gũi với con gái của một giáo sư đại học.

Rhyme gật đầu. “Chúng ta chưa bao giờ thực sự thấy cháu gọi điện cho bố mẹ ở Anh. Nhưng cháu đã gọi điện cho người đóng thế này hôm qua, sau những gì xảy ra ở bảo tàng, đúng không? Ông ta đã bao giờ từng giả vờ là bác cháu chưa?”

“Ông ấy nói đồng ý nếu cháu trả thêm tiền, ông ấy muốn cháu đến ở chỗ của ông ấy - nhưng đó không phải là một ý tưởng hay cho lắm. Chú hiểu cháu nói gì chứ? Bởi vậy cháu nói với ông ta sử dụng căn hộ 2-B của gia đình nhà Reynolds đang đi vắng. Cháu đã nhờ ông ấy rút tên họ ra khỏi hòm thư.”

“Ta chưa bao giờ cảm thấy ông ta là một người họ hàng ruột thịt của cháu”, Bell nói và Geneva đáp lại với một nụ cười chế giễu.

“Nếu như bố mẹ cháu không bao giờ xuất hiện, cháu định nói gì với chúng ta chứ?”

“Cháu không biết.” Giọng chùng xuống và chợt nhiên nhìn cô bé trông đầy tuyệt vọng và mất mát. Rồi định thần lại. “Cháu từng phải ứng phó với tất cả mọi thứ. Khi cháu đi lấy những bức thư của Charles ngày hôm qua?” Cô nhìn Bell, anh gật đầu. “Cháu đã phải lên qua lối cửa sau, và đi xuống tầng hầm. Chúng nằm ở đó.”

“Cháu có người thân nào ở đây không?”, Sachs hỏi. “Ai đó, ngoài bà cô của cháu.”

“Cháu chả có...” Anh nhìn hoảng sợ trong đôi mắt của cô bé, lần đầu tiên Rhyme thấy. Và nguồn gốc của nó không phải là vì gã sát thủ giết mướn mà là việc nói năng ứng xử trở thành thứ tiếng với ngữ pháp đáng ghét[10]. Cô bé lắc đầu: “Cháu không có một ai cả”.

[10] Ở đây, câu đầu Geneva nói: “I don’t have no...” là sai ngữ pháp. Cô bé đã sửa lại thành: “I don’t have anybody.”

“Tại sao cháu không tới các Dịch vụ Xã hội?” Sellito hỏi. “Đó là lý do tại sao họ được thành lập.”

Bell thêm vào: “Cháu vất vả hơn bất cứ ai có thể đến đó”.

Cô bé cau mày và đôi mắt sẫm màu trở nên tối tăm hơn nữa. “Cháu không lấy thứ gì miễn phí cả.” Rồi lắc đầu. “Hơn nữa, nhân viên xã hội có thể sẽ đến để kiểm tra mọi việc và biết được tình trạng của cháu. Cháu sẽ lại bị gửi xuống chỗ chị gái mẹ cháu ở Bama. Bà ấy sống ở một thị trấn bên ngoài Selma, có ba trăm người sống ở đó thôi. Chú có biết được cháu sẽ nhận được sự giáo dục như thế nào ở đó chứ? Hoặc là, cháu ở lại đây, và kết thúc trong một trường giáo dưỡng ở Brooklyn, sống trong một phòng với bốn cô gái

gangster, những chiếc ti vi bật hip hop và BET[11] hai mươi tư giờ một ngày, bị lôi vào nhà thờ...” Cô rùng mình và lắc lắc đầu.

[11] Một giải thưởng hằng năm về hip hop.

“Đó là lý do cháu làm việc”, Rhyme nhìn vào bộ đồng phục.

“Đó là lý do cháu làm việc. Có người đưa cháu đến chỗ một người giúp cháu làm bằng lái xe giả. Theo đó, cháu mười tám tuổi.” Cô bé cười thành tiếng. “Cháu không nhìn vào đó, cháu biết. Nhưng cháu xin việc ở một nơi mà người quản lý là một ông già da trắng. Ông ấy không có bằng chứng nào về việc tuổi bằng cách nhìn cháu. Và làm việc ở đấy suốt từ đó. Chưa bao giờ bỏ một ca làm nào hết. Cho đến ngày hôm nay.” Một tiếng thở dài. “Ông chủ của cháu sẽ tìm ra nguyên nhân, ông ấy sẽ phải sa thải cháu. Chán thật. Và cháu vừa mới mất một việc khác tuần trước.”

“Cháu làm hai công việc?”

Cô bé gật đầu. “Xóa các hình vẽ graffiti. Đó là sự thay đổi đang diễn ra ở Harlem. Các cô chú có thể thấy ở bất cứ đâu bây giờ. Một vài công ty bảo hiểm và bất động sản lớn sửa chữa các tòa nhà cũ và cho thuê với rất nhiều tiền. Họ thuê những đứa nhóc để làm sạch các bức tường. Họ trả rất nhiều tiền. Nhưng cháu đã bị đuổi việc.”

“Vì cháu không đủ tuổi?”, Sachs hỏi.

“Không. Bởi vì cháu nhìn thấy những người công nhân đó, có ba gã da trắng to lớn làm việc cho một công ty bất động sản. Họ quấy rối một cặp vợ chồng già đã sống ở tòa nhà từ rất lâu rồi. Cháu bảo họ dừng lại nếu không sẽ báo cảnh sát...” Cô bé nhún vai. “Họ đuổi việc cháu. Cháu đã gọi cho cảnh sát nhưng họ không quan tâm lắm... Quá nhiều để làm những việc tốt.”

“Và đó là lý do tại sao cháu không muốn cô cố vấn Barton giúp đỡ”, Bell nói.

“Cô ấy biết là cháu không có gia đình, và thế là, bùm một phát, cháu vào trong trường giáo dưỡng.” Cô bé rùng mình. “Cháu đã gần xong rồi! Cháu đáng lẽ đã có thể hoàn thành. Một năm rưỡi nữa thôi là cháu có thể biến mất. Có thể là ở Harvard hoặc Vassar. Rồi cái gã đó xuất hiện ở bảo tàng ngày hôm qua và phá hỏng mọi thứ.”

Geneva đứng dậy và bước tới bảng ghi các dữ liệu về Charles Singleton. Cô bé nhìn nó chăm chú. “Đó là lý do tại sao cháu đang viết về ông ấy. Cháu phải tìm ra sự thật là ông ấy vô tội. Cháu muốn ông ấy phải là một người đàn ông hoàng tốt bụng và là một người chồng, một người cha tốt. Những bức thư thật tuyệt đẹp. Ông ấy có thể viết ra thật hay những lời của mình. Ngay cả nét chữ của ông ấy cũng thật đẹp.” Cô nín thở thêm vào: “Và ông ấy là một anh hùng trong thời Nội chiến, dạy dỗ những đứa trẻ, cứu những em bé mồ côi từ những kẻ nổi dậy chống chế độ quân dịch. Sau cùng, bỗng nhiên cháu có một người thân trong gia đình tốt đẹp. Một người thông minh, biết những người nổi tiếng. Cháu muốn ông ấy trở thành một người mà cháu có thể ngưỡng mộ, khác với bố hay mẹ cháu”.

Luiz Martinez dừng lại ở ngưỡng cửa. “Anh ta đã kiểm tra. Đúng tên và địa chỉ, không tiền án tiền sự, chưa từng bị bắt.” Anh ta đã điều tra tên của người bác giả mạo. Rhyme và Bell không tin tưởng một ai

“Cháu cần phải ở một mình”, Sachs nói.

Im lặng một chút. “Cha đưa cháu đến nhà thờ vài lần, trước khi ông ấy bỏ đi. Cháu vẫn nhớ bài hát Phúc âm[12] này. Nó từng là bài hát yêu thích của chúng cháu. Tên nó là Aint got time to die. Đó là những gì giống với cuộc đời cháu. Cháu không có thời gian để cô đơn.”

[12] Một loại nhạc tôn giáo khởi nguồn từ các nhà thờ của người Mỹ gốc Phi.

Nhưng lúc này, Rhyme đã hiểu khá rõ Geneva. Cô bé đang thiếu thành thật. Anh nói: “VẬY là cháu có bí mật giống như người tổ tiên của mình. Ai biết những bí mật của cháu?”

“Keesh, chủ ngôi nhà, vợ ông ấy. Thế thôi.” Cô bé nói với Rhyme với một cái nhìn thách thức. “Chú định lật tẩy cháu phải không?”

“Cháu không thể sống một mình được”, Sachs nói.

“Cháu đã như thế hai năm rồi”, cô bé ngắt lời. “Cháu có sách vở, trường lớp. Cháu không cần bất cứ thứ gì khác nữa.”

“Nhưng...”

“Không. Nếu chú nói ra, nó sẽ phá hỏng mọi thứ.” Cô bé thêm vào: “Cháu xin đấy”. Tiếng nói lịm dần, như thể vô cùng khó khăn để thốt ra điều đó.

Im lặng một lúc. Sachs và Sellito nhìn Rhyme, người duy nhất trong căn phòng không phải trả lời trước các quy định và cấp trên. Anh nói: “Không cần phải đưa ra quyết định ngay lập tức. Chúng ta đang ngập đầu với việc truy bắt hung thủ rồi. Nhưng ta đang nghĩ rằng có lẽ cháu nên ở lại đây, không phải nơi nào khác nữa”. Anh nhìn Thom. “Ta nghĩ rằng chúng ta có thể tìm một phòng cho cháu trên lầu, đúng không?”

“Chắc chắn là có rồi.”

“Cháu muốn...”, cô bé bắt đầu.

Rhyme nói với một nụ cười: “Ta nghĩ lần này chúng ta sẽ cương quyết”.

“Nhưng công việc của cháu. Cháu không thể mất nó được.”

“Ta sẽ lo việc này.” Rhyme lấy số điện thoại từ cô bé và gọi điện cho ông chủ cửa hàng McDonald, giải thích chung chung về vụ tấn công và nói rằng Geneva sẽ không thể đến trong một vài ngày. Người quản lý nghe giọng có vẻ thực sự quan ngại và nói với anh rằng Geneva là nhân viên cẩn thận nhất mà họ có được có thể nghỉ chừng nào mình muốn và yên tâm rằng công việc sẽ chờ đợi đến khi cô bé quay trở lại.

“Cô ấy là nhân viên tốt nhất của chúng tôi”, tiếng người đàn ông nói qua chiếc loa ngoài. “Một cô bé tuổi mới lớn mà trách nhiệm còn hơn cả những người gấp đôi tuổi. Anh sẽ không hay thấy điều đó đâu.”

Rhyme và Geneva mỉm cười với nhau rồi anh tắt điện thoại.

Ngay sau đó, chuông cửa reo. Bell và Sachs lập tức đề cao cảnh giác, tay họ nhanh chóng đưa về vị trí vũ khí của mình. Rhyme nhận thấy rằng, Sellito vẫn còn hoảng sợ, và mặc dù nhìn xuống vũ khí của mình, anh ta vẫn không chạm vào nó. Những ngón tay của anh ta vẫn ở trên má, gãi nhẹ nhẹ, như thể động tác này yêu cầu một vị thần xuất hiện và xoa dịu trái tim đang khốn khổ của anh ta.

Thom xuất hiện ở ngưỡng cửa và nói với Bell: “Có cô Barton ở đây, đến từ trường học. Cô ấy mang đến một bản từ video an ninh”.

Cô bé lắc đầu trong hoảng sợ. “Không”, cô thì thầm.

“Đưa cô ấy vào đây”, Rhyme nói.

Một người phụ nữ Mỹ gốc Phi to lớn bước vào trong phòng, mặc một chiếc đầm màu tím. Bell giới thiệu. Cô ta gật đầu chào mọi người, và giống như những cố vấn mà Rhyme đã từng gặp, không có phản ứng gì với tình trạng của anh. Cô ta nói: “Chào, Geneva”.

Cô bé gật đầu. Khuôn mặt vẫn là một chiếc mặt nạ. Rhyme có thể thấy rằng cô bé đang nghĩ về sự đe dọa mà người phụ nữ này đại diện: miền quê Alabama hoặc một trại giáo dưỡng.

Barton tiếp tục: “Em thế nào rồi?”

“Ồn ả, em cảm ơn cô.” Cô bé nói với sự tôn trọng, không giống với kiểu cách thường ngày.

“Chuyện này hẳn phải rất khó khăn với em”, người phụ nữ nói.

“Em đã khá hơn rồi.” Geneva giờ cố nở một nụ cười khiên cưỡng. Cô bé nhìn người phụ nữ một lần rồi nhìn sang chỗ khác.

Barton nói: “Tôi đã nói chuyện với hàng tá người về gã đàn ông ở gần sân trường ngày hôm qua. Chỉ hai hoặc ba người nhớ có thấy một ai đó. Họ không thể miêu tả kẻ đó, ngoại trừ việc hẳn ta là người da màu, mặc một chiếc áo dã chiến màu xanh và đi đôi giày lao động cũ kỹ”.

“Điều này mới”, Rhyme nói. “Đôi giày.” T viết điều này lên bảng.

“Và đây là cuộn băng từ phòng an ninh của chúng tôi.” Cô ta đưa một cuộn băng ghi hình cho Cooper, anh bật nó lên.

Rhyme lặn chiếc xe tới gần màn hình và cảm thấy cổ căng ra khi nghiên cứu những hình ảnh.

Nó không giúp gì nhiều lắm. Chiếc camera được hướng chủ yếu vào sân trường, không phải các con phố và vỉa hè xung quanh. Trong phạm vi của nó có thể nhìn thấy vài hình ảnh mờ mờ của những người đi qua, nhưng không có gì nổi bật. Không có hy vọng rằng họ sẽ thu được nhiều thông tin, Rhyme ra lệnh cho Cooper gửi cuộn băng tới phòng thí nghiệm ở Queens để xem liệu nó có thể cải thiện được chất lượng hình ảnh hơn không. Anh điền vào bản CoC[13] và gói nó lại, gọi người đến lấy.

[13] Xác nhận lưu giữ bằng chứng hợp pháp.

Bell cảm ơn sự giúp đỡ của người phụ nữ.

“Bất cứ điều gì chúng tôi có thể làm được”, bà ta dừng lại và nhìn cô bé. “Nhưng ta thực sự cần phải nói chuyện với bố mẹ em, Geneva.”

“Bố mẹ em?”

Cô ta gật đầu một cách chậm rãi. “Ta phải nói là - ta đã nói chuyện với một vài sinh viên và giáo viên, thật lòng thì, hầu hết họ đều nói gia đình em không quan tâm lắm tới việc học hành của em. Thực tế, ta chưa thấy một ai thực sự gặp họ.”

“Nhưng điểm số của em rất tốt.”

“À, ta biết điều đó. Chúng ta thực sự hài lòng với việc học tập của em, Geneva. Nhưng trường học là học sinh và cha mẹ cùng phối hợp với nhau. Ta thực sự muốn nói chuyện với họ. Số điện thoại của họ là gì?”

Cô bé tê cứng lại.

Một sự im lặng ngọt ngào bao trùm.

Cuối cùng, Lincoln Rhyme phá vỡ nó. “Tôi sẽ nói với cô sự thật.”

Geneva cúi gằm xuống. Hai bàn tay cô nắm chặt lại.

Rhyme nói với Barton: “Tôi vừa mới ngắt điện thoại với bố cô bé”.

Tất cả những người khác trong phòng quay sang và nhìn anh chằm chằm.

“Họ đã về nhà chưa?”

“Không, họ sẽ không về một thời gian.”

“Không?”

“Tôi yêu cầu họ không về.”

“Anh làm thế sao? Tại sao?” Người phụ nữ cau mày.

“Đó là quyết định của tôi. Tôi làm thế để giữ an toàn cho Geneva. Ngài Roland Bell đây sẽ nói cho cô biết.” Anh nhìn về viên thanh tra đến từ Carolina, đang gật đầu, một hành động đáng tin cậy, tuy dường như không hiểu chuyện gì đang diễn ra. “Khi thiết lập các thông tin bảo vệ, đôi khi chúng tôi cần phải tách biệt những người chúng tôi bảo vệ với gia đình họ.”

“Tôi không biết điều đó.”

“Nếu không”, Rhyme tiếp tục, sửa lại: “Kể tấn công có thể lợi dụng người nhà của họ để kéo họ ra ngoài”.

Barton gật gù. “Hợp lý.”

“Như thế gọi là gì, Roland?” Rhyme nhìn viên thanh tra một lần nữa. Và tự trả lời: “Cách ly đối tượng ảnh hưởng, đúng không nhỉ?”

“IOD[14]”, Bell nói, gật đầu. “Đó là cách chúng tôi gọi phương pháp này. Một phương pháp vô cùng quan trọng.”

[14] Isolation of Dependents: Cách ly đối tượng ảnh hưởng.

“Chà, tôi rất vui được biết điều đó”, cô cố vẫn nói. “Nhưng bác của cháu trông chừng cháu chứ, đúng không?”

Sellito nói: “Không. Chúng tôi cho rằng cách tốt nhất với Geneva là cô bé sẽ ở lại đây”.

“Chúng tôi cũng áp dụng phương pháp này với bác của cô bé nữa”, Bell nói. Lời nói dối nghe đặc biệt êm tai từ một cảnh sát với giọng nói rề rà đậm chất miền Nam. “Chúng tôi muốn giữ ông ấy ngoài tầm liên lụy.”

Barton chấp nhận tất cả những lời nói dối đó, Rhyme có thể thấy điều đó. Cô cố vẫn nói với Geneva: “Chà, khi chuyện này kết thúc, hãy nói họ liên lạc với ta. Có vẻ như em đang xoay sở khá ổn. Nhưng xét về mặt tâm lý thì nó phải có những tác động không hay. Tất cả chúng ta sẽ ngồi chung với nhau và giải quyết một số vấn đề”. Cô ta nói thêm với một nụ cười: “Không có cái gì bị phá vỡ mà không thể được hàn gắn lại”.

Câu nói này hẳn phải được khắc trên bảng danh đặt ở bàn làm việc hoặc trên cốc cà phê ở văn phòng của cô ta.

“Được rồi”, Geneva nói một cách thận trọng.

“IOD.” Bell nhắc lại.

“Và cô ta sẽ làm gì?” Rhyme lẩm bẩm. “Bắt tôi phải ở lại sau giờ học à?” Rồi anh hất đầu cộc lốc về phía tấm bảng ghi bằng chứng. “Giờ chúng ta quay lại với công việc được chưa? Có một tên sát nhân ở ngoài kia. Và hắn có đồng bọn. Có kẻ thuê chúng. Nhớ điều đó chứ? Tôi muốn làm rõ chúng là ai một lúc nào đó trong cái thập kỷ này.”

Sachs bước tới cái bàn, bắt đầu sắp xếp các tập tài liệu và bản của những thứ mà William Ashberry đã cho cô mượn từ thư viện của tổ chức - cái “hiện trường nho nhỏ”. Cô nói: “Đây phần lớn là về Gallows Heights - bản đồ, hình vẽ, bài báo. Một vài thứ về Potter’s Field”.

Cô đưa từng tập tài liệu cho Cooper. Anh ghép lại rồi dán vào một vài bản vẽ và bản đồ của Gallows Heights, thứ Rhyme đang nhìn vào chăm chăm một cách cố ý khi Sachs nói với họ về những gì cô tìm ra về khu vực xung quanh. Rồi cô bước tới bản vẽ, chạm vào tòa nhà thương mại hai tầng. “Potter’s Field chính là ở đây. Phía tây phố 18.” Cô lướt qua vài tập tài liệu. “Có vẻ như nó khá tai tiếng, có rất nhiều kẻ xấu lảng vảng ở đây, những người như Jim Fisk, Boss Tweed và các nhà chính trị có liên quan tới bộ máy Tammany Hall.”

“Nhìn xem những hiện trường nho nhỏ giá trị như thế nào, Sachs? Em là một tài sản to lớn đầy những thông tin có giá trị.”

Cô quắc mắt nhìn anh, rồi nhắc lên một bản photo. “Đây là bài báo về vụ hỏa hoạn. Nó nói rằng cái đêm mà Potter’s Field cháy rụi, các nhân chứng đã nghe thấy tiếng nổ ở trong căn hầm và rồi, gần như là ngay lập tức, nơi này ngập chìm trong biển lửa. Bị nghi ngờ là có người phóng hỏa nhưng chưa có một ai bị bắt. Không có nạn nhân.”

“Charles đến đó để làm gì?” Rhyme trầm ngâm thành tiếng. “Ý ông ta là gì khi đề cập tới ‘công lý’? Và cái gì sẽ mãi mãi bị vùi lấp dưới bùn đất?”

Liệu có một manh mối, chút ít bằng chứng, một mẫu tài liệu nào có thể trả lời câu hỏi về kẻ muốn giết Geneva Settle?

Sellito lắc đầu. “Quá tệ là nó đã xảy ra một trăm bốn mươi năm trước. Dù là gì, thì nó cũng đã biến mất. Chúng ta sẽ không bao giờ biết được.”

Rhyme nhìn Sachs. Cô b gặp ánh mắt của anh. Rồi mỉm cười.

27. Chương 27

“Ồ, một phần nào đó thì cô may mắn”, David Yu, người kỹ sư trẻ với mái tóc dựng ngược đang làm việc cho thành phố giải thích.

“Chúng tôi có thể sử dụng một ít”, Amelia Sachs nói. “May mắn, ý tôi là thế.”

Họ đang đứng trên phía tây phố 18, cách Riverside Walk khoảng nửa dặm phố về phía đông, nhìn vào tòa nhà đá nâu ba tầng. Một chiếc xe buýt của đội khám nghiệm hiện trường đã đợi ở gần đó, cả một người bạn khác của Sachs cũng đang đứng đợi sẵn, một nữ cảnh sát tên là Gail Davis, từ đơn vị K9, và con chó của cô - Vegas. Hầu hết các chú chó cảnh sát là giống chó chăn cừu, Malinois - đánh hơi bom - và giống chó săn Labrador. Dù vậy, Vegas, là một con Briard, một giống chó cổ của Pháp với lịch sử phục vụ lâu đời trong quân đội; giống chó này nổi tiếng với những chiếc mũi thính tuyệt vời cùng khả năng huyền bí có thể cảm nhận các mối đe dọa tới gia súc và con người. Rhyme và Sachs đều nghĩ rằng việc khám nghiệm một hiện trường một trăm bốn mươi năm tuổi có thể có ích từ việc sử dụng vài phương pháp tìm kiếm cổ điển truyền thống, thêm vào đó là các hệ thống công nghệ cao có thể được áp dụng.

Viên kỹ sư, Yu, hát đầu về phía tòa nhà được xây dựng từ vị trí mà quán Potter's Field bị đốt cháy. Ngày tháng ghi trên viên đá nền là năm 1879. “Để xây một tòa nhà chung cư như thế này năm đó họ không cần phải đào lên và đổ một lớp móng bê tông. Họ chỉ cần đào một cái móng

theo chu vi, đổ bê tông vào đó và xây lên các bức tường. Đó là phần chịu tải trọng. Nền tầng hầm hẳn phải rất bền. Nhưng bộ luật xây dựng đã thay đổi. Họ chắc phải đổ nền bê tông một lúc nào đó đầu thế kỷ này rồi. Dù sao, nó không mang tính kết cấu mà vì lý do sức khỏe và an toàn. Nên những nhà thầu cũng sẽ không đào lên.”

“Vậy may mắn của tôi ở đây là thứ gì đó nằm ở dưới này từ những năm 1860 có thể vẫn còn đó”, Sachs nói.

Mãi mãi chôn giấu...

“Phải.”

“Và cái không may mắn là nó nằm bên dưới lớp bê tông.”

“Nhiều khả năng là thế.”

“Dày khoảng 30 cm?”

“Có thể ít hơn.”

Sachs đi xung quanh tòa nhà đầy bụi và cũ kỹ, dù biết những căn hộ bên trong nó có thể phải thuê với giá 4000 đô la một tháng. Có một lối vào ở phía sau dẫn xuống tầng hầm.

Cô đang quay ra đằng trước tòa nhà thì điện thoại đổ chuông. “Thám tử Sachs.”

Lon Sellito đang ở đầu dãy bên kia. Anh đã tìm ra tên chủ của tòa nhà, một doanh nhân sống cách đó vài dặm phố. Ông ta đang trên đường tới để cho họ vào trong. Rhyme gọi điện một lúc sau đó và cô nói với anh những gì Yu nói.

“Vận may, vận rủi”, anh nói, rõ ràng là cau có. “Tôi đã ra lệnh cho đội Tìm kiếm và Giám sát ở đây với máy phát sóng radar bề mặt và siêu âm.”

Ngay sau đó người chủ tòa nhà xuất hiện, một người đàn ông thấp, đầu hói trong bộ vest và chiếc áo sơ mi trắng mở phanh cổ. Sachs tắt điện thoại với Rhyme và giải thích nhanh gọn cho người đàn ông về việc họ cần xem xét căn hầm. Ông ta nhìn cô một cách ngờ vực rồi mở cửa căn hầm và bước lùi lại, khoanh tay, gần Vegas. Chú chó cảnh sát có vẻ không thích ông ta lắm.

Một chiếc Chevy Blazer trở tới và ba chuyên gia thuộc đội S & S của Sở cảnh sát New York bước ra. Các nhân viên S & S bao gồm cả cảnh sát, kỹ sư và nhà khoa học, nhiệm vụ của họ là hỗ trợ đội đặc nhiệm xác định vị trí hung thủ và nạn nhân ở các hiện trường với kính viễn vọng, các máy nhìn ban đêm, hồng ngoại, tai nghe mini và các trang bị khác. Họ gật đầu với các chuyên gia khám nghiệm hiện trường và rồi

mở những chiếc va li màu đen đã cũ sờn, rất giống với những đồ đựng thiết bị khám nghiệm hiện trường riêng của Sachs. Người chủ tòa nhà quan sát họ với một cái cau mày.

Các nhân viên S & S bước xuống tầng hầm lạnh và tăm tối, có mùi dầu và mùi đất mốc meo, Sachs và người chủ đi theo sau. Họ kết nối chiếc máy dò mà giống với một chiếc máy hút bụi chân không với các thiết bị được điều khiển bằng máy tính.

“Cà khu vực này?” một người hỏi Sachs.

“Ừ.”

“Sẽ không ảnh hưởng đến ai, đúng không?” người chủ hỏi.

“Không, thưa ngài.” Một chuyên viên trả lời.

Họ bắt đầu vào công việc. Họ quyết định sử dụng máy phát sóng radar trước. Sóng radar xuyên qua bề mặt phát ra các sóng radio và phản hồi thông tin về những vật thể mà nó chạm vào, giống như những sóng radar thường thấy trên tàu thuyền hoặc máy bay. Điều khác biệt duy nhất là máy phát sóng radar có thể đi xuyên qua các vật thể như bùn đất và những mảnh gạch đá vụn. Nó có tốc độ nhanh như tốc độ ánh sáng, và khác với sóng siêu âm, không cần phải chạm vào bề mặt để có được thông tin.

Họ quét tìm cái sàn khoảng một tiếng đồng hồ, gõ các phím máy tính, ghi chú, trong khi Sachs đứng bên cạnh, cố không gõ gõ chân mình hay bồn chồn một cách thiếu kiên nhẫn, nhận ra rằng nó sẽ không tốt cho việc hoạt động của các thiết bị.

Sau khi họ quét sạch tầng hầm với radar, đội dò tìm tra trên màn hình máy tính rồi dựa trên những gì họ biết, đi xung quanh căn hầm một lần nữa, hướng đầu dò siêu âm vào khối bê tông trong cả tá vị trí mà họ đã đánh dấu là quan trọng.

Khi hoàn thành, họ gọi Sachs và Yu tới chiếc máy tính, lướt qua một vài tấm hình. Màn hình tối xám khiến cô không đọc được: Nó được lấp đầy bởi các chấm và vạch màu, rất nhiều trong số đó có các ô nhỏ chứa các con số và chữ cái bên cạnh mà cô không thể đoán được đó là gì.

Một trong những chuyên viên nói: “Hầu hết những thứ này là những gì ta hy vọng sẽ có ở dưới một tòa nhà ở tuổi này. Những hòn đá lớn bị mài mòn do nước, những thảm đá cuội, những tảng gỗ mục. Đó là một phần của một đường thoát nước ở đây”. Anh chỉ vào một phần của màn hình.

“Có một đường xả nước đi vào dòng xả chính tới dòng sông Hudson”, Yu nói. “Hẳn chính là nó.”

Người chủ đứng nghiêng vai dựa vào tường.

“Ông có phiền không, thưa ngài?” Sachs gần giọng. Người đàn ông bước lùi lại một cách miễn cưỡng.

Người chuyên viên hất đầu. “Nhưng ở đây...” Anh chạm vào một điểm bên cạnh bức tường ở phía sau. “Có một cái gì đó ở đây nhưng không hiện lên rõ.”

“A...”

“Khi có vật thể nào mà máy tính đã nhìn thấy trước đó, nó gợi ý đó có thể là gì. Nhưng cái này thì máy không đoán được.”

Sachs thì chỉ nhìn thấy một vùng ít tối hơn trên cái màn hình tối đen.

“Bởi vậy chúng tôi đã dùng sóng siêu âm và được thứ này.”

Cộng sự của anh ta gõ lệnh và một màn hình khác xuất hiện, với bức ảnh sáng hơn và rõ ràng hơn: một cái vòng xù xì, bên trong là một vật hình tròn đục có một sợi gì đó thò ra từ nó. Trong cái vòng xù xì, ở khoảng không bên dưới, một vật thể nhỏ hơn xuất hiện với hình dạng như một đồng que và ván gỗ, có thể, Sachs đoán vậy, một cái rương đã bị vỡ ra sau ngần ấy năm.

Một nhân viên nói: “Cái vòng ngoài khoảng 60 cm. Cái bên trong thì có mặt - dạng hình cầu. Nó có đường kính khoảng 22 cm.”

“Nó có nằm gần bề mặt không?”

“Cái lớp bê tông dày khoảng 20 cm, và vật thể này nằm bên dưới khoảng 1,8 đến 2 mét.”

“Chính xác ở vị trí nào?”

Người chuyên viên nhìn từ màn hình máy tính tới sàn nhà và quay lại. Anh ta bước tới điểm ở ngay bên cạnh bức tường ở phía sau căn hầm, gần cái cửa dẫn ra bên ngoài. Anh ta vẽ một dấu bằng phấn. Vật thể đó nằm ở ngay bên bức tường. Bất cứ ai xây bức tường này đã bỏ qua nó chỉ vài centimet.

“Tôi đoán đó là một cái giếng hoặc một cái bể nước. Có thể là một cái ống khói.”

“Cần những gì để xuyên qua lớp bê tông?” Sachs hỏi Yu.

“Sự cho phép của tôi”, người chủ tòa nhà nói. “Và các người sẽ không lấy được điều đó. Sẽ không có ai phá hỏng căn hầm của tôi.”

“Thưa ngài”, Sachs nói một cách kiên nhẫn: “Đây là công việc của cảnh sát”.

“Dù có là cái gì đi nữa, đây là khu vực thuộc quyền sở hữu của tôi.”

“Quyền sở hữu không phải là vấn đề ở đây. Nó có thể liên quan tới một cuộc điều tra của cảnh sát.”

“Chà, vậy thì các cô sẽ cần có lệnh của tòa án. Tôi là luật sư. Và không ai trong các người được phép đập phá chỗ này của tôi.”

“Việc tìm hiểu xem đó là gì thực sự rất quan trọng với chúng tôi.”

“Quan trọng?” ông ta hỏi. “Tại sao?”

“Nó có liên quan tới một vụ án từ vài năm trước.”

“Vài năm?” ông ta ngay lập tức nói, nhấn vào điểm yếu trong vụ án của cô. “Vài năm là bao nhiêu?” Ông ta hẳn phải là một luật sư khá giỏi.

Ta nói dối với kiểu người như vậy và điều đó quay trở lại làm hại ta. Cô nói: “Một trăm bốn mươi năm. Có thể nhiều hơn, có thể ít hơn”.

Ông ta cười. “Đây không phải là điều tra. Đây là kênh Discovery. Không có búa khoan. Hừm.”

“Có chút cộng tác nào ở đây không, thưa ngài?”

“Lấy lệnh của tòa án. Tôi sẽ không hợp tác cho đến khi buộc phải làm thế.”

“Vậy thì đó không còn là hợp tác nữa rồi, đúng không?” Sachs đáp lại và gọi cho Rhyme.

“Có chuyện gì vậy?”, anh hỏi.

Cô tóm tắt cho anh biết chuyện gì đang xảy ra.

“Một chiếc rương bên trong một cái giếng hoặc một cái bể nước bên trong tòa nhà cháy sập ấy. Chẳng có chỗ giấu nào tốt hơn thế nữa.”

Rhyme yêu cầu đội S & S gửi những bức ảnh qua email. Họ làm theo.

“Anh có bức ảnh ở đây rồi, Sachs”, anh nói sau một khắc. “Không rõ nó là gì lắm.”

Cô nói với anh về vị công dân tỏ vẻ không hợp tác.

“Và tôi sẽ đấu tranh”, vị luật sư nói, nghe cuộc hội thoại giữa họ. “Tôi sẽ tự tay đưa vụ này ra tòa với thẩm phán. Tôi biết hết họ. Chúng tôi khá là thân thiết.”

Cô nghe thấy Rhyme trao đổi với Sellito về vấn đề này. Khi quay lại với cuộc gọi, anh tỏ vẻ không hài lòng. “Lon đang cố gắng lấy lệnh của tòa án, nhưng sẽ mất thời gian. Và anh ấy thậm chí còn không chắc về giấy cho phép của tòa án trong một vụ như thế này.”

“Tôi có thể chỉ đâm hấn một trận không? lăm bắm và đập máy rồi quay sang người chủ tòa nhà. “Chúng tôi sẽ sửa lại tầng hầm cho ông. Một cách hoàn hảo nhất.”

“Tôi có những người thuê nhà sống ở đây. Họ sẽ phàn nàn. Và tôi sẽ phải giải quyết điều đó. Các cô sẽ không làm thế. Và sẽ phải biến đi.”

Sachs vẫy vẫy tay một cách bức bối, thực sự đang nghĩ tới việc còng tay lại vì - chà, vì cái gì đó - và rồi đào xuyên qua cái tầng hầm khi gió này. Mất bao lâu để có lệnh của tòa án? Nhiều khi là mãi mãi, cô tưởng tượng, xem xét tới khả năng các thẩm phán cần một lý do “chính đáng” để cho phép cảnh sát xâm nhập tư gia của một ai đó.

Điện thoại cô đổ chuông một lần nữa và Sachs trả lời.

“Sachs”, Rhyme hỏi: “Có viên kỹ sư đi cùng ở đó không?”

“David? Vâng. Anh ấy đang đứng cạnh em.”

“Anh có một câu hỏi.”

“Gì cơ?”

“Hỏi anh ấy xem ai sở hữu con hẻm?”

Câu trả lời, trong trường hợp đặc biệt này, dù không phải là tất cả, là: thành phố. Người luật sư chỉ sở hữu cái mặt bằng của tòa nhà và những gì bên trong mà thôi.

Rhyme nói: “Đưa những kỹ sư lấy vài thiết bị sang bên kia bức tường, ở bên ngoài và đào xuống rồi tạo một đường hầm bên dưới bức tường của ông ta. Như thế có được không?”

Ngoài tầm nghe của người sở hữu tòa nhà, cô đưa câu hỏi cho Yu, anh nói: “Ừm, chúng ta có thể làm như vậy. Không có nguy cơ tổn hại về kết cấu nếu đào một lỗ hẻm”.

Hẹp, người nữ cảnh sát với nỗi sợ không gian chật chội nghĩ. Chỉ là thứ tôi cần... Cô đập máy rồi nói với viên kỹ sư: “Được rồi, tôi muốn một...” Sachs cau mày. “Những cái máy mà có cái thìa to dùng được gọi là gì nhỉ?” Kiến thức của cô về các phương tiện có tốc độ tối đa mười dặm một giờ khá là hạn chế.

“Máy xúc?”

“Hình như thế. Mất bao lâu các anh có thể đưa một cái đến đây?”

“Khoảng nửa giờ”.

Cô nhìn anh một cách đau khổ. “Mười phút

“Để xem tôi có thể làm được gì.”

Hai mươi phút sau, với tiếng bíp cảnh báo lùi xe vang lên inh ỏi, một chiếc máy xúc của thành phố tiến sát tới bên cạnh tòa nhà. Không có cách nào để giấu chiến thuật của họ nữa. Người chủ tòa nhà bước tới trước, vẫy vẫy những bàn tay. “Các người đang đi vào bên dưới từ bên ngoài! Các người cũng không thể làm như thế được. Tôi sở hữu tòa nhà này từ trời cho đến tâm đất. Đó là những gì mà luật pháp nói.”

“Chà, thưa ngài”, một nhân viên trẻ, mảnh dẻ nói. “Có đường thoát nước công cộng nằm dưới tòa nhà. Chúng tôi có quyền để tiếp cận. Như tôi chắc chắn là ông biết rõ.”

“Nhưng cái đường thoát khí gió ấy nằm ở bên kia tòa nhà.”

“Tôi không nghĩ thế.”

“Nó hiện rõ trên cái màn hình ở ngay đây này.” ông ta chỉ vào một chiếc máy tính - ngay khi cái màn hình tối sầm.

“Úi” một trong những nhân viên S & S nói, người vừa tắt cái máy đi. “Những thứ khí gió này luôn hỏng.”

Người chủ sở hữu tòa nhà quắc mắt nhìn anh ta, rồi nói với Yu: “Chẳng có cái đường xả lũ nào ở cái chỗ mà các người định đào”.

Yu nhún vai. “Chà, ông biết đấy, khi có ai đó tranh cãi về vị trí của đường xả, trách nhiệm của ông ta là phải có lệnh của tòa án để dừng chúng tôi lại. Có lẽ ông sẽ phải gọi cho một vài người bạn thẩm phán của

ông thôi. Và ông biết gì không? Tốt hơn hết là ông nên làm điều đó nhanh lên, bởi chúng tôi bắt đầu làm bây giờ.”

“Nhưng...”

“Tiếp tục đi”, anh ta hét lớn.

“Có thật không?” Sachs thì thầm với anh ta. “Về cái đường xả lũ ấy?”

“Tôi không biết. Nhưng có vẻ như ông ta mua nó.”

“Cảm ơn.”

Chiếc máy xúc bắt tay vào công việc. Không mất nhiều thời gian lắm. Mười phút sau, theo hướng dẫn của đội S & S, chiếc máy xúc đã đào được một cái lỗ cáo rộng khoảng một mét hai, và sâu khoảng ba mét. Móng của tòa nhà chấm dứt khi cách mặt đất khoảng một mét tám, bên dưới đó là một bức tường bằng đất thịt và đất sét. Sachs sẽ phải trèo xuống đáy của cái lỗ và phải đào sang ngang khoảng mười centimet cho tới khi chạm tới được cái bể nước hoặc giếng. Cô mặc vào bộ Tyvek và một chiếc mũ cứng với đèn ở trên đỉnh rồi gọi Rhyme qua điện đàm - không dám chắc là điện thoại di động có thể nhận cuộc gọi bên dưới cái lỗ này. “Em đã sẵn sàng rồi”, cô nói với anh.

Sĩ quan Gail Davis của K9 bước tới với chú chó Vegas, kéo căng sợi dây da, và đào xới ở ven miệng lỗ. “Có thứ gì đó dưới này”, nữ cảnh sát nói.

Cứ như thể tôi chưa đủ sợ hãi vậy, Sachs nghĩ, nhìn vào khuôn mặt cảnh giác của con chó.

“Đó là tiếng gì, Sachs?”

“Gail đang ở đây. Con chó của cô ấy có vấn đề với địa điểm này.”

“Có gì đặc biệt không?” Sachs hỏi Davis.

“Không. Nó có thể đánh hơi hay cảm thấy bất cứ gì.”

Vegas gầm gừ rồi cọ móng vào chân Sachs. Davis đã từng nói với Sachs về một kỹ năng khác của giống Briard, đó là khả năng phát hiện ra ai là người bị thương nặng hơn để ưu tiên chữa trị - đã được sử dụng bởi các y bác sĩ quân đội để quyết định vết thương nào có thể cứu được và cái nào không, ngay tại tiền tuyến. Cô tự hỏi liệu Vegas có đang báo trước cho cô về sự việc xảy ra ở tương lai hay không.

“Bám sát nhé”, Sachs nói với Davis, với một nụ cười không thoải mái lắm. “Trong trường hợp tôi cần đào ra ngoài.”

Yu xung phong đi xuống cái lỗ (anh nói mình thích những đường hầm và các hang động, điều mà khiến Amelia Sachs kinh ngạc). Nhưng cô nói không. Sau tất cả, đây chính là một hiện trường, ngay cả khi nó đã một trăm bốn mươi năm tuổi, cả cái vật thể hình cầu và cái rương, hay cái gì cũng được, là bằng chứng cần được thu lại và bảo quản, theo các bước cần phải được thực hiện trong khám nghiệm hiện trường.

Người công nhân hạ thấp cái thang vào trong hầm, Sachs đang nhìn xuống dưới, thở dài.

“Cô ổn chứ?”, Yu hỏi.

“Không sao”, cô nói một cách hân hoan và bắt đầu trèo xuống hố rồi nghĩ: Nỗi sợ không gian hẹp ở kho lưu trữ của tổ chức Sanford không là gì so với điều này. Ở dưới đây, cô lấy xẻng và cái cuốc chĩa mà Yu đưa từ trước và bắt đầu đào.

Đổ mồ hôi vì nỗ lực, run lên vì những cơn sợ hãi, cô mãi miết đào, mỗi một xẻng lại nghĩ tới cảnh cái đường hầm này sụp xuống và bịt chặt lấy mình.

Lôi ra những hòn đá, xới những khối đất đặc.

Mãi mãi chôn vùi dưới bùn đất...

“Em thấy gì rồi, Sachs?”, Rhyme hỏi qua điện đàm.

“Đất, cát, sâu bọ, một vài hộp thiếc, đá.”

Cô đã đi được khoảng 30 cm bên dưới tòa nhà, rồi 60 cm.

Mũi xẻng của cô kêu ‘cạch’ một tiếng và dừng lại ngay lập tức. Cô cạo lớp đất và tìm thấy một bức tường gạch tròn, rất lâu đời, lớp vữa thì được trát vụng về giữa những viên gạch.

“Có gì đó đây rồi. Một bên của cái bể nước.”

Đất bắn từ miệng cái hầm nhỏ xíu chảy xuống sàn. Nó khiến cô hoảng sợ còn hơn việc một con chuột bò qua đùi mình. Một hình ảnh rất nhanh hiện ra trong đầu cô: nằm bất động trong khi đất bắn đổ ụp xuống xung quanh, đè ép ngực, rồi tràn vào trong mũi và miệng. Chết ngạt trong đất...

Được rồi, cô gái, thoải mái nào. Sachs lấy lại vài hơi thở thật sâu. Cạo thêm đất ra. Một gallon đất hoặc một lượng tương đương tràn trên đầu gối. “Anh có cho rằng chúng ta nên chống chỗ này không?”, cô gọi Yu.

“Gì cơ?” Rhyme hỏi.

“Em đang nói với viên kỹ sư.”

Yu gọi: “Tôi nghĩ có lẽ nó sẽ vẫn giữ vững được. Đất đủ ẩm để bám chặt thành một khối.”

Có lẽ.

Người kỹ sư tiếp tục: “Nếu cô muốn, chúng tôi có thể, nhưng sẽ mất vài giờ đồng hồ để đóng khung đỡ”.

“Không sao”, cô nói với anh. Cô hỏi: “Lincoln?”

Cô cảm thấy một luồng điện chạy dọc sống lưng, nhận ra rằng mình vừa gọi anh bằng tên riêng. Cả hai người họ đều chẳng ai mê tín nhưng có một quy tắc mà họ gắn vào: Đó sẽ là điềm gở nếu như dùng tên riêng của họ trong công việc.

Sự do dự cho thấy cả anh cũng đã nhận ra cô vừa phá vỡ quy tắc. Cuối cùng anh nói: “Tiếp tục đi”.

Sỏi và đất khô tiếp tục rớt xuống một bên của đường hầm và phủ xuống vai và cổ. Nốt xuống bộ Tyvek, làm âm thanh càng rõ. Cô bật lùi ra sau, cảm giác như bức tường đang sụp xuống. Thở dốc một hơi.

“Sachs? Em không sao chứ?”

Cô nhìn xung quanh. Không, bức tường vẫn đang đứng vững. “Em ổn.” Cô tiếp tục cạo đất bắn ra khỏi cái bể nước bằng tường gạch tròn. Với cái cuộc chìm, cô đào những mảng vữa rồi hỏi Rhyme: “Có ý tưởng nào khác về cái vật bên trong không?” Câu hỏi chỉ phần lớn nhằm vào cảm giác an tâm khi được nghe giọng anh.

Một khối cầu với cái đuôi.

“Chẳng có ý tưởng nào hết.”

Một cú đánh mạnh với cái cuốc. Một viên gạch rớt ra. Rồi hai. Đất chảy xuống từ bên trong cái giếng và phủ đầy đầu gối.

Khốn kiếp, tôi ghét điều này.

Nhiều gạch, nhiều cát, đá cuội và đất bắn hơn. Cô dừng lại, rũ sạch cái đồng nặng trĩu đất đá khỏi đôi chân đang quỳ của mình và quay lại với nhiệm vụ.

“Em sao rồi?”, Rhyme hỏi.

“Kẹt ở đây”, cô nói một cách yếu đuối và lùi ra vài viên gạch nữa. Có cả đồng gạch đã nằm rải rác xung quanh. Cô quay đầu, chiếu ánh sáng vào thứ nằm phía sau những viên gạch: Một bức tường đất đen xì, tro bụi, một vài mảnh than đá và những mảnh gỗ.

Cô bắt đầu đào vào bên trong cái lớp đất khô cứng và chặt chẽ bên trong cái giếng. Chẳng có gì gọi là kết dính với đồng đất phải gió này, cô nghĩ, nhìn dòng màu nâu xối chảy xuống, lấp lánh trong ánh sáng từ chiếc đèn trên mũ.

“Sachs”, Rhyme hét lên. “Dừng lại!”

Cô thở dốc. “Cái gì..?”

“Anh mới xem lại lịch sử vụ phóng hỏa một lần nữa. Người ta nói rằng có tiếng nổ ở tầng hầm của quán rượu. Lựu đạn thời bấy giờ có hình cầu và có dây dẫn nổ. Charles hẳn phải mang theo hai quả. Đó chính là khối cầu trong chiếc giếng! Em đang ở ngay sát quả mà đã không phát nổ. Quả bom này có thể dễ bị kích động như nitroglycerine. Đó chính là thứ mà con chó đã đánh hơi thấy, chất nổ! Ra khỏi đó nhanh lên.”

Cô ấn mạnh vào thành giếng để đẩy thân mình về phía chân.

Nhưng viên gạch mà cô dựa vào đột ngột long ra, khiến cô ngã ngửa và một trận mưa đất kh từ bên trong giếng tràn ra đường hầm. Đá, sỏi và đất bắn chảy quanh, kẹt chặt chân cô và nhanh chóng trải lên ngực và mặt.

Cô hét lên, cố gắng vùng vẫy một cách liều mạng để nhô dậy với chân mình. Nhưng cô không thể; cơn lũ đất đã tràn đến lấp đầy những cánh tay.

“Sa...”, cô nghe thấy tiếng Rhyme khi sợi dây tai nghe tuột ra khỏi chiếc điện đàm.

Nhiều đất hơn nữa chảy xuống tràn qua người, đông cứng và không bầu vịu được dưới cái sức nặng đè bẹp tầng dần lên như nước lũ.

Rồi Sachs thét lên một lần nữa - khi cái khối cầu, được mang ra bởi dòng chảy của đất, rớt xuống từ cái lỗ hổng ở bức tường gạch và lăn xuống thân thể bất động.

Jax đã ra khỏi khu vực của gã.

Bỏ lại Harlem phía đằng sau, cả về địa lý lẫn trạng thái tinh thần. Bỏ lại đằng sau những khu đất trống đầy những chai Malt, bỏ lại sau lưng những vỉa hè trước các cửa hàng mà gã thường trú chân, những bức poster quảng cáo nhãn hiệu nước tẩy rửa Red Devil cũ sөн vì thời tiết, thứ mà những người đàn ông da đen sử dụng để kéo tóc thẳng ra ở thời đại Malcolm X; bỏ lại đằng sau những rapper tuổi mới lớn thích được nổi tiếng và những nhóm gõ trống bằng xô ở công viên Marcus Garvey, những gian hàng bán đồ chơi và dép xăng đan cùng những đồ phụ kiện lấp lánh với những cái móc treo tường vải kente. Bỏ lại phía sau tất cả những công trình xây dựng mới được tái thiết, bỏ lại đằng sau những chiếc xe buýt chạy tour.

Giờ gã đang ở một trong số ít những nơi mà mình chưa từng tàn phá với dòng chữ Jax 157, chưa bao giờ vẽ một hình bừa bãi. Một phần thanh lịch ở phía tây Central Park.

Nhìn chằm chằm vào tòa nhà mà lúc này Geneva Settle đang ở bên trong.

Sau sự việc xảy ra ở con hẻm, gần nhà cô bé trên phố 118, với Geneva và người đàn ông trên chiếc xe màu xám, Jax đã nhảy vào một chiếc taxi khác và đi theo những chiếc xe cảnh sát tới đây. Gã không biết nơi này để làm gì: hai chiếc xe cảnh sát ở phía trước, và từ trên cầu thang xuống vỉa hè là một đường dốc thoải, giống như họ làm cho những người đi xe lăn.

Đi khắp khiêng, chậm rãi qua công viên, xem xét kỹ ngôi nhà từ bên ngoài. Con bé đang làm gì ở bên trong chứ? Gã cố gắng nhòm vào trong. Nhưng những chiếc rèm đã được thả xuống.

Một chiếc ô tô khác - chiếc Crown Vic, loại mà cảnh sát sử dụng rất nhiều - dừng lại và hai cảnh sát bước mang theo một cái va li rẻ tiền được dán băng dính và những hộp đựng sách. Hẳn là của Geneva, hẳn đoán. Con bé sẽ chuyển sang sống ở đây.

Họ bảo vệ cô bé thậm chí còn vững chắc hơn, gã nghĩ và cảm thấy nản lòng.

Gã bước vào một bụi rậm để có được tầm nhìn tốt hơn khi cánh cửa mở, nhưng ngay lúc đó một chiếc xe cảnh sát khác đi qua, chậm rãi. Có vẻ như là tên cớm bên trong đang quan sát công viên cũng như các vỉa hè. Jax ghi nhớ số nhà, rồi quay đi và biến mất vào trong công viên. Gã hướng lên phía bắc, bước ngược về Harlem.

Cầm thấy khẩu súng nằm trong tất của mình, cảm thấy sự kéo giạt lại của viên sĩ quan giám sát cách hai trăm dặm về phía bắc, người có thể đang nghĩ tới một chuyến viếng thăm bất ngờ tới căn hộ ở Buffalo của gã ngay lúc này, Jax vẫn nhớ câu hỏi mà Ralph - đã hỏi: Liệu việc gã đang làm có đáng để mạo hiểm không?

Gã đang suy nghĩ về điều đó, khi quay về nhà.

Gã nghĩ: Liệu nó có đáng cho sự mạo hiểm hai mươi năm trước, bám vất vẻo trên cái gờ sắt rộng 12 cm của chiếc cầu vượt trên đại lộ Grand Central, chỉ để vẽ cái hình Jax 157 ở độ cao 9m bên trên dòng xe cộ với tốc độ sáu mươi dặm một giờ?

Liệu có đáng cho sự mạo hiểm sáu năm trước, nhét một viên đạn 12 ly vào trong khẩu súng và gí cái họng súng ấy vào mặt một người lái xe buýt có vũ khí, chỉ để lấy số tiền 50.000 hay 60.000 đô la? Đủ để giúp gã vượt qua khó khăn, đưa cuộc đời gã trở lại như ngày trước.

Và gã biết rằng, câu hỏi của Ralph không phải là một câu hỏi có chút ý nghĩa nào cả, bởi vì nó gợi ý rằng có một sự lựa chọn. Lúc ấy và bây giờ, đúng hay sai, không quan trọng. Alonzo “Jax” Jackson đang đi thẳng về phía trước. Nếu việc này thành công, gã có thể quay trở lại với cuộc sống đáng lẽ phải có ở Harlem, ngôi nhà của gã, nơi mà cả những người xấu và tốt đã tạo nên gã bây giờ - nơi mà chính gã đã góp phần hình thành, với hàng ngàn bình sơn xịt. Gã chỉ đơn giản đang làm điều đã phải làm.

Cẩn thận.

Trong nơi ẩn nấp ở Queens, Thompson Boyd đang đeo chiếc mặt nạ phòng chống khí độc và đôi găng tay dày. Hắn đang chậm rãi pha trộn acid và nước, rồi kiểm tra nồng độ.

Cẩn thận...

Đây chính là phần rắc rối phức tạp. Chắc chắn bột kali cyanide ở gần đó nguy hiểm rồi - đủ để giết ba mươi hoặc bốn mươi người - nhưng ở thể rắn thì nó t ổn định. Giống như thứ mà hắn đặt vào trong chiếc xe cảnh sát, cái chất bột trắng ấy cần phải được pha trộn với acid sulfuric để tạo ra cái khí độc chết người (chất độc Zyklon-B bị ử dụng trong cơn mưa bởi Đức quốc xã để hủy diệt dân chúng).

Nhưng cái từ “nếu” to đùng ấy là acid sulfuric.

Nồng độ quá thấp sẽ tạo ra khí độc chậm, có thể tạo cơ hội cho những nạn nhân phát hiện ra mùi và chạy trốn. Nhưng acid quá mạnh - nồng độ quá 20% - sẽ khiến cho chất xyanua ấy phát nổ trước khi hòa tan, làm hỏng mục đích mong muốn về tác dụng chết người.

Thompson cần nồng độ càng gần với 20% càng tốt - với một lý do đơn giản: Địa điểm mà hắn chuẩn bị đặt thiết bị này - ngôi nhà nằm ở khu phía tây Central Park cổ kính mà Geneva Settle đang ở trong đó - nơi khó có khả năng kín gió. Sau khi biết được đó là nơi cô bé ẩn nấp, Thompson đã tiến hành việc quan sát ngôi nhà và phát hiện ra những cửa sổ chưa được bịt kín cũng như hệ thống điều hòa và lò sưởi đã cũ kỹ. Nó sẽ là một thử thách để biến cấu trúc to lớn thành một căn phòng chết chóc.

...con sẽ hiểu về thứ chúng ta đang làm ở đây. Nó giống như mọi thứ khác trong cuộc sống. Chẳng có cái gì là hoàn toàn đúng 100% cả. Chẳng có cái đi theo con đường mà nó phải...

Ngày hôm qua, hắn đã nói với ông chủ của hắn rằng lần tấn công tiếp theo vào Geneva sẽ thành công. Nhưng giờ thì hắn không chắc chắn về điều đó. Cảnh sát quá giỏi.

Chúng ta chỉ dừng lại và tiếp tục. Chúng ta không thể có cảm xúc về nó.

Chà, hắn không hề xúc động và day dứt. Nhưng hắn cần phải sử dụng những biện pháp quyết liệt - trên vài phương diện. Nếu như cái khí độc trong ngôi nhà ấy giết chết Geneva, tốt. Nhưng đó không phải mục tiêu chính của hắn. Hắn buộc phải hạ ít nhất vài người bên trong đó - những nhà điều tra đang tìm kiếm hắn và ông chủ của hắn. Giết họ, khiến họ hôn mê, gây ra những tổn thương trong não - điều đó không quan trọng. Điều quan trọng là làm họ tiêu hao lực lượng.

Thompson kiểm tra nồng độ một lần nữa, và thay đổi một cách nhẹ nhàng, điều chế làm sao để không khí có thể thay đổi độ cân bằng pH. Đôi tay hắn hơi run, nên hắn bước lùi một chút để bình tâm lại.

Wsst...

Bài hát mà hắn bắt đầu thổi sáo là bài Stainvay to Heaven.

Thompson dựa ra sau và nghĩ về cách để nhét quả bom khí này vào bên trong ngôi nhà. Một vài ý tưởng xuất hiện - bao gồm cả một hay hai cách mà hắn khá chắc chắn rằng sẽ có hiệu quả. Hắn kiểm tra nồng độ

của acid một lần nữa, thổi sáo một cách vô thức qua phần miệng của chiếc mặt nạ chống độc. Chiếc máy phân tích báo rằng nồng độ đạt 19,99394%.

Hoàn hảo.

Wsst...

Giai điệu mới nảy ra trong đầu hẳn là Ode to Joy từ bản giao hưởng số chín của Beethoven.

Amelia Sachs đã không bị đè bẹp đến chết bởi đất thịt và đất sét cũng như không bị thổi bay xác vì quả mìn không ổn định từ thế kỷ XIX ấy.

Cô giờ đang đứng đây, đã tắm rửa và đóng bộ quần áo sạch sẽ, ở trong phòng thí nghiệm của Rhyme, xem xét cái vật đã lăn xuống từ cái giếng khô cạn vào vạt áo của mình một giờ trước đó.

Đó không phải là một quả bom cũ. Nhưng có một chút nghi vấn lúc này về việc nó đã bị bỏ lại trong giếng bởi Charles Singleton vào đêm ngày 15 tháng 7 năm 1868.

Chiếc xe lăn của Rhyme đang đứng ở trước chiếc bàn khám nghiệm bên cạnh Sachs, và họ đang nhìn ngó, xem xét bên trong cái hộp thu vật chứng bằng bìa các tông. Cooper ở đó với họ, đeo găng tay cao su.

“Chúng ta sẽ phải nói với Geneva”, Rhyme nói.

“Có cần thế không?”, Sachs nói một cách lưỡng lự. “Em không muốn.”

“Nói với cháu điều gì cơ?”

Sachs quay lại rất nhanh. Rhyme lùi lại khỏi chiếc bàn, lưỡng lự rồi nghĩ rằng: Khốn nạn. Cần phải cẩn thận hơn nữa.

Geneva Settle đứng ở thêm cửa.

“Các cô chú tìm ra điều gì đó về Charles trong căn hầm của quán rượu, phải không? Mọi người phát hiện ra rằng ông ấy thực sự đã lấy trộm tiền. Đó có phải là bí mật của ông ấy không, sau tất cả?”

Nhìn Sachs, rồi Rhyme nói: “Không, Geneva. Không phải. Chúng ta tìm ra việc khác cơ”. Hắt đầu về phía cái hộp. “Đây. Nhìn đi.”

Cô bé bước tới gần hơn rồi dừng lại, chớp mắt, nhìn chằm chằm vào cái đầu lâu màu nâu của một người. Đó là thứ họ đã nhìn thấy trên bức ảnh sóng siêu âm, thứ đã lăn ra và chảy vào vạt áo của Sachs. Với sự giúp đỡ của Vegas, chú chó giống Briard của Gail Da người thanh tra đã khai quật được các mẫu xương còn lại. Những mẫu xương này - Sachs đã nghĩ rằng đó là những mẫu gỗ từ cái rương - là của một người đàn ông, Rhyme đã xác định. Cái xác rõ ràng đã bị nhét thẳng xuống giếng ở căn hầm của quán Potter's Field ngay trước khi Charles châm lửa cho vụ hỏa hoạn. Việc ghi hình ảnh bằng sóng siêu âm đã chụp được đỉnh của chiếc sọ não và một cái xương sườn bên dưới nó, tạo ra dáng vẻ của một sợi dây dẫn cháy của một quả mìn.

Những cái xương nằm ở trong chiếc hộp thứ hai trên chiếc bàn khám nghiệm.

“Chúng ta khá chắc chắn rằng đó là người đàn ông mà Charles đã giết.”

“Không!”

“Và rồi ông ấy đốt cháy quán rượu để che giấu tội ác.”

“Chú không thể biết điều đó được.” Geneva ngắt lời.

“Chúng ta không. Nhưng đó là một suy luận hợp lý.” Rhyme giải thích: “Lá thư nói ông ấy đang trên đường tới Potter's Field, mang theo khẩu côn Navy Colt. Đó là khẩu súng ngắn từ thời Nội chiến. Nó không giống như súng thời hiện đại, nạp một viên đạn vào phía sau của ổ đạn tròn. Ta phải nhét từ phía trước với một viên bi và thuốc nổ”.

Cô gạt đầu. Đôi mắt nhìn vào những chiếc xương màu nâu đen và cái sọ não không mắt.

“Chúng ta đã tìm ra vài thông tin về súng giống như của ông ấy trong hồ sơ lưu trữ. Đó là một khẩu 36 ly nhưng phần lớn các chiến sĩ Nội chiến học cách sử dụng những viên bi cỡ 39. Nó to hơn một chút và nhét vào khít hơn. Khiến cho phát bắn chính xác hơn.”

Sachs nhắc một chiếc túi nhựa nhỏ lên. “Cái này nằm trong hộp sọ”. Bên trong là một đầu đạn hình tròn. “Đó là viên bi cỡ 39 được bắn ra từ một khẩu súng nòng cỡ 36 ly.”

“Nhưng điều đó không chứng minh cái gì cả.” Cô bé nhìn chăm chăm vào cái lỗ trên trán của chiếc sọ.

“Không”, Rhyme nói một cách nhẹ nhàng. “Nó gợi ý. Nhưng nó gợi ý một cách mạnh mẽ rằng Charles đã giết ông ta.”

“Ông ta là ai?” Geneva hỏi.

“Chúng ta không có ý tưởng nào hết. Nếu ông ta có bất cứ giấy tờ tùy thân nào trên người thì nó đã bị đốt cháy hoặc đã bị phân hủy cùng với quần áo rồi. Chúng ta tìm thấy viên đạn, một khẩu súng nhỏ ông ấy chắc hẳn đã mang theo, một vài đồng tiền vàng và chiếc nhẫn với từ... Đó là từ gì nhỉ Mel?”

“Winskieskie.” Anh giơ chiếc túi nhựa với chiếc nhẫn vàng bên trong. Bên trên chữ khắc là một bản lý lịch của một người da đỏ.

Cooper đã nhanh chóng tìm ra nghĩa của từ đó là “người gác cửa” hay “người giữ cửa” trong ngôn ngữ người da đỏ ở tiểu bang Delaware. Đây có thể là tên của người đàn ông đã chết này, mặc dù cấu trúc xương sọ cho thấy ông ta không phải một người Mỹ chính gốc. Rhyme cảm thấy rằng nó giống với kiểu khẩu hiệu của một hội kín, trường học hoặc một tổ chức và Cooper đã gửi email để nhờ một số nhà nhân chủng học và các chuyên gia về lịch sử để xem liệu họ có biết cái từ đó không.

“Charles không làm điều đó”, hậu duệ của ông ta nói với một giọng sụt sùi. “Ông ấy không thể giết hại một ai cả.”

“Viên đạn được bắn vào trước trán ông ấy”, Rhyme nói. “Không phải từ đằng sau. Và khẩu Derringer - khẩu súng mà Sachs tìm thấy trong giếng có thể thuộc về nạn nhân. Điều này gợi ý cho thấy phát đạn có thể là để tự vệ.”

Dù cho sự thật vẫn còn đó là Charles đã tự nguyện đi tới quán rượu với khẩu súng, ông ấy chắc cũng đã tiên liệu trước cuộc ẩu đả.

“Đáng lẽ ra cháu không bao giờ nên bắt đầu những điều này ngay từ đầu”, Geneva lầm bầm. “Thật là ngu ngốc. Cháu thậm chí không hề thích quá khứ. Nó thật là vô nghĩa. Cháu ghét nó.” Cô bé quay lưng và chạy vào hành lang, rồi lên tầng.

Sachs đi theo rồi trở lại vài phút sau đó. “Cô bé đang đọc sách. Nó nói muốn được ở một mình. Tôi nghĩ rằng nó sẽ ổn thôi.” Dù sao, giọng của cô vẫn không có vẻ nào là chắc chắn cả.

Rhyme xem xét những thông tin về hiện trường lâu đời nhất anh từng làm việc - một trăm bốn mươi năm. Tất cả mục đích của cuộc tìm kiếm là để tìm ra điều gì đó có thể đưa họ tới bất cứ kẻ nào có thể đã thuê Nghi phạm 109. Nhưng kết quả là gần như giết chết Sachs và làm Geneva thất vọng với thông tin rằng ông tổ của cô bé đã giết một người đàn ông khác.

Anh nhìn vào bản của lá bài Người treo ngược, nhìn chăm chăm một cách điềm tĩnh, bình thản trên chiếc bảng bằng chứng, chế nhạo sự thất bại của Rhyme.

Cooper nói: “Này, có gì đó đấy”. Anh đang nhìn vào màn hình máy tính của mình.

“Cái từ winskieskie ấy hả?”, Rhyme hỏi.

“Không. Nghe này. Câu trả lời cho cái chất huyền bí của chúng ta - cái mà Amelia tìm thấy ở nơi ẩn náu của hung thủ trên phố Elizabeth và gần nhà bà cô của Geneva. Cái chất lỏng ý.”

“Cuối cùng thì cũng có. Nó là cái quỷ gì vậy? Có phải độc chất toxin không?” Rhyme hỏi.

“Hung thủ của ta có đôi mắt khô và hay rất”, Cooper nói.

“Gì cơ?”

“Đó là Murine.”

“Thuốc nhỏ mắt á?”

“Đúng vậy. Thành phần giống hệt.”

“Được rồi. Thêm điều đó vào bảng”, Rhyme yêu cầu Thom. “Có thể chỉ là tạm thời thôi - bởi hấn đã phải làm việc với acid. Trong trường hợp này, thì có vẻ không có nhiều tác dụng. Nhưng nó có thể là bệnh kinh niên. Như thế thì tốt.”

Nhà tội phạm học thích những tên hung thủ mắc bệnh hoặc tật về thể chất. Rhyme có hẳn một chương riêng trong quyển sách về việc lần tìm dấu vết người khác thông qua đơn thuốc hoặc những loại thuốc được bán không cần đơn, những kim tiêm đã được sử dụng bị vứt bỏ, kính đeo mắt được chỉ định của bác sĩ, những dấu giày đặc trưng từ các nghi phạm có vấn đề về phẫu thuật chỉnh hình...

Đó là lúc điện thoại của Sachs đổ chuông. Cô nghe một lúc. “Được rồi. Tôi sẽ ở đó mười lăm phút nữa.” Nữ cảnh sát tắt máy, nhìn Rhyme. “Chà, chuyện này thú vị đây.”

28. Chương 28

Khi Amelia Sachs bước vào Khoa chăm sóc đặc biệt của bệnh viện Columbia - Presbyterian, cô nhìn thấy những hai Pulaski.

Một đang nằm trên giường, được băng kín bởi những chiếc bông băng, gạc và nhét chằng chịt những ống nhựa trong suốt nhìn nổi da gà. Đôi mắt vẫn còn lơ đãng, miệng thì há ra.

Người còn lại ngồi bên cạnh giường, lúng túng trên chiếc ghế nhựa không được thoải mái lắm. Cũng với mái tóc vàng, khuôn mặt trẻ măng, trong cùng bộ quần phục phẳng phiu màu xanh da trời của NYPD mà Ron Pulaski vẫn mặc khi Sachs tuyển anh ta vào đội ở trước bảo tàng Mỹ - Phi ngày hôm qua và nói với anh cần chú ý tới cái đồng r

Cần bao nhiêu đường?...

Cô chớp mắt nhìn vào hình ảnh như trong gương.

“Tôi là Tony. Anh trai của Ron. Chắc là cô cũng đã đoán ra rồi?”

“Chào, Thanh tra”. Ron gượng dậy. Giọng của anh không ổn lắm. Nó mềm yếu và thều thào.

“Cậu cảm thấy thế nào rồi?”

“Geneva thế nào rồi?”

“Con bé ổn. Tôi chắc chắn là cậu đã nghe nói rồi - chúng tôi đã ngăn hấn ở nhà bà cô của cô bé nhưng hấn đã trốn thoát... Cậu có đau không? Hấn là phải đau lắm.”

Anh hất đầu về phía chai nước truyền. “Món súp hạnh phúc... Chẳng cảm thấy gì hết.”

“Cậu ấy sẽ ổn thôi.”

“Tôi sẽ ổn thôi.” Ron lặp lại lời anh trai mình. Hít một vài hơi thật sâu, nháy nháy mắt.

“Một tháng hoặc hơn”, Tony giải thích. “Một vài liệu trình. Cậu ấy sẽ trở lại làm nhiệm vụ. Một vài vết rạn. Không có nhiều tổn thương bên trong. Sợ đây. Như bố vẫn hay nói.”

“Sợ.” Ron cười nhún nhử.

“Hai người cùng học trong học viện với nhau?” Cô kéo một cái ghế và ngồi xuống.

“Đúng vậy.”

“Các cậu ở khu nào?”

“Khu số 6”, Tony trả lời.

Khu số 6 nằm ở trung tâm phía tây Làng Greenwich. Không có nhiều vụ lộn xộn hay cướp xe hoặc ma túy. Hầu hết là đột nhập trộm cướp, bạo lực giữa các cặp đồng giới và những sự vụ do những nhà văn và nghệ sĩ bị rối loạn cảm xúc. Khu số 6 cũng là trụ sở của Đội phòng chống bom mìn.

Tony run lên, và cả giận dữ nữa. “Gã đó vẫn đánh cậu ấy, ngay cả khi nó đã gục xuống rồi. Hắn không cần thiết phải làm thế.”

“Nhưng có thể”, Ron nói nói lấp bắp. “Nó làm mất thời gian... hắn đã mất nhiều thời gian với tôi hơn. Nên hắn không... hắn không chớp được cơ hội tốt nhất theo sau Geneva.”

Sachs mỉm cười. “Cậu thuộc kiểu một người lạc quan.” Cô không nói với cậu ta rằng cậu ấy đã bị đánh gần như đến chết chỉ đơn giản để Nghi phạm 109 có thể sử dụng v khẩu súng của cậu và thu hút sự chú ý của họ.

“Tôi cho là thế. Cảm ơn Geneva... hộ tôi. Vì quyền sách.” Anh ta thậm chí còn chẳng thể xoay nổi đầu mình nhưng đôi mắt lại trượt về hướng chiếc bàn cạnh giường, chỗ quyển sách Giết con chim nhại nằm. “Tony đang đọc nó cho tôi nghe. Anh ấy thậm chí còn có thể đọc các chỗ chơi chữ nữa.”

Anh trai của cậu cười. “Đồ ngốc.”

“Vậy cậu có thể nói gì với chúng tôi không, Ron? Gã này khá thông minh và vẫn đang lang thang bên ngoài. Chúng ta cần một cái gì đó để có thể sử dụng.”

“Tôi không biết, thưa b... Tôi không biết, thưa Thám tử. Tôi chỉ đang đi tuần trong con hẻm. Hắn nấp khi tôi muốn... khi tôi đi về con phố. Đi ngược lại phía sau, con hẻm... Tôi đã không nghĩ là há... Hắn. Hắn ở quanh cái góc, cửa tà... cô biết đấy, tòa nhà. Tôi đi tới khúc cua. Tôi thấy hắn đeo cái mặt nạ như kiểu mặt nạ trùm trượt tuyết. Và rồi là thế này đây. Cây dùi cui, quá nhanh. Thực sự không thể nhìn thấy. Hắn đã làm tốt điều đó.” Anh nhấp nháy mắt một lần nữa, rồi nhắm mắt. “Bất cần. Nà... Là đứng quá gần bức tường. Không bao giờ như vậy nữa.”

Cậu đã không biết. Giờ thì biết rồi.

“Một tiếng rít.” Cậu ấy co rúm lại.

“Em không sao chứ?”, Ron hỏi.

“Em không sao.”

“Một tiếng rít?”, Sachs khuyến khích, nhích chiếc ghế của cô tới gần hơn.

“Gì cơ?”

“Cậu nghe thấy một tiếng rít lên.”

“Vâng, tôi nghe thấy tiếng ấy, thưa bà. Không phải ‘thưa bà’. Thám tử.”

“Không sao cả, Ray. Gọi tôi thế nào cũng được. Cậu có nhìn thấy bất cứ gì không? Bất cứ thứ gì sau đó?”

“Vật này. Giống như một cây gậy. Không, không phải là Người dơi và Robin. Ha. Mà là một chiếc gậy đánh bóng chày. Đập ngay vào mặt tôi. ồ, tôi đã nói điều này rồi. Và tôi ngã xuống. Ý tôi là, thưa thám tử. Không phải ‘Thưa bà’.”

“Được mà Ron. Rồi sau đó cậu nhớ gì không?”

“Tôi không biết. Tôi chỉ nhớ mình nằm trên đất. Nghĩ... Tôi nghĩ rằng hắn lấy vũ khí của mình. Tôi cố gắng để giữ khẩu súng của mình. Nà... Là trong quyển sách. Không được để vuột mất nó. ‘Luôn luôn kiểm soát vũ khí của mình’. Nhưng t không làm được. Hắn đã lấy được nó. Tôi đã chết. Tôi biết là tôi đã chết hẳn rồi. ”

Cô khuyến khích một cách nhẹ nhàng: “Cậu có nhớ đã nhìn thấy gì nữa không?”.

“Một mớ lộn xộn.”

“Một cái gì cơ?”

Anh ta cười. “Ý tôi không phải là một mớ lộn xộn. Một hình tam giác. Một cái hộp các tông. Nằm trên đất. Tôi không thể cử động. Đó là tất cả những gì tôi có thể nhìn thấy.”

“Và cái thùng các tông này. Nó là của hung thủ à?”

“Cái hình ta... giác? Không, ý tôi là, hình tam giác. Không, nó chỉ là rác mà thôi. Ý tôi, đó là tất cả những gì tôi có thể thấy. Tôi cố gắng bò. Tôi không nghĩ là mình đã làm được thế.”

Sachs thở dài: “Cậu được tìm thấy đang nằm sắp trên đất, Ron”.

“Tôi đã...? Nằm úp xuống?”

“Nghĩ lại xem. Cậu có nhìn thấy trời không?”

Anh liếc mắt.

Trái tim cô đập nhanh hơn. Liệu cậu ta có nhìn thấy gì không?

“Má...”

“Gì cơ?”

“Má... ở trong mắt tôi sau đó.”

“Máu?”, anh trai cậu ta gợi ý.

“Đúng rồi. Máu. Không thể nhìn thấy gì sau đó. Không hình tam giác, không tòa nhà. Hắn đã đánh tôi.

Hắn ở quanh tôi một lúc. Rồi tôi không nhớ thêm gì khác nữa.”

“Hắn đã ở gần? Gần thế nào?”

“Tôi không biết. Không quá gần. Không thể nhìn thấy. Có quá nhiều máu.”

Sachs gạt đầu. Chàng cảnh sát tội nghiệp có vẻ quá mệt mỏi. Hơi thở của cậu ta khó nhọc, đôi mắt lơ đãng hơn lúc cô mới đến. Cô đứng dậy. “Tôi sẽ đi để cậu ấy nghỉ ngơi vậy.” Cô hỏi: “Cậu đã nghe tới Terry Dobyns?”.

“Không. Có phải là cậu ta... Ai cơ?” Chàng cảnh sát đang nằm trên giường bệnh nhăn mặt. “Đó là ai?”

“Nhà tâm lý học của sở.” Cô nhìn Ron với một nụ cười. “Việc này sẽ lôi cái sự cứng nhắc của cậu ra một thời gian. Cậu nên nói chuyện với anh ấy về việc này. Đó là một người đàn ông. Anh ấy sẽ chịu trách nhiệm.”

Ron nói: “Không cần phải...”.

“Cảnh sát tuần tra Ronald Pulaski?”, cô nói một cách nghiêm nghị.

Cậu ta nhướn mày, rụt lại.

“Đây là mệnh lệnh.”

“Vâng, thưa bà. Ý tôi là... Thưa bà.”

Anthony nói: “Tôi sẽ chắc chắn là cậu ấy làm như vậy”.

“Cô sẽ cảm ơn... Geneva hộ tôi chứ? Tôi thích cuốn sách đó.”

“Tôi sẽ làm thế.” Sachs quăng chiếc túi lên vai và bắt đầu bước ra cửa. Vừa bước qua ngưỡng cửa cô dừng lại đột ngột, quay lại. “Ron?”

“Gì vậy?”

Cô quay trở lại bên giường cậu ta, ngồi xuống một lần nữa.

“Cậu nói hung thủ đã ở quanh cậu một vài phút.”

“Đúng.”

“Nếu như cậu không thể thấy hắn, với máu đầy trong mắt. Sao cậu có thể biết là hắn ở đó?”

Chàng cảnh sát trẻ cau mày. “À... Vâng. Có một điều tôi quên không nói.”

“Hung thủ của chúng ta có một thói quen, Rhyme.” Amelia Sachs đã quay lại phòng thí nghiệm.

“Đó là gì vậy?”

“Hắn huyết sáo.”

“Gọi taxi?”

“Nhạc. Pulaski đã nghe thấy. Sau khi cậu ấy bị đánh cú đầu tiên và nằm trên sàn, hung thủ đã lấy vũ khí, rồi, em đoán là, mất vài phút để ghép viên đạn vào điều thuốc. Trong khi làm điều đó, hắn đã huyết sáo. Rất nhẹ nhàng, Ron nói, nhưng cậu ấy chắc chắn rằng hắn huyết sáo như vậy.”

“Không kể chuyên nghiệp nào huyết sáo khi đang làm việc.” Rhyme nói.

“Anh không nghĩ thế được. Nhưng em cũng nghe thấy thế nữa. Ở nơi ẩn nấp của hắn trên phố Elizabeth. Em đã nghĩ rằng đó là tiếng đài hoặc gì đó - hắn thổi khá tốt.”

“Chàng lính trẻ sao rồi?”, Sellito hỏi. Anh không còn chà tay lên vết máu vô hình trên mặt nữa nhưng vẫn khá lo lắng.

“Họ nói cậu ấy sẽ ổn thôi. Một tháng trị liệu hoặc hơn. Tôi đã bảo cậu ta gặp Terry Dobyns. Ron không muốn thế lắm nhưng anh trai cậu ta ở đó. Anh ta sẽ chăm sóc cậu ấy. Đó cũng là một cảnh sát. Một cặp song sinh giống nhau như đúc.”

Rhyme không ngạc nhiên lắm. Phục vụ trong các lực lượng thường có nhiều thành viên cùng một gia đình. “Cốm” có thể là tên của một loại gen trong con người.

Nhưng Sellito thì lại lắc đầu trước thông tin về người anh em. Anh ta có vẻ cảm thấy đau khổ hơn, như thể đó là lỗi của anh ta về việc cả gia đình đã bị ảnh hưởng bởi vụ tấn công.

Dù sao, vẫn không có thời gian để giải quyết vấn đề của anh ta. Rhyme nói: “Được rồi. Chúng ta có một vài thông tin mới. Hãy đưa nó lên để sử dụng”.

“Như thế nào?”, Cooper hỏi.

“Vụ giết hại Charlie Tucker vẫn là manh mối gần nhất mà chúng ta đang giữ, có vẻ liên quan tới Ngải 109. Nên, rõ ràng là”, nhà tội phạm học thêm vào: “Chúng ta sẽ gọi cho Texas”.

“Còn nhớ Alamo chứ”, Sachs gợi ý và nhấn vào nút loa ngoài trên điện thoại.

Bảng bằng chứng:

Hiện trường quán Potter's Field (1868)

+ Một quán rượu ở Gallows Heights - trên con phố 80 ở Upper West Side, vào khoảng những năm 1860.

+ Potter's Field có khả năng là nơi tụ tập của Boss Tweed và các chính trị gia tham nhũng của New York.

+ Charles đến đây vào ngày 15 tháng 7 năm 1868.

+ Bị đốt cháy sau một vụ nổ, được phỏng đoán là ngay sau chuyến viếng thăm của Charles. Để che giấu bí mật của ông ấy?

+ Xác ở dưới tầng hầm, đàn ông, được phỏng đoán bị Charles Singleton giết.

- Phát bắn vào trán bởi khẩu Navy Colt 36 ly được nạp đạn 39 ly (loại súng mà Charles sở hữu)

- Những đồng tiền vàng.> - Người đàn ông bị giết có một khẩu Derringer.

- Không có danh tính.

- Có chiếc nhẫn khắc “Winskmskie”.

- Nghĩa là “người canh cửa” hoặc “người gác cổng” theo ngôn ngữ Delaware của người da đỏ.
- Hiện đang tìm các nghĩa khác.

Hiện trường đông Harlem (Căn hộ của bà cô Geneva)

- + Sử dụng điều thuốc và viên đạn cỡ 9 mm như một thiết bị nổ nhằm đánh lạc hướng cảnh sát. Hiệu Merit, không lần dấu vết được.
 - + Các dấu vết để lại: Không. Chỉ có dấu găng tay.
 - + Thiết bị khí độc:
 - Lọ thủy tinh, viên bọc lá kim loại, chân nến. Không lần được dấu vết.
 - Cyanide và acid sulfuric. Không có nhãn hiệu. Không lần được.
 - * Chất lỏng trong suốt giống những gì tìm thấy trên căn hộ ở phố Elizabeth.
 - Được xác định là Murine.
 - Các mảnh màu cam nhỏ. Như ở công trường xây dựng hoặc các công nhân thi công đường cao tốc?
- Ngôi nhà an toàn trên phố Elizabeth của hung thủ:

- + Sử dụng bẫy điện.
- + Dấu tay: Không. Chỉ có dấu găng tay.
- + Camera và màn hình an ninh: K
- + Bộ bài tarot, thiếu lá số mười hai; không có manh mối.
- + Bản đồ chi tiết bảo tàng nơi Geneva bị tấn công và các tòa nhà bên kia con phố.
- + Dấu vết:
 - Falafel và sữa chua.
 - Các mẫu gỗ lấy ra từ mặt bàn làm việc với vệt acid sulfuric tinh chất.
 - Chất lỏng trong suốt, không phải chất nổ. Gửi tới phòng thí nghiệm của FBI.
- * Xác định là Murine.
- * Nhiều sợi vải từ dây thừng hơn. Thừng thắt cổ
- + Carbon nguyên chất tìm thấy trên tấm bản đồ.
- + Ngôi nhà được thuê bằng tiền mặt, với cái tên Billy Todd Hammil. Khớp với miêu tả của Nghi phạm 109, nhưng không có manh mối nào liên quan tới cái tên Hammil trên thực tế.

Hiện trường Bảo tàng Mỹ - Phi

- + Gói đồ hiếp dâm:
 - Lá bài tarot, số mười hai trong bộ bài, Người treo ngược, có nghĩa là sự tìm kiếm tâm linh.
 - Chiếc túi có hình mặt cười.
 - Quà chung chung để lần tìm.
 - Dao rọc giấy.
 - Bao cao su Trojan.
 - Băng dính.
 - Dầu thơm mùi hoa nhài.
 - Vật không rõ giá 5,95 đô. Có khả năng là chiếc mũ trùm.

- Hóa đơn, cho thấy cửa hàng nằm ở thành phố New York, cửa hàng tạp hóa giảm giá hoặc một hàng được phẩm.
- Nhiều khả năng được mua từ một cửa hàng trên phố Mulberry, Little Italy. Hung thủ được nhận dạng bởi nhân viên bán hàng.
- + Dấu tay:
 - Nghi phạm đeo găng tay cao su.
 - Dấu tay trên gói đồ thuộc về một người có bàn tay nhỏ, không có dữ liệu trong hệ thống IAFIS. Nhiều khả năng là của nhân viên bán hàng.
- + Dấu vết:
 - Sợi thun vải bông, một vài có vết máu người. Dây để thắt cổ?
 - Gửi tới CODIS.
 - * Không tìm thấy DNA trùng khớp ở CODIS.
 - Bông ngô và kẹo bông với những dấu vết nước dãi chó.
- + Vũ khí:
 - Dùi cui hoặc một chiếc côn.
 - Khẩu súng có ổ thuốc lớn, hạt kích nổ vành, kiểu súng ngắn Quân đội Bắc Mỹ 22 ly, loại Black Widow hoặc Minimaster.
 - Đạn tự chế, đầu đạn chứa những chiếc kim. Không thấy dữ liệu trong IBIS hay DRUGFIRE.
- + Đ
 - Chưa chắc chắn. Hiếp dâm chỉ là động cơ giả.
 - Động cơ thật sự có thể là để lấy đi tấm vi phim của bài báo trên tờ Tuần báo Minh họa dành cho người da màu ngày 23 tháng 7 năm 1868, và giết Geneva Settle vì việc cô quan tâm tới bài báo này vì một lý do chưa biết. Bài báo viết về người tổ tiên của Geneva tên là Charles Singleton. (Xem thông tin bên biểu đồ bên cạnh.)
 - Người thủ thư - nạn nhân bị giết báo rằng có một ai đó muốn được xem bài báo.
 - Yêu cầu có được nhật ký cuộc gọi của người thủ thư để kiểm tra điều này.
 - * Không có manh mối nào.
 - Yêu cầu cần có thông tin từ những nhân viên thư viện hoặc với những người mong muốn được thấy câu chuyện.
 - Không có manh mối nào.
 - Tìm kiếm bản của bài báo.
 - Một vài nguồn báo cáo về một người đàn ông yêu cầu cùng một bài báo. Không manh mối nào được xác nhận. Phần lớn các ấn bản đều đã mất hoặc bị phá hủy. Xác định được vị trí một ấn bản. (Xem biểu đồ bên cạnh.)
 - Kết luận: Geneva Settle vẫn còn trong tình trạng nguy hiểm.
 - Động cơ có thể để giữ kín thực tế là ông tổ của Geneva phát hiện ra Tu chính án số 14 trình lên Quốc hội Mỹ không có hiệu lực, đe dọa tới hầu hết quyền công dân Mỹ và các điều luật về tự do công dân.
- + Hồ sơ các vụ việc gửi tới VICAP và NCIC.
 - Nạn nhân là một nhân viên coi ngục đã nghỉ hưu.
 - Bức ảnh từ máy tính được gửi tới nhà tù Texas.

* Chưa được nhận diện

- Vụ giết người ở Ohio, ba năm về trước. Cũng có hiện trường được làm giả (làm như đó là một vụ tấn công tình dục đồng giới, nhưng động cơ thật sự là được thuê giết). Hồ sơ bị thất lạc.

Hồ sơ về Nghi phạm 109

+ Nam da trắng.

+ 1m85 gần 90 kg.

+ Giọng trung.

+ Sử dụng điện thoại để tiếp cận nạn nhân.

+ Mang một chiếc giày Bass cỡ 11 màu nâu sáng, khoảng ba năm hoặc hơn. Bàn chân phải hơi hướng ra ngoài.

+ Mùi hoa nhài.

+ Quần tối màu.

+ Đeo mũ trùm, màu tối.

+ Sẽ nhắm vào những người vô tội để tạo cơ hội hạ gục nạn nhân và trốn thoát.

+ Nhiều khả năng là một kẻ giết thuê.

+ Nhiều khả năng là một cựu phạm nhân ở Amarillo, TX.

+ Có giọng miền Nam.

+ Mái tóc màu nâu sáng, được chải chuốt chỉnh tề, râu cạo sạch sẽ.

Không đặc biệt, nổi bật.

+ Được thấy mặc một chiếc áo mưa tối màu.

+ Không phải một người hay hút thuốc.

+ Một công nhân xây dựng?

+ Sử dụng Murine.

+ Hay huyết sáo.

Hồ sơ về kẻ thuê Nghi phạm 109

+ Chưa có thông tin gì lúc này.

Hồ sơ về kẻ đồng phạm Nghi phạm 109

+ Nam, da đen.

+ Cuối ba mươi, đầu bốn mươi.

+ Cao khoảng mét tám.

+ Thân thể khỏe mạnh cường tráng.

+ Mặc chiếc áo dã chiến màu xanh.

+ Từng là phạm nhân.

+ Chân khập khiễng.

+ Được báo cáo có mang súng.

+ Râu được cạo sạch sẽ.

+ Đeo chiếc khăn trùm đầu màu đen.

- + Đang đợi thêm các nhân chứng và băng ghi hình an ninh.
- Băng ghi hình chưa rõ ràng, được gửi tới phòng thí nghiệm để phân tích.
- + Giày lao cũ kỹ.

Hồ sơ về Charles Singleton

- + Cựu nô lệ, tổ tiên của Geneva Settle. Có gia đình, một con trai. Được ông chủ cho một vườn cây ở tiểu bang New York. Làm việc với vai trò một thầy giáo. Tham gia vào cuộc vận động vì dân quyền từ rất sớm.
- + Charles bị cho là đã thực hiện một vụ ăn trộm năm 1868, chủ đề của bài báo trong tấm vi phim bị lấy trộm.
- + Có một bí mật chưa được hé lộ. Lo lắng rằng sẽ gây ra thảm kịch nếu bí mật bị hé lộ.
- + Tham gia vào các buổi họp bí mật ở Gallows Heights gần New York.
- + Dính líu tới những hoạt động mạo hiểm?
- + Làm việc với Frederick Douglass và những người khác liên quan tới Tu chính án số 14 trình Thượng viện để được phê chuẩn.
- + Vụ án, theo tờ Tuần báo Minh họa dành cho người da màu:
- + Charles bị bắt bởi Thám tử William Simms vì ăn trộm một lượng lớn từ Quỹ Nô lệ tự do ở New York. Đột nhập vào kết, nhân chứng nhìn thấy ông ta rời khỏi đó nhanh chóng. Dụng cụ dùng để gây án được tìm thấy ở gần đó. Phần lớn tiền đã được tìm lại. Bị tuyên án năm năm tù. Không có thông tin gì sau khi bị tuyên án. Bị cho là tận dụng quan hệ với những nhà lãnh đạo trong cuộc vận động dân quyền thời gian đầu để tiếp cận Quỹ.
- + Thư của Charles:
 - Bức thư thứ nhất, gửi tới vợ: về cuộc khởi nghĩa chống quân dịch năm 1863, sự chống lại người da đen ở khắp tiểu bang New York, hành hình, đốt phá. Nguy cơ ảnh hưởng tới tài sản mà người da đen sở hữu.
 - Bức thư thứ hai, tới vợ: Charles trong trận chiến ở Appomattox vào giai đoạn cuối cuộc Nội chiến.
 - Bức thư thứ ba, tới vợ: Tham gia vào cuộc vận động quyền dân sự. Bị đe dọa vì công việc của mình. Đau khổ với bí mật.
 - Bức thư thứ tư, tới vợ: Đi tới Potter's Field với khẩu súng vì "công lý". Kết quả thảm khốc. Sự thật hiện đang nằm sâu dưới quán Potter's Field. Bí mật là tất cả những gì khiến ông ấy đau khổ.

"A lô?"

"Xin chào, J.T. Đây là Lincoln Rhyme từ New York." Nói chuyện với một ai đó bằng tên viết tắt và sống ở bang Ngôi sao cô đơn - chưa kể đến giọng nói khề khà của anh ta - khiến ta thiên về việc bỏ những từ như "này", và "nghe này" trong câu nói của mình.

"À, vâng thưa ngài, mọi việc thế nào rồi? Tôi đã đọc về ngài từ sau khi chúng ta nói chuyện lần trước. Không hề biết rằng ngài là người nổi tiếng."

"Ồ, chỉ là một cựu đầy tớ của nhân dân thôi mà", Rhyme nói với sự khiêm nhường mà nghe giống như một cái lon thiếc đã xỉn. "Không có gì hơn kém cả. Có gì khả quan hơn với bức ảnh chúng tôi gửi cho anh không?"

"Tôi rất tiếc, thám tử Rhyme. Sự thật là, hấn nhìn giống với một nửa số gã da trắng đã rời khỏi đây. Hơn nữa, chúng tôi cũng như hầu hết các nhân viên quân giáo khác - thay đổi nơi làm việc xoành xoạch. Không có một nhân viên nào vẫn còn ở đây từ lúc Charlie Tucker bị giết."

"Chúng tôi có thêm một ít thông tin về hấn. Nó có thể giúp loại bớt danh sách. Anh đợi một chút chứ?"

"Vâng, cứ tự nhiên."

“Hắn có thể có vấn đề về mắt. Hắn sử dụng Murine thường xuyên. Nó có thể là mới đây nhưng có thể hắn làm như vậy khi còn là tù nhân ở đó. Và chúng tôi cho rằng hắn có thể có thói quen huyết sát.”

“Huyết sát? Như kiểu thấy một người phụ nữ hay những gì đại loại như vậy ư?”

“Không, huyết một giai điệu. Một bài hát.”

“À. Được rồi. Đợi một chút xem.” Năm phút dài như chưa từng có cho đến khi anh ta quay lại. “Rất tiếc. Không có ai nhớ gì về kẻ nào huyết sát, hay có mắt kém, không đặc biệt lắm. Nhưng chúng tôi sẽ tiếp tục tìm kiếm.”

Rhyme cảm ơn và ngắt máy rồi nhìn vào tấm bảng bằng chứng với sự bất lực. Đầu những năm 1900, một trong những nhà tội phạm học vĩ đại nhất từng sống, Edmond Locard của Pháp, đã tìm ra một phương pháp - một nguyên tắc mà ông gọi là nguyên lý trao đổi, nói rằng ở mỗi một hiện trường có một vài sự trao đổi bằng chứng, tuy nhiên chỉ trong thời gian ngắn, giữa tên tội phạm và hiện trường hoặc nạn nhân. Tìm ra bằng chứng đó là mục tiêu của một thám tử điều tra pháp y. Tuy nhiên, nguyên lý của Locard không thể tiếp tục bảo đảm rằng việc hình thành đơn giản của liên kết đó có thể đưa ta tới trước cửa nhà hung thủ.

Anh thở dài. Chúng ta đã biết rõ đây sẽ là một cuộc chiến dài mà. Họ có gì? Một bức vẽ mơ hồ từ máy tính, một đôi mắt có lẽ có vấn đề, một điều có thể là thói quen, một mối thù với người bảo vệ nhà tù.

Còn gì nữa?

Rhyme cau mày. Anh đang nhìn chăm chăm vào lá bài thứ mười hai trong bộ bài tarot.

Người treo ngược không liên quan, ám chỉ đến một ai đó đang bị trừng phạt...

Có thể không, nhưng nó vẫn miêu tả một người đàn ông lủng lẳng trên chiếc giá treo cổ.

Có điều gì đó nảy lên trong đầu anh. Anh nhìn lên bảng bằng chứng một lần nữa. Để ý thấy: cái dùi cui, dòng điện gắn với cửa căn hộ trên phố Elizabeth, thiết bị khí độc, những mảnh đạn trong tim, vụ án hành hình Charlie Tucker, những sợi vải của dây thừng với các vết máu...

“Ôi! Chết tiệt!”, anh đã phát hiện ra.

“Lincoln? Có vấn đề gì vậy?”, Cooper nhìn sếp của mình, lo lắng.

Rhyme hét lên: “Lệnh, gọi lại!”.

Chiếc máy tính phản ứng trên màn hình: Tôi không hiểu ngài vừa nói gì. Ngài muốn tôi làm gì?

“Quay lại số.”

Tôi không hiểu ngài nói gì.

“Chết tiệt! Mel, Sachs... Ai đó nhấn nút gọi lại đi.” Cooper làm theo và một vài phút sau nhà tội phạm học đã nói chuyện với người cai ngục ở Amarillo một lần nữa.

“J.T., là tôi Lincoln.”

“Vâng, thưa ngài?”

“Quên những tù nhân đi. Tôi muốn biết về những người gác hoặc bảo vệ.”

“Bảo vệ?”

“Một ai đó từng là nhân viên ở đó. Với các vấn đề về mắt. ýt sát. Và hắn có thể đã từng làm việc ở khu Tử hình trước hoặc trong thời gian Tucker bị giết.”

“Tất cả chúng ta đều không nghĩ tới nhân sự của mình. Và, một lần nữa, phần lớn nhân sự của chúng tôi không ở đây từ năm, sáu năm trước. Nhưng đợi một chút. Để tôi đi hỏi xem sao.”

Hình ảnh của Người treo ngược đã mang ý tưởng ấy đến với Rhyme. Anh để ý đến cách thức và vũ khí mà Nghi phạm 109 đã sử dụng. Đó là các biện pháp hành hình: khí xyanua, điện, treo cổ, bắn một chùm đạn

vào tim, giống như đội bắn. Và vũ khí của hắn để hạ gục những nạn nhân là một thanh dùi cui, giống như cái mà một người cai tù mang theo.

Một lát sau anh nghe thấy: “Đây, thưa Thám tử

Rhyme!”.

“Nói tiếp đi, J.T.!”

“Khá chắc chắn, một người đã nói nghe quen quen. Tôi đã gọi cho một nhân viên bảo vệ đã nghỉ hưu, làm việc ở bộ phận hành hình. Tên là Pepper. Ông ấy đã đồng ý đến văn phòng và nói chuyện với ngài, sống gần đây thôi. Sẽ có mặt sau vài phút. Chúng tôi sẽ gọi lại cho ngài ngay.”

Một cái nhìn khác vào lá bài tarot.

Một sự thay đổi về phương hướng...

Mười phút dài không thể chịu đựng được sau khi điện thoại reo.

Họ nhanh chóng giới thiệu. Nhân viên sở Pháp lý Texas đã nghỉ hưu, Halbert Pepper nói với giọng khề khà mà khiến cho tiếng của J.T. Beauchamp nghe như là tiếng Anh - Anh vậy. “Tôi nghĩ là có thể giúp đỡ chút gì đó.”

“Nói tôi biết”, Rhyme nói.

“Cho đến cách đây khoảng năm năm, chúng tôi có một nhân viên kiểm soát hành hình khớp với người mà các ngài miêu tả cho J.T. Có vấn đề với mắt và anh ta say mê thổi sáo. Tôi đã chuẩn bị nghỉ hưu nhưng vẫn làm cùng anh ta một thời gian.”

“Đó là ai?”

“Anh ta tên là Thompson Boyd.”

29. Chương 29

Qua loa điện thoại, Pepper đang gì thích:

“Boyd lớn lên như vậy. Cha là một thợ khoan dầu...”.

“Dầu?”

“Làm việc trên những khu mỏ. Vâng, thưa ngài. Mẹ thì ở nhà. Không có anh chị em nào khác. Một tuổi thơ bình thường, có vẻ thế. Khá là êm đềm. Hắn luôn kể về gia đình mình, rất yêu thương họ. Làm rất nhiều cho mẹ của hắn, bà ta bị mất một cánh tay hoặc chân hay gì đó ở trong một cơn bão. Hắn luôn quan sát và bảo vệ bà ấy. Có lần tôi được nghe kể là một đứa nhóc trên phố trêu chọc bà ta, và Boyd đã đi theo nó, dọa sẽ thả một con rắn đuôi chuông vào giường của thằng nhóc một đêm nào đó nếu nó không xin lỗi.”

“Dù sao thì sau khi hết trung học và một hoặc hai năm học cao đẳng, hắn vào làm việc ở công ty của cha hắn một thời gian, cho đến khi họ gặp phải một đợt giảm biên chế hàng loạt. Hắn bị sa thải. Cha hắn cũng vậy. Đó là khoảng thời gian khó khăn và không thể kiếm được công việc ở quanh đây, nên hắn rời khỏi bang. Không biết là ở đâu. Kiếm được công việc ở trong một nhà tù. Bắt đầu là một người gác trại. Rồi có một vài rắc rối - nhân viên thi hành án của họ bị ốm, tôi nghĩ thế - và không có ai làm công việc đó nên Boyd nhận nó. Cái việc đốt cháy đã được thực hiện rất tốt..

“Cái gì cơ?”

“Xin lỗi, việc hành hình bằng điện được hắn thực hiện tốt đến mức họ đã nhận hắn vào công việc đó. Hắn ở lại một thời gian, nhưng lại tiếp tục đi từ bang này tới bang khác

, bởi hắn luân chuyển theo yêu cầu. Trở thành một chuyên gia trong việc thi hành án. Hắn hiểu rõ về những chiếc ghế...”

“Gh
điện?”

“Đúng vậy, giống như cái OP Sparky của chúng tôi ở đây. Một thứ khá nổi tiếng. Hắn cũng biết sử dụng khí nữa, là một chuyên gia về tháo lắp súng. Để tôi cho anh biết hắn cũng biết cách thắt một nút dây treo cổ và không có nhiều người trên nước Mỹ được cấp phép cho kiểu công việc như vậy. Công việc của một nhân viên thi hành án đang được bỏ trống và hắn nhảy vào vị trí đó. Chúng tôi đã chuyển sang tiêm thuốc độc, giống như hầu hết các nơi khác, và hắn trở thành một phù thủy với phương pháp này. Thậm chí, nghiên cứu về chúng và có thể trả lời những người phản đối. Có một vài người nói rằng sử dụng các chất hóa học rất đau đớn. Tự bản thân tôi nghĩ rằng những người bảo vệ thiên nhiên và những người theo đảng Dân chủ, không hề quan tâm tới sự thật. Điều đó thật là vớ vẩn. Ý tôi là, chúng tôi có những...”

“Về Boyd?”, Rhyme hỏi một cách thiếu kiên nhẫn.

“Vâng, thưa ngài, xin lỗi. Nên hắn đã quay trở lại đây và mọi việc ổn trong một thời gian. Không ai quan tâm tới hắn nhiều lắm. Hắn thuộc dạng kiểu như người vô hình. ‘Joe Trung bình’ là biệt danh của hắn. Nhưng sau đó có chuyện xảy ra. Có điều gì đó thay đổi. Sau một thời gian, hắn bắt đầu có biểu hiện kỳ lạ.”

“Như thế nào?”

“Càng thực hiện nhiều cuộc hành hình, hắn càng điên cuồng. Kiểu như càng ngày càng trống rỗng. Như vậy có nghĩa gì không? Giống như kiểu hắn không bình thường về mặt tâm thần. Cho anh một ví dụ nhé: Tôi đã nói với anh về việc hắn và người thân rất gần kết với nhau. Dù chuyện gì xảy ra thì họ cũng bị giết chết trong một vụ tai nạn ô tô, cả người dì của hắn nữa, và Boyd, hắn không hề chớp mắt. Hắn thậm chí còn không đi dự lễ tang. Anh có thể đã nghĩ rằng hắn đang bị sốc, nhưng không phải như vậy. Hắn chỉ đơn giản không tỏ vẻ quan tâm. Hắn vẫn tới phiên trực của mình và, khi mọi người nghe thấy, hỏi hắn đang làm gì ở đó. Phải hai ngày mới tới phiên hành hình tiếp theo. Hắn đã có thể nghỉ. Nhưng hắn không muốn thế. Hắn nói sẽ đi tới mộ của họ sau đó. Không thể biết được hắn đã từng đến hay chưa.

Thấy không, giống như là hắn ngày càng tới gần với những phạm nhân - quá gần, rất nhiều người nghĩ như vậy. Chúng ta không làm như thế. Không bình thường chút nào. Hắn không đi chơi với các nhân viên khác nữa và dành thời gian với những phạm nhân. Hắn gọi họ là “người của ta”. Hắn thậm chí từng một lần ngồi vào một chiếc ghế điện cũ của chúng tôi, cái loại ở bảo tàng ấy. Chỉ để xem nó như thế nào. Và ngủ. Tưởng tượng điều đó đi.

Có ai đó hỏi Boyd về điều này, hỏi hắn cảm thấy như thế nào khi ngồi vào trong chiếc ghế điện. Hắn nói rằng đó không giống như là không có cảm xúc. Nó chỉ giống như là kiểu ‘vô cảm’. Hắn nói thế là quá nhiều về sự kết thúc. Hắn cảm thấy không có cảm giác.”

“Ông nói là cha mẹ hắn bị giết? Hắn có chuyển về sống trong ngôi nhà của họ không?”

“Tôi nghĩ là có.”

“Liệu nó vẫn ở đấy chứ?”

Người đàn ông Texas cũng để máy ở chế độ loa ngoài và J.T. Beauchamp nói vọng ra: “Tôi sẽ tìm hiểu điều đó, thưa ngài”. Anh hỏi một ai đó. “Sẽ biết trong một vài phút nữa, ngài Rhyme.”

“Và liệu anh có thể tìm ra những người họ hàng của hắn trong khu vực không?”

“Vâng, thưa ngài.”

Sachs hỏi: “ông nhớ rằng hắn huyết sáo rất nhiều, đúng không Pepper?”.

“Vâng, thưa bà. Và hắn thực sự giỏi. Đôi khi hắn hát

cho những phạm nhân một hay hai bài để ‘tiễn họ đi’.”

“Về đôi mắt của hắn thì sao?”

“Cũng vậy”, Pepper nói. “Thompson có đôi mắt không được khỏe mạnh lắm. Chuyện là hắn thực hiện hành hình bằng điện - không phải ở đây - và có điều gì đó trở nên tồi tệ. Đôi khi xảy ra, khi ta sử dụng chiếc ghế. Ngọn lửa bắt đầu bốc lên..

“Người bị hành hình?”, Sachs hỏi, co rúm lại.

“Đúng vậy, thưa bà. Bị bốc cháy. Anh ta có thể đã chết rồi, hoặc bất tỉnh. Không ai biết. Anh ta vẫn cử động như họ thường thế. Nên Thompson bước vào với một khẩu súng hơi, sẵn sàng bắn vào người tù tội nghiệp, giải thoát cho anh ta khỏi nỗi đau đớn. Tôi phải nói với anh rằng điều đó giờ đây không còn là một phần của nghi thức. Đó là hành động giết người nếu giết một tên tử tù trước khi hắn chết dưới hình thức hành hình đã được đưa ra. Nhưng Boyd vẫn làm thế bất kể có chuyện gì đi nữa. Không thể để một trong những ‘người của hắn’ chết như thế. Nhưng ngọn lửa bùng lên. Các đồ cách ly trên dây điện hoặc nhựa hoặc gì đó bắt lửa và khói đã khiến Boyd choáng váng. Hắn đã không nhìn thấy gì trong một hay hai ngày.”

“Còn tên tử tù?”

“Thompson không cần phải bắn anh ta. Điện đã làm điều đó.”

“Và hắn rời công việc năm năm trước?”, Rhyme hỏi.

“Về điều đó”, Pepper nói với giọng rề rà. “Bỏ việc. Tôi nghĩ là hắn đi tới một nơi nào đó, một nhà tù, ở Midwest. Không bao giờ nghe thấy bất cứ thông tin gì về hắn sau đó nữa.”

Midwest - có thể là Ohio. Nơi mà một vụ giết người khác có vẻ khớp với hồ sơ xảy ra. “Gọi một ai đó ở nhà tù Ohio.” Rhyme thì thầm với Cooper, anh gạt đầu và chớp lấy một chiếc điện thoại khác.

“Thế còn Charlie Tucker, người gác bị giết? Boyd rời đi trong khoảng thời gian của vụ án phải không?”

“Vâng, thưa ngài, đúng vậy.”

“Có mối thâm thù nào giữa họ không?”

Pepper nói: “Charlie làm việc dưới quyền Thompson một năm trước khi nghỉ hưu. Charlie được chúng tôi gọi là một kẻ sùng đạo. Ông ta đôi khi có thể đọc đi đọc lại kinh thánh cho những phạm nhân, nói với họ rằng họ đang xuống địa ngục... Thompson không khoái lắm”.

“Vậy có thể Boyd giết ông ta để trả đũa việc ông ấy

khiến cuộc sống của những tù nhân trở nên đau khổ hơn.”

Người của ta...

“Có thể là như vậy.”

“Thế còn về bức tranh chúng tôi đã gửi thì sao? Đó có phải Boyd không?”

“J.T. mới vừa đưa nó cho tôi xem”, Pepper nói. “Và, đúng rồi, đó có thể là hắn. Mặc dù hắn to hơn, béo hơn, ý tôi là, lúc đó. Hắn để đầu trọc và râu dê - rất nhiều người như chúng tôi làm thế, cố để nhìn mình đáng sợ như những tên tù nhân.”

“Hơn nữa”, người bảo vệ nói: “Chúng ta đang tìm kiếm những tên tội phạm, không phải người bảo vệ”.

Đó chính là sai lầm của tôi, Rhyme nghĩ một cách bực dọc.

“Chà, khốn kiếp.” Giọng của người bảo vệ lại vang lên.

“Gì vậy, J.T.?”

“Người của tôi đi lấy hồ sơ nhân sự của Boyd. Và..”

“Nó biến mất.”

“Đúng vậy.”

“Vậy là hắn ăn trộm hồ sơ của mình để che đi mọi vấn đề liên quan tới vụ giết Charlie Tucker”, Sellito nói.

“Tôi cũng đoán vậy”, J.T. Beauchamp nói.

Rhyme lắc đầu: “Hắn lo lắng về dấu vân tay bởi trong hồ sơ hắn là nhân viên nhà nước, không phải một tên tội phạm”.

“Khoan đã”, người bảo vệ nói với giọng rề rà đặc trưng của mình. Một người phụ nữ đang nói chuyện với anh ta. Rồi anh ta quay lại với chiếc điện thoại. “Tôi vừa nghe thông tin từ một người bạn ở sở dữ liệu của hạt. Boyd đã bán ngôi nhà của gia đình hắn năm năm trước. Không mua bất cứ gì trong bang. Ít nhất là bằng tên hắn. Hắn là đã lấy tiền và biến mất... Có ai biết về các mối quan hệ khác của hắn không.”

“Tên đầy đủ của hắn là gì?”, Rhyme hỏi.

Pepper nói: “Tôi nhớ là chữ cái đầu tên đệm là G, nhưng tôi không biết là viết tắt của từ gì”. Rồi thêm vào: “Một điều tôi sẽ nói về hắn, đó là Thompson Boyd biết những gì hắn đang làm. Hắn biết rõ về EP

“EP?”

“Là Execution Protocol. Đó là quyển sách mà chúng tôi có, ghi chi tiết mọi thông tin về việc hành hình một ai đó. Hắn bắt tất cả những ai thực hiện công

việc ghi nhớ nó, và khiến họ phải vừa đi vừa học thuộc rằng, ‘Tôi phải làm theo quyển sách, tôi phải làm theo quyển sách’. Thompson luôn nói ta không bao giờ có thể đi đường tắt để chết.”

Mel Cooper đập máy.

“Ohio?” Rhyme hỏi.

Người chuyên viên gạt đầu. “Nhà tù an ninh tối đa Keegan Falls. Boyd chỉ làm việc ở đó khoảng một năm. Người bảo vệ nhớ hắn bởi vấn đề ở đôi mắt, và hấn huyết sáo. Ông ta nói Boyd đã là vấn đề ngay từ đầu. Gây gỗ, va chạm với các nhân viên gác khác về cách đối xử với tù nhân, dành rất nhiều thời gian để trò chuyện với các phạm nhân, mặc dù điều đó vi phạm với quy định. Người bảo vệ nghĩ rằng hắn đang tạo quan hệ để sau này sử dụng họ như những sát thủ.”

“Giống như móc nối với gã thuê hắn ta giết nhân chứng ở đó.”

“Có thể lắm.”

“Và bộ hồ sơ nhân viên của hắn ở đó thì sao? Cũng bị mất trộm?”

“Thất lạc, vắng. Không một ai biết hắn sống ở đâu hay bất cứ điều gì khác về hắn. Như biến mất khỏi màn hình radar.”

Joe Trung bình...

“Chà, hắn không còn thuộc về Texas hay Ohio nữa. Hắn là của chúng ta. Hãy tìm kiếm thật tỉ mỉ.”

“Đúng thế.”

Cooper chạy chương trình tìm kiếm chi tiết - các văn bản pháp lý, Cục quản lý xe cơ giới, các khách sạn, vé giao thông, thuế... tất cả mọi thứ. Trong vòng mười lăm phút, tất cả các kết quả hiện ra. Có một vài danh sách về Thompson G. Boyd và một về T. G. Boyd. Nhưng tuổi và miêu tả của họ không khớp với nghi phạm lắm. Người chuyên viên cũng đã thử vài cách đánh vần khác nhau của những cái tên này và cho ra kết quả tương tự.

“Tên thường gọi?”, Rhyme hỏi. Hầu hết các hung thủ chuyên nghiệp, đặc biệt là các sát thủ giết mướn, sử dụng tên thường gọi khác. Cái tên chúng chọn thường giống với mặt khẩu cho máy tính và tài khoản ATM - có vài biến đổi từ cái tên có ý nghĩa với hung thủ. Khi tìm ra nó là gì, ta có thể đá mình một cái vì sự đơn giản trong lựa chọn. Nhưng để đoán được những cái tên này quả là không thể. Họ vẫn thử: đảo chỗ của tên (Thompson tất nhiên là phổ biến với họ hơn).

Cooper thậm chí còn thử một phần mềm chuyên dùng đảo chữ cái để sắp xếp lại các chữ cái trong tên “Thompson Boyd”, nhưng chẳng có cái nào khớp với cơ sở dữ liệu.

Không có gì cả, Rhyme nghĩ, bực dọc trước sự bế tắc. Chúng ta biết tên, biết hắn trông như thế nào, biết hắn ở trong thành phố...

Nhưng ta chẳng thể nào tìm ra hắn.

Sachs liếc nhìn lên bảng, gõ đầu mình. Cô nói: “Billy Todd Hamil”.

“Ai?”, Rhyme hỏi.

“Cái tên mà hắn sử dụng để thuê căn hộ trên phố Elizabeth.”

“Nó thì sao?”

Cô giở lướt nhanh qua một tập giấy rồi nhìn lên.

“Chết sáu năm trước.”

“Có nói ở đâu không?”

“Không. Nhưng em cá là ở Texas.”

Sachs gọi cho nhà tù một lần nữa và hỏi về Hammil. Một lát sau cô dập máy và gật đầu. “Đây rồi. Giết một nhân viên ở cửa hàng tạp hóa mười hai năm trước. Boyd giám sát việc hành hình ông ta. Có vẻ như hắn có mối liên hệ kỳ lạ này với những người mà mình giết. Phương pháp thực hiện của hắn xuất hiện từ khi là người thi hành án. Tại sao đó không phải là tính cách của hắn?”

Rhyme không biết, hoặc không quan tâm, về “mối liên hệ kỳ lạ”, nhưng dù động cơ của Boyd là gì, có một vài logic trong gợi ý của Sachs. Anh hét lớn: “Lấy danh sách tất cả những phạm nhân hắn hành hình và so sánh nó với DMV[1]. Thử Texas trước rồi sẽ sang các bang khác”.

[1] Cơ quan điều hành giao thông các tiểu bang ở Mỹ với hai chức năng chính là thu thuế lưu thông và cấp bằng lái xe.

J.T. Beauchamp gửi họ danh sách của bảy mươi chín tù nhân mà Thompson Boyd đã hành hình dưới vai trò nhân viên thi hành án ở Texas.

“Nhiều thế sao?”, Sachs hỏi, cau mày. Dù Sachs có thể không bao giờ do dự nổ súng giết kẻ nào đó nếu cần cứu những người khác. Rhyme biết cô có một chút nghi ngờ về án tử hình bởi nó thường được đưa ra sau một vài phiên xử được dàn dựng và mắc sai lầm, thậm chí đôi khi còn cố ý thay đổi bằng chứng.

Rhyme nghĩ tới một ẩn ý khác về số vụ hành hình: ở một thời điểm nào đó trong tám mươi vụ thi hành án, Thompson Boyd đã đánh mất sự khác nhau giữa sự sống và cái chết.

Dù điều gì xảy ra thì họ đã bị giết trong vụ tai nạn ô tô... Và Boyd, hắn không hề chớp mắt. Chết tiệt, hắn thậm chí còn không tới dự đám tang.

Cooper ghép các tên của những tử tù nam bị hành hình với các ghi chép của chính phủ.

Không có gì hết.

“Khốn kiếp”, Rhyme gất gỏng. “Chúng ta sẽ phải lần ra những bang khác mà hắn làm việc và những người mà hắn hành hình ở đó. Nó sẽ vô cùng mất thời gian.” Rồi một ý tưởng này ra. “Khoan đã. Những người phụ nữ.”

“Gì cơ?”, Sachs hỏi.

“Thử tên những người phụ nữ mà hắn đã hành hình. Sự thay đổi theo các tên.”

Cooper làm thế, giới hạn lại một danh sách nhỏ hơn, cho chạy các cái tên và tất cả những cách viết có thể có, qua máy tính của cơ quan Điều hành giao thông.

“Được rồi, có thể sẽ có gì đó đây”, người chuyên viên nói một cách hào hứng. “Tám năm trước, một người phụ nữ tên là Randi Rae Silling - một ả gái điếm - đã bị hành hình ở nhà ngục Amarillo vì ăn cướp và giết hai khách hàng của ả. Cơ quan Điều hành giao thông của New York có một kết quả, trùng họ, nhưng đó

là một người đàn ông, Randy với một chữ Y và tên đệm R-A-Y. Trùng tuổi và miêu tả. Địa chỉ ở Queens - Astoria. Có một chiếc Buick Century màu xanh da trời, ba năm tuổi.”

Rhyme ra lệnh: “Đưa vài người mặc thường phục mang bức ảnh vi tính tới quanh đó để gặp vài người hàng xóm.”

Cooper gọi cho Phó thanh tra - người đứng đầu khu vực 114. Trụ sở này phụ trách khu vực Astoria, và phần lớn khu vực Greek gần đó. Anh giải thích về vụ án và gửi email bức ảnh của Boyd. Vị Phó thanh tra nói anh ta sẽ cử vài cảnh sát mặc thường phục tới để điều tra một cách khéo léo từ những người ở trong căn hộ của Randy Silling.

Trong nửa giờ căng thẳng - và không có thông tin nào từ đội lấy thông tin ở Queens - Cooper, Sachs và Sellito liên lạc với các cơ quan lưu trữ công cộng ở Texas, Ohio và New York, tìm kiếm bất cứ thông tin nào họ có thể về Boyd, Hammil hoặc Silling.

Không có gì hết.

Cuối cùng họ nhận được cuộc gọi từ viên thanh tra từ khu 114. “Đại úy?”, người đàn ông gọi. Rất nhiều sĩ quan cấp cao vẫn sử dụng chức danh cũ để gọi Rhyme.

“Chúng tôi có hai người đã xác nhận là người đàn ông này sống ở địa chỉ mà MDV cung cấp.” Anh nói. “Ngài nghĩ sao về việc ưu tiên tạo điều kiện cho chúng tôi tiếp cận, thưa ngài?”

Công lao, Rhyme thở dài. Anh không cần đến bất cứ câu trả lời mang tính đối đáp nào với cách nói quan liêu và chấp nhận bằng một câu trả lời hơi khó hiểu: “Hãy đi tóm cổ hắn lại”.

30. Chương 30

Hàng tá các nhân viên cảnh sát của lực lượng phản ứng nhanh đang di chuyển vào vị trí phía sau tòa nhà sáu tầng của Thompson Boyd trên phố 14 ở Astoria, Queens.

Sachs, Sellito và Bo Haumaiui đang đứng ở trung tâm chỉ huy được thiết lập lệnh một cách nhanh chóng đằng sau một chiếc xe tải không bị để ý của đội ESU.

“Chúng em đây, Rhyme.” Sachs thì thầm vào chiếc micro.

“Nhưng hắn có ở đó không?”, nhà tội phạm học hỏi một cách thiếu kiên nhẫn.

“Chúng ta đã đưa các cảnh sát thuộc đội Tìm kiếm và Giám sát vào vị trí... Đợi một chút. Có ai đó đang báo cáo.”

Một sĩ quan đội Tìm kiếm và Giám sát đi tới chỗ họ.

“Có nhìn được vào trong không?”, Haumann hỏi. “Không, thưa ngài. Hắn đã che kín cửa sổ trước rồi.” Viên cảnh sát trong đội thứ nhất nói rằng anh ta đã tiếp cận cửa sổ phía trước của căn hộ gần hết mức có thể; đội thứ hai thì ở ngay phía sau. Viên sĩ quan thêm vào: “Tôi có thể nghe thấy tiếng nói, tiếng nước chảy. Trẻ em, nghe có vẻ giống”.

“Trẻ con, khốn kiếp.” Haumann cầu nhàu.

“Có thể là ti vi hoặc đài. Tôi chỉ không dám nói chắc.”

Haumann gật đầu. “Trung tâm gọi đội số hai. Báo cáo.”

“Đội số hai đây. Có một vết nứt nhỏ phía sau thanh rèm - không nhiều lắm. Không có ai ở phòng ngủ phía sau cả. Tôi có thể nhìn thấy. Nhưng đó chỉ là một góc hẹp thôi. Có ánh sáng ở phía trước. Nghe thấy tiếng nói, tôi nghĩ vậy. Tiếng nhạc. Hết.”

“Có thấy đồ chơi trẻ con hay

“Không. Nhưng tôi chỉ có thể quan sát phòng ngủ một góc mười độ. Đó là tất cả những gì tôi có thể nhìn thấy. Hết.”

“Có thấy chuyển động nào không?”

“Không, hết.”

“Nghe rõ. Đội hồng ngoại thì sao?” Máy dò hồng ngoại có thể định vị vị trí của người, động vật và các nguồn nhiệt khác bên trong một tòa nhà.

Kỹ thuật viên đội số ba đang cho chạy máy dò thân nhiệt vào ngôi nhà. “Tôi đang thu thập các vị trí nhiệt, nhưng nó quá yếu để nhận diện, hết.”

“m thanh, hết?”

“Tiếng cọt két và tiếng kêu rên. Có thể là các phần ngôi nhà, đồ dùng, máy sưởi, máy thông gió và điều hòa không khí. Có thể là hần đang đi loanh quanh hoặc lê cái ghế. Giả định hần ở đó nhưng không thể nói được chính xác vị trí. Hần thực sự đã che kín nơi này, hết.”

“Được rồi, đội S & S tiếp tục làm nhiệm vụ. Hết.” Sachs nói vào micro của mình: “Rhyme, anh có nghe thấy chút nào không?”

“Làm thế nào mà anh có thể nghe thấy chứ?”, giọng Rhyme cau kỉnh.

“Họ cho rằng có chuyển động trong căn hộ của hần.”

“Điều cuối cùng chúng ta cần là một trận đấu súng”, Rhyme lẩm bẩm. Một cuộc trạm trán về mặt chiến thuật là một trong những phương pháp hiệu quả nhất để phá hủy các dấu vết và các bằng chứng khác ở một hiện trường. “Chúng ta cần phải bảo đảm giữ được càng nhiều bằng chứng càng tốt - nó có thể là cơ hội duy nhất để tìm ra kẻ thuê hần và tên đồng phạm.”

Haumann nhìn tòa nhà một lần nữa. Anh có vẻ không vui lắm. Và Sachs - một nửa trong cô là một chiến sĩ đặc nhiệm - có thể hiểu tại sao. Đó có thể là một cuộc triệt hạ khó nhằn, đòi hỏi rất nhiều sĩ quan. Căn hộ của nghi phạm có hai cửa sổ trước, ba sau và sáu cửa sổ bên. Boyd có thể dễ dàng nhảy qua một trong số chúng và cố gắng trốn chạy. Đồng thời cũng có một tòa nhà bên cạnh, chỉ cách có một mét hai - một cú nhảy dễ dàng từ trên mái nếu hần chọn đường trốn ở trên cao. Hần cũng có thể có được chỗ nấp phía sau mái trước ngôi nhà và có thể nhắm bắn vào bất cứ ai bên dưới, ở bên kia phố, đối diện với ngôi nhà của tên sát thủ, là những ngôi nhà khác. Nếu như xảy ra một trận chiến, một viên đạn lạc cũng có thể dễ dàng là bị thương hoặc giết chết một người vô tội. Boyd cũng có thể nã đạn vào những ngôi nhà này, với mục đích gây ra những thương tổn. Sachs đang nhớ lại việc hần nhắm vào những người vô tội chỉ đơn giản để đánh lạc hướng. Chẳng có lý do nào để nghĩ rằng hần có thể xử lý tình huống này một cách khác đi. Họ sẽ phải di tản toàn bộ những người dân quanh đây trước khi thực hiện cuộc đột kích.

Haumann nói qua điện đàm: “Chúng tôi vừa bắt được hình ảnh ai đó đi vào hành lang. Không có camera nào giống như cái Boyd sử dụng trên phố Elizabeth.”

Hần không biết chúng ta đang tiếp cận.” Dù vậy, viên sĩ quan đặc nhiệm vẫn thêm vào một cách mơ hồ: “Trừ khi hần có vài cách khác để báo động. Mà hần có thể biết rất rõ cuộc tấn công này”.

Sachs nghe thấy tiếng rít bên cạnh và quay lại. Mặc bên ngoài bộ áo chống đạn và một cách vô thức để tay chạm vào băng khẩu súng ngắn nằm trong bao, Lon Sellito đang xem xét tòa nhà. Nhìn anh cũng đầy ưu tư. Nhưng Sachs ngay lập tức biết rằng đó không phải là sự khó khăn của việc xâm nhập vào ngôi nhà khiến anh suy nghĩ. Cô có thể thấy anh đang đau khổ như thế nào. Với vai trò một thám tử điều tra cấp cao, không có một lý do gì cho anh để tham gia vào đội đột nhập - trên thực tế, với bề ngoài to lớn, bụng to và kỹ năng sử dụng vũ khí cơ bản, có lý do để anh không tham gia thực hiện những pha đột nhập bất ngờ.

Nhưng logic chẳng liên quan gì tới lý do thực sự việc anh có mặt ở đây. Nhìn thấy bàn tay anh một lần nữa đưa lên má và gãi vào vết máu vô hình, biết rằng anh đang nghĩ lại vụ nổ súng bất ngờ ngày hôm qua, và việc tiến sĩ Barry bị bắn chết ngay trước mắt, Sachs hiểu rằng: Đây là khoảng thời gian thử thách của anh ấy.

Cách nói này xuất phát từ cha của cô, người đã làm rất nhiều việc dũng cảm trong lực lượng nhưng có lẽ dũng cảm nhất là lần chiến đấu cuối cùng, chống lại căn bệnh ung thư quái ác đã cướp đi sinh mạng của ông, mặc dù khó mà đánh bại được tinh thần ông ấy. Con gái ông trở thành một cảnh sát từ đó và ông bắt đầu đưa ra cho cô những lời khuyên về công việc. Một lần, ông đã nói rằng có lúc cô sẽ nhận ra chính mình trong những tình huống mà phải đơn độc chống lại sự thử thách và hiểm nguy. “Cha gọi đó là ‘giai đoạn thử thách’, Amie. Một chuyện gì đó mà ta phải gồng mình lên để vượt qua. Trận chiến có thể là chống lại một hung thủ, có thể là chống lại một người cộng sự. Nó thậm chí có thể là chống lại cả Sở cảnh sát New York.”

Đôi khi, ông nói, trận chiến khó khăn nhất lại nằm bên trong tâm hồn ta.

Sellito biết phải làm gì. Anh phải là người đầu tiên xông qua

Nhưng sau sự việc xảy ra ở bảo tàng ngày hôm qua, anh như bị tê liệt với nỗi sợ ấy.

Giai đoạn thử thách... Liệu anh ấy sẽ vượt qua được hay không?

Haumann giờ đang phân các sĩ quan đột nhập thành ba đội, cử một vài người tới các góc phố để ngăn dòng giao thông và những người khác tới các góc khuất bên cạnh cửa trước của ngôi nhà để ngăn bất cứ ai định đi vào - và hiển nhiên, để sẵn sàng hạ Boyd nếu hắn có ý định bước ra ngoài lang thang làm việc gì đó. Một cảnh sát treo lên trên mái nhà. Vài cảnh sát trong đội Phản ứng nhanh bảo vệ những ngôi nhà bên cạnh - trong trường hợp hắn cố trốn thoát theo cách đã làm trên phố Elizabeth.

Haumann sau đó nhìn Sachs: “Cô sẽ đi vào với chúng tôi chứ?”

“Tất nhiên”, cô trả lời. “Cần có một ai đó từ đội Khám nghiệm hiện trường bảo đảm nơi này. Chúng ta vẫn chưa biết được ai thuê tên khốn này và chúng ta cần phải tìm ra.”

“Cô muốn vào đội nào?”

“Với bất cứ ai định đột nhập bằng cửa trước”, cô nói.

“Đó sẽ là Jenkin.”

“Vâng, thưa ngài.” Rồi cô giải thích về những người dân sống bên kia phố và nhắc họ rằng Boyd có thể nhắm vào những người dân thường sống ở đó khi cố gắng chạy trốn. Haumann gật đầu. “Tôi cần người bảo đảm những nơi này, ít nhất là đưa mọi người tránh các cửa trước và giữ họ tránh các con phố.”

Tất nhiên, không ai muốn công việc này. Nếu như các cảnh sát thuộc đội Phản ứng nhanh là những chàng cao bồi, Haumann đang yêu cầu ai đó tình nguyện thực hiện.

Một giọng nói phá vỡ sự im lặng. “Mẹ kiếp, tôi sẽ nhận nhiệm vụ này.” Là Lon Sellito. “Quá tốt với một gã già như tôi.”

Sachs nhìn anh ta. Người cảnh sát đã đầu hàng trước khoảng thời gian thử thách của mình. Anh ta đã tuyệt vọng, cười một cách vô tư lự, có thể là nụ cười buồn nhất trong đời Sachs từng nhìn thấy.

Người chỉ huy đội ESU nói vào micro của mình: “Tất cả các đội, triển khai giữ vững khoảng cách. Đội S & S, hãy cho tôi biết lúc có thay đổi trong nhà, hết”.

“Rõ. Hết.”

Sachs nói vào micro: “Bọ chuẩn bị tấn công,

Rhyme. Em sẽ kể anh biết những gì xảy ra”.

“Đã nghe”, anh nói ngắn gọn.

Không gì nữa được nói giữa họ. Rhyme không thích việc cô tham gia vào trận đấu. Nhưng Rhyme biết cô quyết tâm đến mức nào, và những mối đe dọa tới người vô tội có thể làm Sachs sôi máu cũng như việc bảo đảm rằng những kẻ như Thompson Boyd không trốn thoát được quan trọng với cô như thế nào. Đây là một phần bản năng của cô và anh sẽ không bao giờ khuyên cô dừng lại vào những lúc như thế này.

Dù sao, nó không có nghĩa là anh cảm thấy vui.

Nhưng rồi những suy nghĩ của Lincoln Rhyme mờ dần khi họ bắt đầu vào vị trí.

Sachs và Sellito đang bước lên con hẻm, cô nhập vào đội đột nhập, anh ta sẽ tiếp tục tới các nhà bên kia phố và đưa mọi người tới nơi ẩn nấp. Nụ cười ngoác miệng giả tạo của chàng Trung úy đã biến mất. Khuôn mặt anh nhìn béo phị và lấm tấm mồ hôi, mặc cho thời tiết mát mẻ. Anh lau nó, gãi gãi vết máu vô hình và nhận ra cô đang nhìn mình. “Cái áo chống đạn chết tiệt. Nóng quá.”

“Nó thật đáng ghét”, Sachs nói. Họ tiếp tục bước xuống con hẻm, cho tới khi đến gần phía sau ngôi nhà của Boyd, nơi mà các cảnh sát đang triển khai đội hình. Bất ngờ cô chộp lấy cánh tay của Sellito và kéo anh lại. “Có ai đó đang nhìn...” Nhưng khi họ bước tới gần tòa nhà, Sachs trượt trên một túi rác và khụy xuống. Cô thở dốc, co rúm và ôm lấy đầu gối.

“Cô ổn đấy chứ?”

“Không sao”, cô nói, đứng lên với khuôn mặt nhăn nhó và gọi vào điện đàm, với một giọng không ra hơi: “5885, tôi thấy có chuyển động trên cửa sổ tầng hai, ở phía sau tòa nhà. Đội S & S, các anh có thể xác nhận không?”.

“Không phải đối tượng thù địch. Đó là một trong những người của ta, hết.”

“Đã nhận, hết.”

Sachs tiếp tục bước về phía trước, đi khập khiễng. “Amelia, cô đang bị đau.”

“Không có gì.”

“Hãy nói với Bo.”

“Đây không phải vấn đề.”

Sự thật là cô đang phải chịu đựng căn bệnh viêm khớp mveau người trong cuộc biết đến như - Rhyme, Mel Cooper và Sellito - nhưng đó là về chuyện này. Cô đã vượt qua một khoảng thời gian rất dài để che giấu đi bệnh tật của mình, lo lắng rằng chỉ huy sẽ đưa cô ra ngoài chữa trị nếu họ phát hiện ra. Cô thò vào bên trong túi chiếc quần lụng thùng của mình và lôi ra một gói thuốc giảm đau, bóc nó bằng răng rồi nuốt một viên.

Trên điện đàm họ nghe tiếng Bo Haumann: “Tất cả các nhóm đã vào vị trí, hết”.

Sachs tiến lên phía trước nhập vào đội xâm nhập chính. Cái chân lại đau hơn.

Sellito kéo cô sang một bên. “Cô không thể vào được.”

“Không phải là tôi hạ hấn nằm im trên sàn, Lon. Tôi chỉ muốn bảo đảm an toàn hiện trường.”

Viên thanh tra quay lại chiếc xe trung tâm chỉ huy, hy vọng có thể tìm thấy một ai đó để hỏi về tình hình, nhưng Haumann và những người khác đã vào vị trí.

“Nó khá hơn rồi, không sao đâu”, cô bước lên cầ nhấc.

Một trong những cảnh sát thuộc nhóm A gọi Sachs thì thầm: “Thám tử, cô đã sẵn sàng chưa?”.

“Rồi.”

“Không, cô ấy chưa.” Sellito quay sang phía người cảnh sát. “Cô ấy sẽ đi sơ tán những người dân thường. Tôi sẽ đi vào cùng các anh.”

“Ngài?”

“Ừ, tôi. Có vấn đề gì không?”

“Không, thưa ngài.”

“Lon”, cô thì thầm: “Tôi ổn mà”.

Viên thám tử to béo đáp lời: “Tôi đủ hiểu biết để bảo đảm giữ an toàn cho hiện trường. Rhyme đã nhắc đi nhắc lại cho tôi hàng năm trời để làm cho đúng”.

“Tôi sẽ không chạy đi chạy lại đâu.”

“Ừ, có thể là không, nhưng liệu cô có thể nhảy vào một trận chiến nếu hần chĩa cái khẩu súng quái quỷ đó vào cô?”

“Đúng, tôi có thể.” Cô trả lời một cách kiên quyết. “Chà, tôi không nghĩ vậy. Nên thôi tranh cãi đi và bảo đảm những người dân thường an toàn.” Anh cột chắc bộ áo chống đạn và rút khẩu côn của mình ra.

Cô lưỡng lự.

“Đây là mệnh lệnh, thưa Thám tử.”

Cô nhìn anh một cách ừ ừ. Nhưng vẫn tự tin như Sachs thường thế 1 một vài người sẽ dùng cái từ “kẻ nổi loạn” - con gái của một cảnh sát biết vị trí của mình về mặt thứ bậc trong Sở cảnh sát New York. Cô nói:

“Được rồi... nhưng đây, cầm lấy cái này”. Cô rút khẩu Glock của mình ra và đưa nó cho Sellito cùng với một băng đạn phụ. Cô cầm lấy khẩu côn sáu viên của anh.

Anh nhìn vào khẩu súng tự động to màu đen. Đó là một khẩu súng với cái cò kéo một cách nhẹ nhàng như cánh của một con bướm đêm. Nếu như sử dụng khẩu này không đúng, giống như đã làm ngày hôm qua trên phố Elizabeth, anh có thể sẽ dễ dàng giết chết mình hoặc một ai đó trong đội đột nhập. Gãi nhẹ lên má một lần nữa, Sellito nhìn vào tòa nhà. Và nhanh chóng nhập vào với các cảnh sát khác.

Chạy băng qua phố để di tản mọi người ra khỏi các tòa nhà và các căn hộ. Sachs nhìn ra phía sau và quan sát họ đi. Cô quay lại tiếp tục với các căn hộ bên kia đường.

Cảm giác đau ở chân đã biến mất.

Thật ra, cô vẫn ổn. Nỗi đau duy nhất mà cô cảm thấy là sự thất vọng vì không tham gia cùng với đội đột nhập. Nhưng cô cần phải giả vờ cú ngã và vết thương.

Vì lợi ích của Lon Sellito. Cô không thể nghĩ ra bất cứ cách nào để giúp đỡ, ngoại trừ việc ép anh ta phải tham gia nhiệm vụ. Cô đã đánh giá mức độ mạo hiểm của việc để anh tham gia vào đội và quyết định rằng chỉ có nguy cơ tối thiểu đối với anh hay bất cứ ai khác - có hàng tá các sự bảo đảm, mọi người đều mặc áo chống đạn và họ đang truy bắt hung thủ bằng cách đột nhập bất ngờ. Sellito cũng có vẻ như có vài cách kiềm chế nỗi sợ hãi. Cô nhớ lại sự thận trọng trong cách anh giữ và kiểm tra khẩu Glock, cũng như cách đôi mắt nhanh nhẹn của anh nhìn vào tòa nhà của tên hung thủ.

Nhưng trong bất cứ sự kiện nào thì giờ đây thực sự không có lựa chọn nào khác. Sellito là một cảnh sát tuyệt vời. Nhưng nếu vẫn tiếp tục sự yếu đuối, anh sẽ không còn là một cảnh sát và cuộc đời của anh có thể kết thúc với điều đó. Những mẫu tự ti này có cách riêng ảnh hưởng đến toàn bộ tinh thần của ta. Sachs biết điều đó, cô đã chiến đấu với chúng thường xuyên. Nếu như không quay trở lại trận chiến lúc này, anh sẽ từ bỏ.

Cô nhắc chân bước; sau cùng, cô đã có một nhiệm vụ quan trọng ở đây, sơ tán tất cả những dân cư trong các ngôi nhà bên kia phố và cần phải di chuyển thật nhanh chóng; đội đột nhập có thể xông vào bất cứ lúc nào. Sachs bắt đầu nhấn các chuông cửa, đưa mọi người ra khỏi các phòng gần cửa trước và bảo đảm rằng họ sẽ ở bên trong với các cánh cửa khóa chặt. Cô điện đàm cho Bo Haumann thông qua một tần số an toàn và nói rằng những ngôi nhà xung quanh đã được bảo đảm an toàn; cô sẽ tiếp tục tới các tòa nhà khác, ở trên và cả dưới con phố.

“Được, chúng tôi sẽ tiến vào”, anh nói một cách ngắn gọn và ngắt máy.

Sachs tiếp tục đi dọc con phố. Cô nhận ra là móng tay mình đang bám chặt vào ngón cái. Phản ánh một sự thật mỉa mai: Sellito bồn chồn về trận chiến; Amelia Sachs thì cúi kính khi đang ở cách xa nơi nguy hiểm.

31. Chương 31

Lon Sellito bám theo bốn cảnh sát khác đi vào một cầu thang tối lờ mờ, tới chiếu nghỉ tầng hai của căn nhà.

Thở hổn hển sau khi trèo, anh dừng lại, lấy hơi. Các cảnh sát đặc nhiệm chụm lại, đợi mệnh lệnh từ Haumann báo về việc đã ngắt đường điện vào tòa nhà - họ không muốn thêm bất cứ một ai bị sốc điện nữa.

Trong khi chờ đợi, viên cảnh sát to lớn tự nói chuyện với mình: Mày đã sẵn sàng chưa?

Nghĩ về nó. Giờ là lúc để quyết định, ở lại hay rời đi?

Phụp, phụp, phụp...

Mọi thứ đang xoay vòng trong tâm trí: Những vết máu bắn vào, những mũi kim từ viên đạn xé nát da thịt. Đôi mắt màu nâu còn ngập đầy sự sống trong giây lát rồi chỉ một khắc sau đó ánh lên tia chết chóc. Khoảnh khắc ớn lạnh thoáng qua của nỗi kinh hoàng khi cửa căn hầm trên phố Elizabeth mở ra và khẩu súng của anh phát nổ với tiếng nổ lớn và bất ngờ, Amelia Sachs sợ hãi nấp đi, tóm lấy khẩu súng của mình, khi những mẩu đá bắn vọt ra khỏi bức tường chỉ cách vài bước chân.

Viên đạn từ chính cái khẩu súng khi gió này.

Điều gì đang xảy ra vậy? Anh tự hỏi. Có phải thần kinh của mình đã biến mất rồi chẳng? Anh cười giận dữ với chính mình, khi so sánh với dạng thần kinh mà anh đang nghĩ tới của Lincoln Rhyme, người mà những dây thần kinh, ở trong xương sống của anh ta, căn bản đã bị phá hủy. Chà, Rhyme thì đối đầu một cách khá tốt với những gì xảy ra với anh ấy. Tại sao mình không thể?

Đó là phải được trả lời, bởi vì nếu anh bước lên lúc này và phá hỏng nhiệm vụ một lần nữa, sẽ có người chết. Có thể sẽ là như thế vì hung thủ mà họ đang săn đuổi là một gã vô cùng nguy hiểm.

Nếu lùi lại, lỗi mình ra khỏi trận chiến, cả sự nghiệp của anh sẽ kết thúc, nhưng ít nhất anh sẽ không phải đẩy một ai khác vào nguy hiểm nữa.

Mình có thể làm thế không? Sellito tự hỏi.

Chỉ huy nhóm nói: “Thám tử, chúng ta sẽ xông vào trong vòng ba mươi giây nữa. Chúng ta sẽ phá sập cánh cửa, tản ra và bảo đảm căn nhà. Anh có thể vào và bảo vệ hiện trường sau đó. Như vậy được chứ?”

Ở lại hay bỏ đi? Viên trung úy tự hỏi chính mình. Mình chỉ cần bước xuống cầu thang. Chỉ thế thôi. Từ bỏ phù hiệu cảnh sát, làm việc như một nhân viên tư vấn an ninh cho một vài công ty. Mức lương gấp đôi.

Không bao giờ bị bắn nữa.

Phụp, phụp, phụp...

Không bao giờ phải nhìn thấy những đôi mắt ánh lên vẻ đau đớn rồi sự sống nhanh chóng biến mất chỉ cách bạn vài centimet.

Phụp...

“Như thế ổn chứ?”, nhóm trưởng nhắc lại.

Sellito nhìn viên cảnh sát “Không”, anh thì thầm: “Không”.

Viên cảnh sát thuộc đội ESU cau mày.

Viên thanh tra nói: “Phá cánh cửa với thanh dầm, rồi tôi sẽ đi vào. Đầu tiên”.

“Nhưng...”

Sellito lầm bầm: “Anh đã nghe thám tử Sachs nói rồi đấy. Tên tội phạm này không làm việc một mình. Chúng ta cần bất cứ thứ gì có thể dẫn tới kẻ thuê hắn. Tôi sẽ biết cần phải tìm cái gì và tôi có thể bảo vệ hiện trường nếu như hắn cố gắng để phá tung nó lên.”

“Để tôi gọi điện đã”, viên cảnh sát thuộc đội ESU nói một cách đầy ngờ vực.

“Đồng chí”, viên thanh tra nói một cách bình tĩnh: “Đó chính là cách chúng ta phải như vậy. Ở đây tôi là chỉ huy.”

Chỉ huy nhóm nhìn vào người phó chỉ huy. Họ nhún vai.

“Đó là... quyết định.”

Sellito đoán rằng phần còn lại của câu nói ấy (sau đoạn ngập ngừng) lúc ban đầu là “đám tang” chứ không phải là “quyết định”.

“Ngay khi họ ngắt nguồn điện thì chúng ta xông vào”, viên cảnh sát thuộc đội ESU nói. Anh ta đeo chiếc mặt nạ chống độc lên. Cả đội cùng đeo mặt nạ của họ vào, Sellito cũng thế. Anh nắm chặt khẩu Glock của Sachs - giữ ngón tay mình nằm ngoài vành cò súng - và bước sang một bên cánh cửa.

Tiếng nói vang lên bên tai anh: “Chúng tôi đang ngắt điện trong ba... hai... một”.

Người chỉ huy nhóm khẽ đập vai viên cảnh sát bằng thanh dầm. Người đàn ông to lớn vung nó lên thật mạnh và cánh cửa bị phá bung ra.

Cảm giác lâng lâng, quên hết tất cả mọi thứ trừ tên sát thủ và bằng chứng, Sellito xông vào trong, các cảnh sát đặc nhiệm theo sau yểm trợ, đập cánh cửa bung ra và lùng sục các căn phòng. Đội thứ hai đột nhập vào từ bếp.

Không có bất cứ một dấu hiệu mới nhất nào của Boyd. Trên chiếc ti vi nhỏ là một vở hài kịch đang phát - đó là nguồn âm thanh và gần như là nguồn nhiệt và tiếng động mà đội S & S đã tìm thấy.

Gần như là.

Nhưng có thể là không.

Nhìn sang trái rồi sang phải khi bước vào căn phòng khách nhỏ, không thấy một ai, Sellito hướng thẳng tới chiếc bàn làm việc của Boyd, được chất đống cao: những tập giấy, đạn, vài cái phong bì, một ít dây cao su, một chiếc đồng hồ kỹ thuật số, một ống chất lỏng và ống bột màu trắng, một chiếc đài bán dẫn, dây thừng. Dùng một tờ giấy ăn, Sellito cẩn thận kiểm tra ngăn kéo bằng kim loại gần chiếc bàn xem có bẫy không. Anh không thấy gì và mở nó ra, phát hiện ra nhiều chai lọ và hộp hơn. Hai khẩu súng. Một vài tập tiền mới - ước tính gần 100.000 đô la.

“Căn phòng an toàn”, một trong các cảnh sát ESU nói. Rồi tiếng một người từ một căn phòng khác.

Cuối cùng là tiếng: “Trưởng nhóm A gọi trung tâm, chúng tôi đã bảo đảm hiện trường, hết”.

Sellito cười lớn. Anh đã làm được. Đối diện với điều khí gió nào đó đã giày vò anh.

Nhưng đừng quá tự mãn, anh tự nói với mình, nhét khẩu Glock của Sachs vào trong túi. Mày đã đi đến tận lúc này chỉ vì một lý do, nhớ không? Mày còn có việc phải làm. Vậy thì bảo vệ những bằng chứng khi g đi.

Khi quan sát căn hộ, anh nhận ra có tiếng gì đó xè xè. Cái gì chứ?

Nhìn vào bếp, hành lang, chiếc bàn làm việc. Cái gì kỳ lạ ở đây? Có gì đó không ổn.

Rồi nó hiện ra trong đầu anh.

Chiếc điện đàm.

Có phải nó tạo ra âm thanh này không? Chà, nếu là thế, ta khó có thể nhìn thấy, với tất cả những thiết bị chơi nhạc rẻ tiền kỷ diệu hơn nhiều: những chiếc đài loa to thùng, đầu CD, MP3.

Khốn kiếp. Đó là một cái bẫy, một thiết bị nổ! Và nó đang nằm ngay bên cạnh lọ đựng chất lỏng trong suốt, với cái nút dây bằng thủy tinh, mà Sellito đã được học từ những lớp học khoa học chính là thứ ta sử dụng để đựng acid.

“Chúa ơi!”

Anh có bao nhiêu thời gian trước khi nó phát nổ đây? Một, hay hai phút?

Sellito vung lên phía trước và chộp lấy điện đàm, bước vào phòng tắm, đặt nó vào trong chậu rửa mặt.

Một trong những cảnh sát đặc nhiệm hỏi: “Cái gì...?”.

“Chúng ta có một thiết bị nổ tự tạo! Nhanh chóng ra khỏi tòa nhà mau!”, viên thanh tra hét lớn, đeo mặt nạ chống độc vào.

“Chạy mau!”, viên cảnh sát hét lên.

Sellito lờ anh ta đi. Khi người ta làm những thiết bị nổ tự tạo thì họ không bao giờ bắn khoả về những dấu tay hay các bằng chứng khác bởi một khi cái thiết bị ấy nổ tung, hầu hết các vật chứng sẽ bị phá hủy. Họ biết danh tính của Boyd, tất nhiên, nhưng có thể sẽ có một vài dấu vết hoặc các dấu tay khác ở trên thiết bị có thể đưa họ tới kẻ thuê hẳn hoặc tên đồng phạm.

“Gọi cho đội phá bom đi”, ai đó nói qua chiếc điện đàm.

“Im nào. Tôi đang bận.”

Có một chiếc nút tắt/mở trên cái đài bán dẫn nhưng anh không tin rằng nó được dùng để vô hiệu hóa nguồn nổ. Chịu thua, viên thanh tra tìm cách tháo cái nắp nhựa sau màu đen của nó ra.

Bao lâu, bao lâu?

Khoảng thời gian bao lâu cho Boyd để đi vào trong nhà và ngắt chiếc bẫy

Khi anh nhấc cái nắp lưng lên và cúi xuống, Sellito thấy một nửa que dynamite - không phải là chất nổ dẻo nhưng thừa khả năng thổi bay bàn tay và làm anh mù mắt. Không có màn hình. Chỉ có trong các bộ phim thì bom mới có những chiếc đồng hồ số đếm ngược dễ nhìn. Những quả bom thật sự sẽ được kích nổ bởi những con chip định giờ với bộ vi xử lý siêu nhỏ mà không cần màn hình hiển thị. Sellito giữ cố định thanh dynamite bằng những móng tay của mình - để tránh làm hỏng bất cứ dấu tay nào. Anh bắt đầu tìm cách tháo kíp nổ ra khỏi quả bom này.

Tự hỏi liệu tên sát thủ này tinh quái đến mức nào (những kẻ tạo bom chuyên nghiệp sử dụng một thiết bị kích nổ phụ để hạ những người như Sellito, lẩn trốn quanh tác phẩm của chúng), anh kéo cái kíp nổ ra khỏi cục dynamite.

Không có thiết bị kích nổ phụ, hay bất cứ...

Một tiếng nổ, một tiếng ùng ùng lớn, vọng lên trong phòng tắm, dội vào những viên gạch.

“Cái gì vậy?”, Bo Haumann gọi. “Ai đó đang nổ súng? Chúng ta có nổ súng? Các đơn vị báo cáo ngay.”

“Tiếng nổ trong phòng tắm của nghi phạm”, một ai đó gọi. “Cần nhân viên y tế tới hiện trường, đội Phụ trách các tình huống khẩn cấp vào hiện trường.”

“Không có gì, không có gì. Mọi người thư giãn đi.” Sellito nhét bàn tay đang cháy phừng phừng của mình vào nước lạnh. “Tôi chỉ cần một miếng dán Band-Aid thôi.”

“Là anh phải không, Trung úy?”

“Vâng. Đó là cái kíp nổ. Boyd đã dùng một cái bẫy

nhằm phá hủy các bằng chứng. Tôi đã giữ lại phần lớn...” Anh ấn tay mình vào nách và rít lên: “Khốn kiếp, đau quá”.

“Thiết bị lớn cỡ nào?”, Haumann hỏi.

Sellito nhìn vào chiếc bàn làm việc trong một căn phòng khác. “Đủ lớn để thổi bay cái thứ nhìn giống một bình gallon đựng acid sulfuric, tôi đoán thế. Tôi thấy vài lọ đựng bột, nhiều khả năng là cyanide. Nó đáng ra đã có thể hủy diệt phần lớn các bằng chứng - và bất cứ ai ở gần rồi.”

Một vài cảnh sát đội phản ứng nhanh nhìn Sellito với sự biết ơn. Một người nói: “Tôi muốn tự tay mình hạ tên hung thủ này”.

Haumann, vẫn với giọng của một viên cảnh sát khách quan, hỏi một cách thực tế nhất: “Nghi phạm?”.

“Không có dấu hiệu nào. Nhiệt trên ảnh hồng ngoại là từ ti vi, tủ lạnh và ánh mặt trời trên các đồ vật trong nhà, có vẻ thế.” Một cảnh sát trả lời.

Sellito quan sát căn phòng và rồi thông báo: “Có ý này, Bo”.

“Cứ nói đi.”

“Hãy sửa cánh cửa thật nhanh. Để tôi và một vài cảnh sát khác bên trong, đưa mọi người ra khỏi khu phố. Hẳn có thể sẽ quay về sớm. Chúng ta sẽ tóm hắn lúc đó.”

“Đã hiểu, Lon. Tôi thích ý tưởng này đây. Bắt tay vào việc thôi. Ai biết làm mộc không?”

“Tôi sẽ làm việc này.” Sellito nói. “Một trong những sở thích của tôi. Chỉ cần đưa cho tôi vài dụng cụ thôi. Và cái đội đột nhập kiểu quái gì thế này? Chẳng lẽ không một ai có cái băng dán Band-Aid đấy sao?”

Dưới con phố cách xa căn hộ của Boyd, Amelia Sachs đang lắng nghe cuộc trao đổi qua điện đàm về cuộc đột nhập. Có vẻ như kế hoạch của cô dành cho Sellito đã có hiệu quả - thậm chí còn tốt hơn cô đã hy vọng. Sachs không thực sự hiểu những gì xảy ra nhưng rõ ràng là anh ấy đã làm điều gì đó một cách đầy dũng cảm và cô đã nghe thấy sự tự tin trong giọng của anh.

Cô xác nhận thông điệp về kế hoạch đưa mọi người ra khỏi khu phố và đợi Boyd quay lại, sau đó nói thêm rằng mình đang đi cảnh báo những người dân còn lại ở bên kia con phố, và sau đó cô sẽ nhập vào những người khác trong nhiệm vụ nấp tại căn nhà, tới trước một ngôi nhà và yêu cầu người phụ nữ trong căn nhà đó tránh xa tất cả cửa trước cho tới khi nghe thấy có người báo rằng đủ an toàn để ra ngoài. Có hoạt động của cảnh sát đang diễn ra trên phố.

Đôi mắt của người phụ nữ mở to. “Có nguy hiểm không?”

Cô nói với người phụ nữ: Chúng tôi chỉ đang đề phòng thôi, không có gì phải đến mức báo động hay như thế. Nói một cách chung chung, không làm họ quá sợ hãi. Một nửa công việc của cảnh sát là quan hệ công chúng. Đôi khi nó chiếm phần lớn công việc của họ. Sachs thêm vào rằng cô đã thấy vài thứ đồ chơi trẻ em trong sân nhà bà ta. Liệu lũ trẻ có ở trong nhà lúc này không?

Đó là lúc cô nhìn thấy một người đàn ông hiện ra từ con hẻm trên phố. Hắn đang đi bộ chậm rãi theo hướng về phía căn nhà, đầu cúi xuống, đội một chiếc mũ và chiếc áo khoác ngoài dài. Cô không thể nhìn thấy khuôn mặt của anh ta.

Người phụ nữ với một giọng đầy lo lắng: “Chỉ có tôi và bạn trai ở nhà lúc này. Lũ trẻ đang đi học. Chúng thường đi bộ về nhà nhưng chúng tôi có nên đi đón chúng không?”

“Thưa bà, cái người đàn ông kia, ở bên kia phố ấy?” Người phụ nữ bước tới trước và nhìn. “Anh ta?”

“Cô biết anh ta chứ?”

“Đúng rồi. Anh ta sống trong ngôi nhà đằng kia.”

“Tên anh ta là gì?”

“Larry Tang.”

“Ồ, đó là một người Trung Quốc à?”

“Tôi đoán thế. Hoặc Nhật hoặc gì đó.”

Sachs thả lỏng.

“Anh ta không liên quan chứ?”, người phụ nữ hỏi.

“Không hề. về lũ trẻ của cô, có lẽ là tốt nhất nên...”

Ồ, Chúa ơi.

Nhìn qua người phụ nữ, Amelia Sachs nhìn chằm chằm vào một phòng ngủ của ngôi nhà đang trong quá trình sơn sửa lại. Trên bức tường là hình một vài nhân vật hoạt hình được vẽ bằng sơn. Một là trong chuyện của gấu Pooh - nhân vật chú hổ Tigger.

Mảng màu cam của lớp sơn hoàn toàn giống với mẫu cô tìm thấy ở gần nhà bà dì của Geneva ở Harlem. Màu cam sáng.

Rồi cô nhìn vào sàn nhà ở sảnh vào. Trên tập báo là một đôi giày cũ. Màu nâu sáng. Cô chỉ có thể nhìn thấy nhãn hiệu bên trong. Đó là hiệu Bass. Khoảng cỡ 11.

Amelia Sachs hiểu ngay lập tức rằng người bạn trai mà người phụ nữ này nói chính là Thompson Boyd và ngôi nhà ở bên kia phố không phải là chỗ ở của hắn mà là một nơi ẩn náu khác. Tất nhiên, lý do nó không có ai lúc này đơn giản bởi vì hắn đang ở chỗ nào đó trong chính ngôi nhà này.

32. Chương 32

Amelia Sachs đang nghĩ: Kéo người phụ nữ ra ngoài. Đôi mắt của cô ta cho thấy không hề biết gì. Cô ấy không liên quan tới chuyện này.

Tất nhiên là Boyd có vũ khí

Và mình vừa đổi khẩu Glock lấy cái khẩu côn khi gió này.

Kéo cô ấy ra khỏi đây. Nhanh lên.

Bàn tay của Sachs đang xuôi về phía dây đeo lưng, vị trí của khẩu súng bé nhỏ của Sellito. “À, một điều nữa, thưa cô.” Cô nói một cách bình tĩnh. “Tôi nhìn thấy một chiếc xe tải ở trên phố. Tôi muốn hỏi xem liệu cô có thể nói cho tôi biết nó là của ai không?”

Tiếng gì vậy? Sachs tự hỏi. Có cái gì đó từ bên trong ngôi nhà. Kim loại. Nhưng không giống tiếng một vũ khí, một tiếng lạch cách chìm dần.

“Một chiếc xe tải?”

“Đúng. Cô không thể nhìn thấy nó ở đây. Nó ở phía sau cái cây đằng kia.” Sachs bước lùi lại, ra hiệu cho cô ta đi tới trước. “Cô có thể ra ngoài và nhìn nó được không? Đó sẽ là một sự giúp đỡ rất lớn.”

Dù vậy, người phụ nữ đứng yên tại chỗ ở cửa vào, nhìn về phía bên phải của mình, về phía âm thanh phát ra. “Anh yêu?”, cô cau mày. “Có chuyện gì vậy?”

Tiếng lạch cách, mà Sachs đã hiểu ra ngay lập tức, là của những tấm rèm che cửa. Boyd đã nghe được cuộc nói chuyện của cô với bạn gái hắn và nhìn ra ngoài cửa sổ. Hắn đã thấy một cảnh sát thuộc đội ESU hoặc một chiếc xe cảnh sát ở gần ngôi nhà ẩn náu của hắn.

“Điều này thực sự quan trọng”, Sachs cố gắng. “Nếu cô có thể chỉ...”

Nhưng người phụ nữ đứng đông cứng lại, đôi mắt mở to.

“Không! Tom! Anh đang làm...?”

“Thưa cô, bước tới đây ngay!”, Sachs hét lên, rút khẩu Smith & Wesson. “Giờ! Cô đang nguy hiểm đấy!”

“Anh đang làm gì với nó vậy? Tom!”, cô bước lùi khỏi Boyd nhưng vẫn đứng trong hành lang, đứng như trời trồng vì quá bất ngờ, sợ hãi. “Không!”

“Cúi xuống!”, Sachs nói với giọng đanh lại, cúi thấp mình lấy đà và di chuyển về phía ngôi nhà.

“Boyd, nghe tôi nói đây”, Sachs hét lớn. “Nếu anh

có vũ khí, hãy thả nó ra. Ném nó ra đây để tôi có thể thấy. Rồi nằm xuống sàn. Tôi muốn anh làm ngay! Có rất nhiều cảnh sát bên ngoài.Im lặng, trừ tiếng sục sục của người phụ nữ.

Sachs thực hiện một động tác ló đầu ra nhanh chóng, quan sát tầm thấp quanh góc bên trái cô. Cô đã thấy một người đàn ông, khuôn mặt bình thường, một khẩu súng ngắn lớn màu đen trong tay. Không phải khẩu

cỡ 22 ly của Bắc Mỹ, mà là một khẩu tự động, với đầu đạn nổ sau khi chạm mục tiêu và bằng đạn cỡ mười lăm viên hoặc hơn. Cô lùi lại để có chỗ nấp. Boyd đã tính là cô sẽ di chuyển cao hơn và hai viên đạn bắn ra đã trượt mục tiêu, chỉ vài centimet, thổi bay các mảng vữa và các mảnh gỗ vào không khí. Người phụ nữ có làn da rám nắng đang la hét, quờ quạng lung tung, nhìn vào Sachs

rồi quay lại nhìn vào Boyd. “Không, không, không!” Sachs gọi lớn: “Ném vũ khí của anh xuống!”

“Tom, làm ơn đi mà! Chuyện gì đang xảy ra vậy?” Sachs gọi cô ta: “Cúi xuống, thưa cô!”

Một khoảng dài im lặng tuyệt đối. Boyd đang định làm gì? Đường như hắn đang tranh đấu xem sẽ làm gì tiếp theo.

Rồi hắn bắn một phát duy nhất.

Nữ thanh tra né tránh phát đạn. Dù vậy, viên đạn vẫn đi trượt mục tiêu. Nó hoàn toàn trượt ra khỏi bức tường gần vị trí đứng của Sachs.

Nhưng, hóa ra, Boyd không hề nhắm vào cô, và quả thật là viên đạn đã trúng vào mục tiêu được nhắm tới.

Người phụ nữ khụy xuống, tay ôm lấy đùi, máu đang trào ra. “Tom”, cô thì thào. “Tại sao?... Ồ, Tom.” Cô lảo đảo qua lưng và nằm ôm chặt lấy chân mình, thở hổn hển trong cơn đau.

Cũng giống như ở bảo tàng, Boyd đã bắn một ai đó để đánh lạc hướng cảnh sát, để tạo cơ hội cho hắn bỏ chạy. Nhưng lần này đó là bạn gái hắn.

Sachs nghe thấy tiếng kính vỡ khi Boyd phá vỡ cửa sổ để trốn thoát.

Người phụ nữ vẫn thì thào những lời mà Sachs không nghe được. Cô điện đàm cho Haumann về tình trạng và vị trí của người phụ nữ, rồi ngay lập tức anh đưa nhân viên y tế và lực lượng hỗ trợ tới. Rồi cô nghĩ: Nhưng sẽ mất vài phút để các cảnh sát đội cứu thương tới đây. Mình cần phải cứu cô ấy. Một tấm gạc có thể làm giảm việc chảy máu. Mình có thể cứu mạng sống của cô ấy.

Nhưng rồi: không. Hắn sẽ không chạy trốn được. Cô nhìn quanh góc nhà, thấp, thật nhanh và thấy Boyd đang nhảy ra khỏi cửa sổ ở hành lang vào sân bên sườn nhà.

Sachs do dự, quay lại nhìn người phụ nữ. Cô ấy đã bất tỉnh, và bàn tay rơi khỏi chỗ vết thương khủng khiếp trên chân. Máu đã chảy thành vũng bên dưới thân người.

Chúa ơi...

Cô chạy lại phía người phụ nữ. Rồi dừng lại. Không. Mình biết mình phải làm gì. Amelia Sachs chạy về phía cửa sổ bên. Cô nhìn ra ngoài, rất nhanh một lần nữa, trong trường hợp hắn đang đợi cô xuất hiện. Nhưng, không, Boyd đã hy vọng rằng cô sẽ cứu người phụ nữ. Sachs nhìn thấy hắn đang chuẩn thật nhanh khỏi căn nhà trên con hẻm đá cuội mà không hề quay lại nhìn.

Cô nhìn xuống. Khoảng cách gần hai mét từ đây xuống đất. Câu chuyện về cơn đau từ cú ngã mà cô nói với Sellito hai mươi phút trước là giả; nhưng cơn đau kinh niên thì không.

Ồ, người anh em.

Cô trèo lên bậu cửa sổ, phủi sạch những mảnh kính vỡ, vung chân ra ngoài, rồi nhảy chồm tới. Cố làm giảm độ sốc của cú nhảy, Sachs giữ đầu gối của mình gập lại. Nhưng đó là một cú nhảy dài và khi tiếp đất đôi chân cô khụy xuống, ngã nhào lên những viên đá cuội và cỏ, rên rỉ với cơn đau.

Thở một cách nặng nề, cô gượng đứng dậy và bắt đầu lao theo Boyd, nhưng giờ tốc độ giảm đi do sự tập tễnh của đôi chân. Chúa bắt ta phải trả giá cho sự dối trá, Sachs nghĩ.

Gạt những bụi cây mỏng manh, Sachs lao từ khoảng vườn vào con hẻm phía sau những ngôi nhà và các căn hộ. Cô nhìn sang trái rồi sang phải. Không có dấu hiệu nào của hắn.

Rồi, ở cách đó khoảng ba mươi mét về phía trước, cô nhìn thấy một cánh cửa gỗ lớn mở ra. Đây là một đặc trưng của những khu cũ kỹ ở New York - những ga ra nằm dọc các con hẻm phía sau những ngôi nhà. Điều đó có nghĩa là hắn giữ xe của mình trong ga ra; đội Tìm kiếm và Giám sát đã không tìm thấy nó ở bất cứ

nơi nào trong các dãy phố xung quanh. Đi thật nhanh về phía trước hết mức có thể, Sachs báo vị trí của hắn cho viên chỉ huy.

“Nghe rõ, 5855. Chúng tôi đang trên đường, hết.”

Di chuyển một cách loạng choạng trên những viên đá cuội, cô búng mở ổ đạn khẩu Smittie của Sellito và nhìn mặt khi thấy anh là một trong những người cầm súng còn thận trọng hơn; ổ đạn nằm dưới búa hoàn toàn không có đạn.

Có năm phát.

Trái ngược với khẩu tự động của Boyd với số đạn gấp b lần và khả năng là cả một hay hai băng dự trữ trong túi của hắn.

Chạy về lối vào con hẻm, Sachs có thể nghe thấy tiếng động cơ nổ và một giây sau, chiếc Buick màu xanh da trời lùi ra ngoài, hướng về phía cô. Con hẻm quá hẹp để có thể quay đầu với một lần bẻ lái, nên Boyd phải dừng lại, tiến lên rồi lùi lại. Điều này đã tạo điều kiện cho Sachs có thể lao tới thu hẹp khoảng cách với ga ra khoảng mười tám, hai mươi mét.

Boyd đã xong việc chỉnh đầu xe, và với cánh cửa như một lá chắn giữa hắn và Sachs, tăng tốc bỏ chạy thật nhanh.

Sachs nhào mạnh người trên những viên sỏi và nhìn thấy mục tiêu duy nhất cô có nằm dưới khe hở hẹp dưới chân cánh cửa ga ra: những chiếc bánh xe.

Nằm sõng soài, Sachs ngấm vào chiếc lốp bên phải.

Có một quy tắc trong những vụ nổ súng ở thành phố là không bao giờ nổ súng trừ khi ta biết phía sau là gì, đó là, nơi mà viên đạn sẽ kết thúc hành trình nếu ta bắn trượt - hoặc nếu nó xuyên qua mục tiêu và tiếp tục bay. Khi chiếc xe của Boyd đang quành đi khỏi, Sachs đã để ý tới điều này trong một phần của một giây, rồi - nghĩ tới Geneva Settle - cùng với quy tắc riêng của cô: Tên khốn nạn này sẽ không chạy đi đâu hết.

Điều tốt nhất cô có thể làm để kiểm soát phát súng là nhắm thật thấp để viên đạn lượn lên và trúng vào chiếc xe nếu cô bắn trượt.

Giờ súng lên ngấm với một động tác, để việc kéo cò nhạy cảm hơn nữa, cô nhắm bắn và nhả hai phát đạn, một phát cao hơn một chút.

Những viên đạn rít lên bên dưới cánh cửa ga ra và ít nhất một viên đã chọc thủng lốp bên phải. Khi chiếc xe lắc lư và trượt mạnh vào bức tường gạch của căn hẻm, Sachs bật dậy và lao tới chiếc xe, nhăn nhó vì cơn đau. Ở chỗ cánh cửa ga ra, cô dừng lại và nhìn quanh rồi phát hiện ra rằng cả hai bánh bên phải của chiếc xe đã bị chọc thủng; cô cũng đã bắn trúng bánh trước. Boyd cố lái xe ra khỏi bức tường, nhưng bánh trước đã vẹo sang một bên và hoàn toàn bất động. Hắn trèo ra ngoài, vung khẩu súng ra sau và tới trước, tìm kiếm người bắn.

“Boyd! Bỏ vũ khí xuống!”

Hắn đáp lại bằng năm hay sáu phát súng về phía cánh cửa. Sachs cũng trả lời bằng một viên, trúng vào thân xe chỉ cách hắn vài centimet, rồi cô lăn sang bên phải và chồm dậy thật nhanh, thấy Boyd đang lĩnh nhanh vào con phố bên ngoài.

Cô có thể nhìn thấy nền phía sau lúc này - một bức tường gạch phỉ bên kia con phố - và nổ một phát đạn khác.

Nhưng ngay khi viên đạn được bắn đi, Boyd quay ngoặt sang một bên như thể hắn đã biết trước. Viên đạn bay vọt qua hắn, cũng chỉ vài centimet. Hắn đáp trả phát đạn, bằng một loạt đạn, và cô nhào mạnh trên những viên sỏi bắn thiu đầy bùn đất một lần nữa, cái điện đàm vỡ tan. Hắn biến mất ở góc phố về bên trái.

Chỉ còn lại một viên đạn. Đáng lẽ chỉ cần bắn một viên vào cái lốp xe là được rồi, cô nghĩ một cách đầy giận dữ, khi bật dậy và lao theo hắn nhanh nhất có thể với cái chân đang đau nhói. Dừng lại một chút ở góc phố nơi giao với con phố, nhìn thật nhanh sang bên trái. Cô thấy cái bóng rần chắc của hắn đang trốn chạy thật nhanh.

Cô chộp lấy chiếc Motorola và nhấn nút truyền tin. Không được, nó hỏng rồi. Khốn kiếp. Gọi 911 bằng điện thoại di động? Quá nhiều thời gian để giải thích, quá ít thời gian để lưu lại một tin nhắn. Phải có một ai đó trong những tòa nhà gọi tới báo về những tiếng súng. Cô tiếp tục truy đuổi Boyd, miệng thở dốc, chân nện trên mặt đất.

Ở giao lộ phía xa, cuối dãy phố, một chiếc xe cảnh sát đang đi chuyển vào chỗ đậu. Những cảnh sát không bước ra; họ không nghe thấy những tiếng súng, không biết rằng gã sát nhân và Sachs đang ở đây. Boyd nhìn lên và thấy họ. Hắn dừng lại thật nhanh và nhảy vọt qua một cái hàng rào nhỏ rồi chuồn xuống bên dưới cầu thang dẫn vào tầng một của tòa nhà. Cô nghe thấy tiếng đập khi hắn cố gắng đột nhập vào trong tầng hầm của tòa nhà.

Sachs vẫy tay về phía những cảnh sát nhưng họ đang nhìn lên rồi xuống con phố bên kia và không thấy cô.

Đó là lúc có một cặp đôi trẻ tuổi bước ra khỏi cánh cửa trước của tòa nhà phía đối diện với Boyd. Sập cánh cửa phía sau họ, người đàn ông trẻ kéo khóa chiếc áo khoác để tránh cái lạnh của ngày hôm nay và người phụ nữ ôm lấy tay anh. Họ bắt đầu bước xuống những bậc thang.

Tiếng chân đập cửa ngừng lại.

Ồi, không... Sachs nhận ra rằng điều gì sắp xảy ra. Cô không thể nhìn thấy Boyd nhưng cô biết hắn định làm gì. Hắn đang ngấm vào cặp đôi này. Hắn sẽ bắn một hoặc cả hai người, lấy chìa khóa của họ và trốn thoát vào trong tòa nhà - hy vọng một lần nữa rằng những cảnh sát sẽ chia lực lượng để giúp đỡ những người bị thương.

“Cúi xuống!”, Sachs hét lên.

Phải đến hơn ba mươi mét, đôi nam nữ không nghe thấy

Boyd hắn đang phải nhắm vào họ lúc này, đợi họ bước tới gần hơn nữa.

“Cúi xuống!”

Sachs nhòe dậy và chạy cà nhấc về phía họ.

Cặp đôi nhìn thấy cô nhưng không hiểu cô đang muốn nói gì. Họ dừng lại, cau mày.

“Nằm xuống!”, cô nhắc lại.

Người đàn ông úp bàn tay lên tai mình, lắc lắc đầu. Sachs dừng lại, lấy một hơi thật sâu và bắn viên đạn duy nhất còn lại vào một cái thùng rác bằng kim loại cách họ khoảng sáu mét.

Người phụ nữ hét toáng lên và họ quay đầu, quờ quạng bước lên cầu thang hướng vào căn hộ của mình. Cánh cửa sập lại.

Ít nhất thì cô đã làm được...

Ở ngay bên cạnh Sachs một miếng đá vôi nổ tung, bắn vào cô những mẩu đá nóng. Một nửa giây sau cô nghe thấy tiếng nổ lớn từ khẩu súng của Boyd.

Một phát súng khác rồi một phát nữa, đẩy Sachs lùi lại, những viên đạn bắn tới cách cô chưa đầy một mét. Cô trượt vào một khoảng sân, vấp phải một hàng rào dây cao ngang chân và những đồ trang trí bãi cỏ bằng thạch cao, chú hươu Bambis và những chú lùn. Một viên đạn sượt qua chiếc áo khoác, làm Sachs thót tim nín thở. Cô nhoài lặn mạnh trên thảm cỏ. Càng nhiều hơn những viên đạn giã vào căn nhà gần đó. Boyd quay sang phía những cảnh sát đang nhảy ra khỏi chiếc xe. Hắn nã vào chiếc xe cảnh sát với vài loạt đạn, bắn xịt lốp và đẩy lùi những cảnh sát nấp vào sau chiếc xe. Những cảnh sát giữ yên vị trí nhưng ít nhất họ cũng đã phải gọi báo về cuộc tấn công và các lực lượng khác hẳn phải đang trên đường.

Tất nhiên điều đó có nghĩa là chỉ có một cách duy nhất để Boyd có thể thoát được – nhắm vào cô. Cô lao xuống nấp phía sau một vài bụi cây. Boyd đã ngừng nã súng nhưng cô có thể nghe thấy tiếng chân hắn đang tới gần. Hắn cách khoảng hơn sáu mét, cô đoán. Rồi ba mét. Cô chắc chắn rằng bất cứ một phút nào mình có thể thấy khuôn mặt của hắn, kèm theo là họng khẩu súng của hắn. Rồi cô sẽ chết...

Phụp.

Phụp.

Nhổ lên trên một khuỷu tay, cô có thể nhìn thấy tên giết người, gần hơn, đang sút vào một cánh cửa xuống tầng hầm một tòa nhà khác, mà nó đang chậm rãi mở đường cho hắn. Khuôn mặt hắn bình thản một ý quái - giống như khuôn mặt của Người treo ngược trên lá bài tarot mà hắn đã cố ý để lại bên cạnh xác của Geneva Settle. Hắn hẳn phải cho rằng mình đã bắn trúng Sachs bởi hắn lờ đi chỗ cô ngã xuống và đang chăm chú vào việc phá cánh cửa - con đường thoát duy nhất lúc này. Hắn nhìn vào phía sau một hoặc hai lần, về phía đầu kia của dãy phố, chỗ mà những cảnh sát đang tìm cách tiếp cận - dù chậm rãi bởi hắn đã quay sang và nhả vài phát đạn về phía họ.

Hắn cũng có thể phải hết đạn, cô suy đoán điều đó. Hắn chắc phải...

Boyd tháo băng đạn trong khẩu súng và nhét một băng khác vào. Nạp đạn.

Được rồi...

Cô có thể nằm yên ở chỗ của mình, an toàn và hy vọng rằng các cảnh sát khác sẽ đến đây trước khi hắn trốn thoát.

Nhưng Sachs nghĩ tới người phụ nữ với làn da rám nắng nằm trong vũng máu ở căn nhà - có thể đã chết lúc này. Cô nghĩ tới những cảnh sát bị dính bẫy điện của hắn, người thủ thư bị giết ngày hôm qua. Cô nghĩ tới chàng cảnh sát trẻ Pulaski, với khuôn mặt bị đánh nát và đầy máu. Và cô nghĩ nhiều hơn tới cô bé tội nghiệp Geneva Settle, người sẽ nguy hiểm từng phút nếu Boyd còn tự do và lang thang trên những con phố. Sachs vỗ lấy khẩu súng, cô đã có một quyết định.

Thompson Boyd đập một cú thật mạnh nữa vào cánh cửa căn hầm. Nó sắp mở đường cho hắn. Hắn sẽ vào trong, sẽ...

“Đứng im, Boyd. Bỏ súng xuống.”

Chớp chớp đôi mắt đang nhức nhối trong sự ngạc nhiên, Thompson quay đầu lại. Đúng, như hắn đã nghĩ, chính là người phụ nữ từ hiện trường vụ án ở thư viện của bảo tàng ngày hôm qua. Đi tới rồi lại đi lui, tới rồi lại lui, giống như một con rắn đuôi chuông. Mái tóc màu đỏ, trong trang phục màu trắng. Người mà hắn đã thích thú quan sát, ngưỡng mộ. Có quá nhiều điều để hắn ngưỡng mộ, hắn nghĩ. Và là một tay súng cừ nữa.

Hắn đã ngạc nhiên vì cô vẫn còn sống. Hắn đã nghĩ chắc chắn rằng mình đã bắn trúng cô trong loạt đạn cuối cùng.

“Boyd. Tôi sẽ nổ súng. Bỏ súng của anh xuống, nằm úp xuống đất.”

Hắn nghĩ rằng một vài cú đập nữa vào cánh cửa sẽ làm nó đổ ngược vào trong. Rồi sẽ là hành lang của tòa nhà. Hoặc có thể những người trong tòa nhà này sẽ có một chiếc ô tô. Hắn có thể lấy chìa khóa và bắn bắt cứ ai bên trong, làm họ bị thương, thu hút nhiều hơn nữa cảnh sát. Trốn

Nhưng, tất nhiên, có một câu hỏi cần phải được trả lời trước tiên: Liệu cô ta có còn viên đạn nào không? “Anh có nghe tôi nói không Boyd?”

“Vậy đó là cô.” Liếc đôi mắt nhức nhối lên, hắn đã không nhỏ giọt Murine nào khá lâu rồi. “Dù có thể đúng là vậy.”

Cô cau mày, không hiểu hắn ám chỉ điều gì. Có lẽ cô đang tự hỏi liệu hắn đã từng nhìn thấy mình trước đây chưa, và tại sao hắn biết.

Boyd đã cẩn thận không cử động. Hắn cần phải tìm ra điều này. Bắn cô ta hay không? Nhưng nếu hắn thực hiện dù chỉ một cử động nhỏ nhất về phía đó thì nếu như còn đạn cô ta sẽ nổ súng. Hắn hoàn toàn không nghi ngờ điều đó. Không có gì cần phải quá cân nhắc về người phụ nữ này.

Chúng sẽ giết con chỉ bằng một nụ hôn...

Hắn đắn đo suy tính. Khẩu súng của cô ta là loại sáu viên Smith & Wesson cỡ 38 đặc biệt. Cô ta đã bắn năm phát. Thompson Boyd luôn đếm các phát súng (hắn biết rõ chính mình còn lại tám viên trong băng đạn hiện tại, và một băng mười bốn viên nữa trong túi).

Cô ta đã nạp đạn chưa? Nếu chưa, liệu có phải vẫn còn một viên duy nhất?

Có những cảnh sát để ổ đạn trống dưới búa đập ở những khẩu côn để phòng những trường hợp hiểm hoi như vô tình đánh rơi sẽ khiến nó phát nổ. Nhưng cô ta có vẻ như không thuộc dạng người như vậy. Cô ta quá hiểu về vũ khí và sẽ không bao giờ vô tình đánh rơi một khẩu súng. Bên cạnh đó, nếu như đang làm nhiệm vụ đặc nhiệm, cô ta sẽ cần mọi phát đạn có thể. Không, cô ta không phải dạng còm súng-không-còn-đạn.

“Boyd, tôi sẽ không nhắc lại lần nữa đâu.”

Mặt khác, hắn đang nghĩ, khẩu súng này không phải là của cô ta. Ngày hôm qua ở bảo tàng cô ta đeo một khẩu tự động ngang hông, một khẩu Glock. Cô ta vẫn đeo bao khẩu Glock ấy trên thắt lưng lúc này. Liệu khẩu Smitte này có phải là khẩu dự phòng? Ngày trước, khi mọi cảnh sát đều chỉ có loại súng sáu viên, đôi khi họ mang thêm một khẩu khác ở bao súng đeo dưới chân. Nhưng bây giờ, với những khẩu tự động có ít nhất mười hai viên và hai băng dự phòng ở thắt lưng, họ thường không quan tâm tới việc có thêm một khẩu dự phòng.

Không, hắn cá rằng cô ta có thể đã mất khẩu tự động hoặc đưa nó cho một ai đó và mượn khẩu này, điều đó có nghĩa là vẫn còn khả năng cô ta không còn đạn để nạp. Câu hỏi tiếp theo là: Liệu cái người mà đưa cho cô ta mượn khẩu Smitie có để ổ đạn trống dưới búa đập không? Mà, hắn không có cách nào để biết được, tất nhiên là thế.

Vậy nên câu hỏi là cô ta thuộc dạng người như thế nào. Boyd nghĩ tới bảo tàng, nhìn thấy cô ta tìm kiếm dấu vết giống như một con rắn đuôi chuông. Nghĩ tới cô ta ở trên sảnh bên ngoài căn hộ ẩn nấp của mình ở phố Elizabeth, đi qua cánh cửa đuổi theo hắn. Nghĩ tới việc cô ta đang lao lên theo hắn lúc này – bỏ mặc Jeanne chết bởi viên đạn ghim trong đùi cô ấy.

Hắn đã quyết định: Cô ta đang giả vờ. Nếu như cô ta còn lại một viên đạn thì hắn đã bắn vào hắn rồi.

“Cô đã hết đạn rồi”, hắn tuyên bố một cách tự tin rồi quay về phía cô và đưa khẩu súng của mình lên.

Cô cau có và hạ khẩu súng xuống. Hắn đã đúng. Hắn sẽ giết cô chứ? Không, chỉ bắn để làm cô bị thương thôi. Nhưng vị trí nào tốt nhất? Đau đớn và đe dọa mạng sống. Tiếng la hét và máu chảy đều thu hút sự chú ý của người khác. Cô nghĩ tới một bên chân; hắn sẽ bắn vào cái chân bị đau, ở đầu gối. Và khi cô gục xuống, hắn sẽ bồi thêm một phát nữa vào vai cô. Rồi bỏ đi.

“Vậy thì người thắng rồi”, cô nói. “Giờ là sao đây? Tôi là con tin chẳng?”

Hắn chưa từng nghĩ về điều này. Hắn do dự. Như vậy có hợp lý không? Liệu như thế có ích chứ? Thường thì con tin mang đến nhiều rắc rối hơn là giá trị.

Không, tốt hơn là nên bắn cô ta. Hắn bắt đầu kéo cò khi cô ta ném khẩu súng của mình xuống vỉa hè với sự thất bại. Hắn nhìn khẩu súng, nghĩ, có gì không đúng ở đây... Đó là gì?

Cô ta đã nắm khẩu súng bằng tay trái. Nhưng cái bao súng lại nằm bên hông phải.

Đôi mắt của Thompson quay lại nhìn cô và há hốc miệng khi thấy con dao lóe lên bay vào mặt hắn. Cô đã quăng nó bằng bàn tay phải của mình, khi hắn nhìn khẩu súng chỉ trong một giây.

Con dao không cắm, hay thậm chí là cứa da hắn - đó là cái tay cầm sượt lên má hắn - nhưng cô đã quăng nó thẳng vào đôi mắt. Thompson nhào sang bên theo bản năng, đưa tay lên để bảo vệ mắt. Trước khi hắn có thể lùi lại và định vị mục tiêu, người phụ nữ đã áp sát, vung một hòn đá mà cô nhặt trong vườn. Hắn cảm thấy một cú đánh choáng váng vào bên thái dương, thổ hồng học trong cơn đau.

Hắn kéo cò một lần, và khẩu súng nổ. Nhưng viên đạn đã trượt mục tiêu và trước khi có thể bắn một phát nữa, viên đá đập mạnh vào bàn tay phải của hắn. Khẩu súng rớt xuống đất. Hắn rút lên và ôm lấy những ngón tay đau đớn.

Nghĩ rằng cô sẽ đi lấy khẩu súng, hắn cố khóa chặt cô lại. Nhưng Sachs không có ý định với khẩu súng. Cô đã có mọi thứ vũ khí mà cô cần; viên đá đập vào mặt hắn một lần nữa. “Không, không...” Hắn cố gắng để đánh trả, nhưng cô cũng khá to khỏe, và một một cú đánh khác bằng hòn đá đã khiến hắn khụy xuống, rồi một bên sườn hắn vịn lên từ những cú đánh. “Dừng lại, dừng lại”, hắn la hét. Nhưng đáp lại là một cú đánh khác vào má bằng hòn đá. Hắn nghe thấy tiếng rít lên trong cơn thịnh nộ từ cổ họng của cô.

Chúng sẽ giết con...

Cô ta đang làm gì vậy? Hắn tự hỏi trong cơn bàng hoàng. Cô ta đã thắng... Tại sao cô ta lại làm việc này, phá vỡ mọi quy tắc? Sao cô ta có thể? Điều này không có trong quyền sách.

... bằng một nụ hôn.

Trên thực tế, khi những cảnh sát chạy tới một khắc sau đó, chỉ có một trong số họ tóm lấy Thompson Boyd và còng tay hắn lại. Người kia đưa tay vòng quanh Sachs và vật lộn để giành lấy viên đá đầy máu trong tay cô. Trong cơn đau nhói bên tai hắn, Thompson nghe thấy viên cảnh sát nói đi nói lại: “Được rồi, được rồi. Cô bắt được hắn rồi, Thám tử. Ổn rồi, cô thả lỏng đi. Hắn sẽ không đi đâu hết, hắn sẽ không đi đâu hết, hắn sẽ không đi đâu hết...”

33. Chương 33

Làm ơn, làm ơn đi mà...

Amelia Sachs đang vội vã quay ngược trở lại căn nhà của Boyd nhanh hết mức có thể, bỏ qua những lời chúc mừng từ các đồng sự và cố gắng quên đi nỗi đau ở chân.

Đổ mồ hôi, thở dốc, cô chạy tới chỗ nhân viên y tế đầu tiên của đội cứu thương mà mình thấy và hỏi: “Người phụ nữ trong ngôi nhà đó sao rồi?”

“Kia ư?”, anh ta hất đầu về phía ngôi nhà.

“Đúng. Người phụ nữ nước da rám nắng sống ở đó.”

“Ồ, là cô ta. Tôi e là, tình hình không tốt.”

Sachs hít vào một hơi thật sâu, cảm thấy nỗi sợ hãi giống như tảng băng đặt lên da thịt mình. Cô đã tóm cổ được Boyd nhưng còn người phụ nữ cô đã có thể cứu sống thì lại chết. Cô nhấn tay vào ngón tay cái của mình và cảm thấy cơn đau, cảm thấy máu đang chảy ra. Nghĩ: Mình đã làm chính xác điều mà Boyd làm. Mình đã hy sinh mạng sống của một người vô tội vì lợi ích của công việc.

Nhân viên y tế tiếp tục: “Cô ta bị bắn”.

“Tôi biết”, Sachs thầm thì. Nhìn chằm chằm xuống đất. Này, thật khó mà sống với...

“Cô không cần phải lo lắng.”

“Lo lắng?”

“Cô ấy sẽ ổn thôi.”

Sachs cau mày. “Anh nói là tình hình không tốt.”

“Chà, kiểu như là, bị bắn cũng là một điều không hay chứ sao.”

“Chúa ơi, tôi đã biết là cô ấy bị bắn. Tôi đã ở đó khi điều đó xảy ra.”

“Ồ.”

“Tôi cứ nghĩ rằng ý anh là cô ấy đã chết.”

“Giờ. Cô ấy vẫn đang chảy máu nhưng chúng tôi đã đến đúng lúc. Cô ấy sẽ ổn thôi. Hiện cô ấy ở bệnh viện Luke’s ER. Tình trạng ổn định.”

“Được rồi, cảm ơn.”

Tôi có một tin xấu...

Sachs bước lại chậm rãi, với cái chân khập khiễng, và tìm thấy Sellito và Haumann ở trước ngôi nhà ẩn náu của Boyd.

“Cô tóm cổ hắn với một khẩu súng hết đạn phải không?”, Haumann hỏi, bằng giọng ngờ vực.

“Thực ra tôi tóm hắn với một hòn đá.”

Chỉ huy đội Phản ứng nhanh gật đầu, nhướn lông mày - lời khen ngợi ngọt ngào nhất của anh.

“Boyd có nói gì không?”, cô hỏi.

“Hắn biết quyền của mình. Hắn câm như hến.”

Cô và Sellito đổi lại súng. Anh nạp đạn. Cô kiểm tra khẩu Glock của mình và nhét lại nó vào bao.

Sachs hỏi: “Thế còn sự việc ở ngôi nhà thì sao?”. Haumann vuốt cái đầu húi cua lồm chồm của mình và nói: “Có vẻ như ngôi nhà hắn đang sống được thuê dưới tên Jeanne Starke. Đó là lũ trẻ của cô ta, hai bé gái. Không phải của Boyd. Chúng ta đã có tổ chức Bảo trợ trẻ em. Tòa nhà đó - anh hất đầu về phía ngôi nhà thứ nhất - là một nơi ẩn náu của hắn. Có đầy đủ vật chứng để chúng ta làm việc”.

Sachs nói: “Tốt hơn là tôi sẽ khám nghiệm hiện trường”.

“Chúng tôi giữ nó an toàn”, Haumann nói. “À, anh ấy làm điều đó.” Hất đầu về phía Sellito. Người đứng đầu ESU nói: “Tôi phải hỏi cung tên khốn này. Cô sẽ đến sau khi khám nghiệm hiện trường chứ? Họ sẽ cần lệnh”.

Sachs gật đầu, cùng với viên thanh tra to lớn bước về phía ngôi nhà tên tội phạm dùng để ẩn nấp. Một sự im lặng dày như những lớp cát ở giữa họ. Cuối cùng Sellito nhìn vào chân cô và nói: “Lại đau rồi phải không”.

“Lại?”

“Đúng, khi cô đi sơ tán các ngôi nhà, ở bên kia phố,

tôi đã nhìn ra ngoài cửa sổ. Có vẻ như là lúc đó cô vẫn đi lại được.”

“Đôi khi nó tự khỏi mà.”

Sellito nhún vai. “Thật buồn cười là làm thế nào những việc kiểu như vậy xảy ra được.”

“Buồn cười.”

Anh biết điều cô đã làm cho mình. Anh cũng nói với cô như vậy. Rồi anh hỏi: “Được rồi. Chúng ta đã bắt được tên giết người. Nhưng đó mới chỉ là một nửa công việc mà thôi. Chúng ta cần phải tóm được tên đầu sỏ thuê hắn và kẻ đồng lõa của hắn - kẻ mà chúng ta phải giả định rằng vừa mới nhận lấy nhiệm vụ từ Boyd. Bắt tay vào công việc thôi, Thanh tra”. Sellito nói với cái giọng cộc cằn như Rhyme có thể vẫn hay nói.

Đó chính là lời cảm ơn tuyệt vời nhất mà anh có thể nói với cô: Chỉ đơn giản là biết rằng anh đã trở lại.

Thường thì phần bằng chứng quan trọng nhất là cái cuối cùng mà chúng ta tìm ra.

Một nhà khám nghiệm hiện trường giỏi ngay lập tức nhắm vào các vật chứng dễ bị hủy hoại, thường là ảnh hưởng bởi sự bay hơi, bị xóa hồng bởi mưa, bị tiêu tan bởi gió... và bỏ lại những bằng chứng đã quá rõ ràng để thu thập sau - như là khẩu súng còn bốc khói.

Lincoln Rhyme thường nói nếu hiện trường được bảo vệ, những đồ còn tốt sẽ không biến đâu mất

Tại cả hai nơi ở của Boyd và ngôi nhà ẩn náu bên kia phố, Sachs đã thu các mẫu dấu tay ẩn, ghép các dấu vết, thu lượm các mẫu chất lỏng từ nhà vệ sinh để có các phân tích DNA, cạo bề mặt sàn và các đồ vật, cất các mẫu thảm để có các mẫu sợi và chụp ảnh cũng như quay phim toàn bộ khu vực. Chỉ sau khi làm như thế cô mới quay sự chú ý của mình sang các đồ rõ ràng và lớn hơn. Cô sắp xếp để đưa các chất acid và cyanide tới trụ sở trung tâm lưu giữ bằng chứng độc hại ở Bronx, và xử lý cái thiết bị nổ tự tạo được đựng trong chiếc đài bán dẫn.

Cô xem xét và kiểm tra các vũ khí cũng như đạn, tiền, các cuộn dây thừng, dụng cụ. Hàng tá đồ vật có vẻ hữu dụng để làm bằng chứng.

Cuối cùng, Sachs lấy lên một phong bì nhỏ màu trắng nằm ở gần cửa trước của ngôi nhà dùng để ẩn náu.

Ở bên trong là một tờ giấy.

Sachs đọc nó. Rồi cười rất nhanh. Cô đọc bức thư một lần nữa. Và gọi cho Rhyme, tự nghĩ rằng: Người anh em à, liệu chúng ta có sai không.

“Vây”, Rhyme nói với Cooper khi hai người nhìn vào màn hình máy tính. “Tôi cá một trăm đô là chúng ta tìm thấy nhiều carbon nguyên chất hơn nữa, giống như thứ trên bản đồ giấu dưới gối của hắc ở căn hộ trên phố Elizabeth. Anh có muốn thử không? Đặt cược không?”

“Quá muộn rồi”, Cooper nói, khi chiếc máy phân tích kêu bíp và bản phân tích dấu vết các thành tố từ trên tờ giấy trôi lên trước họ. “Không thể thì kiểu gì tôi cũng cược rồi.” Anh ta đẩy chiếc kính cao hơn trên mũi và nói: “Và, đúng, carbon. Một trăm phần trăm”.

Carbon. Có thể được tìm thấy trong than đá, bụi hoặc hàng tá các vật chất khác.

Nhưng nó cũng có thể là bụi kim cương.

“Điều đáng ghét mới nhất trong tiếng Anh của thế giới thương mại là gì?” Nhà tội phạm học hỏi, tâm trạng lại một lần nữa tràn đầy hứng khởi. “Chúng ta đi sai đường rồi.”

Ồ, họ đã không sai về việc Boyd là hung thủ của vụ này hoặc sự thật là hắc đã được thuê để giết Geneva. Không, chính là họ đã hoàn toàn thổi phồng động cơ vụ án. Tất cả mọi thứ họ phỏng đoán về phong trào quyền dân sự trước đây, về những gợi ý hiện tại về việc dàn dựng nên vụ cướp của Charles Singleton từ Quỹ Nô lệ tự do, âm mưu về Bản sửa đổi số 14... Họ đã sai hoàn toàn.

Geneva Settle đã bị mục tiêu đến chết đơn giản bởi vì cô đã nhìn thấy một thứ gì đó mà đáng ra không nên thấy: một vụ cướp nữ trang đã được lên kế hoạch.

Bức thư mà Amelia Sachs tìm thấy trong ngôi nhà ẩn náu của hắc có bản đồ của nhiều tòa nhà khác nhau trên phố, bao gồm cả bảo tàng Mỹ - Phi. Tờ giấy ghi chú viết:

Một con bé da đen, ở cửa sổ này tầng năm, ngày mùng 2 tháng 10, khoảng 8 giờ 30 phút. Nó thấy chiếc xe chở hàng của tôi đậu ở con hẻm phía sau cửa hàng mua bán trang sức đá quý. Nó đã nhìn đủ để đoán ra được kế hoạch của tôi. Giết nó.

Cửa sổ của thư viện ở gần chiếc máy đọc vi phim, chỗ mà Geneva bị tấn công được khoanh tròn trên tấm biểu đồ.

Bên cạnh lỗi đánh thiếu chữ, ngôn ngữ của tờ ghi chú cũng khá khác thường, và theo như nhà tội phạm học thì khá tốt; khi lần theo dấu vết của một cái bắt thường thì dễ dàng hơn. Rhyme đã đưa Cooper gửi một bản tới Paker Kincaid, một cựu chuyên viên kiểm tra tài liệu của FBI bên ngoài D.C., hiện đang hành nghề tự do. Cũng giống như Rhyme, Kincaid đôi khi được tham gia vào các công việc của những chỉ huy cũ và các sở hành pháp khác để tư vấn trong một số vụ việc liên quan tới các tài liệu và chữ viết tay. Email trả lời của Kincaid nói rằng anh sẽ có câu trả lời cho họ nhanh nhất có thể.

Khi xem xét lá thư, Amelia Sachs đã lắc đầu một cách đầy giận dữ. Cô nhớ lại vụ việc về gã có vũ trang mà cô và Pulaski ở bên ngoài bảo tàng ngày hôm qua - hóa ra hắc là một nhân viên an ninh, kẻ đã nói với họ về những thứ giá trị của giao dịch, về những giao dịch hàng triệu đô từ Amsterdam và Jerusalem hằng ngày.

“Chúng ta đáng lẽ nên chú ý điều đó”, cô nói, lắc lắc đầu.

Nhưng ai có thể đoán được là Thompson Boyd được thuê giết Geneva chỉ vì cô bé nhìn ra bên ngoài cửa sổ không đúng lúc?

“Nhưng tại sao lại lấy đi cái máy đọc vi phim chứ?”, Sellito hỏi.

“Tất nhiên là để đánh lạc hướng của chúng ta. Và đúng là nó đã làm khá tốt việc đấy.”

Rhyme thở dài. “Trong khi chúng ta thì chạy vòng quanh, nghĩ về các âm mưu liên quan tới luật hiến pháp. Boyd hẳn là chẳng có chút hiểu biết gì về cái mà Geneva đang đọc.” Anh quay sang cô bé, đang ngồi gần đó và cầm một ly chocolate nóng. “Kẻ nào viết cái tờ giấy đó đã nhìn thấy cháu từ trên phố. Hẳn hoặc là Boyd liên lạc với người quản lý thư viện để biết cháu là ai và khi nào thì cháu sẽ quay lại, để Boyd có thể ở đó, đợi cháu. Tiến sĩ Barry bị giết ông ấy có thể chỉ ra manh mối giữa cháu với chúng... Giờ, nghĩ lại khoảng một tuần trước. Cháu nhìn ra ngoài cửa sổ lúc 8 giờ 30 phút, nhìn thấy một chiếc xe tải và một kẻ nào đó ở trong hẻm. Cháu có nhớ đã thấy gì không?”

Cô bé liếc mắt và cúi xuống. “Cháu không biết. Cháu nhìn ra ngoài rất nhiều lần. Khi đọc mệt quá thì cháu đi loanh quanh vài lần, chú biết đấy. Cháu không thể nhớ một điều gì cụ thể cả.”

Sachs nói chuyện với Geneva trong mười phút, cố gắng gợi cho cô bé nhớ lại một hình ảnh. Nhưng để nhớ lại một người cụ thể và một chiếc xe tải chở hàng trên những con phố đông đúc ở trong thành phố chỉ qua một cái nhìn một tuần trước là quá nhiều với trí nhớ của một cô bé.

Rhyme gọi cho giám đốc của Sở giao dịch trang sức đá quý Mỹ và nói với ông ta những gì họ mới phát hiện ra. Hỏi xem liệu ông ta có tình cờ biết ai đó có khả năng cố tạo ra một vụ trộm, ông ta đáp lại rằng: “Mẹ kiếp, không có gì hết. Dù nó xảy ra nhiều hơn anh có thể nghĩ”.

“Chúng tôi tìm thấy dấu vết của carbon nguyên chất trong một vài vật chứng. Bụi kim cương, chúng tôi nghĩ thế.”

“Ồ, vậy có nghĩa là chúng đã xem xét con hẻm ở gần khu ga ra. Không ai ở bên ngoài được đến gần khu phòng cất, nhưng, này, nếu anh đánh bóng sản phẩm, anh sẽ nhặt được bụi. Nó có ở trong những chiếc túi máy hút bụi chân không và trên bất cứ vật gì mà chúng tôi ném ra ngoài.”

Người đàn ông cười, không nhiều lo lắng với tin tức về vụ trộm đang lơ lửng trên đầu được báo trước. “Dù gì, tôi cũng sẽ báo với anh, bất cứ kẻ nào định động vào chúng tôi sẽ dính ngay vài viên đạn. Chúng tôi có hệ thống an ninh tốt nhất trong thành phố. Ai cũng tưởng là nó giống với trên ti vi. Chúng tôi có những gã đến để mua nhẫn cho bạn gái rồi chúng nhìn quanh và hỏi những tia vô hình mà ta đeo kính mới thấy đâu, anh hiểu chứ? Chà, câu trả lời là họ chả làm ra cái máy phát tia vô hình khi gió nào cả. Bởi nếu anh có thể đi loanh quanh các tia khi đang đeo những chiếc kính đặc biệt, thì những kẻ xấu sẽ đi mua những cái kính chó chết ấy và đi vòng quanh đúng không? Hệ thống báo động thực sự không như vậy. Nếu một con ruồi đánh rầm trong két của chúng tôi, còi báo động sẽ rú ầm ỉ. Và, sự thật là, cái hệ thống an ninh chặt đến mức một con ruồi cũng không thể lọt qua được.”

“Tôi đáng lẽ cần phải biết”, Lincoln Rhyme nói sau khi họ dập máy. “Nhìn lên biểu đồ nào! Nhìn vào những gì chúng ta tìm thấy ở nơi trú ẩn đầu tiên của hắn.” Anh hất đầu về phía tấm bản đồ được tìm thấy ở căn hộ trên phố Elizabeth. Nó chỉ cho thấy nét phác thảo của thư viện nơi Geneva bị tấn công. Trung tâm giao bên kia phố được vẽ lớn hơn và chi tiết hơn nhiều, cũng như các con hẻm gần đó, các cánh cửa và các khu ga ra - lối vào và lối ra của trung tâm, chứ không phải bảo tàng.

Hai thanh tra từ trung tâm thành phố đã hỏi cung Boyd về thân nhân kẻ đứng đằng sau vụ cướp, kẻ đã thuê hắn, nhưng hắn né tránh.

Sellito kiểm tra dữ liệu của sở Larceny, sở NYPD trên các báo cáo về các hoạt động đáng ngờ ở quận kim cương nhưng không có manh mối nào đặc biệt có vẻ liên quan. Fred Dellray tạm dừng việc điều tra những tin đồn về các vụ đánh bom khủng bố tiềm năng để kiểm tra các dữ liệu của FBI về bất cứ cuộc điều tra nào liên quan đến các vụ trộm trang sức. Bởi trộm cắp không phải là một tội cấp bang, không có nhiều vụ lắm, nhưng một vài trong số đó - phần lớn liên quan đến hoạt động rửa tiền trong khu vực New York - đang còn hiệu lực và anh hứa sẽ mang các báo cáo tới ngay lập tức.

Giờ họ quay sang các vật chứng tìm thấy tại nơi ở và ngôi nhà ẩn nấp của Boyd, với hy vọng tìm ra kế hoạch của tên trộm. Họ kiểm tra khẩu súng, những chất hóa học, dụng cụ và các vật còn lại, nhưng không có gì mà họ chưa tìm ra trước đó: nhiều màu sơn màu cam, các vệt acid, các mẫu vụn bánh falafel và các vết sữa chua, có vẻ như đó là bữa ăn ưa thích của Boyd. Họ kiểm tra thông qua số seri các tờ tiền và không tìm thấy gì từ Bộ tài chính, và chẳng có tờ tiền nào có lấy một dấu vân tay. Để rút một số tiền lớn như vậy từ một tài khoản là khá mạo hiểm với gã thuê Boyd bởi bất cứ một giao dịch lớn nào như vậy đều phải được báo cáo theo các quy định về việc lưu giữ tiền. Nhưng một cuộc kiểm tra nhanh về các vụ rút tiền lớn gần

đây từ các ngân hàng trong khu vực không đưa ra được một đầu mối nào. Điều này khá kỳ lạ, Rhyme nghĩ, dù đã kết luận rằng hung thủ hẳn đã rút nhiều khoản tiền nhỏ suốt thời gian để trả công cho Boyd.

Có vẻ như thủ phạm phải là một người rất khó tìm trên thế giới này, hẳn không có điện thoại di động, hoặc nếu có, hẳn hẳn phải là một thuê bao trả trước vô danh - sẽ không có các hóa đơn cước về nhật ký cuộc gọi - cũng như hẳn phải tính toán trước để vứt nó đi trước khi bị bắt. Xem xét hóa đơn điện thoại bàn của Jeanne Starke không mang lại điều gì khả nghi trừ việc có hàng tá cuộc gọi tới một chiếc bộ điện thoại công cộng ở Manhattan, Queens hoặc Brooklyn, nhưng chẳng liên quan tới một địa điểm nào cụ thể thường xuyên cả.

Tuy nhiên, sự dũng cảm của Sellito đã mang lại những bằng chứng khá tốt: những dấu tay trên thanh dynamite và phần lõi của chiếc đài bán dẫn nổ. Hệ thống IAFIS của FBI và các dữ liệu dấu vân tay cấp cơ sở đưa tới một cái tên: Jon Earle Wilson. Hẳn đã từng phạm nhiều tội ở Ohio và New Jersey, bao gồm cả đốt nhà phóng hỏa, chế tạo bom và lừa đảo bảo hiểm. Nhưng hẳn đã tr khỏi tầm kiểm soát của các nhà chức trách địa phương, Cooper báo cáo. Địa chỉ cuối cùng là ở Brooklyn nhưng đó là một khu đất trống.

“Tôi không cần những địa chỉ cuối cùng của hẳn được biết đến. Tôi muốn địa chỉ hiện tại. Đưa cả FBI vào tìm kiếm nữa.”

“Nhất trí.”

Tiếng chuông cửa reo. Tất cả mọi người vẫn còn cảnh giác với hung thủ chính đằng sau vụ án và tên đồng phạm vẫn chưa bị tóm cổ và họ nhìn ra cửa với sự thận trọng. Sellito đã trả lời tiếng chuông cửa và anh bước vào phòng thí nghiệm với một cậu bé da đen, tầm tuổi vị thành niên, cao ráo, mặc một chiếc quần lửng ngang bắp chân và một chiếc áo Knicks. Cậu ta mang theo một chiếc túi đồ nặng. Cậu nhóc chớp chớp mắt ngạc nhiên khi nhìn thấy Rhyme - rồi mọi thứ khác ở trong căn phòng.

“Ồ, Geneva, chuyện gì xảy ra vậy?”

Cô nhìn cậu ta với một cái cau mày.

“Ồ, mình là Rudy.” Cậu ta cười. “Cậu không nhớ tớ rồi.”

Geneva gật đầu. “Ừ. Mình cũng nghĩ thế. Cậu là...”

“Anh trai của Ronelle.”

Cô bé nói với Rhyme. “Một bạn gái trong lớp cháu.”

“Sao cậu biết tớ ở đây?”

“Ừ, Ronee nghe ai đó nói.”

“Hẳn phải là Keesh rồi. Cháu đã nói với cậu ấy.” Geneva nói với Rhyme.

Cậu bé nhìn quanh phòng thí nghiệm một lần nữa rồi quay lại với Geneva. “Đây là gì, vài đứa trong lớp gửi cho cậu cái này. Cậu biết đấy, cậu đã không ở trường và chúng nó nghĩ là cậu sẽ cần cái gì đó để đọc. Tớ đã bảo là, đưa cho cậu cái Game Boy, nhưng chúng nó bảo không, cậu thích đọc sách. Nên bọn nó gửi cái này cho cậu.”

“Thật sao?”

“Thật. Không phải bài tập về nhà hay đại loại như thế đâu. Cậu có thể đọc để giải trí”

“Ai gửi?”

“Ronelle, vài đứa con gái khác, không biết nữa. Đây này. Nặng cả tấn ý chứ.”

“Chà, cảm ơn nhé

Cô cầm lấy cái túi.

“Lũ con gái nói với tớ rằng mọi việc sẽ ổn.”

Geneva cười gượng gạo và cảm ơn cậu ta một lần nữa, gửi lời chào của mình tới bạn bè trong lớp. Cậu bé rời đi, Geneva nhìn xuống chiếc túi. Nhắc lên một quyển sách của Laura Ingalls Wilder, Geneva lại cười. “Không biết chúng nó đang nghĩ gì. Mình đã đọc quyển này rồi, đến bảy năm trước rồi ý chứ.” Cô thả nó vào trong túi. “Dù sao thì, các bạn ấy thật tốt.”

“Và khá có ích”, Thom nói một cách châm chọc. “Chú e là, không có nhiều thứ ở đây để cho cháu đọc đâu.” Một cái nhìn tới Rhyme. “Chú vẫn làm việc với anh ta. m nhạc. Giờ anh ta rất hay nghe nhạc. Thậm chí còn đe dọa sẽ tự viết vài bản nhạc. Còn đọc truyện viễn tưởng á? Chúng ta vẫn chưa đạt đến trình độ ấy.”

Geneva cười với Thom một cách vui vẻ, cầm chiếc túi đựng đồ và đi về phía hành lang khi Rhyme nói: “Cảm ơn. Vì đã vạch áo tôi ra, Thom. Trong bất cứ tình huống nào, giờ thì Geneva có thể đọc thỏa thích, mà tôi chắc chắn là cô bé thích làm thế hơn là ngồi nghe những câu nói chán ngắt của cậu. Còn với thời gian rảnh rỗi của tôi? Tôi cho là mình không có nhiều thời gian như thế, cậu biết đấy, cố để tóm những kẻ giết người”. Đôi mắt anh lại quay lên nhìn vào tấm bảng ghi chép bằng chứng.

Bảng bằng chứng:

Nơi ở của Thompson Boyd và nhà an toàn chính

- + Có nhiều falafel và sữa chua hơn, các vết sơn.
- + Tiền mặt (tiền cho công việc?) 100.000 đô la tiền mới. Không có dấu vết. Nhiều khả năng được rút ra bằng các khoản tiền nhỏ nhiều lần.
- + Vũ khí (súng, dùi cui, dây thừng) có liên hệ với các hiện trường trước.
- + Acid và cyanide có liên hệ với hiện trường trước đó, không có dấu hiệu đưa tới nhà sản xuất.
- + Không có điện thoại di động. Các thông tin ghi chép về điện thoại khác không có ích.
- + Các dụng cụ đưa tới hiện trường trước.
- + Lá thư hé lộ ra việc G. Settle bị nhắm tới vì cô bé là nhân chứng cho một vụ cướp trang sức đang được lên kế hoạch. Nhiều carbon nguyên chất hơn 1 được nhận định là bụi kim cương.
- + được gửi tới Parker Kincaid ở Washington D.C., để làm các kiểm tra đánh giá.
- + Thiết bị nổ tự tạo, một phần bày trong nhà. Các dấu tay là của một kẻ tạo bom từng bị kết án John Earle Wilson. Hiện đang truy lùng tên này.

Hiện trường quán Potter's Field (1868)

- + Một quán rượu ở Gallows Heights - nằm trên con phố 80 ở Upper West Side, vào khoảng những năm 1860.
- + Potter's Field có khả năng là nơi tụ tập của Boss Tweed và các chính trị gia tham nhũng của New York.
- + Charles đến đây vào ngày 15 tháng 7 năm 1868.
- + Bị đốt cháy sau một vụ nổ, được phỏng đoán là ngay sau chuyến viếng thăm của Charles. Để giấu bí mật của ông ấy?
- + Xác ở dưới tầng hầm, đàn ông, được phỏng đoán bị Charles Singleton giết.
- Phát bắn vào trán bởi khẩu Navy Colt 36 ly, được nạp đạn 39 ly (loại súng mà Charles sở hữu).
- + Những đồng tiền vàng.
- + Người đàn ông bị giết có một khẩu Derringer.
- + Không có danh tính.
- + Có chiếc nhẫn khắc chữ “Winskieskie”.
- Nghĩa là “người canh cửa” hoặc “người gác D.C., để làm các kiểm tra đánh giá.
- + Thiết bị nổ tự tạo, một phần bày trong nhà. Các dấu tay là của một kẻ tạo bom từng bị kết án John Earle Wilson. Hiện đang truy lùng tên này.

Hiện trường quán Potter's Field (1868)

- + Một quán rượu ở Gallows Heights - nằm trên con phố 80 ở Upper West Side, vào khoảng những năm 1860.
- + Potter's Field có khả năng là nơi tụ tập của Boss Tweed và các chính trị gia tham nhũng của New York.
- + Charles đến đây vào ngày 15 tháng 7 năm 1868.
- + Bị đốt cháy sau một vụ nổ, được phỏng đoán là ngay sau chuyến viếng thăm của giấu bí mật của ông ấy?
- + Xác ở dưới tầng hầm, đàn ông, được phỏng đoán bị Charles Singleton giết.
- Phát bắn vào trán bởi khẩu Navy Colt 36 ly, được nạp đạn 39 ly (loại súng mà Charles sở hữu).
- + Những đồng tiền vàng.
- + Người đàn ông bị giết có một khẩu Derringer.
- + Không có danh tính.
- + Có chiếc nhẫn khắc chữ "Winskieskie".
- Nghĩa là "người canh cửa" hoặc "người gác
- + Bộ bài tarot, thiếu lá số mười hai; không có manh mối.
- + Bản đồ chi tiết bảo tàng nơi Geneva bị tấn công và các tòa nhà bên kia con phố.
- + Dấu vết:
 - Falafel và sữa chua.
 - Các mẫu gỗ lấy ra từ mặt bàn làm việc với vệt acid sulfuric tinh chất.
 - Chất lỏng trong suốt, không phải chất nổ. Gửi tới phòng thí nghiệm của FBI.
- * Xác định là Murine.
- Nhiều sợi vải từ dây thừng hơn. Thừng thắt cổ?
- Carbon nguyên chất tìm thấy trên tấm bản đồ.
- * Xác định là bụi kim cương.
- * Ngôi nhà được thuê, bằng tiền mặt, với cái tên Billy Todd Hammil. Khớp với miêu tả của Nghi phạm 109, nhưng không có manh mối nào liên quan tới Hammil thực tế.

Hiện trường Bảo tàng Mỹ - Phi

- + Gói đồ hiếp dâm:
 - Lá bài tarot, số mười hai trong bộ bài, Người treo ngược, có nghĩa là sự tìm kiếm tâm linh.
 - Chiếc túi có hình mặt cười.
- * Quá chung chung để lần tìm.
 - Dao rọc giấy.
 - Bao cao su Trojan.
 - Băng dính.
 - Dầu thơm mùi hoa nhài.
 - Vật không rõ giá 5,95 đô. Có khả năng là chiếc mũ trùm.
 - Hóa đơn, cho thấy cửa hàng nằm ở thành phố New York, cửa hàng tạp hóa giảm giá hoặc một hàng được phẩm.

* Nhiều khả năng được mua từ một cửa hàng trên phố Mulberry, Little Italy. Hung thủ được nhận dạng bởi nhân viên bán hàng.

+ Dấu tay:

- Nghi phạm đeo găng tay cao su.

- Dấu tay trên gói đồ thuộc về một người có bàn tay nhỏ, không có dữ liệu trong hệ thống IAFIS. Nhiều khả năng là của nhân viên bán hàng.

+ Dấu vết:

- Sợi thảm vải bông, một vài có vết máu người. Dây để thắt cổ?

* Gửi tới CODIS.

* Không tìm thấy DNA trùng khớp ở CODIS.

- Bông ngô và kẹo bông với những dấu vết nước dãi chó.

+ Vũ khí:

- Dùi cui hoặc một chiếc côn.

- Khẩu súng có ổ thuốc lớn, hạt kích nổ vành, kiểu súng ngắn Quân đội Bắc Mỹ 22 ly, loại Black Widow hoặc Minimaster.

- Tạo những viên đạn riêng, đầu đạn với những chiếc kim. Không thấy dữ liệu trong IBIS hay DRUGFIRE.

+ Động cơ:

- Geneva Settle là nhân chứng một vụ phạm tội đang trong kế hoạch thực hiện - ở Trung tâm mua bán trang sức bên kia con phố từ bảo tàng Mỹ - Phi

+ Hồ sơ vụ việc gửi tới VICAP và NCIC.

- Vụ giết người ở Amarillo, Texas, năm năm trước. Cũng có hiện trường được làm giả (làm như vụ giết người là nghi lễ tôn giáo, nhưng động cơ thật sự vẫn chưa được tìm ra).

* Nạn nhân là một người gác ngục đã nghỉ hưu.

* Bức ảnh từ máy tính được gửi tới nhà tù Texas.

- Được nhận dạng là Thompson G. Boyd, nhân viên thi hành án.

+ Vụ giết người ở Ohio, ba năm về trước. Cũng có hiện trường được làm giả (làm như đó là một vụ tấn công tình dục đồng giới, nhưng động cơ thật sự là được thuê giết). Hồ sơ bị thất lạc.

Hồ sơ về Nghi phạm 109

+ Thompson Boyd, cựu nhân viên thi hành án, Amarillo, TX.

+ Hiện đã bị bắt giữ.

Hồ sơ về kẻ thuê Nghi phạm 109

+ Chưa có thông tin gì lúc này.

Hồ sơ về đồng phạm của Nghi phạm 109

+ Nam, da đen.

+ Cuối ba mươi, đầu bốn mươi.

+ Cao khoảng 1m8.

+ Thân thể khỏe mạnh cường tráng.

+ Mặc chiếc áo dă chiến màu xanh.

- + Từng là phạm nhân.
- + Chân khập khiễng.
- + Được báo cáo có mang súng.
- + Râu được cạo sạch sẽ.
- +
- + Đang đợi các nhân chứng thêm và băng ghi hình ninh.
- Băng ghi hình chưa rõ ràng, được gửi tới phòng thí nghiệm để phân tích.
- + Giày lao động cũ kỹ.

Hồ sơ về Charles Singleton

- + Cựu nô lệ, tổ tiên của Geneva Settle. Có gia đình, một con trai. Được ông chủ cho một vườn cây ở tiểu bang New York. Làm việc với vai trò một thầy giáo. Tham gia vào cuộc vận động vì dân quyền từ rất sớm.
- + Charles bị cho là đã thực hiện một vụ ăn trộm năm 1868, chủ đề của bài báo trong tấm vi phim bị lấy trộm.
- + Có một bí mật chưa được hé lộ. Lo lắng rằng sẽ gây ra thảm kịch nếu bí mật bị hé lộ.
- + Tham gia vào các buổi họp bí mật ở Gallows Heights gần New York.
- Dính líu tới những hoạt động mạo hiểm?
- + Làm việc với Frederick Douglass và những người khác liên quan tới Tu chính án số 14 trình Thượng viện để được phê chuẩn.
- + Vụ án, theo tờ Tuần báo Minh họa dành cho người da màu :
- Charles bị bắt bởi Thám tử William Simms vì ăn trộm một lượng lớn từ Quỹ Nô lệ tự do ở New York. Đột nhập vào két, nhân chứng nhìn thấy ông ta rời khỏi đó nhanh chóng. Dụng cụ dùng để gây án được tìm thấy ở gần đó. Phần lớn tiền đã được tìm lại. Bị tuyên án năm năm tù. Không có thông tin gì về ông ấy sau khi bị tuyên án. Bị cho là tận dụng quan hệ với những nhà lãnh đạo trong cuộc vận động dân quyền thời gian đầu để tiếp cận Quỹ.
- + Thư của Charles:
- Bức thư thứ nhất, gửi tới vợ: về cuộc khởi nghĩa chống quân dịch năm 1863, sự chống lại người da đen ở khắp tiểu bang New York, hành hình, đốt phá. Nguy cơ ảnh hưởng tới tài sản mà người da đen sở hữu.
- Bức thư thứ hai, tới vợ: Charles trong trận chiến ở Appomattox vào giai đoạn cuối cuộc Nội chiến.
- Bức thư thứ ba, tới vợ: Tham gia vào cuộc vận động quyền dân sự. Bị đe dọa vì công việc của mình. Đau khổ với bí mật.
- Bức thư thứ tư, tới vợ: Đi tới Potter's Field với khẩu súng vì "công lý". Kết quả thảm khốc. Sự thật hiện đang nằm sâu dưới quán Potter's Field. Bí mật của ông ấy là tất cả những gì khiến ông ấy đau khổ.

34. Chương 34

Bỏ đi cái xe đẩy chở hàng, Jax lại đóng vai kẻ vô gia cư một lần nữa.

Lúc này hắn không còn bị tâm thần phân liệt như trước đây nữa. Vua Graffiti đang giả vờ là một cựu chiến binh bị bắn vào mông điển hình, cảm thấy nuối tiếc, thương hại chính mình, xin tiền lẻ, ngửa một chiếc mũ Mets cũ sờn ra trên vỉa hè dính đầy bã kẹo cao su và đựng ba mươi bảy cent.

Một trò rẻ tiền.

Hắn không còn mặc chiếc áo khoác dã chiến màu oliu nâu xám hay chiếc áo màu xám, mà đang mặc một chiếc áo phong màu đen đầy bụi bên trong chiếc áo khoác thể thao cũ sờn màu be (được nhấc lên khỏi một đồng rác theo cách mà một người vô gia cư thật sự làm), Jax đang ngồi trên băng ghế bên kia ngôi nhà ở khu Central Park, ôm ấp một chiếc can được bọc kín trong chiếc túi giấy màu nâu bẩn thỉu. Đáng lẽ phải là loại rượu Malt, hắn nghĩ một cách chua chát. Ước gì là thế. Nhưng nó chỉ là trà đào Arizona. Hắn ngồi dựa ra sau, như đang nghĩ xem liệu mình muốn thử công việc kiểu gì để cũng có thể tận hưởng một ngày mùa thu thật mát mẻ, và nhấp thêm nhiều ngụm nước trà đào ngọt lịm. Hắn đốt một điếu thuốc và nhả khói vào bầu trời trong vắt.

Hắn đang nhìn một đứa nhóc từ trường trung học Langston Hughes bước tới, đứa vừa mới rời khỏi ngôi nhà ở phía tây khu Central Park, nó vừa đưa chiếc túi tới Geneva Settle. Vẫn không có dấu hiệu nào cho thấy có người đang kiểm tra khu phố từ bên trong, nhưng điều đó không có nghĩa là chẳng có ai trong đó. Hơn nữa, hai chiếc xe cảnh sát đậu ở trước nhà, một xe có sơn huy hiệu và một xe thường, ngay bên cạnh đường dành cho xe lăn. Vậy Jax đã đợi thằng nhóc mang đồ đến ở đây, cách đó gần một dãy phố.

Thằng nhóc gầy guộc bước tới và ngồi phịch xuống ghế bên cạnh vị vua Graffiti - không - hẳn - là - vô - gia - cư.

“Yo, yo.. chào.”

“Tại sao lũ nhóc chúng mày cứ nói ‘yo, yo’ suốt thế?”, Jax hỏi, nhái lại giọng. “Thế quái nào mày phải nói hai lần chứ?”

“Ai cũng nói thế. Vấn đề của ông là gì chứ?”

“Mày đã đưa cái túi chưa?”

“Có vấn đề gì với cái lão không có chân ấy chứ?”

“Ai?”

“Có một lão trong đó không có chân. Hoặc là lão ta có nhưng không dùng được.”

Jax không biết thằng nhóc đang nói về cái gì. Hắn muốn có một đứa lanh lẹ hơn đưa chiếc túi vào trong ngôi nhà, nhưng đây là đứa duy nhất hắn tìm thấy quanh cái sân trường Langston Hughes - nơi duy nhất có các mối liên hệ của Geneva Settle - và em gái của thằng nhóc này có vẻ biết con bé. Hắn nhắc lại: “Mày đã đưa con bé cái túi chưa?”

“Tôi đã đưa rồi, ừm.”

“Nó nói gì?”

“Tôi chả biết. Điều gì đó rồi cảm ơn. Tôi không biết nữa.”

“Nó có tin mày không?”

“Lúc đầu, con bé có vẻ không biết tôi là ai, rồi sau đó nó có vẻ nhớ ra. Khi tôi nói đến em gái mình.”

Hắn đưa cho thằng nhóc vài tờ tiền.

“Tuyệt... Yo, nếu có điều gì khác cần tôi làm, tôi luôn sẵn sàng nhé. Tôi...”

“Biến đi.”

Thằng nhóc nhún vai và bắt đầu quay đi.

“Đợi đã.” Jax nói.

Thằng nhóc vừa đi vừa nhún nhảy rồi dừng lại. Nó quay đầu.

“Con bé nhìn như thế nào?”

“Con quỷ cái ấy á? Nhìn nó như thế nào ư?”

Không, đó không phải là điều hấn đang tò mò muốn biết. Nhưng hấn không biết phải hỏi như thế nào, rồi quyết định không muốn hỏi nữa. Hấn lắc đầu. “Đi làm việc của mày đi.”

“Gặp sau nhé.”

Thằng nhóc biến mất.

Một phần tâm trí nói với hấn ở lại đây. Nhưng như thế có vẻ là ngu ngốc. Tốt hơn là nên giữ khoảng cách giữa hấn với chỗ ấy. Hấn sẽ biết sớm, bằng cách này hay cách khác, điều xảy ra khi con bé nhìn vào cái túi.

Geneva ngồi trên giường, nằm ngả ra, nhắm nghiền mắt, tự hỏi cô đang cảm thấy dễ chịu vì điều gì.

Chà, họ đã bắt được tên giết người. Nhưng tất nhiên đó không thể là tất cả cảm giác đó, bởi cái gã thuê tên này vẫn ở đâu đó ngoài kia. Và cũng còn cả cái gã với khẩu súng ở sân trường, trong bộ áo khoác dã chiến.

Cô nên lo sợ, chán nản mới phải.

Nhưng cô không như vậy. Cô cảm thấy thoải mái, phần chần.

Tại sao?

Rồi cô đã hiểu ra: Đó là bởi vì Geneva đã nói ra điều bí mật của mình. Gỡ bỏ đi gánh nặng đè lên trái tim về việc phải sống một mình, về cha mẹ. Và không có một ai cảm thấy kinh khủng cũng như sốc và ghét bỏ cô vì điều dối trá ấy. Chú Rhyme và cô Amelia thậm chí còn giúp đỡ cô, cả thanh tra Bell nữa. Họ đã không hề bực tức và không tố cáo cô với cô giáo cổ vấn.

Chà, cô cảm thấy yên tâm. Thật khó khăn biết bao, khi mang theo điều bí mật này - giống như Charles đã chắt chứa điều bí mật của ông (dù nó có là điều gì đi nữa). Nếu như người cự nộ lệ đã nói với ai đó, liệu ông ấy có bớt được những nỗi buồn khổ sau đó không? Theo bức thư, có vẻ ông ấy cũng nghĩ như vậy.

Geneva nhìn vào chiếc tài đựng những quyển sách mà các nữ sinh ở Langston Hughes đã đưa cho cô. Sự tò mò trỗi dậy và cô quyết định nhìn chúng. Cô nhấc chiếc túi lên giường. Như lời của anh trai Ronelle nói, nó nặng cả tấn.

Cô mò vào trong và nhấc ra quyển sách của Laura Ingalls Wilder. Rồi quyển khác: Geneva cười thành tiếng lớn. Cái này còn lạ lùng hơn nữa: Đó là một cuốn truyện trinh thám của Nancy Drew. Kỳ lạ vì điều gì? Cô nhìn vào một vài tựa đề, sách của Judy Bume, Dr Seuss, Pat McDonald. Đều là sách cho trẻ em và lứa tuổi thanh thiếu niên. Các tác giả tuyệt vời, cô biết tất cả họ.

Nhưng cô đã đọc những câu chuyện của họ hằng năm trước rồi. Như thế thì sao? Chẳng phải Ronelle và lũ nhóc biết cô hay sao? Phần lớn những cuốn sách cô đọc để giải trí gần đây là các tiểu thuyết dành cho người lớn: Tàn dư của ngày của Kazuo Ishiguro và Người phụ nữ của Trung úy Pháp của John Fowles. Lần gần đây nhất cô đọc Trứng xanh và đùi lợn đã là mười năm trước rồi.

Có thể có gì đó hay ho hơn ở bên dưới chẳng. Cô bắt đầu mò vào trong cùng.

Một tiếng gõ cửa làm cô giật mình.

“Mời vào.”

Thom bước vào, mang theo một cái khay với Pepsi và vài gói bim bim.

“Đây nè”, anh nói.

“Vâng.”

“Anh nghĩ rằng em muốn một ít đồ ăn.” Anh mở lon soda cho cô bé. Cô lắc đầu với chiếc cốc mà anh đang định đổ vào. “Uống bằng lon cũng được mà” cô nói.

Cô muốn giữ mọi đồ vật trống để biết chính xác phải trả lại cho Rhyme bao nhiêu.

“Và... đồ ăn có ích cho sức khỏe.” Anh đưa cho cô một thanh kẹo Kit Kat, và họ cười.

“Có lẽ để sau.” Tất cả mọi người đều đang cố làm cho cô béo lên. Sự thật là, cô không quen với việc ăn uống. Đó là việc chúng ta làm cùng với gia đình quanh chiếc bàn ăn, không phải một mình, cúi gằm xuống một cái bàn cặp kênh trong tầng hầm, vừa đọc một quyển sách hoặc đang ghi chú cho một bài tập về Hemingway.

Geneva nhấp một ngụm soda, khi Thom lôi những quyển sách ra khỏi túi cho cô. Cô cầm lên từng quyển một. Có một quyển của C.S. Lewis. Một quyển khác: Khu vườn bí mật.

Vẫn không có gì cho người lớn.

“Có một quyển to ở dưới cùng.” Anh nói, nhắc nó ra. Đó là một cuốn Harry Potter, tập đầu tiên. Cô đã đọc nó ngay từ khi nó vừa mới xuất bản.

“Em muốn đọc quyển này chứ?” Thom hỏi.

Cô do dự. “Chắc chắn rồi.”

Người phụ tá đưa cho cô bé quyển sách nặng trĩu.

Một người đàn ông đi bộ thể dục tầm bốn mươi tuổi, đang tới gần, nhìn vào Jax - một cựu binh vô gia cư - đang mặc một chiếc áo khoác lấy từ thùng rác, giấu một khẩu súng ngắn trong tất và ba mươi bảy cent tiền bố thí trong túi áo.

Người đàn ông không thay đổi biểu lộ của mình khi ông ta lướt qua. Nhưng đúng là người đàn ông có thay đổi một chút của mình, nhấn thêm một bước chân giữa ông ta và gã da đen to lớn, một sự thay đổi nhỏ tới mức khó có thể thấy được. Ngoại trừ Jax gã thấy nó rõ ràng như thể người đàn ông đó đã dừng lại, quay đầu lại rồi bỏ chạy vừa hét lớn: “Tránh xa ra, đồ mọi đen”.

Hắn chán ngấy cái loại phân biệt chủng tộc này. Luôn luôn y hệt nhau. Liệu nó có bao giờ thay đổi không?

Có. Không.

Làm sao có thể biết được?

Jax cúi xuống một cách thản nhiên, chỉnh khẩu súng đang cộm lên ở tất và ép chặt vào xương chân đầy khó chịu. Rồi hắn tiếp tục bước lên phố, đi thật chậm rãi với cái chân cà nhấc.

“Yo, ông có tiền lẻ không?” Hắn nghe thấy tiếng nói từ phía sau của một người đàn ông đang đến gần.

Hắn nhìn thấy một người đàn ông cao, lom khom với làn da tối màu, cách sau hắn khoảng ba mét. ông ta nhắc lại: “Yo, tiền lẻ, ông có chứ?”.

Hắn lơ đi người ăn mày và nghĩ, thật hài hước. Cả ngày, hắn đã đóng vai là một kẻ vô gia cư hoặc gần như vậy và bây giờ xuất hiện một kẻ ăn mày thực thụ. Đây là những gì hắn nhận được với vai diễn của mình lúc này.

“Yo, tiền lẻ?”

Hắn nói một cách cộc lốc: “Không, tôi không có”.

“Nào. Ai mà chả có một ít tiền lẻ. Và thường thì họ ghét chúng lắm. Họ muốn vứt bỏ chúng. Tất cả các đồng xu đều thật nặng và ta chẳng mua được cái gì cả. Tôi đang giúp đỡ anh đấy, người anh em.”

“Biến đi!”

“Tôi đã không ăn gì hai ngày rồi.”

Jax nhìn ra sau, gất gỏng. “Tất nhiên là không rồi. Vì mày xài hết tiền vào mấy cái đồ của Calvin Kleins này rồi.” Hắn nhìn vào bộ quần áo của người đàn ông - tuy bẩn thỉu nhưng là một bộ Adidas thể thao màu xanh da trời sáng. “Đi mà kiếm việc làm đi”, Jax quay đi và bắt đầu bước lên phố.

“Được rồi”, tên ăn mày nói. “Mày không định cho tao ít tiền lẻ nào chứ gì, vậy thì nếu mày đưa những bàn tay bẩn thỉu của mày cho tao thì sao?”

“Tay của...?”

Jax thấy chân mình bị kéo trượt khỏi mặt đất bên dưới. Hắn ngã đập mặt xuống vỉa hè. Trước khi hắn có thể vận người lại và lấy khẩu súng thì cả hai cổ tay đã bị xoắn vòng ra sau lưng và có vẻ như một khẩu súng ngắn bự đã nhấn vào hõm sau tai hắn.

“Mày đang làm cái gì đấy?”

“Câm mồm.” Những bàn tay vỗ dọc người hắn và tìm thấy khẩu súng rồi còng tay hắn lại, Jax bị thúc xuống tư thế ngồi. Hắn phát hiện ra mình đang nhìn vào một tấm thẻ nhân viên FBI. Tên riêng ghi trên đó là Frederick. Họ là Dellray.

“Ồ, anh bạn.” Jax nói, giọng trống rỗng. “Tôi không muốn rắc rối thể này.”

“Chà, đoán xem, ôn con, có cả đồng rắc rối trên đường mày đi. Nên tốt hơn là mày làm quen với nó đi.” Viên đặc vụ đứng dậy và một lát sau Jax nghe thấy: “Dellray đây. Tôi đang ở ngoài. Tôi nghĩ rằng tôi đã tóm được đồng đảng của Boyd. Tôi mới thấy hắn nhét tiền cho thằng nhóc mới đi ra khỏi nhà của Lincoln. Thằng nhóc da đen, tầm mười ba tuổi. Nó làm gì ở đó?... Chiếc túi? Mẹ kiếp, đó là một thiết bị đấy! Khả năng là khí độc. Boyd hẳn đã đưa nó cho thằng nhóc kia để tuồn vào bên trong rồi. Đưa mọi người ra ngoài ngay và gọi 1033... Và đưa ai đó đến chỗ Geneva ngay!”

Trong phòng thí nghiệm của Rhyme, gã đàn ông to lớn ngồi với tay bị còng và chân thì bị xích vào ghế, xung quanh là Dellray, Rhyme, Bell, Sachs và Sellito. Hắn đã bị tước hết súng, ví, dao, chìa khóa, điện thoại, thuốc lá và tiền.

Trong nửa tiếng đồng hồ, sự hỗn loạn bất ngờ diễn biến trong ngôi nhà của Lincoln Rhyme. Bell và Sachs đã tự tay tóm lấy Geneva, hối thúc cô bé ra ngoài lối cửa sau và vào trong xe của Bell, rồi nhanh chóng tăng tốc di chuyển về phòng trường hợp có một kế hoạch tấn công khác khi Geneva ra ngoài. Tất cả những người khác thì sơ tán ra con hẻm. Đội chống bom mìn, một lần nữa trong bộ đồ phòng chống độc, chạy lên lầu, sử dụng tia X-quang và rồi kiểm tra hóa chất những quyển sách. Không có chất nổ, không có khí độc. Chỉ đơn giản là những quyển sách, mục đích là, Rhyme phỏng đoán, khiến cho họ nghĩ rằng có thiết bị gì đó trong những quyển sách trong tủ. Sau khi họ sơ tán khỏi tòa nhà, tên đồng đảng có thể lén vào qua cửa sau hoặc đi vào cùng với lính cứu hỏa hoặc cảnh sát để chờ cơ hội giết

Geneva.

Vậy đây chính là gã đàn ông mà Dellray đã nghe những tin đồn về ngày hôm qua, kẻ đã gần như tóm được Geneva ở sân trường Langston Hughes, kẻ đã tìm ra nơi cô bé sống và lần theo đến chỗ ở của Rhyme để thực hiện một lần nữa nỗ lực tấn công cô bé.

Rhyme hy vọng, hắn cũng chính là kẻ, có thể nói với họ aithuê Boyd.

Nhà tội phạm học lúc này quan sát hắn một cách cẩn thận, gã đàn ông to lớn không hề nhếch mép. Hắn đã đổi chiếc áo đã chiến bằng một chiếc áo thể thao màu nâu sẫm, hẳn là cho rằng họ đã chú ý tới hắn ở trường ngày hôm qua với chiếc áo đã chiến màu xanh lá cây.

Hắn chớp mắt và nhìn xuống sàn nhà, cảm thấy mình nhỏ lại vì bị bắt nhưng không hề bị đe dọa bởi những cảnh sát đang ngồi xung quanh. Cuối cùng, hắn nói: “Nghe này, các ngài không...”

“Shhhh”, Dellray yêu cầu im lặng và tiếp tục lục lọi chiếc ví của hắn, trong khi giải thích với đội phá án điều đã xảy ra. Viên đặc vụ đang mang báo cáo từ các cuộc điều tra về việc rửa tiền của FBI ở khu trang sức khi thấy một thằng nhóc bước ra khỏi nhà của Rhyme. “Tôi thấy hắn đưa cho thằng nhóc một vài tờ đô la và đuổi thằng nhóc đi. Bản miêu tả và cái chân cà nhấc khớp với những gì chúng tôi được thông báo trước đó. Có vẻ hài hước đối với tôi, nhất là khi tôi thấy hắn có một mắt cá bị dị dạng”. Viên đặc vụ hất đầu về phía khẩu súng tự động cỡ 32 ly tìm thấy trong tất của Jax. Dellray giải thích rằng mình đã cởi chiếc áo khoác, bọc các tài liệu vào trong đó và nhét chúng vào trong mấy bụi cây,

bôi ít bùn đất lên bộ quần áo thể thao để giả làm một kẻ vô gia cư, một vai mà anh đã diễn khá nổi tiếng ở New York khi đang làm nhiệm vụ chìm. Rồi anh tiến tới tóm cổ hắn.

“Hãy cho tôi nói vài lời”, kẻ tòng phạm của Boyd bắt đầu nói.

Dellray vẫy vẫy ngón tay khổng lồ của mình vào hần ta. “Chúng tôi đồng ý sẽ cho anh cơ hội để nói, chúng tôi muốn mọi việc được nói ra rõ ràng từ chính miệng anh. Nhất trí chứ?”

“Tôi...”

“Nhất trí?”

Hắn gật đầu một cách dứt khoát.

Viên đặc vụ FBI đưa ra những gì tìm thấy bên trong chiếc ví: tiền, một vài bức ảnh gia đình, có một bức đã mờ và cũ. “Đây là gì?”, anh hỏi.

“Kiểu ký hiệu riêng của tôi.”

Viên đặc vụ giơ tấm ảnh lên cho Rhyme xem. Đó là một toa tàu điện ngầm kiểu cũ ở New York. Hình vẽ graffiti rực rỡ một bên ghi, Jax 157.

“Một họa sĩ graffiti”, Sachs nói, nhướn mày. “Cũng khá đẹp.”

“Anh vẫn được gọi là Jax?”, Rhyme hỏi.

“Vẫn thường thế.”

Dellray giơ lên bức ảnh trong một tấm thẻ căn cước. “Có thể anh là Jax đối với Sở Giao thông, nhưng đối với phần còn lại của thế giới thì anh là Alonzo Jackson. Đồng thời cũng được biết đến như là phạm nhân số 220934, từ Trại cải tạo ở Alden của thành phố New York xinh đẹp.”

“Đó là Buffalo, đúng không?”, Rhyme hỏi.

Kẻ đồng phạm của Boyd gật đầu.

“Là mối quan hệ trong tù nữa. Đó là cách anh làm quen với hần phải không?”

“Ai?”

“Thompson Boyd.”

“Tôi không biết bất cứ ai tên là Boyd.”

Dellray quát lớn: “Vậy thì ai thuê mày làm việc này chứ?”

“Tôi không biết các ông đang hỏi về việc gì. về công việc này. Tôi thì là tôi không biết.” Hắn ta có vẻ như thực sự không hiểu. “Và tất cả những cái này nữa, khí độc hay bất cứ thứ gì mà mọi người đang nói đến. Tôi...”

“Anh đang tìm kiếm Geneva Settle. Anh mua một khẩu súng và anh đến trường cô bé sáng ngày hôm qua.” Sellito giải thích.

“Ừm, điều đó đúng.” Hắn ta nhìn với một sự kinh ngạc về những gì mà họ biết.

“Và anh xuất hiện ở đây”, Dellray tiếp tục. “Đó là cái việc mà chúng tôi đang nói đến.”

“Chẳng có công việc nào ở đây cả. Tôi không hiểu ý ngài là gì. Thật lòng đấy.”

“Vậy thì những quyển sách là sao?”, Sellito hỏi.

“Đó chỉ là những quyển sách mà con gái tôi đọc khi nó còn nhỏ. Chúng là cho cô bé.”

Viên đặc vụ lẩm bẩm: “Tuyệt. Nhưng giải thích cho chúng tôi tại sao anh trả công cho người khác để đưa chúng cho...” Anh ta ngáp ngừng rồi cau mày. Trong khoảnh khắc, dường như những lời nói không nảy ra khỏi miệng của Fred Dellray.

Rhyme hỏi: “Anh đang nói là...?”

“Đúng vậy.” Jax thở dài. “Geneva. Nó là con gái tôi.”

35. Chương 35

“Từ đầu”, Rhyme nói.

“Được rồi. Đó là... Tôi bị bắt sáu năm trước và lĩnh bản án sáu đến chín năm ở Wende.”

Một nhà tù an ninh tối đa của Trại cải tạo ở Buffalo.

“Vì lý do gì?”, Dellray ngắt lời. “Vụ cướp và giết người mà chúng tôi nghe nói đến?”

“Một là cướp. Một là tàng trữ vũ khí. Một là tội hành hung người khác.”

“Án tối đa 25-25? Vụ giết người?”

Anh ta nói một cách quả quyết: “Đó không phải là một tội đúng. Từ việc bị đánh gục thành hành hung. Ban đầu tôi không hề làm điều đó.”

“Chưa từng nghe điều này”, Dellray lăm bắm.

“Nhưng anh đã tham gia vụ cướp?” Sellito hỏi.

Anh ta nhún mắt. “Đúng.”

“Tiếp tục đi.”

“Năm ngoái tôi được chuyển đến trại an ninh tối thiểu Alden. Được làm việc bên ngoài nhà tù trong thời gian thi hành án. Tôi đã làm việc và đến trường giáo dưỡng ở đó. Và được thả có điều kiện trước thời hạn bảy tuần trước.”

“Nói cho tôi biết về vụ cướp.”

“Được thôi. Vài năm về trước, tôi là một thợ sơn, làm việc ở Harlem.”

“Graffiti?”, Rhyme hỏi, hất đầu về phía bức ảnh toa tàu điện ngầm.

Jax cười, nói: “Sơn nhà. Ta không làm ra tiền với graffiti, trừ khi ta là Keith Haring và nhóm của ông ta. Và họ cũng là những người giỏi thực sự. Dù sao thì tôi cũng sẽ bị giết bởi món nợ. Anh biết chứ, Venus - mẹ của Geneva - có những vấn đề thực sự. Đầu tiên là cocaine, rồi heroin và sau cùng là ma túy đá. Chúng tôi cần tiền để bảo lãnh và trả cho

các luật sư nữa.”

Nỗi buồn trên khuôn mặt anh ta có vẻ là thật. “Có những dấu hiệu cho thấy cô ấy có vấn đề khi chúng tôi sống với nhau. Nhưng, các anh biết đấy, chẳng ngoài tình yêu có thể biến ta thành một tên ngốc mù quáng. Dù sao thì, chúng tôi cũng sắp bị đá khỏi ngôi nhà và tôi không có tiền mua quần áo và sách vở cho Geneva hay thậm chí là thức ăn. Con bé cần một cuộc sống bình thường. Tôi đã nghĩ rằng nếu chúng tôi có thể lấy được ít tiền thì tôi sẽ đưa Venus đi chữa trị hoặc làm gì đó, để đưa cô ấy sống trở lại. Và nếu cô ấy không làm thế, tôi sẽ đưa Geneva đi xa, tạo dựng một gia đình tốt hơn cho con bé.

Những gì xảy ra là do gã này, Joey Stokes, nói với tôi về thỏa thuận mà hắn có được ở Buffalo. Ở đó có chiếc xe được trang bị vũ khí chạy vào các thứ Bảy, thu lượm các hóa đơn từ các khu mua sắm bên ngoài thành phố. Có vài gã bảo vệ lười nhác. Đó là chiếc xe đi thu gom.

Joey và tôi rời đi vào sáng thứ Bảy, nghĩ rằng chúng tôi có thể quay về với năm mươi, sáu mươi ngàn mỗi người tối hôm đó.” Một cái lắc đầu buồn bã. “Chà, tôi không biết rằng mình đang làm gì lúc đó, nghe theo cái gã đó. Khoảnh khắc mà người lái xe đưa tiền, mọi thứ trở nên tồi tệ. Anh ta có hệ thống báo động bí mật mà chúng tôi không biết. Anh ta nhấn nó và tiếng còi xe cảnh sát hú lên khắp nơi.

Chúng tôi chạy hướng về phía nam nhưng đi tới đoạn giao với đường tàu, chúng tôi đã không để ý. Chuyển tàu chở hàng đã bị dừng lại. Chúng tôi quay ngược và chạy vào vài con đường không có trên bản đồ và phải đi qua một cánh đồng. Hai lớp xe bị thủng và phải chạy bộ. Cảnh sát ập đến chỉ khoảng nửa giờ sau đó.

Joey bảo phải chống cự còn tôi nói không và hét lên rằng chúng tôi đầu hàng. Nhưng Joey nổi điên và bắn vào chân tôi. Lực lượng cảnh sát nghĩ rằng chúng tôi đang nhắm bắn vào họ. Đó là tội cố ý giết người.”

“Và anh phải trả giá”, Dellray nói, với ngữ điệu, chứ không phải ngữ pháp, của một nhà triết học nghiệp dư.

“Chúng tôi đã bị nhốt trong trại tạm giam một tuần, mười ngày trước khi họ cho phép tôi được gọi điện. Dù sao thì tôi không thể gọi cho Venus được; điện thoại của chúng tôi đã bị cắt. Luật sư của tôi là một thằng nhóc nào đó từ Sở trợ giúp pháp lý, cậu ta chẳng làm được cái gì cả. Tôi có gọi cho một vài người bạn nhưng họ không thể tìm ra Venus hay Geneva. Hai mẹ con đã bị đá ra khỏi căn hộ.

Tôi đã viết những bức thư từ trong tù. Chúng vẫn luôn bị gửi lại. Tôi gọi cho bất cứ ai có thể nghĩ tới. Tôi đã rất muốn được gặp cô ấy! Mẹ của Geneva và tôi đã mất một đứa bé trước đó. Và rồi tôi đánh mất Geneva khi phải vào tù. Tôi muốn lại có gia đình của mình.

Sau khi được thả ra, tôi đến đây để tìm con bé.

Thậm chí c việc sử dụng những đồng tiền tôi có vào cái máy tính cũ kỹ này để tìm nó trên mạng hay bằng cách nào đó. Nhưng tôi đã chẳng may mắn chút nào. Tất cả những gì tôi được nghe nói tới là Venus đã chết và Geneva đã đi mất. Dễ dàng biến mất và rơi vào lãng quên ở Harlem này. Tôi cũng không thể tìm thấy cô của mình nữa, nơi hai mẹ con họ thường đến ở một vài lần. Rồi sáng ngày hôm qua một người phụ nữ mà tôi quen trước đây, làm việc ở Midtown, nhìn thấy sự náo loạn ở bảo tàng dành cho dân da đen này, có một cô bé bị tấn công và bà ta nghe thấy tên cô bé là Geneva, mười sáu tuổi và sống ở Harlem. Bà ấy biết tôi đang tìm con gái và gọi cho tôi. Tôi liên lạc với một gã trong các băng nhóm ở khu ngoại ô và rồi anh ta kiểm tra các trường học ngày hôm qua. Tìm hiểu được là con bé học ở trường Langston Hughes. Tôi đến đây để tìm con bé.”

“Họ phát hiện ra anh”, Sellito nói. “Ở sân trường.”

“Đúng vậy. Tôi đã đến đó. Khi tất cả đuổi theo thì tôi bỏ chạy. Nhưng tôi quay lại và biết được nơi ở của con bé qua thằng nhóc đó, ở khu tây Harlem, Morningside. Tôi đến đó ngày hôm nay, định để những cuốn sách lại đó nhưng tôi thấy các anh đưa nó lên xe và đi mất.” Anh ta hất đầu về phía Bell.

Viên thanh tra cau mày: “Anh đang đẩy chiếc xe chở đồ”.

“Đúng là tôi giả vờ như vậy. Tôi bắt một chiếc taxi và đi theo mọi người tới đây.”

“Vớ khẩu súng”, Bell nhấn mạnh.

Anh ta nói: “Có kẻ nào đó đang cố gắng tấn công cô gái bé nhỏ của tôi! Nên tôi mới mua cho mình khẩu súng này. Tôi sẽ không để bất cứ chuyện gì xảy ra với con bé”.

“Anh dùng nó?”, Rhyme hỏi. “Khẩu súng?”

“Không.”

“Chúng tôi sẽ kiểm tra nó.”

“Tất cả những gì tôi làm là rút nó ra và dọa những thằng nhóc mất dạy đó để chúng nói cho tôi biết chỗ Geneva sống, một thằng nhóc tên là Kevin, nó nói xấu về con gái tôi. Thật tồi tệ là nó tè ra quần khi tôi gí khẩu súng vào nó... nó đáng bị như vậy. Nhưng đó là tất cả những gì tôi đã làm - bên cạnh việc tôi có cái lộn với nó. Các anh có thể tìm ra nó và hỏi.”

“Tên bà ta là gì, người phụ nữ gọi cho anh ngày hôm qua?”

“Betty Carlson. Bà ấy làm việc cạnh bảo tàng.” Anh ta hất đầu về phía chiếc điện thoại. “Số của bà ấy ở trong danh sách cuộc gọi đến. 718 - đó là mã vùng. Sellito lấy điện thoại và bước ra hành lang.

“Thế còn gia đình của anh ở Chicago thì sao?”

“Cái gì của tôi cơ?”, anh ta cau mày.

“Mẹ của Geneva nói rằng anh chuyển tới Chicago với ai đó và cưới cô ta.” Sachs giải thích.

Jax nhắm mắt trong sự căm phẫn. “Không, không... Đó là một lời nói dối. Tôi chưa từng đến Chicago. Venus chắc chắn đã nói với Geneva điều đó để đầu độc con bé chống lại tôi... Người phụ nữ đó, tại sao tôi đã từng yêu cô ta được chứ?”

Rồi Rhyme nhìn vào Cooper. “Gọi cho Trại cải tạo.”

“Không, không, làm ơn”, Jax nói, khuôn mặt tuyệt vọng. “Họ sẽ buộc tội tôi vi phạm một lần nữa. Tôi không thể ra quá hai mươi lăm dặm từ Buffalo. Tôi xin phép bạn có thẩm quyền hai lần và cả hai lần họ đều không chấp nhận. Thế là tôi vẫn cứ đi.”

Cooper cân nhắc điều này. “Tôi có thể kiểm tra anh ta thông qua hệ thống dữ liệu cơ bản của Trại cải tạo. Như thế sẽ bình thường. Các Cán bộ giám sát không thấy điều đó.”

Rhyme gật đầu. Một lát sau bức ảnh của Alonzo Jackson và hồ sơ của anh ta hiện lên trên màn hình máy tính. Cooper đọc to nó lên. “Xác nhận những gì anh ta nói. Được thả ra trước thời hạn nhờ cải tạo tốt. Có vài tín chỉ cao đẳng. Và có đề cập đến một con gái, Geneva Settle, là con ruột.”

“Cảm ơn vì điều đó”, Jax nói, cảm thấy thoải mái. “Cái gì với những quyền sách?”

“Tôi không thể chỉ đến chỗ các anh và nói tôi là ai - tôi có thể bị tóm lại - nên tôi lấy cả đồng sách mà Geneva đã đọc khi con bé còn nhỏ. Để con bé có thể thấy được mẫu giấy ghi chú mà tôi gửi.”

“Ghi chú nào?”

“Tôi viết cho nó một mẫu ghi chú, nhét nó vào một trong những quyển sách.”

Cooper lục lại trong túi. Trong một quyển Khu vườn bí mật cũ sờn là một mẫu giấy. Dòng chữ viết tay nắn nót ghi: Con yêu Gen, bố gửi cho con những thứ này. Hãy gọi cho bố. Bên dưới mẫu tin là số điện thoại của anh ta.

Sellito bước về phía cửa, gật đầu: “Đã gọi cho bà Carlson. Tất cả những gì anh ta nói đã được kiểm tra”.

Rhyme hỏi: “Mẹ của Geneva là bạn gái không phải vợ. Đó là lý do tại sao Geneva không mang họ Jackson?”.

“Đúng thế.”

“Anh sống ở đâu?”, Bell hỏi.

“Tôi có một phòng trọ ở Harlem. Phố 136. Khi tìm ra Geneva, tôi định đưa con bé quay lại Buffalo cho đến khi được phép trở về nhà.” Khuôn mặt anh ta trầm xuống và Rhyme tin rằng mình thấy nỗi đau thuần khiết trong đôi mắt đó. “Nhưng tôi không nghĩ rằng có nhiều cơ hội để điều đó xảy ra lúc này.”

“Tại sao?”, Sachs hỏi.

Jax cười một cách buồn bã. “Tôi đã nhìn thấy nơi con bé sống, một ngôi nhà đẹp ở gần Morningside. Tất nhiên, tôi rất vui cho con bé, thực sự rất vui. Nó đã có cho mình cha mẹ nuôi chăm sóc, có thể có cả một người anh, em trai hoặc chị em gái mà nó vẫn luôn mong muốn có nhưng không được, sau khi Venus trải qua khoảng thời gian đó ở phòng khám. Làm sao mà Geneva sẽ muốn trở lại với tôi? Con bé đã có cuộc sống mà nó xứng đáng được hưởng, tất cả những gì mà tôi không thể mang lại cho nó.”

Rhyme nhìn Sachs với cặp lông mày nhướn lên. Jax không nhìn thấy điều đó.

Câu chuyện của anh ta nghe hợp logic với Rhyme. Nhưng anh mang trong mình sự hoài nghi mà một cảnh sát vẫn luôn có. “Tôi muốn hỏi anh một vài câu.”

“Bất cứ điều gì.”

“Người cô mà anh đề cập đến là ai?”

“Em gái của cha tôi. Lilly Hall. Bà ấy cũng đã nuôi nấng tôi. Hai lần góa phụ. Bà ấy sẽ 90 tuổi vào năm nay. Vào tháng Tám. Nếu như bà ấy vẫn còn sống.” Rhyme chẳng có manh mối nào về tuổi hay sinh nhật của bà ấy nhưng đó là cái tên mà Geneva nói với họ.

“Bà ấy vẫn sống.”

Một nụ cười trên khuôn mặt anh ta. “Tôi vui vì điều đó. Tôi đã rất nhớ bà ấy. Tôi cũng không thể tìm ra bà ấy nữa.”

Bell nói: “Anh có nói gì với Geneva về các từ ‘Ngài’. Nó là gì?”

“Tôi nói với con bé ngay từ khi nó còn nhỏ là hãy nhìn vào trong mắt mọi người và luôn luôn đầy tự trọng, nhưng không bao giờ gọi ai đó là ‘ngài’ hay ‘bà’ trừ khi họ xứng đáng với điều đó.”

Viên thanh tra người Carolina gật đầu với Rhyme và Sachs.

Nhà tội phạm học hỏi: “Charles Singleton là ai?”. Jax chớp mắt trong sự ngạc nhiên. “Làm sao mà anh biết ông ấy?”

“Trả lời câu hỏi đi, anh bạn”, Dellray ngắt lời.

“Ông ấy là, tôi không nhớ chính xác, kiểu như là ông cố của ông cố của tôi, hay đại loại như thế.”

“Tiếp tục đi”, Rhyme khuyến khích.

“Chà, ông ấy từng là nô lệ ở Virginia. Ông chủ của ông ấy giải phóng ông và vợ rồi cho họ một trang trại phía bắc. Rồi ông xung phong vào Nội chiến, như trong bộ phim Glory. Ông ấy quay trở về sau đó, làm việc với vườn cây và dạy học ở trường - một trường học miễn phí dành cho người da đen. Bán rượu táo để kiếm tiền cho những người công nhân xây tàu trên con đường gần trang trại. Tôi còn biết ông ấy đã được tặng huân chương trong cuộc chiến, ông ấy thậm chí còn được gặp Abraham Lincoln một lần ở Richmond. Chỉ ngay sau khi quân Liên bang chiếm được vùng đất đó. Hoặc đó chỉ là những gì mà cha tôi kể lại.” Một tiếng cười buồn bã khác. “Rồi sau đó là câu chuyện ông ấy bị bắt vì ăn trộm vàng, tiền lương hoặc gì đó và phải vào tù. Giống như tôi.”

“Anh có biết chuyện gì xảy ra với ông ấy sau khi ra tù không?”

“Không. Chưa bao giờ nghe ai nói về điều đó. Vậy, anh có tin tôi là cha của Geneva không?”

Dellray nhìn Rhyme, nhướn mày.

Nhà tội phạm học đánh giá người đàn ông. “Gần như thế. Một điều cuối cùng. Há miệng ra.”

“Ông là cha tôi?”

Khó thở, gần như là choáng váng với điều đó, Geneva Settle cảm thấy trái tim mình đang đập loạn trong ngực. Cô bé nhìn ông ta một cách cẩn thận, nhìn lên khuôn mặt, vai, bàn tay. Phản ứng nắm chặt tay lại cho thấy sự nghi ngờ nhưng cô bé không thể phủ nhận rằng mình nhận ra ông ấy. Ông ấy vẫn đeo chiếc nhẫn mà mẹ cô, Venus, đã tặng vào dịp Giáng sinh - cái ngày họ vẫn còn chờ đón Giáng sinh. Dù sao, ký ức mà cô lấy ra để so sánh người đàn ông này, vẫn không rõ nét, giống như nhìn vào một người với ánh mặt trời sáng chói sau lưng họ.

Trừ bức ảnh trong bằng lái xe, cái ảnh khi cô còn là một đứa bé với ông ấy và mẹ của cô, bức ảnh về một trong những hình vẽ graffiti cũ của ông, cô không thể phủ nhận mối liên hệ giữa họ với hiện tại, trừ xét nghiệm DNA mà Cooper thực hiện. Không còn nghi ngờ gì về việc họ có quan hệ ruột thịt với nhau.

Chỉ có hai cha con ngồi cạnh nhau trên tầng - tất nhiên là không có ai khác, trừ thanh tra Bell, người bảo vệ cho cô. Những cảnh sát còn lại ở bên dưới đang điều tra nốt, cố gắng để tìm ra kẻ đứng đằng sau vụ cướp trang sức.

Nhưng Rhyme, Amelia và tất cả những người khác - cũng như gã sát nhân và tất cả những sự kiện đáng sợ khác trong mấy ngày qua - trong một lúc, đã không còn trong trí óc của họ. Câu hỏi mà giờ đây đang quay cuồng trong Geneva là: Làm thế nào mà cha cô có thể đến đây? Và tại sao?

Quan trọng nhất là: Điều đó có nghĩa gì với cô chứ?

Hất đầu về phía túi đồ. Cô nhắc quyển sách của Dr Seuss lên. “Con không đọc sách dành cho trẻ em nữa.” Đó là tất cả những gì cô nghĩ ra để nói lúc này. “Con đã mười sáu tuổi hai tháng trước.” Ý cô muốn nhắc cho ông ấy biết đã bao nhiêu sinh nhật phải ở một mình rồi.

“Ta đưa cho con những quyển này chỉ để con biết rằng đó là ta. Ta biết con đã lớn lên cùng chúng.”

“Thế còn gia đình khác của cha thì sao?”, cô hỏi với một giọng lạnh lùng.

Jax lắc đầu. “Họ đã nói với ta những gì Venus nói với con, Genie.”

Cô bỗng tức giận khi ông gọi cô bằng cái tên mà ông đã gọi từ rất nhiều năm trước. Viết tắt ghép từ ‘Geneva’ và ‘genius’ - thiên tài.

“Mẹ con đừng nên chuyện đó. Để con chống lại ta. Không, không, Genie, ta sẽ không bao giờ bỏ rơi con. Ta đã bị bắt.”

“Bị bắt?”

“Đó là sự thật, Geneva ạ.” Roland Bell nói. “Bọn chú đã kiểm tra hồ sơ của ông ấy. Ông ấy bị bắt đúng cái ngày rời khỏi cháu và mẹ. Ông ấy đã ở trong tù từ ngày đó. Mới được ra ngoài thôi.”

Rồi ông kể với cô bé về vụ cướp, về việc liều lĩnh kiếm chút tiền để cuộc sống của họ tốt hơn một chút, để giúp mẹ của cô.

Nhưng những lời nói trở nên mệt mỏi. Ông ấy đang nói một trong hàng ngàn những lời xin lỗi mà ta vẫn thường nghe quanh mình. Kể buồn bán ma túy, những kẻ ăn trộm trong cửa hàng, những kẻ lừa đảo trợ cấp xã hội, những tên cướp giật dây chuyền.

Ta làm những điều đó vì con, con yêu ạ

Cô cúi xuống nhìn quyển sách trong tay. Nó đã cũ. Nó dành cho ai khi còn mới? Cha mẹ mua quyển sách này cho con mình giờ ở đâu? Ở trong tù, rửa bát đĩa, lái một chiếc Lexus, hay đang tiến hành một ca phẫu thuật thần kinh?

Có phải cha cô đã lấy trộm nó từ một cửa hàng sách cũ?

“Ta quay lại để tìm con, Genie. Ta đã tuyệt vọng khi đi tìm con. Và ta thậm chí còn tuyệt vọng chán nản hơn nữa khi Betty gọi điện và nói với ta rằng con bị tấn công... Điều gì đã xảy ra ngày hôm qua? Ai đang săn đuổi con? Chưa một ai nói với ta điều đó.”

“Con đã nhìn thấy một việc gì đó”, cô nói một cách qua loa, không muốn nói quá nhiều điều. “Có lẽ là một ai đó đang làm một việc phạm pháp.” Geneva không thích thú lắm với hướng hội thoại này. Cô nhìn ông và nói đầy giận dữ hơn dự định: “Cha biết là mẹ đã chết rồi”.

Ông gật đầu. “Ta không biết điều đó cho đến khi quay lại. Rồi ta nghe nói thế. Nhưng không hề ngạc nhiên. Mẹ con là một người phụ nữ đầy rắc rối. Có lẽ bà ấy đã hạnh phúc hơn lúc này.”

Geneva không nghĩ vậy. Dù trong bất cứ trường hợp nào thì cũng chẳng có một thiên đường tạo nên hạnh phúc cho cái chết cô đơn như bà ấy, thân thể bà ấy co rúm lại nhưng khuôn mặt thì phình ra như mặt trăng vàng.

Và nó không thể bao che cho nỗi đau trước đó - phải kiếm tiền trên thân xác của mình để có một vài viên ma túy đá trong khi con gái của bà ta đứng đợi bên ngoài cánh cửa.

Geneva không nói về những điều này.

Ông ấy cười. “Con đã có cho mình một nơi thực sự đẹp.”

“Chỉ là tạm thời thôi. Con sẽ không ở đó nữa.”

“Con không ở đó nữa? Con sẽ đi đâu?”

“Con không biết nữa.”

Cô từ chối nói ra điều này và nhận ra rằng, điều đó khiến ông bước chân ra cửa. Và, dù chắc chắn để thấy, ông nói mục đích của mình: “Ta sẽ đi hỏi Cán bộ giám sát liệu rằng ta có thể quay về đây. Biết rằng đang có một gia đình cần ta chăm sóc, có thể ông ấy sẽ đồng ý”.

“Cha không có gia đình nào ở đây. Không còn nữa.”

“Ta biết con đang giận ta lắm, con yêu. Nhưng ta sẽ tạo cho con một gia đình. Ta...”

Cô bé ném quyển sách xuống sàn nhà. “Sáu năm và không có gì hết. Không một lời. Không một cú điện thoại. Không một lá thư.” Nổi tức giận, những giọt nước mắt tuôn ra từ đôi mắt cô. Cô lau sạch chúng và giữ tay mình.

Ông thăm thì: “Ta có thể viết rồi gửi đi đâu? Ta có thể gọi tới đâu? Ta vẫn kiên trì trong suốt sáu năm đó để liên lạc với con. Ta sẽ đưa cho con xem chồng thư mà ta có, tất cả đều gửi quay trở lại nhà tù. Hàng trăm lá thư. Ta đã cố làm tất cả mọi việc có thể nghĩ tới. Ta không thể nào tìm thấy con”.

“Chà, con cảm ơn lời xin lỗi. Nếu đó là một lời xin lỗi. Nhưng con nghĩ rằng đã đến lúc cha nên đi.”

“Không, con yêu, hãy để cha...”

“Không ‘con yêu’, không ‘Genie’, không ‘con gái’ ”

“Ta sẽ mang cho con một gia đình”, ông nhắc lại và lau những giọt nước mắt của mình.

Cô hoàn toàn không cảm thấy gì hết, khi nhìn thấy nỗi đau của ông - hay là bất cứ thứ gì đi nữa. Không có gì, ngoài sự giận dữ. “Đi đi!”

“Nhưng, con yêu, cha...”

“Không. Hãy đi đi.”

Một lần nữa, viên thanh tra từ bắc Carolina, chuyên gia bảo vệ nhân chứng, làm nhiệm vụ của mình một cách thành thực và không cần vẫy tay ra hiệu. Anh đứng dậy và lặng im nhưng kiên quyết đưa người cha đi ra hành lang. Anh gạt đầu về phía cô bé, an ủi cô với một nụ cười và đóng cánh cửa lại phía sau, để lại Geneva một mình.

36. Chương 36

Trong khi cô bé và cha của mình ở trên lầu, Rhyme cùng những người khác đang làm việc với những manh mối dẫn tới vụ cướp tiệm trang sức có nhiều khả năng sắp xảy ra.

Và chẳng có một thành công nào cả.

Những tư liệu mà Dellray mang tới cho họ về các vụ rửa tiền liên quan tới trang sức, đá quý nhưng chỉ là những chiến dịch nhỏ, không có vụ nào tập trung ở Midtown. Và họ không có một báo cáo nào từ Interpol hoặc các sở cảnh sát địa phương có chứa bất cứ thông tin gì liên quan tới vụ án.

Nhà tội phạm học lắc lắc đầu trong sự bế tắc, rồi điện thoại đổ chuông. “Rhyme nghe đây.”

“Lincoln, là tôi Parker.”

Chuyên gia phân tích chữ viết tay phân tích mẫu tin từ ngôi nhà ẩn náu của Boyd. Parker Kincaid và Rhyme trao đổi thông tin về gia đình và sức khỏe. Rhyme được biết rằng người sống cùng Kincaid, đặc vụ FBI Margaret Lukas, vẫn ổn, cũng như những đứa con của Parker, Stephie và Robby.

Sachs gửi lời chào rồi Kincaid nói về vấn đề công việc. “Tôi đã làm việc liên tục với lá thư từ khi anh gửi. Tôi có một bản mô tả về người viết.”

Một bản phân tích chữ viết tay chi tiết không bao giờ chỉ ra nhân cách từ cách viết bức thư; bản thân chữ viết tay chỉ thích hợp khi so sánh một văn bản với một văn bản khác, như là, khi kiểm tra một giấy tờ hay văn bản giả mạo. Nhưng điều đó không hấp dẫn với Rhyme lúc này. Không, những gì mà Parker Kincaid đang nói tới là suy ra nhân cách, đặc điểm của người viết dựa vào ngôn ngữ mà anh ta sử dụng - cách viết “bất thường” mà Rhyme cảm thấy từ trước. Điều này có thể rất có ích cho việc nhận dạng các đối tượng nghi vấn. Phân tích về mặt ngữ pháp và cú pháp của tờ giấy đòi tiền chuộc trong vụ bắt cóc, Lindbergh là một ví dụ, đưa ra một bản mô tả hoàn hảo của kẻ bắt cóc, Bruno Hauptmann.

Với sự nhiệt tình mà anh cảm thấy riêng cho công việc của mình, Kincaid tiếp tục: “Tôi tìm thấy một vài điều thú vị. Anh có tờ giấy trên tay chứ?”

“Nó ở ngay trước mặt chúng

ta đây.”

Một con bé da đen, ở cửa sổ này tầng năm, ngày mùng 2 tháng 10, khoảng 8 giờ 30 phút. Nó thấy chiếc xe chở hàng của tôi đậu ở con hẻm phía sau cửa hàng mua bán trang sức đá quý. Nó đã nhìn đủ để đoán ra được kế hoạch của tôi. Giết nó.

Kincaid nói: “Đầu tiên, hẳn là một người sinh ra ở nước ngoài. Cú pháp rườm rà và việc viết sai chính tả cho tôi biết điều đó. Cũng như thế, cái cách hẳn nói ngày tháng - đặt ngày trước tháng. Và thời gian được đưa ra theo đồng hồ kiểu 24 tiếng. Kiểu viết hiem thấy ở Mỹ”.

Chuyên gia về chữ viết tay tiếp tục: “Giờ là một điểm quan trọng khác: Hẳn ta...”.

“Hoặc cô ta”, Rhyme ngắt lời.

“Tôi đang nghiêng về khả năng là đàn ông”, Kincaid đưa ra ý kiến. “Sẽ nói với anh lát nữa. Hẳn ta sử dụng giới tính với đại từ ‘anh’, có vẻ như để nói tới chiếc xe tải của mình. Như thế khá đặc biệt một vài ngoại ngữ khác nhau. Nhưng cái thực sự thu hẹp nó lại là hai cụm với cấu trúc sở hữu.”

“Cái gì cơ?” Rhyme hỏi.

“Cấu trúc sở hữu - cách để tạo nên từ sở hữu. Nghi phạm của anh viết là ‘chiếc xe tải của tôi’”

Rhyme nhìn lại tờ giấy. “Thấy rồi.”

“Nhưng ngay dưới đó lại viết ‘những kế hoạch thuộc về tôi’. Điều này khiến cho tôi nghĩ rằng gã này của chúng ta có ngôn ngữ mẹ đẻ là tiếng Ả Rập.”

“Ả Rập?”

“Tôi có thể nói là 90% như vậy. Có một cấu trúc sở hữu trong tiếng Ả Rập là i.daafah. Cách sở hữu luôn được tạo thành bằng cách nói: ‘Chiếc xe John’. Nghĩa là: ‘Chiếc xe của John’. Hay là, trong tờ giấy của anh: ‘kế hoạch thuộc về tôi’. Nhưng những quy tắc ngữ pháp của tiếng Ả Rập đòi hỏi chỉ một từ nó sử dụng cho sự vật được sở hữu - từ ‘xe tải chở hàng’ không có trong tiếng Ả Rập. Đó là một cụm bốn từ, nên hẳn không thể sử dụng i.daafah. Hẳn chỉ đơn giản nói là ‘xe tải chở hàng của tôi’. Mạnh mẽ khác là việc sử dụng sai mạo từ không xác định trong từ ‘con hẻm’. Điều này khá phổ biến trong cộng đồng những người nói tiếng Ả Rập; ngôn ngữ mà không hề sử dụng các mạo từ không xác định, chỉ có mạo từ xác định ‘the’.” Kincaid thêm vào: “Điều này cũng đúng với tiếng ở xứ Wales, nhưng tôi không nghĩ rằng tên này đến từ Cardiff”.

“Tốt lắm, Parker”, Sachs nói. “Rất tinh tế, tốt quá.” Một nụ cười nhẹ qua loa ngoài. “Tôi sẽ nói cho cô biết, Amelia, bất cứ ai trong công việc này đều đang phải làm việc rất nhiều với việc nghiên cứu sâu về tiếng Ả Rập trong những năm qua.”

“Đó là lý do tại sao anh nghĩ rằng đó là một người đàn ông?”

“Có bao nhiêu hung thủ là phụ nữ người Ả Rập mà các anh từng thấy?”

“Không nhiều lắm... Gì nữa không?”

“Đưa cho tôi thêm nhiều mẫu hơn nữa và tôi sẽ so sánh chúng nếu các anh muốn.”

“Chúng tôi sẽ nhờ đến anh nữa.” Rhyme cảm ơn Kincaid và họ ngắt máy. Rhyme lắc đầu, nhìn vào tấm bảng ghi bằng chứng rồi cười một cách chế giễu.

“Anh đang nghĩ gì thế Rhyme?”

“Chúng ta biết hẳn định làm gì, đúng không?”,

tội phạm học hỏi với một giọng đáng ngại.

Sachs gật đầu đồng ý. “Hắn không định cướp trung tâm mua bán trang sức. Hắn muốn thổi tung nó.”

“Đúng vậy.”

Dellary nói: “Chính xác rồi - những báo cáo mà chúng ta đã có, về những tên khủng bố nhắm vào các mục tiêu Israel ở trong khu vực”.

Sachs nói: “Người bảo vệ ở bên kia phố với bảo tàng nói họ có những chuyến hàng hằng ngày từ Jerusalem... Được rồi, tôi sẽ phong tỏa khu mua bán và đưa mọi người di tản”. Cô lôi điện thoại di động của mình ra.

Rhyme nhìn lên tấm bảng bằng chứng rồi nói với Sellito và Cooper: “Bánh falafel, sữa chua... và chiếc xe tải chở hàng. Tìm xem có bất cứ nhà hàng nào quanh khu mua bán có phục vụ đồ ăn Trung Đông, nếu có, ai giao hàng và khi nào. Họ sử dụng xe chở đồ loại nào.”

Dellray lắc lắc đầu. “Nửa thành phố ăn cái đồ đấy. Anh có thể mua một cái bánh gyro hay falafel ở bất cứ góc nào trong thành phố. Chúng...” Viên đặc vụ ngừng nói khi nhìn vào mắt Rhyme.

“Xe đẩy hàng.”

Sellito nói: “Có hàng tá xe đẩy hàng xung quanh bảo tàng ngày hôm qua”.

“Hoàn hảo để quan sát”, Rhyme nói. “Và quả là một cái vỏ bọc tốt. Hắn đưa đồ đến cho họ hằng ngày, nên chẳng ai để ý đến hắn. Tôi muốn biết ai cung cấp cho các cửa hàng rong trên phố. Nhanh lên!”

Theo ban y tế, chỉ có hai công ty cung cấp thức ăn Trung Đông cho những chiếc xe đẩy bán hàng ở dãy phố quanh trung tâm mua bán trang sức. Trớ trêu là, cái lớn nhất do hai anh em người Do Thái làm chủ với gia đình ở Israel và sùng đạo; họ khó có thể là nghi phạm được.

Công ty còn lại thì không sử dụng các chiếc xe đẩy nhưng có bán gyro, thịt xiên nướng và falafel, cùng với các đồ gia vị và soda cho hàng chục xe đẩy ở Midtown. Việc điều hành được thực hiện bên ngoài một nhà hàng trên phố Board, những người chủ có thuê một người đàn ông để làm công việc giao hàng quanh thành phố.

Dellray cùng hàng tá các đặc vụ khác và các cảnh sát vây xung quanh, tất cả những người này đều vô cùng hợp tác - gần như là sợ đến phát khóc. Tên của người vận chuyển là Bani-al-Dahab, quốc tịch Ả Rập Xê út, visa đã hết hạn lâu rồi. Anh ta từng là một chuyên gia về lĩnh vực nào đó ở Jeddah và từng là một kỹ sư ở Mỹ một sau khi visa hết hạn và trở thành người tị nạn trái phép, anh ta đã làm mọi công việc có thể - khi thì nấu ăn, đưa thức ăn tới các xe đẩy và các nhà hàng Trung Đông khác ở quanh Manhattan, Brooklyn.

Trung tâm mua bán trang sức đã sơ tán và kiểm tra - không có thiết bị nào được tìm thấy - và một thiết bị định vị phương tiện khẩn cấp đã được đặt lên chiếc xe tải của al-Dahab, mà theo những người chủ hàng, có thể là ở bất cứ đâu trong thành phố; anh ta được tự do lên kế hoạch giao hàng cho mình.

Vào những giờ phút như lúc này, Rhyme đáng lẽ sẽ đi đi lại lại khi suy nghĩ, nếu có thể. Hắn đang ở chỗ quái nào được? Liệu có phải gã đang lái chiếc xe tải đầy chất nổ nhỡ nhơ ngoài kia? Có thể hắn đã từ bỏ vụ nhắm vào trung tâm mua bán trang sức và đang săn đuổi mục tiêu phụ: một giáo đường Do Thái hay một văn phòng hãng hàng không El-Al.

“Đưa Boyd tới đây, gây áp lực với hắn.” Anh nói lớn: “Tôi muốn biết cái gã này ở đâu!”.

Đó là lúc điện thoại của Mel Cooper đổ chuông.

Rồi tiếp theo là điện thoại của Sellito và Amelia Sachs.

Cuối cùng, điện thoại chính của phòng thí nghiệm bắt đầu đổ chuông lạnh lạnh.

Những người gọi điện thì khác nhau nhưng tin họ thông báo thì lại là một.

Câu hỏi về địa chỉ của kẻ đánh bom đã được trả lời.

Chỉ có người lái xe thiệt mạng.

Hãy để ý tới lực của vụ nổ và chiếc xe tải thì nằm ở giao lộ giữa Đại lộ 9 và 54, xung quanh là rất nhiều xe khác, đó thực sự là một phép màu.

Khi quả bom phát nổ, hướng của vụ nổ hầu hết là nổ lên phía trên, qua nóc xe, và cả bên ngoài cửa sổ, bắn ra các mảnh vụn và kính, làm bị thương nhiều người, nhưng thiệt hại chủ yếu nằm trong chiếc E250. Chiếc xe tải rực lửa chòng chành lên vỉa hè, rồi bùng lên thành một ngọn đuốc. Đội cứu hỏa từ trên Đại lộ 8 dập tắt ngọn lửa nhanh chóng và đẩy lùi đám đông. Còn người lái xe, chẳng có chút hy vọng nào trong việc cứu sống hắn ta; hai mảnh xác lớn nhất còn lại bị bắn tung ra cách nhau vài mét.

Đội phá bom mìn đã bảo đảm an toàn hiện trường và lúc này cảnh sát chỉ việc chờ các bác sĩ pháp y và đội Khám nghiệm hiện trường.

“Đó là mùi gì vậy?”, thanh tra từ bắc Midtown hỏi. Một cảnh sát cao, đầu bước ra vì mùi hôi, mà anh cho là mùi thịt người cháy, vẫn đề là mùi khá thơm.

Một trong các cảnh sát từ đội chống bom cười vị tharìh tra mặt xanh lét. “Gyros đấy.”

“Gear - gì cơ?” Viên thanh tra hỏi, nghĩ nó là một dạng gì đó kinh khủng.

“Nhìn này.” Viên cảnh sát chống bom giơ lên một khoanh thịt cháy với bàn tay đeo găng cao su. Anh ta hít hà khoanh thịt. “Thơm thật.”

Viên thanh tra bắc Midtown cười và không tỏ ra mình đang buồn nôn tới mức nào.

“Đó là thịt cừu.”

“Đó...”

“Người lái xe đang đi giao đồ ăn. Đó là công việc của anh ta. Thùng sau xe tải chứa đầy thịt, falafel và các thứ kiểu thế.”

“Ồ.” Viên thanh tra vẫn chẳng cảm thấy bột lợm giọng chút nào.

Đúng lúc đó chiếc Camaro SS màu đỏ tươi - một chiếc xe thật tuyệt - dừng lại giữa phố, vừa chạm vào dải băng cảnh sát màu vàng. Một cảnh sát với mái tóc đỏ bước ra, người chịu trách nhiệm hiện trường, gật đầu với viên thanh tra.

“Này”, anh nói.

Người phụ nữ nổi chiếc tai nghe vào chiếc máy Motorola và vẫy về phía chiếc xe của đội Khám nghiệm hiện trường, cũng vừa mới dừng lại, cô hít hít không khí, hít một vài hơi thật sâu. Cô gật đầu. “Vẫn chưa kiểm tra hiện trường”, cô nói vào trong micro: “Nhưng ngửi mùi thì em thấy, chúng ta đã tóm được hắn rồi, Rhyme”.

Ngay lúc đó người thanh tra cao hỏi đầu nuốt ực và nói: “Tôi sẽ quay lại ngay”. Anh ta bước vào quán Starbuck gần đó, cầu mong là sẽ đến được nhà vệ sinh kịp lúc.

Đi bên cạnh thanh tra Bell, Geneva đang bước xuống phòng thí nghiệm trong ngôi nhà của Rhyme ở dưới lầu. Cô nhìn vào cha mình, ông đang nhìn cô với đôi mắt to tròn đầy đau khổ.

Trời ạ. Cô quay đi chỗ khác.

Rhyme nói: “Chúng ta có một vài tin cho cháu. Kẻ thuê Boyd đã chết rồi”.

“Chết? Cái gã định ăn cướp trung tâm mua bán trang sức?”

“Mọi việc không như vẽ bề ngoài của nó.” Rhyme nói.”Bọn chú... à, chú đã sai. Chú đã nghĩ tới bất cứ kẻ nào có ý định cướp trung tâm mua bán trang sức. Nhưng không, hắn ta muốn đánh sập chỗ đó.”

“Khủng bố?”, cô hỏi.

Rhyme gật đầu về phía tập tài liệu nhựa mà Amelia đang cầm. Bên trong đó là một lá thư, được gửi đến tờ The New York Times. Trong đó nói rằng vụ đánh bom cửa hàng mua bán trang sức chỉ là một phần trong cuộc chiến thần thánh chống lại Israel và đồng minh. Cùng một loại với mẫu giấy được dùng để gửi tin về yêu cầu giết Geneva và bản đồ của phố 55 khu phía tây.

“Hắn là ai?”, cô bé hỏi, cố nhớ lại chiếc xe tải và người đàn ông Trung Đông nào đó trên con phố ngoài bảo tàng một tuần trước. Nhưng không thể.

“Một người nhập cư bất hợp pháp từ Ả Rập Xê út”, thanh tra Sellito nói. “Làm việc cho một nhà hàng ở dưới trung tâm. Tất nhiên, người chủ khá sợ hãi. Họ nghĩ chúng ta cho rằng họ là vỏ bọc của Al-Qaeda hoặc tương tự vậy.” Anh cười khùng khục. “Mà họ có thể lắm chứ. Chúng ta sẽ tiếp tục theo dõi. Nhưng tất cả bọn họ đều là công dân có hồ sơ trong sạch, đã ở đây nhiều năm rồi, thậm chí có vài đứa con trong quân đội nữa. Có thể nói họ là một đám người vô cùng hoảng sợ lúc này.”

Phần quan trọng nhất về gã đánh bom này, Amelia tiếp tục nói, là gã Bani al-Dahab không hề có liên quan với bất cứ kẻ tình nghi khủng bố nào. Người phụ nữ mà hắn hẹn hò gần đây và những đồng nghiệp đều nói họ không biết có một lần nào hắn gặp những người có thể ở trong các trại khủng bố, nhà thờ hồi giáo mà hắn thường lui tới hoàn toàn ôn hòa về mặt tôn giáo và chính trị.

Amelia đã kiểm tra căn hộ của hắn ở Queens và không tìm thấy một chứng cứ nào có liên quan tới các nhà tù khủng bố khác. Ghi chép dữ liệu điện thoại của hắn cũng đang được kiểm tra xem có mối liên hệ nào với các tôn giáo chính thống khác không.

“Chúng ta sẽ tiếp tục kiểm tra các bằng chứng”, Rhyme nói, “nhưng chúng ta chắc chắn 90% rằng hắn làm việc một mình. Ta nghĩ rằng điều đó có nghĩa là cháu hắn đã an toàn rồi”.

Anh lặn chiếc xe của mình tới chiếc bàn đựng vật chứng và nhìn vào vài cái túi đựng đồ nhựa và sắt bị cháy. Anh nói với Cooper: “Đưa chúng lên bằng, Mel. Chất nổ là TOVEX, và chúng ta có nhiều mảnh của thiết bị kích nổ, hộp, dây, một mẫu kíp nổ. Tất cả được đựng trong một cái hộp của UPS để địa chỉ gửi tới trung tâm trang sức, nhắm vào giám đốc”.

“Thế làm sao mà nó lại phát nổ trước vậy?”, Jax Jack hỏi.

Rhyme giải thích rằng sử dụng một quả bom điều khiển bằng sóng vô tuyến trong thành phố rất nguy hiểm bởi có quá nhiều sóng vô tuyến xung quanh - từ các máy phát tín hiệu trong khu xây dựng, những chiếc điện đàm, và hàng trăm nguồn phát khác nữa.

Sellito nói thêm: “Hoặc có thể hắn đã tự giết chính mình. Hắn có thể đã nghe tin Boyd bị bắt hoặc trung tâm mua bán trang sức đang được rà soát bom. Hắn hẳn phải nghĩ rằng việc bị tóm chỉ còn là vấn đề thời gian mà thôi”.

Geneva cảm thấy bối rối. Những người xung quanh cô bỗng trở thành những người xa lạ. Lý do họ tập hợp lại không còn tồn tại nữa. Với cha cô, ông ấy còn xa lạ với cô hơn cả những cảnh sát. Cô muốn được trở lại phòng mình ở căn hầm tại Harlem với những quyển sách và kế hoạch tương lai của mình, về đại học, giấc mơ về Florence và Paris.

Nhưng rồi cô nhận ra là Amelia đang nhìn mình thật gần gũi. Người nữ cảnh sát hỏi: “Từ giờ cháu định làm gì?”.

Geneva nhìn cha mình. Chuyện gì sẽ xảy ra? Cô đã có cha, người cha thật sự, nhưng người đó đã từng là tội phạm, thậm chí còn không thể ở đây, trong thành phố này. Hẳn là họ sẽ vẫn muốn giao cô cho một gia đình nào đó nhận nuôi.

Amelia nhìn Lincoln Rhyme. “Cho đến khi mọi việc được làm sáng tỏ hết, tại sao chúng ta không tiếp tục với kế hoạch của mình? Để Geneva ở đây một thời gian.”

“Ở đây?”, cô bé hỏi.

“Cha của cháu phải quay trở lại Buffalo và lo mọi việc ở đó.”

Dù sao thì việc sống với ông ấy cũng không phải là một lựa chọn, Geneva nghĩ. Nhưng cô giữ nó trong lòng.

“Một ý tưởng hay.” Thom thốt ra câu này. “Tôi nghĩ đó là những gì chúng ta sẽ làm.” Giọng của anh rất kiên quyết. “Em sẽ ở đây.”

“Như thế có sao không?”, Amelia hỏi Geneva.

Geneva không chắc chắn lý do vì sao họ muốn cô ở lại. Lúc đầu cô cảm thấy nghi ngờ. Nhưng vẫn luôn phải nhắc chính mình rằng, sau khoảng thời gian sống một mình quá lâu, tính ngờ vực theo đuổi cô giống

như một cái bóng. Cô nghĩ tới một quy tắc khác về những cuộc đời giống như cô: Ta coi trọng gia đình của mình theo cách ta tìm ra nó.

“Chắc chắn rồi”, cô nói.

Bị còng tThompson Boyd được đưa đến phòng thí nghiệm của Rhyme và hai người bảo vệ đặt hắn ngồi trước mặt Rhyme và những cảnh sát. Geneva một lần nữa được đưa về phòng cô bé, lúc này được bảo vệ bởi Barbe Lynch.

Nhà tội phạm học hiếm khi làm điều này, đối diện trực tiếp với những hung thủ. Đối với anh, một nhà khoa học, niềm đam mê duy nhất trong công việc chính là trò chơi, cuộc săn đuổi, chứ không phải là hiện thân của những tên tội phạm. Anh không hề có chút khao khát nhìn những tên tội phạm dù nam hay nữ mà mình bắt được với ánh mắt hả hê. Những lời nhận tội và xin lỗi khẩn thiết không làm anh thay đổi, đe dọa thậm chí chẳng làm anh cảm thấy phiền hà.

Giờ anh chỉ muốn bảo đảm một cách tuyệt đối rằng Geneva Settle đã an toàn. Anh muốn chính mình tiếp cận với kẻ tấn công cô bé.

Khuôn mặt hắn được băng bó và thâm tím bởi cuộc chiến với Sachs khi bị bắt, Boyd nhìn quanh phòng thí nghiệm. Các trang thiết bị, các biểu đồ trên những tấm bảng trắng.

Chiếc xe lăn.

Không chút cảm xúc, không một chút rung động nào của sự ngạc nhiên hay thích thú. Thậm chí ngay cả khi hắn quay đầu về phía Sachs. Như thể quên rằng cô đã đánh hắn liên tục bằng một viên đá.

Có một ai đó hỏi Boyd về điều đó, rằng cảm thấy thế nào, khi ngồi trên chiếc ghế điện. Hắn nói rằng cảm giác đó không hề giống với cái gì cả. Chỉ có cảm giác như một kiểu vô cảm. Hắn nói như thế rất nhiều về sự kết thúc. Hắn cảm thấy vô cảm.

Hắn đặt câu hỏi: “Làm sao các người tìm ra được tôi?”.

“Có một vài điều”, Rhyme trả lời. “Và một trong số đó là, anh đã chọn nhầm lá bài tarot để bỏ lại như là một bằng chứng. Nó đặt vào trong suy nghĩ của tôi về sự hành hình.”

“Người treo ngược”, Boyd nói, gật đầu. “Ông đúng. Tôi chưa bao giờ nghĩ tới điều đó. Chỉ có vẻ giống như một kiểu ghê rợn thôi. Chỉ để đánh lạc hướng các ông.”

Rhyme tiếp tục: “Nhưng, thứ đưa chúng tôi lần ra được tên anh, là thói quen của anh”.

“Thói quen?”

“Anh hay huýt sáo.”

“Tôi hay thế thật. Tôi đã cố không như thế khi làm việc. Nhưng đôi khi nó tự phát ra. Vậy ông đã nói chuyện với...”

“Đúng, vài người ở Texas.”

Gật đầu, Boyd nhìn Rhyme với đôi mắt màu đỏ, nheo nheo. “Vậy các ông biết về vụ Charlie Tucker sao? Hắn quả là một sự tồi tệ của loài người. Khiến cho những ngày cuối cùng của những người của tôi trở nên khốn khổ. Nói với họ rằng họ sẽ bị thiêu đốt dưới địa ngục, nói những điều vô nghĩa về Jesus và những thứ vớ vẩn.”

Những người của tôi...

Sachs hỏi: “Có phải Bani al-Dahab là kẻ duy nhất thuê anh làm việc?”.

Hắn chớp chớp mắt kinh ngạc; đó dường như là cảm xúc thật đầu tiên xuất hiện trên khuôn mặt hắn. “Làm thế nào...?” Rồi hắn im lặng.

“Quả bom phát nổ sớm. Hoặc hắn tự sát.”

Một cái lắc đầu. “Không, hắn ta không phải một kẻ đánh bom tự sát. Nó hắn đã phát nổ một cách bất ngờ. Hắn đã không cẩn thận. Quá nóng vội. Không chịu làm mọi việc theo hướng dẫn gì hết. Nhiều khả năng hắn đã kích hoạt nó quá sớm.”

“Anh đã gặp hắn như thế nào?”

“Hắn gọi cho tôi. Biết tên tôi qua một ai đó ở tù. Kiểu như mối liên hệ Hồi giáo.”

Vậy là thế. Rhyme đã bắn khoăn về việc làm thế nào mà một người bảo vệ nhà tù ở Texas lại có thể liên quan tới những kẻ khủng bố Hồi giáo.

“Họ rất điên cuồng”, Boyd nói. “Nhưng họ có tiền, những người Ả Rập đó.”

“Và cả John Earle Wilson? Hắn chính là kẻ tạo bom của anh?”

“Joimy, vâng, đúng.” Hắn lắc đầu. “Ông cũng biết về anh ta sao? Tôi phải thật lòng mà nói các ông cũng thật giỏi đấy.”

“Anh ta ở đâu?”

“Tôi không biết. Chúng tôi để lại tin nhắn ở các quầy điện thoại trà trước vào một hộp thư thoại. Gặp nhau ở những nơi công cộng. Chưa bao giờ trao đổi quá chục từ.”

“FBI sẽ tiếp tục nói chuyện với anh về al-Dahab và vụ nổ bom. Những gì mà chúng tôi muốn biết là về Geneva. Có còn ai khác muốn tấn công cô bé không vậy?”

Boyd lắc đầu. “Từ những gì anh ta nói với tôi, al-Dahab làm việc một mình anh ta có nói với những người ở Trung Đông một vài lần. Nhưng không có ai ở đây. Anh ta không tin tưởng một ai hết.” Cái giọng lè nhè vùng Texas phát ra rồi trầm xuống, như thể hắn ta đã cố gắng để làm mất đi giọng nói này.

Sachs nói một cách đe dọa: “Nếu anh nói dối, nếu như có điều gì xảy ra với cô bé, chúng tôi có thể bảo đảm chắc chắn rằng phần còn lại của cuộc đời anh sẽ hoàn toàn khổ khổ.”

“Như thế nào?”, Boyd hỏi, có vẻ thật sự tò mò.

“Anh đã giết người thủ thư, tiến sĩ Barry. Anh tấn công và cố ý giết các cảnh sát. Anh đáng ra sẽ phải trả nhiều lần cái mạng sống của mình trong tù. Và chúng tôi đang điều tra về cái chết của cô gái trên phố Canal ngày hôm qua. Có ai đó đẩy cô ấy ra trước xe buýt gần chỗ anh trốn thoát trên phố Elizabeth. Chúng tôi đang đưa ảnh của anh tới các nhân chứng. Anh sẽ mãi mãi biến mất.”

Một cái nhún vai. “Chẳng có chút gì quan trọng cả.”

“Anh không quan tâm sao?”, Sachs hỏi.

“Tôi biết các người không hiểu tôi. Tôi không đổ lỗi cho điều đó. Nhưng, nhìn xem, tôi không quan tâm tới việc bị giam giữ. Tôi chẳng quan tâm cái gì hết. Các người thực sự không thể nào hiểu được tôi đâu. Tôi đã chết rồi. Giết một ai đó chẳng là vấn đề đối với tôi, cứu một mạng sống cũng chẳng là gì.” Hắn nhìn Amelia Sachs, cô đang nhìn hắn trừng trừng. Boyd nói: “Tôi thấy ánh mắt đó, nó đang tự hỏi là cái loại quái vật gì thế này? Chà, sự thật là, các người biến tôi thành tôi”.

“Chúng tôi?”, cô hỏi.

“Ồ, vâng, thưa bà... Bà biết công việc của tôi là gì.”

“Người kiểm soát việc hành hình”, Rhyme nói.

“Đúng, thưa ngài. Giờ tôi sẽ nói cho các người về công việc này: Ta có thể tìm ra tên của từng người được hành hình một cách hợp pháp ở nước Mỹ này. Rất nhiều. Và ta có thể tìm ra tên của tất cả những thống đốc, những người đợi cho đến tận nửa đêm hoặc bất cứ lúc nào để có cảm hứng. Ta có thể tìm thấy tên của tất cả những nạn nhân mà những tội phạm giết, và phần lớn thời gian là tên của con cháu họ. Nhưng các anh có biết một cái tên mà không thể tìm ra?”

Hắn nhìn các cảnh sát quanh mình. “Là những người như chúng tôi, những người nhún nút. Những người hành hình. Chúng tôi bị lãng quên. Ai cũng đều nghĩ đến việc án tử hình sẽ ảnh hưởng đến gia đình của

kể bị buộc tội như thế nào. Hoặc xã hội gia đình của phạm nhân. Không nói đến người đàn ông hay đàn bà đang nằm xuống chờ chết. Nhưng không một ai từng mất một giọt mồ hôi để nghĩ tới chúng tôi, những người hành hình. Không một ai từng dừng lại và nghĩ tới những gì xảy ra với chúng tôi.”

“Ngày qua ngày, sống với những người của chúng tôi - đàn ông, phụ nữ, những người sắp chết, dần quen với họ. Nói chuyện với họ. Về đủ mọi thứ trên trời dưới bể. Nghe một người da đen hỏi về việc làm thế nào mà một người đàn ông da trắng phạm chính xác cùng một tội lại có thể bị án chung thân, hoặc thậm chí nhẹ hơn, trong khi anh ta thì sắp phải chết? Một người Mexico thề thốt rằng anh ta không hề hăm hiếp và giết cô bé đó. Anh ta chỉ đang mua bia ở quán 7-Eleven và cảnh sát ập đến rồi anh ta biết rằng mình đang ở trong nhà giam tử tù. Và rồi sau một năm, sau khi đã nằm sâu dưới ba tấc đất thì họ làm xét nghiệm DNA và phát hiện ra rằng họ đã tóm nhầm người, anh ta hoàn toàn là một người vô tội.”

“Tất nhiên, thậm chí là một người mắc tội cũng là con người, sống với tất cả bọn họ, ngày qua ngày. Trở nên tử tế, tốt bụng với họ vì họ tốt với ta. Dần dần hiểu họ. Và rồi... ta giết họ. Chính ta, tất cả là ta. Với chính bàn tay mình, nhấn chiếc nút, ném cái công tắc... Điều đó thay đổi ta.”

“Các anh biết họ nói gì? Anh nghe thấy điều đó rồi. ‘Xác chết di động’. Nó ám chỉ những người tử tù. Nhưng đó thực ra là chúng tôi. Những người hành hình. Chúng tôi là những người đã chết rồi.”

Sachs lẩm bẩm: “Nhưng còn bạn gái của anh? Làm sao mà anh có thể bắn cô ấy chứ?”

Hắn im lặng. Lần đầu tiên bóng tối bao phủ khuôn mặt hắn. “Tôi đã cân nhắc về phát súng ấy. Tôi hy vọng rằng mình có cảm giác rằng không nên làm thế. Rằng cô ấy rất ý nghĩa đối với tôi. Tôi sẽ để cô ấy sống và chạy, chỉ để lấy những cơ hội cho mình. Nhưng..Hắn lắc đầu. “Nó đã không xảy ra. Tôi nhìn cô ấy và tất cả những gì tôi cảm thấy là sự lạnh lùng vô cảm. Và tôi biết rằng việc bắn cô ấy sẽ có ý nghĩa.”

“Và nếu như là lũ trẻ ở nhà lúc đó chứ không phải cô ấy thì sao?” Sachs nói hắt ra. “Anh sẽ bắn một đứa để chạy trốn chẳng?”

Hắn suy nghĩ điều đó một lúc. “Chà, thưa bà, tôi cho là nó sẽ có hiệu quả, đúng không? Bà đã có thể dừng lại để cứu chúng thay vì chạy theo săn đuổi tôi. Giống như cha tôi đã từng nói: Đó chỉ là câu hỏi về việc con đặt cái dấu thập phân ở đâu.”

Bóng tối dường như đã được nhấc khỏi khuôn mặt hắn, như thể cuối cùng hắn đã nhận được câu trả lời nào đó hoặc diết luận nào đó trong cuộc đấu tranh khiến hắn khổ sở suy nghĩ một thời gian dài.

Người treo ngược... Lá bài thường dự báo một sự khuất phục trước những kinh nghiệm, kết thúc một sự tranh đấu và chấp nhận nó.

Hắn nhìn Rhyme. “Giờ, nếu ông không phiền, tôi nghĩ rằng đã đến lúc tôi về nhà.”

“Nhà?”

Hắn nhìn họ một cách tò mò. “Nhà tù.”

Như thế, cái gì nữa mà hắn có thể còn ám chỉ chứ?

Người cha và đứa con gái bước khỏi chuyến tàu C trên phố 135 và hướng về phía đông, phía trường trung học Langston Hughes.

Cô đã không muốn ông đến đó nhưng ông ấy cứ khăng khăng đòi bảo vệ cô Rhyme và thanh tra Bell cũng muốn làm như vậy. Hơn nữa, cô nghĩ rằng, ông ấy sẽ sớm trở về Buffalo vào ngày mai và cô cho rằng mình có thể tha thứ bằng một hay hai tiếng đồng hồ với ông ấy. Ông hát đầu về phía chiếc tàu điện ngầm đang sau: “Ta đã từng rất thích vẽ trên tàu C. Sơn bám lên đó rất đẹp... Ta biết rất nhiều người đã từng thấy. Vẽ hết lên toa này sang toa khác năm 1976. Năm đó là dịp kỷ niệm 200 năm ngày Quốc khánh. Những chiếc tàu ở trong thành phố. Tuyệt tác của ta từng ở trên một trong những con tàu đó, cùng với chỗ tượng Nữ thần Tự do”, ông cười. “Bộ phận phụ trách giao thông thành phố đã không chùi sạch toa tàu đó ít nhất một tuần, ta nghe thấy người ta nói vậy. Có lẽ chỉ vì họ bận nhưng ta thích thú khi nghĩ rằng có một ai đó thích những gì ta vẽ và để nó đó lâu hơn một chút so với bình thường.”

Geneva lẩm bẩm, đang định nói rằng mình có chuyện muốn nói với ông. Cách đó một dãy phố cô có thể thấy giàn giáo nằm ở trước tòa nhà nơi cô đã làm việc và bị đuổi. Làm thế nào mà cha cô lại muốn biết

rằng công việc của cô từng làm là đi tẩy sạch những hình vẽ graffiti trên các tòa nhà được sửa lại? Có thể cô thậm chí từng xóa đi vài hình vẽ của ông. Rất muốn nói với ông điều đó. Nhưng cô không cất nên lời.

Đã sửa bởi nguyennnguyen lúc 09.03.2015, 21:30.

Ở bất điện thoại công cộng đầu tiên còn dùng được mà họ tìm thấy trên Đại lộ Frederick Douglass, Geneva dừng lại, rút ra vài đồng tiền lẻ. Cha cô bé đưa cho cô chiếc điện thoại của ông ấy.

“Không sao mà cha.”

“Cứ lấy dùng đi.”

Cô lờ ông, thả những đồng xu vào máy và gọi cho Lakeesha, trong khi cha cô nhét chiếc điện thoại vào túi và bước tha thẩn tới rường, nhìn khu vực chung quanh như một thằng bé đứng trước khu bán kẹo ở trong một cửa hàng tạp hóa.

Cô quay đi khi nghe tiếng bạn mình nhắc máy. “A lô?”

“Tất cả xong hết rồi, Keesh.” Cô giải thích về trung tâm mua bán trang sức, về vụ đánh bom.

“Đó là những gì xảy ra ư? Khốn kiếp. Một tên khủng bố á? Thật là đáng sợ. Nhưng cậu ổn chứ?”

“Tớ ổn. Thật đấy.”

Geneva nghe thấy một tiếng nói khác, tiếng một người đàn ông, nói gì đó với bạn mình, cô ấy đang đặt tay lên che ống nói một lúc. Sự trao đổi của họ có vẻ khá nóng.

“Cậu ở đó chứ, Keesh?”

“Ừ.”

“Ai vậy?”

“Không có ai cả. Cậu đang ở đâu? Cậu không ở lại tầng hầm ấy nữa phải không?”

“Tớ vẫn ở chỗ mà tớ nói với cậu rồi đấy - với cái chú cảnh sát và bạn gái của chú ấy. Chú mà ngồi xe lăn ý.”

“Cậu đang ở đó hả?”

“Không. Tớ đang ở khu ngoại ô. Đang đến trường.”

“Bây giờ?”

“Để lấy bài tập về nhà của tớ.”

Cô gái dừng lại một chút. Rồi: “Nghe này, tớ sẽ đến gặp cậu ở trường. Muốn thấy cậu, nhóc. Khi nào thì cậu sẽ đến đó?”

Geneva nhìn cha của mình, ở gần đó, đang đút tay vào túi quần, vẫn đang nhìn ngắm con phố. Cô quyết định không nhắc đến ông với Keesh, hay bất cứ ai khác, chỉ là chưa nói thôi.

“Để ngày mai đi, Keesh. Tớ không có thời gian bây giờ.”

“Chán quá.”

“Chà, tốt hơn là ngày mai.”

“Sao cũng được.”

Geneva nghe thấy tiếng dập máy. Tuy nhiên cô vẫn đứng im tại chỗ một lúc, chưa bước đến phía cha mình. Cuối cùng, cô cùng ông tiếp tục hướng về phía trường

“Con biết có gì ở đó không, cách đây ba hay bốn dãy nhà?” Ông hỏi, chỉ về phía bắc. “Strivers Row. Con đã bao giờ thấy chưa?”

“Chưa”, cô lầm bầm.

Ta sẽ đưa con đến đó một lúc nào đó. Một trăm năm trước, một người phát triển khu đấy, tên là King, ông ấy đã xây ba tòa nhà lớn này và vô số các ngôi nhà khác. Ông ấy đã thuê ba trong số những kiến trúc sư giỏi nhất trong nước và mời họ tới làm việc. Những nơi thật đẹp. King Model Homes là tên thật sự nhưng chúng thật sự đắt và đẹp, đó là câu chuyện, nó được gọi là Strivers Row bởi chúng ta phải cố gắng, nỗ lực rất nhiều để có thể sống ở đó. W.C. Handy sống ở đó một thời gian. Con biết ông ấy chứ? Cha đẻ của dòng nhạc Blue. Nhà soạn nhạc thực sự từng sống. Ta có vẽ ở đó một lần. Đã bao giờ ta kể cho con chưa nhỉ? Ta phải mất đến ba mươi can sơn để vẽ đấy. Không phải là một hình vẽ nhanh đâu; ta mất hai ngày để vẽ đấy. Vẽ một bức tranh về W.C. Một nhà nhiếp ảnh của tạp chí Times đã chụp nó lại và đưa lên báo.” Ông hất đầu về phía bắc

“Nó đã ở đó trong..”

Cô dừng lại nhanh. Hai bàn tay đập vào hông mình. “Đủ rồi.”

“Genie?”

“Thôi đi. Con không muốn nghe những thứ này.”

“Con...”

“Con không quan tâm tới bất cứ gì cha đang nói với con.”

“Con đang mất bình tĩnh rồi, con yêu. Ai mà không như thế sau tất cả mọi việc đã xảy ra chứ? Nhìn xem, ta đã có lỗi”, ông nói, giọng đang vỡ dần. “Đó là quá khứ. Giờ ta đã khác rồi. Tất cả sẽ khác. Ta sẽ không bao giờ đặt ai lên trước con nữa, như ta đã từng làm khi sống với mẹ con. Con là người duy nhất mà đáng lẽ ra ta phải cố gắng để giữ lại - chứ không phải là mất từng ấy năm ở Buffalo.”

“Không! Cha không hiểu điều đó. Đó không phải là về những gì cha đã làm. Đó là tất cả cái thế giới kỳ quặc của cha mà con chẳng muốn là gì trong đó cả. Con chẳng cần biết Strivers là cái gì, con không quan tâm tới Apollo hay là câu lạc bộ Cotton gì cả. Hay là Thời Phục hưng Harlem. Con không thích Harlem. Con ghét ở đây. Đó là súng, là ma túy, hiếp dâm và cả đồng người nghiện những đồ phụ kiện rẻ tiền và những chiếc khuyên tai trong tiệm tạp hóa. Đó là những cô gái, tất cả những gì mà họ quan tâm là tóc tai. Và...”

“Và phố Wall có những kẻ làm giao dịch nội gián, New Jersey thì có mafia và Westchester có những khu dành cho dân di cư với những chiếc xe kéo”, ông trả lời.

Cô hầu như không nghe ông nói: “Đó là những cậu

tra, mà tất cả những gì họ quan tâm là kéo tụi con gái lên giường. Đó là những con người thờ ơ, không quan tâm tới những gì họ nói. Đó là...”

“Có chuyện gì xảy ra với tiếng Anh của con vậy?” Cô chớp mắt. “Làm sao mà cha biết về điều đó?” Bản thân ông chưa bao giờ nói bằng ngôn ngữ của người da đen - cha của ông đã bảo đảm chắc chắn rằng ông thực sự nỗ lực ở trường (ít nhất cho đến khi bỏ học để bắt đầu cái “sự nghiệp” bời vờ lên tài sản của thành phố). Nhưng hầu hết những người sống ở đây không hề biết tới cái tên gọi chính thức cho cái mà họ nói là tiếng Anh của người Mỹ gốc Phi.

“Khi ta còn ở trong đó”, ông giải thích: “Ta đã có được bằng tốt nghiệp trung học và một năm Cao đẳng”. Cô không nói gì cả.

“Phần lớn ta học đọc và nhớ từ vựng. Có thể điều đó không giúp ta có được một công việc nhưng nó là thứ lôi cuốn ta. Ta vẫn luôn yêu thích sách và đồ vật, con biết điều đó. Ta là người đã khuyến khích con đọc từ khi còn nhỏ... Ta đã học tiếng Anh chuẩn. Nhưng ta cũng học tiếng Anh bản ngữ nữa. Và ta thấy không có gì không đúng cả.”

“Cha không sử dụng nó”, cô chỉ ra một cách lạnh lùng.

“Ta không lớn lên và nói nó. Ta cũng không hề lớn lên và nói tiếng Pháp hay Mandingo.”

“Con chán ngán khi nghe thấy người ta nói, ‘Lemme axe you a question’[1].”

[1] Cho tôi được hỏi một câu. Câu đúng phải là: Let me ask you a question.

Cha cô nhún vai. “‘Axe’ chỉ là một cách nói cũ của ‘ask’ trong tiếng Anh cổ. Hoàng gia đã từng hay sử dụng nó. Có một cuốn Kinh thánh dịch rằng nói về việc ‘cầu xin Chúa’ ban ơn. Đó không phải là một thứ liên quan tới người da đen, như người ta vẫn nói. Sự kết hợp của việc nói chữ ‘s’ và ‘k’ ở cạnh nhau rất khó để phát âm. Đảo chữ sẽ dễ dàng hơn nhiều. Và cả ‘ain’t’? Xuất hiện trong tiếng Anh kể từ thời đại của Shakespeare.”

Cô cười. “Cố gắng kiếm một công việc mà nói tiếng Anh bản ngữ ấy sao.”

“Chà, sẽ ra sao nếu như có một ai đó từ Pháp hay Nga cố gắng kiếm một công việc như thế? Con không nghĩ rằng ông ử sẽ cho họ cơ hội, lắng nghe họ, xem liệu họ sẽ làm việc chăm chỉ, thông minh, thậm chí nếu họ nói một thứ tiếng Anh khác? Có thể vấn đề là ông chủ đó đang sử dụng ngôn ngữ của một người nào đó để làm lý do từ chối không thuê họ.” Ông cười. “Những người ở New York tốt hơn là nên biết nói ít tiếng Tây Ban Nha và Trung Quốc trong một vài năm tới. Tại sao không là tiếng Anh bản xứ?”

Cách lập luận của ông khiến cô còn bức tức hơn nữa.

“Ta thích ngôn ngữ của chúng ta, Genie. Nghe nó tự nhiên hơn. Nó khiến ta cảm thấy mình đang ở nhà. Nhìn xem, con có quyền để tức giận ta vì những gì ta đã làm. Nhưng không phải vì ta là ai hay vì cái gì mà ta như thế này. Đây là nhà. Và con biết con làm gì với gia đình của mình, đúng không? Con thay đổi những gì phải thay đổi và học cách tự hào vì những gì con không thể làm.”

Geneva nhắm chặt mắt lại và đưa tay lên mặt. Năm này rồi năm khác cô mơ về một người cha, một người mẹ - thậm chí không dám mơ có cả hai, nhưng chỉ cần một người ở đó khi cô về nhà mỗi buổi chiều, để kiểm tra bài về nhà của cô, để gọi cô dậy vào mỗi một buổi sáng. Ngay cả khi điều đó không xảy ra, khi cô cuối cùng đã quyết định tự vực dậy cuộc sống của mình bằng chính mình và bắt đầu tìm ra đường đi khỏi cái nơi này, nhưng quá khứ trói buộc và lôi cô lại.

“Nhưng đó không phải là những gì mà con muốn”, cô thì thầm. “Con muốn một điều gì đó hơn là cái mớ lộn xộn này.” Cô vẫy vẫy bàn tay mình quanh con phố.

“Ồ, Geneva, ta hiểu điều đó. Tất cả những gì ta hy vọng là có thể chúng ta sẽ có những năm yên bình ở đây, trước khi con bước chân vào cuộc sống. Hãy cho ta cơ hội để sửa lại những gì chúng ta đã làm với con, mẹ con và ta. Con xứng đáng có một cuộc sống khác... Nhưng, con yêu à, ta phải nói rằng - con có thể gọi cho ta một nơi mà con cảm thấy hoàn hảo? Những con phố được lát gạch vàng? Những nơi mà người ta yêu mến hàng xóm của mình?” ông cười và chuyển sang dùng tiếng Anh bản ngữ. “Con gọi đó là một đồng lộn xộn ở đây? Chà, quá thẳng thắn. Nhưng cái đồng lộn đó ở đâu? Nó ở đâu?”

Ông đưa tay vòng qua ôm Geneva. Cô gồng lên nhưng lại không hề chống cự. Họ bắt đầu bước tới trường.

Lakeesha Scott ngồi trên chiếc ghế băng ở công viên Marcus Garvey, cô đã ở đó hơn nửa tiếng đồng hồ, sau khi trở về từ chỗ làm kế toán ở một nhà hàng trong trung tâm.

Cô chiêm một điều Merit khác, nghĩ: Có những điều chúng ta làm vì ta muốn thế và những điều chúng ta làm vì ta phải làm. Những điều sống cò

Và điều mà cô sắp làm lúc này là một trong những cái điều phải làm ấy.

Thế quái nào mà Geneva không nói rằng sau tất cả cái đồng lộn xộn khỉ gió ấy, cô sẽ đi khỏi thành phố và không bao giờ quay lại?

Cô ấy sẽ đi tới Detroit hay là Bama?

Xin lỗi, Keesh, chúng ta sẽ không gặp nhau được nữa. Ý tứ là mãi mãi. Tạm biệt.

Thế thôi, và tất cả cái vấn đề khỉ gió ấy sẽ biến mất.

Tại sao, tại sao, tại sao?

Và nó thậm chí còn tồi tệ hơn là: Gen phải đi và nói với cô chính xác mình đang đi tới đâu trong một vài tiếng đồng hồ tới. Keesh không có lý do nào để vượt mặt cô ấy lúc này.Ồ, cô vẫn giữ cách nói chuyện chợ búa của mình khi họ nói chuyện cách đây một lúc để Gen không biết được điều gì sắp xảy ra. Nhưng giờ, cô ngồi đây một mình, chìm vào trong nỗi buồn.

Tôi cảm thấy thật sự tồi tệ.

Nhưng không có sự lựa chọn nào.

Những điều ta làm vì ta phải làm...

Cổ lên nào, Keesh nói với chính mình. Phải vượt qua. Đi nào. Phải làm thôi...

Cô dụi điều thuốc và rời khỏi công viên, hướng về phía tây rồi sang phía bắc trên khu Malcolm X, đi qua nhà thờ này rồi nhà thờ khác. Chúng có ở khắp nơi. Nhà thờ Mt. Morris Ascension, Bethelite Community, Ephesus Adventist, Baptist - rất nhiều. Một hay hai nhà thờ Hồi giáo, một giáo đường Do Thái.

Những cửa hàng và cửa hiệu: Papaya King, một cửa hiệu bán đồ tôn giáo, một hiệu cho thuê vest tuxedo, một đại lý rút tiền bằng séc. Cô đi qua ga ra của một người du mục, chủ nhân đang ngồi bên ngoài, tay nắm chiếc đài được ghép lại với nhau bằng băng dính, sợi dây điện dài biến mất vào trong một văn phòng tối om. Ông ta vui vẻ cười với cô. Làm thế nào mà Lakeesha ghen tị với họ: một đức cha đứng trước bậc thềm bám bụi, dưới ánh đèn neon của cây thánh giá, một người đàn ông vô tư lự nhét mẩu xúc xích vào trong miếng bánh bao nhân nho đã được hấp nóng, người đàn ông béo ục ịch ngồi trên một chiếc ghế rẻ tiền, với điều thuốc và cái micro dở hơi của ông ta.

Họ không phản bội một ai cả, cô nghĩ.

Họ không phản bội lại một trong những người bạn tốt nhất trong nhiều năm rồi.

Chộp lấy thanh kẹo cao su, nắm chặt sợi dây đeo túi với những ngón tay mập mạp được sơn màu đỏ và vàng ở móng tay. Lờ đi ba cậu nhóc người Dominica.

“Pssst”

Keesh thò vào trong túi và cầm lấy con dao bấm của mình. Cô gần như bật nó mở ra, chỉ để lưỡng lự nhìn chúng. Cô nhìn trừng trừng nhưng giữ nguyên con dao sắc nhọn ở đó, biết chắc rằng mình sẽ gặp phải cả đồng phiền phức khi đến trường. Chả nghĩ đến nó nữa.

“Pssst.”

Cô tiếp tục đi, bàn tay run rẩy mở một gói kẹo cao su. Nhét hai miếng có vị hoa quả vào miệng. Lakeesha chặt vật tranh đấu để tìm lại trái tim giận dữ của mình.

Điên tiết lên đi nào. Nghĩ tới mọi thứ mà Geneva đã làm khiến mình bức tức, nghĩ tới những gì mà nó có mà mình không và không bao giờ có. Sự thật đau lòng là cô ấy quá thông minh, đến trường đều đặn mỗi ngày, luôn giữ được dáng vẻ nhỏ nhắn mà không giống với những ả điểm bị AIDS, rằng cô ấy vẫn khép chặt chân mình lại và nói với những cô gái khác những điều giống như những bà mẹ đầy lo lắng nói với con gái họ.

Làm như là cô ấy tốt hơn tất cả mọi người.

Nhưng cô ấy không như vậy. Geneva Settle chỉ là một đứa nhóc từ một gia đình mà mẹ thì nghiện và cha thì bỏ đi.

Cô ấy là một trong số chúng ta.

Bức tức với sự thật là cô ấy nhìn vào mắt ta và nói: “Cậu có thể làm được, cậu có thể làm được, cậu có thể thoát ra khỏi đây, cậu có cả thế giới ở phía trước”.

Chà, không, đôi khi chúng ta chỉ đơn giản không thể làm được. Đôi khi nó quá nhiều để chịu đựng. Ta cần sự giúp đỡ để vượt qua. Ta cần một ai đó với những đồng tiền, ai đó quan sát và giúp đỡ, bảo vệ.

Trong một khoảnh khắc, sự tức giận với Geneva sôi lên và cô tóm lấy cái dây túi thậm chí còn chặt hơn.

Nhưng cô không thể giữ được sự tức giận đó. Nỗi tức giận biến mất, bị thổi bay đi không khác thứ phấn rôm cô rắc lên móng của hai đứa em họ sinh đôi mỗi khi thay tã lót cho chúng.

Khi Lakeesha bước đi trong sự mê mụ qua Lenox Terrace hướng về phía trường học, nơi mà Geneva Settle sẽ sớm có mặt ở đó, cô nhận ra rằng mình không thể dựa vào sự tức giận hay lý do nào cả.

Tất cả những gì cô có thể dựa vào đó là sự sống còn. Đôi khi ta phải quan tâm đến chính mình và nhận lấy sự giúp đỡ mà người ta đưa ra.

Những điều mà ta làm bởi ta phải làm...

37. Chương 37

Ở trường, Geneva có thêm bài tập về nhà và thật bất ngờ, bài tập về nghệ thuật ngôn ngữ tiếp theo của cô bé là viết về quyển Ngôi nhà Harlem của Claude McKay, xuất bản năm 1928 và là một trong những tác phẩm đầu tiên bán chạy nhất của một tác giả da đen.

“Em không thể chọn một quyển của E. E. Cummings được sao?”, cô hỏi. “Hoặc là John Cheever?”

“Đó là thứ tự bài học về văn hóa Mỹ - Phi, Gen.” Giáo viên nghệ thuật ngôn ngữ nói và mỉm cười.

“Vậy thì Frank Yerby”, cô kì kèo. “Hay là Octavia Butler”.

“À, họ là những tác giả tuyệt vời, Gen”, người giáo viên nói. “Nhưng họ không viết về Harlem. Đó là những gì chúng ta học trong phần này. Nhưng tôi đưa cho em tác giả McKay bởi tôi cho rằng có thể em sẽ thích ông ấy. Ông ấy là một trong những tác giả yêu thích tranh luận nhất nổi lên thời Phục hưng Harlem. Ông bị chỉ trích rất mạnh mẽ vì nhìn vào mặt đối lập của Harlem. Ông ấy viết về những khía cạnh nguyên thủy của nơi này. Nó đã khiến Dubois và rất nhiều những nhà tư duy khác lúc bấy giờ thất vọng. Nó ở ngay con hẻm gần nhà em.”

Có thể cha sẽ giúp cô hiểu rõ, Geneva nghĩ một cách đầy mỉa mai, bởi ông yêu quý khu vực ấy và ngôn ngữ của nó.

“Thử với nó xem”, thầy giáo nói. “Em có thể sẽ thích nó cho mà xem.”

Ồ, không, em sẽ không thích đâu. Geneva nghĩ.

Ra khỏi trường, cô bắt đầu bước đi với cha mình. Họ đi tới một điểm chờ xe buýt và nhắm mắt lại trước một cơn gió lạnh đầy bụi xoáy quanh họ. Họ đã đạt được sự giải tỏa căng thẳng nhất định và cô đồng ý để ông đưa mình vào một nhà hàng Jamaica mà ông vẫn luôn mơ ước trong sáu năm qua.

“Liệu nó có còn ở đấy nữa không?”, cô hỏi một cách bình thản.

“Ta không biết. Nhưng ta sẽ tìm ra thứ gì đó. Hãy xem đây như một chuyến phiêu lưu.”

“Con không có nhiều thời gian.” Cô run lên vì lạnh.

“Cái xe buýt đó ở đâu?”, ông hỏi.

Geneva nhìn sang con phố và cau mày. Ồi, không... Đó là Lakeesha. Đó chính là cô ấy; cô ấy đã thậm chí không thèm nghe Geneva nói và đến đây.

Keesh vẫy vẫy tay.

“Ai vậy?”, cha cô hỏi.

“Bạn của con.”

Lakeesha ngập ngừng nhìn cha Geneva rồi vẫy tay ra hiệu cho Gen đi sang đường.

Có chuyện gì vậy chứ? Khuôn mặt cô ấy đang cười nhưng rõ ràng là suy tính điều gì đó. Có thể cô ấy tự hỏi không biết Geneva đang làm gì với một người đàn ông lớn tuổi hơn mình.

“Cha hãy đợi ở đây”, cô nói. Và bắt đầu bước về phía Lakeesha, đang nháy nháy mắt và có vẻ như vừa hít một hơi thở thật sâu. Cô ấy mở túi và thò vào bên trong.

Có chuyện gì vậy nhỉ? Geneva tự hỏi. Cô băng qua phố và dừng lại bên lề đường. Keesha lưỡng lự rồi bước về phía trước. “Gen”, cô nói, đôi mắt bỗng tối sầm lại.

Geneva cau mày: “Này cậu, có...”

Keesh dừng lại thật nhanh khi một chiếc xe phanh gấp bên lề đường bên cạnh Geneva trong lúc cô đang chớp mắt ngạc nhiên. Phía sau tay lái là cô cố vấn của trường, Barton. Người phụ nữ vẩy cô bé vào trong xe. Geneva do dự, nói với Keesh là đợi mình một lúc và đi về phía cô cố vấn.

“Chào, Geneva. Ta không kịp gặp em ở trong trường.”

“Chào cô.” Cô bé khá thận trọng, không chắc chắn rằng cô Barton có biết về cha mẹ mình hay không.

“Người phụ tá của ông Rhyme nói với ta rằng họ đã tóm cổ được gã đang cố gắng giết em. Và cha mẹ em cuối cùng đã về.”

“Cha em”, cô chỉ. “Ông ấy đang đứng ngay kia.”

Cô cố vấn nhìn về phía người đàn ông có dáng người đậm trong chiếc áo phông và áo khoác cũ kỹ.

“Mọi thứ không nghe thấy họ đang nói gì, Lakeesha nhìn họ với một cái cau mày. Biểu hiện của cô ấy còn có vẻ khó hiểu hơn trước. Cô ấy có vẻ vui mừng qua điện thoại, nhưng giờ Geneva nghĩ về điều đó, có thể là sự giả vờ. Và ai là kẻ mà cô ấy đã nói chuyện?”

Không có ai cả...

Mình không nghĩ vậy.

“Geneva?”, cô Barton hỏi. “Em không sao chứ?”

Cô bé quay lại nhìn. “Xin lỗi. Vâng. Em ổn.”

Người phụ nữ một lần nữa quan sát người cha kỹ hơn rồi quay đôi mắt màu nâu vào cô bé, khi cô đang nhìn đi chỗ khác.

“Có điều gì em muốn nói với ta không?”

“Dạ...”

“Sự thật là gì?”

“Em...”

Đó là tình huống mà dù thế nào đi nữa sự thật cũng sẽ được tiết lộ.

“Được rồi, nhìn xem, cô Barton. Em xin lỗi. Em đã không hề thành thật một chút nào. Cha em không phải là một giáo sư. Ông ấy đã ở trong tù. Nhưng giờ đã được tự do rồi.”

“Vậy thì suốt thời gian qua em đã sống ở đâu?”

“Sống một mình.”

Không có một sự phê bình hay chỉ trích nào trong đôi mắt của cô cố vấn, cô gật đầu. “Mẹ em thì sao?”

“Đã mất rồi.”

Cô ta cau mày. “Cô rất tiếc... Và ông ấy đang chuẩn bị chăm sóc em?”

“Chúng em chưa thực sự nói về chuyện này. Bất cứ điều gì ông ấy làm đều phải báo với tòa án hay gì đó.” Cô nói vậy để kéo dài thêm thời gian. Geneva đã lập ra một nửa kế hoạch cho sự trở lại của cha cô là sẽ chăm sóc mình, nhưng cô vẫn phải tiếp tục sống một mình. “Trong một vài ngày tới, em sẽ ở với ông Rhyme và cô Amelia, ở nhà của họ.”

Người phụ nữ nhìn cha cô bé một lần nữa, ông đang nhướn một nụ cười gượng gạo về phía họ.

“Điều này khá là kỳ lạ.”

Geneva nói một cách thách thức: “Em sẽ không vào nhà giáo dưỡng. Em sẽ không đánh mất những gì mình đã cố gắng có được. Em sẽ bỏ chạy. Em sẽ...”

“Dừng lại nào. Bình tĩnh đi.” Cô cố vẫn mỉm cười. “Ta không nghĩ rằng chúng ta cần phải tạo ra một vấn đề lúc này. Em đã trải qua quá đủ rồi. Chúng ta sẽ nói về chuyện này một vài ngày nữa. Giờ hai người định đi đâu?”

“Tôi nhà ông Rhyme.”

“Ta sẽ đưa em và cha đi.”

Geneva ra hiệu cho cha cô đi tới. Ông đi chậm rãi tới chiếc xe, cô bé giới thiệu họ với nhau.

“Rất vui được gặp cô, thưa cô. Và cảm ơn rất nhiều vì đã để tâm tới Geneva.”

“Được rồi, lên xe đi.”

Geneva nhìn sang phố. Keesh vẫn đang ở đó.

Cô hét lớn: “Tớ phải đi đây. Sẽ gọi cho cậu sau”. Cô đưa tay lên làm động tác gọi điện.

Lakeesha gật đầu một cách không thoải mái, rút lại tay đang để trong túi.

Geneva trèo lên ghế sau, phía sau cha mình. Ngoái lại nhìn qua cửa kính phía sau và thấy khuôn mặt nghiêm trọng của Keesh.

Rồi cô Barton lái xe ra khỏi lề đường và cha cô lại bắt đầu với một bài học lịch sử tức cười khác, nói thao thao bất tuyệt những chuyện như: Biết tôi đã từng làm một hình về anh em nhà Collyer không? Homer và Langley. Sống ở số 128 và số 5. Họ là những người sống ẩn dật và kỳ cục nhất trên thế giới. Họ kinh hãi nạn tội phạm ở Harlem và tự nhốt mình trong nhà, đặt những chiếc bẫy một cách vụng về, không bao giờ ném một thứ nhỏ nhất ra ngoài. Một trong số họ bị đè nát bởi đồng báo. Khi họ chết, cảnh sát đã phải đẩy ra ngoài hàng trăm tấn rác từ nơi ở của họ. Ông hỏi: “Đã bao giờ cô nghe về họ chưa?”

Cô cố vẫn nói rằng cô ấy nghĩ mình đã nghe qua rồi.

“Không”, Geneva trả lời. Và nghĩ: Hãy hỏi xem con có quan tâm tới chuyện đó hay không.

Lincoln Rhyme đang chỉ cho Mel Cooper sắp xếp các bằng chứng mà họ đã thu được từ hiện trường vụ đánh bom, xem xét lại một vài báo cáo phân tích bằng chứng mà họ nhận được.

Một đội liên bang, dưới sự chỉ huy của Dellray, đã tìm đến Jon Earle Wson, người đàn ông có dấu vân tay trên quả bom bằng đài bán dẫn ở chỗ ẩn nấp của Boyd. Hắn đã bị tóm cổ và một vài đặc vụ đang mang hắn tới chỗ Rhyme để điều tra chống lại vụ án Thompson Boyd.

Đó là lúc điện thoại của Bell đổ chuông. Anh trả lời: “Bell đang nghe đây... Luis, có chuyện gì vậy?” Anh gõ vào đầu để nghe.

Luis...

Đó là Martinez, anh bám theo Geneva và cha cô bé từ khi họ rời khỏi nhà của Rhyme để tới Langston Hughes. Họ đã hoàn toàn được thuyết phục rằng Jax, Alonzo Jackson, chính là cha cô bé đồng thời không có đe dọa nào với cô cả, và rằng tên khủng bố làm việc một mình. Nhưng điều đó không có nghĩa là Bell và Rhyme để Geneva đi bất cứ đâu mà không có sự bảo vệ.

Nhưng có điều gì đó không đúng ở đây. Rhyme có thể nhìn thấy điều đó trong đôi mắt của Bell. Viên thanh tra nói với Cooper: “Chúng ta cần kiểm tra DMV. Nhanh”. Anh ghi nhanh lại một biển số xe vào một tờ giấy ghi chú và đập máy, đưa mẫu giấy đó cho một đồng chí trong đội Điều tra hiện trường.

“Có chuyện gì xảy ra vậy?”, Sachs hỏi.

“Geneva và cha cô bé đang ở một bến xe buýt gần trường học. Một chiếc xe dừng lại. Họ bước vào trong. Luis không nghĩ tới điều đó và không thể băng qua phố đủ nhanh để ngăn họ lại.”

“Xe? Ai lái?”

“Một phụ nữ da đen có dáng vẻ to lớn. Cách mà anh ta miêu tả cô ấy, có vẻ như đó là giáo viên cổ vắn, cô Barton.”

Thật sự không có gì cần phải lo lắng lắm, Rhyme nghĩ. Có thể người phụ nữ chỉ đơn giản thấy họ đang đứng chờ xe buýt và cho họ đi nhờ.

Thông tin từ Cơ quan điều hành giao thông hiện lên trên màn hình của anh.

“Chúng ta có gì vậy, Mel?”, Rhyme hỏi.

Cooper nheo mắt khi đọc thông tin. Anh gõ một vài từ và nhìn lên, đôi mắt mở to qua cặp kính dày cộp. “Vấn đề. Chúng ta có vấn đề rồi.”

Cô Barton đang hướng về phía nam trung tâm Harlem, đi chậm rãi trong dòng giao thông đầu buổi chiều. Cô ta đi từ từ khi họ qua một dự án tái phát triển bất động sản khác.

Cha cô bé lắc đầu. “Nhìn xem.” Ông hất đầu về phía tấm bảng quảng cáo. “Các nhà ngân hàng, kiến trúc sư.” Một tiếng cười chua chát. “Cá với cô là không có lấy một người da đen nào đang điều hành chúng.”

Không thỏa đáng, Geneva nghĩ. Cô muốn ra về chăm chú lắng nghe.

Than vãn về quá khứ...

Cô cố vẫn nhìn về chỗ đó và nhún vai. “Ở đây ông sẽ thấy nó khắp nơi.” Cô nhấn phanh và đi xuống một con hẻm ở giữa một trong những tòa nhà cũ kỹ đang bị phá và một khu đang bị đào xới.

Đáp lại cái nhìn thắc mắc của cha cô bé, cô Barton nói: “Đường tắt”.

Nhưng cha cô nhìn quanh. “Đường tắt hả?”

“Chỉ để tránh dòng giao thông ở phía nam.”

Ông nhìn quanh, nheo mắt. Rồi thốt lên: “Mẹ kiếp”.

“Cha!”, Geneva rên rỉ.

“Ta biết dãy phố này. Phía trước là đường cụt. Họ đang phá hủy một vài nhà máy cũ.”

“Không.” Cô Barton nói. “Tôi chỉ đi đường này và...”

Nhưng cha cô bé chớp lấy cần thắng tay kéo ngược lại mạnh nhất có thể, rồi quành vô lăng sang bên trái. Chiếc xe dừng lại sượt vào một bức tường gạch với âm thanh rít lên của kim loại và nhựa mài vào đá.

Chộp lấy cánh tay của cô cố vắn, ông hét lớn: “Cô ta là một nhóm với chúng, con yêu. Muốn làm hại con đấy! Ra ngoài, chạy đi!”.

“Cha, không, cha điên mất rồi! Cha không thể...”

Nhưng sự xác nhận đến ngay sau đó khi khẩu súng ngắn được rút ra từ trong túi của người phụ nữ. Cô ta chìa nó vào ngực cha cô bé và kéo cò. Ông chớp mắt trong kinh hoàng và giật mạnh về sau, ôm chặt lấy vết thương. “Không, không”, ông thì thào.

Geneva nhảy lùi ra sau khi người phụ nữ quay khẩu súng bạc về phía cô. Ngay khi nó nổ, cha cô vung nắm đấm vào hàm người phụ nữ và làm cô ta choáng váng. Lửa và một ít thuốc súng rắc lên mặt Geneva nhưng viên đạn thì đã chệch hướng. Nó thổi bung kính sau xe thành hàng ngàn mảnh vụn nhỏ.

“Chạy đi, con yêu!”, cha cô gầm gừ và sụp xuống bằng đồng hồ trước xe.

Oánh nó đi...

Sụt sịt, Geneva bò ra ngoài cửa sổ vỡ vụn phía sau xe và rơi xuống đất. Cô cố gắng đứng dậy và bắt đầu chạy thật nhanh xuống con dốc về phía khu công trường tối tăm đang bị phá hủy.

38. Chương 38

Alina Frazier - người phụ nữ giả làm cô cố vấn Patricia Barton - không có được sự lạnh lùng như đồng phạm của bà ta. Thompson Boyd đã là một tảng băng rồi. Hắn không bao giờ bị bối rối hay lo lắng. Nhưng Alina luôn luôn dễ kích động. Cô ta giận dữ, chửi rủa, khi quờ quạng cào bới qua xác cha của Geneva và lao vào con hẻm, nhìn sang trái rồi sang phải tìm kiếm cô bé.

Diên tiết vì Boyd đã bị tóm cổ, diên tiết vì cô bé đang chạy trốn.

Hít thở thật sâu, nhìn lên rồi xuống con hẻm vắng tanh vắng ngắt. Chạy đuổi lên trước rồi phía sau. Con quỷ cái nhỏ thó ấy có thể ở đâu...?

Một ánh màu tối sẫm ở bên phải cô ta: Geneva đang bò ra từ phía sau một thùng đựng rác màu xanh da trời hoen gỉ và biến mất sâu hơn vào trong khu công trường. Người phụ nữ bắt đầu lao vào truy đuổi, thở hổn hển. Bà ta to lớn, nhưng cũng rất khỏe và di chuyển nhanh nhẹn. Tù tội có thể khiến một người trở nên mềm yếu, hoặc cũng có thể vì tù tội mà biến ai đó trở thành sắt đá. Cô ta đã chọn cái thứ hai.

Frazier đã từng là một gangster trong đầu những năm 90, thủ lĩnh một nhóm nữ lang thang khắp quảng trường Thời đại và phía Upper East Side, nơi mà khách du lịch và người dân - người luôn dè chừng những đám con trai tuổi mới lớn - không hề nghĩ tới một nhóm đầy nữ quái hung dữ, mang những chiếc túi mua sắm của Daffy Dan và Macy. Cứ như vậy, cho đến khi những con dao hay súng xuất hiện và những mụ giàu có mất tiền, trang sức. Sau một thời gian ngắn ngồi tù lúc vị thành niên, cô ta lại dính vụ lớn hơn và lại ngồi tù vì tội ngộ sát - đáng lẽ đó là tội giết người, nhưng công tố viên đã nhầm. Sau khi tại ngoại, cô ta quay lại New York, ở đây, cô ta gặp Boyd thông qua một gã mà cô ta sống cùng, và khi chia tay, Boyd gọi cho cô ta. Lúc đầu, cô ta cứ nghĩ rằng đó chỉ là một trong số những thứ ở gã-da-trắng-thu-hút-những-cô-gái-da-màu. Nhưng khi nhận lời mời uống cà phê, hắn không hề muốn tán tỉnh cô ta chút nào. Hắn chỉ quan sát cô bằng đôi mắt kỳ lạ, khô khốc của mình và nói rằng sẽ rất có ích nếu một phụ nữ làm việc với hắn trong một vài nhiệm vụ. Liệu cô có cảm thấy thích thú không?

Nhiệm vụ? Cô hỏi, nghĩ tới ma túy, nghĩ tới súng, nghĩ tới những kênh ti vi về tội

Nhưng hắn đã thì thầm giải thích về công việc của mình.

Cô chớp mắt.

Rồi hắn còn thêm vào rằng nó có thể mang lại năm mươi ngàn đô cho cô chỉ sau vài ngày làm việc.

Một khoảng dừng. Rồi một cái cười nhếch nhếch. “Đồng ý thôi.”

Mặc dù về sự việc liên quan tới Geneva Settle, chúng đã yêu cầu số tiền gấp năm lần số tiền trên. Nó là một cái giá khá đẹp, bởi đó là vụ khó thực hiện nhất mà chúng từng làm. Sau đợt tấn công ở bảo tàng sáng ngày hôm qua không có kết quả, Boyd đã gọi cho cô ta và yêu cầu giúp đỡ (thậm chí còn đề nghị thêm năm mươi ngàn đô nếu cô ta tự tay giết chết cô bé). Frazier, luôn luôn tinh quái nhất trong nhóm của mình, đã nghĩ ra ý tưởng đóng giả làm giáo viên cố vấn và một tấm thẻ ngành giả được làm. Cô ta bắt đầu gọi điện cho các trường công trong Harlem, đề nghị được nói chuyện với bất cứ giáo viên nào của Geneva Settle, và đã nhận được hàng tá câu trả lời: “Cô bé không được tuyển vào, rất tiếc”. Cho tới trường trung học Langston Hughes, một vài người làm việc văn phòng nói, đúng rồi, đây là trường của con bé. Frazier chỉ đơn giản là mặc một bộ trang phục công sở rẻ tiền, treo lưng lửng chiếc thẻ trước bộ ngực to lớn và đi dạo trong trường như thể đó là chỗ của mình.

Ở đó, cô ta đã nghe về phụ huynh huyền bí của cô bé, căn hộ trên phố 118 - từ thanh tra Bell và các cảnh sát khác về ngôi nhà trên khu tây Central Park cũng như ai đang bảo vệ Geneva. Cô ta đã đưa hết những thông tin này cho Boyd để giúp hắn vạch kế hoạch sát hại cô bé.

Cô ta lén theo dõi căn nhà của cô bé ở gần Momingside cho đến khi thấy rằng việc này quá mạo hiểm bởi những người bảo vệ Geneva. (Cô ta đã bị tóm lúc lờn quanh đó buổi chiều ngày hôm nay, khi một chiếc xe cảnh sát yêu cầu cô ta dừng xe bên lề đường gần ngôi nhà để kiểm tra, nhưng hóa ra là cảnh sát không truy tìm ả.)

Frazier đã nói chuyện với người bảo vệ ở Langston Hughes đưa cuộn băng an ninh sân trường cho mình, và với cái cơ ấy, cô ta đã sắp xếp để vào được bên trong căn nhà của người đàn ông bị liệt, đồng thời biết được nhiều thông tin hơn về cô bé.

Nhưng rồi Boyd bị tóm cổ - hắn đã nói với cô ta rằng những cảnh sát giỏi tới mức nào - và giờ thì nhiệm vụ của Alina Frazier là hoàn thành công việc nếu muốn phần còn lại của khoản tiền công, 125.000 đô la.

Hồn hển lấy hơi thở, người phụ nữ to lớn giờ đứng nghỉ ở giữa con dốc đưa xuống móng của khu đất. heo mắt vì ánh mặt trời lặn phía tây hắt vào mắt, cố gắng nhìn xem cô bé đã trốn đi đâu. Khốn kiếp, con nhóc, thò mặt ra đi xem nào.

Rồi: Có chuyển động một lần nữa. Geneva đang cố gắng tìm đường về phía bên kia của khu xây dựng bị bỏ hoang, bò thật nhanh trên nền đất, nấp sau máy trộn bê tông, Bobcats, hàng đồng xà, cột và vật liệu. Cô bé biến mất phía sau một thùng dầu.

Bước vào phía bóng tối để nhìn rõ hơn, Frazier nhắm vào giữa thùng dầu và nổ súng, viên đạn trúng vào lớp kim loại với một tiếng vang lớn.

Cô ta cho rằng bùn đất bắn tóe lên không trung qua thùng đựng dầu. Liệu có trúng vào con bé không?

Nhưng không, con bé đang bò lên và di chuyển nhanh tới một đồng những mảnh vụn - của gạch, đá, ống nước. Ngay khi cô bé nhảy tót qua nó, Frazier lại nổ súng.

Cô bé lộn xuống bên kia bức tường với một tiếng thét inh tai. Có một cái gì đó bắn lên không khí. Đất và bụi đá? Hay là máu?

Liệu Frazier đã bắn trúng cô bé chăng? Ắ là một tay súng cừ - ả và gã bạn trai cũ, một tay buôn súng ở Newark, đã dành hàng tiếng đồng hồ nhắm bắn lữ chuột trong những tòa nhà bỏ hoang nằm ở rìa thành phố, thử những sản phẩm của chúng. Ắ cho rằng mình đã bị để ý lúc này. Nhưng không thể đợi lâu để kiểm chứng điều đó; mọi người hẳn đã phải nghe thấy tiếng súng nổ. Hẳn là vài người sẽ lơ đi, chắc chắn rồi, và vài người sẽ cho rằng những công nhân vẫn đang làm việc với các thiết bị nặng. Nhưng ít nhất sẽ có một hay hai công dân tốt có thể đang gọi 911 lúc này.

Chà, để xem sao nào...

Ắ ta bắt đầu chậm rãi bước xuống con dốc dành cho xe tải, để bảo đảm rằng mình không ngã; con dốc khá dựng đứng. Nhưng rồi một tiếng còi ô tô bắt đầu rú inh ỏi từ con hẻm, phía sau và bên trên ắ. Đó là tiếng từ xe của cô ta.

Mẹ kiếp, ắ nghĩ đầy giận dữ, cha của con bé vẫn sống.

Frazier do dự, rồi quyết định: Đã đến lúc cuốn gói khỏi nơi này. Kết thúc người cha. Geneva hẳn đã trúng đạn và không thể sống lâu được. Nhưng thậm chí nếu con bé không bị thương, Frazier có thể lần theo hạ gục nó sau. Sẽ có hàng đồng cơ hội.

Tiếng còi chó chết... Nó có vẻ âm ĩ hơn tiếng súng nổ và thu hút sự chú ý hơn. Tội tệ hơn là, nó có thể che đi bất kỳ tiếng còi xe cảnh sát nào đang đến gần. Frazier leo lên frên con phố phía trên con hẻm bụi bặm, thở mạnh vì cố sức. Nhưng khi tới chỗ chiếc xe, cau mày, thấy nó trống không. Cha của Geneva không ở ghế lái. Một vết máu dài dẫn tới một con hẻm gần đó, nơi mà xác ông ta đang nằm sõng soài. Frazier nhìn lại một lần nữa vào trong chiếc xe của mình. Những gì xảy ra là: Trước khi bò khỏi xe, ông ta đã lôi chiếc thanh nâng của xe ra và chống nó vào phích còi ở trên bánh lái.

Giận dữ, Frazier giật mạnh nó ra.

Ắ ném cái thanh nâng vào ghế sau và nhìn vào người đàn ông. Liệu ông ta đã chết chưa? Chà, nếu chưa thì sẽ sớm thôi. Ắ bước về phía ông, khẩu súng ở sát sườn. Rồi ắ dừng lại, cau mày... Làm thế nào mà một người đàn ông với một vết thương nặng như cái gã này có thể mở cốp xe, vặn cái thanh nâng ra, lôi nó tới ghế trước và dựng nó vào bánh lái chứ?

Frazier bắt đầu nhìn quanh.

Và nhìn thấy một hình ảnh nhòe nhoẹt ở bên phải, nghe thấy tiếng gió rít lên khi chiếc cần nẩy bằng sắt vung xuống và đập mạnh vào cổ tay ả, làm văng khẩu súng và tạo ra một cơn đau nhói đến nghẹt thở xuyên suốt cơ thể. Ả đàn bà to lớn la hét và khụy xuống, vung tìm khẩu súng với bàn tay trái. Ngay khi ả chớp được nó, Geneva vung thanh sắt lên một lần nữa và đập vào vai ả với một tiếng rắc. Frazier lăn trên đất, khẩu súng trượt khỏi tầm tay ả. Mắt nhắm tịt vì cơn đau và sự giận dữ, ả lao tới và chặn cô bé trước khi cô có thể vung thanh sắt một lần nữa. Geneva ngã nhào, không thể thở được.

Ả đàn bà quay sang phía khẩu súng đang nằm nhưng trong hơi thở hỗn hển và nghèn nghẹt, Geneva bò về phía trước, chớp lấy cánh tay phải của ả và cắn vào cái cổ tay đã bị đập trầy trụa của Frazier. Cơn đau không thể nào tột tệ hơn nữa chạy dọc cơ thể. Frazier vung mạnh nắm đấm chắc nịch của ả vào quai hàm cô bé. Geneva hét lên và nước mắt lăn ra xối xả khi lẫn lộn tuyệt vọng. Frazier loạng choạng bước tới, ôm lấy cái cổ tay đầy máu và đau đớn vì bị gãy, đá vào bụng cô bé. Cô bé bắt đầu nôn mửa.

Loạng choạng đứng dậy, Frazier tìm kiếm khẩu súng, đang nằm cách đó đến hơn ba mét. Không cần nó, không muốn dùng nó. Cái thanh sắt nâng cũng đủ để làm rồi. Bùng lên nổi giận dữ, ả nhặt nó lên và bắt đầu bước tới. Nhìn xuống cô bé với một sự căm thù tột độ và giơ thanh sắt lên trên đầu. Geneva co rúm lại và đưa bàn tay lên ôm mặt.

Rồi một tiếng hét lên từ phía sau ả đàn bà to lớn: “Không!”.

Frazier quay ra nhìn người nữ cảnh sát với mái tóc đỏ từ ngôi nhà của người đàn ông bị liệt chậm rãi bước tới phía ả, khẩu súng ngắn tự động được nắm chặt trong hai tay.

Aliz Frazier khẩu colt gần đó.

“Tôi cần một lời xin lỗi...”, người nữ cảnh sát nói. “Thực sự cần.”

Frazier ngồi sụp xuống, quăng thanh sắt sang một bên và, cảm thấy nhụt chí, hoàn toàn thất bại. Ả ôm lấy bàn tay gãy nát của mình.

Người cảnh sát tiến tới gần hơn, đá khẩu súng và thanh sắt ra xa, khi Geneva đứng dậy, lão đảo bước tới phía hai nhân viên y tế đang chạy lại. Cô bé chỉ cho họ về phía cha cô.

Nước mắt giàn giụa từ cơn đau, Frazier đòi hỏi: “Tôi cần bác sĩ”.

“Cô sẽ phải xếp hàng theo thứ tự”, nữ cảnh sát nói và quấn chiếc còng tay dẻo vào cổ tay ả mà trong tình trạng này, Frazier cho là thực sự nhẹ nhàng.

“Ông ấy ổn rồi”, Lon Sellito nói. Anh vừa trả lời cuộc gọi từ một nhân viên ở Bệnh viện Columbia - Presbyterian. “Anh ta không biết điều đó có ý nghĩa như thế nào. Nhưng chúng ta đã nhận được tin tốt này rồi.”

Rhyme gật đầu khi biết tin về Jackson. “Ổn” có nghĩa là gì đi chăng nữa, ít nhất thì ông ấy cũng còn sống, mà Rhyme thực sự vô cùng biết ơn điều đó - vì lợi ích của Geneva.

Các nhân viên y tế đã kiểm tra và sơ cứu các vết thương của Geneva sau đó cho cô bé về.

Chính bức ảnh về đồng phạm của Boyd đã cứu cô bé. Mel Cooper đã rà soát biển số xe mà cô bé và cha mình bước vào rồi tìm ra nó được đăng ký dưới tên Alina Frazier. Một cuộc kiểm tra nhanh chóng qua Trung tâm lưu trữ quốc gia và dữ liệu bang đã chỉ ra rằng ả có hồ sơ tiền án tiền sự: hầu tòa với tội ngộ sát và hai vụ tấn công với vũ khí chết người ở New York, cũng như một loạt những vi phạm khi còn trẻ.

Sellito đã phải dùng đến chương trình Định vị thiết bị cơ giới khẩn cấp, qua đó cảnh báo tất cả các nhân viên an ninh, cảnh sát trong khu vực tìm kiếm chiếc Sedan của Frazier. Một cảnh sát đảm trách giao thông đã báo cáo về việc trước đó không lâu một chiếc xe đã được thấy ở gần khu công trình bị phá hủy ở phía nam Harlem. Đồng thời cũng có những báo cáo về tiếng súng ở trong khu vực quanh đó. Ở nhà của Rhyme, Amelia Sachs đã nhảy vào chiếc Camaro và lao như bay tới hiện trường, nơi cô tìm thấy Frazier đang chuẩn bị đánh Geneva đến chết.

Frazier đã được thẩm vấn nhưng chẳng có chút hợp tác nào hơn đồng phạm của mình. Rhyme đoán rằng ả phải suy nghĩ rất lâu và thận trọng về việc phản bội Thompson Boyd, đặc biệt là trong tù, đó là nơi hẳn có những mối liên hệ trong phạm vi

Liệu Geneva cuối cùng đã an toàn hay chưa? Hầu như là rồi. Hai tên sát thủ đã bị tóm và nhân vật chính thì bị thổi bay thành từng mảnh. Sachs đã tìm đến căn hộ của Alina Frazier và không tìm thấy gì ngoài vũ khí và tiền mặt - không có thông tin nào cho thấy có một kẻ nào khác muốn truy sát Geneva Settle. Jon Earle Wilson, một cựu tù từ New Jersey, kẻ đã làm chiếc bẫy cho căn hộ ẩn nấp của Boyd trên phố Queens, đang được áp giải đến chỗ Rhyme, và nhà tội phạm học hy vọng rằng hắn sẽ giúp xác nhận lại những kết luận của họ. Rhyme và Bell vẫn quyết định cử một sĩ quan cảnh sát mặc thường phục trong một xe cảnh sát bảo vệ Geneva.

Giờ, chiếc máy tính kêu lên một tiếng báo thân thiện và Mel Cooper nhìn lên màn hình. Anh mở một bức email. “Chà, điều bí ẩn đã được giải đáp.”

“Có thể là điều bí ẩn nào vậy nhỉ?”, Rhyme nói một cách cộc cằn. Tâm trạng của anh ấy, luôn dễ thay đổi, có vẻ như buồn hơn vào cuối vụ án, khi sự buồn tẻ đang dần hiện ra.

“Winskinkie”.

Một từ trong ngôn ngữ của người Anh điêng trên chiếc nhẫn mà Sachs tìm ra quanh xương ngón tay bên dưới đồng hồ nát ở quán rượu Potter’s Field.

“Và?”

“Đây là email từ giáo sư ở Đại học Maryland. Bên cạnh bản dịch nguyên mẫu từ ngôn ngữ Delaware: ‘Winskinkie’ là một cấp bậc trong tổ chức chính trị Tammany.”

“Cấp bậc?”

“Kiểu như là trung sĩ trong quân đội. Boss Tweed là người lãnh đạo tối cao. Còn đây - một cái hắt đầu về phía những mẫu xương và cái sọ mà Sachs tìm thấy trong chiếc giếng - là Winskinkie, người canh cửa.”

“Tammany Hall...”, Rhyme gật gật đầu khi suy tư về nó, để cho tâm trí của mình trôi ngược lại dòng thời gian, bỏ qua vụ án này, đi vào cái thế giới của thời báo đen trắng và khói bụi của New York thế kỷ XIX. “Và Tweed có qua lại ở Potter’s Field. Vậy nên ông ta và bộ máy Tamany Hall hẳn đã đứng sau vụ dàn dựng ông Charles.”

Anh ra lệnh cho Cooper thêm một số tìm kiếm mới vào tấm bảng. Rồi xem xét các thông tin một lúc. Anh gật đầu. “Rất thú vị.”

Sellito nhún vai. “Vụ án đã kết thúc rồi”, Linc. Gã sát thủ đã bị tóm cổ. Tên khủng bố thì đã chết. Thế thì còn lý do gì mà một điều xảy ra hàng trăm năm trước lại thú vị nữa chứ?”

“Gần một trăm bốn mươi năm, Lon. Hãy chính xác một chút.” Arian đang cau mày khi nhìn chăm chăm vào tấm bảng bằng chứng, những tấm bản đồ - và khuôn mặt bình thản của Người treo ngược. “Và câu trả lời cho câu hỏi của anh là: Anh biết rõ rằng tôi ghét những kết thúc lỏng lẻo như thế nào.”

“Ừ, nhưng thế nào là lỏng lẻo chứ?”

“Cái điều gì mà chúng ta đã quên mất trong suốt những giờ phút nóng bỏng của trận chiến, nếu chúng ta bước đi trên một bãi mìn đầy những câu nói cũ xin một lần nữa, Lon?”

“Tôi chịu”, Sellito ậm ừ.

“Bí mật của Charles Singleton. Ngay cả khi nó chẳng có liên quan chút gì tới hiến pháp hay những tên khủng bố, ít nhất tôi đang vô cùng muốn biết nó là gì đây. Tôi cho rằng chúng ta nên tìm ra.”

Bảng bằng chứng:

Hiện trường vụ nổ bom xe tải

+ Chiếc xe được đăng ký dưới tên Bani-al-Dahab (xem hồ sơ).

+ Giao đồ ăn tới các nhà hàng Trung Đông và các xe đẩy hàng.

+ Bức thư nhận trách nhiệm về vụ đánh bom trung tâm mua bán trang sức được tìm lại. Mẫu giấy khớp với tư liệu trước đó.

+ Các thành phần của thiết bị nổ được tìm ra: Phần còn lại của Tovex, các dây điện, pin, bộ phận kích nổ bằng sóng vô tuyến, các phần của hộp đựng.

Nơi ở của Thompson Boyd và nhà an toàn chính

+ Có nhiều falafel và sữa chua hơn, các vết sơn, như trước.

+ Tiền mặt (tiền cho công việc?) 100.000 đô la tiền mới. Không có dấu vết. Nhiều khả năng được rút ra nhiều lần bằng các khoản tiền nhỏ.

+ Vũ khí (súng, gậy dùi cui, dây thừng) đưa tới hiện trường trước.

+ Acid và cyanide đưa tới hiện trường trước đó, không có dấu hiệu đưa tới nhà sản xuất.

+ Không có điện thoại di động. Các thông tin ghi chép về điện thoại khác không có ích.

+ Các dụng cụ đưa tới hiện trường trước.+ Lá thư hé lộ ra việc G. Settle bị nhầm tới vì cô bé là nhân chứng tới một vụ cướp trang sức đang được lên kế hoạch. Nhiều carbon nguyên chất hơn - được nhận định là bụi kim cương.

- Lá thư được gửi tới Parker Kincaid ở Washington D.C., để làm các kiểm tra đánh giá về văn bản.

* Ngôn ngữ của người viết là tiếng Ả Rập.

* Thiết bị nổ tự tạo, một phần bẫy trong nhà. Các dấu tay là của một kẻ tạo bom từng bị kết án, John Earle Wilson.

- Đã được xác định. Đang được đưa tới thẩm vấn tại chỗ Rhyme.

Hiện trường quán Potter's Field (1868)

+ Một quán rượu ở Gallows Heights - nằm trên con phố 80 ở Upper West Side, vào khoảng những năm 1860.

+ Potter's Field có khả năng là nơi tụ tập của Boss Tweed và các chính trị gia tham nhũng của New York.

+ Charles đến đây vào ngày 15 tháng 7 năm 1868.

+ Bị đốt cháy sau một vụ nổ, được phỏng đoán là ngay sau chuyến viếng thăm của Charles. Để giấu bí mật của ông ấy?

+ Xác ở dưới tầng hầm, đàn ông, được phỏng đoán bị Charles Singleton giết.

- Phát bắn vào trán bởi khẩu Navy Colt 36 ly được nạp đạn 39 ly (loại súng mà Charles sở hữu).

- Những đồng tiền vàng.

- Người đàn ông bị giết có một khẩu Derringer.

- Không có danh tính.

- Có chiếc nhẫn khắc 'Winskies'

* Nghĩa là "người canh cửa" hoặc "người gác cổng" theo ngôn ngữ Delaware của người da đỏ.

* Hiện đang tìm các nghĩa khác.

* Là một cấp bậc trong bộ máy chính trị Tammany Hall của Boss Tweed

Hồ sơ về Nghi phạm 109

+ Thompson Boyd, cựu nhân viên thi hành án, Amarillo, TX.

+ Hiện đã bị bắt giữ.

Hồ sơ về kẻ thuê Nghi phạm 109

+ Bani al-Dahab, Ả Rập Xê út, ở lại Mỹ bất hợp pháp do visa đã hết hạn.

+ Đã chết.

- + Tìm kiếm tại chỗ ở cho thấy không có liên quan tới khủng bố. Hiện đang kiểm tra nhật ký điện thoại.
- + Đang thực hiện điều tra những người thuê hẳn làm việc để tìm kiếm các liên hệ với khủng bố.

Hồ sơ về đồng phạm Nghi phạm 109

- + Được xác định không phải là người đàn ông theo miêu tả lúc đầu, mà là Alia Frazier, hiện đã bị giam giữ.
- + Tìm kiếm nơi ở không cho thấy vũ khí và tiền bạc, không có gì khác liên quan tới vụ án.

Hồ sơ về Charles Singleton

- + Cựu nô lệ, tổ tiên của Geneva Settle. Có gia đình, một con trai. Được ông chủ cho một vườn cây ở tiểu bang New York. Làm việc với vai trò một thầy giáo. Tham gia vào cuộc vận động vì dân quyền từ rất sớm.
- + Charles bị cho là đã thực hiện một vụ ăn trộm năm 1868, chủ đề của bài báo trong tấm vi phim bị lấy trộm.
- + Có một bí mật chưa được hé lộ. Lo lắng rằng sẽ gây ra thảm kịch nếu bí mật bị hé lộ.
- + Tham gia vào các buổi họp bí mật ở Gallows Heights gần New York.

- Dính líu tới những hoạt động mạo hiểm?

- Làm việc với Frederick Douglass và những người khác liên quan tới Bản sửa đổi số 14 trình Thượng viện để được phê chuẩn.

Vụ án, theo tờ Tuần báo Minh họa dành cho người da màu:

- Charles bị bắt bởi Thám tử William Simms vì ăn trộm một lượng lớn từ Quỹ Nô lệ tự do ở New York. Đột nhập vào kết, nhân chứng nhìn thấy ông ta rời khỏi đó nhanh chóng. Dụng cụ dùng để gây án được tìm thấy ở gần đó. Phần lớn tiền đã được tìm lại. Bị tuyên án năm năm tù. Không có thông tin gì về ông ấy sau khi bị tuyên án. Bị cho là tận dụng quan hệ với những nhà lãnh đạo trong cuộc vận động dân quyền thời gian đầu để tiếp cận Quỹ.

+ Thư của Charles:

- Bức thư thứ nhất, gửi tới vợ: Về cuộc khởi nghĩa chống quân dịch năm 1863, sự chống lại người da đen ở khắp tiểu bang New York, hành hình, đốt phá. Nguy cơ ảnh hưởng tới tài sản mà người da đen sở hữu.

- Bức thư thứ hai, tới vợ: Charles trong trận chiến ở Appomattox vào giai đoạn cuối cuộc Nội chiến.

- Bức thư thứ ba, tới vợ: Tham gia vào cuộc vận động quyền dân sự. Bị đe dọa vì công việc của mình. Đau khổ với bí mật.

- Bức thư thứ tư, tới vợ: Đi tới Potter's Field với khẩu súng vì "công lý". Kết quả thảm khốc. Sự thật hiện đang nằm sâu dưới quán Potter's Field. Bí mật của ông ấy là tất cả những gì khiến ông ấy đau khổ.

V. BÍ MẬT CỦA NGƯỜI CỰU NÔ LỆ

Thứ Sáu ngày 12 tháng 10 đến thứ Sáu ngày 26

39. Chương 39

Người đàn ông da trắng năm mươi tư tuổi trong bộ trang phục Brooks Brothers ngồi tại một trong hai văn phòng ở Manhattan, đang chìm vào cuộc tranh cãi gay gắt với chính mình.

Có hay không?

Câu hỏi rất quan trọng, thực sự là một vấn đề giữa sống và chết.

William Ashberry, Jr. với vóc dáng gọn gàng, sẵn chắc ngồi dựa vào chiếc ghế xoay và nhìn vào đường chân trời của New Jersey. Cái văn phòng này không thanh lịch hay phong cách bằng cái ở phía dưới trường bắt động sản New York, đã mang lại cho cả ông ta và ngân hàng Sanford một khoản tiền khổng lồ.

Cổ hủ, chắc chắn rồi, nhưng chỉ trên một quan điểm nào đó. Ông ta có một lối sống được chu cấp bởi mức lương hàng triệu đô một năm, cùng với các khoản thưởng đáng nể như tầm ảnh hưởng tại phố Wall, một vài ngôi nhà, thành viên của một vài câu lạc bộ golf, những cô con gái xinh đẹp ngoan ngoãn có học thức, cũng như mối quan hệ với một loạt các hội từ thiện mà ông ta và vợ luôn sẵn lòng vui vẻ giúp đỡ. Một chiếc chuyên cơ Grumman riêng cho những chuyến đi ra nước ngoài thường xuyên cũng là một phần thưởng quan trọng.

Nhưng Ashberry cũng không phải là một trong những giám đốc điều hành điển hình thuộc cấp độ Forbes. Cạo đi lớp vỏ bề ngoài và ta sẽ thấy một đứa trẻ bướng bỉnh từ South Philly, cha là đốc công ở một nhà máy và ông nội từng làm sổ sách giả cho công ty, rồi làm những công việc khó nhằn hơn, cho Angelo Bruno[1]- “Docile Don” - và sau đó là cho Phil ‘Chicken Man’ Testa[2]. Ashberry đã tự tay điều hành một đám du côn, kiếm tiền bằng cả dao và khối óc cũng như từ những công việc có thể quay lại ám ảnh ông ta nếu không bảo đảm một cách tuyệt đối rằng chúng mãi mãi bị chôn vùi. Nhưng trong những năm đầu của tuổi hai mươi, trong tư tưởng ông ta đã nhận thức rằng nếu tiếp tục cho vay nặng lãi, đi gõ đầu thu tiền bảo kê, lượn lờ trên các con phố Dickson và Reed ở Philly, phần thưởng duy nhất là món tiền lẻ đủ mua một cái bánh kẹp thịt và một chỗ ngồi chắc chắn trong tù. Nếu ông ta thực hiện điều tương tự như thế trong thế giới thương mại, dành nhiều thời gian ở Broadway và khu Upper West Side của Manhattan, ông ta sẽ giàu có khủng khiếp và có một vị trí ngon lành ở Alban

y hay Washington. ông ta thậm chí còn có thể trở thành một Frank Rizzo[3] nữa ý chứ. Tại sao không nhỉ?

[1] Trùm xã hội đen.

[2] Trùm xã hội đen.

[3] Một nhà chính trị nổi tiếng người Mỹ.

Nên đó là những lớp học luật buổi tối, một giấy phép kinh doanh bất động sản và cuối cùng là một công việc ở ngân hàng Sanford - đầu tiên là ngồi ở bàn phục vụ khách hàng rút tiền, rồi từng bước leo lên từng vị trí. Tiền quả thực bắt đầu đổ vào, lúc đầu là chậm rãi, sau đó là một dòng ổn định, ông ta leo lên nhanh chóng vào vị trí đứng đầu một trong những chi nhánh ngân hàng nóng bỏng nhất, giao dịch tài chính về bất động sản. Đánh ngã hết những đối thủ cạnh tranh - cả trong và ngoài ngân hàng - đi lên từ hai bàn tay trắng. Rồi ông ta dùng mảnh khóc để giành vị trí lãnh đạo trong tổ chức Sanford, và học được rằng làm từ thiện là cách tốt nhất để tạo ra các quan hệ chính trị.

Một cái nhìn khác về phía chân trời New Jersey, một khoảng thời gian tranh luận khác, chà xát tay một cách gượng ép trên bắp đùi rắn chắc nhờ những séc teirnis, đi bộ, đánh golf và bơi thuyền. Có hay không?

Sống và chết...

Một cách tính toán, một bàn chân đã vĩnh viễn cắm xuống con phố 17 của khu nam Philly, Bill Ashberry đã từng chơi với những gã có máu mặt.

Những gã giống như Thompson Boyd.

Ashberry có được tên của gã sát thủ từ một kẻ phóng hỏa đã sai lầm khi đốt cháy rụi một trong những tòa thương mại của ông ta - và bị bắt quả tang - một vài năm trước. Sau khi Ashberry nhận ra rằng phải giết Geneva Settle, ông ta đã thuê một thám tử tư để truy tìm kẻ phóng hỏa được trả tự do sớm này và trả cho hắn 20.000 đô la để dẫn mình tới một sát thủ chuyên nghiệp. Gã đàn ông đầu đầy gàu (với mái tóc cắt gọn gàng ở trước nhưng dài thượt phía sau) đã gợi ý Thompson Boyd. Ashberry rất ấn tượng với sự lựa chọn. Boyd quả thật đáng sợ, nhưng không phải theo kiểu của vùng phía nam Philly. Không có một tia cảm xúc nào trong đôi mắt của hắn, không bao giờ thốt ra một chữ chữ bậy kiểu “mẹ kiếp” hay “chó chết”.

Nhà tài phiệt đã giải thích ông ta cần gì và họ thỏa thuận xong mức thù lao - hai trăm năm mươi ngàn đô (ngay cả con số này cũng không gọn lên một chút ngạc nhiên hay thích thú trong mắt của Boyd; hắn có vẻ

là thích thú hơn với - ta không thể nói là hào hứng - viễn cảnh giết một cô gái trẻ, như thể hần chưa bao giờ làm điều đó).

Chỉ cần thời gian là Boyd có thể thành công và cô bé sẽ chết, do đó tất cả những vấn đề của Ashberry sẽ biến mất theo.

Nhưng rồi thảm họa xảy ra, Boyd và đồng phạm, mục Frazier, đều bị tóm cổ.

Do đó, ông ta ngồi đây tranh đấu: Có, không... Liệu Ashberry có nên tự tay giết Geneva không?

Với cách tiếp cận công việc đặc trưng của mình, ông ta cân nhắc sự mạo hiểm.

Ngược lại với tính cách lạnh lùng vô cảm, Boyd trở nên sắc bén khi hần bị đe dọa. Hần biết công việc liên quan đến giết chóc, biết rõ cả việc điều tra các vụ án, cũng như làm thế nào để sử dụng động cơ gây án để đánh lạc hướng của cảnh sát. Hần đã đưa ra một vài động cơ giả nhằm làm lệch hướng điều tra của cảnh sát. Đầu tiên, vụ hiếp dâm, đã không có tác dụng. Vụ thứ hai thì tinh tế hơn nhiều. Hần đã gieo những hạt mầm mà chúng chắc chắn rằng lúc này đang nảy nở: mối liên quan đến khủng bố. Hần và kẻ đồng lõa đã tìm ra một gã giao đồ ăn Trung Đông khốn khổ, các xe đẩy và nhà hàng ở gần khu mua bán trang sức, tòa nhà nằm ở phía bên kia con phố với nơi mà Geneva Settle suýt nữa bị giết chết. Boyd định vị tòa nhà hần làm việc và theo dõi nơi đó, tìm hiểu xe tải của hần là gì. Boyd cùng cộng sự của mình đã tạo ra một loạt những dẫn chứng giả để tạo cho nó có vẻ như cái gã khốn khổ người Ả Rập kia đang lên một kế hoạch đánh bom khủng bố và hần muốn Geneva chết vì cô bé đã nhìn thấy hần lên kế hoạch vụ tấn công.

Boyd đã tìm cách lấy một vài tờ giấy văn phòng bỏ đi ở thùng rác phía sau trung tâm mua sắm. Hần đã vẽ một cái bản đồ vào một tờ và trên tờ còn lại thì viết một mẫu ghi chú về cô bé bằng tiếng Anh - pha chút Ả Rập (Một trang ngôn ngữ Ả Rập trên mạng đã rất có ích) - để đánh lừa các cảnh sát. Boyd đang định bỏ những tờ giấy này ở gần hiện trường nhưng nó đã có hiệu quả thậm chí còn tốt hơn cả mong đợi; cảnh sát tìm thấy chúng trong căn nhà ẩn nấp của Boyd trước khi hần thực hiện, và điều này tạo ra nhiều cơ sở đáng tin cậy cho sự liên quan tới khủng bố. Chúng đã sử dụng thức ăn Trung Đông làm vật chứng và gọi điện nhắc danh cho

FBI đe dọa đánh bom khủng bố từ một quầy điện thoại công cộng trong khu vực.

Boyd đã không hề lên kế hoạch nào xa hơn với trò đấu trí này. Nhưng rồi nữ cảnh sát chết bầm đó - Thanh tra Sachs - xuất hiện ngay đây, ở cái tổ chức này, xối tung tất cả hồ sơ lưu trữ! Ashberry vẫn nhớ rằng mình đã phải đấu tranh tới mức nào để có thể giữ bình tĩnh, nói chuyện vắn tắt với người phụ nữ tóc đỏ ấy và để cho cô ta tự do đi vào đồng sách trong kho lưu trữ. Hần đã phải sử dụng tất cả sức mạnh ý chí của mình để không lao xuống dưới cầu thang và hỏi cô ta một cách thật bình thường rằng họ đang tìm kiếm cái gì. Nhưng nó sẽ là một mối nguy lớn có thể làm tăng lên sự nghi ngờ ở họ. Hần đã đồng ý để cô ta lấy đi một vài thứ và nhìn xung quanh khi cô ta đi ra, hần không hề thấy có gì có thể gây phiền phức cho mình cả.

Sự hiện diện ở tổ chức và sự thật là cô muốn kiểm tra một vài thứ đã cho nhà tài phiệt biết rằng cảnh sát vẫn chưa nắm được động cơ khủng bố. Ashberry ngay lập tức gọi cho Boyd và nói với hần làm thế nào để cho câu chuyện trở nên đáng tin cậy hơn nữa. Gã sát thủ đã mua một quả bom từ kẻ đốt nhà trước đây đã móc nối Ashberry với Boyd. Hần đã đặt quả bom lên chiếc xe tải đưa hàng, với một bức thư gửi tới tạp chí Times về những người Do Thái. Boyd đã bị bắt chỉ ngay sau đó nhưng cộng sự của hần - mục da đen ở Harlem - đã kích hoạt quả bom, và cuối cùng thì cảnh sát tóm được thông tin: Khủng bố.

Và, do cái gã theo đạo hồi kia đã chết, họ sẽ rút bớt sự bảo vệ cô bé.

Việc này tạo cơ hội cho Alina Frazier kết thúc công việc.

Nhưng những cảnh sát đã thông minh hơn một lần nữa, và ả cũng đã bị bắt.

Câu hỏi lớn đặt ra lúc này là: Liệu cảnh sát có tin rằng mối đe dọa cô bé cuối cùng đã tan biến, với kẻ chủ mưu đã chết và hai sát thủ chuyên nghiệp bị bắt?

Hần quyết định rằng họ có thể chưa hoàn toàn bị thuyết phục, nhưng sự phòng bị sẽ trở nên giảm bớt.

Vậy mức độ mạo hiểm là bao nhiêu nếu hần tiếp tục?

Tối thiểu, hần quyết định.

Geneva Settle sẽ phải chết.

Giờ, hắn chỉ cần cơ hội, Boyd nói cô bé đã ra khỏi căn hộ của mình ở tây Harlem và đang ở nơi khác. Mọi liên hệ duy nhất Ashberry biết là trường học của cô bé.

Hắn đứng dậy, rời văn phòng và bước vào chiếc thang máy với hoa văn trang trí lộng lẫy đi xuống tầng. Rồi bước về phía Broadway và tìm một quầy điện thoại công cộng (Luôn luôn là buồng điện thoại công cộng, không bao giờ là điện thoại cố định. Và không bao giờ, là điện thoại di động. Cảm ơn, Thompson.).

Hắn lấy số từ Trung tâm hỗ trợ danh bạ và nhấn nút gọi.

“Trường trung học Langston Hughes xin nghe.” Giọng một phụ nữ trả lời.

Hắn nhìn vào sườn một chiếc xe tải giao hàng của một cửa hàng bán lẻ và nói với người lễ tân: “Đây là thanh tra Steve Macy ở sở cảnh sát. Tôi cần nói chuyện với người quản lý”.

Một lát sau hắn được chuyển máy tới một phó hiệu trưởng.

“Tôi có thể giúp gì ông?”, giọng một người đàn ông mệt mỏi hỏi. Ashberry có thể nghe thấy vô vàn tiếng động ở đầu dây bên kia. (Bản thân là một doanh nhân hắn đã rất ghét từng phút ngồi ở trường.)

Hắn tự giới thiệu một lần nữa và thêm vào: “Tôi đang theo v việc liên quan tới một trong số các sinh viên của ông. Geneva Settle?”.

“Ồ, cô bé là nhân chứng, đúng không?”

“Đúng. Tôi cần đưa một số giấy tờ cho cô bé vào chiều hôm nay. Luật sư quận đang chuẩn bị truy tố vài người dính líu tới vụ án và chúng tôi cần chữ ký của cô bé vào bản buộc tội. Tôi có thể nói chuyện với cô bé không?”

“Chắc chắn rồi. Đợi một chút.” Dừng lại một chút, ông ta hỏi một ai đó trong phòng về thời khóa biểu của cô bé. Ashberry nghe thấy dường như cô bé đang nghỉ học. Vị hiệu phó quay lại. “Cô bé không đến trường ngày hôm nay. Và sẽ trở lại vào thứ Hai.”

“Ồ, cô bé có ở nhà chứ?”

“Đợi đã...”

Một giọng khác nói chuyện với vị hiệu phó, đưa ra lời gợi ý.

Làm ơn đi mà, Ashberry nghĩ...

Ông hiệu phó quay trở lại điện thoại. “Một trong các giáo viên của cô bé cho rằng cô bé sẽ ở Đại học Columbia chiều nay, làm về một bài khóa nào đó.”

“Đại học Columbia?”

“Đúng. Thử tìm Giáo sư Mathers xem. Tôi không có tên riêng của ông ấy, rất tiếc.”

Giọng của ông hiệu phó nghe có vẻ không rảnh rỗi lắm, nhưng để bảo đảm rằng ông ta không gọi cho cảnh sát chỉ để kiểm tra về cuộc gọi, Ashberry nói bằng cách gạt bỏ sự nghi ngờ: “Được rồi, tôi chỉ cần gọi cho đồng chí cảnh sát đang bảo vệ cô bé là được, cảm ơn”.

“Vâng, xin chào.”

Ashberry dập máy và dừng lại, quan sát con phố đông đúc. Hắn chỉ cần địa chỉ của con bé nhưng điều này có khi lại có hiệu quả hơn - mặc dù ông hiệu phó không có vẻ ngạc nhiên khi Ashberry nói đến việc con bé được bảo vệ, điều đó có nghĩa là có thể vẫn còn ai đó đang bảo vệ nó. Hắn sẽ phải cân nhắc kỹ lưỡng về điều này. Hắn gọi cho tổng đài Đại học Columbia và biết được rằng giờ làm việc của Giáo sư Mathers ngày hôm nay tại văn phòng là từ 1 giờ đến 6 giờ.

Geneva sẽ ở đó bao lâu nhỉ? Ashberry tự hỏi. Hắn hy vọng rằng sẽ là cả ngày; hắn có rất nhiều việc cần phải là

Lúc 4 giờ 30 phút chiều, William Ashberry đang lái chiếc BMW M5 qua Harlem, nhìn xung quanh. Hắn không nghĩ tới một địa điểm này với ý niệm về chủng tộc hay văn hóa. Hắn nhìn nhận điều này như một cơ hội. Đối với hắn thì giá trị của một người đàn ông được quyết định bởi khả năng thanh toán những món nợ đúng hạn - đặc biệt xuất phát từ quan điểm vì lợi ích cá nhân - khả năng của một người đàn ông trả tiền thuê hay thế chấp cho một trong những dự án tái phát triển mà ngân hàng Sanford đang thực hiện ở Harlem. Dù người mượn là da đen hay da trắng, người nói tiếng Tây Ban Nha hay người châu Á, là một kẻ buôn bán ma túy hay một nhà điều hành cơ quan quảng cáo... không là vấn đề. Miễn là người đó ký vào tấm séc đều đặn hằng tháng.

Lúc này, ở trên phố 135, hắn đi qua chính một trong những tòa nhà mà ngân hàng của hắn đã cải tạo lại. Những hình vẽ graffiti đã được xóa đi, bên trong đã được phá hủy, vật liệu xây dựng được chất đống ở tầng trệt. Những người thuê trước đó đã được tạo động lực để đi tới nơi khác sinh sống. Một vài người dân lưỡng lự thì đã được “thúc giục” để đi và hiểu ý. Một vài người thuê mới đã ký mức thuê đất đỏ, mặc dù việc xây dựng vẫn chưa được hoàn thành trong vòng sáu tháng.

Hắn quay trở lại con phố thương mại đông đúc, nhìn vào các cửa hàng. Không phải là thứ hắn cần. Hắn tiếp tục tìm kiếm - nhiệm vụ cuối cùng trong buổi chiều còn thú vị một chút, ít nhất là thế. Sau khi rời văn phòng ở tổ chức Sandford, hắn đã nhanh chóng lái xe tới ngôi nhà nghỉ dưỡng cuối tuần ở New Jersey. Ở đó, hắn mở khóa ngăn đựng súng và lấy khẩu súng hoa cải hai nòng. Trên chiếc ghế ở ga ra hắn đã cắt nòng đi, biến khẩu súng dài chỉ còn 54 cm - một công việc nặng nhọc một cách ngạc nhiên, đã khiến hắn tiêu tốn mất nửa tá lưỡi cưa điện. Ném những mẩu nòng bị cưa đứt vào chiếc hồ phía sau ngôi nhà. Hắn dừng lại, nhìn quanh, nghĩ tới việc cái hồ này là nơi mà con gái lớn của hắn sẽ làm đám cưới vào năm tới, sau khi tốt nghiệp từ Vassar.

Hắn đã ở lại đó một lúc lâu, nhìn chăm chăm vào mặt trời vỡ nhòa trong dòng nước màu xanh lạnh giá. Rồi hắn nạp đạn vào khẩu súng và đặt nó cùng với một tá đạn vào một chiếc hộp các tông, che lên trên là vài quyển sách cũ, báo và tạp chí. Hắn không cần một đồ dùng nào khác nữa để che giấu tốt hơn những thứ này, vị giáo sư và Geneva không sống đủ lâu để thậm chí nhìn vào bên trong cái hộp.

Mặc lên một bộ vest và áo khoác thể thao lệch tông, tóc chải ngược ra sau, với cặp kính lão trí thức - vẻ cải trang tốt nhất mà hắn có thể nghĩ ra - sau đó Ashberry lái xe thật nhanh qua cầu George Washington vào Harlem, nơi hắn đang ở đó, tìm kiếm lý do cuối cùng cho màn kịch

À, ở đó...

Hắn đỗ xe và bước ra ngoài. Đi bộ lên những quầy hàng vỉa hè của cộng đồng Hồi giáo và mua một cái mũ, một chiếc mũ trùm Hồi giáo, không phát ra một tia nhìn ngạc nhiên. Ashberry, lấy chiếc mũ với bàn tay đeo găng (cảm ơn một lần nữa, Thompson), rồi quay lại chiếc xe. Khi không có ai nhìn, hắn cúi xuống và cạy chiếc mũ lên nền đất bên dưới quầy điện thoại công cộng, mà hắn đoán chừng là đã có rất nhiều người đứng ở đó trong ngày trước hoặc trước đó. Chiếc mũ sẽ lấy một ít đất bẩn và các bằng chứng khác - lý tưởng nhất là một hoặc hai sợi tóc - mà có thể mang lại cảnh sát thậm chí còn nhiều manh mối giả hơn về vụ khủng bố. Hắn chùi mặt trong cửa chiếc mũ vào ống nối của chiếc điện thoại để lấy mẫu DNA từ nước bọt và mồ hôi. Ném chiếc mũ vào trong cái hộp với khẩu súng và đồng tạp chí, sách vở, hắn leo lên xe và lái về Momingside Heights và vào khuôn viên Đại học Columbia.

Hắn giờ tìm thấy tòa nhà bộ môn cũ kỹ có văn phòng của Mathers và nhận ra một chiếc xe cảnh sát đang đậu ở trước, một cảnh sát đang ngồi ở ghế lái, quan sát con phố một cách cẩn thận. Vậy là cô bé thực sự có người bảo vệ.

Chà, hắn có thể xoay sở được. Hắn đã từng sống sót qua những tình huống còn khó khăn hơn thế này - trên những con phố của South Philly và trong phòng họp kín trên phố Wall. Bất ngờ là lợi thế tốt nhất - chúng ta có thể đánh bại bất cứ thứ gì quá sức nếu ta làm một điều bất ngờ.

Tiếp tục đi hết con phố, hắn quay ngược lại và đậu xe phía sau tòa nhà, chiếc xe của hắn nằm ngoài tầm nhìn và hướng về phía đường cao tốc sẵn sàng cho một cuộc tẩu thoát nhanh chóng. Hắn bước ra và nhìn quanh. Đúng rồi, nó sẽ có tác dụng, hắn có thể tiếp cận văn phòng từ bên hông, rồi lên vào qua cửa trước khi viên cảnh sát nhìn đi đâu đó.

Để chạy trốn... có cửa ra sau tòa nhà. Hai cửa sổ ở tầng trệt nữa. Nếu viên cảnh sát chạy tới tòa nhà ngay

khi nghe thấy tiếng súng, Ashberry có thể bắn anh ta từ một trong những cửa sổ trước. Trong bất cứ trường hợp nào, hắn sẽ có đủ thời gian để vớt lại chiếc mũ như là một tang vật và chạy tới chiếc xe trước khi bất cứ cảnh sát nào khác đi tới.

Hắn tìm thấy một quầy điện thoại công cộng. Gọi cho tổng đài của ngôi trường.

“Đại học Columbia”, một giọng nói trả lời.

“Làm ơn cho gặp Giáo sư Mathers.”

span>“Xin vui lòng đợi một chút”,

Một giọng người da đen trả lời: “Xin chào?”.

“Giáo sư Mathers?”

“Đúng vậy.”

Sử dụng cái tên Steve Macy một lần nữa, Ashberry giải thích rằng hắn là một tác giả từ Philadelphia, đang làm một nghiên cứu ở thư viện Lehman - một Cơ sở thuộc Đại học Columbia đóng góp vào khoa học xã hội và báo chí (tổ chức Sanford đã đầu tư rất nhiều tiền vào các thư viện và trường học như thế này. Ashberry đã từng kiếm lợi ở đó; hắn có thể nói về nó nếu hắn phải nói). Rồi hắn nói rằng một trong những người thủ thư có nghe nói rằng Mathers đang tìm kiếm tài liệu chuyên sâu về lịch sử New York thế kỷ XIX, đặc biệt là thời đại Phục hưng. Có đúng không?

Vị giáo sư cười một cách ngạc nhiên. “Đúng thế, sự thật là thế. Nhưng không phải cho tôi, thực tế. Tôi đang giúp đỡ một cô bé học sinh trung học. Cô bé đang ở đây với tôi.”

Cảm ơn Chúa. Con bé vẫn ở đó. Ta có thể kết thúc tất cả ngay lúc này, tiếp tục với cuộc sống của mình.

Ashberry nói rằng mình có mang theo một ít tài liệu từ Philly. Liệu ông ấy và cô bé học sinh có muốn xem qua không?

Vị giáo sư nói họ chắc chắn là muốn xem, cảm ơn anh ta rồi hỏi lúc nào thì tiện cho hắn ghé qua.

Khi mới mười bảy tuổi, Ashberry đã từng nắm một con dao rọc giấy gi vào đùi một người bán hàng cao tuổi và nhắc nhở ông ta rằng khoản tiền bảo kê đã quá hạn. Lưỡi dao sẽ cắt đến ba centimet cho mỗi ngày khoản tiền chưa được trả trừ khi ông ta trả ngay lập tức. Giọng của hắn bình thản như lúc này, khi nói với Mathers: “Tôi sẽ rời đi đêm nay nhưng có thể ghé qua lúc này. ông có thể nếu ông cần. Ông có máy Xerox chứ?”.

“Vâng, tôi có.”

“Tôi sẽ có mặt trong vài phút nữa.”

Họ tắt máy. Ashberry lần vào trong chiếc hộp và nhấn chiếc nút an toàn trên khẩu súng vào vị trí sẵn sàng nổ súng. Rồi hắn nhắc chiếc thùng các tông lên và hướng về tòa nhà, bước qua những chiếc lá mùa thu đang cuộn lên xoay vòng trong trận gió xoáy lạnh buốt.

40. Chương 40

“Giáo sư?”

“Ông là Steve Macy?” Vị giáo sư ăn mặc trông khá luộm thuộm; diện một cái nơ bướm và chiếc áo vải tuyết, đang ngồi phía sau đồng giấy tờ phủ đầy trên bàn làm việc.

Ông ta cười: “Vâng, thưa giáo sư”.

“Tôi là Richard Mathers. Còn đây là Geneva Settle.”

Một cô bé chừng mười mấy tuổi thấp bé, màu da thì tối đen y như màu da của vị giáo sư. Geneva nhìn ông ta và gật đầu chào. Cô bé nhìn một cách thích thú vào cái hộp mà ông ta vác theo. Cô bé quá trẻ. Liệu hẳn có thể thật sự giết cô bé không?

Rồi hình ảnh lễ cưới đứa con gái hẳn trên chiếc bức tại hồ cạnh ngôi nhà nghỉ dưỡng lóe lên trong tâm trí; kéo theo một loạt những hình ảnh khác như: Chiếc Mercedes AMG mà vợ hẳn muốn, thẻ thành viên ở sân golf Augusta; kế hoạch cho bữa tối hẳn sắp xếp vào buổi tối nay ở L'Etoile, khách sạn được tờ New York Times xếp hạng ba sao.

Những hình ảnh ấy trả lời cho câu hỏi của hẳn.

Ashberry đặt chiếc hộp lên sàn. Không có cảnh sát ở bên trong, hẳn nhấn mạnh và tự trấn an mình. Hẳn bắt tay Mathers, nghĩ: Mẹ kiếp, họ có thể lấy dấu vân tay từ da thịt. Sau khi nổ súng hạ họ, hẳn phải mất thêm thời gian để lau sạch lòng bàn tay ông giáo sư. (Hẳn nhớ những gì mà Thompson Boyd đã nói với hẳn rằng: Khi đối diện với cái chết, ta làm mọi thứ theo quyển sách, hoặc ta sẽ phải bỏ công việc.)

Ashberry mỉm cười với cô bé. Không cần phải bắt tay. Hẳn nhìn quanh văn phòng, lựa chọn góc độ.

“Xin lỗi vì sự bừa bộn”, Mathers nói.

“Văn phòng của tôi cũng chẳng ngăn nắp hơn đâu”, hẳn nói với một nụ cười nhạt. Căn phòng lấp đầy sách, tạp chí và hàng chồng bản photo. Trên tường là một loạt bằng cấp. Hóa ra là, Mathers không phải là một giáo sư về lịch sử mà là một giáo sư về luật. Một người khá nổi tiếng, rõ ràng là thế, Ashberry đang nhìn vào bức ảnh vị giáo sư chụp với Bill Clinton và thị trưởng trước đây Giuliani.

Khi hẳn nhìn những bức ảnh này, lòng thương hại lại dâng lên một lần nữa nhưng nó thực sự chẳng hơn gì tiếng bíp mờ nhạt nháy lên trên màn hình máy tính lúc này. Ashberry lúc này cảm thấy thoải mái với ý nghĩ rằng hẳn đang ngồi trong phòng với hai người đã chết rồi.

Họ trò chuyện một vài phút, Ashberry thì nói những cụm từ mơ hồ về các trường học và thư viện ở Philadelphia, tránh mọi bình luận trực tiếp về việc hẳn đang tìm kiếm cái gì. Hẳn giữ thế chủ động, hỏi vị giáo sư: “Chính xác thì ông đang nghiên cứu cái gì?”

Mathers để cho Geneva giải thích về việc họ đang cố gắng tìm hiểu một người tổ tiên của cô bé, Charles Singleton, một cựu nô lệ. “Điều đó khá là kỳ lạ”, cô nói. “Cảnh sát nghĩ rằng có sự liên quan giữa ông ấy và một vài tội, những vụ việc vừa mới xảy ra. Nhưng hóa ra lại không phải, ý cháu là không đúng. Nhưng tất cả đều tò mò với điều gì đã xảy ra cho ông ấy. Có vẻ như không ai biết.”

“Hãy xem ông có gì nào”, Mathers nói, lau sạch một chấm trên chiếc bàn thấp phía trước bàn làm việc của ông ta. “Tôi sẽ đi lấy một chiếc ghế khác.”

Lúc này đây, Ashberry nghĩ. Tim bắt đầu đập nhanh. Rồi hẳn nhớ lại lưỡi dao sắc lẹm cắt vào da thịt của người bán hàng, sáu centimet cho hai ngày chậm khoản tiền bảo kê. Ashberry hầu như chẳng nghe thấy tiếng hét của người đàn ông.

Nhớ lại tất cả những tháng ngày làm việc đến gãy lưng để tới được vị trí hôm nay.

Nhớ lại đôi mắt chết chóc của Thompson Boyd.

Hẳn ngay lập tức trở nên bình tĩnh.

Ngay khi Mathers bước vào hành lang, Ashberry nhìn ra ngoài cửa sổ. Người cảnh sát vẫn ngồi trong xe, cách khoảng mười lăm mét, và tòa nhà thì có tường dày và kín đến mức anh ta thậm chí có thể không nghe thấy tiếng súng. Với chiếc bàn đang ngăn cách hẳn và Geneva, hẳn cúi xuống, bối qua đồng giấy. Hẳn nắm lấy khẩu súng hoa cải cửa nòng.

“Ông có tìm bức tranh nào không?”, Geneva hỏi. “Cháu rất muốn tìm hiểu nhiều hơn về khu vực xung quanh như thế nào trong quá khứ.”

“Ta có một ít. Ta nghĩ thế.”

Mathers đang quay lại. “Cà phê nhé?”, có tiếng nói vọng lại từ trong hành lang.

“Không, cảm ơn.”

Ashberry quay ra cửa.

Chỉ lúc này đây.

Hắn bắt đầu đứng dậy, kéo khẩu súng ra khỏi hộp, giữ nó thấp hơn tầm mắt của Geneva.

Nhắm vào phía cửa, ngón tay đặt lên cò súng.

Nhưng có gì đó không ổn. Mathers không có vẻ như sẽ xuất hiện.

Đó là lúc Ashberry cảm thấy có cái gì đó bằng kim loại chạm vào tai của mình.

“William Ashberry, ông đã bị bắt. Tôi có súng.” Đó là giọng cô bé, mặc dù nó rất khác, là giọng của một người trưởng thành. “Đặt cái khẩu súng lên bàn. Ngay.”

Ashberry đông cứng. “Nhưng...”

“Khẩu súng. Đặt nó xuống.” Cô gái thúc vào đầu hắn bằng khẩu súng. “Tôi là cảnh sát. Và tôi sẽ sẵn sàng nổ súng.”

Ồi, Chúa ơi, không... Đây là một cái bẫy!

“Nghe này, giờ làm theo những gì cô ấy nói.” Tiếng của vị giáo sư - tất nhiên đó không phải Mathers. Đó cũng là một người đóng thế, một cảnh sát giả vờ là giáo sư. Hắn nhìn sang bên. Người đàn ông đã quay lại vào văn phòng bằng cửa bên. Trên cổ ông ta lủng lẳng tấm thẻ FBI. Và cũng đang nắm một khẩu súng. Làm thế quái nào mà họ lần ra hắn được? Ashberry tự hỏi trong sự bức tức.

“Và đừng có di chuyển cái khẩu súng quá một milimet. Tất cả chúng tôi đều nhắm vào đó rồi.”

“Tôi không nói với ông một lần nữa đâu”, cô gái nói với một giọng bình tĩnh. “Làm ngay đi.”

Hắn vẫn không động đậy.

Ashberry nghĩ tới ông nội mình, tay gangster, hắn nghĩ tới tiếng hét của người bán hàng, nghĩ tới đám cưới của con gái mình.

Thompson Boyd sẽ làm gì?

Làm theo quyển sách và từ bỏ.

Chẳng có cách quái nào cả. Ashberry sụp xuống lộn vòng và lăn, nhanh như chớp, giơ khẩu súng lên.

Có ai đó hét lên: “Đừng!”

Đó là từ cuối cùng hắn có thể thấy.

41. Chương 41

“Quả là một khung cảnh đẹp”, Thomp nói.

Lincoln Rhyme nhìn ra bên ngoài cửa sổ phía dòng sông Hudson, những vách đá của dãy Palisades trên bờ bên kia và những ngọn đồi xa xa của New Jersey. Có thể là của Pennsylvania nữa. Anh quay đi ngay lập tức, vẽ biểu cảm trên mặt giả thích rằng cái khung cảnh rộng bao la, giống như mọi người vẫn nói, khiến anh cảm thấy nhàm chán không cảm xúc.

Họ đang ở trong văn phòng tổ chức Sandford của William Ashberry, hắn đã chết trên nóc của tòa nhà Hiram Sanford trên phố 82 về phía tây. Phố Wall vẫn còn đang xôn xao tin tức về cái chết của người đàn ông và việc ông ta liên quan tới hàng loạt vụ phạm tội trong những ngày vừa qua. Cộng đồng tài chính không hề mất đi động lực để hoạt động, so với những gì xảy ra đối với các cổ đông và nhân viên của tập đoàn Enron

và Global crossing[1], cái chết của nhà điều hành của một công ty đầy lợi ích không chấn động đến mức như thế.

[1] Tên hai công ty của Mỹ với hai vụ bê bối rất lớn về gian dối và sai lầm của lãnh đạo trong tổ chức hoạt động.

Amelia Sachs đã khám nghiệm kỹ lưỡng văn phòng, lấy đi những bằng chứng kết nối Ashberry với Boyd và dùng băng dính dán tách riêng những phần nhất định trong căn phòng. Cuộc họp diễn ra trong một khu vực đã được dọn dẹp sạch sẽ, với những cửa sổ được lau sạch các vết ố bẩn và những tấm bảng từ gỗ hồng sắc.

Ngồi bên cạnh Rhyme và Thomp là Geneva Settle cùng luật sư Wesley Goades. Rhyme cảm thấy thích thú vì có đôi lúc đã thực sự nghi ngờ sự đồng lõa của Goades trong vụ việc - do sự xuất hiện bất ngờ của ông ta ở căn hộ của Rhyme, tìm kiếm Geneva, và tình tiết về Tu chính án số 14; viên luật sư hẳn phải có một động cơ lớn lao để chắc chắn rằng không có gì gây nguy hiểm tới một vũ khí quan trọng cho những người ủng hộ tự do. Rhyme cũng đã từng tự hỏi có phải lòng trung thành của người đàn ông với công ty bảo hiểm trước đây đã khiến ông ta phản bội Geneva không.

Nhưng Rhyme không hề chia sẻ sự nghi ngờ về viên luật sư và do đó không có gì để xin thứ lỗi cả. Sau khi Rhyme và Sachs phát hiện ra rằng vụ án đang chuyển sang hướng không mong đợi, nhà tội phạm học đã gọi ý Goades ở lại chờ xem chuyện gì sẽ diễn ra tiếp theo. Tất nhiên là, Geneva Settle, hoàn toàn ủng hộ việc nhờ ông ấy giúp đỡ.

Bên kia chiếc bàn cà phê bằng cẩm thạch là Gregory Hanson, Chủ tịch

h ngân hàng Sanford, thư ký của ông, Stella Tumer, và một cộng sự cấp cao ở công ty luật Sanford, một luật sư có dáng vẻ gọn gàng tầm bốn mươi tuổi tên là Anthony Cole. Họ đều tỏ ra không thoải mái, mà Rhyme cho là đã xuất hiện từ ngày hôm qua khi anh gọi cho Hanson để đề nghị một buổi họp nói về “vấn đề Ashberry”.

Hanson đồng ý nhưng thêm vào một cách nhanh chóng và ngán ngẩm rằng ông ta thực sự rất sốc như những người khác khi biết về cái chết của Ashberry trong một vụ nổ súng ở Đại học Columbia vài ngày trước. Ông ấy không biết gì về điều đó - hay về bất cứ vụ cướp hàng trang sức cũng như tấn công khủng bố nào cả - ngoại trừ những gì đọc trên báo. Vậy thì chính xác là Rhyme và cảnh sát muốn gì?

Rhyme đưa ra một lời đậm ngôn ngữ của cảnh sát: “Chỉ là câu trả lời cho một vài câu hỏi thủ tục thôi”.

Giờ, họ đã xong phần mào đầu câu chuyện, Hanson hỏi: “Anh có thể nói cho chúng tôi biết đó là gì không?”.

Rhyme đi thẳng vào vấn đề luôn: Anh giải thích rằng William Ashberry đã thuê Thompson Boyd, một sát thủ chuyên nghiệp, giết Geneva Settle.

Ba người thẳng thốt nhìn về phía cô bé mảnh khảnh ngồi đối diện. Cô bé bình tĩnh nhìn từng người một.

Nhà tội phạm học tiếp tục thêm vào rằng Ashberry cảm thấy một điều hiển nhiên là không một ai biết lý do mà hẳn muốn cô bé chết nên đã cùng với Boyd dựng lên một vài động cơ giả cho cái chết của cô bé. Lúc đầu thì vụ giết người được dàn dựng sao cho giống với một vụ hiếp dâm. Dù vậy, Rhyme đã nhìn xuyên qua âm mưu đó ngay lập tức, và khi tiếp tục tìm kiếm kẻ giết người, anh và đồng đội đã tìm ra lý do thật sự cho vụ án là: Geneva có thể nhận dạng kẻ khủng bố lên kế hoạch vụ tấn công.

“Nhưng lại có vài vấn đề với lý do này: Kẻ đánh bom đã chết có thể kết thúc toàn bộ yêu cầu cần phải giết Geneva. Nhưng không như thế. Đồng phạm của Boyd tiếp tục cố gắng một lần nữa. Chuyện gì đang diễn ra? Chúng tôi lần ra gã đã bán quả bom cho Boyd, một tên phóng hỏa đốt nhà ở New Jersey. FBI đã tóm cổ hắn. Chúng tôi thấy sự liên hệ giữa những tờ đô la của hắn với ngôi nhà ẩn náu của Boyd. Điều đó khiến hắn trở thành đồng lõa cho vụ giết người này và hẳn đã đồng ý với một thỏa thuận. Hẳn nói với chúng tôi rằng mình đã giúp cho Boyd và Ashberry biết nhau...”

“Dù sao thì, tên khủng bố này”, viên luật sư của ngân hàng nói một cách ngờ vực, với một tiếng cười chua chát: “Bill Ashberry và khủng bố ư? Nó...”.

“Dẫn đến kết cục đó”, Rhyme nói, với giọng chua chát không kém. Có lẽ còn hơn. Anh tiếp tục giải thích: Những lời khẳng định của tên chế tạo bom không đủ để đưa ra lệnh bắt giữ Ashberry. Nên Rhyme và Sellito phải quyết định rằng họ cần phải khiến hắn ra mặt. Họ đã gài một cảnh sát ở trường của Geneva, một người đàn ông giả vờ là phó hiệu trưởng. Bất cứ ai gọi điện hỏi về Geneva sẽ được nói rằng cô bé đang ở Đại học Columbia với một giáo sư luật. Vị giáo sư thật đã đồng ý để họ sử dụng không chỉ tên ông ta mà cả văn phòng nữa. Fred Dellray và Jonette Monroe, một cảnh sát với vỏ bọc một nữ sinh giang hồ ở trường trung học của Geneva, đã rất vui khi đóng vai vị giáo sư và cô nữ sinh. Họ đã thực hiện nhiệm vụ một cách nhanh chóng và triệt để nhằm dựng lên màn kịch, tạo vài bức ảnh giả bằng photoshop của Dellray với Bill Cliton và Rudy Giuliani, để bảo đảm rằng Ashberry không đoán ra họ đang giả dạng.

Rhyme lúc này giải thích những sự kiện cho Hanson và Cole, thêm vào các chi tiết về vụ cố tình giết người ở văn phòng của Mathers.

Anh lắc đầu. “Tôi đáng ra phải đoán được hung thủ có liên quan tới ngân hàng. Hắn đã có thể rút một lượng lớn tiền mặt và giả mạo vài báo cáo. Nhưng...”, Rhyme hất đầu về phía vị luật sư, “Hắn định làm gì mới được? Tôi biết là những người theo Thiên Chúa giáo chẳng bao giờ ủng hộ cho mằm mống khủng bố cả.”

Chẳng một ai cười. Rhyme nghĩ rằng, người làm ngân hàng, luật sư, chẳng ai có khiếu hài hước cả. Anh tiếp tục: “Bởi vậy tôi quay trở lại với các bằng chứng và để ý thấy có điều gì đó khiến mình cảm thấy băn khoăn: Không có bộ điều khiển phát tín hiệu vô tuyến để kích nổ quả bom. Nó đáng lẽ phải nằm trong các mảnh vụn của chiếc xe tải, nhưng lại không hề có.”

“Tại sao không? Hoặc kết luận ở đây là Boyd và cộng sự của mình đã đặt quả bom lên đó và giữ bộ kích nổ để điều khiển quả bom như một sự đánh lạc hướng để lôi chúng ta không tìm ra động cơ thật sự cho việc giết Geneva.”

“Được rồi”, Hanson nói. “Động cơ thật sự. Là gì mới được?”

“Phải suy nghĩ kỹ về nó. Lúc đầu tôi nghĩ rằng có thể Geneva đã nhìn thấy vài người thuê nhà bị đuổi một cách bất hợp pháp khi đang tẩy xóa các hình vẽ graffiti khỏi các tòa nhà cũ cho một công ty phát triển đầu tư. Nhưng tôi nhìn vào nơi mà sự việc đó diễn ra và tìm ra rằng ngân hàng Sanford không hề liên quan tới các tòa nhà đó. Vậy thì, nó đã bỏ rơi chúng ta ở đâu? Tôi chỉ có thể quay trở lại với nơi mà lúc đầu chúng tôi đã nghĩ đến...”

Anh giải thích về tờ tạp chí Tuần báo Minh họa dành cho người da màu mà Boyd đã lấy đi mất. “Tôi đã quên mất rằng có ai đó đã truy lùng tờ tạp chí trước khi Geneva được cho là đã nhìn thấy một chiếc xe tải và tên khủng bố. Tôi nghĩ tới khả năng Ashberry lao vào bài báo đó khi tổ chức Sanford nâng cấp lại kho lưu trữ của họ vào tháng trước. Hắn đã làm một vài nghiên cứu và phát hiện ra một việc gì đó thực sự phiền phức, một việc mà có thể phá hủy cả cuộc đời hắn. Hắn đã hủy bản của tổ chức và quyết định rằng phải phá hủy tất cả những bản sao của tờ tạp chí. Trong suốt vài tuần vừa qua, hắn đã tìm ra hầu hết các bản sao này - nhưng vẫn còn một cái sót lại trong khu vực: Người thủ thư ở bảo tàng Mỹ - Phi tại Midtown đang lấy bản trong kho lưu trữ và hắn đã phải báo cho Ashberry, một cách ngẫu nhiên, rằng có một cô bé đang quan tâm tới cái chủ đề này. Ashberry biết mình sẽ phải phá hủy bài báo và giết Geneva, cùng với người thủ thư, vì ông ấy có thể liên hệ họ với nhau.”

“Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao”, Cole, vị luật sư nói. Sự chua chát trong giọng nói giờ biến thành câu gắt thực sự.

Rhyme giải thích nốt mảnh ghép cuối cùng của câu đố: Anh đề cập đến câu chuyện về Charles Singleton, trang trại ông ấy được tặng từ ông chủ của mình và vụ cướp ở Quý Nô lệ tự do - và sự thật về việc người cự nê lệ có giữ một bí mật. “Đó là câu trả lời cho việc tại sao Charles bị dàn dựng vụ cướp vào năm 1868. Và đó là câu trả lời cho lý do Ashberry phải giết Geneva.”

“Bí mật?”, Stella, cô thư ký hỏi.

“Vâng, đúng. Cuối cùng tôi đã tìm ra nó là gì. Tôi nhớ đến điều mà cha của Geneva đã nói với chúng tôi. Ông ấy nói rằng Charles dạy miễn phí ở một ngôi trường dành cho người da đen ở gần nhà mình và ông ấy đã bán rượu táo cho những công nhân đóng tàu trên đường.” Rhyme lắc đầu mình. “Tôi đã đưa ra một giả

định thiếu cẩn thận. Chúng tôi nghe nói rằng trang trại của ông ấy ở tiểu bang New York... Và đúng là nó ở New York. Trừ việc nó không phải là ở khu phía bắc của bang, như chúng ta vẫn nghĩ.”

“Không phải à? Vậy nó ở đâu?”, Hanson hỏi.

“Rất dễ để tìm ra”, anh tiếp tục. “Nếu anh vẫn nhớ rằng có những trang trại vẫn đang làm việc ở đây trong thành phố cho đến cuối những năm 1800.”

“Ý anh là trang trại của ông ta ở Manhattan?”, Stella hỏi.

“Không chỉ vậy”, Rhyme nói. “Nó ở ngay dưới tòa nhà này.”

42. Chương 42

“Chúng tôi tìm thấy một bản vẽ về Gallows Heights trong những năm 1800 cho thấy có ba khu đất lớn được trồng cây. Một trong các khu đất ấy bao gồm tòa nhà này và vài dãy phố xung quanh. Bên kia con đường trước đây là một ngôi trường miễn phí dành cho người da đen. Phải chăng đó chính là ngôi trường mà ông ấy dạy? Và ở trên dòng sông Hudson...” Rhyme nhìn ra ngoài cửa sổ. “Ở ngay chỗ này, trên con phố 81, là một vũng tàu cạn và một xưởng đóng tàu. Có thể nào những người công nhân ở đó chính là những người mà Charles đã bán rượu táo?”

“Nhưng liệu khu đất có phải của ông ấy không? Có một cách đơn giản để tìm ra điều đó. Thom đã kiểm tra ở văn phòng lưu trữ Manhattan và tìm thấy giấy tờ, văn bản ghi chép từ ông chủ của Charles cho ông ấy. Đúng vậy, mảnh đất thuộc về ông ấy. Rồi chúng tôi hiểu ra tất cả mọi việc. Mọi tài liệu mà chúng tôi tìm thấy liên quan đến những buổi họp ở Gallows Heights - với các chính trị gia và những nhà lãnh đạo nhân quyền? Đó là nhà của Charles, là nơi mà họ gặp gỡ. Đó là bí mật của ông ấy - là việc ông ấy sở hữu mười lăm mẫu đất đẹp nhất ở Manhattan.”

“Nhưng tại sao đó lại là một bí mật chứ?”, Hanson hỏi.

“Ồ, ông ấy không dám nói với một ai rằng mình là chủ sở hữu. Tất nhiên là ông ấy muốn. Đó là điều thực sự giằng vò và khiến ông ấy bồn chồn, ông ấy tự hào rằng mình sở hữu một trang trại lớn trong thành phố. Ông ấy tin rằng mình có thể trở thành hình mẫu cho những người cựu nô lệ khác. Cho họ thấy rằng họ đều có thể được đối xử như một người đầy đủ quyền lợi, và được coi trọng. Rằng họ có thể sở hữu đất đai và làm việc trên đó, là những thành viên của cộng đồng. Nhưng ông ấy đã nhìn thấy những vụ nổi loạn do việc cưỡng bức quân dịch, những vụ hành hình người da đen, đốt phá. Vậy nên ông ấy và vợ mình đã giả vờ là những người cai quản đất, sợ rằng sẽ có ai đó phát hiện ra một cựu nô lệ sở hữu một mảnh đất lớn có giá trị và sẽ phá hủy nó. Hoặc, đúng hơn là, lấy nó đi từ ông ấy.”

“Mà”, Geneva nói: “Chính xác là việc đó đã xảy ra...” Rhyme tiếp tục: “Khi Charles bị buộc tội, tất cả tài sản của ông ấy đã bị tịch thu - bao gồm cả trang trại - và bán đi... Giờ, chúng ta có một giả thuyết thú vị: Dựng tội một ai đó với những lời cáo buộc giả dối để lấy đi tài sản của người đó. Nhưng có bằng chứng nào không? Quả là một nhiệm vụ khủng khiếp - một trăm bốn mươi năm sau đó - về một vụ án chưa có lời giải đáp... Chà, có một vài bằng chứng. Những kết sắt của Exeter Strongbow - loại mà Charles bị buộc tội phá hủy tại Quý Nô lệ tự do - được làm ở Anh nên tôi đã gọi cho một người bạn ở Sở cảnh sát Scotland. Anh ấy nói

với một thợ khóa hình sự, anh ta nói rằng không thể nào phá vỡ một cái kết Exeter thế kỷ XIX chỉ bằng một cái búa và một cái đục, những dụng cụ được tìm thấy tại hiện trường. Ngay cả những chiếc máy khoan hơi nước thời kỳ đó cũng mất ba đến bốn giờ đồng hồ - và bài báo về vụ trộm nói rằng Charles chỉ ở bên trong tòa nhà đó vùn vụt hai mươi phút đồng hồ”.

“Những kết luận tiếp theo là: Có một ai khác đã cướp chỗ đó, và đặt vài dụng cụ của Charles ở hiện trường rồi mua chuộc một nhân chứng để bịa đặt về ông ấy. Tôi nghĩ rằng tên trộm thực sự là gã mà chúng tôi

tìm thấy bị chôn bên dưới tầng hầm của quán Potter's Field." Anh giải thích về chiếc nhẫn Winskieski và người đàn ông đeo nó - rằng đó là một nhân viên thuộc bộ máy chính trị tham nhũng Tammany Hall.

"Đó là một trong những người thân cận với Boss Tweed. Một người khác đó là William Simms, viên thanh tra đã bắt Charles. Simms sau đó bị truy tố vì hối lộ và đặt bằng chứng giả chống lại các nghi phạm. Simms, gã Winskieski, quan tòa và công tố viên tất cả đều sắp đặt việc buộc tội Charles. Tất cả họ giữ trong tay số tiền bị ăn trộm mà đã không được tìm lại."

"Vậy chúng ta đã khẳng định rằng Charles sử hữu một khu đất lớn ở Gallows Heights và ông ấy đã dựng chuyện để ai đó có thể lấy đi mảnh đất." Lòng mày anh rướn lên. "Câu hỏi logic tiếp theo là gì? Câu hỏi lớn?" Không có ai hỏi.

"Rõ ràng: Hung thủ thực sự là kẻ nào chứ?", Rhyme nói. "Ai đã cướp của Charles? Chà, cho rằng động cơ là lấy trộm trang trại của ông ấy, tất cả những gì tôi phải làm là tìm ra ai đứng tên mảnh đất."

"Đó là ai?", Hanson hỏi, nghe có vẻ khó chịu nhưng vẫn nắm được vài tình tiết lịch sử.

Cô thư ký vuốt váy và nói: "Boss Tweed?"

"Không, đó là một đồng nghiệp của ông ta. Một người thường được nhìn thấy ở quán rượu Potter's Field, cùng với vài kẻ tai tiếng khác lúc đó - Jim Fisk, Jay Gould và Simms." Anh nhìn từng khuôn mặt bên kia chiếc bàn. "Tên ông ta là Hiram Sanford."

Người phụ nữ chớp chớp mắt. Sau một lát cô ta nói: "Người thành lập ngân hàng chúng tôi".

"Người duy nhất."

"Thật là lố bịch", Cole, vị luật sư nói. "Làm sao mà ông ấy có thể làm điều đó? Ông ấy là một trong những người có ảnh hưởng lớn nhất ở New York."

"Cũng như William Ashberry?", nhà tội phạm học hỏi một cách mỉa mai. "Thế giới cạnh tranh làm ăn lúc đó thực sự không hề khác đi chút nào so với bây giờ. Có rất nhiều nhà đầu cơ tích trữ tài chính - một trong những bức thư của Charles có trích từ New York Tribune đề cập đến 'sự bùng nổ các bong bóng' ở phố Wall. Đường sắt là mạng công nghệ thông tin của những năm 1800. Cổ phiếu của họ đã được đánh giá quá cao và bị phá sản. Sanford hầu như mất hết tiền bạc khi chuyện đó xảy ra và Tweed đồng ý trợ giúp ông ta. Nhưng, là Tweed, về bản chất ông ta muốn sử dụng tiền của người khác để làm điều đó. Vậy nên cả hai người bọn họ đã dựng chuyện cho Charles, và Sanford đã mua vườn cây trong một phiên đấu giá đã được sắp đặt với một phần nhỏ giá trị thực của nó. Ông ta phá ngôi nhà của Charles và xây dựng tòa dinh thự của mình trên đó, nơi mà chúng ta đang ngồi đây." Một cái hắt đầu ra ngoài cửa sổ về phía những dãy phố gần đó. "Và rồi ông ta cũng như con cháu và những người thừa kế sau đó đã phát triển mảnh đất hoặc bán nó đi từng ít, từng ít một."

"Chẳng lẽ Charles không hề phản bác rằng mình vô tội sao, nói với họ những chuyện đã xảy ra?", Hanson hỏi.

Rhyme chế giễu: "Một cự nê lệ chống lại một bộ máy Tammany Hall phản đối người da đen? Liệu nó có bao nhiêu phần thành công? Hon nữa, ông ấy đã giết gã đàn ông trong quán rượu".

"Vậy ông ta là kẻ giết người", Cole lập tức chỉ ra.

"Tất nhiên là không", Rhyme đáp lời luôn, "Ông ấy cần gã Winskieski sống - để chứng minh rằng mình vô tội. Cái chết của hắn là vì tự vệ. Nhưng Charles không có lựa chọn nào ngoài việc che giấu cái xác và giấu giếm vụ nổ súng. Nếu họ tìm ra, ông ấy sẽ bị treo cổ."

Hanson lắc đầu. "Chỉ có một điều chả có ý nghĩa gì cả: Tại sao việc ông Hiram Sanford làm từ rất lâu rồi lại có thể ảnh hưởng tới Bill Ashberry? Cứ cho đó là một hình thức quảng bá tồi tệ đi - một nhà sáng lập ngân hàng lấy trộm tài sản của một cự nê lệ? Đó sẽ là mười phút xấu xí trên bản tin buổi tối. Nhưng thẳng thắn các trợ lý có thể giải quyết những vấn đề kiểu như vậy. Nó không đáng để giết một ai đó vì điều này."

"À", Rhyme gật đầu. "Một câu hỏi rất hay... Chúng tôi đã làm một nghiên cứu. Ashberry chịu trách nhiệm cho bộ phận Bất động sản của các ông, đúng không?"

“Đúng vậy.”

“Nhưng nếu bộ phận này sụp đổ thì ông ta sẽ mất công việc và hầu hết tài sản đúng không?”

“Tôi nghĩ vậy. Nhưng tại sao mà nó có thể sụp đổ chứ? Đó là bộ phận mang lại phần lớn lợi nhuận cho chúng tôi.”

Rhyme nhìn vào Wesley Goades. “Đến lượt anh.”

Vị luật sư nhìn lướt qua những người ngồi bên kia bàn, rồi lại nhìn xuống, ông ta đơn giản không thể giữ ánh mắt. Cũng như việc ông ta bị đuối lý, bị cuốn theo những lời giải thích được nhấn mạnh của Rhyme - và thỉnh thoảng anh hay đi lạc đề một chút. Anh nói một cách đơn giản: “Chúng tôi ở đây để thông báo với các ông rằng quý cô Settle đây có ý định lập hồ sơ kiện ngân hàng quý vị để lấy lại những mất mát của cô ấy”.

Hanson cau mày và nhìn Cole, người đang nhìn họ với ánh mắt cảm thông. “Dựa trên những gì các vị nói với chúng tôi, đưa ra những cáo buộc có hại cho ngân hàng về việc gây ra những khó khăn về mặt tinh thần hẳn là sẽ không mang lại kết quả gì đâu. Các vị biết đấy, vấn đề là Ashberry hành động một mình, không phải với vai trò một lãnh đạo ngân hàng. Chúng tôi không chịu trách nhiệm cho những hành động của ông ta.” Nhìn vào Goades, mà ông ta thì có thể hoặc không nhún nhường lắm. “Như vị luật sư ở đây sẽ nói cho các anh.”

Hanson cũng nhanh chóng nói thêm với Geneva rằng: “Nhưng, chúng ta thực sự hiểu những gì mà cháu đã trải qua”, Stella Tumer gật đầu. Họ có vẻ như muốn nói điều này một cách rất thành thật: “Ta nghĩ cháu sẽ cảm thấy chúng ta khá rộng rãi”.

Luật sư thấy cần thiết phải thêm vào: “Một cách hợp lý”.

Rhyme quan sát vị chủ tịch ngân hàng một cách kỹ lưỡng. Gregory Hanson có vẻ khá tốt bụng. Trẻ hơn so với tuổi năm mươi, một nụ cười phóng khoáng. Hẳn là típ người sinh ra để làm một doanh nhân - kiểu ông chủ tốt bụng và là người đàn ông của gia đình, thực hiện công việc một cách xuất sắc, làm việc hàng giờ cho những cổ đông, đi máy bay với ghế thường bằng tầng xu của công ty, nhớ sinh nhật của nhân viên mình.

Nhà tội phạm học hầu như cảm thấy tồi tệ về những gì sắp diễn ra.

Tuy nhiên, Wesley Goades không hề tỏ ra một chút thương xót với những gì anh ta nói: “Thưa ngài Hanson, sự mất mát mà chúng ta đang nói đến ở đây không phải là vụ việc một cán bộ của các ngài cố gắng giết hại quý cô Geneva Settle - theo cách mà chúng ta gọi cho sự việc ở đây - không phải là ‘nỗi đau tinh thần’”. Không, vụ tố tụng của cô ấy là trên danh nghĩa những người thừa kế hợp pháp của ông Charles Singleton, để lấy lại tài sản đã bị lấy trộm bởi Hiram Sanford, cũng như những thiệt hại về tiền bạc...”

“Đợi đã”, vị chủ tịch thều thào, nở nụ cười yếu ớt.

“... những thiệt hại tương đương với khoản thuê và những lợi ích mà ngân hàng của các ngài đã có được từ tài sản đó từ ngày tòa án chuyển giao tên chủ sở hữu.” Ông ta nhìn vào một mẫu giấy: “Đó là ngày mùng 4 tháng 8 năm 1868. số tiền sẽ được đưa vào một quỹ vì lợi ích của tất cả con cháu của ông Charles Singleton, với việc sử dụng, phân chia sẽ được giám sát bởi tòa án. Chúng tôi vẫn chưa có con số cụ thể.” Cuối cùng Goades ngược lên nhìn vào mắt Hanson. “Nhưng chúng tôi ước tính một cách dè dặt là vào khoảng chín trăm bảy mươi triệu đôla.”

43. Chương 43

“Đó chính là những gì mà William Ashberry sẵn sàng giết người để giành lại”, Rhyme giải thích. “Để giữ bí mật vụ trộm tài sản của Charles. Nếu bất cứ một ai tìm ra và những người thừa kế của ông ấy đưa ra cáo buộc, nó sẽ là sự kết thúc của bộ phận bất động sản và thậm chí có thể đưa cả ngân hàng Sanford đi tới con đường phá sản.”

“Ồ, điều này thật lố bịch”, luật sư bên kia chiếc bàn quát tháo ầm ĩ. Hai đối thủ về luật tương đồng nhau: cao và gầy, mặc dù Cole có làn da rám nắng hơn.

Rhyme cho rằng Wesley Goades không thường ra các sân tennis và golf. “Hãy nhìn quanh các người xem. Những con phố đã phát triển! Mỗi một centimet vuông đều đã được xây dựng.”

“Chúng tôi không cáo buộc gì về việc xây dựng”, Goades nói, như thể điều này đã rõ ràng. “Chúng tôi chỉ muốn quyền sở hữu mảnh đất, và số tiền thuê đáng lẽ phải được trả nhằm tôn trọng quyền sở hữu này.”

“Cho một trăm bốn mươi năm?”

“Đó không phải là vấn đề của chúng tôi, đó là khi Sanford cướp mảnh đất của Charles.”

“Nhưng phần lớn mảnh đất đã được bán đi”, Hanson nói. “Ngân hàng chỉ sở hữu hai tòa nhà trên dãy phố và tòa nhà này.”

“Chà, lẽ tự nhiên, chúng tôi sẽ tính toán để lần theo sự phát triển của mảnh đất mà ngân hàng các ông bán một cách bất hợp pháp.”

“Nhưng chúng tôi đã chuyển nhượng các phần đất hơn một trăm năm rồi.”

Goades nói với cái mặt bần. “Tôi sẽ nói một lần nữa: Đó là vấn đề của các ông, không phải vấn đề của chúng tôi.”

“Không”, Cole ngắt lời. “Quên chuyện này đi.”

“Quý cô Settle thực sự đã có một chút kiểm chế với cáo buộc về thiệt hại của mình. Điểm đáng tranh luận được đưa ra dựa trên sự thật là nếu không có tài sản của tổ tiên cô ấy, thì ngân hàng của các ngài đã phá sản trong những năm 1860 rồi và cô ấy là người được đứng tên cho tất cả những doanh thu toàn cầu của các người. Nhưng chúng tôi không tiến tới điều đó. Cô ấy không muốn những người chủ ngân hàng hiện tại phải chịu quá nhiều.”

“Thật là rộng rãi đấy”, luật sư lầm bầm.

“Đó là quyết định của cô ấy. Tôi thì ủng hộ việc cho các anh sập tiệm luôn.”

Cole vươn người về phía trước. “Nghe này, tại sao các anh không chấp nhận sự thật đi? Các anh chẳng có vụ án nào ở đây cả. Vì một điều, thời gian hiệu lực của vụ án đã hết rồi. Các anh sẽ bị đá ra khỏi tòa án.”

“Đã bao giờ anh để ý là”, Rhyme hỏi, không thể kháng cự được rằng: “Người ta thường đi tới đâu với luận điểm yếu ớt nhất của mình?... Xin thứ lỗi cho cái điều chú thích đi.”

“Còn về thời hạn hiệu lực”, Goades nói. “Chúng tôi có thể khẳng định một cách vững chắc rằng vụ án đã được trì hoãn và chúng tôi có đủ thẩm quyền để đưa vụ án vào đúng các luật lệ.”

Vị luật sư đã giải thích với Rhyme rằng trong một vài trường hợp giới hạn thời gian để đưa đơn kiện lên tòa án có thể “trì hoãn” nếu như bên bị cáo che giấu tội ác để nạn nhân không biết nó xảy ra, hoặc khi họ không có đủ khả năng để kiện, giống như khi những phiên tòa và các công tố viên hoạt động thông đồng với kẻ làm sai, chuyện đã xảy ra trong vụ án của Singleton. Goades lập lại luận điểm đó lúc này.

“Nhưng dù là Hiram Sanford làm cái gì đi chăng nữa”, viên luật sư chỉ ra. “Chẳng liên quan gì đến ông chủ của chúng tôi – chủ tịch ngân hàng.”

“Chúng tôi đã lần theo dấu vết quyền sở hữu ngân hàng theo mốc thời gian đến khi khởi đầu là ngân hàng Hiram Sanford và Trust Limited, và đó là những gì thuộc về trang trại của Singleton. Sanford sử dụng ngân hàng như một vỏ bọc. Nhưng thật không may... cho các ông.” Goades nói một cách hoan hỉ như thể một người đàn ông chưa từng cười có thể làm được.

Cole không hề có ý định chịu thua. “Chà, các anh có chứng cứ nào để nói rằng tài sản đó sẽ được để lại qua các đời con cháu trong gia đình? Cái ông Charles Singleton này có thể đã bán nó với giá năm trăm đô la trong năm 1870 và phung phí hết nó rồi.”

“Chúng tôi có các bằng chứng về việc ông ấy muốn để lại trang trại cho các thành viên trong gia đình.” Rhyme quay sang Geneva. “Ông Charles đã nói gì?”

Cô bé chẳng cần phải nhìn vào một mẫu giấy nào cả. “Trong một lá thư gửi cho vợ, ông ấy đã nói không bao giờ muốn bán trang trại đi. Ông ấy nói, ‘Anh mong muốn mảnh đất được để lại nguyên vẹn từng mét tới con trai chúng ta và các con cháu của nó; công việc thì lúc thăng lúc trầm, thị trường tài chính thì bất ổn, nhưng Trái đất là sự vĩnh hằng của Chúa - và trang trại sẽ mang lại sự kính trọng cho gia đình của chúng ta trong con mắt của những người lúc này đây không hề tôn trọng điều đó. Đó chính là sự cứu rỗi cho con cháu chúng ta, và cho các thế hệ sau đó.’”

Hưởng thụ cảm giác của một người đội trưởng đội cổ vũ, Rhyme nói: “Hãy nghĩ xem bồi thẩm đoàn sẽ phản ứng thế nào với điều đó? Không một ai là không nhỏ lệ cho mà xem”.

Cole nghiêng người về phía Goades một cách giận dữ. “Ồ, tôi biết chuyện gì đang diễn ra ở đây. Các người đang làm cho nó nghe có vẻ như cô bé là nạn nhân vậy. Nhưng đây chỉ là tổng tiền mà thôi. Giống như tất cả những gì gọi là sự bù đắp lại cho những người nô lệ trước đây mà thôi. Tôi lấy làm tiếc là ông Charles Singleton ấy là một nô lệ. Tôi lấy làm tiếc là ông ấy hay là cha của ông ấy, hay bất cứ ai đi chăng nữa, đã bị đưa đến đây ngược lại với mong muốn của người đó.” Cole vẫy vẫy cánh tay, như thể đang xua một con ong bay đi, và nhìn vào Geneva. “Chà, thưa quý cô, cách đây rất lâu rồi. Ông cố của tôi chết vì bệnh phổi do hít phải bụi than đá trong hầm mỏ. Cô không hề thấy tôi kiện công ty khai thác Than đá và Khoáng chất West Virginia, chỉ để kiếm thêm một vài đồng tiền. Các người phải vượt qua điều đó mà thôi. Chỉ là hãy tiếp tục với cuộc sống của các người. Nếu các người mất càng nhiều thời gian...”

“Khoan đã”, Hanson ngắt lời. Cả ông ta và cô thư ký đều nhìn chằm chằm vào vị luật sư.

Cole liếm môi rồi ngồi xuống. “Tôi xin lỗi. Ý tôi không phải như là những gì tôi nói. Tôi nói là ‘các người’ nhưng tôi không ám chỉ là...” Anh ta đang nhìn vào Wesley Goades.

Nhưng Geneva là người lên tiếng. “Thưa ông Cole, tôi cũng cảm thấy như vậy. Giống như là, tôi thực sự tin tưởng vào điều mà Frederick Douglass nói. ‘Người ta có thể không có được tất cả những gì mà họ dành công sức để làm việc vì nó trong cái thế giới này, nhưng họ chắc chắn rằng sẽ làm vì tất cả những gì họ có thể có được.’ Tôi không cần một đồng tiền rởm nào cả.”

Vị luật sư nhìn cô bé một cách ái ngại, ông ta nhìn xuống sau một khắc. Geneva thì không. Cô tiếp tục: “Tôi đã nói chuyện với cha mình về Charles. Tôi đã tìm ra một vài điều về ông ấy. Như là, ông của ông ấy đã bị bắt cóc bởi những kẻ buôn nô lệ và bị lôi đi khỏi gia đình của mình ở Yorubaland và đưa đến Virginia. Cha của Charles mất khi ông ấy bốn mươi hai tuổi vì ông chủ của ông ấy nghĩ rằng sẽ đỡ tốn tiền hơn nếu mua một nô lệ mới, trẻ hơn thay vì chữa bệnh viêm phổi cho ông ấy. Tôi cũng đã tìm ra rằng mẹ của Charles đã bị bán cho một đồn điền ở Georgia khi Charles mới mười hai tuổi và ông ấy không bao giờ gặp lại mẹ mình được nữa. Nhưng, các ngài biết gì không?” Cô hỏi một cách bình tĩnh. “Tôi không đòi một xu nào hết vì những điều đó. Không. Nó thật sự rất đơn giản thôi. Một thứ mà Charles vô cùng yêu quý đã bị cướp mất khỏi ông ấy. Và tôi sẽ làm bất cứ điều gì có thể để bảo đảm rằng tên trộm phải trả giá cho điều đó.”

Cole mấp máy môi lẩm bẩm một lời xin lỗi khác nhưng chất gen luật sư trong ông ta không cho phép ông ta từ bỏ vụ án của khách hàng, ông ta nhìn vào Hanson rồi tiếp tục: “Tôi đánh giá cao những gì cô vừa nói và chúng tôi cũng đề nghị đưa ra một chút cho những hành động của ông Ashberry. Nhưng còn về quyền với tài sản. Chúng tôi không thể đồng ý được. Chúng tôi thậm chí còn không biết các người còn có chỗ dựa pháp lý nào để đưa vụ án ra tòa. Có bằng chứng nào cho thấy được cô thực sự là dòng dõi của cái ông Charles Singleton ấy?”

Lincoln Rhyme lướt ngón tay qua màn điều khiển cảm ứng và lái chiếc xe một cách tự tin tới gần chiếc bàn. “Liệu có phải đã đến lúc có một ai đó ở đây hỏi xem tại sao tôi lại được mang đi cùng không nhỉ?”

Im lặng.

“Tôi không hay ra ngoài lắm, mọi người có thể thấy điều đó. Vậy các người nghĩ gì, khi đưa tôi đi ra hàng chục dặm phố về phía tây?”

“Lincoln”, Thom kêu lên.

“Được rồi, được rồi, tôi sẽ đi thẳng vào vấn đề. Đưa tang vật A ra đây.”

“Tang vật nào?”, Cole hỏi.

“Tôi chỉ đang hài hước một chút. Bức thư.” Anh nhìn vào Geneva. Cô bé mở chiếc ba lô của mình và lấy ra một chiếc cặp tài liệu. Cô đặt một bản photo lên bàn.

Những người ngồi bên phía ngân hàng Sanford nhìn nó.

“Một trong những bức thư của Singleton?”, Hanson hỏi.

“Chữ viết thật đẹp”, Rhyme quan sát. “Điều đó khá quan trọng vào thời bấy giờ. Không giống như ngày nay, tất cả văn bản đánh máy và những mẫu giấy chép tay liền lấu... Được rồi, tôi xin lỗi - không lạc đề nữa. Đây là vấn đề: Tôi có một đồng nghiệp, anh ta tên là Parker Kincaid, ở D.C., đã so sánh chữ viết tay này với tất cả những mẫu viết tay khác còn lại của Charles Singleton, bao gồm cả các tài liệu pháp lý được lưu giữ trong kho lưu trữ ở Virginia. Parker là cựu nhân viên FBI - anh ấy là một chuyên gia về chữ viết tay, các chuyên gia luôn tới khi họ có văn bản nghi vấn. Anh ấy đã thực hiện một bản phân tích chứng thực pháp lý và khẳng định rằng nó giống hệt với những bản mẫu chữ viết tay của Charles Singleton.”

“Được rồi”, Cole chấp nhận: “Đây là bức thư của ông ấy. Vậy thì sao?”.

“Geneva”, Rhyme nói: “Charles nói gì trong đó?”.

Cô bé hất đầu về phía bức thư và đọc nó một lần nữa, bằng trí nhớ của mình: “ ‘Đó là những giọt nước mắt - những vết ố mà em nhìn thấy trên lá thư này, em yêu - không phải là từ nỗi đau đớn mà từ sự ân hận cho nỗi khổ mà anh đã bắt chúng ta phải chịu đựng’ ”.

“Bức thư nguyên bản có một vài vết ố”, Rhyme giải thích. “Chúng tôi đã phân tích chúng và thu được lysozyme, lopocalin và lactoferrin - proteins, nếu các ngài quan tâm - và các enzyme cùng loại, lipid và metabolites. Những chất này, và tất nhiên cả nước nữa, tạo thành nước mắt của con người... Tiện đây, các ông có biết là thành phần cấu tạo nước mắt khác biệt rất lớn phụ thuộc vào việc nó rơi vì đau hay vì cảm xúc? Những giọt nước mắt này” - anh hất đầu về phía lá thư - “được rút ra từ cảm xúc. Tôi có thể chứng minh điều đó. Tôi cho là bồi thẩm đoàn cũng sẽ thấy điều này thực sự cảm động.”

Cole thở dài. “Hẳn anh đã thực hiện xét nghiệm DNA trên vết ố và nó hoàn toàn khớp với DNA của quý cô Geneva Settle này.”

Rhyme nhún vai và cất lên cái từ quan trọng nhất trong ngày hôm nay: “Hiển nhiên rồi”.

Hanson nhìn Cole, ông ta đang hết nhìn lên rồi lại nhìn xuống lá thư và những ghi chú của mình. Vị chủ tịch nói với Geneva: “Một triệu đô. Tôi sẽ ký một tấm séc cho cô ngay bây giờ với một triệu đô, nếu như cô và những người giám hộ ký vào tờ Miễn trách nhiệm pháp lý về tài chính”.

Goades nói một cách lạnh lùng: “Cô Settle muốn có được sự bồi thường thiệt hại thực tế - tiền sẽ được tất cả con cháu của Charles Singleton cùng có phần, không chỉ là cho cô ấy”. Anh ta liếc sang vị chủ tịch ngân hàng. “Tôi chắc chắn ông sẽ không nói rằng số tiền ông chi trả sẽ chỉ là dành cho cô bé thôi, có thể là một sự động viên để lờ đi việc nói với những họ hàng cô bé về việc đã xảy ra.”

“Không, không, tất nhiên rồi.” Hanson nói một cách nhanh chóng. “Để tôi nói chuyện với ban lãnh đạo đã. Chúng tôi sẽ đưa ra con số bồi thường.”

Goades thu thập lại các giấy tờ và nhét chúng vào chiếc ba lô của ông ta. “Tôi sẽ hoàn thành đơn kiện trong vòng hai tuần. Nếu các ông muốn thỏa thuận một cách tự nguyện về việc mở một quỹ cho bên nguyên, các ông có thể gọi tôi theo số ở đây.” Ông đưa một tấm danh thiếp sang bên bàn.

Khi họ đang đứng ở cửa, luật sư của ngân hàng nói: “Geneva, đợi đã, làm ơn. Tôi xin lỗi vì những gì đã nói lúc trước. Thực lòng. Tôi chỉ... không phù hợp mà thôi. Tôi thực lòng cảm thấy tội tệ vì những gì xảy ra cho cô và cho tổ tiên của cô. Và tôi thực sự có nghĩ tới quyền lợi của cô trong thâm tâm mình. Chỉ nhớ là khoản tiền bồi thường sẽ là những gì tốt nhất cho cô và người thân. Hãy để luật sư của cô cho cô biết sẽ khó khăn tới nhường nào với những vụ kiện như thế này, và nó sẽ mất bao lâu thời gian, bao nhiêu tiền.” Ông ta cười. “Hãy tin tôi. Chúng tôi ủng hộ cô.”

Geneva nhìn ông ta. Câu trả lời của cô là: “Trận chiến luôn như chúng vẫn thế. Chỉ là nhận biết được kẻ thù là ai khó hơn rất nhiều”. Cô bé quay bước về phía cửa.

Vị luật sư rõ ràng không hiểu được ý cô bé muốn nói là gì.

Rhyme cho là điều đó ít nhiều cũng đã khẳng định được quan điểm của cô.

44. Chương 44

Sáng sớm ngày thứ Tư, không khí mùa thu lạnh và trong như một tảng băng trong suốt.

Geneva mới đến thăm cha mình ở bệnh viện Columbia Presbyterian và đang trên đường trở về trường trung học Langston Hughes. Cô mới hoàn thành bài viết về tác phẩm *Home to Harlem*. Hóa ra đó không hề là một quyển sách tồi (mặc dù cô vẫn thích viết về Octavia Butler hơn; chà, bà ấy có thể viết rất hay!) và khá hài lòng với báo cáo của mình.

Dù vậy, một điều khá là tuyệt là Geneva đã viết về nó bằng một chiếc máy đánh chữ hiệu Toshiba mà Thom đã chỉ cho cô cách sử dụng ở phòng thí nghiệm của Rhyme. Ở trường, trong số máy tính ít ỏi sử dụng được lại luôn quá tải tới mức ta không thể dùng quá mười lăm phút một máy, chứ đừng nói là một mình sử dụng nó để viết cả một bài luận. Và để tìm ra các dữ liệu nghiên cứu, tất cả những gì cô phải làm là thu nhỏ thanh công cụ WordPerfect đi và truy cập vào mạng. Một phép màu. Hơn nữa, những gì mà cô có thể phải mất đến hai ngày để viết, cô hoàn thành chỉ trong vài giờ đồng hồ.

Băng qua phố, cô hướng về phía đường tắt xuyên qua sân trường Tiểu học PS 288, mà chỉ mất vài phút đi từ ga tàu Đại lộ 8 tới Langston Hughes. Hàng rào bằng sắt quanh sân trường đổ bóng lên mặt đường nhựa màu nâu. Cô gái mảnh khảnh lách một cách dễ dàng qua khoảng trống ở chiếc cổng, từ rất lâu rồi đã được chêm cho đủ rộng để một cậu nhóc và một quả bóng rổ chui vừa qua nó. Vẫn còn sớm, sân trường thì vắng vẻ.

Cô còn cách hơn ba mét tới cái sân thì nghe thấy tiếng gọi cất lên từ phía bên kia hàng rào.

“Này nhóc!”

Cô dừng lại.

Lakeesha đứng trên vỉa hè, diện chiếc quần màu xanh ôm sát, một chiếc áo cánh màu cam bó sát, nổi bật bộ ngực căng tròn, cặp sách lủng lẳng, các búi tóc và đồ trang sức lấp lánh dưới ánh mặt trời. Khuôn mặt cô vẫn toát ra vẻ ủ rũ giống như khi Geneva nhìn thấy tuần trước, khi cái mụ Frazier khốn nạn ấy cố gắng giết Geneva và cha cô bé. “Này, nhóc, cậu đã ở đâu vậy?”

Keesh nhìn ra ngoài một cách đầy nghi hoặc vào khoảng trống ở chỗ sợi xích; cô không bao giờ vừa để chui qua. “Lại đây nào.”

“Gặp ở trường đi.”

“Lúc này, tớ chỉ muốn nói chuyện giữa hai đứa thôi.”

Geneva ngập ngừng. Biểu lộ trên mặt người bạn nói ch

o cô biết rằng điều này quan trọng. Cô lách qua cánh cổng và bước tới phía người bạn to lớn. Họ bước đi chậm rãi, sát cạnh nhau.

“Cậu đã đi đâu vậy Keesh?”, Geneva cau mày. “Cậu bỏ học.”

“Mình cảm thấy không được tốt lắm.”

“Đến tháng à?”

“Không, không phải thế. Mẹ tớ gửi một bức thư.” Lakeesha nhìn quanh. “Cái gã kỳ lạ với cậu ngày hôm trước là ai thế?”

Cô mở miệng định nói dối nhưng thay vì thế lại nói: “Cha tớ đấy”.

“Không!”

“Thật”, Geneva nói.

“Ông ấy đang sống ở Chiago, hoặc gì đó. Cậu nói thể mà.”

“Mẹ tớ đã nói dối. Ông ấy đã vào tù. Ông ấy được thả ra một vài tháng trước, và đến đây tìm tớ.”

“Bây giờ ông ấy ở đâu?”

“Trong bệnh viện, ông ấy bị thương.”

“Bị đánh à?”

“Ừ. Nhưng ông ấy sẽ ổn thôi.”

“Cậu và ông ấy? Cậu vui chứ?”

“Có thể. Khó mà biết được ông ấy.”

“Chà, ông ấy đột nhiên xuất hiện - quả là một việc bất ngờ.”

“Đúng thế.”

Cuối cùng, cô gái to lớn bước chậm chậm. Rồi dừng lại. Geneva nhìn vào đôi mắt tránh né của bạn mình và nhìn thấy tay cô ấy biến mất vào trong túi, cầm lấy một cái gì đó.

Một sự do dự.

“Gì vậy?”, Geneva hỏi.

“Đây”, cô gái thì thầm thật nhanh, đưa tay lên và lao nó về phía trước. Trong những ngón tay của cô ấy, mà đầu ngón tay được sơn màu kẻ ca rô trắng đen, là một chiếc vòng bạc, một hình trái tim ở cuối sợi dây.

“Đó là...”, Geneva bắt đầu.

“Quà sinh nhật của cậu cho tớ tháng trước.”

“Cậu trả lại nó?”

“Tớ không thể giữ nó được, Gen. Dù sao thì cậu vẫn cần tiền. Cậu có thể mang nó đi cầm.”

“Đừng kỳ cục thế nào. Cứ như là những lời của Tiffany vậy.”

Những giọt nước mắt đang ngân ngấn bên trong đôi mắt của cô gái to lớn, phần đẹp nhất trên khuôn mặt cô. Tay cô chùng xuống. “Tuần sau tớ sẽ đi.”

“Đi? Đi đâu?”

“BK.”

“Brooklyn? Cả nhà ư? Với hai đứa sinh đôi?”

“Chúng nó sẽ không đi. Không ai trong nhà đi cả.” Đôi mắt cô bé quét xuống vĩa hè.

“Thế thì là chuyện gì vậy, Keesh?”

“Tớ sẽ kể cho cậu nghe chuyện gì đang xảy ra.”

“Tớ không hứng thú với kịch lắm”, Geneva ngắt lời. “Cậu đang nói gì vậy nào?”

“Kevin”, Lakeesha nói với một giọng sụt sịt.

“Kevin Cheany?”

Keesh gật đầu. “Tớ xin lỗi, Geneva. Chúng tớ yêu nhau rồi. Cậu ấy có chỗ ở tại đó. Tớ sẽ đi với cậu ấy.”

Cô ấy gật đầu. “Nghe nè, tớ không muốn điều đó xảy ra nhưng nó đã xảy ra rồi. Cậu phải hiểu cho tớ. Chúng tớ có tình yêu, cậu ấy và tớ. Nó không giống với những gì mà tớ từng cảm thấy. Tớ biết là cậu cũng thích cậu ấy. Cậu nói về cậu ấy suốt, nhìn cậu ấy hàng ngày. Cậu đã hạnh phúc biết bao khi được cậu ấy

đưa về nhà. Tớ biết tất cả những điều đó và vẫn xen vào. Ồ, tớ đã rất lo lắng, nghĩ tới việc phải nói cho cậu điều này.”

Geneva cảm thấy ớn lạnh, nhưng không hề liên quan tới tình cảm của cô dành cho Kevin, thứ đã biến mất ngay giây phút cậu ta lộ rõ bản chất của mình trong lớp học toán. Cô hỏi: “Cậu có bầu rồi, phải không?”

Cảm thấy không tốt lắm...

Keesh cúi gằm xuống và nhìn chằm chằm vào chiếc dây lưng lỏng.

Geneva nhắm mắt lại một chút. Rồi cô hỏi: “Bao lâu rồi?”

“Hai tháng.”

“Cậu cần phải có một bác sĩ ngay. Chúng ta sẽ tới một phòng khám tư, cậu và tớ. Tớ sẽ...”

Người bạn gái cau mày. “Tại sao tớ làm thế? Cứ như là tớ dựa vào đứa bé để bắt cậu ấy. Cậu ấy nói sẽ dùng bao nếu tớ nói thế nhưng cậu ấy thực sự muốn có con với tớ. Cậu ấy nói nó giống như là một phần của cả hai đứa.”

“Đó là lời nói dối, Keesh. Cậu ta đang lợi dụng cậu đấy.”

Bạn của cô nhìn chằm chằm, “Ồ, thật là hay đấy.”

“Không, đó là sự thật. Cậu ta đang đóng kịch thôi. Cậu ta đang lợi dụng cậu đấy.” Geneva đã tự hỏi xem liệu cậu ta muốn gì từ cô ấy. Nó không thể là điểm chắc được, không phải với trường hợp của Keesh. Có lẽ là tiền. Mọi người trong trường đều biết cô ấy làm việc nặng nhọc với hai công việc và dành dụm những gì mình kiếm được. Cha mẹ của cô ấy cũng có thu nhập. Mẹ của cô ấy đã từng làm việc ở Dịch vụ Bưu chính nhiều năm; cha thì làm việc cho kênh truyền thông CBS và cứ cách một đêm thì lại làm cho khách sạn Sheraton. Em trai của cô ấy cũng có công việc. Kevin hẳn đã để ý tới số tiền của cả gia đình vất vả dành dụm.

“Cậu có đưa cho cậu ta vay chút tiền nào không thế?”, Geneva hỏi.

Cô bạn cúi xuống. Không nói gì cả. Có nghĩa là có. “Chúng ta có thỏa thuận, cậu và tớ. Chúng ta sẽ tốt nghiệp, và vào đại học.”

Lakeesha lau những giọt nước mắt trên khuôn mặt tròn xoe của mình với bàn tay mũm mĩm. “Ồ, Geneva, với cậu là chuyện nhỏ. Cậu đang sống trên hành tinh nào vậy? Chúng ta nói chuyện, cậu và tớ, về trường đại học và những công việc tuyệt vời đầy màu sắc nhưng với tớ, chỉ là nói chuyện mà thôi. Cậu viết những bài luận như chẳng có gì và tham gia các kỳ kiểm tra và trở thành số một trên mọi môn học. Cậu biết thừa là tớ không được như vậy.”

“Cậu cũng sẽ trở thành một người thành công, với công việc kinh doanh của mình. Nhớ không nào? Tớ có thể sẽ trở thành một giáo sư nghèo khổ ở một nơi nào đó, ăn cá ngừ đóng hộp và bánh Cheerios cho bữa tối. Cậu là người duy nhất sẽ thực sự trở nên tuyệt vời. Cửa hàng của cậu sẽ thế nào? Chương trình TV của cậu? Câu lạc bộ của cậu?”

Keesh lắc đầu, những búi tóc bung ra. “Chết tiệt, nhóc, đó là những lời của cậu. Tớ sẽ không đi đâu cả. Những gì tốt nhất tớ có thể hy vọng là những gì tớ đang làm lúc này - phục vụ salad và burger ở T.G.I vào các ngày thứ Sáu. Hoặc tết tóc và làm các phụ kiện nối tóc cho đến khi chúng lỗi mốt. Mà cậu bảo với tớ là nó có thể là sáu tháng.”

Geneva mỉm cười một cách yếu ớt. “Chúng ta vẫn thường nói là kiểu đầu xù sẽ quay trở lại cơ mà.”

Keesh cười. “Đúng thế. Tất cả những gì mà cậu cần cho kiểu đầu đấy là một cái lược và lọ xịt tóc; chỉ cần đến nhà tạo mẫu nghiệp dư như tớ.” Cô xoay những lọn tóc giả màu vàng quanh ngón tay mình rồi hạ thấp tay xuống, nụ cười nhạt nhòa đi trên khuôn mặt. “Kết cục của chính mình sẽ như là một chiếc túi cũ nát đã hết giá trị sử dụng. Chỉ có một cách để tớ vượt qua là có một người đàn ông bên cạnh.”

“Giờ thì ai đang tự nói xấu về cô ấy vậy? Kevin đã cho cậu ăn cái quỷ quái gì vậy? Cậu chưa bao giờ nói chuyện kiểu này cả.”

“Cậu ấy chăm sóc cho tớ. Cậu ấy đang tìm kiếm một công việc và hứa với tớ sẽ chăm sóc đứa bé. Cậu ấy khác. Cậu ấy không giống như những thằng nhóc vẫn chơi bởi cùng.”

“Đúng, cậu ta như vậy. Cậu không thể từ bỏ, Keesh. Đừng làm điều đó! Ít nhất cũng phải ở lại trường. Cậu thực sự muốn đứa bé, được thôi, nhưng hãy ở lại trường. Cậu có thể

“Cậu không phải là mẹ tớ, nhóc.” Keesh ngắt lời. “Tớ biết mình phải làm gì.” Nỗi tức giận lóe lên trong đôi mắt cô bé - hơn tất cả nỗi đau tan nát trong trái tim bởi nó rất giống với sự tức giận hiện lên trên khuôn mặt tròn trịa của cô gái khi bước lên bảo vệ Geneva khỏi những đứa con gái của trường Delano hay St. Nicholas săn đuổi cô bé trên phố.

Đẩy nó, đánh nó đi, đánh chết con chó cái...

Rồi Keesh sụt sùi nói: “Điều mà cậu ấy nói với tớ là, tớ không thể chơi với cậu được nữa”.

“Cậu không thể...”

“Kevin nói cậu đã đối xử không tốt với cậu ấy ở trường.”

“Đối xử không tốt?” Một tiếng cười lạnh lùng. “Cậu ta muốn tớ giúp cậu ta gian lận. Tớ nói không.”

“Tớ nói với cậu ấy rằng đó là điều vớ vẩn, cái điều cậu ấy nói, tớ và cậu đã trở nên thân thiết và mọi điều. Nhưng cậu ấy không hề nghe. Cậu ấy nói tớ không thể gặp cậu thêm được nữa.”

“Vậy cậu chọn cậu ta?”, Geneva nói.

“Tớ không có lựa chọn.” Cô gái to lớn nhìn xuống dưới. “Tớ không thể lấy bất cứ món quà nào từ cậu. Đây.” Cô cúi chiếc vòng cổ vào tay Geneva và thả nó ra thật nhanh, như thể đang bỏ một chiếc chảo nóng bỏng. Nó rơi xuống cái vỉa hè bẩn thỉu.

“Đừng làm thế Keesh. Làm ơn mà!”

Geneva cố tóm lại những ngón tay của cô chỉ nắm được cái không khí lạnh mùa thu.

45. Chương 45

Mười ngày sau cuộc họp với chủ tịch ngân hàng Sanford Gregory Hanson và luật sư của ông, Lincoln Rhyme đang có một cuộc trò chuyện qua điện thoại với chàng trai trẻ Ron Pulaski, vẫn đang được nghỉ để chữa trị nhưng sẽ trở lại công việc trong khoảng một tháng. Ký ức đã quay lại và cậu ấy đang giúp họ củng cố vụ án chống lại Thompson Boyd: “Vậy anh sẽ đi đến bữa tiệc lễ Halloween chứ?”, Pulaski hỏi. Rồi dừng lại và nói thật nhanh: “Hay gì cũng được”. Hai từ cuối cùng để lấp liếm sự lờ lờ do việc gợi ý cho một người tàn tật hoàn toàn nên tham gia các buổi tiệc.

Nhưng Rhyme đã khiến cậu ta cảm thấy thoải mái hơn khi nói: “Tất nhiên là tôi sẽ đến. Giống như Glenn Cuimingham”.

Sachs bụm miệng cười.

“Thật chứ?”, chàng cảnh sát trẻ nói. “Ừm, chính xác thì đó là ai vậy?”

“Tại sao cậu không tra cứu đi, chàng cảnh sát?”

“Vâng, thưa ngài. Tôi sẽ làm.”

Rhyme ngắt máy và nhìn vào tấm bảng bằng chứng, ở trên cùng được dán lá bài thứ mười hai, Người treo ngược.

Anh nhìn chăm chăm vào lá bài cho đến lúc chuông cửa reo.

Hắn là Lon Sellito. Anh được về sớm sau thời gian chữa trị. Anh ấy cũng đã không còn chà cái vết máu vô hình và đang tập luyện vẽ nhanh hình nhóc Billy - mà vẫn chưa có ai giải thích cho Rhyme. Anh đã thử hỏi Sachs về điều đó nhưng cô không thể, hoặc sẽ không nói nhiều. Như thế cũng tốt. Đôi khi, Rhyme tin tưởng một cách kiên định rằng, ta chỉ đơn giản không cần phải biết hết mọi tình tiết.

Nhưng hóa ra, người khách đến lúc này, không phải là vị thanh tra nhàu nhĩ.

Rhyme nhìn ra cửa và thấy Geneva Settle đang đứng ở đó, nghiêng người dựa vào chiếc cặp sách. “Mời vào”, anh nói.

Sachs chào và bỏ chiếc kính bảo vệ đang đeo từ lúc phải điền vào các bản chứng thực bằng chứng hợp pháp cho các mẫu máu lấy được từ hiện trường vụ án mạng buổi sáng hôm đó.

Wesley Goades đã có đầy đủ các giấy tờ và thủ tục pháp lý cần thiết để lập hồ sơ vụ kiện chống lại ngân hàng Sanford đồng thời báo cho Geneva rằng cô có thể yên tâm chờ một lời đề nghị thực tế hơn từ Hanson vào ngày thứ Hai. Nếu không, t

hì vị luật sư ‘tên lửa hành trình pháp lý’ cảnh báo đối thủ của mình rằng ông ta sẽ đưa hồ sơ kiện lên tòa án ngay ngày hôm sau. Một buổi họp báo sẽ đi kèm theo với sự kiện (Ý kiến của Goades là một sự quảng bá rầm rộ về những điều xấu sẽ tồn tại lâu đáng kể hơn so với ‘mười phút xấu xí’).

Rhyme nh. Một chiếc áo ấm không hợp thời làm cho cả một tay xã hội đen cũng phải đổ mồ hôi và chiếc mũ trùm trở nên không phù hợp, cô bé mặc một chiếc quần jeans màu xanh và chiếc áo phông không tay với dòng chữ Guess! lấp lánh chạy ngang trên ngực. Nhìn cô bé béo hơn một chút, tóc dài hơn. Cô thậm chí còn trang điểm chút ít (Rhyme đã tự hỏi cái gì ở trong chiếc túi mà Thom đã đưa cho cô một cách đầy bí mật vào ngày hôm đó). Nhìn cô bé khá ổn.

Cuộc sống của Geneva đã có được sự ổn định nhất định. Jax Jackson đã được ra viện và đang chạy vật lý trị liệu. Nhờ có sự tác động từ Sellito, anh ta đã chính thức thuộc sự quản lý của cơ quan chức trách ở New York. Geneva đang sống trong căn hộ nhỏ của Thom ở Harlem, một sự thỏa thuận không đến nỗi khốc liệt như cô dự đoán (cô bé đã thừa nhận là không phải vì Rhyme hay Roland Bell mà là vì Thom - người đã giúp đỡ và mời cô bé đến ngôi nhà của mình thường xuyên để dạy nấu ăn, xem TV, tranh cãi về sách vở và chính trị, không

có gì trong số này mà Rhyme thấy thích thú cả). Ngay khi họ có thể tậu được một căn nhà lớn hơn, cô và cha của mình sẽ mời bà cô Lilly đến ở cùng họ.

Cô bé đã bỏ công việc ở chỗ McHash và được về làm việc cùng với Wesley Goades với vai trò một người nghiên cứu và trợ lý hợp pháp. Cô cũng giúp ông dựng quỹ Charles Singleton, sẽ đưa tiền bồi thường tới những người thừa kế của người cựu nô lệ. Sự mong muốn rời khỏi thành phố ngay cơ hội đầu tiên để sống ở London hoặc Rome không hề giảm đi, nhưng những vụ việc mà Rhyme nghe lỏm được khi cô nói một cách say mê về tất cả những gì có vẻ như liên quan đến người dân của Harlem, những người đã bị phân biệt đối xử bởi họ là người da đen, người Mỹ Latin, theo đạo Hồi, phụ nữ hay người nghèo.

Geneva cũng tham gia vào một vài kế hoạch mà cô cho đó là “cứu lấy bạn gái của mình”, cũng không đề cập đến với anh; người cổ vấn đưa ra lời khuyên cho sự nỗ lực đặc biệt này có vẻ như là Amelia Sachs.

“Cháu muốn cho chú xem một thứ.” Cô bé giơ lên một tờ giấy ngả vàng có chứa một vài đoạn văn bằng chữ viết tay mà Rhyme ngay lập tức nhận ra đó là của Charles Singleton.

“Một lá thư khác à?”, Sachs hỏi.

Geneva gật đầu. Cô đang cầm lá thư một cách rất cẩn thận.

“Bà Lilly nghe từ một người họ hàng của nhà cháu ở Madison. Ông ấy gửi tới một vài thứ mà ông ấy tìm thấy trong tầng hầm nhà mình. Một cái đánh dấu trang của Charles, một cặp kính. Và hàng tá những lá thư khác. Đây là 1 muốn đưa cho chú xem.” Với đôi mắt tươi cười rạng rỡ, cô nói thêm: “Nó được viết vào năm 1875, sau khi ông ấy ra tù”.

“Hãy xem nào”, Rhyme nói.

Sachs đưa lá thư vào máy scan và một lát sau bức ảnh đã xuất hiện trên vài màn hình máy tính quanh phòng thí nghiệm. Sachs bước tới bên cạnh Rhyme, đưa tay ôm vòng quanh vai anh. Họ nhìn vào màn hình.

Violet yêu thương của anh,

Anh tin rằng em đang tận hưởng cuộc sống bên cạnh chị gái mình, Joshua và Elizabeth thì vui thích được chơi đùa cùng anh chị em họ của chúng nó. Nhóc Frederick - mới chín tuổi khi anh nhìn thấy nó lần gần đây nhất - giờ đã cao bằng bố của nó, quả là một điều mà anh khó có thể tưởng tượng được.

Tất cả đều ổn trong căn nhà của chúng ta, anh rất vui được báo với em điều đó. James và anh cắt băng trên bờ sông vào các buổi sáng và xây ngôi nhà bằng, rồi đổ mùn gỗ lên đó. Sau đó bọn anh đi lên phía bắc dòng sông gần bốn cây số, qua những đồng tuyết to lớn để nhìn vườn cây đang được rao bán. Giá thì đắt nhưng anh tin rằng người bán sẽ đáp lại một cách thân thiện với lời đề nghị hoàn giá của anh. Ông ta thực sự nghi ngờ việc bán cho một người da đen, nhưng khi anh hé lộ ra rằng mình có thể trả ông ta bằng những đồng tiền xanh, sự lo ngại của ông ấy hoàn toàn biến mất.

Trả bằng tiền mặt quả là một cách tốt.

Em có hồ hởi giống như anh không khi đọc về Luật Quyền dân sự có hiệu lực ngày hôm qua? Em có thấy những điểm nổi bật không? Luật bảo đảm cho tất cả mọi người với mọi màu da có quyền bình đẳng ở tất cả các nhà trọ, các phương tiện vận chuyển công cộng, nhà hát và những thứ như vậy. Quả là một ngày quan trọng cho Sự nghiệp của chúng ta! Đây chính là sự ban hành luật mà anh trao đổi với Charles Sumner và Benjamin Butler suốt năm ngoái, và anh tin rằng một vài ý tưởng của anh đã giúp họ trong văn bản quan trọng này.

Em có thể tưởng tượng rằng, cái tin này mang lại cho anh lý do để phải suy nghĩ, nghĩ lại những sự kiện khủng khiếp trong bảy năm qua, bị cướp đi vườn cây của chúng ta ở Galloxx Heights và bị nhét vào ngục trong những điều kiện khốn cùng.

Và giờ đây, suy tưởng về tin này từ Washington

D.c. khi anh đang ngồi trước ngọn lửa trong ngôi nhà của chúng ta, anh cảm thấy như những ký ức khủng khiếp ấy tất cả đến từ một thế giới hoàn toàn khác. Phần lớn giống hệt với những ngày chiến tranh đẫm máu ở Cuộc chiến hoặc những năm tháng khốn khó bị làm nô lệ khổ sai ở Virginia vẫn luôn hiện ra trong ký ức nhưng - bằng một cách nào đó - cũng sẽ biến mất như những hình ảnh lộn xộn trong một cơn ác mộng khó nhớ.

Có lẽ tận sâu trong trái tim của chúng ta có một chỗ giấu cho cả nỗi buồn chán và hy vọng, và khi chỗ sâu thẳm ấy được lấp đầy bởi một thứ, thì điều còn lại sẽ không hề ở trong đó mà chỉ là ký ức mờ ảo không rõ ràng của cái còn lại. Và đêm nay trái tim anh được lấp đầy hy vọng.

Em hãy nhớ lại xem, trong nhiều năm trời anh thề nguyện rằng mình sẽ làm bất cứ gì có thể để xóa đi nỗi nhục bị coi như là ba phần năm một con người. Khi nhìn thấy ánh mắt mà anh vẫn nhận được, bởi vì màu da của anh, và hành động của những người khác đối với anh và những người như chúng ta, anh nghĩ rằng mình vẫn chưa được nhìn như một con người toàn diện. Nhưng anh dám nói rằng chúng ta đang tiến tới vị trí mà anh được nhìn nhận như chín phần mười một con người (James cười một cách đầy sáng khoái khi anh nói với anh ấy điều này trong bữa ăn nhẹ tối nay), và anh tiếp tục có niềm tin rằng chúng ta sẽ được nhìn nhận như một con người đầy đủ trong suốt cuộc đời mình, hoặc, ít nhất là trong cuộc đời của Joshua và Elizabeth.

Lúc này đây, tình yêu của anh, anh phải nói tạm biệt với em rồi và chuẩn bị bài học cho sinh viên của anh ngày mai.

Chúc em và các con ngủ ngon và những giấc mơ ngọt ngào, em yêu. Anh sống vì ngày em quay về. Charles của em

Đã sửa bởi nguyennnguyen lúc 09.03.2015, 21:57.

Croton on Hudson,

Mùng 2 tháng 3 năm 1875

Rhyme nói: “Nghe như là Douglass và những người khác đã tha thứ cho ông ấy vì tội cướp tài sản. Hoặc quyết định tin rằng ông ấy không hề làm điều đó”.

Sachs hỏi: “Ông ấy đang nói đến luật nào ấy nhỉ?”.

“Bộ luật Dân quyền năm 1875”, Geneva nói. “Nó cấm sự phân biệt chủng tộc tại các khách sạn, nhà hàng, tàu, rạp hát - bất cứ một nơi công cộng nào”. Cô bé lắc lắc đầu mình. “Dù vậy, nó không tồn tại lâu. Tòa án Tối cao đã gỡ bỏ nó trong những năm 1880 vì trái với hiến pháp. Không có một phần nhỏ nào của các quyền dân sự trong lập pháp liên bang được ban hành sau đó trong vòng hơn năm mươi năm.”

Sachs trầm ngâm: “Tôi tự hỏi liệu Charles có sống lâu để biết rằng cái luật ấy đã bị bỏ xuống, ông ấy hẳn là sẽ không thích điều đó”.

Nhún vai, Geneva đáp lời: “Cháu không nghĩ rằng nó là vấn đề. Ông ấy sẽ nghĩ tới điều đó như là một khó khăn tạm thời”.

“Niềm hy vọng đẩy lùi nỗi đau”, Rhyme nói.

“Đúng vậy”, Geneva nói. Rồi cô nhìn vào chiếc đồng hồ Swatch cũ kỹ của mình. “Cháu cần phải quay lại làm việc. Chỗ ông Wesley Goades... Cháu phải nói là, ông ấy thật kỳ quặc. Không bao giờ cười, không bao giờ nhìn vào mình... Và, rõ là, đôi khi chúng ta có thể tĩa bớt râu cơ mà.”

Nằm trên giường đêm hôm đó, trong căn phòng tối, Rhyme và Sachs đang ngắm mặt trăng, cái lưới liềm thật mảnh, đứng ra nó phải là màu trắng lạnh nhưng qua bầu khí quyển, nó vàng rực như mặt trời.

Đôi khi, vào những khoảnh khắc như thế này, họ nói chuyện, đôi khi không. Đêm nay họ yên lặng.

Có chuyển động nhỏ ở rìa bên ngoài cửa sổ - từ những con chim cất làm tổ ở đó. Một cặp chim trống và mái với hai con chim non mới ra ràng. Có lúc đột ngột một người khách đến thăm Rhyme có thể nhìn vào cái tổ và hỏi liệu không biết chúng có tên không.

“Chúng tôi có một thỏa thuận”, anh lầm bầm. “Chúng không đặt tên tôi. Tôi không đặt tên chúng.” Đầu của con chim cất ngẩng lên và nhìn sang bên, cắt qua tầm nhìn của họ tới mặt trăng. Chuyển động và mặt cắt của con chim cho thấy một vài lý do, sự thông thái, cả nguy hiểm nữa - những con chim ưng trưởng thành không có kẻ thù ăn thịt trong tự nhiên và chúng tấn công con mồi từ trên cao với tốc độ lên tới hơn ba trăm kilômet một giờ. Nhưng lúc này con chim đang cúi xuống hiền lành và đứng yên. Các sinh vật đều làm việc vào ban ngày và ngủ vào ban đêm.

“Đang nghĩ gì à?”, Sachs hỏi.

“Hãy đi nghe nhạc ngày mai. Có một buổi biểu diễn hoặc bất cứ gì mà em gọi là một buổi hòa nhạc chiều, ở Lincoln Center.”

“Ai chơi?”

“The Beatles, anh nghĩ thế. Hoặc Elton John và Maria Callas cùng diễn. Anh không quan tâm lắm. Anh thực sự chỉ muốn làm bề mặt mọi người bằng việc lặn chiếc xe về phía họ... Quan điểm của anh là vấn đề không phải là ai đang chơi. Anh muốn đứng dậy. Điều đó không thường xuyên xảy ra, em biết đấy.”

biết.” Sachs nghiêng người và hôn anh. “Chắc chắn rồi, hãy đi.”

Anh xoay đầu mình và hôn lên tóc cô. Cô chùng xuống dựa vào anh. Rhyme nắm chặt những ngón tay quanh bàn tay cô.

Cô nắm lại.

“Anh biết chúng ta có thể làm gì không?”, Sachs hỏi, có một chút gợi ý trong giọng nói. “Hãy lén mang vào một chút rượu và đồ ăn. Patê và bơ. Bánh mì Pháp.”

“Em có thể mua đồ ăn ở đó. Anh nhớ thế. Nhưng rượu scotch thì thật là khủng khiếp. Và nó tốn kha khá tiền. Chúng ta có thể làm là...”

“Rhyme!”, Sachs ngồi thẳng dậy trên giường, nói.

“Có chuyện gì vậy?”, anh hỏi.

“Anh đã làm gì?”

“Anh đang đồng ý rằng chúng ta sẽ lên đưa một ít đồ ăn vào...”

“Đừng có chối vòng quanh.” Sachs lần mò công tắc bật đèn, nhấn nó. Trong chiếc quần đùi lụa màu đen và áo phông màu nâu, tóc hất lệch sang một bên, và đôi mắt mở to, nhìn cô giống như một sinh viên đại học mới chợt nhớ ra là mình có một bài kiểm tra vào tám giờ sáng ngày hôm sau.

Rhyme nheo mắt khi nhìn vào ánh sáng. “Thật là chói mắt quá. Có cần phải bật đèn không?”

Cô đang nhìn chằm chằm vào cái giường.

“Tay... tay của anh. Anh cử động nó.”

“Anh nghĩ là mình đã làm thế.”

“Tay phải của anh! Anh chưa bao giờ có cử động nào ở bàn tay phải cả.”

“Buồn cười, đúng không?”

“Anh đã trì hoãn bài kiểm tra, nhưng anh đã biết là mình có thể làm điều đó rồi?”

“Anh không hề biết là mình có thể. Cho đến lúc này. Anh đã không định thử - anh sợ là nó không có kết quả. Nên anh đang định bỏ tất cả các bài tập, ngừng lo lắng về nó.” Anh nhún vai. “Nhưng anh đã thay đổi quyết định. Anh muốn thử. Nhưng chỉ giữa chúng ta, không có máy móc hay bác sĩ nào xung quanh

Không phải một mình anh nữa, Rhyme thêm vào, dù không nói ra.

“Và anh không nói với em!”, cô ôm chầm lấy cánh tay anh.

“Anh không cảm thấy điều đó.”

Họ cười.

“Thật là kinh ngạc, Rhyme”, cô thì thầm và ôm anh thật chặt. “Anh đã làm được. Anh đã thật sự làm được.”

“Anh sẽ thử lại lần nữa”, Rhyme nhìn Sachs, rồi nhìn vào bàn tay mình.

Anh dừng lại một chút, rồi chuyển đi một luồng năng lượng từ tâm trí xuyên qua các dây thần kinh tới bàn tay phải của mình. Mỗi ngón tay nắm lại một chút. Và rồi, một cách vụng về giống như là một chú ngựa non mới đẻ, bàn tay của anh xoay qua nếp gấp sâu năm centimet của chấn mà như vượt qua miệng vực Grand Canyon^[1] và đặt xuống một cách vững chắc lên cổ tay của Sachs. Anh nắm ngón cái và ngón trỏ quanh cổ tay cô.

[1] Một khe núi dốc được tạo ra bởi sông Colorado Arizona. Dài 446 km, rộng từ 0,4 - 24 km và sâu hơn 1,6 km.

Những giọt nước trong đôi mắt, cô cười với niềm vui sướng.

“Như thế thì sao nào”, anh nói.

“Vậy anh sẽ vẫn tiếp tục luyện tập?”

Anh gật đầu.

“Chúng ta sẽ tham gia bài kiểm tra với bác sĩ Sherman chứ?”, cô hỏi.

“Anh cho rằng ta có thể. Trừ khi có một điều gì khác xảy ra. Gần đây chúng ta đã quá bận rộn.”

“Chúng ta sẽ lên lịch cuộc kiểm tra”, cô nói một cách quả quyết.

Cô tắt đèn đi và nằm gần bên anh. Anh có thể cảm nhận, dù chưa phải là cảm giác thấy.

Trong sự im lặng, Rhyme nhìn chăm chăm lên trần nhà. Đến khi hơi thở của Sachs đều đều, anh cau mày, nhận thấy một cảm giác kỳ lạ nhói lên trong ngực, nơi mà đáng ra chẳng có cảm giác nào cả. Lúc đầu, anh cứ tưởng đó một cơn đau giả. Rồi, cảnh giác, anh tự hỏi liệu có phải nó là bắt đầu của hiện tượng tăng phản xạ tự phát[2], hoặc tồi tệ hơn chẳng. Nhưng rồi anh nhận ra rằng không phải, đó là một điều khác hoàn toàn, một cái gì đó không bắt nguồn từ thần kinh hay cơ bắp hay là các bộ phận bên trong. Một nhà khoa học luôn luôn phân tích cảm giác theo kinh nghiệm và nhận ra rằng, nó giống với những gì mà anh cảm thấy khi nhìn thấy Geneva Settle ngẩng cao lên nhìn xuống vị luật sư của ngân hàng. Giống như khi anh đọc về nhiệm vụ của Charles Singleton tìm ra công lý ở quán rượu Potter's Field trong đêm kinh hoàng ấy vào tháng Bảy cách đây hàng trăm năm trước, hoặc là về lòng nhiệt huyết của ông ấy đối với việc thực hiện quyền dân sự.

[2] Một bệnh lý có khả năng đe dọa đến tính mạng.

Rồi, bất ngờ, Rhyme đã hiểu ra rằng mình đang cảm thấy điều gì. Đó chỉ đơn giản là niềm tự hào. Giống như anh đã tự hào về Geneva và người tổ tiên của cô bé, anh đã tự hào với thành tích của chính mình. Bằng việc gắn chặt với những bài tập và đêm nay đây tự kiểm tra chính mình, Lincoln Rhyme đã đối đầu với điều không thể, làm anh khiếp sợ. Dù cho anh có tìm lại được bất cứ vận động nào hay không đều không liên quan; cái cảm giác đến từ điều mà anh đã giành được không thể chối cãi: sự trọn vẹn, cũng giống như sự trọn vẹn mà Charles đã viết về nó. Anh nhận ra rằng không gì khác - không phải các nhà chính trị hay các công dân hay cái thân thể rắc rối của chúng ta - có thể khiến chúng ta thành ba phần năm một con người; nó chỉ đơn giản là phán quyết trong lòng chúng ta tự nhìn nhận mình như là một con người hoàn thiện hay chỉ là một phần con người và từ đó sống cuộc đời của mình.

Anh tin rằng, tất cả mọi thứ đều có thể không phải đúng với logic vốn có của nó, cũng giống như cử động nhỏ mà anh tìm lại được ở bàn tay mình. Nhưng điều đó không quan trọng. Anh nghĩ về công việc của mình: làm thế nào mà một mẫu sơn vụn có thể giúp tìm ra chiếc xe, rồi từ chiếc xe đó đưa tới điểm đỗ xe, nơi xuất hiện một dấu chân mờ nhạt dẫn tới một cánh cửa mà từ đó có thể tìm ra một sợi vải của một chiếc áo được vớt ra với dấu tay trên nút áo - bề mặt duy nhất mà hung thủ quên không lau sạch.

Ngày hôm sau, đội đặc nhiệm gõ cửa nhà hân.

Và công lý được mang đến, nạn nhân được cứu, gia đình đoàn tụ. Tất cả đều nhờ vào một mẫu sơn nhỏ xíu.

Những chiến thắng nhỏ bé - đó là những gì mà bác sĩ Sherman đã nói. Những chiến thắng nhỏ bé... Đôi khi đó là tất cả những gì mà ta có thể hy vọng tới, Lincoln Rhyme trầm ngâm suy nghĩ, khi cảm thấy cơn buồn ngủ đang ối.

Nhưng đôi khi chúng là tất cả những gì mà ta cần.

LỜI TÁC GIẢ

Các tác giả sẽ không thể thành công nếu như không có những người bạn. người anh em tuyệt vời bên họ. và tôi vô cùng may mắn khi có được những người bạn thực sự tuyệt vời như vậy quanh mình: Will và Tina Anderson, Alex Bonham, Louise Burke, Robby Burroughs, Britt Carlson, Jane Davis, Julie Reece Deaver, Jamie Hodder-Williams, John Gilstrap, Cathy Gleason, Carolyn Mays, Emma Longhurst, Diana Mackay, Tara Parsons, Carolyn Reidy. David Rosenthal, Marysue Rucci, Deborah Schenider, Vivienne Schuster, Brigitte Smith và Kevin Smith.

Như mọi khi, tôi xin được gửi tới Madelyn Warcholik lời cảm ơn đặc biệt.

Với độc giả đang tìm kiếm trong những cuốn sách du lịch với hy vọng tìm hiểu về Gallows Heights, các bạn có thể thôi không cần tìm kiếm nữa. Bức tranh cuộc sống về Manhattan thế kỷ

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/la-bai-thu-xii>